CIVIC

Hướng dẫn sử dụng

Khi đọc tài liệu hướng dẫn này, bạn sẽ thấy thông tin đứng sau biểu tượng CHÚ Ý. Thông tin này giúp bạn tránh gây hư hỏng cho xe, tài sản khác, hoặc môi trường.

Biểu tượng ⚠⚠📖 trên các nhãn được dán vào xe để nhắc bạn đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng giúp vận hành xe đúng cách và an toàn.

Biểu tượng ⚠⚠ được mã hóa bằng màu để biểu thị "nguy hiểm" (màu đỏ), "cảnh báo" (màu cam), hoặc "thận trọng" (màu hổ phách).

➔ **Nhãn an toàn** Tr. 94

Một số lưu ý về an toàn

An toàn của bạn, an toàn của mọi người có ý nghĩa rất quan trọng và việc vận hành xe an toàn là trách nhiệm của bạn.

Để giúp bạn có những hiểu biết về an toàn, chúng tôi cung cấp các quy trình vận hành và thông tin khác trên nhãn và trong tài liệu hướng dẫn này. Thông tin này sẽ cảnh báo bạn về những nguy cơ rủi ro có thể xảy ra khiến bạn hoặc những người khác bị thương.

Tất nhiên, các thông tin này khó có thể cảnh báo hết được về tất cả những tình huống rủi ro có thể xảy ra khi vận hành hoặc bảo dưỡng xe. Bạn phải sử dụng khả năng phán đoán của chính bản thân mình.

Bạn sẽ thấy các thông tin an toàn quan trọng này dưới những hình thức khác nhau, bao gồm:

- **Nhãn an toàn** - trên xe.
- **Cảnh báo an toàn** - được dán phía sau biểu tượng cảnh báo an toàn ⚠ và một trong ba cụm từ sau: **NGUY HIỂM**, **CẢNH BÁO**, hoặc **THẬN TRỌNG**.
  Những cụm từ này có nghĩa:

⚠NGUY HIỂM	Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.
⚠CẢNH BÁO	Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.
⚠⚠CẢNH BÁO	Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.
⚠THẬN TRỌNG	Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.

- **Đề mục an toàn** - chẳng hạn như những Chú ý quan trọng về an toàn.
- **Phần hướng dẫn an toàn** - chẳng hạn như Lái xe an toàn.
- **Hướng dẫn** - cách sử dụng xe đúng cách và an toàn.

Cuốn sách này bao gồm thông tin quan trọng về an toàn - hãy đọc kỹ.

Thiết bị ghi nhận dữ liệu sự cố

Xe của bạn được trang bị một số thiết bị thường gọi là Thiết bị ghi nhận dữ liệu sự cố. Các thiết bị này ghi lại những dạng dữ liệu thời gian thực khác nhau của xe như sự cố nổ túi khí SRS và lỗi xảy ra tại các bộ phận của hệ thống SRS.

Các dữ liệu này thuộc về chủ xe và không ai có thể truy cập trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc sự cho phép của chủ xe. Tuy nhiên, Honda, các đại lý Honda ủy quyền và thợ sửa chữa, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được Honda ủy quyền có thể truy cập dữ liệu này vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Thiết bị ghi chẩn đoán dịch vụ

Xe của bạn được trang bị các thiết bị liên quan đến dịch vụ. Những thiết bị này ghi lại các thông tin hoạt động của cơ cấu hệ thống truyền động và điều kiện lái xe. Kỹ thuật viên có thể dùng dữ liệu này trong việc chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng xe. Không ai có thể truy cập dữ liệu này trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên, Honda, các đại lý Honda ủy quyền và thợ sửa chữa, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được Honda ủy quyền có thể truy cập dữ liệu này vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Điều khoản và điều kiện cập nhật hệ thống*

Điều khoản chung

Xe của bạn được trang bị một ứng dụng cho phép Màn hình giải trí của xe tự động tìm kiếm các bản cập nhật phần mềm của Honda dành riêng cho Màn hình giải trí và những thiết bị được kết nối với hệ thống (ban đầu, quá trình tìm kiếm được thực hiện mỗi tuần qua Wi-Fi hoặc bốn (4) tuần một lần qua Bộ điều khiển viễn thông (TCU)*, tần suất truy vấn có thể nhiều hơn hoặc ít hơn do sự cố Internet, số lần thử lại, thao tác trực tiếp của người dùng, thông báo đẩy WAP từ máy chủ hoặc thay đổi chính sách truy vấn trên máy chủ Honda). Ứng dụng này sẽ định kỳ truyền đến máy chủ của chúng tôi một số thông tin về xe và thiết bị (Số nhận dạng xe (VIN), Số nhận dạng loại xe (MT), Mã linh kiện phần cứng và phần mềm, Số sê-ri, Phiên bản phần mềm, ngôn ngữ ưu tiên, địa chỉ Giao thức Internet (IP), Nhật ký giao dịch (xem cảnh báo hoặc bản cập nhật, tải xuống và cài đặt bản cập nhật, trạng thái phần mềm), v.v.). Khi ứng dụng phát hiện bản cập nhật từ máy chủ, ban đầu ứng dụng sẽ yêu cầu bạn cho phép tải xuống và cài đặt bản cập nhật. Bạn có thể chọn tự động tải xuống và cài đặt các bản cập nhật này trong menu cài đặt hoặc chọn cập nhật hệ thống theo cách thủ công.

Khi Màn hình giải trí của xe tìm kiếm bản cập nhật hoặc cảnh báo trên máy chủ của chúng tôi, chúng tôi sẽ tự động cho phép bạn cập nhật thiết bị hoặc truyền trực tiếp bản cập nhật hoặc cảnh báo đến Màn hình giải trí. Nhật ký cài đặt các bản cập nhật hoặc cảnh báo cũng sẽ được lưu lại trên máy chủ.

Dữ liệu cá nhân

Nếu thông tin trên được truyền đến hệ thống của Honda và được xem là thông tin cá nhân tại khu vực của bạn, xin lưu ý rằng thông tin này sẽ được xử lý nghiêm ngặt theo các quy tắc và quy định được nêu trong thông báo này cũng như luật bảo vệ dữ liệu hiện hành.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Những điều khoản trong thông báo về quyền riêng tư của Honda được dẫn chiếu và cấu thành một phần của các điều khoản này, đồng thời bạn phải tuân thủ thông báo về quyền riêng tư khi sử dụng các bản cập nhật hệ thống. Thông báo về quyền riêng tư của Honda cung cấp thông tin về cách Honda và bất kỳ bên thứ ba nào được nêu tên sẽ xử lý dữ liệu cá nhân do Honda thu thập được từ khách hàng hoặc khách hàng cung cấp cho Honda thông qua ứng dụng.
Hãy truy cập website của Honda để biết thêm thông tin chi tiết.

Honda thu thập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu cá nhân của khách hàng vì những lý do dưới đây:

- cung cấp các bản cập nhật hệ thống và dịch vụ liên quan
- cải tiến và tối ưu hóa các bản cập nhật hệ thống, sản phẩm và dịch vụ
- giải đáp thắc mắc và khiếu nại của khách hàng
- lưu trữ hồ sơ nội bộ
- bảo vệ các lợi ích hợp pháp của Honda khi cần thiết, như được liệt kê dưới đây, mà vẫn đảm bảo quyền được bảo vệ dữ liệu của khách hàng
- theo các mục đích khác được mô tả trong Thông báo về quyền riêng tư của Honda và Thông báo về quyền riêng tư đối với dữ liệu xe

Việc bảo vệ các lợi ích kinh doanh hợp pháp và quyền hợp pháp của Honda bao gồm, nhưng không giới hạn ở, việc sử dụng thông tin để tuân thủ yêu cầu, quy định, kiểm toán, xử lý khiếu nại pháp lý (bao gồm cả việc tiết lộ thông tin liên quan đến quy trình pháp lý hoặc kiện tụng) cũng như các yêu cầu báo cáo về đạo đức và tuân thủ khác.

Honda cũng sẽ chuyển đổi dữ liệu cá nhân thành dữ liệu ẩn danh và sử dụng dữ liệu đó (thường trên cơ sở thống kê tổng hợp) nhằm mục đích nghiên cứu và phân tích thị trường, cải tiến các bản cập nhật hệ thống, phân tích xu hướng và đánh giá mức độ hiệu quả của các phiên bản cập nhật phần mềm. Thông tin cá nhân được tổng hợp không cho phép định danh bạn hoặc bất kỳ người dùng nào khác đang sử dụng bản cập nhật hệ thống.

Honda có thể chia sẻ dữ liệu này với tổ chức hỗ trợ toàn cầu của Honda, các công ty liên kết của Honda hoặc các bên thứ ba khác do Honda thuê nhằm cung cấp dịch vụ hỗ trợ liên quan đến việc hỗ trợ hệ thống.

Tài liệu hướng dẫn sử dụng này là một phần không thể thiếu của xe và nên được cung cấp kèm theo khi bán xe.

Tài liệu hướng dẫn này dùng chung cho các loại xe thuộc dòng xe này. Tài liệu này có thể mô tả các thiết bị và tính năng không có trên chiếc xe của bạn.

Các hình ảnh trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này (bao gồm cả bìa trước) mô tả những tính năng, thiết bị, màn hình Âm thanh/Thông tin và màn hình Đồng hồ đo chỉ có trên một số loại xe nhất định, không phải trên tất cả các loại xe.

Thông tin và các thông số kỹ thuật trong tài liệu này có hiệu lực kể từ thời điểm phê duyệt ấn hành. Tuy nhiên, Honda Motor có quyền cắt bỏ hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật hoặc thiết kế bất cứ lúc nào mà không cần thông báo hoặc chịu bất kỳ trách nhiệm nào.

Mặc dù tài liệu hướng dẫn này áp dụng với cả hai loại xe có vô lăng bên phải và vô lăng bên trái, nhưng những hình minh họa trong tài liệu này chủ yếu liên quan tới loại xe có vô lăng bên trái.

Lái xe an toàn Tr. 39

Lái xe an toàn Tr. 40 Dây đai an toàn Tr. 44 Túi khí Tr. 56

Bảng điều khiển Tr. 95

Đèn báo Tr. 96 Đồng hồ đo và Màn hình giao diện thông tin cho người lái Tr. 115

Điều khiển Tr. 173

Đồng hồ Tr. 174 Khóa và mở khóa cửa Tr. 176

Vận hành các công tắc quanh vô lăng Tr. 203

Hạng mục tiện ích bên trong Tr. 236

Tính năng Tr. 255

Hệ thống âm thanh* Tr. 256 Hệ thống màn hình âm thanh màu Tr. 260

Thông báo lỗi âm thanh* Tr. 473

Lái xe Tr. 491

Trước khi lái xe Tr. 492 Kéo rơ-moóc Tr. 496 Khi lái xe Tr. 497

Camera lùi đa hướng* Tr. 620 Nạp nhiên liệu Tr. 622

Bảo dưỡng Tr. 627

Trước khi thực hiện bảo dưỡng Tr. 628 Hệ thống giám sát dầu Tr. 631

Kiểm tra và thay lưỡi gạt nước Tr. 667

Bảo dưỡng Hệ thống điều hòa không khí tự động Tr. 681 Vệ sinh Tr. 683

Xử lý sự cố bất ngờ Tr. 691

Dụng cụ Tr. 692 Nếu lốp xe bị xẹp Tr. 693

Quá nhiệt Tr. 713 Đèn báo sáng/nhấp nháy Tr. 715

Nếu bạn không thể mở được cốp Tr. 735

Thông tin Tr. 737

Thông số kỹ thuật Tr. 738 Số nhận dạng Tr. 741

Nội dung

An toàn cho trẻ Tr. 68 Nguy hiểm do khí thải Tr. 93 Nhãn an toàn Tr. 94

Mở và đóng cốp Tr. 193 Hệ thống an ninh Tr. 195 Cửa kính Tr. 197 Cửa sổ trời* Tr. 201
Gương Tr. 222 Ghế ngồi Tr. 226
Hệ thống điều hòa không khí tự động Tr. 248

Màn hình giải trí không tích hợp Google Tr. 303 Màn hình giải trí có tích hợp Google Tr. 389
Thông tin chung về hệ thống âm thanh* Tr. 475

Honda SENSING Tr. 533 Phanh Tr. 599 Đỗ xe Tr. 609
Tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải CO_2 Tr. 625 Xe có động cơ tăng áp Tr. 626

Lịch bảo dưỡng Tr. 638 Bảo dưỡng dưới nắp ca-pô Tr. 643 Thay bóng đèn Tr. 656
Kiểm tra và thay lốp Tr. 669 Ắc-quy Tr. 675 Bảo dưỡng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa Tr. 678
Phụ kiện và điều chỉnh Tr. 689

Động cơ không khởi động Tr. 702 Nếu ắc-quy hết điện Tr. 708 Không gạt được cần số Tr. 711
Cầu chì Tr. 721 Kéo xe khẩn cấp Tr. 733 Nếu bạn không thể mở cửa nạp nhiên liệu Tr. 734

Thiết bị phát sóng vô tuyến* Tr. 742 Giấy phép mã nguồn mở Tr. 747

Hướng dẫn tham khảo nhanh Tr. 6
Lái xe an toàn Tr. 39
Bảng điều khiển Tr. 95
Điều khiển Tr. 173
Tính năng Tr. 255
Lái xe Tr. 491
Bảo dưỡng Tr. 627
Xử lý sự cố bất ngờ Tr. 691
Thông tin Tr. 737
Mục lục Tr. 748

Mục lục trực quan

Loại xe có vô lăng bên trái

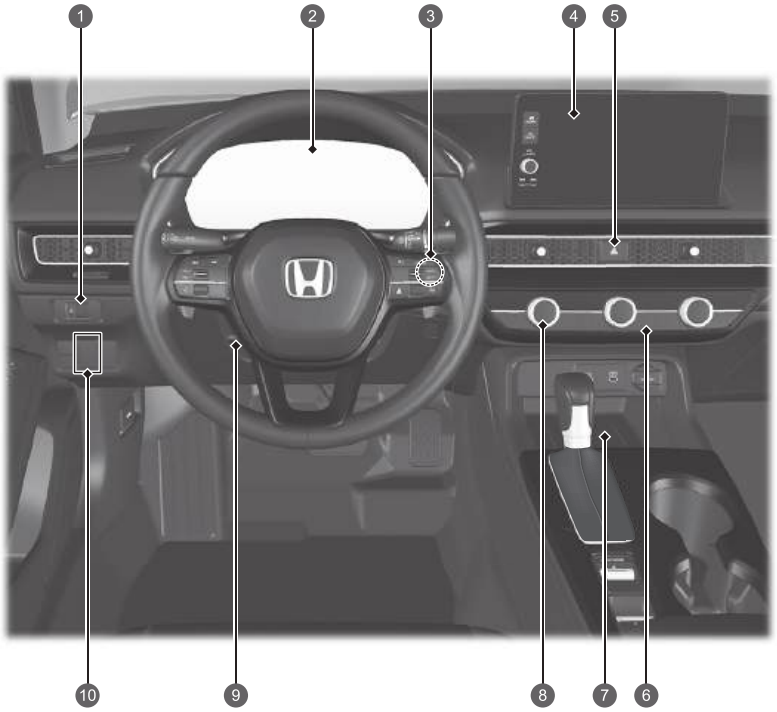

❶ **Điều chỉnh độ sáng** Tr.219, 220

❷ **Đèn báo hệ thống** Tr.96
Đồng hồ đo Tr.115
Màn hình giao diện thông tin cho người lái Tr.119, 150, 153

❸ **Nút ENGINE START/STOP** Tr.203

❹ **Hệ thống âm thanh** Tr.256
Hệ thống định vị* Xem tài liệu Hướng dẫn sử dụng hệ thống định vị

❺ **Nút cảnh báo nguy hiểm**

❻ **Nút sấy kính sau** Tr.218

❼ **Bộ sạc không dây*** Tr.244

❽ **Hệ thống điều hòa không khí tự động** Tr.248

❾ **Điều chỉnh vô lăng** Tr.221

❿ **Nút TẮT Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)** Tr.518

Loại xe có vô lăng bên phải

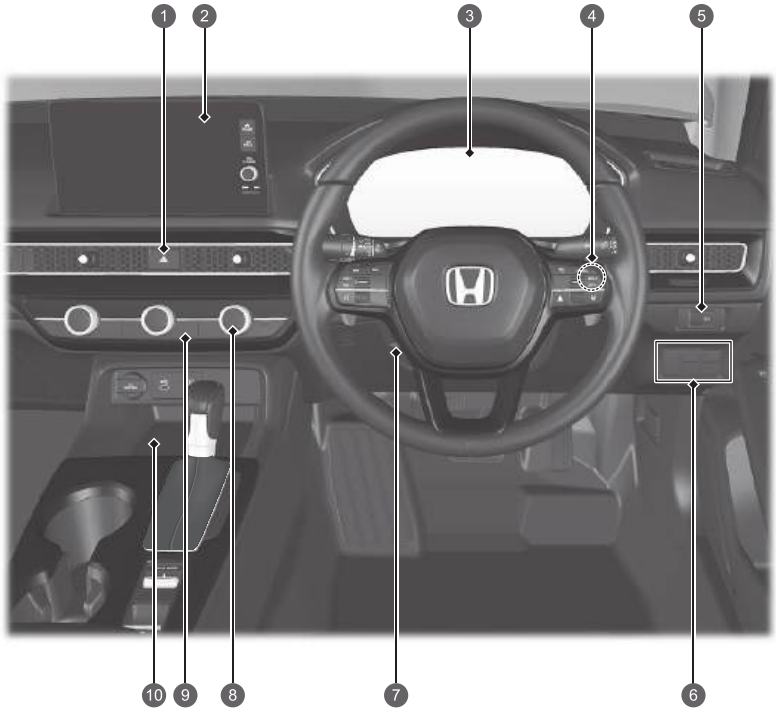

❶ **Nút cảnh báo nguy hiểm**

❷ **Hệ thống âm thanh*** Tr.256
Hệ thống định vị*
Xem tài liệu Hướng dẫn sử dụng hệ thống định vị

❸ **Đèn báo hệ thống** Tr.96
Đồng hồ đo Tr.115
Màn hình giao diện thông tin cho người lái Tr.119

❹ **Nút ENGINE START/STOP** Tr.203

❺ **Điều chỉnh độ sáng** Tr.219

❻ **Nút TẮT Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)** Tr.518

❼ **Điều chỉnh vô lăng** Tr.221

❽ **Hệ thống điều hòa không khí tự động** Tr.248

❾ **Nút sấy kính sau*** Tr.218
Nút sấy kính sau/sấy gương cửa* Tr.218

❿ **Bộ sạc không dây*** Tr.244

Mục lục trực quan



❶ Cần gạt nước/rửa kính* Tr.216
Đèn chiếu sáng/ Đèn xi nhan* Tr.207, 206
Hệ thống quan sát làn đường* Tr.527

❷ Lẫy sang số (Giảm số)* Tr.511

❸ Nút Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp Tr.557

❹ Lẫy sang số (Tăng số)* Tr.511

❺ Đèn chiếu sáng/ Đèn xi nhan* Tr.207, 206
Cần gạt nước/rửa kính* Tr.216
Hệ thống quan sát làn đường* Tr.527

❻ Nút hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) Tr.582

❼ Vòng lựa chọn bên phải* Tr.153

❽ Nút khoảng cách Tr.572

❾ Còi (Ấn khu vực xung quanh .)

❿ Vòng lựa chọn bên trái Tr.119, 306, 393

⓫ Nút Hệ thống điện thoại rảnh tay Tr.288
Nút (Màn hình chính)* Tr.119, 306, 393
Điều khiển âm thanh từ xa Tr.261, 306, 393

Loại xe có vô lăng bên trái

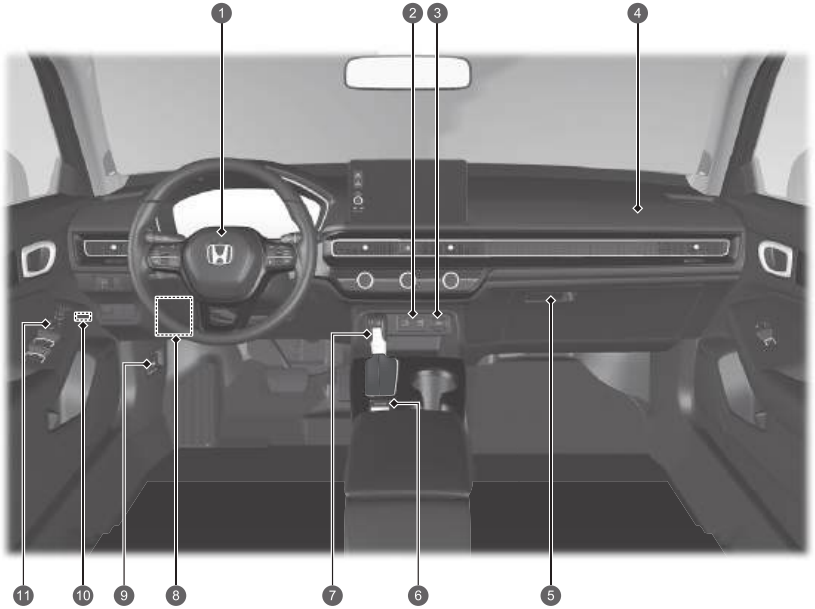

❶ **Túi khí trước phía người lái** Tr.58
❷ **Cổng USB** Tr.258
❸ **Ổ cắm điện phụ kiện** Tr.243
❹ **Túi khí trước phía hành khách** Tr.58
❺ **Hộc đựng đồ** Tr.238
❻ **Nút ECON*** Tr.513
Công tắc chế độ lái* Tr.514
Công tắc phanh đỗ điện Tr.599
Nút giữ phanh tự động Tr.603
❼ **Cần số** Tr.506, 508
❽ **Hộp cầu chì trong xe** Tr.726
❾ **Lẫy nhả nắp ca-pô** Tr.644
❿ **Lẫy mở cốp** Tr.193
⓫ **Điều khiển cửa gương** Tr.224
Công tắc khóa cửa chính Tr.190
Công tắc cửa kính điện Tr.197

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Mục lục trực quan

Loại xe có vô lăng bên phải

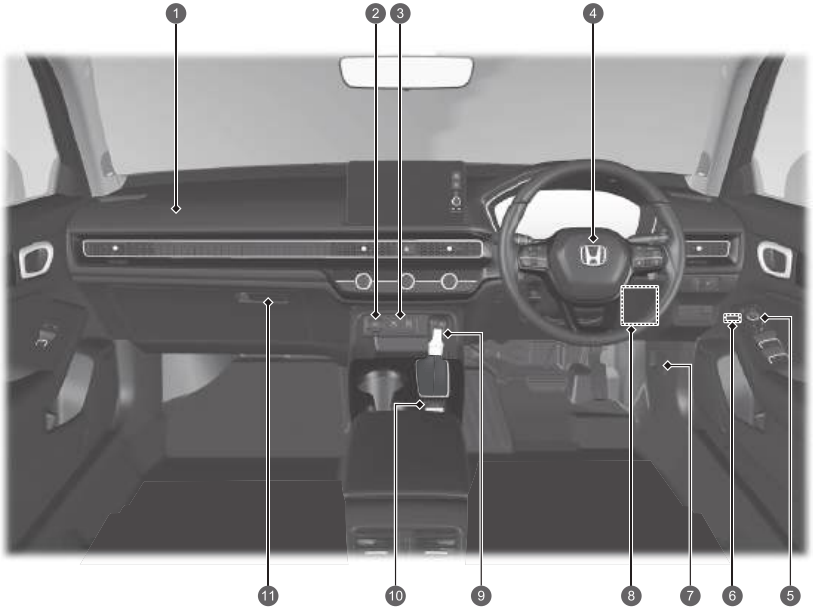

❶ Túi khí trước phía hành khách Tr.58
❷ Ổ cắm điện phụ kiện Tr.243
❸ Cổng USB* Tr.258
❹ Túi khí trước phía người lái Tr.58
❺ Điều khiển cửa gương Tr.224
Công tắc khóa cửa chính Tr.190
Công tắc cửa kính điện Tr.197
❻ Lẫy mở cốp Tr.193
❼ Lẫy nhả nắp ca-pô Tr.644
❽ Hộp cầu chì trong xe Tr.726
❾ Cần số Tr.506, 508
❿ Nút ECON* Tr.513
Công tắc chế độ lái* Tr.514
Công tắc phanh đỗ điện Tr.599
Nút giữ phanh tự động Tr.603
⓫ Hộc đựng đồ Tr.238

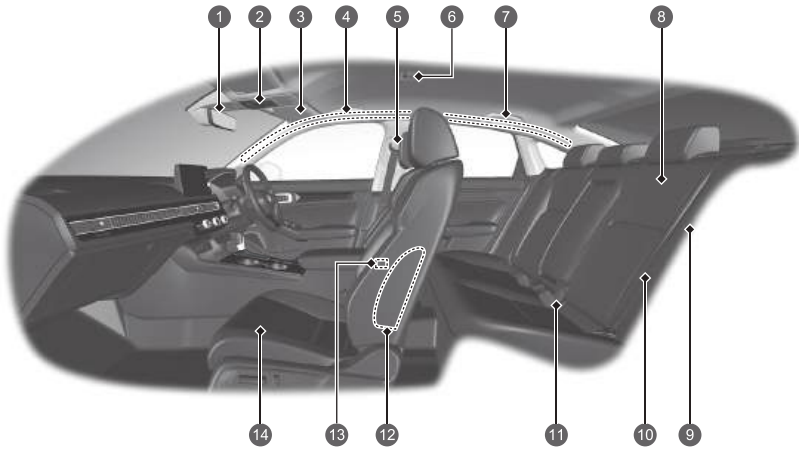

❶ **Gương chiếu hậu** Tr.222
❷ **Đèn đọc sách** Tr.237
❸ **Tấm che nắng**
Gương cá nhân
❹ **Túi khí rèm bên*** Tr.64
❺ **Dây đai an toàn** Tr.44
❻ **Đèn trần** Tr.236
❼ **Tay nắm trần**
Móc treo áo Tr.241
❽ **Ghế sau** Tr.230
❾ **Túi khí bên phía sau*** Tr.61
❿ **Dây đai an toàn (Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em)** Tr.86
Dây đai an toàn để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em Tr.88
⓫ **Điểm neo dưới để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em** Tr.82
⓬ **Túi khí bên phía trước*** Tr.61
⓭ **Cổng USB*** Tr.258
⓮ **Ghế trước** Tr.226

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Mục lục trực quan

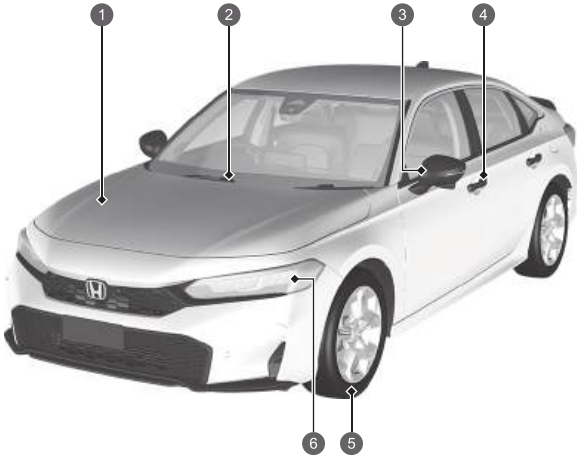

1. Bảo dưỡng dưới nắp ca-pô Tr.643
2. Cần gạt nước kính chắn gió Tr.216, 667
3. Gương cửa điện Tr.224
   Đèn xi nhan bên Tr.206, 659
4. Nút điều khiển khóa/mở khóa cửa Tr.180
5. Lốp xe Tr.669, 693
6. Đèn chiếu sáng Tr.207, 659
   Đèn vị trí/đèn ban ngày Tr.207, 211, 659
   Đèn xi nhan phía trước Tr.206, 658

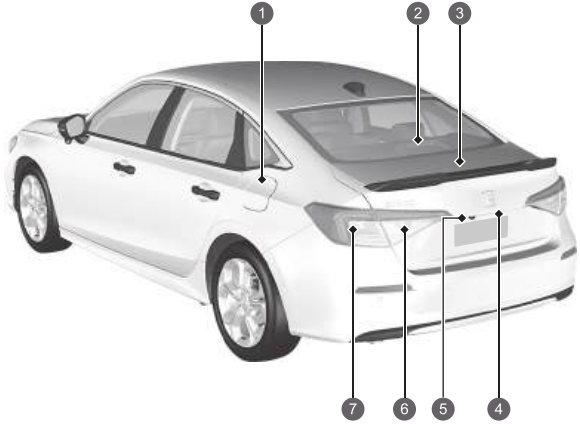

1. Cách nạp nhiên liệu Tr.623
2. Đèn phanh cao Tr.664
3. Mở/đóng cốp Tr.193
4. Đèn biển số sau Tr.207, 664
5. Camera lùi đa hướng* Tr.620
6. Đèn hậu Tr.207, 663
   Đèn lùi Tr.663
7. Đèn hậu Tr.207, 660
   Đèn phanh Tr.207, 660
   Đèn xi nhan phía sau Tr.206, 660

Lái xe an toàn Tr.39

Danh mục kiểm tra trước khi lái xe Tr.43

- Trước khi lái xe, hãy kiểm tra xem ghế trước, tựa đầu, vô lăng và gương đã được điều chỉnh đúng cách hay chưa.

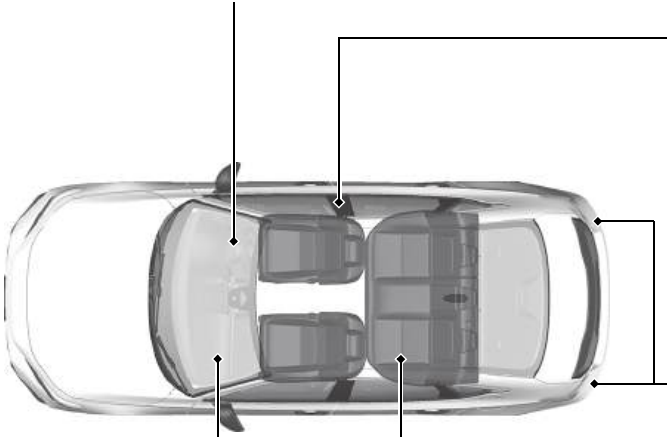

Dây đai an toàn Tr.44

- Thắt dây đai an toàn và ngồi thẳng, tựa lưng vào ghế.
- Kiểm tra xem hành khách trên xe đã thắt dây đai an toàn đúng cách hay chưa.



Thắt dây an toàn ngang hông ở vị trí thấp nhất có thể.

Nguy hiểm do khí thải Tr.93

- Xe của bạn xả ra một lượng khí thải nguy hiểm có chứa carbon monoxide (CO). Không khởi động xe trong không gian kín, nơi có thể tích tụ khí CO.

An toàn cho trẻ Tr.68

- Tất cả trẻ em từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau.
- Trẻ nhỏ cần phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
- Trẻ sơ sinh phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế sau.

Túi khí Tr.56

- Xe của bạn được trang bị các túi khí để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh.

Bảng điều khiển Tr. 95

Đèn báo Tr. 96/Đồng hồ đo Tr. 115/Màn hình giao diện thông tin cho người lái Tr. 119, 150, 153

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Đồng hồ đo tốc độ động cơ Tr.115

Đèn viền đồng hồ Tr.116

Đồng hồ đo tốc độ xe Tr.115

Nhiệt độ ngoài trời Tr.117

Đồng hồ đo quãng đường Tr.116

Màn hình giao diện thông tin cho người lái Tr.119

Đồng hồ đo nhiên liệu Tr.116

Đèn báo **M** (chế độ sang số tay 7 cấp)/
Đèn báo số* Tr.100

Đèn báo vị trí số Tr.100 /
Đèn báo hệ thống truyền động Tr.100

Loại xe có đồng hồ đo loại B

● Bạn có thể thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ đo.

➡ **Thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ đo** Tr.170

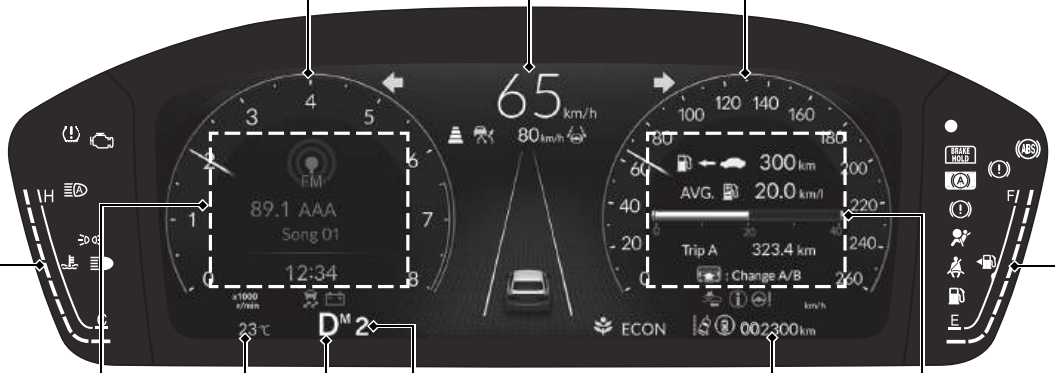

Đồng hồ đo tốc độ động cơ Tr.115

Đồng hồ đo tốc độ xe Tr.115

Đồng hồ đo nhiệt độ Tr.116

Đồng hồ đo nhiên liệu Tr.116

Màn hình giao diện thông tin cho người lái (Vùng bên trái) Tr.150

Nhiệt độ ngoài trời Tr.117

Đèn báo **M** (chế độ sang số tay 7 cấp)/ Đèn báo số Tr.100

Màn hình giao diện thông tin cho người lái (Vùng bên phải) Tr.153

Đồng hồ đo quãng đường Tr.116

Đèn báo vị trí số Tr.100/ Đèn báo hệ thống truyền động Tr.100

Điều khiển Tr. 173

Đồng hồ Tr. 174

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

Bạn có thể điều chỉnh đồng hồ và tùy chỉnh kiểu hiển thị đồng hồ.
Tr. 316

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

Bạn có thể điều chỉnh đồng hồ và tùy chỉnh kiểu hiển thị đồng hồ.
Tr. 402

Loại xe có Hệ thống âm thanh màu

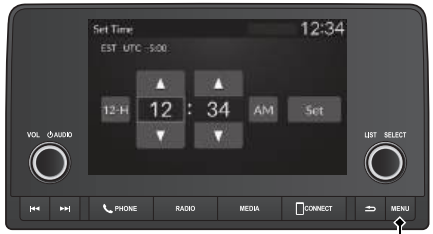

Nút **MENU**

1. Ấn nút **MENU**.
2. Chọn **Clock Settings**.
3. Chọn **Automatic Time**, sau đó chọn **OFF**.
4. Chọn **Set Time**.
5. Chọn **12H**(**12-H**)/**24H**(**24-H**) để thay đổi định dạng đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ.
6. Chọn ▲ hoặc ▼.
7. Chọn **Set** để thiết lập thời gian.

Loại xe không có hệ thống âm thanh

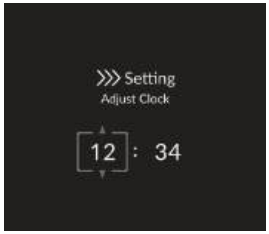

1. Ấn nút (màn hình chính), chọn , sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Clock Setup**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Adjust Clock** xuất hiện trên màn hình.
4. Ấn vòng lựa chọn bên trái.
5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi giờ, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi phút, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
7. Ấn nút (màn hình chính) để trở về màn hình thông thường.

Nút ENGINE START/ STOP Tr. 203

Ấn nút để thay đổi chế độ nguồn của xe.



Xi nhan Tr. 206

Cần điều khiển đèn xi nhan

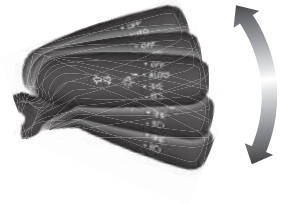

Đèn Tr. 207

Công tắc điều khiển đèn



Cần gạt nước và rửa kính

Tr. 216

Cần điều khiển gạt nước/rửa kính

Vòng điều chỉnh*
- : Độ nhạy thấp*1
- : Gạt chậm, gạt ít*2
- : Độ nhạy cao*1
- : Gạt nhanh, gạt nhiều*2

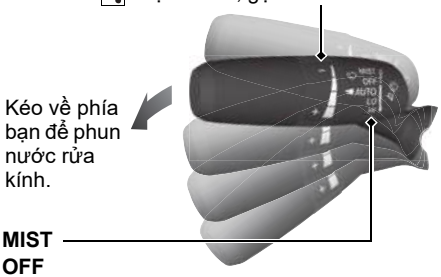

AUTO*1: Tốc độ cần gạt nước thay đổi tự động
INT*2: Tốc độ thấp và ngắt quãng
LO: Gạt chậm
HI: Gạt nhanh

*1: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động
*2: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn bằng tay

Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

Để tránh làm hỏng hệ thống cần gạt nước, luôn **TẮT** chế độ **AUTO** (TỰ ĐỘNG) khi:
- Vệ sinh kính chắn gió
- Lái xe qua trạm rửa xe
- Trời không mưa

Vô lăng Tr. 221

- Để điều chỉnh, hãy đẩy cần điều chỉnh xuống, điều chỉnh đến vị trí mong muốn, sau đó khóa cần về đúng vị trí.

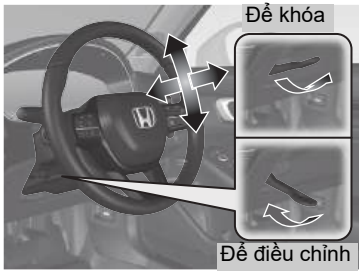

Mở khóa cửa trước từ bên trong

Tr. 190

- Kéo tay nắm bên trong cửa phía người lái hoặc phía hành khách* để mở khóa và mở cửa cùng một lúc.

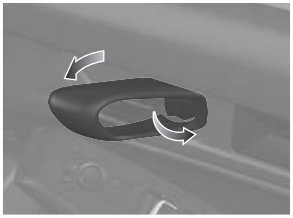

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Cốp Tr. 193

- Ấn và giữ lẫy mở cốp trên cửa người lái để mở khóa và mở cốp.
- Ấn nút mở cốp trên chìa khóa điều khiển từ xa để mở khóa và mở cốp.
- Ấn nút mở cốp* trên nắp cốp để mở khóa và mở cốp.

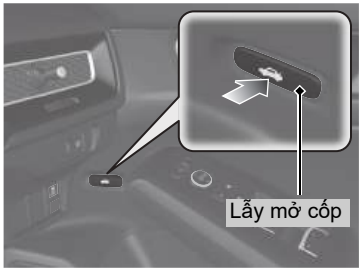

Gương cửa điện

Tr. 224

- Khi chế độ nguồn ở vị trí BẬT, hãy gạt công tắc chọn đến **L** hoặc **R**.
- Ấn các mép tương ứng của công tắc điều chỉnh để điều chỉnh gương.
- Ấn nút cụp gương để cụp và mở các gương cửa.

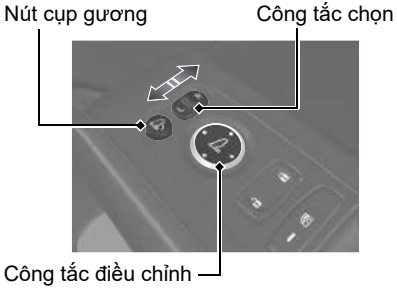

Cửa kính điện Tr. 197

- Mở và đóng các cửa kính điện khi chế độ nguồn ở vị trí BẬT.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí tắt, có thể mở và đóng từng cửa kính điện phía hành khách bằng công tắc riêng của cửa kính đó.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí BẬT (đèn báo sáng), từng công tắc cửa kính điện phía hành khách sẽ bị vô hiệu hóa.

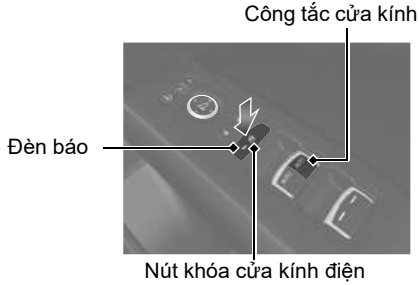

Hệ thống điều khiển không khí tự động Tr.248

- Ấn nút **AUTO** để kích hoạt hệ thống điều hòa không khí tự động.
- Ấn nút ON/OFF để bật hoặc tắt hệ thống.
- Ấn nút FRONT để làm tan sương kính chắn gió.

Loại xe có nút SYNC (ĐỒNG BỘ) và nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)

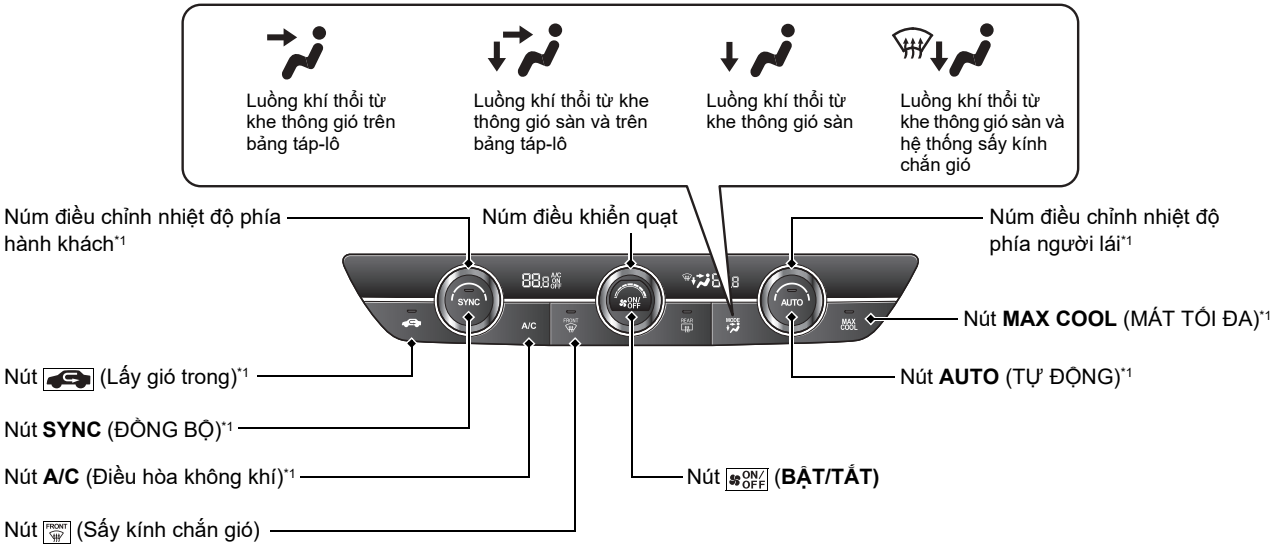

*1: Hình vẽ mô phỏng loại xe có vô lăng bên phải. Đối với loại xe có vô lăng bên trái, các nút này nằm ở vị trí đối xứng với loại xe có vô lăng bên phải.

Loại xe có nút SYNC

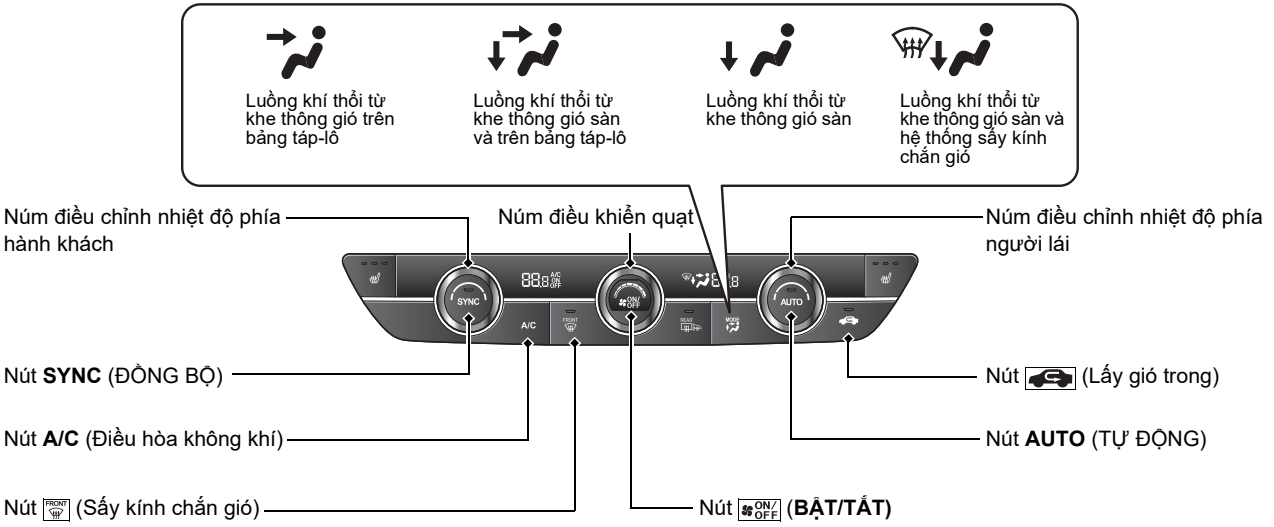

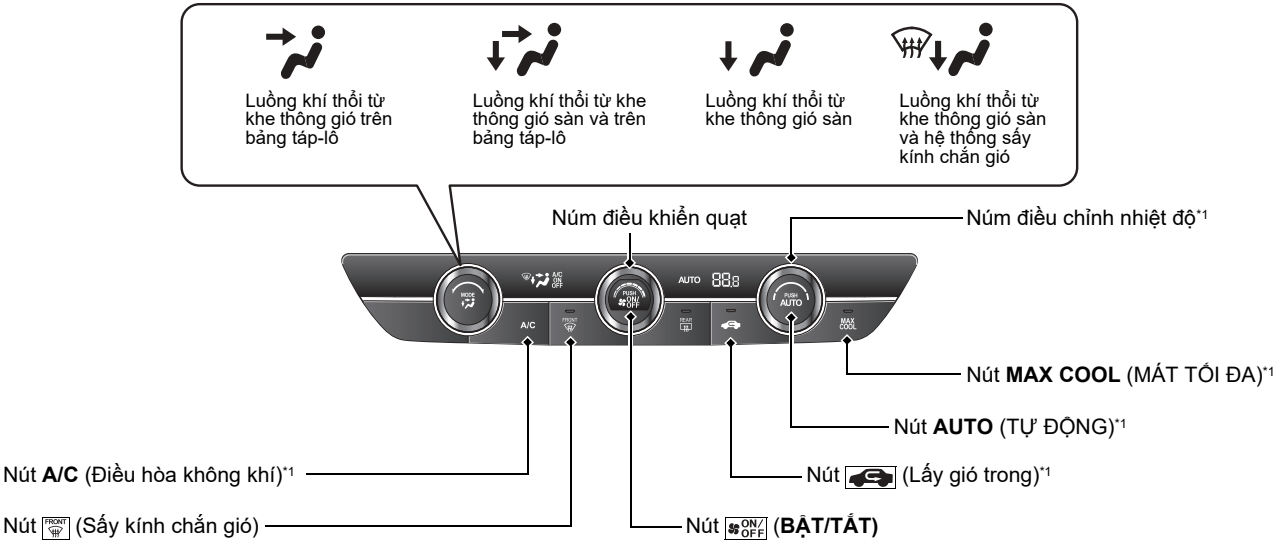

*1: Hình vẽ mô phỏng loại xe có vô lăng bên phải. Đối với loại xe có vô lăng bên trái, các nút này nằm ở vị trí đối xứng với loại xe có vô lăng bên phải.

Tính năng Tr.255

Hệ thống âm thanh* Tr.256

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

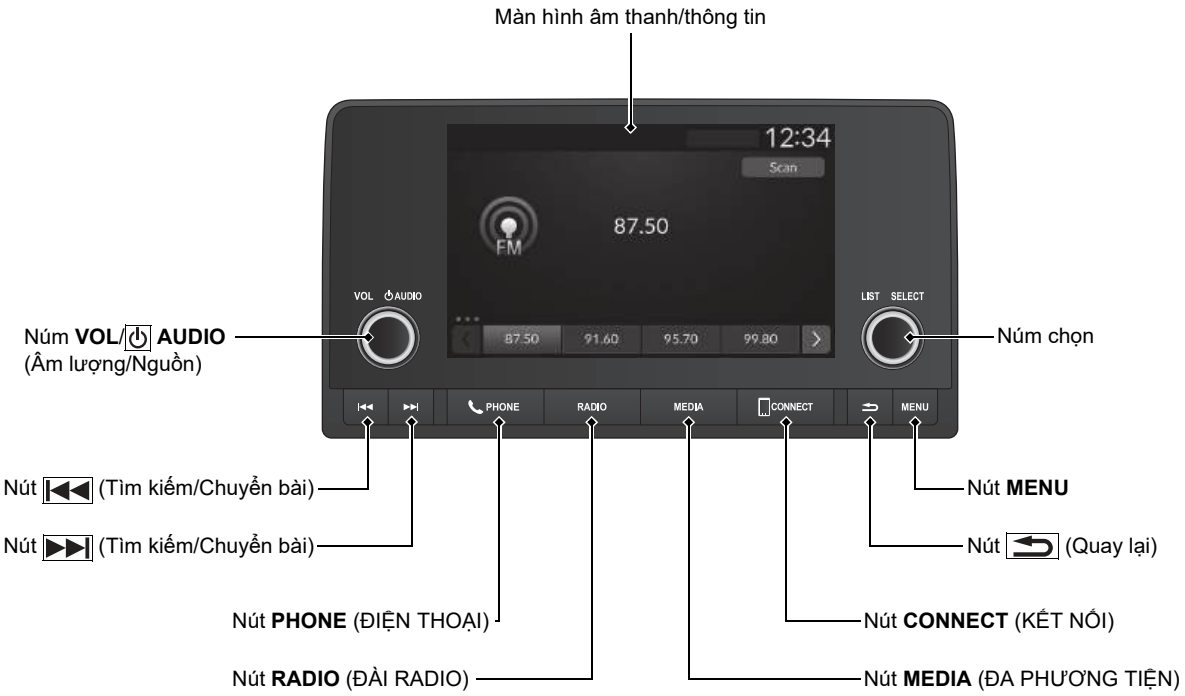

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google Tr.303

Để biết cách thao tác trên hệ thống định vị* Hãy tham khảo tài liệu Hướng dẫn sử dụng Hệ thống định vị

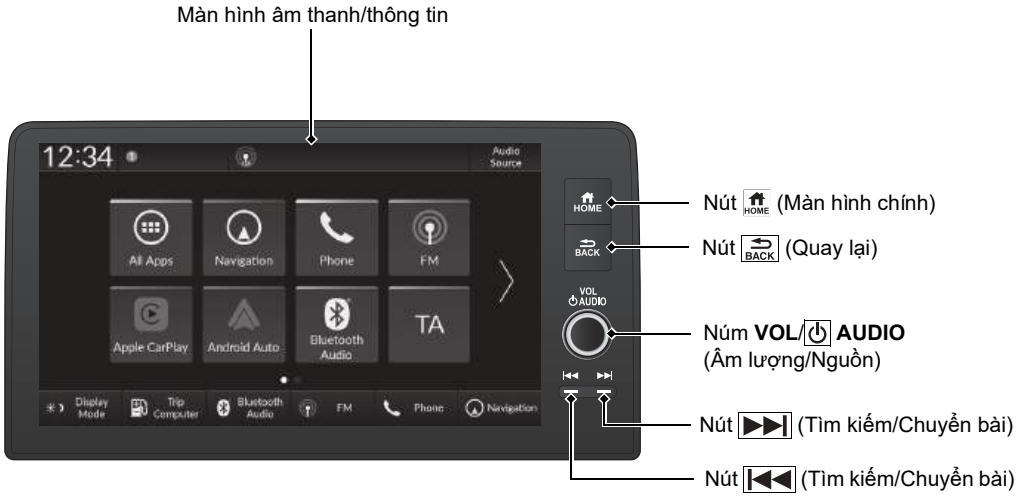

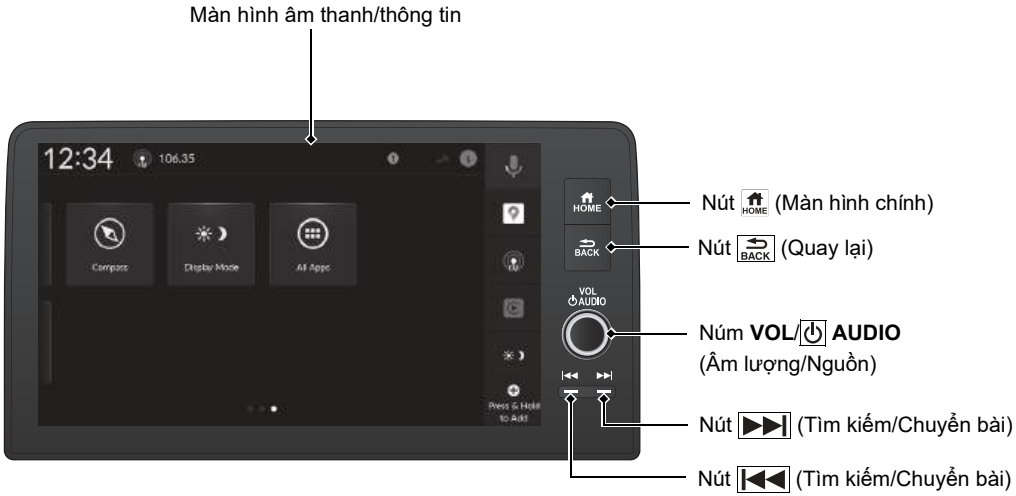
Màn hình âm thanh/thông tin
12:34
106.35
Compass
Display Mode
All Apps
Press & Hold to Add
HOME
BACK
VOL
AUDIO
Nút HOME (Màn hình chính)
Nút BACK (Quay lại)
Núm VOL/AUDIO
(Âm lượng/Nguồn)
Nút ▶▶| (Tìm kiếm/Chuyển bài)
Nút |◀◀ (Tìm kiếm/Chuyển bài)

Điều khiển âm thanh từ xa

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu Tr. 261

Nút |◀◀| / |▶▶| (Tìm kiếm/Bỏ qua)



Nút **SOURCE** (NGUỒN DANH SÁCH)

Công tắc **VOL**+/**VOL**− (Âm lượng)

- Nút **SOURCE** (NGUỒN DANH SÁCH)
  Ấn để chuyển qua các chế độ âm thanh.
- Công tắc **VOL**+ / **VOL**− (Âm lượng)
  Ấn để tăng/giảm âm lượng.
- Nút |◀◀| / |▶▶| (Tìm kiếm/Bỏ qua)
  Radio:

  Ấn |◀◀| / |▶▶| để thay đổi đài radio đã thiết lập sẵn. Ấn và giữ |◀◀| / |▶▶| để chuyển sang đài có tín hiệu mạnh.
  Kết nối có dây, ổ USB flash, thiết bị âm thanh *Bluetooth*® hoặc điện thoại thông minh:

  Ấn |◀◀| / |▶▶| để chuyển đến phần đầu của bài hát tiếp theo hoặc quay lại phần đầu của bài hát đang phát.
  Ổ USB flash hoặc thiết bị âm thanh *Bluetooth*®:

  Ấn và giữ |◀◀| / |▶▶| để thay đổi thư mục/nhóm.

Loại xe có Màn hình giải trí Tr. 306, 393
Loại xe có đồng hồ đo loại A

Nút |◀◀| / |▶▶| (Tìm kiếm/Bỏ qua)

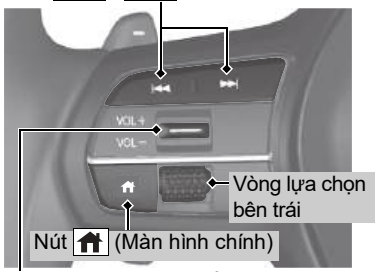

Vòng lựa chọn bên trái

Nút (Màn hình chính)

Nút **VOL**+/**VOL**− (Âm lượng)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Nút |◀◀| / |▶▶| (Tìm kiếm/Bỏ qua)



Vòng lựa chọn bên trái

Công tắc **VOL**+/**VOL**− (Âm lượng)

- Công tắc **VOL**+ / **VOL**− (Âm lượng)
  Ấn để tăng/giảm âm lượng.
- Nút |◀◀| / |▶▶| (Tìm kiếm/Bỏ qua)
  Radio:
  Ấn |◀◀| / |▶▶| để thay đổi đài radio đã thiết lập sẵn. Ấn và giữ |◀◀| / |▶▶| để chuyển sang đài có tín hiệu mạnh.

  Kết nối có dây, ổ USB flash, thiết bị âm thanh *Bluetooth*® hoặc điện thoại thông minh:

  Ấn |◀◀| / |▶▶| để bỏ qua đến phần đầu của bài hát tiếp theo hoặc quay lại phần đầu của bài hát đang phát.
  Ổ USB flash:

  Ấn và giữ |◀◀| / |▶▶| để thay đổi thư mục.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

- Vòng lựa chọn bên trái
  Khi chọn chế độ âm thanh

  Ấn nút (Màn hình chính), sau đó cuộn lên hoặc cuộn xuống để chọn **Audio** (Âm thanh) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.
  Cuộn lên hoặc cuộn xuống:
  Để chuyển đổi giữa các chế độ âm thanh, hãy cuộn lên hoặc cuộn xuống rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

- Vòng lựa chọn bên trái
  Cuộn lên hoặc cuộn xuống:
  Để chuyển đổi giữa các chế độ âm thanh, hãy cuộn lên hoặc cuộn xuống rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.

Cập nhật hệ thống*

Khi có bản cập nhật hệ thống cho xe, thông báo sẽ hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin.
Hướng dẫn cập nhật hệ thống thông qua màn hình âm thanh/thông tin được mô tả trong sách hướng dẫn này.
Để biết thông tin chi tiết về các phương thức cập nhật khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn sử dụng Honda Connect* hoặc hỏi đại lý.
Các bản cập nhật hệ thống làm thay đổi thông số kỹ thuật có thể dẫn đến một số khác biệt với thông tin trong sách hướng dẫn sử dụng này.

■ Hướng dẫn

Cập nhật hệ thống Tr.321, 407

Lái xe Tr.491

Hộp số vô cấp

Tr. 505, 506, 508

- Sang số [P] và nhấn bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.
- **Sang số**

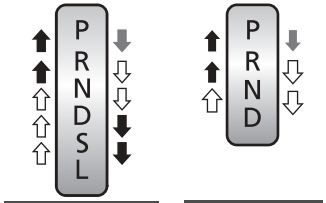

Loại xe không có lẫy sang số

Loại xe có lẫy sang số

Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số để sang số.

Sang số mà không ấn nút nhả cần số.

Ấn nút nhả cần số và sang số.



P **Số đỗ**
Dùng khi đỗ xe hoặc khi khởi động động cơ.

R **Số lùi**
Dùng khi lùi xe.

N **Số 0**
Hộp số không bị khóa.

D **Số lái**
Dùng khi:
- Lái thông thường.

Loại xe có lẫy sang số
- Khi lái xe tạm thời ở chế độ sang số tay 7 cấp.
- Khi lái xe ở chế độ sang số tay 7 cấp (khi lái xe ở chế độ **SPORT** (THỂ THAO)).

S **Số lái (Số S)***
Dùng để:
- Tăng tốc tốt hơn.
- Tăng phanh động cơ.
- Khi lên dốc hoặc xuống dốc.

L **Số thấp***
- Dùng để tăng phanh động cơ hơn nữa.
- Dùng khi lên dốc hoặc xuống dốc.

Chế độ sang số tay 7 cấp*

Tr.511

- Cho phép bạn tăng hoặc giảm số bằng tay mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng.

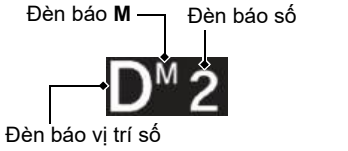

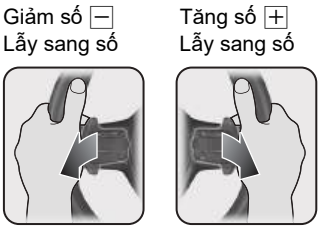



Khi cần số ở D trong chế độ SPORT

- Kéo lẫy sang số để thay đổi từ chế độ số vô cấp sang chế độ sang số tay 7 cấp.
- Đèn báo **M** và số cấp được chọn hiển thị trên đèn báo số.

Khi vị trí số ở D

- Kéo lẫy sang số để thay đổi tạm thời từ chế độ số vô cấp sang chế độ sang số tay 7 cấp. Số cấp được chọn sẽ hiển thị trên đèn báo số.

Bật và tắt CMBS Tr.541

- Khi không thể tránh được khả năng xảy ra va chạm phía trước, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) có thể giúp bạn giảm tốc độ của xe và nguy cơ va chạm mạnh.
- CMBS hoạt động mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Để bật hoặc tắt CMBS, hãy sử dụng chức năng hỗ trợ an toàn trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Bật và tắt VSA Tr.518

- Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) giúp ổn định xe khi vào cua và giúp duy trì độ bám đường khi xe tăng tốc trên bề mặt trơn hoặc lầy.
- VSA tự động kích hoạt mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Để vô hiệu hóa một phần hoặc khôi phục hoàn toàn chức năng VSA, hãy ấn và giữ nút (**TẮT** VSA) cho đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp.

Hệ thống cảnh báo xẹp lốp* Tr.520

- Phát hiện sự thay đổi tình trạng và kích thước tổng thể của lốp do áp suất lốp giảm.
- Hệ thống cảnh báo xẹp lốp sẽ tự động bật mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Cần thực hiện quy trình hiệu chỉnh khi xảy ra một số điều kiện nhất định.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nạp nhiên liệu Tr.622

Nhiên liệu khuyên dùng:	Loại xe tại Pakistan **Xăng không chì EURO V/5, mangan: tối đa 2 mg/Lít, chỉ số Octan 91 trở lên** Ngoại trừ loại xe tại Pakistan **Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên**
Dung tích bình nhiên liệu:	**47 L**

1. Mở khóa cửa người lái.
   Khóa/mở khóa cửa từ bên trong Tr.189

2. Ấn và nhả vùng có dấu mũi tên để nhả cửa nạp nhiên liệu. Bạn sẽ nghe thấy tiếng tách và nắp sẽ từ từ mở ra.

3. Xoay từ từ nắp bình nhiên liệu để tháo nắp.

4. Đặt nắp lên giá đỡ trên cửa nạp nhiên liệu.

5. Sau khi nạp nhiên liệu, hãy vặn nắp lại cho đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.

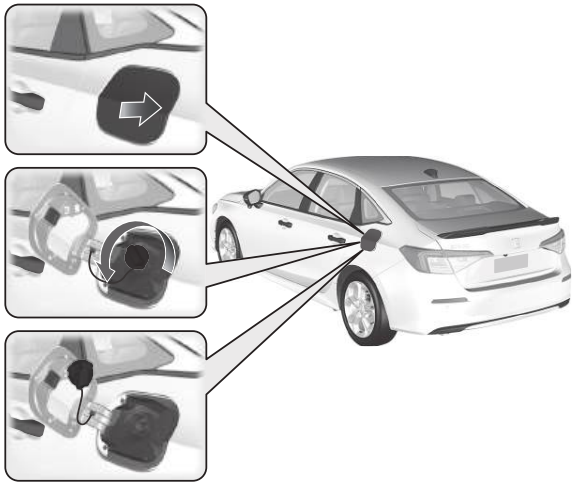

Honda SENSING Tr.533

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ lái xe như khi tăng tốc, phanh và đánh lái để hỗ trợ người lái cũng như giảm mức độ nghiêm trọng khi xảy ra va chạm.

Honda SENSING có các chức năng sau:

Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)

Tr. 536

Hệ thống có thể hỗ trợ bạn khi xe có nguy cơ va chạm với một xe khác (kể cả xe máy) phía trước từ phía sau, xe đang đến gần từ phía trước, xe đang đi đến từ bên cạnh, người đi bộ hoặc người đang đi xe đạp (xe đạp đang di chuyển). CMBS có chức năng cảnh báo bạn khi xác định có nguy cơ va chạm, đồng thời hỗ trợ giảm tốc độ xe nhằm tránh va chạm và giảm thiểu nguy cơ thương vong do va chạm.

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường Tr. 550

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định xe bạn có nguy cơ chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện và/hoặc phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường.

Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm Dải tốc độ thấp)

Tr. 557

Giúp duy trì tốc độ xe ổn định và thiết lập khoảng cách an toàn giữa xe bạn với xe phía trước, và nếu phát hiện xe phía trước chuẩn bị dừng lại, hệ thống sẽ giảm tốc độ xe và dừng xe mà bạn không cần giữ chân lên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.

Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) Tr. 577

Cung cấp thông tin lái để giúp giữ xe ở giữa làn đường đã phát hiện và cung cấp cảnh báo bằng rung vô lăng, âm thanh và hình ảnh nếu xe bị phát hiện chệch khỏi làn đường.

Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*

Tr.591

Thông báo cho bạn bằng cảnh báo hình ảnh và âm thanh khi xe của bạn vẫn đang dừng dù xe phía trước bạn đã bắt đầu di chuyển.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn pha thích ứng tự động

Tr.213

Camera góc rộng phía trước phát hiện các nguồn sáng phía trước xe, chẳng hạn như đèn của xe phía trước hoặc xe chạy ngược chiều hoặc đèn đường. Khi lái xe vào ban đêm, hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng tình huống.

Hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù*

Tr.523

Khi hệ thống phát hiện các phương tiện đang đến gần từ phía sau trên làn đường bên cạnh, đèn báo tương ứng sẽ sáng nhằm hỗ trợ khi bạn chuyển làn đường.

Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang*

Tr.616

Hệ thống sử dụng cảm biến ra-đa giúp bạn quan sát khu vực góc phía sau khi lùi xe và cảnh báo cho bạn nếu phát hiện có xe đang đi đến từ góc phía sau.
Hệ thống này rất thuận tiện, đặc biệt khi bạn đang lùi xe khỏi chỗ đỗ xe.

Hệ thống cảm biến đỗ*

Tr.611

Các cảm biến góc và cảm biến trung tâm giám sát vật cản gần xe bạn, đồng thời tiếng bíp, màn hình giao diện thông tin cho người lái và màn hình âm thanh/thông tin giúp bạn biết khoảng cách gần đúng giữa xe và vật cản.

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái

Tr.128, 163

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái phân tích mức độ tác động lên vô lăng để xác định người lái có đang trong trạng thái buồn ngủ hoặc mất tập trung hay không. Nếu xác định được người lái đang trong trạng thái đó, chức năng này sẽ hiển thị mức độ tập trung của người lái trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Bảo dưỡng Tr.627

Dưới nắp ca-pô Tr.643

- Kiểm tra dầu động cơ, nước làm mát động cơ và nước rửa kính chắn gió. Bổ sung nếu cần thiết.
- Kiểm tra dầu phanh.
- Kiểm tra tình trạng ắc-quy hàng tháng.

1. Kéo lẫy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc bên ngoài bảng táp-lô phía dưới người lái.

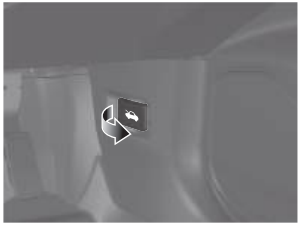

2. Xác định vị trí cần chốt nắp ca-pô, đẩy cần sang bên, sau đó nâng nắp ca-pô lên. Khi đã nâng nhẹ nắp ca-pô lên, bạn có thể bỏ tay khỏi cần.



3. Khi thực hiện xong, hãy đóng nắp ca-pô và đảm bảo nắp ca-pô đã được khóa chắc chắn vào đúng vị trí.

Lưỡi gạt nước Tr.667

- Khi nâng cần gạt nước, hãy di chuyển cần đến vị trí bảo dưỡng trước khi nâng cần lên.
- Thay lưỡi gạt nếu lưỡi gạt để lại vệt trên kính chắn gió hoặc có tiếng ồn.



Lốp xe Tr.669

- Kiểm tra lốp và vành xe thường xuyên.
- Kiểm tra áp suất lốp thường xuyên.
- Lắp lốp mùa đông khi lái xe vào mùa đông.

Đèn Tr.656

- Kiểm tra tất cả các đèn thường xuyên.

Xử lý sự cố bất ngờ Tr. 691

Xẹp lốp Tr. 693

- Đỗ xe ở nơi an toàn và thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng trong cốp.



Động cơ không khởi động Tr. 702

- Nếu ắc-quy hết điện, hãy mồi khởi động bằng kích ắc-quy.



Quá nhiệt Tr. 713

- Đỗ xe ở nơi an toàn. Nếu bạn không nhìn thấy hơi nước dưới nắp ca-pô, hãy mở nắp ca-pô và để cho máy nguội.



Đèn báo sáng Tr. 715

- Nhận diện đèn báo và tham khảo sách hướng dẫn sử dụng.

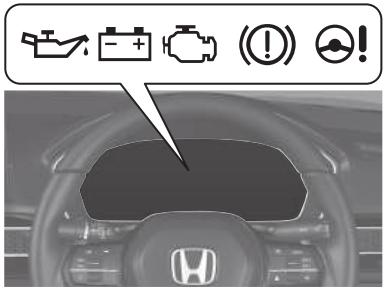

Cháy cầu chì Tr. 721

- Kiểm tra cầu chì bị cháy nếu có một thiết bị điện không hoạt động.

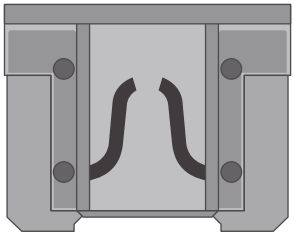

Kéo xe khẩn cấp Tr. 733

- Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.



Làm gì nếu

Q **Chế độ nguồn không thay đổi từ TẮT MÁY (KHÓA) sang PHỤ KIỆN. Tại sao?**

A
- Vô lăng có thể bị khóa.
- Xoay vô lăng sang trái và sang phải sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**.



Q **Chế độ nguồn không thay đổi từ PHỤ KIỆN sang TẮT MÁY (KHÓA). Tại sao?**

A Cần số phải được gạt đến vị trí số [P].



Q **Tại sao bàn đạp phanh lại rung nhẹ khi nhấn phanh?**

A Điều này có thể xảy ra khi ABS hoạt động, đây là hiện tượng bình thường. Nhấn bàn đạp phanh hết cỡ một cách chắc chắn. Không nhấp nhả bàn đạp phanh.

Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) Tr.606

Q **Không mở được cửa sau từ bên trong xe. Tại sao?**

A Kiểm tra xem khóa trẻ em có đang ở vị trí khóa hay không. Nếu có, hãy mở cửa sau bằng tay nắm bên ngoài cửa.
Để hủy chức năng này, hãy gạt cần đến vị trí mở khóa.

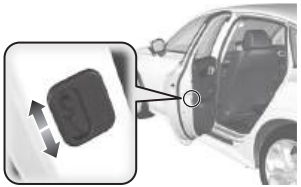

Q **Tại sao các cửa khóa lại sau khi tôi mở khóa các cửa?**

A Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây, các cửa sẽ tự động khóa lại để đảm bảo an toàn.

Q **Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi mở cửa người lái?**

A Tiếng bíp vang lên khi:
- Chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN.
- Các đèn ngoài xe còn sáng.

Q Loại xe có chức năng tự động khóa cửa khi ra khỏi xe
Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi ra khỏi xe sau khi đóng cửa?

A Tiếng bíp vang lên nếu bạn di chuyển ra ngoài phạm vi hoạt động của chức năng tự động khóa cửa khi ra khỏi xe trước khi cửa đóng hoàn toàn.
➡ **Khóa cửa (tự động khóa cửa khi ra khỏi xe)** ➡ Tr.183

Q **Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi bắt đầu lái xe?**

A Tiếng bíp vang lên khi người lái, hành khách phía trước* và/hoặc hành khách phía sau* không thắt dây đai an toàn.

Q **Ấn công tắc phanh đỗ điện mà không nhả phanh đỗ. Tại sao?**

A Ấn công tắc phanh đỗ điện và nhấn bàn đạp phanh.

Q Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Tôi thấy đèn báo màu hổ phách hình lốp xe có dấu chấm than. Điều này có nghĩa là gì?

A Cần chú ý đến hệ thống cảnh báo xẹp lốp. Nếu bạn vừa bơm hoặc thay lốp, cần hiệu chỉnh lại hệ thống.

➡ **Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*** Tr.520

Q **Nhấn bàn đạp ga mà phanh đỗ không tự động nhả. Tại sao?**

A
- Thắt dây đai an toàn dành cho người lái.
- Kiểm tra xem hộp số có đang ở vị trí P hoặc N hay không. Nếu có, hãy chọn vị trí số khác.

Q **Tại sao tôi nghe thấy tiếng rít lên khi nhấn bàn đạp phanh?**

A Có thể cần thay má phanh. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe tại Pakistan

Q **Có thể sử dụng xăng không chì có chỉ số Octan (RON) từ 87 trở lên cho loại xe này không?**

A Xe của bạn được thiết kế để hoạt động với xăng không chì EURO V/5 có chỉ số Octan từ 91 trở lên.
Sử dụng xăng không chì loại thông thường có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và làm giảm hiệu suất động cơ. Sử dụng xăng loại thông thường trong thời gian dài có thể làm hỏng động cơ.



Lái xe an toàn

Bạn có thể thấy nhiều khuyến cáo an toàn trong chương này và tài liệu hướng dẫn này.

Lái xe an toàn
- Các lưu ý an toàn quan trọng 40
- Tính năng an toàn của xe 42
- Danh mục kiểm tra an toàn 43

Dây đai an toàn
- Dây đai an toàn của xe 44
- Thắt dây đai an toàn 50
- Kiểm tra dây đai an toàn 54
- Điểm neo 55

Túi khí
- Thành phần hệ thống túi khí 56
- Loại túi khí 58
- Túi khí trước (SRS) 58
- Túi khí bên* 61
- Túi khí rèm bên* 64
- Đèn báo hệ thống túi khí 66
- Kiểm tra và thay thế túi khí 67

An toàn cho trẻ
- Bảo vệ an toàn cho trẻ 68
- An toàn cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ ... 71
- An toàn cho trẻ lớn 90

Nguy hiểm do khí thải
- Khí CO 93

Nhãn an toàn
- Vị trí nhãn 94

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Những trang sau đây trình bày về các tính năng an toàn của xe và cách sử dụng tính năng đúng cách. Dưới đây là những chú ý về an toàn quan trọng nhất mà bạn cần lưu ý.

Các lưu ý an toàn quan trọng

■ Luôn thắt dây đai an toàn

Dây đai an toàn là thiết bị bảo vệ an toàn tốt nhất trong mọi tình huống va chạm. Túi khí được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn, chứ không thay thế cho dây đai an toàn. Vì vậy, cho dù xe được trang bị túi khí, bạn và hành khách vẫn phải luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

■ Bảo vệ trẻ ở tất cả các lứa tuổi

Trẻ từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở hàng ghế sau và được cố định đúng cách, không nên ngồi ở ghế trước để đảm bảo an toàn. Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ cần được cố định bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn nên sử dụng ghế nâng và thắt dây đai an toàn ngang hông/đeo chéo vai đến khi trẻ có thể sử dụng dây đai an toàn mà không cần đến ghế nâng.

■ Chú ý đến những nguy hiểm khi sử dụng túi khí

Mặc dù túi khí có thể bảo vệ an toàn, nhưng cũng có thể gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong cho người ngồi quá gần túi khí, hoặc không thắt dây đai an toàn đúng cách. Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ và người lớn có vóc dáng nhỏ bé là những đối tượng dễ gặp rủi ro nhất. Hãy tuân thủ tất cả hướng dẫn và cảnh báo trong tài liệu này.

■ Không lái xe khi đã uống bia rượu

Lái xe khi đã uống bia rượu là một điều tối kỵ. Chỉ cần uống một lượng nhỏ bia rượu cũng có thể làm giảm khả năng phản xạ của bạn trước những thay đổi xung quanh và tốc độ phản ứng càng kém đi khi uống nhiều rượu bia. Do đó, không uống rượu bia khi lái xe và cũng đừng để bạn bè của bạn lái xe sau khi uống rượu bia.

Các lưu ý an toàn quan trọng

Một số quốc gia cấm người lái xe sử dụng điện thoại di động khi đang lái xe, ngoại trừ các thiết bị rảnh tay.

■ Tập trung lái xe để đảm bảo an toàn

Nghe điện thoại hoặc làm những việc khác khi đang lái xe sẽ khiến bạn không tập trung vào đường đi, các phương tiện và người đi đường khác, từ đó có thể gây ra va chạm. Hãy nhớ rằng, tình huống có thể thay đổi rất nhanh và chỉ có bạn mới có thể quyết định khi nào đủ an toàn để chú ý đến việc khác.

■ Kiểm soát tốc độ

Lái xe quá nhanh là nguyên nhân chính gây thương tích và tử vong trong các vụ va chạm. Thông thường, lái xe với tốc độ càng cao thì nguy cơ xảy ra tai nạn càng lớn, nhưng tai nạn nghiêm trọng cũng có thể xảy ra khi lái ở tốc độ chậm. Không được lái xe nhanh hơn mức an toàn trong điều kiện lúc đang lái, bất kể tốc độ tối đa cho phép là bao nhiêu.

■ Đảm bảo xe trong điều kiện hoạt động an toàn

Tình trạng xe bị xẹp lốp hoặc gặp trục trặc kỹ thuật có thể rất nguy hiểm.
Để giảm nguy cơ rủi ro, hãy kiểm tra áp suất lốp và các điều kiện khác thường xuyên cũng như duy trì bảo dưỡng định kỳ.

■ Luôn giám sát trẻ nhỏ ngồi trên xe

Trẻ nhỏ, vật nuôi và người khuyết tật ở trong xe mà không được giám sát cẩn thận có thể kích hoạt một hoặc nhiều chức năng điều khiển xe dẫn đến bị thương. Những đối tượng này cũng có thể làm cho xe di chuyển, gây ra va chạm xe khiến họ và/hoặc (những) người khác bị thương hoặc tử vong. Ngoài ra, tùy theo nhiệt độ môi trường, nhiệt độ trong xe có thể tăng lên rất cao, khiến họ gặp nguy hiểm hoặc tử vong. Ngay cả khi hệ thống điều hòa không khí tự động đang bật, cũng không được để họ trong xe một mình vì hệ thống điều hòa không khí tự động có thể bị tắt bất cứ lúc nào.

Tính năng an toàn của xe

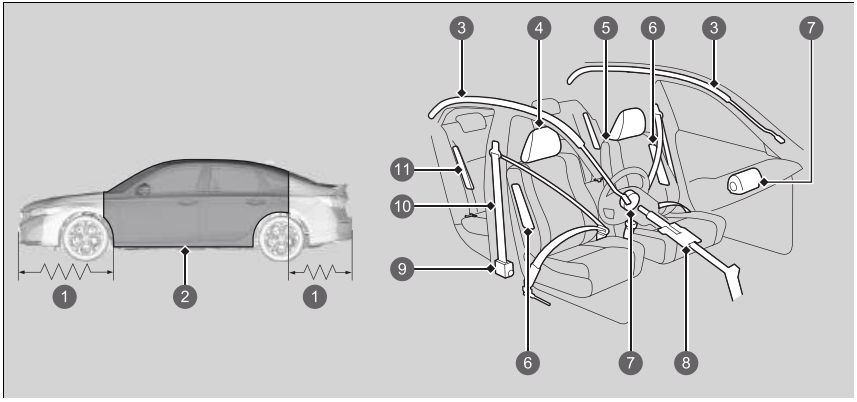

❶ Vùng hấp thụ xung lực
❷ Bộ khung an toàn
❸ Túi khí rèm bên*
❹ Tựa đầu
❺ Ghế và lưng ghế
❻ Túi khí bên phía trước*
❼ Túi khí trước
❽ Trụ lái có thể gập lại
❾ Bộ căng dây đai an toàn
❿ Dây đai an toàn
⓫ Túi khí bên phía sau*

Danh mục kiểm tra an toàn sau đây sẽ giúp bạn chủ động bảo vệ mình và hành khách.

Tính năng an toàn của xe

Xe của bạn được trang bị nhiều tính năng an toàn hoạt động cùng với nhau để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm.

Một số tính năng không yêu cầu bạn phải thực hiện bất kỳ thao tác nào. Những tính năng này bao gồm bộ khung thép chắc chắn tạo ra khung an toàn bao xung quanh khoang hành khách, vùng hấp thụ xung lực phía trước và phía sau, trụ lái có thể gập lại và bộ căng dây đai an toàn để thắt chặt dây đai an toàn ghế trước nếu xảy ra va chạm đủ mạnh.

Tuy nhiên, các tính năng an toàn này sẽ không phát huy hết tác dụng bảo vệ cho bạn và hành khách trừ khi bạn ngồi đúng vị trí và luôn thắt dây đai an toàn. Thực tế, một số tính năng an toàn có thể khiến bạn bị thương nếu không sử dụng đúng cách.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Danh mục kiểm tra an toàn

Để đảm bảo an toàn cho bạn và hành khách, hãy kiểm tra những mục sau trước mỗi lần lái xe.

- Điều chỉnh ghế tới vị trí thích hợp để lái xe. Đảm bảo ghế trước được điều chỉnh càng lùi về phía sau càng tốt mà vẫn cho phép người lái có thể điều khiển xe. Ngồi quá gần túi khí trước có thể dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.
  ➡ **Ghế ngồi** Tr. 226
- Điều chỉnh tựa đầu tới vị trí thích hợp. Tựa đầu phát huy tác dụng nhất khi phần giữa của tựa đầu thẳng với giữa đầu bạn. Người có vóc dáng cao nên điều chỉnh tựa đầu tới vị trí cao nhất.
  ➡ **Điều chỉnh tựa đầu ghế trước** Tr. 233
- Luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách. Đảm bảo tất cả hành khách đều thắt đúng cách.
  ➡ **Thắt dây đai an toàn** Tr. 50
- Bảo vệ trẻ em bằng dây đai an toàn hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo lứa tuổi, chiều cao và cân nặng.
  ➡ **An toàn cho trẻ** Tr. 68

Danh mục kiểm tra an toàn

Nếu thông báo cửa và/hoặc cốp mở xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, cánh cửa và/hoặc cốp chưa được đóng hoàn toàn. Hãy đóng chặt tất cả các cửa và cốp cho đến khi thông báo biến mất.

➡ **Cảnh báo*1/Thông tin*2** Tr. 136
➡ **Cảnh báo** Tr. 171

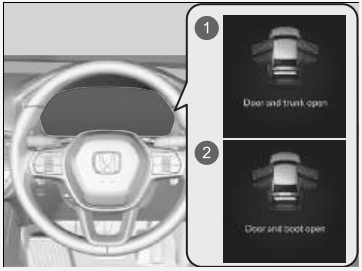

❶ Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
❷ Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

Dây đai an toàn trên xe

Dây đai an toàn là thiết bị an toàn đơn giản hiệu quả nhất bởi vì giúp giữ cố định bạn trong xe, nhờ đó bạn có thể tận dụng nhiều tính năng an toàn được tích hợp sẵn trên xe. Dây đai giữ bạn không bị văng bên trong xe, văng vào các hành khách khác trên xe, hoặc văng ra khỏi xe. Khi được thắt đúng cách, dây đai an toàn sẽ giữ bạn ở tư thế thích hợp để tận dụng tối đa chức năng bảo vệ phụ trợ của các túi khí trong trường hợp xảy ra va chạm.

Ngoài ra, dây đai an toàn giúp bảo vệ bạn trong hầu hết các tình huống va chạm, bao gồm:
- va chạm phía trước
- va chạm bên
- va chạm phía sau
- lộn vòng

Dây đai an toàn của xe

⚠CẢNH BÁO

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể tăng nguy cơ bị chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm, ngay cả khi xe bạn được trang bị túi khí.

Hãy đảm bảo bạn và hành khách luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

CẢNH BÁO: Dây đai an toàn được thiết kế để ôm trọn phần khung cơ thể và nên được thắt thấp ngang qua phía trước phần xương chậu hoặc xương chậu, ngực và vai; tránh thắt dây đai an toàn hông qua vùng bụng.

CẢNH BÁO: Dây đai an toàn phải được điều chỉnh càng chắc càng tốt, tạo sự thoải mái và có thể thực hiện chức năng bảo vệ như được thiết kế. Thắt lỏng dây đai an toàn sẽ làm giảm đáng kể khả năng bảo vệ cho người sử dụng.

CẢNH BÁO: Không nên xoắn vặn đai khi thắt dây đai an toàn.

CẢNH BÁO: Mỗi dây đai an toàn chỉ được sử dụng cho một người, việc vòng dây đai an toàn ngang qua trẻ nhỏ đang ngồi trong lòng người sử dụng sẽ rất nguy hiểm.

■ Dây đai an toàn ngang hông/đeo chéo vai

Tất cả năm ghế ngồi đều được trang bị dây đai an toàn ngang hông/đeo chéo vai có bộ rút khóa khẩn cấp. Trong điều kiện lái xe thông thường, bộ rút khóa dây đai an toàn cho phép bạn di chuyển thoải mái mà vẫn giữ được lực căng cho dây đai. Khi có va chạm hoặc xe dừng đột ngột, bộ rút sẽ khóa lại để bảo vệ cơ thể bạn.

Thắt dây đai an toàn đúng cách khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.

➔ **Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng dây đai an toàn ngang hông/đeo chéo vai** Tr. 86

Dây đai an toàn của xe

Nếu bạn kéo dây đai an toàn ra quá nhanh, dây đai sẽ bị khóa lại. Nếu điều này xảy ra, hãy nhẹ nhàng rút dây đai an toàn, sau đó nới ra từ từ.

Dây đai an toàn không thể bảo vệ bạn trong tất cả các vụ va chạm. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, dây đai an toàn có thể giảm nguy cơ bị chấn thương nặng.

Hầu hết các quốc gia đều yêu cầu thắt dây đai an toàn. Hãy dành thời gian để tìm hiểu quy định của quốc gia nơi bạn lái xe.

Còn nữa

■ Sử dụng dây đai an toàn đúng cách

Tuân theo các hướng dẫn sau để sử dụng đúng cách:

- Tất cả mọi người phải ngồi thẳng, dựa lưng vào ghế và duy trì tư thế đó trong suốt chuyến đi. Ngồi thõng xuống và ngồi ngả người sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ của dây đai an toàn và làm tăng nguy cơ bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.
- Không được để phần vai của dây đai an toàn ngang hông/đeo chéo vai dưới cánh tay hoặc sau lưng bạn. Điều này có thể gây chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.
- Không được sử dụng một dây đai an toàn cho hai người. Làm như vậy có thể gây ra chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.
- Không được lắp thêm phụ kiện gì vào dây đai an toàn. Việc lắp các phụ kiện giúp bạn thoải mái hơn hoặc đặt lại vị trí của phần đai vai của dây đai an toàn có thể làm giảm khả năng bảo vệ và tăng nguy cơ bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.

■ Nhắc thắt dây đai an toàn



■ Ghế trước

Hệ thống dây đai an toàn có một đèn báo trên bảng điều khiển để nhắc nhở người lái hoặc hành khách phía trước* hoặc cả hai* thắt dây đai an toàn.
Nếu bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT và không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng.

Tiếng bíp vang lên từng hồi và đèn báo sẽ nhấp nháy nếu bạn lái xe mà không thắt dây đai an toàn.

Nhắc thắt dây đai an toàn

Loại xe có nhắc thắt dây đai an toàn ghế hành khách phía trước

Đèn báo cũng sẽ sáng nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn trong vòng sáu giây từ khi đặt chế độ nguồn thành BẬT.

Khi không có ai ngồi ở ghế hành khách trước, đèn báo sẽ không sáng và tiếng bíp không vang lên.

Nếu đèn báo sáng hoặc tiếng bíp vang lên khi không có ai ngồi ở ghế hành khách trước, Hãy kiểm tra xem:
- Có vật nặng nào trên ghế hành khách phía trước không.
- Người lái đã thắt dây đai an toàn chưa.

Nếu đèn báo không sáng khi hành khách ngồi vào ghế và không thắt dây đai an toàn, có thể có vật gì đó đang gây nhiễu cảm biến phát hiện người ngồi. Hãy kiểm tra xem:
- Có đệm đặt trên ghế không.
- Hành khách phía trước ngồi đúng tư thế chưa.

Nếu không phải những trường hợp nói trên, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa



❶ Thắt dây đai an toàn
❷ Không thắt dây đai an toàn

■ **Ghế sau***

Xe của bạn giám sát việc sử dụng dây đai an toàn ghế sau. Màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ thông báo cho bạn biết trạng thái sử dụng của dây đai an toàn ghế sau.

Thông báo xuất hiện khi:

- Hành khách ngồi ghế sau chưa thắt dây đai an toàn khi đặt chế độ nguồn thành BẬT.
- Cửa sau mở rồi đóng.
- Hành khách phía sau thắt hoặc tháo dây đai an toàn.

Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn nhấp nháy và tiếng bíp vang lên nếu hành khách ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn trong khi xe đang chạy.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Bộ căng dây đai an toàn tự động

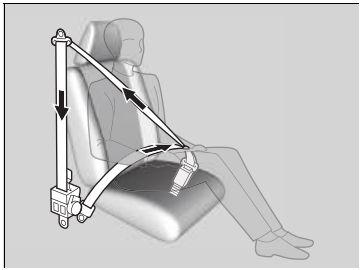

Các ghế trước được trang bị bộ căng dây đai an toàn tự động để làm tăng độ an toàn.

Bộ căng dây đai an toàn sẽ tự động siết chặt dây đai an toàn của ghế trước trong trường hợp va chạm trực diện từ mức độ trung bình đến mạnh, đôi khi ngay cả khi va chạm không đủ mạnh để kích hoạt túi khí phía trước.

»Bộ căng dây đai an toàn tự động

Chỉ có thể sử dụng bộ căng dây đai an toàn một lần duy nhất.
Khi bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, đèn báo SRS sẽ sáng. Hãy mang xe đến đại lý để thay bộ căng dây đai an toàn và kiểm tra toàn bộ hệ thống dây đai an toàn vì nó có thể không còn khả năng bảo vệ trong những lần va chạm sau đó.

Loại xe có túi khí rèm bên

Khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ căng dây đai an toàn ở cả hai bên xe cũng sẽ kích hoạt.

Thắt dây đai an toàn

Sau khi điều chỉnh ghế trước đến vị trí phù hợp, trong khi ngồi thẳng và dựa lưng vào ghế (xem hình minh họa để ngồi đúng tư thế):

➔ **Ghế ngồi** Tr. 226



1. Kéo dây đai an toàn ra từ từ.

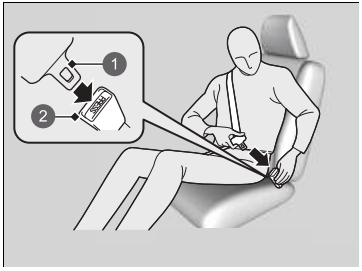

2. Gài đầu chốt vào trong khóa, sau đó giật mạnh dây đai để đảm bảo khóa chắc chắn.

▶ Đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn hoặc vướng vào bất kỳ vật gì.

❶ Đầu chốt
❷ Khóa

Thắt dây đai an toàn

Không để ai ngồi ở ghế có dây đai an toàn không hoạt động hoặc dây đai hoạt động không tốt. Sử dụng dây đai hoạt động không tốt sẽ không bảo vệ được hành khách khi xảy ra va chạm. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sớm nhất có thể.

Nếu dây an toàn bị kẹt khóa ở vị trí rút lại hoàn toàn, hãy kéo mạnh dây đai vai một lần, sau đó đẩy dây đai trở lại.
Sau đó, từ từ kéo dây ra khỏi bộ rút và thắt dây đai.
Nếu bạn không thể nhả dây đai an toàn khỏi vị trí rút lại hoàn toàn, không để ai ngồi vào ghế và hãy mang xe của bạn đến đại lý để sửa chữa.

➔ **Dây đai an toàn của xe** Tr. 44
➔ **Kiểm tra dây đai an toàn** Tr. 54



3. Điều chỉnh phần hông của dây đai càng thấp càng tốt qua hông bạn (xem hình), sau đó kéo phần đai vai của dây đai an toàn lên để khít vào phần hông. Làm như vậy để nếu có va chạm thì xương chậu là bộ phận khỏe trên cơ thể sẽ chịu lực và giảm nguy cơ bị chấn thương nội tạng.

4. Nếu cần thiết, kéo dây đai lần nữa để tránh dây đai bị chùng, sau đó kiểm tra xem dây đai có thắt ở giữa ngực và qua vai không. Làm như vậy có tác dụng phân tán lực va chạm ra phần xương chắc khỏe nhất của nửa phần trên cơ thể.

Thắt dây đai an toàn

⚠CẢNH BÁO

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong nếu xảy ra va chạm.

Đảm bảo thắt dây đai an toàn đúng cách trước khi lái xe.

Để nhả dây đai an toàn, hãy ấn nút **PRESS** màu đỏ, sau đó dùng tay dẫn hướng dây đai an toàn đến khi dây đai rút lại hoàn toàn.
Khi ra khỏi xe, đảm bảo dây đai an toàn đã được xếp gọn đúng cách để không bị mắc vào cửa khi đóng.

Không được để bất kỳ dị vật nào lọt vào trong khóa hoặc cơ cấu rút dây đai an toàn.

Còn nữa

■ Điều chỉnh móc neo vai

Các ghế trước có móc neo vai có thể điều chỉnh để phù hợp với người ngồi trên xe.



1. Di chuyển móc neo lên và xuống đồng thời giữ nút nhả.
2. Định vị móc neo sao cho dây đai chéo qua phần giữa ngực và vòng qua vai.

Điều chỉnh móc neo vai

Sau khi điều chỉnh, hãy cố định vị trí móc neo vai.

Có thể điều chỉnh độ cao móc neo vai theo bốn mức. Nếu dây đai an toàn chạm vào cổ bạn, hãy hạ chiều cao của móc neo vai từng mức một.

■ Lời khuyên cho phụ nữ mang thai

Lời khuyên:

Nếu bạn là phụ nữ mang thai, cách tốt nhất để bảo vệ bạn và em bé trong bụng bạn khi lái hoặc ngồi trên xe là luôn thắt dây đai an toàn. Khi thắt dây đai an toàn, thắt dây đai vai qua phần ngực, không thắt qua vùng bụng và giữ phần đai hông thắt ngang qua hông càng thấp càng tốt. (Xem hình minh họa.)

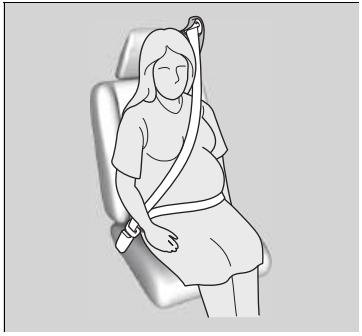

Lời khuyên cho phụ nữ mang thai

Mỗi lần đi kiểm tra sức khoẻ, hãy hỏi bác sỹ xem bạn có thể lái xe không.

Để giảm nguy cơ xảy ra thương tích cho bạn và em bé trong bụng khi bung túi khí trước, hãy làm theo các hướng dẫn sau:

- Khi lái xe, ngồi thẳng lưng và điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều khiển xe thoải mái.
- Khi ngồi ở ghế hành khách phía trước, điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt.

Kiểm tra dây đai an toàn

Thường xuyên kiểm tra tình trạng của dây đai an toàn như sau:

- Kéo từng dây đai an toàn ra hết cỡ và kiểm tra xem có bị sờn, cắt, cháy và mòn không.
- Kiểm tra xem các chốt và khóa hoạt động trơn tru không và các dây đai rút dễ dàng không.
  ▶ Nếu khi rút dây đai bị mắc, hãy làm sạch dây đai. Chỉ sử dụng xà phòng trung tính và nước ấm để lau. Không được dùng thuốc tẩy hoặc dung môi tẩy rửa. Đảm bảo lau khô dây đai an toàn trước khi dây đai rút lại.

Bất kỳ dây đai an toàn nào hoạt động không tốt hoặc trong điều kiện không tốt sẽ không có khả năng bảo vệ và cần được thay thế càng sớm càng tốt.
Dây đai an toàn đã bị mòn khi xảy ra va chạm sẽ không còn đảm bảo hiệu quả bảo vệ trong lần va chạm sau. Hãy đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sau mỗi lần va chạm.

Kiểm tra dây đai an toàn

⚠CẢNH BÁO

Không kiểm tra hoặc bảo dưỡng dây đai an toàn có thể gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong nếu dây đai an toàn không hoạt động đúng cách khi cần thiết.

Thường xuyên kiểm tra dây đai an toàn và khắc phục sự cố càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO: Không được thay đổi hoặc thêm gì vào dây đai an toàn để tránh làm cản trở hoạt động của các thiết bị của dây đai an toàn hoặc cản trở dây đai tự điều chỉnh để không bị chùng.

CẢNH BÁO: Phải thay cả bộ dây đai an toàn đã bị mòn sau khi xảy ra va chạm nghiêm trọng, hoặc ngay cả khi không thấy rõ hư hỏng trên bộ dây đai.

CẢNH BÁO: Cần bảo quản dây đai an toàn để dây đai không bị bẩn do dầu bóng, dầu bôi trơn, hóa chất và đặc biệt là dung dịch axit của bình ắc-quy. Hãy làm sạch dây đai an toàn bằng xà phòng trung tính và nước. Hãy thay dây đai nếu dây đai bị sờn, bị bẩn hoặc bị hỏng.

Điểm neo



Khi thay thế dây đai an toàn, hãy sử dụng những điểm neo như hình vẽ.
Ghế trước có một dây đai an toàn ngang hông/đeo chéo vai.



Ghế sau có ba dây đai an toàn ngang hông/đeo chéo vai.

Thành phần hệ thống túi khí

Túi khí trước, túi khí bên phía trước*, túi khí bên phía sau* và túi khí rèm* sẽ bung theo hướng và mức độ va chạm. Hệ thống túi khí bao gồm:

- Hai túi khí SRS (Hệ thống bảo vệ phụ trợ) phía trước. Túi khí của người lái được đặt ở giữa vô-lăng; túi khí của hành khách phía trước được đặt ở trong bảng táp-lô. Cả hai được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

Loại xe có túi khí bên

- Bốn túi khí bên, một cho người lái, một cho hành khách phía trước và hai cho ghế sau bên ngoài*.
  Các túi khí trước được đặt ở cạnh ngoài của lưng ghế, và các túi khí sau*được đặt bên cạnh hai vị trí ghế sau bên ngoài.
  Tất cả đều được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

Loại xe có túi khí rèm bên

- Hai túi khí rèm bên, mỗi bên xe có một chiếc. Các túi khí được đặt trên trần, phía trên cửa kính bên. Trụ phía trước và phía sau đều được đánh dấu **SIDE CURTAIN AIRBAG**.

- Khi chế độ nguồn ở BẬT, bộ điều khiển điện tử liên tục theo dõi thông tin về các cảm biến va chạm khác nhau, cảm biến ghế ngồi và khóa, bộ kích hoạt túi khí, bộ căng dây đai an toàn và thông tin khác về xe. Khi xảy ra va chạm, bộ điều khiển này sẽ ghi lại những thông tin đó.

- Bộ căng dây đai an toàn ghế trước tự động.

- Các cảm biến va chạm có thể phát hiện va chạm có mức độ từ trung bình đến mạnh từ phía trước hoặc hai bên*.

- Đèn báo trên bảng điều khiển sẽ cảnh báo bạn nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai an toàn có sự cố.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Thông tin quan trọng về túi khí

Túi khí có thể gây nguy hiểm nghiêm trọng. Khi hoạt động, túi khí phải bung với một lực rất mạnh. Do đó, túi khí có thể bảo vệ tính mạng của bạn nhưng cũng có thể gây bỏng, thâm tím và một số thương tích nhẹ khác, thậm chí có thể gây tử vong nếu người ngồi trên xe không thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi không đúng tư thế.

Bạn cần phải làm gì: Luôn thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng người càng xa vô lăng càng tốt trong khi vẫn có thể kiểm soát hoàn toàn phương tiện. Hành khách ngồi phía trước cần điều chỉnh ghế càng xa bảng táp-lô càng tốt.

Tuy nhiên, hãy nhớ rằng không có hệ thống an toàn nào có thể ngăn ngừa được mọi thương tích hoặc tử vong trong các vụ va chạm mạnh, ngay cả khi đã thắt dây đai an toàn đúng cách và túi khí được bung ra.

Không được để vật cứng hoặc sắc nhọn ở giữa bạn và túi khí trước. Để các vật cứng hoặc sắc nhọn ở đùi, hoặc vừa lái xe vừa hút tẩu thuốc hoặc ngậm một vật nhọn ở miệng có thể gây thương tích nếu túi khí trước bung ra.

Không được gắn hoặc đặt bất cứ vật gì lên nắp túi khí trước. Bất kỳ vật gì đặt trên nắp có đánh dấu **SRS AIRBAG** có thể cản trở hoạt động của túi khí hoặc bị đẩy vào bên trong xe và gây thương tích nếu túi khí bung ra.

Thông tin quan trọng về túi khí

Không được cố hủy kích hoạt túi khí. Túi khí cùng với dây đai an toàn sẽ mang lại sự bảo vệ tốt nhất.

Khi lái xe, để tay và cánh tay ngoài khu vực bung của túi khí trước bằng cách nắm vào hai bên vô lăng. Không được vắt chéo tay qua phần nắp túi khí.

Loại túi khí

Xe của bạn được trang bị ba loại túi khí:

- **Túi khí trước:** Các túi khí ở phía trước ghế người lái và ghế hành khách trước.
- **Túi khí bên*:** Các túi khí ở lưng ghế người lái, ghế hành khách trước và bên cạnh hai ghế sau bên ngoài*.
- **Túi khí rèm bên*:** Các túi khí ở phía trên cửa kính bên.

Từng loại túi khí được đề cập ở những trang sau đây.

Loại túi khí

Túi khí có thể bung bất cứ khi nào chế độ nguồn ở BẬT.

Sau khi túi khí bung ra khi xảy ra va chạm, bạn có thể thấy một lượng khói nhỏ. Đây thực chất là một loại bột vô hại tạo ra do quá trình đốt cháy vật liệu làm phồng túi khí. Những người có vấn đề về hô hấp có thể cảm thấy khó chịu một chút. Trong trường hợp này, hãy ra khỏi xe càng nhanh càng tốt khi đã cảm thấy an toàn.

Túi khí trước (SRS)

Các túi khí SRS phía trước bung ra khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh giúp bảo vệ phần đầu và ngực của người lái và/hoặc hành khách phía trước.

SRS (Hệ thống bảo vệ phụ trợ) cho biết túi khí được thiết kế chỉ để hỗ trợ, không phải thay thế cho dây đai an toàn. Các dây đai an toàn là hệ thống bảo vệ chính.

■ Vị trí đựng

Các túi khí trước được đặt ở giữa vô lăng dành cho người lái và đặt trong bảng táp-lô là dành cho hành khách trước. Cả hai túi khí đều được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Hoạt động

Túi khí trước sẽ bung ra khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh. Khi xe giảm tốc độ đột ngột, các cảm biến sẽ gửi thông tin đến bộ điều khiển, và bộ điều khiển sẽ quyết định một hoặc cả hai túi khí trước sẽ bung ra.

Va chạm từ phía trước có thể xảy ra vào đầu hoặc góc giữa hai xe, hoặc khi xe đâm vào một vật cố định, như tường bê tông.

■ Cách hoạt động của túi khí trước

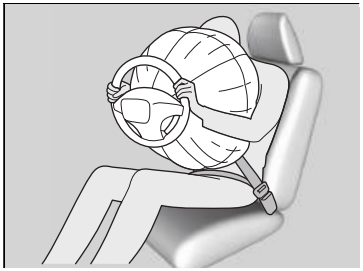

Trong khi dây đai an toàn bảo vệ phần thân của bạn thì túi khí trước hỗ trợ bảo vệ phần đầu và ngực.
Túi khí trước sẽ xẹp ngay nên nó không cản trở tầm quan sát, khả năng đánh lái hoặc điều khiển xe của người lái.

Túi khí bung ra và xẹp đi nhanh tới mức hầu hết mọi người đều không nhận ra túi khí đã bung cho đến lúc thấy nó đã nằm ngay trước mặt.

Còn nữa

■ Túi khí trước không bung ra khi

Va chạm nhẹ từ phía trước: Túi khí trước được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn và giúp bảo vệ tính mạng con người, chứ không giúp bạn tránh bị những vết xước nhẹ, thậm chí gãy xương trong trường hợp xảy ra va chạm từ phía trước với mức độ thấp hơn mức trung bình đến mạnh.

Va chạm bên: Túi khí trước có thể bảo vệ bạn khi xe đột ngột giảm tốc độ làm cho người lái hoặc hành khách trước nhào về phía trước. Túi khí bên* và túi khí rèm bên* được thiết kế đặc biệt để giúp giảm mức độ chấn thương khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh làm cho người lái hoặc hành khách xô sang một bên.

Va chạm phía sau: Tựa đầu và dây đai an toàn bảo vệ bạn tốt nhất khi có va chạm từ phía sau. Các túi khí trước không thể bảo vệ hiệu quả và không được thiết kế để hỗ trợ trong trường hợp va chạm này.

Xe bị lộn vòng: Dây đai an toàn và các túi khí rèm bên* mang lại hiệu quả bảo vệ tốt nhất trong trường hợp xe bị lộn vòng. Túi khí phía trước mang lại hiệu quả bảo vệ thấp nên không được thiết kế để bảo vệ trong trường hợp này.

■ Túi khí trước bung khi xảy ra va chạm làm xe bị hư hỏng nhẹ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí có thể nhận biết khi xe giảm tốc đột ngột, nên một va chạm mạnh vào khung xe hoặc hệ thống treo của xe có thể làm một hoặc nhiều túi khí bung ra. Ví dụ khi gầm xe va vào lề đường, mép hố, hoặc những vật thể cố định thấp khác có thể khiến xe giảm tốc độ đột ngột. Vì va chạm dưới gầm xe nên có thể không thấy rõ hư hỏng.

■ Túi khí trước không bung ngay cả khi xe bị hư hỏng nặng bên ngoài

Do các bộ phận thân xe là phần hấp thụ lực va chạm trong trường hợp xe bị va chạm, nên không thể chỉ dựa vào mức độ hư hỏng bên ngoài mà có thể khẳng định túi khí của xe có hoạt động tốt hay không. Thực tế, một vài va chạm có thể dẫn đến hư hỏng nặng nhưng túi khí không bung bởi vì trong trường hợp này túi khí không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi bung ra.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Túi khí bên*

Túi khí bên giúp bảo vệ phần thân trên và xương chậu của người lái, hành khách phía trước hoặc người ngồi ghế sau bên ngoài* khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

■ Vị trí đựng

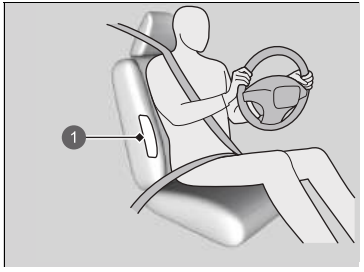

Túi khí bên được lắp ở lưng ghế người lái và lưng ghế hành khách, và bên cạnh hai vị trí ghế sau bên ngoài*.

Các túi khí được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

❶ Vị trí túi khí bên

Loại xe có túi khí bên phía sau



❶ Vị trí túi khí bên

Túi khí bên*

Không được gắn thêm phụ kiện vào hoặc gần túi khí bên. Việc này có thể cản trở túi khí hoạt động, hoặc làm ai đó bị thương khi túi khí bung.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Hoạt động

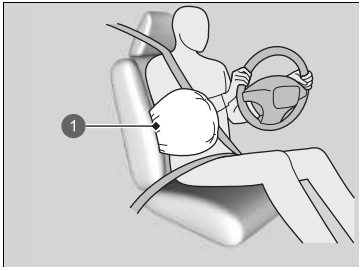

❶ Túi khí bên bung ra

Khi các cảm biến phát hiện va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ điều khiển sẽ gửi tín hiệu đến túi khí bên phía có va chạm để bung ra ngay lập tức.

Loại xe có túi khí bên phía sau



❶ Túi khí bên bung ra

Túi khí bên*

Không bọc hoặc thay vỏ lưng ghế trước và ghế sau* mà không tham khảo đại lý.
Thay thế hoặc bọc không đúng cách vỏ lưng ghế trước và ghế sau* có thể làm túi khí bên bung ra không đúng cách khi xảy ra va chạm bên.

Không để hành khách phía trước và phía sau dựa nghiêng sang một bên với phần đầu nghiêng về hướng bung ra của túi khí bên. Túi khí bên bung có thể bật ra lực rất mạnh và làm hành khách bị chấn thương nặng.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Túi khí bên bung khi xe bị hư hỏng nhẹ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí có thể nhận biết khi xe tăng tốc đột ngột, nên một va chạm mạnh vào sườn của khung xe có thể làm túi khí bên bung ra. Trong trường hợp đó, có thể có hư hỏng nhẹ hoặc không có hư hỏng nhưng cảm biến va chạm bên đã phát hiện mức độ va chạm đủ mạnh để làm bung túi khí.

■ Túi khí bên không bung ngay cả khi xe bị hư hỏng nặng

Túi khí bên có thể không bung ra khi xảy ra va chạm gây hư hỏng nặng. Điều này có thể xảy ra khi điểm va chạm ở quá xa phần phía trước hoặc phía sau của xe, hoặc khi bộ phận thân xe hấp thụ hết lực va chạm. Trong cả hai trường hợp trên, túi khí sẽ không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi bung ra.

Túi khí rèm bên*

Túi khí rèm bên giúp bảo vệ đầu của người lái và hành khách ở vị trí ngồi ngoài cùng trong trường hợp va chạm bên hông từ mức độ trung bình đến mạnh.

■ Vị trí đựng

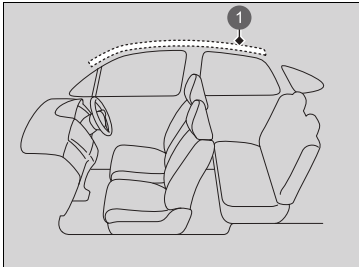

Túi khí rèm bên được đặt trên trần xe, ngay phía trên cửa kính bên ở hai bên của xe.

❶ Vị trí túi khí rèm bên

Túi khí rèm bên*

Túi khí rèm bên có khả năng bảo vệ hiệu quả nhất khi người sử dụng thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng, dựa vào lưng ghế.

Không gắn bất cứ vật gì vào cửa kính bên hoặc trụ đỡ nóc xe vì việc đó có thể làm cho túi khí rèm bên hoạt động không tốt.

Không treo móc áo hoặc vật cứng lên móc treo áo. để tránh bị thương nếu túi khí rèm bên bung ra.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Hoạt động

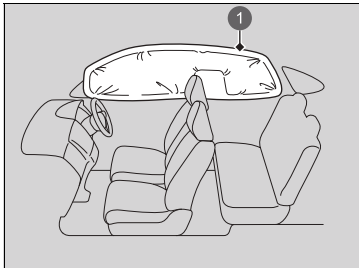

Túi khí rèm bên được thiết kế để bung ra khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

❶ Túi khí rèm bên bung ra

■ Túi khí rèm bên bung khi có va chạm từ phía trước

Một hoặc cả hai túi khí rèm bên có thể bung ra trong trường hợp va chạm góc xe phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh.

Đèn báo hệ thống túi khí

Nếu hệ thống túi khí có sự cố, đèn báo SRS sẽ bật sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

■ Đèn báo hệ thống bảo vệ phụ trợ (SRS)



❶ Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
❷ Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

■ Khi đặt chế độ nguồn thành BẬT

Đèn báo sáng trong vài giây sau đó tắt. Điều này cho biết hệ thống đang hoạt động tốt.

Nếu đèn báo sáng ngoài khoảng thời gian đó, hoặc không sáng, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt. Nếu không, túi khí và bộ căng dây đai an toàn có thể không hoạt động đúng cách khi cần.

Đèn báo hệ thống bảo vệ phụ trợ (SRS)

⚠CẢNH BÁO

Không để ý đến đèn báo SRS có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai không hoạt động tốt.

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt nếu đèn báo SRS cảnh báo bạn có thể xảy ra sự cố.

Kiểm tra và thay thế túi khí

Bạn không cần và không nên tự mình thực hiện kiểm tra hoặc thay thế bất cứ bộ phận nào của túi khí. Tuy nhiên, bạn nên mang xe đến đại lý để kiểm tra trong các tình huống sau:

■ Sau khi túi khí bung

Sau khi túi khí bung, phải thay bộ điều khiển và các bộ phận liên quan. Tương tự, phải thay bộ căng dây đai an toàn tự động sau khi bộ này được kích hoạt.

■ Sau khi xe bị va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh

Ngay cả khi túi khí không bung, hãy đến đại lý để kiểm tra các bộ phận sau: bộ căng dây đai an toàn ghế trước và từng dây đai an toàn xem có bị mòn sau khi xảy ra va chạm không.

Kiểm tra và thay thế túi khí

Nghiêm cấm tháo bất kỳ bộ phận nào của túi khí ra khỏi xe.

Trong trường hợp túi khí có sự cố hoặc ngưng hoạt động, hoặc sau khi túi khí bung/bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, hãy yêu cầu thợ sửa chữa có tay nghề thực hiện sửa chữa.

Bạn không nên sử dụng lại các bộ phận của hệ thống túi khí, bao gồm túi khí, các bộ căng dây đai an toàn, các cảm biến và bộ điều khiển.

Bảo vệ an toàn cho trẻ

Hàng năm có rất nhiều trẻ bị thương tích hoặc tử vong trong những vụ tai nạn xe hơi bởi vì không được giữ an toàn hoặc được giữ an toàn không đúng cách. Trên thực tế, tai nạn xe hơi là nguyên nhân số một gây tử vong cho trẻ em từ 12 tuổi trở xuống.

Để giảm số trẻ em bị thương và tử vong, trẻ sơ sinh và trẻ lớn hơn cần được bảo vệ đúng cách khi ngồi trên xe.



Trẻ em phải ngồi đúng cách và được bảo vệ ở ghế sau. vì những lý do sau:

- Túi khí trước bung có thể gây chấn thương hoặc tử vong cho trẻ ngồi ở ghế trước.
- Trẻ em ngồi ở ghế trước có thể làm phân tán khả năng điều khiển xe an toàn của người lái.
- Số liệu thống kê cho thấy trẻ nhỏ với mọi tầm vóc và lứa tuổi sẽ an toàn hơn khi được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

Bảo vệ an toàn cho trẻ

Tấm che nắng hành khách phía trước

⚠CẢNH BÁO



KHÔNG BAO GIỜ sử dụng ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế được bảo vệ bởi TÚI KHÍ ĐANG HOẠT ĐỘNG ở phía trước, TRẺ EM có thể TỬ VONG hoặc bị THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG.

⚠CẢNH BÁO

Trẻ không được bảo vệ hoặc bảo vệ không đúng cách có thể bị chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Nếu trẻ quá nhỏ không thể sử dụng dây đai an toàn, trẻ cần được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn có thể sử dụng dây đai an toàn và ghế nâng khi cần thiết.

- Không bao giờ ôm trẻ em trên đùi bạn bởi việc làm này không thể bảo vệ trẻ trong trường hợp xảy ra va chạm.
- Không bao giờ thắt dây đai an toàn vòng qua cả bạn và trẻ. Trong một vụ va chạm, dây đai có khả năng sẽ siết sâu vào trẻ và gây ra các thương tích nghiêm trọng hoặc gây tử vong.
- Không để hai trẻ sử dụng chung một dây đai an toàn. Cả hai trẻ có thể bị thương tích rất nghiêm trọng trong một vụ va chạm.
- Nếu trẻ quá nhỏ không thể thắt dây đai an toàn, trẻ phải được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em đúng tiêu chuẩn được lắp đúng cách trên xe bằng cách sử dụng dây đai an toàn hoặc hệ thống móc neo ghế ngồi trẻ em.

Bảo vệ an toàn cho trẻ

Ở nhiều quốc gia, pháp luật quy định trẻ em từ 12 tuổi trở xuống và những trẻ dưới 150 cm phải được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

Ở nhiều quốc gia, cần sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em phù hợp và đúng tiêu chuẩn khi để trẻ ngồi ở ghế hành khách bất kỳ. Hãy kiểm tra các quy định của pháp luật sở tại.

Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo Quy định số 44 hoặc số 129 của Liên Hợp Quốc hoặc theo quy định của quốc gia sở tại.

Chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em Tr. 74

Loại xe tại Malaysia

Thanh dọc cửa hành khách trước

⚠CẢNH BÁO



Rất nguy hiểm!

KHÔNG sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế được bảo vệ bởi túi khí ở phía trước!

Còn nữa

- Không để trẻ em vận hành cửa, cửa kính hoặc điều chỉnh ghế.
- Không được để trẻ một mình trên xe, đặc biệt là khi trời nóng vì nhiệt độ trong xe có thể nóng đến mức làm trẻ tử vong. Trẻ cũng có thể vô tình kích hoạt hệ thống điều khiển làm cho xe di chuyển.

Bảo vệ an toàn cho trẻ

CẢNH BÁO: Sử dụng nút khóa cửa kính điện để ngăn trẻ em mở các cửa kính. Sử dụng tính năng này để ngăn trẻ nghịch cửa kính bởi việc đùa nghịch này có thể gây nguy hiểm cho trẻ hoặc làm cho người lái mất tập trung.

➔ **Mở/đóng cửa kính điện** Tr. 197

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa điện mỗi khi rời khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

Để nhắc bạn về nguy hiểm của túi khí trước phía hành khách và an toàn cho trẻ, xe của bạn có nhãn cảnh báo trên tấm che nắng phía hành khách và thanh dọc cửa hành khách trước*.
Hãy đọc và làm theo các hướng dẫn trên nhãn này.

➔ **Nhãn an toàn** Tr. 94

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

An toàn cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ

■ Bảo vệ trẻ sơ sinh

Trẻ sơ sinh phải được đặt trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đạt đến giới hạn trọng lượng và chiều cao để sử dụng ghế của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.



■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau

Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được đặt ở hàng ghế sau.

- ▶ Bạn nên lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ở ghế ngay phía sau ghế hành khách trước, di chuyển ghế về phía trước để có đủ khoảng trống lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em và để trống ghế ngồi đó.
- ▶ Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em và ghế phía trước không sát nhau.
  Nếu không, bạn có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau có kích thước nhỏ hơn.

≫Bảo vệ trẻ sơ sinh

⚠CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế trước có thể khiến trẻ bị chấn thương nặng hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách bung ra.

Luôn đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế sau, không đặt ở ghế trước.

Còn nữa

Khi hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau được lắp đúng cách, người lái hoặc hành khách ngồi ghế trước không thể ngả hết cỡ ghế của họ về phía sau được, hoặc không thể khóa lưng ghế ở vị trí mong muốn.

Bảo vệ trẻ sơ sinh

Các chuyên gia khuyến nghị nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đủ hai tuổi nếu chiều cao và cân nặng của trẻ vẫn phù hợp với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.

Không lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở vị trí ngồi quay mặt về phía trước.

Luôn tham khảo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em trước khi lắp đặt.

Túi khí trước phía hành khách bung ra có thể va vào hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau với lực rất mạnh làm hệ thống bật ra khỏi vị trí, khiến trẻ bị chấn thương nặng.

■ Bảo vệ trẻ nhỏ

Nếu trẻ có cân nặng và chiều cao vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau, bạn nên đặt trẻ ngồi chắc chắn trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước cho đến khi cân nặng và chiều cao của trẻ vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.

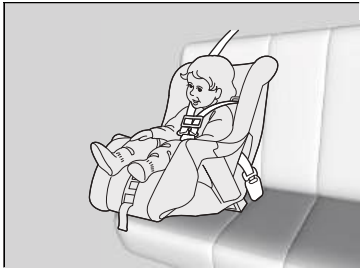

■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước

Bạn nên đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế sau.

Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế trước có thể gây nguy hiểm. Đặt ở ghế sau sẽ an toàn nhất cho trẻ.

Bảo vệ trẻ nhỏ

⚠CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước có thể khiến trẻ bị thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong nếu túi khí trước bung ra.

Nếu bạn phải đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước, hãy dịch chuyển ghế càng lùi về phía sau càng tốt và bảo vệ trẻ đúng cách.

Tự trang bị kiến thức pháp luật và các quy định liên quan tới hệ thống ghế ngồi trẻ em tại nước sở tại khi lái xe và tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

Còn nữa

■ Chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Một số hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới. Một số hệ thống có loại móc treo cứng trong khi một vài loại khác có móc treo mềm. Cả hai loại này đều dễ sử dụng. Một số hệ thống ghế ngồi trẻ em hiện tại và trước kia chỉ có thể được lắp đặt bằng cách sử dụng dây đai an toàn. Cho dù bạn chọn loại nào, hãy tuân theo những hướng dẫn về sử dụng và bảo dưỡng của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em cũng như hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này. Lắp đặt đúng mới có thể đảm bảo an toàn tối đa cho trẻ.

Loại mềm có thể không có sẵn tại quốc gia của bạn.

Đối với các vị trí ngồi và xe không được trang bị móc neo phía dưới, hãy lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em sử dụng dây đai an toàn và dây thắt trên cùng để tăng độ chắc chắn. Vì toàn bộ hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được cố định chắc chắn bằng dây đai an toàn khi không sử dụng hệ thống móc neo phía dưới. Ngoài ra, nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em khuyến nghị bạn nên sử dụng dây đai an toàn để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em theo tiêu chuẩn ISOFIX khi trẻ đạt tới cân nặng tiêu chuẩn. Hãy đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em để được hướng dẫn lắp đặt đúng cách.

■ Lưu ý quan trọng khi lựa chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em đáp ứng được ba yêu cầu sau:

- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại và kích cỡ phù hợp với trẻ.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại phù hợp với vị trí ghế ngồi.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải đạt tiêu chuẩn an toàn. Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo Quy định số 44 hoặc số 129 của Liên Hợp Quốc hoặc theo quy định của quốc gia sở tại. Hãy tìm nhãn kiểm duyệt và cam kết tiêu chuẩn của nhà sản xuất hệ thống trên vỏ hộp.

Chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới rất đơn giản.

Hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới đã được cải tiến nhằm đơn giản hóa việc lắp đặt và giảm khả năng gây thương tích do lắp đặt không đúng.

Chúng tôi khuyến nghị sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX chính hãng của Honda, quay mặt về phía sau hoặc phía trước, tương ứng cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ. Hãy hỏi đại lý.

■ Tiêu chuẩn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em (loại i-Size/ISOFIX hoặc loại có dây đai an toàn) đáp ứng Quy định liên quan của Liên Hợp Quốc, hệ thống sẽ được dán nhãn kiểm duyệt như hình minh họa trong bảng bên cạnh. Trước khi mua hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy kiểm tra nhãn kiểm duyệt để đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với xe của bạn, với trẻ và đáp ứng Quy định của Liên Hợp Quốc.

Chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Minh họa nhãn kiểm duyệt theo Quy định số 44 của Liên Hợp Quốc

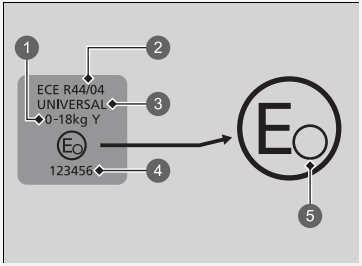

❶ “Nhóm khối lượng”
❷ Số quy định
❸ Loại
❹ Số phê duyệt
❺ Mã quốc gia

Còn nữa

Chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Minh họa nhãn kiểm duyệt theo Quy định số 129 của Liên Hợp Quốc

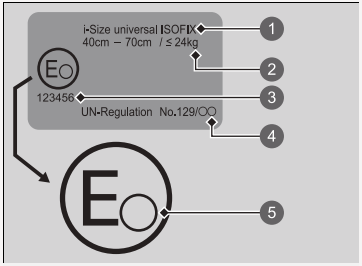

❶ Loại
❷ Chỉ định kích thước và cân nặng
❸ Số phê duyệt
❹ Số quy định
❺ Mã quốc gia

■ Vị trí lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em

Loại xe có vô lăng bên trái



Loại xe có vô lăng bên phải



U	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe.
UF	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.
	Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
	Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.
	Vị trí ghế được trang bị điểm neo Dây thắt trên cùng.

*1: Khi lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em, trượt ghế hết cỡ về phía sau. Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu việc cản trở này là không thể tránh khỏi ngay cả sau khi nâng tựa đầu lên, hãy tháo tựa đầu. Lưu ý rằng tựa đầu đã tháo nên được cất giữ trong khoang hành lý để tựa đầu này không văng khi phanh gấp hoặc va chạm. Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn. Nếu bạn không thể cố định chắc chắn ghế nâng, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi ghế ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.

*2: Chỉ lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em hướng về phía trước.

*3: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.

*4: Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.

- Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các vị trí ghế ngồi không thể lắp loại i-Size. Tuy nhiên, ngoại trừ ghế giữa.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em (CRS) nêu trên được Honda khuyên dùng tại thời điểm xuất bản tài liệu hướng dẫn này. Bạn nên trao đổi với đại lý Honda ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các loại CRS được khuyên dùng. Các loại CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn - hãy tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.

Tất cả các loại xe

Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

Số vị trí ghế	Vị trí ngồi và Số vị trí ghế					
	Nhóm Cân nặng Chiều cao		❶	❷	❸	❹
			Ghế hành khách trước[*1, *2]	Hàng ghế thứ 2[*4]		
				Trái	Giữa	Phải
Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không)	Nhóm 0	Đến 10kg	Không	Có	Có	Có
	Nhóm 0+	Đến 13kg				
	Nhóm I	9-18kg	Có[*3]	Có	Có	Có
	Nhóm II	15-25kg				
	Nhóm III	22-36kg				
Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không)	≤ 150cm		Không	Có	Không	Có
Vị trí ngồi phù hợp với CRS chính hãng được khuyến nghị	Tham khảo danh sách CRS chính hãng		Không	Có	Không	Có
Vị trí ngồi thích hợp cho việc cố định bên (L1/L2)	—		Không	Không	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía sau (R1/R2X/R2/R3)	Nhóm 0	Đến 10kg	Không	R3	Không	R3
	Nhóm 0+	Đến 13kg				
	Nhóm I	9-18kg				
Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía trước (F2X/F2/F3)	Nhóm I	9-18kg	Không	F3	Không	F3
Phù hợp nhất cho loại ghế nâng (B2/B3)	≤ 150cm		B3	B3	B3	B3

Vị trí lắp đặt hệ thống ghế an toàn trẻ em

Khi mua hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước ISOFIX hoặc đồ gá để đảm bảo ghế tương thích với xe.

Đồ gá (CRF)	Mô tả
ISO/L1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên trái (xe nôi)
ISO/L2	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên phải (xe nôi)
ISO/R1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt về phía sau
ISO/R2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau loại thấp
ISO/R2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau loại thấp
ISO/R3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau kích cỡ tiêu chuẩn
ISO/F2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại cao
ISO/B2	Ghế nâng quay mặt về phía trước loại ngắn
ISO/B3	Ghế nâng quay mặt về phía trước loại dài

Còn nữa

*1: Khi lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em, trượt ghế hết cỡ về phía sau. Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu việc cản trở này là không thể tránh khỏi ngay cả sau khi nâng tựa đầu lên, hãy tháo tựa đầu. Lưu ý rằng tựa đầu đã tháo nên được cất giữ trong khoang hành lý để tựa đầu này không văng khi phanh gấp hoặc va chạm. Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn. Nếu bạn không thể cố định chắc chắn ghế nâng, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi ghế ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.

*2: Chỉ lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em hướng về phía trước.

*3: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.

*4: Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.

- Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các vị trí ghế ngồi không thể lắp loại i-Size. Tuy nhiên, ngoại trừ ghế giữa.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em (CRS) nêu trên được Honda khuyên dùng tại thời điểm xuất bản tài liệu hướng dẫn này. Bạn nên trao đổi với đại lý Honda ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các loại CRS được khuyên dùng. Các loại CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn - hãy tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.

■ Danh sách CRS chính hãng

R129

Phạm vi chiều cao	Hệ thống ghế an toàn trẻ em	Loại
Dưới 100cm	Honda Baby & Kids i-Size	i-Size Universal ISOFIX (Quay mặt về phía sau)
Trên 71cm và 15 tháng đến 100cm	Honda Baby & Kids i-Size	i-Size Universal ISOFIX

Còn nữa

■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em có móc neo phía dưới

Có thể lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới ở một trong hai ghế sau phía ngoài. Hệ thống ghế ngồi trẻ em được gắn vào móc neo phía dưới bằng móc treo cứng hoặc móc treo mềm (xem hình minh họa).

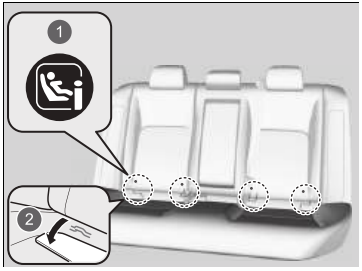

❶ Dấu
❷ Nắp

1. Xác định vị trí các điểm đánh dấu móc neo trên đệm ghế ngồi.

2. Kéo nắp móc neo bên dưới các điểm đánh dấu để móc neo phía dưới lộ ra.

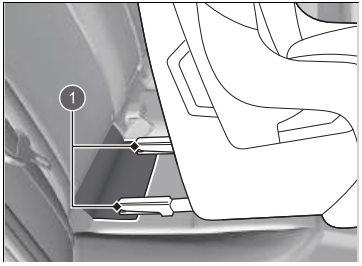

❶ Đầu dò

3. Lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em với các đầu dò nằm trên nắp móc neo.

Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em có móc neo phía dưới

⚠CẢNH BÁO

Không buộc chung hai hệ thống ghế ngồi trẻ em vào cùng một móc neo. Khi xảy ra va chạm, móc neo đó sẽ không đủ chắc chắn để giữ an toàn cho cả hai hệ thống ghế ngồi trẻ em và có thể bị gãy, khiến trẻ bị chấn thương nặng hoặc tử vong.

Một vài hệ thống ghế ngồi trẻ em có kèm theo hộp dẫn hướng để tránh làm hỏng mặt ghế. Hãy tuân theo các hướng dẫn của nhà sản xuất khi sử dụng hộp dẫn hướng và lắp nó vào các móc neo phía dưới như hình minh họa.

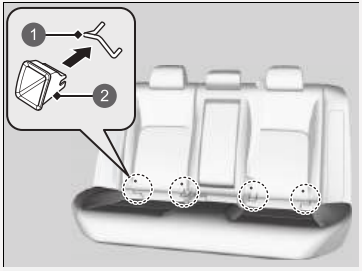

❶ Móc neo phía dưới
❷ Hộp dẫn hướng

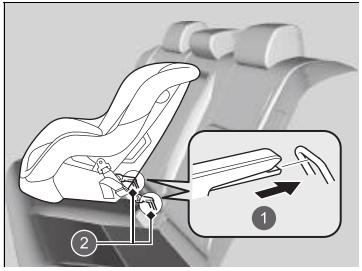

❶ Loại cứng
❷ Móc neo phía dưới

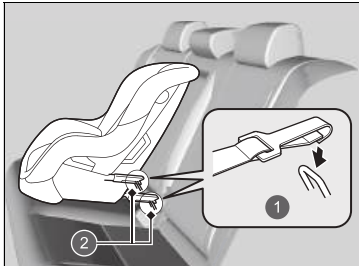

❶ Loại mềm
❷ Móc neo phía dưới

4. Lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào móc neo phía dưới theo hướng dẫn lắp đặt của hệ thống ghế ngồi trẻ em.
▶ Khi lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy đảm bảo móc neo phía dưới không bị mắc vào dây đai an toàn hoặc bất kỳ vật gì khác.
▶ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em sao cho khoảng cách giữa hệ thống ghế an toàn và lưng ghế càng nhỏ càng tốt.

Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em có móc neo phía dưới

Vì sự an toàn cho trẻ, khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em được lắp đặt bằng hệ thống móc neo phía dưới, hãy đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em được cố định chắc chắn trên xe.
Hệ thống ghế ngồi trẻ em không được cố định đúng cách sẽ không bảo vệ trẻ em một cách đầy đủ trong trường hợp va chạm và có thể gây thương tích cho trẻ em hoặc những người ngồi trong xe khác.

Loại mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.

Còn nữa

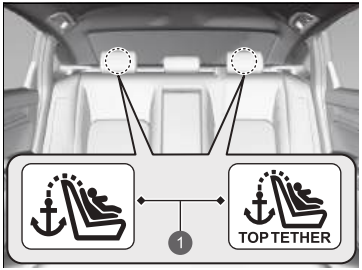

❶ Biểu tượng móc neo dây thắt trên cùng

Loại dây thắt trên cùng thẳng

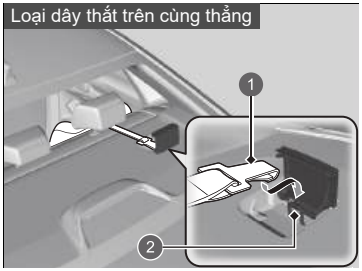

❶ Đầu móc dây cố định
❷ Móc neo

Hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây cố định

5. Mở nắp đầu buộc móc neo phía sau tựa đầu.

6. Nâng tựa đầu lên vị trí cao nhất, sau đó luồn dây thắt qua chân tựa đầu. Đảm bảo dây không bị xoắn.
7. Lắp đầu móc dây cố định vào móc neo.
8. Thắt chặt dây cố định như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
9. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, hãy lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ cảm nhận được một chút dịch chuyển.
10. Đảm bảo cài ổ khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ nếu không sử dụng đến.

Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em có móc neo phía dưới

CẢNH BÁO: Không được sử dụng móc không có Biểu tượng điểm neo dây thắt trên cùng để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em đã lắp đặt.

Loại dây thắt trên cùng khác



❶ Đầu móc dây cố định
❷ Móc neo

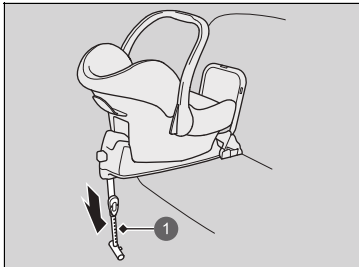

❶ Chân đỡ

Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ

5. Duỗi chân đỡ ra cho đến khi chạm sàn như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
▶ Đảm bảo khu vực sàn nơi đặt chân đỡ bằng phẳng. Nếu khu vực đó không bằng phẳng, chân đỡ sẽ không đỡ được.
▶ Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em và ghế phía trước không sát nhau.

6. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, hãy lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ cảm nhận được một chút dịch chuyển.

Còn nữa

■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng dây đai an toàn ngang hông/đeo chéo vai

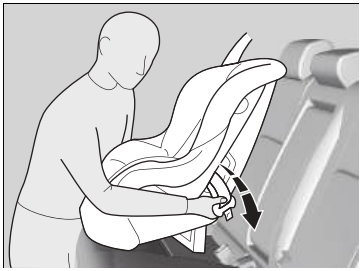

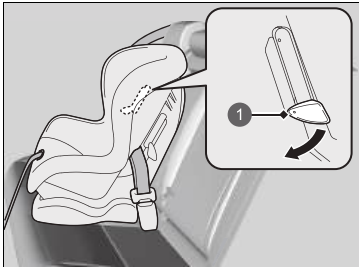

❶ Lấy

1. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế ngồi trên xe.

2. Luồn dây đai an toàn qua hệ thống ghế ngồi trẻ em theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em, sau đó gài đầu chốt vào ổ khóa.

▶ Gài đầu chốt vào hoàn toàn cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

3. Đẩy lẫy xuống. Luồn phần vai của dây đai an toàn vào trong khe ở cạnh bên của hệ thống ghế ngồi trẻ em.

4. Giữ phần vai của dây đai gần ổ khóa và kéo lên để phần hông của dây đai hết chùng.

▶ Khi thực hiện động tác này, tỳ người lên hệ thống ghế ngồi trẻ em và đẩy ghế vào trong ghế xe.

5. Đặt dây đai an toàn vào đúng vị trí và đẩy lẫy lên. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.

▶ Khi đẩy lẫy lên, hãy kéo phần vai phía trên của dây đai lên để dây đai hết chùng.

Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng dây đai an toàn ngang hông/đeo chéo vai

Hệ thống ghế ngồi trẻ em không được cố định đúng cách sẽ không bảo vệ trẻ em một cách đầy đủ trong trường hợp va chạm và có thể gây thương tích cho trẻ em hoặc những người ngồi trong xe khác.

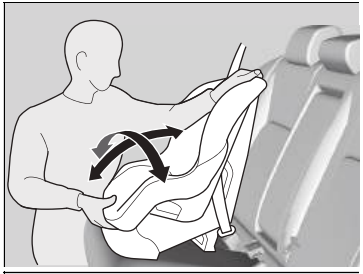

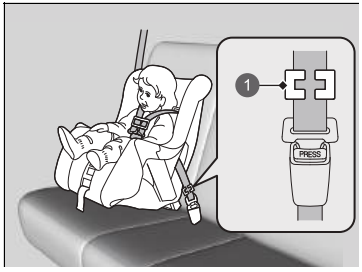

❶ Kẹp khóa

6. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, hãy lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ cảm nhận được một chút dịch chuyển.
7. Đảm bảo cài ổ khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ nếu không sử dụng đến.

Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em không có cơ cấu buộc dây đai, hãy lắp kẹp khóa vào dây đai an toàn.

Sau khi xong bước 1 và 2, kéo phần vai của dây đai an toàn lên và đảm bảo phần hông của dây đai không bị chùng.
3. Nắm chặt phần dây đai gần đầu chốt. Kẹp chặt hai phần của dây đai lại với nhau để chúng không bị trượt qua đầu chốt. Tháo khóa dây đai an toàn.
4. Lắp kẹp khóa như hình minh họa. Lắp kẹp càng gần đầu chốt càng tốt.
5. Gài đầu chốt vào trong ổ khóa. Chuyển sang bước 6 và 7.

Còn nữa

■ Tăng cường độ an toàn bằng dây thắt

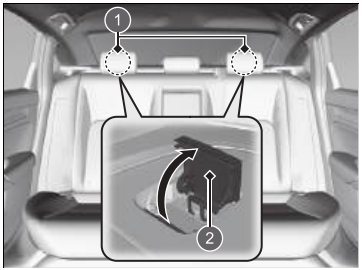

❶ Điểm neo dây thắt
❷ Nắp che

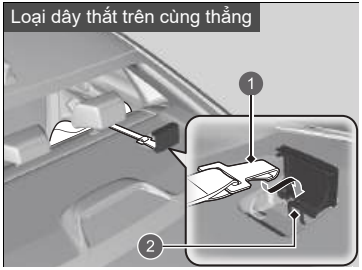

❶ Đầu móc dây cố định
❷ Móc neo

Điểm neo dây thắt nằm ở phía sau các vị trí ngồi sau phía ngoài.
Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em đi kèm dây thắt nhưng có thể sử dụng dây đai an toàn để lắp đặt, bạn cũng có thể sử dụng dây thắt để tăng độ an toàn.

1. Xác định điểm móc dây thắt thích hợp và nhấc nắp lên.
2. Nâng tựa đầu lên vị trí cao nhất, sau đó luồn dây thắt qua chân tựa đầu. Đảm bảo dây không bị xoắn.
3. Lắp đầu móc dây cố định vào móc neo.
4. Thắt chặt dây cố định như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

Tăng cường độ an toàn bằng dây thắt

CẢNH BÁO: Các móc neo ghế an toàn trẻ em được thiết kế chỉ để chịu tải mà hệ thống ghế ngồi trẻ em được lắp đặt đúng cách tác dụng lên. Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được sử dụng các móc neo này cho dây đai an toàn của người lớn, dây đai đa điểm hoặc để gắn một vật hoặc thiết bị khác vào xe.

Luôn sử dụng dây thắt cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước cho dù có dùng hay không dùng dây đai an toàn hoặc các móc neo phía dưới.



❶ Đầu móc dây cố định
❷ Móc neo

An toàn cho trẻ lớn

■ Bảo vệ trẻ lớn

Những trang sau đây sẽ hướng dẫn cách kiểm tra độ phù hợp của dây đai an toàn, loại ghế nâng nào cần sử dụng khi cần thiết và những lưu ý quan trọng khi trẻ phải ngồi ở phía trước.

■ Kiểm tra độ phù hợp của dây đai an toàn

Khi trẻ quá lớn để sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy bảo vệ trẻ ở ghế sau bằng dây đai an toàn ngang hông/đeo chéo vai. Để trẻ ngồi thẳng và dựa vào lưng ghế, sau đó kiểm tra các mục sau:

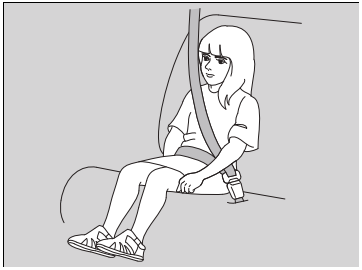

■ Danh mục kiểm tra

- Đầu gối của trẻ có gập thoải mái theo mép ghế ngồi không?
- Phần vai của dây đai có vắt ngang qua giữa cánh tay và cổ của trẻ không?
- Phần hông của dây đai có ở vị trí thấp nhất có thể và có chạm vào phần đùi của trẻ không?
- Trẻ có ngồi được như vậy trong suốt hành trình không?

Nếu câu trả lời cho tất cả các câu hỏi này là có tức là trẻ đã thắt dây đai an toàn ngang hông/đeo chéo vai đúng cách. Nếu có câu trả lời nào đó là không thì hãy cho trẻ dùng ghế nâng cho đến khi dây đai an toàn phù hợp với cơ thể trẻ mà không cần dùng đến ghế nâng.

An toàn cho trẻ lớn

⚠CẢNH BÁO

Để trẻ từ 12 tuổi trở xuống ngồi ở ghế trước có thể làm trẻ bị thương tích hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách bung ra.

Nếu buộc phải để trẻ lớn ngồi ở ghế trước thì chỉnh ghế trước càng lùi về sau càng tốt, để trẻ ngồi thẳng lưng đúng tư thế và thắt dây đai an toàn đúng cách, sử dụng ghế nâng nếu cần.

■ Ghế nâng



Nếu chưa thể sử dụng dây đai an toàn ngang hông/đeo chéo vai đúng cách, hãy đặt trẻ lên ghế nâng ở ghế sau. Vì sự an toàn của trẻ, hãy kiểm tra xem trẻ có đáp ứng các khuyến cáo của nhà sản xuất ghế nâng không.

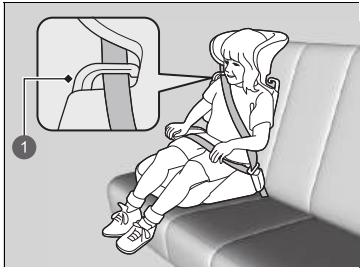

Phần tựa lưng được thiết kế riêng cho ghế nâng. Lắp tựa lưng vào ghế nâng và điều chỉnh cho vừa ghế xe theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghế nâng. Đảm bảo luồn dây đai qua khe dẫn hướng ở phần vai của tựa lưng ghế nâng và không để dây đai chạm và vắt ngang qua cổ của trẻ.

❶ Khe dẫn hướng

Ghế nâng

Khi lắp ghế nâng, hãy đọc kỹ hướng dẫn của nhà sản xuất và lắp ghế theo hướng dẫn.
Ghế nâng có loại cao và loại thấp. Hãy chọn loại ghế nâng để trẻ có thể thắt dây đai an toàn đúng cách.

Bạn nên sử dụng loại ghế nâng có tựa lưng để điều chỉnh dây đai vai dễ dàng hơn.

Còn nữa

■ Bảo vệ an toàn cho trẻ lớn - Kiểm tra cuối

Xe có một ghế sau để có thể giữ an toàn cho trẻ đúng cách. Nếu trên xe có một nhóm trẻ và có một trẻ phải ngồi ở ghế trước:

- Đảm bảo bạn đã đọc và hiểu đầy đủ về hướng dẫn và thông tin an toàn trong tài liệu hướng dẫn này.
- Dịch chuyển ghế hành khách phía trước lùi về phía sau hết mức có thể.
- Để trẻ ngồi thẳng và dựa lưng vào ghế.
- Kiểm tra xem dây đai an toàn đã được thắt đúng vị trí chưa để đảm bảo trẻ được bảo vệ an toàn trên ghế.

■ Giám sát trẻ em

Bạn nên để mắt đến trẻ khi có trẻ trên xe. Ngay cả với trẻ lớn, trẻ trưởng thành đôi khi cũng cần nhắc thắt dây đai an toàn và ngồi đúng tư thế.

Khí CO

Khí xả động cơ của xe có chứa CO, là một chất khí không màu, không mùi và cực kỳ độc hại. Nếu bảo dưỡng xe đúng cách, khí CO này sẽ không lọt vào trong xe.

■ **Kiểm tra hệ thống khí xả có rò rỉ hay không khi:**
- Có âm thanh khác lạ trong hệ thống xả.
- Hệ thống xả có thể đã bị hư hại.
- Xe được nâng lên để thay dầu.

Khi bạn vận hành xe mà cốp đang mở, luồng khí có thể lùa khí xả vào trong xe và gây ra tình trạng nguy hiểm. Nếu bạn buộc phải mở cốp khi lái xe, hãy mở tất cả các cửa kính và cài đặt hệ thống điều khiển nhiệt độ như sau.

1. Chọn chế độ lấy gió ngoài.
2. Chọn chế độ .
3. Đặt quạt gió ở tốc độ cao.
4. Đặt nhiệt độ ở mức thoải mái nhất.

Điều chỉnh hệ thống điều hòa không khí giống như trên nếu bạn phải ngồi trên xe khi đã đỗ xe mà xe vẫn nổ máy.

Khí CO

⚠CẢNH BÁO

Khí CO là khí độc.

Hít phải khí CO có thể gây bất tỉnh và thậm chí tử vong.

Tránh khu vực kín hoặc những hoạt động làm bạn phải tiếp xúc với khí CO.

Khí CO có thể tích tụ nhanh chóng ở những không gian kín như gara.
Không được chạy động cơ khi cửa gara đang đóng. Ngay cả khi cửa gara đang mở, hãy lái xe ra khỏi gara ngay sau khi khởi động động cơ.

Vị trí nhãn

Các nhãn này nằm tại các vị trí như hình minh họa. Chúng cảnh báo bạn về những nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong. Hãy đọc kỹ các nhãn này.

Nếu có nhãn nào bị mất hoặc bị mờ, hãy liên hệ với đại lý để được thay thế.

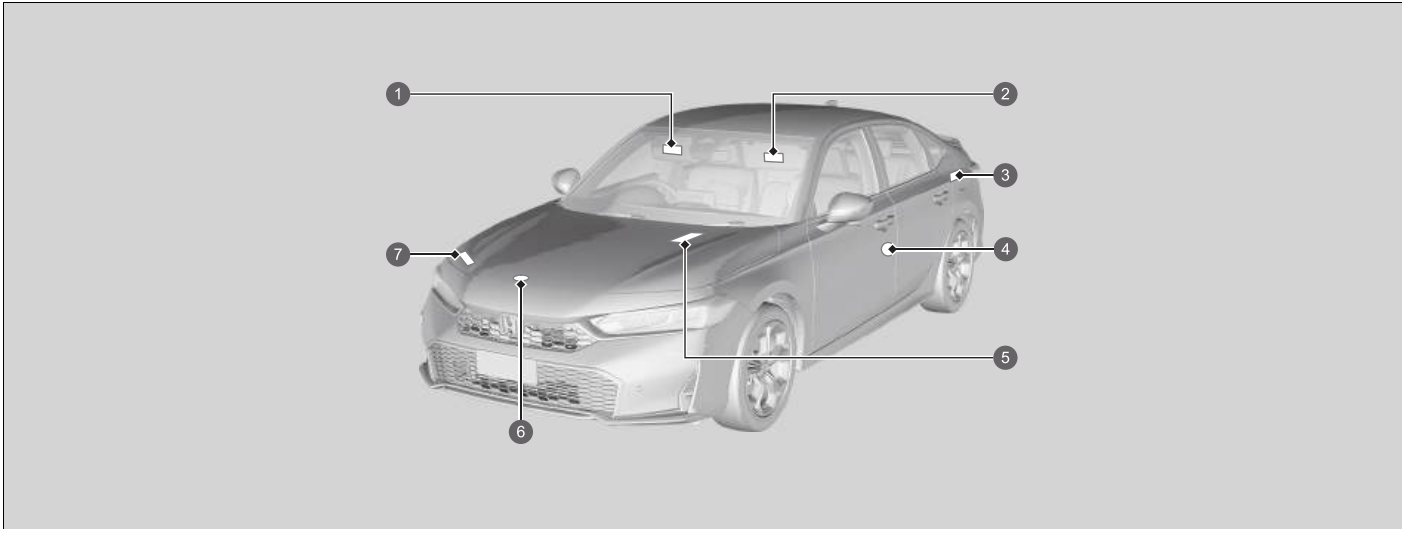

1. Bảo vệ an toàn cho trẻ (Loại xe có vô lăng bên trái) ➔ Tr. 68
2. Bảo vệ an toàn cho trẻ (Loại xe có vô lăng bên phải) ➔ Tr. 68
3. Nhiên liệu
4. An toàn cho trẻ* ➔ Tr. 69
5. Ắc-quy
6. Nắp két nước ➔ Tr. 652
7. Ốp vách ngăn trước* ➔ Tr. 645

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Bảng điều khiển

Chương này mô tả các nút, các đèn báo và các đồng hồ đo được sử dụng trong khi lái xe.

Đèn báo 96
Đồng hồ đo và Màn hình giao diện thông tin cho người lái
Đồng hồ đo 115
Màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại A) 119
Vùng bên trái màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B)...150
Vùng bên phải màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B)....153

Đèn báo bật sáng/nhấp nháy tùy thuộc vào tình trạng của xe. Khi đó, thông báo cũng có thể xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Hãy làm theo thông báo hướng dẫn, ví dụ như liên hệ với đại lý.

*1	Đèn báo phanh đỗ và Hệ thống phanh (màu đỏ)	→ Tr. 98
*1	Đèn báo phanh đỗ và Hệ thống phanh (màu hổ phách)	→ Tr. 99
BRAKE HOLD *1	Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động	→ Tr. 99
*1	Đèn báo giữ phanh tự động	→ Tr. 99
*1	Đèn báo sự cố	→ Tr. 99
*1	Đèn báo Hệ thống nạp điện	→ Tr. 99
	Đèn báo vị trí số	→ Tr. 100
M 2	Đèn báo **M** (chế độ sang số tay 7 cấp) / Đèn báo số*	→ Tr. 100
	Đèn báo hệ thống truyền động	→ Tr. 100
	Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn	→ Tr. 101
	Đèn báo nhiên liệu thấp	→ Tr. 102
ABS *1	Đèn báo Hệ thống chống bó cứng phanh (**ABS**)	→ Tr. 102
*1	Đèn báo hệ thống bảo vệ phụ trợ	→ Tr. 102
*1	Đèn báo Hệ thống trợ lực lái điện (EPS)	→ Tr. 103
*1	Đèn báo Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)	→ Tr. 103
OFF *1	Đèn báo Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)**TẮT**	→ Tr. 103
*1	Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*	→ Tr. 104
	Đèn báo xi nhan và cảnh báo nguy hiểm	→ Tr. 105

*1 : Khi đặt chế độ nguồn thành BẬT, các đèn báo này sẽ sáng để thông báo đang thực hiện kiểm tra hệ thống. Các đèn báo sẽ tắt sau vài giây hoặc sau khi động cơ khởi động. Nếu đèn báo nào đó không sáng hoặc tắt, có thể hệ thống đó có sự cố. Để xử lý sự cố này, hãy làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

	Đèn báo đèn bật	→ Tr. 105
	Đèn báo chiếu xa	→ Tr. 105
 *1	Đèn báo đèn pha thích ứng tự động	→ Tr. 105
	Đèn báo thông báo hệ thống	→ Tr. 106
	Đèn báo chế độ **SPORT***	→ Tr. 107
	Đèn báo chế độ **NORMAL***	→ Tr. 107
 *2  *3	Đèn báo chế độ **ECON**	→ Tr. 107

 *1	Đèn báo nhiệt độ thấp*	→ Tr. 107
	Đèn báo khoảng cách Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp*	→ Tr. 110
	Đèn báo hệ thống chống nổ máy	→ Tr. 108
	Đèn báo cảnh báo hệ thống an ninh	→ Tr. 108
 *1	Đèn báo Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp (Màu hổ phách)	→ Tr. 109
	Đèn báo Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp (Màu trắng/Màu xanh lục)	→ Tr. 109
 *1	Đèn báo Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (Màu hổ phách)	→ Tr. 110
	Đèn báo Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (Màu trắng/Màu xanh lục)	→ Tr. 110

 *1	Đèn báo hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (Màu hổ phách)	→ Tr. 110
	Đèn báo hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (Màu xám)	→ Tr. 110
 *1	Đèn cảnh báo chệch làn đường (Màu hổ phách)	→ Tr. 111
	Đèn báo tự động TẮT tính năng hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường	→ Tr. 111
	Đèn cảnh báo chệch làn đường (Màu xám)	→ Tr. 111
 *1	Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu hổ phách)	→ Tr. 112
	Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu xanh lục/Màu xám)	→ Tr. 114

*1 : Khi đặt chế độ nguồn thành BẬT, các đèn báo này sẽ sáng để thông báo đang thực hiện kiểm tra hệ thống. Các đèn báo sẽ tắt sau vài giây hoặc sau khi động cơ khởi động. Nếu đèn báo nào đó không sáng hoặc tắt, có thể hệ thống đó có sự cố. Để xử lý sự cố này, hãy làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.
*2 : Loại xe không có công tắc chế độ lái
*3 : Loại xe có công tắc chế độ lái

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
 (Màu đỏ)	Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ)	• Đèn sáng khi kéo phanh đỗ và tắt khi nhả phanh đỗ.	• Tiếng bíp vang lên và đèn báo sáng nếu gài phanh đỗ trong khi lái xe. • Sáng trong khoảng 30 giây khi bạn gài phanh đỗ điện trong khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc TẮT MÁY, sau đó tắt. • Vẫn sáng trong khoảng 30 giây khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY trong khi gài phanh đỗ điện, sau đó tắt.
		• Đèn sáng khi dầu phanh ở mức thấp.	• **Đèn sáng trong khi lái xe** - Đảm bảo đã nhả phanh đỗ. Dừng xe ở nơi an toàn và kiểm tra mức dầu phanh. ➔ **Làm gì khi đèn báo sáng khi đang lái xe** Tr. 717
		• Đèn sáng nếu hệ thống phanh có sự cố.	• **Đèn sáng cùng với đèn báo ABS** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. ➔ **Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy** Tr. 717 • **Nhấp nháy và Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng cùng một lúc** - Hệ thống phanh đỗ điện có sự cố. Có thể chưa gài phanh đỗ. Tránh dùng phanh đỗ và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra. ➔ **Nếu Đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời Đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng** Tr. 718

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
 (Màu hổ phách)	Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (Màu hổ phách)	• Đèn sáng nếu hệ thống liên quan đến phanh có sự cố, ngoài hệ thống phanh thông thường.	• **Đèn sáng trong khi lái xe** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. • Khi đèn báo sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường.
		• Sáng nếu hệ thống phanh đỗ điện và/ hoặc hệ thống giữ phanh tự động có sự cố.	• **Sáng liên tục** - Tránh dùng phanh đỗ và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động	• Sáng khi hệ thống giữ phanh tự động đang bật.	➔ **Giữ phanh tự động** Tr. 603
	Đèn báo giữ phanh tự động	• Sáng khi kích hoạt chức năng giữ phanh tự động.	➔ **Giữ phanh tự động** Tr. 603
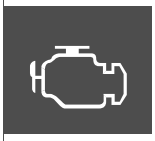	Đèn báo sự cố	• Đèn sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải có sự cố. • Nhấp nháy khi phát hiện hiện tượng mất lửa trong các xy-lanh động cơ.	➔ **Nếu đèn báo sự cố sáng hoặc nhấp nháy** Tr. 716
	Đèn báo hệ thống nạp điện	• Đèn sáng khi hệ thống nạp điện có sự cố.	• Dừng xe ở nơi an toàn và liên hệ ngay với đại lý. ➔ **Kiểm tra ắc-quy** Tr. 675 ➔ **Nếu đèn báo hệ thống nạp điện sáng** Tr. 716

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo vị trí số	• Hiển thị vị trí số hiện tại.	**Sang số** Tr. 506, 508
	Đèn báo **M** (chế độ sang số tay 7 cấp)/ Đèn báo số*	• Đèn sáng khi chế độ sang số tay 7 cấp được áp dụng.	**Chế độ sang số tay 7 cấp** Tr. 511
	Đèn báo hệ thống truyền động	• Nhấp nháy nếu hệ thống truyền động có sự cố.	• Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn	• Đèn sáng nếu bạn không thắt dây đai an toàn khi đặt chế độ nguồn thành BẬT. Loại xe có nhắc thắt dây đai an toàn ghế hành khách phía trước • Nếu hành khách trước không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng sau đó vài giây. Loại xe có chức năng nhắc dây đai an toàn ghế sau • Đèn sáng trong một lúc nếu bất kỳ hành khách phía sau nào tháo dây đai an toàn trong khi chế độ nguồn ở BẬT. Tất cả các loại xe • Nhấp nháy và tiếng bíp vang lên trong khi lái xe khi bạn hoặc hành khách phía chưa cài dây đai an toàn hoặc bất kỳ hành khách phía sau nào tháo dây đai an toàn.	• Tiếng bíp ngừng và đèn báo tắt khi bạn, hành khách phía trước* và hành khách phía sau* thắt dây đai an toàn. • **Vẫn sáng sau khi bạn, hành khách phía trước* và/hoặc hành khách phía sau đã thắt dây đai an toàn** - Có thể đã xảy ra lỗi phát hiện ở cảm biến. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. ➡ **Nhắc thắt dây đai an toàn** Tr. 47

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo nhiên liệu thấp	• Sáng khi bình chứa nhiên liệu ở mức thấp (còn khoảng 7,0 Lít).	• Nạp nhiên liệu càng sớm càng tốt.
		• Nhấp nháy nếu đồng hồ đo nhiên liệu có sự cố.	• Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn báo hệ thống chống bó cứng phanh (**ABS**)	• Bật sáng nếu ABS có sự cố.	• **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. Khi đèn báo sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường nhưng không có chức năng chống bó cứng phanh. **Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)** Tr. 606
	Đèn báo hệ thống bảo vệ phụ trợ	• Bật sáng nếu phát hiện một trong các hệ thống sau có sự cố: - Hệ thống bảo vệ phụ trợ - Hệ thống túi khí bên* - Hệ thống túi khí rèm bên*: - Bộ căng dây đai an toàn	• **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo hệ thống trợ lực lái điện (EPS)	• Sáng nếu hệ thống EPS hoặc Hệ Thống Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái*1 có sự cố.	• **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. • **Do not drive (Không lái xe) hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái** - Dừng xe ngay lập tức ở nơi an toàn và liên hệ ngay với đại lý. ➔ **Nếu đèn báo hệ thống trợ lực lái điện (EPS) sáng** Tr. 719
	Đèn báo hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)	• Nhấp nháy khi VSA hoạt động.	—
		• Sáng nếu hệ thống VSA, hệ thống hỗ trợ phanh, hỗ trợ xử lý nhanh hoặc hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc có sự cố.	• **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. ➔ **Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)** Tr. 517 ➔ **Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc** Tr. 502 ➔ **Hỗ trợ xử lý nhanh** Tr. 519
		• Đèn sáng nếu hệ thống VSA bị vô hiệu hóa tạm thời sau khi ngắt kết nối và kết nối lại ắc-quy.	• Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn báo **TẮT** hỗ trợ ổn định xe (VSA)	• Đèn sáng khi bạn tắt một phần VSA.	➔ **Bật và tắt VSA** Tr. 518
		Loại xe có đồng hồ đo loại A • Đèn sáng nếu hệ thống VSA bị vô hiệu hóa tạm thời sau khi ngắt kết nối và kết nối lại ắc-quy.	• Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

*1: Loại xe tại Campuchia, Lào, Malaysia, Philippines và Singapore

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*	• Có thể sáng một lúc khi chế độ nguồn ở BẬT và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, điều này có nghĩa là quy trình hiệu chỉnh chưa hoàn thành. • Đèn sáng liên tục khi: - Áp suất của một hoặc nhiều lốp xe được xác định là quá thấp. - Hệ thống chưa được hiệu chỉnh.	• **Đèn sáng trong khi lái xe** - Dừng xe nơi an toàn, kiểm tra áp suất lốp và bơm (các) lốp nếu cần. • **Tiếp tục sáng sau khi bơm lốp đến áp suất khuyến nghị** - Cần hiệu chỉnh hệ thống. ➡ **Hiệu chuẩn Hệ thống cảnh báo xẹp lốp** Tr. 521
		• Nhấp nháy trong khoảng một phút, sau đó tiếp tục sáng nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp có sự cố.	• **Nhấp nháy và tiếp tục sáng** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
		• Đèn sáng nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp bị vô hiệu hóa tạm thời sau khi ngắt kết nối và kết nối lại ắc-quy.	• Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
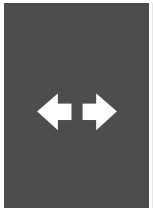	Đèn báo xi nhan và cảnh báo nguy hiểm	• Nhấp nháy khi bạn gạt cần xi nhan. • Đèn báo nhấp nháy cùng với tất cả đèn xi nhan khi bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm.	• **Không nhấp nháy hoặc nhấp nháy nhanh** ➡ **Thay bóng đèn** Tr. 656
		• Nhấp nháy cùng với đèn xi nhan khi bạn nhấn bàn đạp phanh trong khi lái xe ở tốc độ cao.	➡ **Tín hiệu dừng khẩn cấp** Tr. 608
	Đèn báo đèn bật	• Đèn sáng khi đèn vị trí, đèn hậu và các đèn ngoài xe sáng.	➡ **Đèn** Tr. 207
	Đèn báo chiếu xa	• Đèn sáng khi các đèn chiếu xa bật.	—
	Đèn báo chiếu xa tự động	• Đèn sáng khi đáp ứng tất cả các điều kiện hoạt động của đèn pha thích ứng tự động.	➡ **Đèn pha thích ứng tự động** Tr. 213

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo thông báo hệ thống	• Đèn sáng cùng với một tiếng bíp khi phát hiện có sự cố. Đồng thời, thông báo hệ thống cũng sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.	• Tham khảo thông tin các Đèn báo trong phần này khi thông báo hệ thống xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Xử lý theo thông báo tương ứng. Loại xe có đồng hồ đo loại A • Trong khi đèn báo sáng, ấn nút (màn hình chính) và chọn **Warnings***1/**Information***2 để xem lại thông báo. ➡ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 119 • Màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ không trở về màn hình bình thường trừ khi hủy cảnh báo hoặc ấn nút (màn hình chính). Loại xe có đồng hồ đo loại B • Trong khi đèn báo sáng, cuộn vòng lựa chọn bên phải để xem lại thông báo. ➡ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 153 • Màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ không trở về màn hình bình thường trừ khi hủy cảnh báo hoặc cuộn vòng lựa chọn bên phải.

*1: Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
*2: Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo chế độ **SPORT***	• Sáng khi đặt chế độ lái ở **SPORT**.	Loại xe có đồng hồ đo loại A • Đèn viền đồng hồ vẫn sáng đỏ cho đến khi chọn chế độ **SPORT**. ➔ **Công Tắc Chế Độ Lái*** Tr. 514 Loại xe có đồng hồ đo loại B • Các đồng hồ đo trên bảng điều khiển vẫn sáng đỏ cho đến khi chọn chế độ **SPORT**. ➔ **Công Tắc Chế Độ Lái*** Tr. 514
	Đèn báo chế độ **NORMAL***	• Sáng khi đặt chế độ lái ở **NORMAL**.	➔ **Công Tắc Chế Độ Lái*** Tr. 514
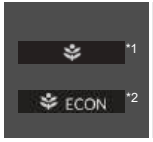	Đèn báo chế độ **ECON**	Loại xe không có công tắc chế độ lái • Sáng khi chế độ ECON bật. Loại xe có công tắc chế độ lái • Sáng khi đặt chế độ lái ở **ECON**.	Loại xe không có công tắc chế độ lái ➔ **Nút ECON*** Tr. 513 Loại xe có công tắc chế độ lái ➔ **Công Tắc Chế Độ Lái*** Tr. 514
	Đèn báo chế độ thấp*	• Đèn sáng khi nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp.	• Nếu đèn báo vẫn sáng sau khi động cơ đã đạt đến nhiệt độ hoạt động bình thường, có thể các cảm biến nhiệt có sự cố. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

*1: Loại xe không có công tắc chế độ lái
*2: Loại xe có công tắc chế độ lái

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo hệ thống chống nổ máy	• Nhấp nháy nếu hệ thống chống nổ máy không nhận dạng được thông tin chìa khóa.	• **Nhấp nháy** - Bạn không thể khởi động động cơ. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, sau đó chọn lại chế độ BẬT. • **Nháy liên tục** - Hệ thống có thể có sự cố. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. • Không cố sửa hệ thống hoặc thêm bất kỳ thiết bị nào khác vào hệ thống. để tránh xảy ra sự cố điện.
	Đèn báo cảnh báo hệ thống an ninh	• Nhấp nháy khi cảnh báo hệ thống an ninh được thiết lập.	➔ **Cảnh báo hệ thống an ninh** Tr. 196

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp (Màu hổ phách)	• Sáng nếu ACC bao gồm dải tốc độ thấp có sự cố.	• **Đèn sáng trong khi lái xe** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
		• Sáng nếu ACC bao gồm dải tốc độ thấp dừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ắc-quy rồi lắp lại.	• Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
		• Đèn báo có thể bật sáng tạm thời khi vượt quá trọng tải tối đa cho phép. • ACC bao gồm dải tốc độ thấp bị hủy tự động	• Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn trọng tải tối đa cho phép. ➡ **Giới hạn tải trọng** Tr. 495 • **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn báo kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp (Màu trắng/Màu xanh lục)	• Sáng màu trắng khi bạn ấn nút . • Sáng màu xanh lục khi hệ thống đang hoạt động.	➡ **Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp** Tr. 557

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp*	• Sáng khi đèn báo Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp sáng.	➡ **Thiết lập hoặc thay đổi khoảng cách với xe khác** Tr. 572
	Đèn báo hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (Màu hổ phách)	• Bật sáng nếu LKAS có sự cố.	• **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
		• Đèn báo có thể bật sáng tạm thời khi vượt quá trọng tải tối đa cho phép.	• Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn trọng tải tối đa cho phép. ➡ **Giới hạn tải trọng** Tr. 495 • **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn báo hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (Màu trắng/Màu xanh lục)	• Sáng màu trắng khi bạn ấn nút LKAS. • Sáng màu xanh lục khi LKAS đang hoạt động.	➡ **Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)** Tr. 577
	Đèn báo hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (Màu hổ phách)	• Đèn sáng nếu CMBS có sự cố hoặc tạm thời không thể sử dụng hệ thống do các vấn đề như kính chắn gió gần camera bị bụi bẩn.	• Đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) sáng cùng lúc. ➡ **Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu hổ phách)** Tr. 112
	Đèn báo hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (Màu xám)	• Sáng khi CMBS tắt.	➡ **Hỗ trợ an toàn** Tr. 133, 168

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn cảnh báo chệch làn đường (Màu hổ phách)	• Sáng khi Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có sự cố hoặc tạm thời không thể sử dụng hệ thống do kính chắn gió gần camera bị bụi bẩn.	• Đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) sáng cùng lúc. ➡ **Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu hổ phách)** Tr. 112
	Đèn báo TẮT tự động hỗ trợ lái của Hệ thống cảnh báo chệch làn đường	• Sáng khi tính năng hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường tự động tắt.	➡ **Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường** Tr. 550
	Đèn cảnh báo chệch làn đường (Màu xám)	• Đèn sáng khi Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường tắt.	➡ **Hỗ trợ an toàn** Tr. 133, 168

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu hổ phách)	• Sáng khi Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường, CMBS hoặc Hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù* gặp sự cố.	• **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
		Loại xe có hệ thống cảm biến đỗ • Sáng nếu cảm biến đỗ có sự cố.	• Kiểm tra xem vùng xung quanh (các) cảm biến bị dính bùn, băng, tuyết v.v không. Nếu đèn vẫn sáng ngay cả khi bạn đã lau sạch khu vực đó, hãy liên hệ với đại lý để kiểm tra hệ thống.
		• Đèn báo có thể bật sáng tạm thời khi vượt quá trọng tải tối đa cho phép.	• Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn trọng tải tối đa cho phép. ➡ **Giới hạn tải trọng** Tr. 495 • **Sáng liên tục** - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
		• Đèn sáng nếu Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường và CMBS bị vô hiệu hóa tạm thời sau khi ngắt kết nối và kết nối lại ắc-quy.	• Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu hổ phách)	• Sáng khi hệ thống Giảm thiểu chệch làn đường và/hoặc CMBS tự động tắt.	• **Sáng liên tục** Nhiệt độ bên trong camera quá cao. Sử dụng hệ thống điều hòa không khí tự động để làm mát camera. Hệ thống hoạt động khi nhiệt độ bên trong camera giảm xuống. ➡ **Camera góc rộng phía trước** Tr. 596
			• **Sáng liên tục** - Vùng xung quanh camera bị bụi bẩn, bám bùn, v.v. Hãy dừng xe ở nơi an toàn, dùng vải mềm lau sạch bụi bẩn. • - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra nếu đèn báo và thông báo vẫn xuất hiện ngay cả khi đã lau sạch vùng xung quanh camera. ➡ **Camera góc rộng phía trước** Tr. 596 • Đèn báo có thể sáng khi môi trường xung quanh tối, như khi lái xe qua đường hầm, hoặc lái xe vào ban đêm, lúc sáng sớm, hoặc lúc chập tối.

Đèn báo	Tên	Sáng/nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu hổ phách)	Loại xe có hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù • Sáng khi có bùn, tuyết hoặc băng tích tụ xung quanh cảm biến hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù. • Sáng khi nhiệt độ của cảm biến hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù tăng cao.	• **Đèn sáng trong khi lái xe** - Có thể có thứ gì đó đang làm nhiễu cảm biến hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù. Kiểm tra vùng xung quanh cảm biến hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù và loại bỏ bất kỳ vật cản nào. • Hệ thống sẽ trở lại bình thường khi nhiệt độ giảm. ➔ **Hệ thống thông tin điểm mù*** Tr. 523
	Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu xanh lục/Màu xám)	• Đèn sáng màu xanh lục khi Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường, CMBS, Hệ thống thôngtin điểm mù*, và Hệ thống cảm biến đỗ* đang bật. • Đèn sáng màu xanh lục và màu xám khi một hoặc nhiều hệ thống kể trên tắt. • Sáng màu xám khi tất cả các hệ thống trên tắt.	➔ **Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường** Tr. 550 ➔ **Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 536 ➔ **Hệ thống thông tin điểm mù*** Tr. 523 ➔ **Hệ thống cảm biến đỗ*** Tr. 611

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đồng hồ đo

Đồng hồ đo bao gồm đồng hồ đo tốc độ xe, đồng hồ đo nhiên liệu và các đèn báo liên quan khác.
Các đồng hồ này hiển thị khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ Đồng hồ đo tốc độ xe

Hiển thị tốc độ xe tính bằng km/h.

■ Đồng hồ đo tốc độ động cơ

Hiển thị số vòng quay động cơ tính bằng vòng/phút.

»Đồng hồ đo tốc độ động cơ

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Có thể bật hoặc tắt màn hình hiển thị đồng hồ đo tốc độ động cơ.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Đồng hồ đo nhiên liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình chứa nhiên liệu.

Đồng hồ đo nhiên liệu

CHÚ Ý

Bạn nên nạp nhiên liệu khi kim chỉ xăng sắp đến E* hoặc 0*.
Hết nhiên liệu có thể làm cho động cơ không nổ, làm hỏng bộ trung hòa khí xả.

Sau khi nạp thêm ít nhiên liệu hoặc tùy thuộc vào tình trạng xe, lượng nhiên liệu còn lại trên thực tế có thể khác so với chỉ số trên đồng hồ đo.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

■ Đèn viền đồng hồ

Thay đổi sang màu xanh lục* để báo xe đang được lái ở chế độ tiết kiệm nhiên liệu khi chế độ **SPORT*** tắt.
Thay đổi sang màu đỏ để báo đã chọn chế độ **SPORT***.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

■ Đồng hồ đo nhiệt độ

Hiển thị nhiệt độ của nước làm mát động cơ.

Đồng hồ đo nhiệt độ

CHÚ Ý

Lái xe khi vạch báo đồng hồ đo nhiệt độ ở mức cao có thể làm cho động cơ bị hư hỏng nghiêm trọng. Hãy lái xe cẩn thận vào rìa đường và để nhiệt độ động cơ trở lại mức bình thường.

Quá nhiệt Tr. 713

■ Đồng hồ đo quãng đường

Hiển thị tổng số km mà xe của bạn đã đi được.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Nhiệt độ ngoài trời

Hiển thị nhiệt độ ngoài trời theo đơn vị độ C.
Nếu nhiệt độ ngoài trời dưới 3°C tại thời điểm chế độ nguồn ở BẬT, thông báo **Outside Temperature low.** (Nhiệt độ ngoài trời thấp) sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

■ Điều chỉnh hiển thị nhiệt độ ngoài trời

Điều chỉnh số đo nhiệt độ lên xuống ±3°C nếu chỉ báo nhiệt độ không chính xác.

■ Chế độ hiện tại cho ACC bao gồm dải tốc độ thấp và LKAS

Hiển thị chế độ hiện tại cho ACC có bao gồm dải tốc độ thấp và LKAS.

➔ **Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp** Tr. 557
➔ **Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)** Tr. 577

Nhiệt độ ngoài trời

Cảm biến nhiệt độ nằm ở cản trước.
Hơi nóng từ mặt đường và khí xả của xe khác có thể làm ảnh hưởng tới chỉ báo nhiệt độ khi tốc độ xe dưới 30 km/h.

Có thể mất vài phút để cập nhật màn hình sau khi chỉ báo nhiệt độ đã ổn định.

Bạn có thể điều chỉnh chỉ báo nhiệt độ.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Chế độ hiện tại cho ACC bao gồm dải tốc độ thấp và LKAS

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Khi bạn đặt tốc độ cho ACC bao gồm dải tốc độ thấp, vạch báo tốc độ cài đặt sẽ hiển thị trên đồng hồ đo tốc độ xe.

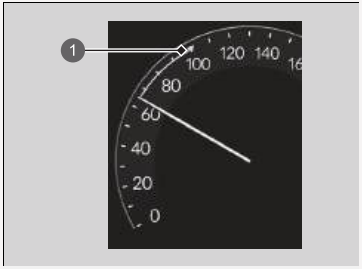

❶ Cài đặt tốc độ

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

Loại xe có đồng hồ đo loại A

■ Đồng hồ

Hiển thị đồng hồ.

Đồng hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian bằng tay và thay đổi định dạng màn hình đồng hồ hiển thị theo kiểu 12 giờ hoặc 24 giờ.

➔ **Đồng hồ** Tr. 174

Màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại A)

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị thông tin như quãng đường đi dự kiến và mức tiết kiệm nhiên liệu của xe. Màn hình này cũng hiển thị các thông báo như cảnh báo và các thông tin hữu ích khác.
Khi thông báo cảnh báo xuất hiện, hãy kiểm tra thông báo và liên hệ với đại lý để kiểm tra xe nếu cần thiết. Hãy tham khảo các trang sau nếu xuất hiện thông báo **Engine oil pressure low** (Áp suất dầu động cơ thấp) hoặc **Engine temperature too hot** (Nhiệt độ động cơ quá cao).

➔ **Nếu cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp xuất hiện** Tr. 715
➔ **Quá nhiệt** Tr. 713

■ Chuyển đổi màn hình hiển thị

Ấn nút [⌂] (màn hình chính), sau đó cuộn vòng lựa chọn bên trái để cuộn đến nội dung mà bạn muốn xem. Ấn vòng lựa chọn bên trái để xem thông tin chi tiết.

Chuyển đổi màn hình hiển thị

Bạn có thể thêm hoặc xóa nội dung trên đồng hồ đo.

➔ **Màn hình tùy chỉnh** Tr. 136

Còn nữa

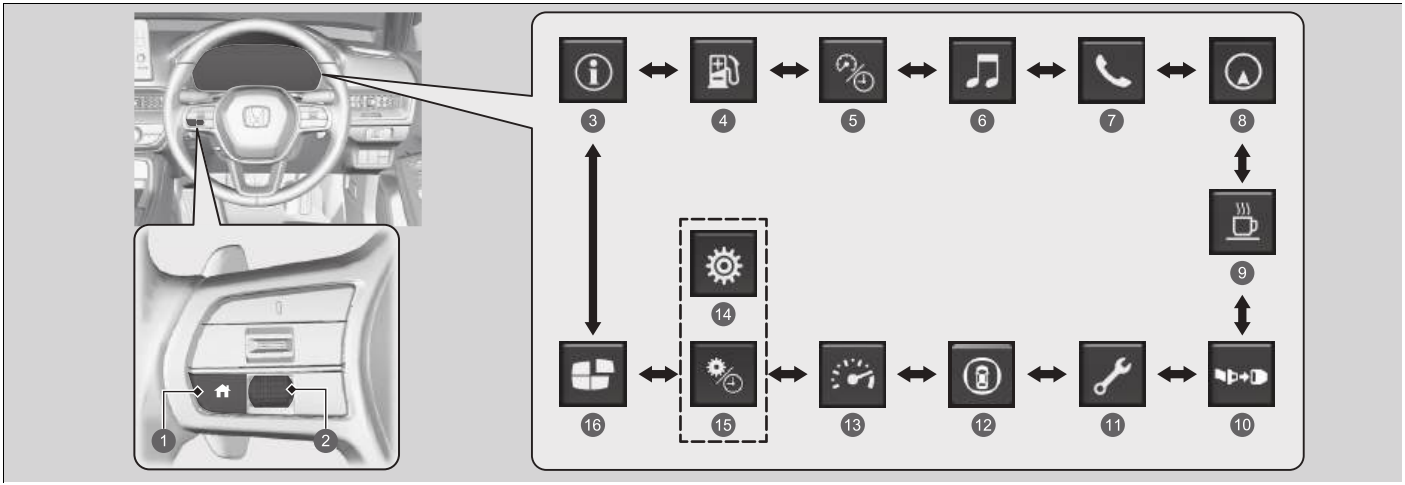

1. Nút [⌂] (màn hình chính)
2. Vòng lựa chọn bên trái
3. **Cảnh báo**[*1]**/Thông tin**[*2] ➡ Tr. 136
4. **Quãng đường & nhiên liệu** ➡ Tr. 121
5. **Tốc độ & thời gian** ➡ Tr. 124
6. **Âm thanh**[*] ➡ Tr. 126
7. **Điện thoại**[*] ➡ Tr. 126
8. **Định vị**[*] ➡ Tr. 127
9. **Mức độ tập trung của người lái** ➡ Tr. 128
10. **Dây đai an toàn**[*] ➡ Tr. 132
11. **Bảo dưỡng** ➡ Tr. 132
12. **Hỗ trợ an toàn** ➡ Tr. 133
13. **Không có nội dung** ➡ Tr. 135
14. **Cài đặt xe**[*] (Ngoại trừ loại xe tại Pakistan) ➡ Tr. 137
15. **Đồng hồ & cài đặt xe** (Loại xe tại Pakistan) ➡ Tr. 137
16. **Màn hình tùy chọn** ➡ Tr. 136

*1 : Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
*2 : Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Đồng hồ đo quãng đường/nhiên liệu/hành trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.

Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

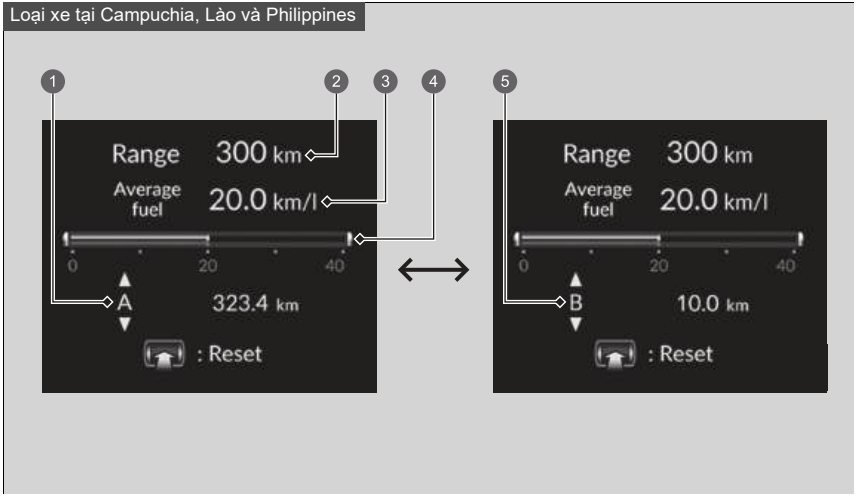

❶ Đồng hồ đo hành trình A
❷ Quãng đường
❸ Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình
❹ Mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời
❺ Đồng hồ đo hành trình B

Còn nữa

Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

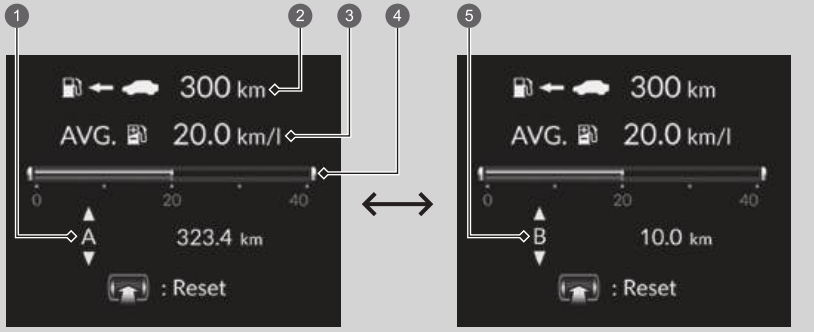

❶ Đồng hồ đo hành trình A
❷ Quãng đường
❸ Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình
❹ Mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời
❺ Đồng hồ đo hành trình B

■ Đồng hồ đo hành trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đã đi được kể từ lần cài đặt lại gần đây nhất. Có thể sử dụng đồng hồ đo A và B để đo hai hành trình riêng biệt.

Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, cho đồng hồ hiển thị, rồi ấn vòng lựa chọn bên trái, sau đó chọn **Reset**.

► Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại từ 0.0.

■ Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình

Hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình được ước tính cho mỗi hành trình tính bằng km/l hoặc l/100km. Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình thì mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời

Hiển thị lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ cột tính bằng km/l hoặc l/100 km.

■ Quãng đường

Hiển thị quãng đường ước tính mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được ước tính dựa vào mức tiết kiệm nhiên liệu hiện tại của xe.

Đồng hồ đo quãng đường/nhiên liệu/hành trình

Bạn có thể thay đổi đơn vị đo lượng tiêu thụ nhiên liệu tính bằng km/l và l/100km.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Quãng đường

Quãng đường di chuyển hiển thị chỉ là ước tính và có thể khác với quãng đường thực tế mà xe có thể đi được.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Đồng hồ đo tốc độ/thời gian/hành trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.

Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

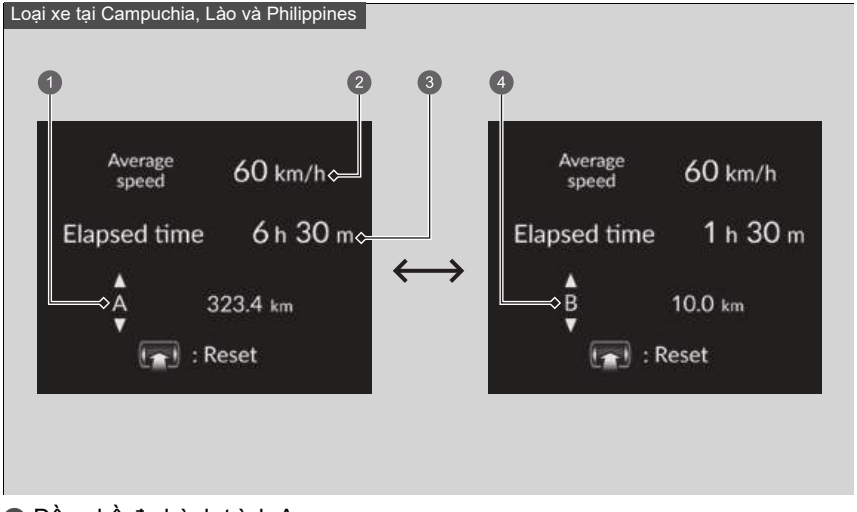

❶ Đồng hồ đo hành trình A
❷ Tốc độ trung bình
❸ Thời gian xe chạy
❹ Đồng hồ đo hành trình B

Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

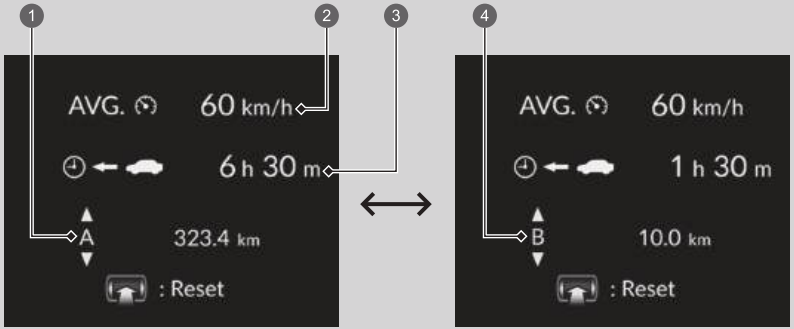

❶ Đồng hồ đo hành trình A
❷ Tốc độ trung bình
❸ Thời gian xe chạy
❹ Đồng hồ đo hành trình B

Còn nữa

■ Đồng hồ đo hành trình

➡ **Đồng hồ đo hành trình** Tr. 123

■ Thời gian xe chạy

Hiển thị thời gian xe chạy từ lúc cài đặt lại Hành trình A hoặc Hành trình B.

■ Tốc độ trung bình

Hiển thị tốc độ trung bình tính bằng km/h từ lúc cài đặt lại Hành trình A hoặc Hành trình B.

■ Âm thanh*

Hiển thị thông tin âm thanh đang phát.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➡ **Vận hành cơ bản** Tr. 304

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Vận hành cơ bản** Tr. 391

■ Điện thoại*

Hiển thị thông tin điện thoại đang phát.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➡ **Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)** Tr. 368

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)** Tr. 456

Thời gian xe chạy

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại thời gian xe chạy.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➡ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Tốc độ trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại tốc độ trung bình.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➡ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Định vị*

■ La bàn

Hiển thị màn hình la bàn.

■ Dẫn đường chi tiết

Khi xe được trang bị Google Maps*, Apple CarPlay, hoặc Android Auto, thông tin dẫn đường chi tiết sẽ xuất hiện trên màn hình để giúp bạn đi đến điểm đến.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Apple CarPlay** Tr. 339
➔ **Android Auto™** Tr. 345

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Apple CarPlay** Tr. 423
➔ **Android Auto™** Tr. 427
➔ **Tích hợp Google** Tr. 431

Định vị*

Bạn có thể chọn bật hoặc tắt màn hình dẫn đường chi tiết trong quá trình dẫn đường.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Dẫn đường chi tiết có thể không có ở tất cả các ứng dụng.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái phân tích mức độ tác động lên vô lăng để xác định người lái có đang trong trạng thái buồn ngủ hoặc mất tập trung không. Nếu xác định được người lái đang trong trạng thái đó, chức năng này sẽ hiển thị mức độ tập trung của người lái trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

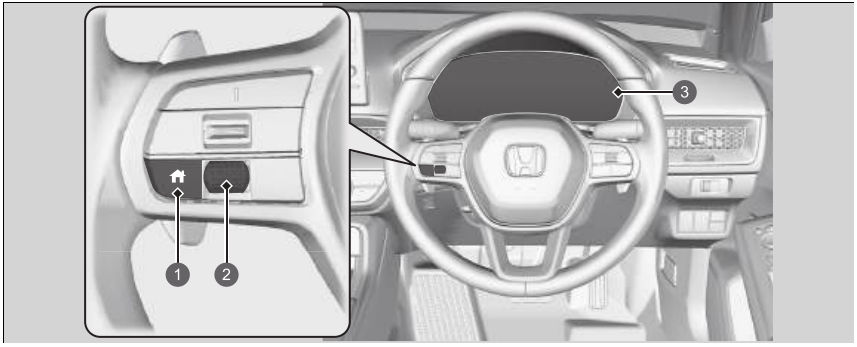

❶ Nút [⌂] (màn hình chính)
❷ Vòng lựa chọn bên trái
❸ Màn hình giao diện thông tin cho người lái

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái không phải lúc nào cũng phát hiện được người lái mệt mỏi hay mất tập trung.
Bất kể hệ thống phản hồi thế nào, nếu bạn cảm thấy mệt mỏi, hãy dừng xe ở nơi an toàn và nghỉ ngơi đến khi hết mệt.



Khi bạn chọn **Driver attention** (Mức độ tập trung của người lái) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, thanh mức độ sẽ sáng màu trắng để biểu thị mức độ tập trung của người lái.

➔ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 119

❶ Mức độ



Nếu hai thanh sáng lên, thông báo **Driver attention level low** (Mức độ tập trung của người lái thấp) sẽ xuất hiện.

Còn nữa

Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines



Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines



Nếu một thanh sáng lên, thông báo **Driver attention level low. Time for a break.**[*1]/ **Driver attention level low. Take a rest**[*2] (Mức độ tập trung của người lái thấp. Hãy nghỉ ngơi.) sẽ xuất hiện, tiếng bíp sẽ vang lên và vô lăng sẽ rung.

Nếu thông báo này xuất hiện, hãy dừng xe ở nơi an toàn và nghỉ ngơi đến khi hết mệt. Thông báo sẽ biến mất khi ấn nút [⌂] (màn hình chính) hoặc khi hệ thống đã xác định người lái đang lái xe bình thường.

Nếu người lái không nghỉ ngơi và chức năng theo dõi vẫn phát hiện người lái rất mệt, thông báo sẽ xuất hiện lại sau khoảng 15 phút, kèm theo tiếng bíp vang lên và vô lăng rung.

Thông báo không xuất hiện khi thời gian xe chạy là 30 phút trở xuống.

*1 : Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
*2 : Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

■ **Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái được cài đặt lại khi:**
- Động cơ tắt.
- Người lái tháo dây đai an toàn và mở cửa khi xe đã dừng.

■ **Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái hoạt động khi:**
- Xe đi với tốc độ trên 40 km/h.
- Đèn báo hệ thống lái trợ lực điện (EPS) tắt.

■ **Tùy thuộc vào điều kiện lái xe hoặc các yếu tố khác mà Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái có thể không hoạt động trong các trường hợp sau:**
- Chức năng hỗ trợ lái của Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) đang hoạt động.
  ➡ **Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)** Tr. 577
- Điều kiện đường xá kém, ví dụ mặt đường không trải nhựa hoặc mấp mô.
- Trời gió to.
- Người lái điều khiển xe ở trạng thái tự chủ như thường xuyên thay đổi làn đường hoặc tăng tốc.

■ **Tùy chọn**

Bạn có thể thay đổi các cài đặt Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái. Chọn **Tactile And Audible Alert** (Cảnh báo bằng rung vô lăng và âm thanh), **Tactile Alert**[*1] (Cảnh báo bằng rung vô lăng)/**Tactile alert only**[*2] (Cảnh báo chỉ bằng rung vô lăng) hoặc **OFF** (TẮT).

Loại xe không có Màn hình giải trí

➡ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

*1 : Loại xe Campuchia, Lào, Philippine và Châu Mỹ La-tinh
*2 : Ngoại trừ loại xe Campuchia, Lào, Philippine và Châu Mỹ La-tinh

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái hoạt động khi:

Các thanh chia mức trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị màu xám trừ khi Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái đang hoạt động.

Còn nữa

■ Dây đai an toàn*

Xuất hiện trong những điều kiện cụ thể khi thắt hoặc tháo dây đai an toàn.

➡ **Nhắc thắt dây đai an toàn** Tr. 47

■ Bảo dưỡng

Hiển thị hệ thống giám sát dầu.

➡ **Hệ thống giám sát dầu** Tr. 631

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Hỗ trợ an toàn

Biểu thị trạng thái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường, CMBS, Hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù*, và Hệ thống cảm biến đỗ* như Bật, Tắt hoặc lỗi, bằng màu sắc hoặc thông báo bằng chữ cái.

Những màu sắc sau biểu thị trạng thái của bất kỳ hệ thống nào được nhắc đến ở trên:
- Màu xanh lục: Hệ thống bật.
- Màu xám: Hệ thống tắt.
- Màu hổ phách: Hệ thống có sự cố.

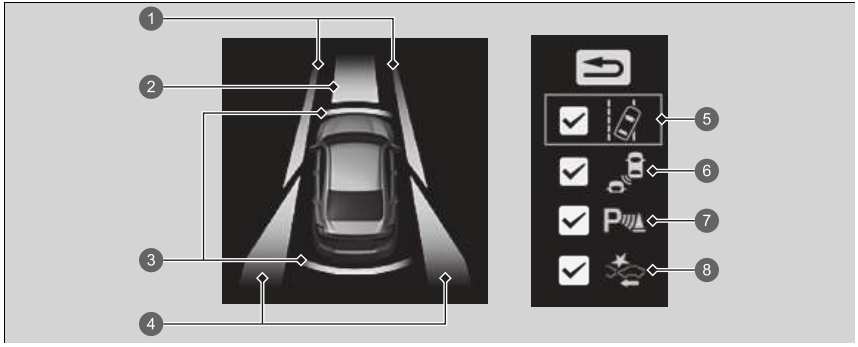

❶ Thông tin vùng cho hệ thống giảm thiểu chệch làn đường
❷ Thông tin vùng cho CMBS
❸ Thông tin vùng cho Hệ thống cảm biến đỗ*
❹ Thông tin vùng cho hệ thống thông tin điểm mù*
❺ Biểu tượng và thông tin trạng thái hệ thống giảm thiểu chệch làn đường
❻ Biểu tượng và thông tin trạng thái hệ thống thông tin điểm mù*
❼ Biểu tượng và Thông tin trạng thái Hệ thống cảm biến đỗ*
❽ Biểu tượng và thông tin trạng thái CMBS

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

Hỗ trợ an toàn

Nếu hệ thống hiển thị màu hổ phách, hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Để bật hoặc tắt từng hệ thống, trước tiên hãy xoay vòng lựa chọn bên trái để chuyển màn hình hiển thị. Từ màn hình tiếp theo, bạn có thể chọn bật hoặc tắt hệ thống.

- **Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường** Tr. 550
- **Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 536
- **Hệ thống thông tin điểm mù*** Tr. 523
- **Hệ thống cảm biến đỗ*** Tr. 611

Bạn cũng có thể xác nhận trạng thái của từng chức năng bằng màu sắc của đèn báo.

- **Đèn báo hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (Màu hổ phách)** Tr. 110
- **Đèn báo hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (Màu xám)** Tr. 110
- **Đèn cảnh báo chệch làn đường (Màu hổ phách)** Tr. 111
- **Đèn cảnh báo chệch làn đường (Màu xám)** Tr. 111
- **Đèn báo TẮT tự động hỗ trợ lái của Hệ thống cảnh báo chệch làn đường** Tr. 111
- **Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu hổ phách)** Tr. 112
- **Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu xanh lục/Màu xám)** Tr. 114

Hỗ trợ an toàn

Loại xe có hệ thống cảm biến đỗ

Ngay cả khi biểu tượng hệ thống cảm biến đỗ có màu xanh lục, nếu tắt **Rear Sensor Setting** (Cài đặt cảm biến sau) thì cảm biến đỗ sau sẽ không hoạt động khi lùi xe.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➡ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Không có nội dung

➔ **Đồng hồ đo tốc độ động cơ** Tr. 115

Không có nội dung

Có thể bật và tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Ngay cả khi bạn đã tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin, nếu chọn **No content** (Không có thông tin) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, màn hình sẽ chuyển sang chỉ hiển thị đồng hồ đo tốc độ động cơ.

➔ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 119

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Màn hình tùy chỉnh

Bạn có thể chọn các biểu tượng hiển thị trên màn hình chính.

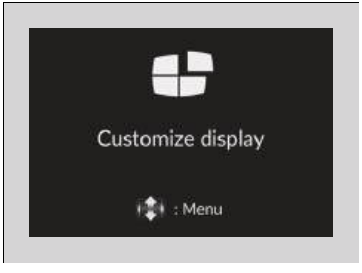

1. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Customize display (Màn hình tùy chỉnh)**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái.

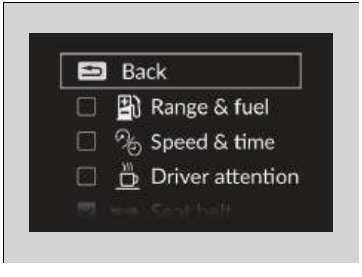

3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi biểu tượng, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái để chọn hoặc bỏ chọn các biểu tượng.

Màn hình tùy chỉnh

Bạn không thể xóa các biểu tượng màu xám khỏi màn hình chính.

Khi tuỳ chỉnh cài đặt, hãy sang số [P].

■ Cảnh báo*1/Thông tin*2

Bạn có thể kiểm tra xem có thông báo cảnh báo nào đang hoạt động không.

Cảnh báo*1/Thông tin*2

Nếu có nhiều cảnh báo hoặc thông tin, bạn có thể cuộn vòng lựa chọn bên trái để xem các cảnh báo khác.

*1 : Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
*2 : Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

Loại xe không có Màn hình giải trí

■ Đồng hồ* và Cài đặt xe

Sử dụng màn hình giao diện thông tin cho người lái để tùy chỉnh một số tính năng cụ thể.

■ Cách tùy chỉnh

Ấn nút [⌂] (màn hình chính), sau đó cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn màn hình [⚙] khi chế độ nguồn ở BẬT, xe ở trạng thái dừng hẳn, và vị trí số ở [P]. Sau đó, ấn vòng lựa chọn bên trái.

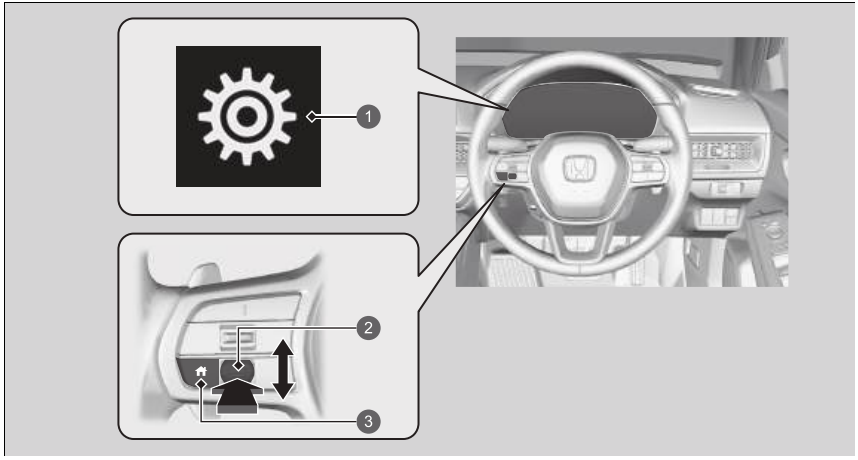

❶ Màn hình giao diện thông tin cho người lái
❷ Vòng lựa chọn bên trái
❸ Nút [⌂] (Màn hình chính)

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

Đồng hồ* và Cài đặt xe

Để tùy chỉnh các tính năng khác, cuộn vòng lựa chọn bên trái.

Danh sách tùy chỉnh Tr. 138
Ví dụ về các cài đặt tuỳ chỉnh Tr. 146

Khi tuỳ chỉnh cài đặt, hãy sang số [P].

■ **Danh sách tùy chỉnh**

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Clock setup*	**Adjust clock** (Điều chỉnh đồng hồ)	Điều chỉnh thời gian. ➡ **Điều chỉnh đồng hồ** Tr. 174	—
	Clock display (Màn hình đồng hồ)	Đặt định dạng hiển thị thời gian theo kiểu 24 giờ, 12 giờ hoặc tắt.	**24h**/**12h***1/**OFF** (24h/12h/TẮT)
Driver assist system setup (Cài đặt hệ thống hỗ trợ người lái)	Loại xe tại Campuchia và Lào **Forward collision warning distance** (Khoảng cách cảnh báo va chạm phía trước) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **Preceding vehicle proximity warning distance** (Khoảng cách cảnh báo trạng thái gần với xe phía trước)	Thay đổi khoảng cách mà Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) cảnh báo.	Loại xe tại Campuchia và Lào **Long**/**Normal***1/**Short** (Dài/Trung bình/Ngắn) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **Far**/**Normal***1/**Near** (Xa/Trung bình/Gần)
	Loại xe tại Campuchia và Lào **ACC forward vehicle detect beep** (Âm báo khi ACC phát hiện xe phía trước) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **ACC vehicle ahead detected beep** (Âm báo khi ACC phát hiện xe phía trước)	Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi hệ thống phát hiện ra xe khác, hoặc khi xe ra khỏi phạm vi ACC bao gồm dải tốc độ thấp.	**ON**/**OFF** *1 (BẬT/TẮT)
	Lead car departure notification system (Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành)	Thay đổi cài đặt cho hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành.	**Normal***1/**Early**/**OFF** (Bình thường/Sớm/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Driver assist system setup (Cài đặt hệ thống hỗ trợ người lái)	**Road departure mitigation setting** (Cài đặt giảm thiểu chệch làn đường)	Thay đổi cài đặt Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường.	Loại xe tại Campuchia và Lào **Narrow**/**Normal***1/**Wide**/**Warning only** (Hẹp/Trung bình/Rộng/Chỉ cảnh báo) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **Early**/**Normal***1/**Delayed**/**Warning only** (Sớm/Bình thường/Muộn/Chỉ cảnh báo)
	Loại xe tại Campuchia và Lào **Lane keeping assist suspend beep** (Tiếng bíp tạm dừng hỗ trợ giữ làn đường) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **Lane keep assist beep** (Tiếng bíp hỗ trợ giữ làn đường)	Kích hoạt hệ thống phát ra tiếng bíp khi LKAS bị tạm dừng.	**ON**/**OFF** *1 (BẬT/TẮT)
	Driver attention monitor (Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái)	Thay đổi cài đặt cho chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái.	Loại xe tại Campuchia và Lào **Tactile and audible alert***1/**Tactile alert**/**OFF** (Cảnh báo bằng rung vô lăng và âm thanh*1/Cảnh báo bằng rung vô lăng/TẮT) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **Tactile and audible alert***1/ **Tactile alert**/**OFF** (Cảnh báo bằng rung vô lăng và âm thanh*/Cảnh báo chỉ bằng rung vô lăng/TẮT)
	Rear Sensor Setting* (Cài đặt cảm biến sau)	Bật/Tắt hệ thống cảm biến đỗ phía sau. ➡ **Hệ thống cảm biến đỗ*** Tr. 611	**ON***1/**OFF** (BẬT/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Meter setup (Cài đặt đồng hồ đo)	**Adjust outside temp. display** (Màn hình điều chỉnh nhiệt độ ngoài trời)	Điều chỉnh chỉ số đo nhiệt độ tăng giảm một vài độ.	**-3°C ~ ±0°C**[*1] **~ +3°C**
	"Trip A" reset timing (Hẹn giờ cài đặt lại "Hành trình A")	Thay đổi cài đặt về cách đặt lại đồng hồ đo hành trình A, mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình A, tốc độ trung bình A và thời gian xe chạy A.	Loại xe tại Campuchia và Lào **When fully refueled/ IGN OFF/Manually reset**[*1] (IGN TẮT/Cài đặt lại bằng tay) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **When fully refueled/When ignition is turned OFF/ Manual reset**[*1] (Khi được đổ đầy nhiên liệu/Khi TẮT khóa điện/Đặt lại thủ công)
	"Trip B" reset timing (Hẹn giờ cài đặt lại "Hành trình B")	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B, mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình B, tốc độ trung bình B và thời gian xe chạy B.	Loại xe tại Campuchia và Lào **When fully refueled/ IGN OFF/Manually reset**[*1] (IGN TẮT/Cài đặt lại bằng tay) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **When fully refueled/When ignition is turned OFF/ Manual reset**[*1] (Khi được đổ đầy nhiên liệu/Khi TẮT khóa điện/Đặt lại thủ công)

*1: Cài đặt mặc định

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Meter setup (Cài đặt đồng hồ đo)	Loại xe tại Campuchia và Lào **Adjust alarm volume** (Điều chỉnh âm lượng cảnh báo) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **Alarm volume control** (Kiểm soát âm lượng cảnh báo)	Thay đổi âm lượng cảnh báo, chẳng hạn như tiếng còi báo, âm thanh cảnh báo, tiếng đèn xi nhan, v.v.	Loại xe tại Campuchia và Lào **High**/**Mid**[*1]/**Low** (Cao/Trung bình/Thấp) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **Max**/**Mid**[*1]/**Min** (Tối đa/Vừa/Tối thiểu)
	Fuel efficiency backlight[*] (Đèn nền hiệu suất nhiên liệu)	Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT/TẮT)
	Rear seat reminder (Nhắc ghế sau)	Bật và tắt tính năng nhắc ghế sau.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT/TẮT)
	Fuel economy unit (Đơn vị tính mức tiết kiệm nhiên liệu)	Chọn đơn vị tính mức tiêu thụ nhiên liệu.	Ngoại trừ loại xe tại Việt Nam **km/l**[*1]/**l/100km** Loại xe tại Việt Nam **km/l**/**l/100km**[*1]
	Tachometer (Đồng hồ đo tốc độ động cơ)	Bật/tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên bảng điều khiển.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Keyless access setup* (Cài đặt mở cửa không chìa khóa)	**Keyless access beep volume** (Âm lượng tiếng bíp mở cửa không chìa khóa)	Thay đổi âm tiếng bíp khi bạn cầm chìa khóa điều khiển từ xa và nắm tay nắm cửa trước.	**High**[*1]/**Low** (Cao/Thấp)
	Keyless access light flash (Nháy đèn khi mở cửa không chìa khóa)	Kích hoạt một số đèn ngoài xe nhấp nháy khi mở khóa/khóa các cửa.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT/TẮT)
	Keyless access beep (Tiếng bíp mở cửa không chìa khóa)	Kích hoạt tiếng bíp vang lên khi mở khóa/khóa các cửa.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT/TẮT)
	Remote start system ON/OFF* (BẬT/TẮT hệ thống khởi động từ xa)	Bật và tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT/TẮT)
Lighting setup (Cài đặt chiếu sáng)	Loại xe tại Campuchia và Lào **Auto high-beam** (Đèn pha thích ứng tự động) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **Auto High-Beam** (Đèn pha thích ứng tự động)	Bật và tắt đèn pha thích ứng tự động.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT/TẮT)
	Loại xe tại Campuchia và Lào **Interior light dimming time** (Thời gian chỉnh độ sáng đèn trong xe) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **Interior light dimmer duration** (Thời gian chỉnh độ sáng đèn trong xe)	Thay đổi thời gian sáng của các đèn trong xe sau khi bạn đóng các cửa.	**60sec/30sec**[*1]/**15sec** (60 giây/30 giây/15 giây)

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Lighting setup (Cài đặt chiếu sáng)	Loại xe tại Campuchia và Lào **Headlight auto off timer** (Hẹn giờ tự động tắt đèn chiếu sáng) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **Headlight auto OFF timer** (Hẹn giờ tự động TẮT đèn chiếu sáng)	Thay đổi thời gian sáng của các đèn ngoài xe sau khi bạn đóng cửa người lái.	**60sec**/**30sec**/**15sec**[*1]/**0sec** (60 giây/30 giây/15 giây/0 giây)
	Loại xe tại Campuchia và Lào **Auto headlight ON with wiper ON** (Tự động BẬT đèn chiếu sáng khi BẬT cần gạt nước) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **Headlight integration with wipers** (Đèn chiếu sáng tích hợp cần gạt nước)	Thay đổi cài đặt hoạt động của cần gạt nước khi các đèn chiếu sáng tự động bật sáng trong khi công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí **AUTO** (TỰ ĐỘNG).	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Door setup (Cài đặt cửa)	**Auto door lock** (Khóa cửa tự động)	Thay đổi cài đặt về thời điểm các cửa tự động khóa.	**Theo tốc độ xe**[*1]**/Sang số từ P/TẮT**
	Auto door unlock (Mở khóa cửa tự động)	Thay đổi cài đặt khi mở khóa các cửa tự động.	**Sang số từ P/TẮT KHÓA ĐIỆN/TẮT**
	Loại xe tại Campuchia và Lào **Walk away auto lock** (Tự động khóa khi rời khỏi xe) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **Walk away lock**[*] (Khóa khi rời khỏi xe)	Thay đổi cài đặt tính năng khóa cửa tự động khi bạn ra khỏi xe và mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.	**ON**/**OFF** [*1] (BẬT/TẮT)
	Loại xe tại Campuchia và Lào **Keyless lock answer back** (Phản hồi xác nhận khóa không chìa khóa) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **Keyless lock notification** (Thông báo khóa không chìa khóa)	KHÓA/MỞ KHÓA - Đèn ngoài xe nhấp nháy.	**ON**[*1]**/OFF** (BẬT/TẮT)
	Keyless remote power window control (Điều khiển cửa kính điện bằng chìa khóa điều khiển từ xa)	Bật và tắt điều khiển cửa kính từ xa bằng chìa khóa điều khiển từ xa.	**ON**[*1]**/OFF** (BẬT/TẮT)
	Auto folding door mirror (Tự động cụp gương cửa)	Thay đổi cách cụp gương cửa.	**Tự động cụp bằng chìa khóa điều khiển từ xa**[*1]**/Chỉ thủ công**
	Lock presetting (Cài đặt trước tính năng khóa)	Thay đổi cài đặt chức năng cài đặt trước khóa.	**ON**[*1]**/OFF** (BẬT/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Maintenance reset (Cài đặt lại thông tin bảo dưỡng)	—	Cài đặt lại thông tin hệ thống giám sát dầu sau khi thực hiện sửa chữa bảo dưỡng.	**Cancel**/**Reset** (Hủy/Cài đặt lại)
Default all (Mặc định cho tất cả)	—	Hủy các thay đổi tùy chỉnh mà bạn đã thực hiện hoặc khôi phục lại về cài đặt mặc định.	Loại xe tại Campuchia và Lào **Cancel**/**Set** (Hủy/Thiết lập) Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào **Cancel**/**OK** (Hủy/OK)

*1: Cài đặt mặc định

■ Ví dụ về các cài đặt tuỳ chỉnh

Các bước thay đổi cài đặt **"Trip A" reset timing** (Hẹn giờ cài đặt lại "Hành trình A") thành **When fully refueled** (Khi được đổ đầy nhiên liệu) được minh họa như bên dưới. Cài đặt mặc định cho **"Trip A" reset timing** là **Manually reset**[*1]/ **Manual reset**[*2].

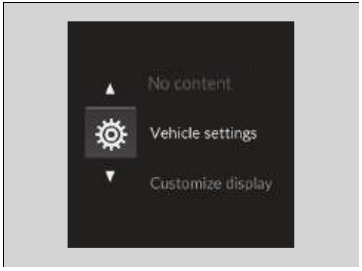

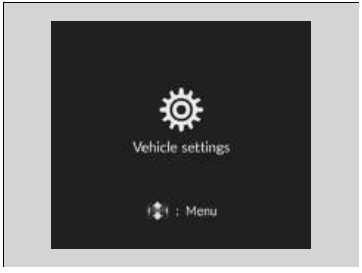

1. Ấn nút (màn hình chính) và cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn , sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

*1 : Loại xe tại Campuchia và Lào
*2 : Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào



2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Meter setup** (Cài đặt đồng hồ đo) xuất hiện trên màn hình hiển thị.
3. Ấn vòng lựa chọn bên trái.

Loại xe tại Campuchia và Lào



4. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **“Trip A” reset timing** (Hẹn giờ cài đặt lại “Hành trình A”) xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
► Màn hình chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, ở đó bạn có thể chọn **When fully refueled, IGN OFF**[*1]**/When ignition is turned OFF**[*2], **Manually reset**[*1]**/Manual reset**[*2] (Khi nạp đầy nhiên liệu, TẮT KHÓA ĐIỆN[*1]/Khi xoay khóa điện sang TẮT[*2], Cài đặt lại bằng tay[*1]/Cài đặt lại bằng tay[*2] hoặc **Back** (Quay Lại).

Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào

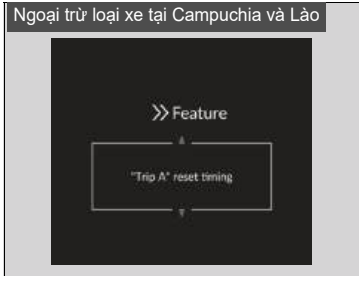

*1 : Loại xe tại Campuchia và Lào
*2 : Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào

Còn nữa

Loại xe tại Campuchia và Lào



Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào

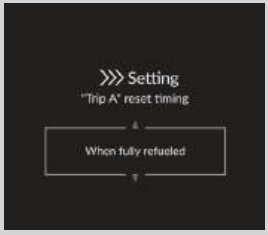

5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **When fully refueled** (Khi nạp đầy nhiên liệu), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
► Màn hình quay trở về màn hình danh mục tùy chọn.

Loại xe tại Campuchia và Lào



Ngoại trừ loại xe tại Campuchia và Lào



6. Ấn vòng lựa chọn bên trái sau khi **Back** (Quay Lại) xuất hiện trên màn hình.
7. Lặp lại bước 6 cho đến khi trở về màn hình bình thường.

Vùng bên trái màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B)

Hiển thị chế độ hiện tại của thông tin âm thanh và điện thoại, v.v.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Điều khiển âm thanh từ xa** Tr. 306
➔ **Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)** Tr. 368

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Điều khiển âm thanh từ xa** Tr. 393
➔ **Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)** Tr. 456

■ Đồng hồ

Hiển thị đồng hồ.

⌧Đồng hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian bằng tay và thay đổi định dạng màn hình đồng hồ hiển thị theo kiểu 12 giờ hoặc 24 giờ.

➔ **Đồng hồ** Tr. 174

Bạn có thể chọn bật hoặc tắt đồng hồ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➔ **Màn hình tùy chỉnh** Tr. 151

■ Màn hình tùy chỉnh

■ Sắp xếp nguồn âm thanh ở vùng bên trái màn hình

Bạn có thể lựa chọn nguồn âm thanh hiển thị trên màn nguồn âm thanh.

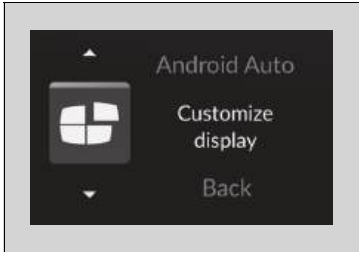

1. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Customize display (Màn hình tùy chỉnh)**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

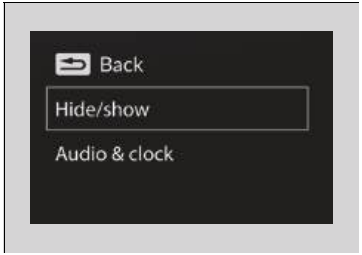

2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Hide/show**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

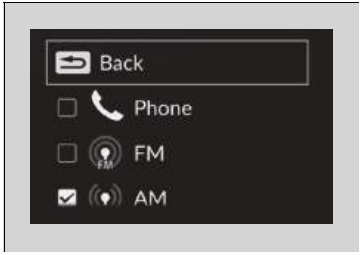

3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi các nguồn âm thanh, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái để chọn hoặc bỏ chọn các nguồn âm thanh.

Màn hình tùy chỉnh

Khi tuỳ chỉnh cài đặt, hãy sang số P.

Còn nữa

■ Bật và tắt hiển thị vùng bên trái

Bạn có thể chọn bật hoặc tắt thông tin âm thanh và đồng hồ ở vùng bên trái màn hình.

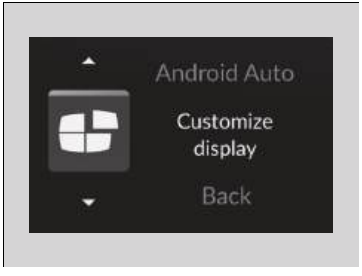

1. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Customize display (Màn hình tùy chỉnh)**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

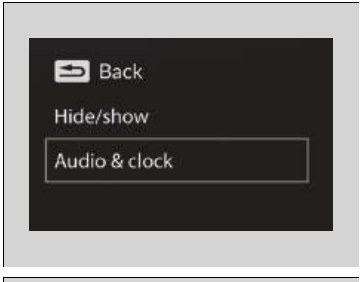

2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Audio & clock**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

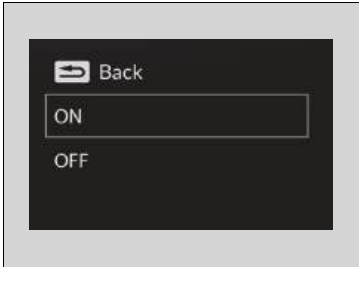

3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn cài đặt mong muốn, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

Vùng bên phải màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B)

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị thông tin như quãng đường đi dự kiến và mức tiết kiệm nhiên liệu của xe. Màn hình này cũng hiển thị các thông báo như cảnh báo và các thông tin hữu ích khác.
Khi thông báo cảnh báo xuất hiện, hãy kiểm tra thông báo và liên hệ với đại lý để kiểm tra xe nếu cần thiết. Hãy tham khảo các trang sau nếu xuất hiện thông báo **Engine oil pressure low** (Áp suất dầu động cơ thấp) hoặc **Engine temperature too hot** (Nhiệt độ động cơ quá cao).

➔ **Nếu cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp xuất hiện** Tr. 715
➔ **Quá nhiệt** Tr. 713

■ Chuyển đổi màn hình hiển thị

Cuộn vòng lựa chọn bên phải để xem các loại nội dung khác nhau.

Chuyển đổi màn hình hiển thị

Bạn có thể thêm hoặc xóa nội dung trên đồng hồ đo.

➔ **Màn hình tùy chỉnh** Tr. 169

Còn nữa

Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

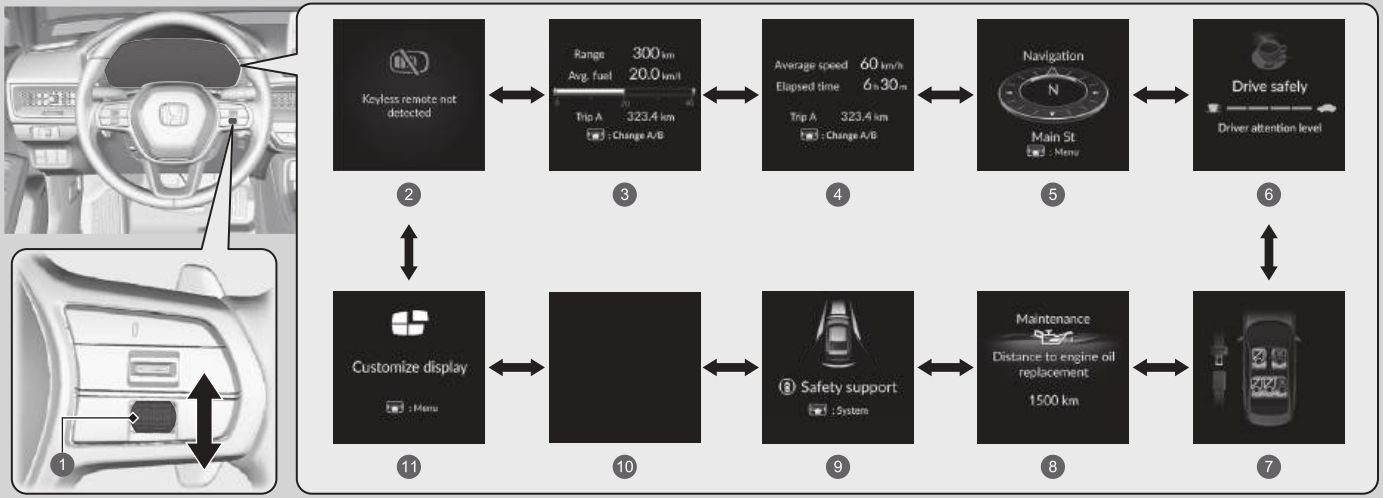

❶ Vòng lựa chọn bên phải
❷ Thông báo cảnh báo ➔ Tr. 171
❸ Đồng hồ đo quãng đường/Nhiên liệu/Hành trình ➔ Tr. 156
❹ Đồng hồ đo tốc độ/Thời gian/Hành trình ➔ Tr. 159
❺ Định vị ➔ Tr. 162
❻ Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái ➔ Tr. 163
❼ Dây đai an toàn ➔ Tr. 167
❽ Bảo dưỡng ➔ Tr. 167
❾ Hỗ trợ an toàn ➔ Tr. 168
❿ Không có nội dung
⓫ Màn hình tùy chỉnh ➔ Tr. 169

Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

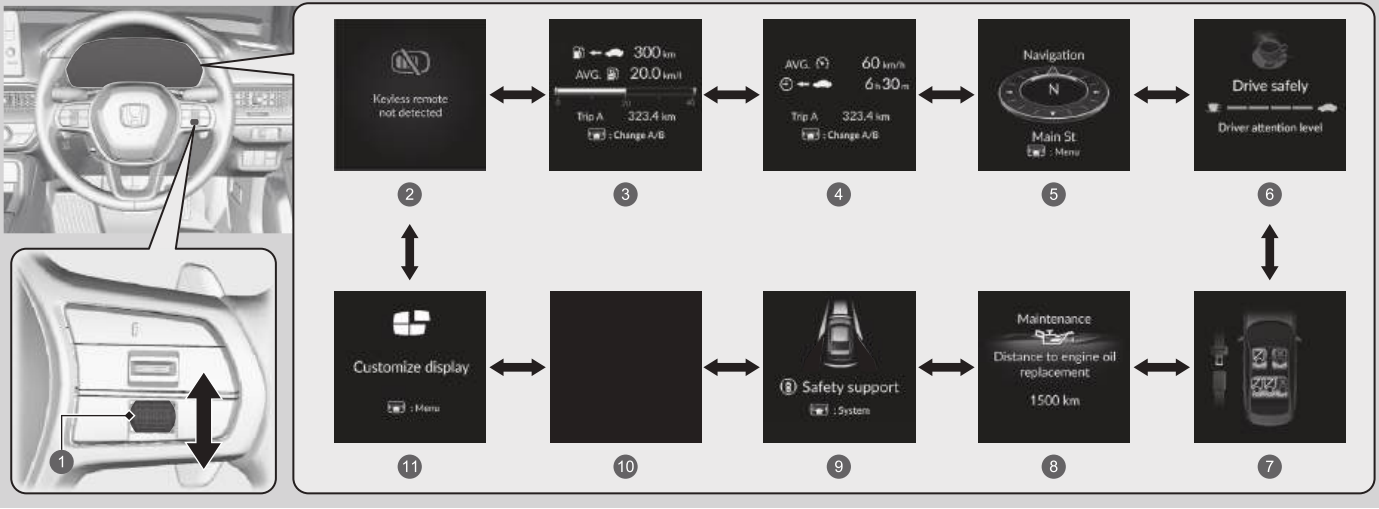

❶ Vòng lựa chọn bên phải
❷ Thông báo cảnh báo ➡ Tr. 171
❸ Đồng hồ đo quãng đường/Nhiên liệu/Hành trình ➡ Tr. 156
❹ Đồng hồ đo tốc độ/Thời gian/Hành trình ➡ Tr. 159
❺ Định vị ➡ Tr. 162
❻ Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái ➡ Tr. 163
❼ Dây đai an toàn* ➡ Tr. 167
❽ Bảo dưỡng ➡ Tr. 167
❾ Hỗ trợ an toàn ➡ Tr. 168
❿ Không có nội dung
⓫ Màn hình tùy chỉnh ➡ Tr. 169

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Đồng hồ đo quãng đường/nhiên liệu/hành trình

Ấn vòng lựa chọn bên phải để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.

Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

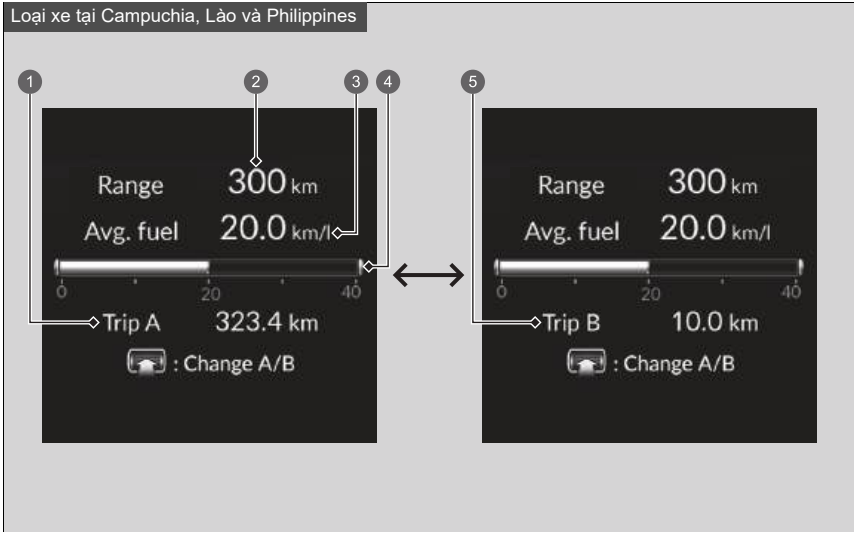

❶ Đồng hồ đo hành trình A
❷ Quãng đường
❸ Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình
❹ Mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời
❺ Đồng hồ đo hành trình B

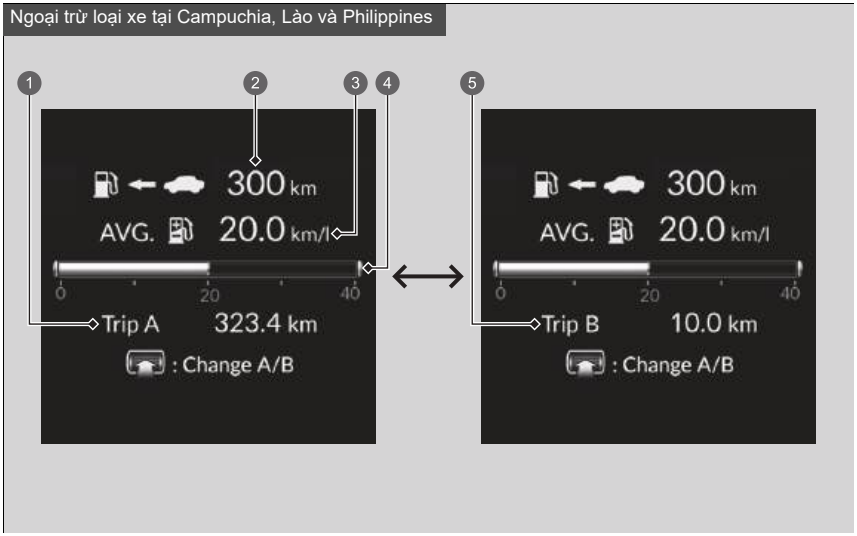

❶ Đồng hồ đo hành trình A
❷ Quãng đường
❸ Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình
❹ Mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời
❺ Đồng hồ đo hành trình B

Còn nữa

■ Đồng hồ đo hành trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đã đi được kể từ lần cài đặt lại gần đây nhất. Có thể sử dụng đồng hồ đo A và B để đo hai hành trình riêng biệt.

Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, hãy cho đồng hồ hiển thị, ấn và giữ vòng lựa chọn bên phải, sau đó chọn **Reset**.

► Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại từ 0.0.

■ Tiêu thụ nhiên liệu trung bình

Hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình được ước tính cho mỗi hành trình tính bằng km/l hoặc l/100km. Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình thì mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Tiêu thụ nhiên liệu tức thời

Hiển thị lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ cột tính bằng km/l hoặc l/100 km.

■ Quãng đường

Hiển thị quãng đường ước tính mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được ước tính dựa vào mức tiết kiệm nhiên liệu hiện tại của xe.

Đồng hồ đo quãng đường/nhiên liệu/hành trình

Bạn có thể thay đổi đơn vị đo lượng tiêu thụ nhiên liệu tính bằng km/l và l/100km.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Tiêu thụ nhiên liệu trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Quãng đường

Quãng đường di chuyển hiển thị chỉ là ước tính và có thể khác với quãng đường thực tế mà xe có thể đi được.

■ Đồng hồ đo tốc độ/thời gian/hành trình

Ấn vòng lựa chọn bên phải để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.

Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

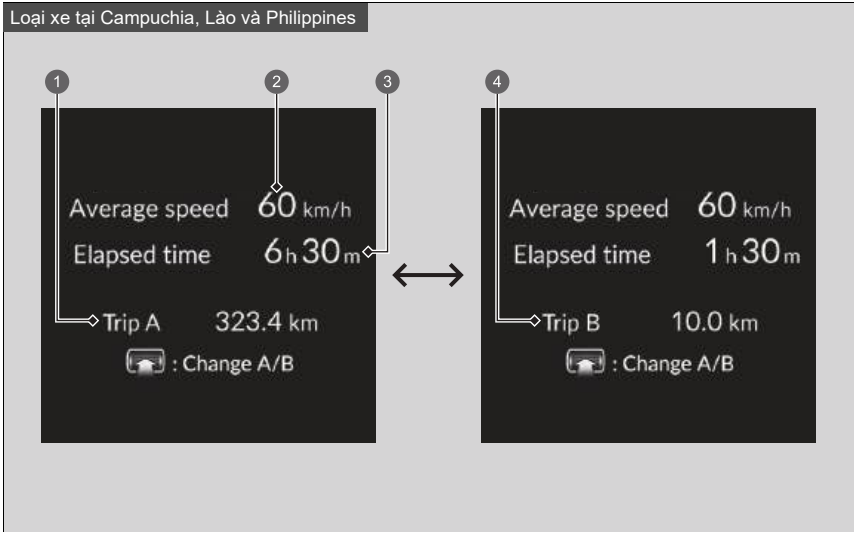

❶ Đồng hồ đo hành trình A
❷ Tốc độ trung bình
❸ Thời gian xe chạy
❹ Đồng hồ đo hành trình B

Còn nữa

Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

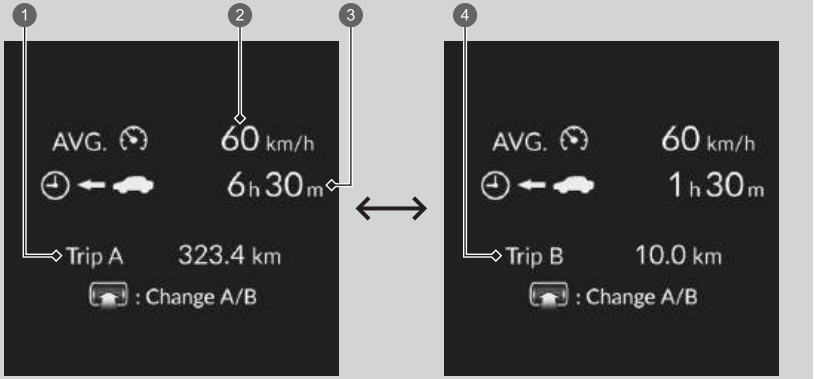

❶ Đồng hồ đo hành trình A
❷ Tốc độ trung bình
❸ Thời gian xe chạy
❹ Đồng hồ đo hành trình B

■ Đồng hồ đo hành trình

➔ **Đồng hồ đo hành trình** Tr. 158

■ Thời gian xe chạy

Hiển thị thời gian xe chạy từ lúc cài đặt lại Hành trình A hoặc Hành trình B.

Thời gian xe chạy

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại thời gian xe chạy.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

■ Tốc độ trung bình

Hiển thị tốc độ trung bình tính bằng km/h từ lúc cài đặt lại Hành trình A hoặc Hành trình B.

Tốc độ trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại tốc độ trung bình.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Còn nữa

■ Định vị

■ La bàn

Hiển thị màn hình la bàn.

■ Dẫn đường chi tiết

Khi xe được trang bị hệ thống định vị*, Google Maps*, Apple CarPlay, hoặc Android Auto, thông tin dẫn đường chi tiết sẽ xuất hiện trên màn hình để giúp bạn đi đến điểm đến.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tham khảo Tài liệu hướng dẫn Hệ thống định vị**
➔ **Apple CarPlay** Tr. 339
➔ **Android Auto™** Tr. 345

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Apple CarPlay** Tr. 423
➔ **Android Auto™** Tr. 427
➔ **Tích hợp Google** Tr. 431

Định vị

Bạn có thể chọn bật hoặc tắt màn hình dẫn đường chi tiết trong quá trình dẫn đường.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

Bạn có thể điều khiển một số chức năng của hệ thống định vị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái bằng cách ấn vòng lựa chọn bên phải.

➔ **Tham khảo Tài liệu hướng dẫn Hệ thống định vị**

Dẫn đường chi tiết có thể không có ở tất cả các ứng dụng.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái phân tích mức độ tác động lên vô lăng để xác định người lái có đang trong trạng thái buồn ngủ hoặc mất tập trung không. Nếu xác định được người lái đang trong trạng thái đó, chức năng này sẽ hiển thị mức độ tập trung của người lái trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

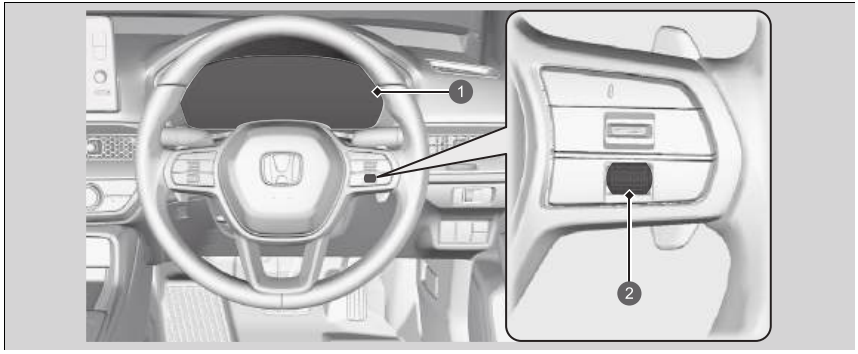

❶ Màn hình giao diện thông tin cho người lái
❷ Vòng lựa chọn bên phải

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái không phải lúc nào cũng phát hiện được người lái mệt mỏi hay mất tập trung.
Bất kể hệ thống phản hồi thế nào, nếu bạn cảm thấy mệt mỏi, hãy dừng xe ở nơi an toàn và nghỉ ngơi đến khi hết mệt.

Còn nữa



Khi bạn chọn Driver Attention Monitor (Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, thanh mức độ sẽ sáng màu trắng để biểu thị mức độ tập trung của người lái.

➲ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 153

❶ Mức độ



Nếu hai thanh sáng lên, thông báo **Driver attention level low** (Mức độ tập trung của người lái thấp) sẽ xuất hiện.

Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines



Nếu một thanh sáng lên, thông báo **Driver attention level low. Time for a break.**[*1]/ **Driver attention level low. Take a rest**[*2] (Mức độ tập trung của người lái thấp. Hãy nghỉ ngơi.) sẽ xuất hiện, tiếng bíp sẽ vang lên và vô lăng sẽ rung.

Nếu thông báo này xuất hiện, hãy dừng xe ở nơi an toàn và nghỉ ngơi đến khi hết mệt. Thông báo sẽ biến mất khi cuộn vòng lựa chọn bên phải hoặc khi hệ thống đã xác định người lái đang lái xe bình thường.

Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines



Nếu người lái không nghỉ ngơi và chức năng theo dõi vẫn phát hiện người lái rất mệt, thông báo sẽ xuất hiện lại sau khoảng 15 phút, kèm theo tiếng bíp vang lên và vô lăng rung.

Thông báo không xuất hiện khi thời gian xe chạy là 30 phút trở xuống.

*1 : Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
*2 : Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

Còn nữa

■ Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái được cài đặt lại khi:
- Động cơ tắt.
- Người lái tháo dây đai an toàn và mở cửa khi xe đã dừng.

■ Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái hoạt động khi:
- Xe đi với tốc độ trên 40 km/h.
- Đèn báo hệ thống lái trợ lực điện (EPS) tắt.

■ Tùy thuộc vào điều kiện lái xe hoặc các yếu tố khác mà Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái có thể không hoạt động trong các trường hợp sau:
- Chức năng hỗ trợ lái của Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) đang hoạt động.
  ➔ **Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)** Tr. 577
- Điều kiện đường xá kém, ví dụ mặt đường không trải nhựa hoặc mấp mô.
- Trời gió to.
- Người lái điều khiển xe ở trạng thái tự chủ như thường xuyên thay đổi làn đường hoặc tăng tốc.

■ Tùy chọn

Bạn có thể thay đổi các cài đặt Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái. Chọn **Tactile And Audible Alert** (Cảnh báo bằng rung vô lăng và âm thanh), **Tactile Alert**[*1] (Cảnh báo bằng rung vô lăng)/**Tactile alert only**[*2] (Cảnh báo chỉ bằng rung vô lăng) hoặc **OFF** (TẮT).

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

*1 : Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
*2 : Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái hoạt động khi:

Các thanh chia mức trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị màu xám trừ khi Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái đang hoạt động.

■ Dây đai an toàn*

Xuất hiện trong những điều kiện cụ thể khi thắt hoặc tháo dây đai an toàn.

➡ **Nhắc thắt dây đai an toàn** Tr. 47

■ Bảo dưỡng

Hiển thị hệ thống giám sát dầu.

➡ **Hệ thống giám sát dầu** Tr. 631

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Hỗ trợ an toàn

Biểu thị trạng thái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường, CMBS và Hệ thống cảm biến đỗ như Bật, Tắt hoặc Lỗi, bằng màu sắc hoặc thông báo bằng chữ cái.

Những màu sắc sau biểu thị trạng thái của bất kỳ hệ thống nào được nhắc đến ở trên:

- Màu xanh lục: Hệ thống bật.
- Màu xám: Hệ thống tắt.
- Màu hổ phách: Hệ thống có sự cố.

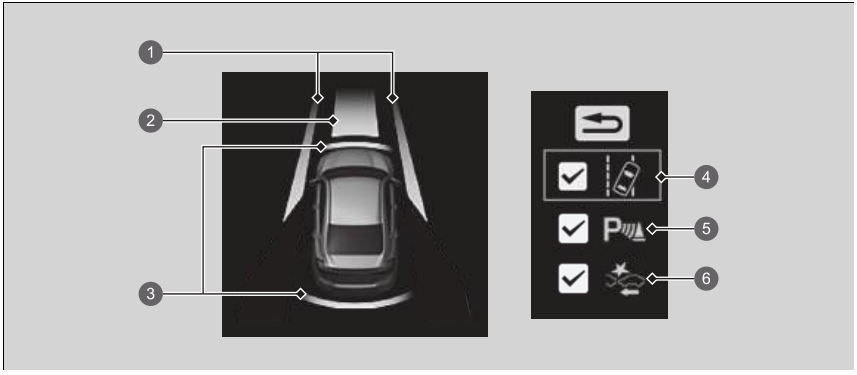

❶ Thông tin vùng cho hệ thống giảm thiểu chệch làn đường
❷ Thông tin vùng cho CMBS
❸ Thông tin vùng cho Hệ thống cảm biến đỗ
❹ Biểu tượng và thông tin trạng thái hệ thống giảm thiểu chệch làn đường
❺ Biểu tượng và Thông tin trạng thái Hệ thống cảm biến đỗ
❻ Biểu tượng và Thông tin trạng thái CMBS

Hỗ trợ an toàn

Nếu hệ thống hiển thị màu hổ phách, hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Để bật hoặc tắt từng hệ thống, trước tiên hãy ấn vòng lựa chọn bên phải để chuyển màn hình hiển thị. Từ màn hình tiếp theo, bạn có thể chọn bật hoặc tắt hệ thống.

- **Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường** Tr. 550
- **Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 536
- **Hệ thống cảm biến đỗ*** Tr. 611

Bạn cũng có thể xác nhận trạng thái của từng chức năng bằng màu sắc của đèn báo.

- **Đèn báo hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (Màu hổ phách)** Tr. 110
- **Đèn báo hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (Màu xám)** Tr. 110
- **Đèn cảnh báo chệch làn đường (Màu hổ phách)** Tr. 111
- **Đèn cảnh báo chệch làn đường (Màu xám)** Tr. 111
- **Đèn báo TẮT tự động hỗ trợ lái của Hệ thống cảnh báo chệch làn đường** Tr. 111
- **Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu hổ phách)** Tr. 112
- **Đèn báo hỗ trợ an toàn (Màu xanh lục/Màu xám)** Tr. 114

Ngay cả khi biểu tượng hệ thống cảm biến đỗ có màu xanh lục, nếu tắt **Rear Sensor Setting** (Cài đặt cảm biến sau) thì cảm biến đỗ sau sẽ không hoạt động khi lùi xe.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

- **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

- **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Màn hình tùy chỉnh

■ Sắp xếp nội dung ở vùng bên phải

Bạn có thể lựa chọn nội dung hiển thị ở vùng bên phải màn hình.

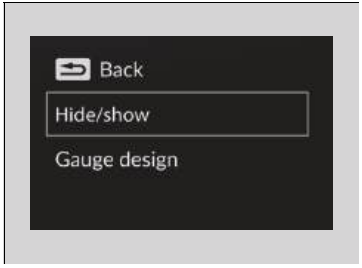

1. Ấn vòng lựa chọn bên phải khi chọn **Customize display** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên phải để chọn **Hide/show**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên phải.

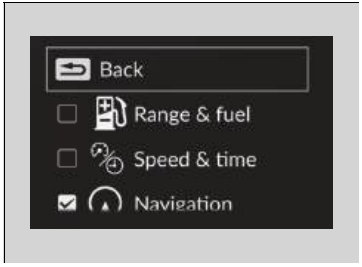

3. Cuộn vòng lựa chọn bên phải để thay đổi nội dung, sau đó ấn vòng lựa chọn bên phải để chọn hoặc bỏ chọn.

Sắp xếp nội dung ở vùng bên phải

Bạn không thể xóa các nội dung màu xám ở vùng bên phải.

Khi tuỳ chỉnh cài đặt, hãy sang số P.

Còn nữa

■ Thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ đo

Bạn có thể thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ đo.



1. Ấn vòng lựa chọn bên phải khi chọn **Customize display** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên phải để chọn **Gauge design**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên phải.

Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

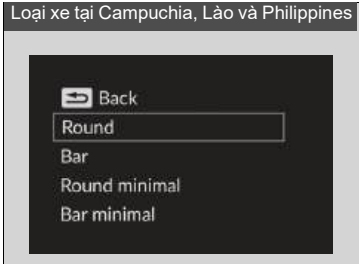

3. Cuộn vòng lựa chọn bên phải để chọn cài đặt mong muốn, sau đó ấn vòng lựa chọn bên phải.

Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

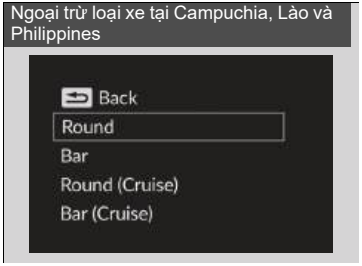

*1 : Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
*2 : Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

Thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ đo

Khi chọn kiểu hiển thị đồng hồ đo **Round minimal**[*1]/**Round (Cruise)**[*2] (dạng tròn) hoặc **Bar minimal**[*1]/**Bar (Cruise)**[*2] (dạng vạch chia), màn hình đơn giản sẽ hiển thị khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp đang hoạt động.

■ Cảnh báo

Bạn có thể kiểm tra xem có thông báo cảnh báo nào đang hoạt động không.

Cảnh báo

Nếu có nhiều cảnh báo hoặc thông tin, bạn có thể cuộn vòng lựa chọn bên phải để xem các cảnh báo khác.

Điều khiển

Chương này mô tả cách vận hành một số chức năng cần thiết khi điều khiển xe.



Đồng hồ..... 174
Khóa và mở khóa cửa
Chìa khóa 176
Tín hiệu Chìa khóa điều khiển từ xa/Khóa thẻ từ* yếu 179
Khóa/mở khóa cửa từ bên ngoài.... 180
Khóa/mở khóa cửa từ bên trong 189
Khóa an toàn trẻ em 191
Khóa/mở khóa cửa tự động..... 192
Mở và đóng cốp..... 193
Hệ thống an ninh
Hệ thống chống nổ máy 195
Cảnh báo hệ thống an ninh 196
Cửa kính..... 197
Cửa sổ trời*..... 201
Vận hành các công tắc quanh vô lăng
Nút ENGINE START/STOP..... 203
Xi nhan 206
Đèn..... 207
Bộ phận điều chỉnh đèn chiếu sáng*212
Đèn pha thích ứng tự động 213
Cần gạt nước và rửa kính 216
Nút sấy kính sau/sấy gương cửa*218
Loại xe có đồng hồ đo loại A
Điều chỉnh độ sáng..... 219
Loại xe có đồng hồ đo loại B
Điều chỉnh độ sáng..... 220
Điều chỉnh vô lăng..... 221
Gương
Gương chiếu hậu 222
Gương cửa điện..... 224
Ghế ngồi 226
Hạng mục tiện ích bên trong 236
Hệ thống điều hòa không khí tự động. 248

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Điều chỉnh đồng hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian hiện trên màn hình đồng hồ khi chế độ nguồn BẬT.

Loại xe có Hệ thống âm thanh màu

■ Điều chỉnh thời gian

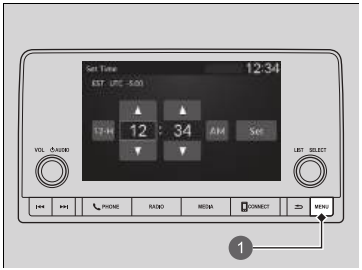

1. Ấn nút **MENU**.
2. Chọn **Clock Settings**.
3. Chọn **Automatic Time**, sau đó chọn **OFF**.
4. Chọn **Set Time**.
5. Chọn **12H**(**12-H**)/**24H**(**24-H**) để thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ.
6. Chọn ▲ hoặc ▼.
7. Chọn **Set** để cài đặt thời gian.

❶ Nút **MENU**

Điều chỉnh đồng hồ

Loại xe có Màn hình giải trí

Bạn có thể điều chỉnh đồng hồ và tùy chỉnh màn hình đồng hồ.

Loại xe không tích hợp Google

➡ **Cài đặt đồng hồ** Tr. 316

Loại xe tích hợp Google

➡ **Cài đặt đồng hồ** Tr. 402

Điều chỉnh thời gian

Đồng hồ được cập nhật tự động thông qua hệ thống âm thanh.

Bạn có thể chọn và nhập bằng núm **LIST** / **SELECT** (Danh sách/Bộ chọn) thay vì chạm vào bảng điều khiển cảm ứng.

Loại xe không có hệ thống âm

Điều chỉnh thời gian

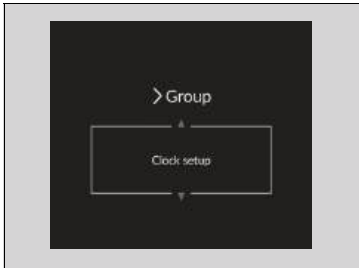

1. Ấn nút (màn hình chính), chọn , sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Clock setup**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

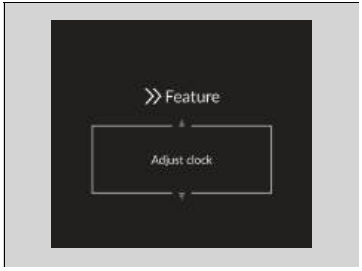

3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Adjust clock** (Điều chỉnh đồng hồ) xuất hiện trên màn hình hiển thị.
4. Ấn vòng lựa chọn bên trái.

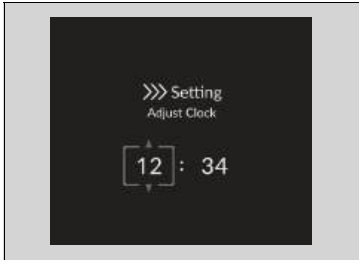

5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi giờ, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi phút, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
7. Ấn nút (màn hình chính) để trở về màn hình bình thường.

Điều chỉnh thời gian

Bạn có thể tùy chỉnh màn hình đồng hồ để hiển thị đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ.

Đồng hồ* và Cài đặt xe Tr. 137

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Chìa khóa

Xe này có những chìa khóa sau:

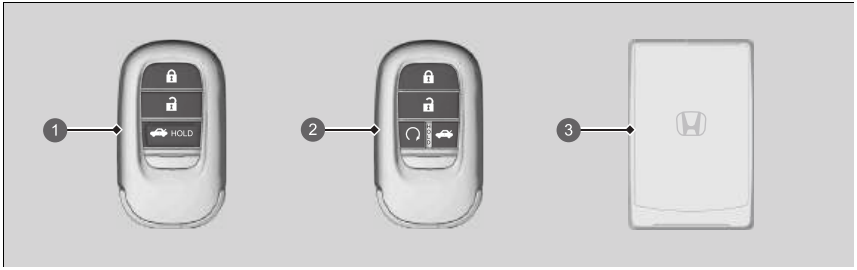

❶ Chìa khóa điều khiển từ xa*1
❷ Chìa khóa điều khiển từ xa*2
❸ Khóa thẻ từ*

Sử dụng chìa khóa để khởi động và dừng động cơ, khóa và mở khóa tất cả cửa xe và cửa nạp nhiên liệu.

*1 : Loại xe không có chức năng khởi động động cơ từ xa
*2 : Loại xe có chức năng khởi động động cơ từ xa

Chìa khóa

Tất cả các chìa khóa đều có hệ thống chống nổ máy. Hệ thống chống nổ máy giúp bảo vệ xe khỏi nguy cơ bị trộm cắp.

➡ **Hệ thống chống nổ máy** Tr. 195

Làm theo lời khuyên sau đây để tránh làm hỏng chìa khóa:

- Không để chìa khóa dưới ánh nắng mặt trời trực tiếp, hoặc những nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.
- Không làm rơi chìa khóa hoặc đè vật nặng lên.
- Để chìa khóa cách xa các chất lỏng, bụi bẩn và cát.
- Không tháo rời các bộ phận của chìa khóa trừ khi thay pin.

Nếu mạch trong chìa khóa bị hỏng, động cơ có thể không khởi động được và bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa có thể không hoạt động.
Nếu chìa khóa không hoạt động đúng cách, hãy mang chìa khóa đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe có chức năng khởi động động cơ từ xa

Bạn có thể khởi động động cơ từ xa bằng chức năng khởi động động cơ từ xa.

➡ **Khởi động động cơ từ xa*** Tr. 499

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Chìa khóa tích hợp

Có thể sử dụng chìa khóa tích hợp để mở khóa các cửa khi pin chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* yếu và không thể mở khóa cửa điện.

Chìa khóa điều khiển từ xa



Để tháo chìa khóa tích hợp, hãy ấn nút nhả, sau đó kéo chìa khóa ra. Để lắp lại, hãy đẩy chìa khóa tích hợp vào trong chìa khóa điều khiển từ xa cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

❶ Nút nhả
❷ Chìa khóa tích hợp

Khóa thẻ từ*

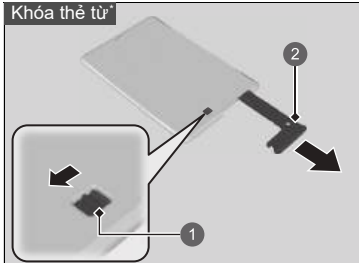

Để tháo chìa khóa tích hợp, hãy trượt núm nhả, sau đó kéo chìa khóa ra. Để lắp lại, hãy đẩy chìa khóa tích hợp vào trong khóa thẻ từ cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

❶ Núm nhả
❷ Chìa khóa tích hợp

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Thẻ mã số chìa khóa

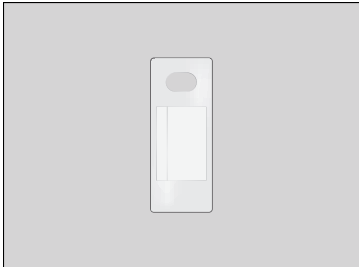

Chứa mã số mà bạn sẽ cần cung cấp khi mua chìa khóa thay thế.

Thẻ mã số chìa khóa

Để thẻ mã số chìa khóa tách biệt với chìa khóa tại một nơi an toàn bên ngoài xe.
Nếu muốn mua thêm chìa khóa, hãy liên hệ với đại lý.

Nếu mất chìa khóa và không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

Tín hiệu Chìa khóa điều khiển từ xa/Khóa thẻ từ* yếu

Xe truyền tín hiệu sóng vô tuyến để xác định vị trí chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* để khởi động động cơ, khóa và mở khóa* tất cả các cửa và cửa nạp nhiên liệu; và mở* cốp.

Trong các trường hợp sau, việc khởi động động cơ có thể không thực hiện được, khóa/mở khóa* các cửa/cửa nạp nhiên liệu, hoặc mở* cốp có thể bị hạn chế hoặc vận hành có thể không ổn định:

- Có một thiết bị gần đó đang phát tín hiệu sóng vô tuyến mạnh.
- Bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* cùng với các thiết bị truyền thông, máy tính xách tay, điện thoại di động, hoặc các thiết bị không dây.
- Một vật bằng kim loại đang chạm hoặc phủ lên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*.
- Khóa thẻ từ* có nắp che hoặc ở trong hộp có thể chặn sóng vô tuyến.

Tín hiệu Chìa khóa điều khiển từ xa/Khóa thẻ từ* yếu

Liên lạc giữa chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* và xe sẽ tiêu thụ pin của chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*.
Tuổi thọ của pin được khoảng 2*1 hoặc 1,5*2 năm, nhưng có thể thay đổi tùy thuộc vào cường độ sử dụng.
Pin sẽ tiêu hao mỗi khi chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* nhận được sóng vô tuyến mạnh. Tránh đặt chìa khóa cạnh các thiết bị điện tử như ti vi và máy tính cá nhân.

Chìa khóa điều khiển từ xa

Có thể tắt chức năng thu sóng vô tuyến để giảm tiêu hao pin. Khi giữ cùng lúc các nút khóa và mở khóa trong khoảng ba giây, đèn LED sẽ nhấp nháy hai lần và chức năng thu sóng vô tuyến sẽ tắt.
Nếu ấn một nút bất kỳ trên chìa khóa điều khiển từ xa một lần, chức năng thu sóng vô tuyến sẽ hoạt động trở lại.

*1 : Chìa khóa điều khiển từ xa
*2 : Khóa thẻ từ

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Khóa/mở khóa cửa từ bên ngoài

■ Sử dụng Hệ thống mở cửa không chìa khóa*

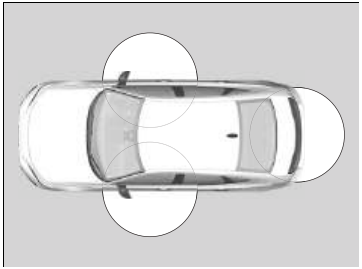

Khi mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, bạn có thể khóa/mở khóa các cửa, cửa nạp nhiên liệu và mở cốp.
Bạn có thể khóa/mở khóa các cửa và cửa nạp nhiên liệu trong bán kính 80 cm tính từ tay nắm cửa bên ngoài hoặc nút mở cốp.

Khóa/mở khóa cửa từ bên ngoài

Nếu công tắc đèn trong xe ở vị trí kích hoạt theo cửa, đèn trong xe sẽ bật sáng khi bạn mở khóa cửa xe.
Không cửa nào mở: Đèn tắt dần sau 30 giây.
Các cửa khóa lại: Đèn tắt ngay lập tức.
➡ **Đèn trong xe** Tr. 236

Sử dụng Hệ thống mở cửa không chìa khóa*

Nếu bạn không mở cửa xe trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng hệ thống mở cửa không chìa khóa, các cửa và cốp sẽ tự động khóa lại.

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng hệ thống mở cửa không chìa khóa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Khóa cửa và cốp

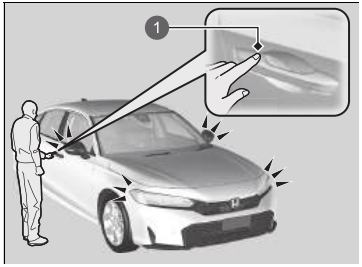

❶ Cảm biến khóa cửa

Chạm vào cảm biến khóa cửa ở cửa trước.

▶ Tất cả các cửa và cốp đều khóa và hệ thống an ninh được thiết lập.

▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy một lần và tiếng bíp vang lên một lần.

Sử dụng Hệ thống mở cửa không chìa khóa*

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* bên trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang chìa khóa theo bạn.
- Ngay cả khi bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, bạn có thể khóa/mở khóa các cửa khi ai đó mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong phạm vi cho phép.
- Nếu tay nắm cửa bị dính nước mưa hoặc nước rửa xe, bạn có thể khóa hoặc mở khóa cửa xe khi có chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong phạm vi cho phép.
- Nếu bạn đeo găng tay và nắm tay nắm cửa trước hoặc chạm vào cảm biến khóa cửa, cảm biến cửa có thể phản ứng chậm hoặc không phản ứng khi khóa hoặc mở khóa cửa.
- Sau khi khóa cửa, bạn có tối đa 2 giây để kéo tay nắm cửa để kiểm tra xem cửa khóa chưa. Nếu muốn mở khóa ngay sau khi khóa cửa, hãy đợi ít nhất 2 giây trước khi cầm tay nắm cửa, nếu không cửa sẽ không mở khóa.
- Cửa có thể không mở nếu bạn kéo cửa ngay sau khi nắm tay nắm cửa. Nắm lại tay nắm và xác nhận rằng cửa đã mở khóa trước khi kéo tay nắm.
- Thậm chí trong bán kính 80 cm, bạn không thể khóa/mở khóa các cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* nếu để trên hoặc dưới tay nắm cửa bên ngoài.
- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* có thể không hoạt động nếu ở quá gần cửa và kính cửa.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Mở khóa cửa và cốp

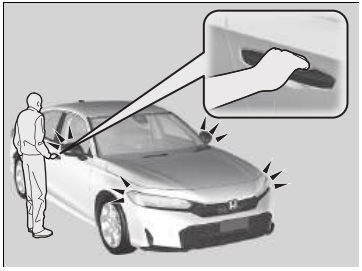

Loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Nắm tay nắm cửa người lái:

- ▶ Cửa bên lái và cửa nạp nhiên liệu mở khóa.
- ▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

Nắm tay nắm cửa hành khách trước:

- ▶ Tất cả các cửa và cửa nạp nhiên liệu mở khóa.
- ▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

Ngoại trừ loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Nắm tay nắm cửa trước:

- ▶ Tất cả các cửa và cửa nạp nhiên liệu mở khóa.
- ▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

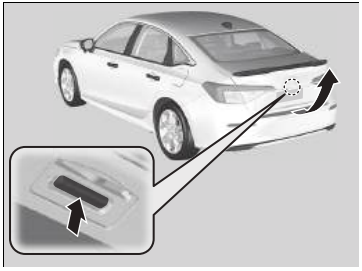

Ấn nút mở cốp:

- ▶ Cốp mở khóa và mở ra.
- ▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên một lần.

➔ **Sử dụng Nút mở cốp*** Tr. 194

Sử dụng Hệ thống mở cửa không chìa khóa*

Có thể tùy chọn các cài đặt nháy đèn, tiếng bíp và chế độ mở khóa cửa*.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 359

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 449

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

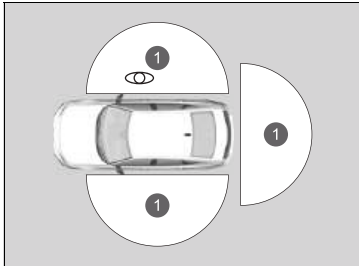

❶ Phạm vi hoạt động của chức năng khóa cửa tự động là khoảng 1,5 m.

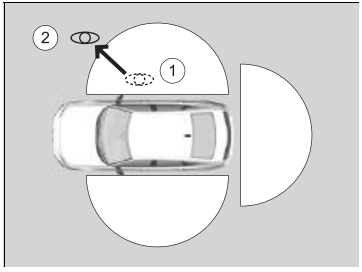

■ Khóa cửa (tự động khóa cửa khi ra khỏi xe)

Khi bạn ra khỏi xe sau khi đóng tất cả các cửa và mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, tất cả các cửa và cửa nạp nhiên liệu sẽ tự động khóa.

Chức năng khóa cửa tự động sẽ hoạt động khi tất cả các cửa đóng và chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* cách tay nắm cửa bên ngoài hoặc nút mở cốp 1,5 m.

Hãy ra khỏi xe, mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* và đóng (các) cửa.

1. Cách xe khoảng 1,5 m.
▶ Tiếng bíp vang lên; chức năng khóa cửa tự động sẽ được kích hoạt.

2. Mang chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ra ngoài xe, cách xe 1,5 m và ở ngoài phạm vi này khoảng từ 2 giây trở lên.
▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy, tiếng bíp vang lên; tất cả các cửa và cửa nạp nhiên liệu sẽ khóa.

Khóa cửa (tự động khóa cửa khi ra khỏi xe)

Chức năng tự động khóa được cài đặt thành TẮT theo thiết lập mặc định của nhà sản xuất. Có thể thay đổi cài đặt sang BẬT cho chức năng này bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin.

Nếu cài đặt chức năng khóa cửa tự động sang BẬT bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin, chỉ có bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa dùng để mở khóa cửa bên lái trước khi thay đổi cài đặt mới có thể kích hoạt khóa cửa tự động.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 359

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 449

Sau khi chức năng khóa cửa tự động được kích hoạt, khi bạn ở trong phạm vi hoạt động khóa/mở khóa cửa, đèn báo trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* sẽ tiếp tục nhấp nháy cho tới khi các cửa khóa.

Khi bạn ở bên cạnh xe trong phạm vi hoạt động, các cửa sẽ tự động khóa trong khoảng 30 giây sau khi tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa cửa tự động vang lên.

Nếu mở một cửa sau khi tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa cửa tự động vang lên, chức năng khóa cửa tự động sẽ bị hủy.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

Để tạm thời hủy kích hoạt chức năng:

1. Đặt chế độ nguồn ở TẮT.

2. Mở cửa người lái.

3. Sử dụng công tắc khóa cửa chính, vận hành khóa như sau:
Khóa → Mở khóa → Khóa → Mở khóa.
▶ Tiếng bíp vang lên và chức năng bị hủy kích hoạt.

Để khôi phục chức năng:

- Đặt chế độ nguồn thành BẬT.
- Khóa xe mà không sử dụng chức năng khóa cửa tự động.
- Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* và đi ra xa khỏi phạm vi hoạt động của chức năng khóa cửa tự động.
- Mở một cửa bất kỳ.

Khóa cửa (tự động khóa cửa khi ra khỏi xe)

Trong các trường hợp sau, chức năng khóa cửa tự động sẽ không hoạt động:

- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong xe.

▶Tiếng bíp không vang lên.

- Mang chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ra ngoài phạm vi hoạt động trước khi đóng tất cả các cửa.

▶Tiếng bíp vang lên.

Chức năng khóa cửa tự động sẽ không hoạt động ở bất kỳ điều kiện nào dưới đây.

- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong xe.
- Cửa hoặc nắp ca-pô không đóng.
- Đặt chế độ nguồn ở chế độ bất kỳ trừ chế độ TẮT.
- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* không ở cách xe 1,5 m khi bạn ra khỏi xe và đóng các cửa.

Tiếng bíp báo dừng hoạt động của chức năng khóa cửa tự động

Sau khi chức năng khóa cửa tự động được kích hoạt, tiếng bíp báo dừng hoạt động của chức năng khóa cửa tự động vang lên khoảng hai giây trong các trường hợp sau.

- Đưa chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* vào bên trong xe qua cửa kính.
- Bạn đứng quá gần xe.
- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong cốp.

Nếu tiếng bíp cảnh báo vang lên, hãy kiểm tra để đảm bảo bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*. Sau đó, mở/đóng cửa và xác nhận tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa cửa tự động vang lên một lần.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Cài đặt trước tính năng khóa

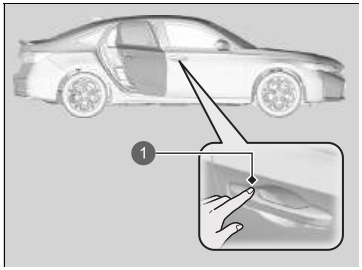

❶ Cảm biến khóa cửa*

Xe sẽ tự động khóa sau khi bạn khóa các cửa trước, rồi sau đó đóng các cửa.

Kích hoạt cài đặt trước tính năng khóa sau khi đóng cửa người lái.

1. Chạm vào cảm biến khóa cửa bên lái* hoặc ấn nút khóa trên chìa khóa điều khiển từ xa.
▶ Âm thanh cảnh báo vang lên và chức năng cài đặt trước tính năng khóa hoạt động.

2. Đóng tất cả các cửa.
▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy và tiếng bíp vang lên khi xe khóa.

Đảm bảo khóa các cửa trước khi ra khỏi xe.

Cài đặt trước tính năng khóa

Cài đặt trước tính năng khóa sẽ được đặt lại nếu cửa được mở trước khi xe khóa hoàn toàn.

Trước khi khóa cửa, hãy đảm bảo chìa khóa không ở trong xe.

Bạn có thể bật và tắt chức năng này.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 359

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 449

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Sử dụng Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa

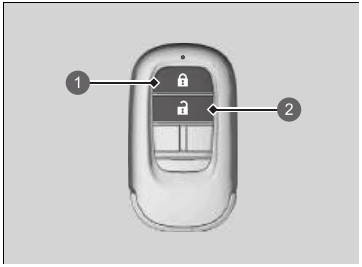

❶ Nút khóa
❷ Nút mở khóa

■ Khóa cửa

Ấn nút khóa.

Một lần:

▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy, tất cả các cửa và cửa nạp nhiên liệu khóa, và hệ thống an ninh được thiết lập.

Hai lần (trong vòng năm giây sau khi bấm lần thứ nhất):

▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy, tiếng bíp vang lên và xác nhận hệ thống an ninh được thiết lập.

■ Mở khóa cửa

Loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Ấn nút mở khóa.

Một lần:

▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần, cửa bên lái và cửa nạp nhiên liệu mở khóa.

Hai lần:

▶ Các cửa còn lại và cốp mở khóa.

Ngoại trừ loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Ấn nút mở khóa.

▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần, tất cả các cửa, cốp và cửa nạp nhiên liệu mở khóa.

Sử dụng Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa

Nếu bạn không mở cửa xe trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa, các cửa sẽ tự động khóa lại.

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa sử dụng tín hiệu công suất thấp, vì vậy phạm vi hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc vào môi trường xung quanh.

Nếu khoảng cách hoạt động của bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hay thay đổi, pin có thể sẽ bị yếu. Nếu đèn LED không sáng khi bạn ấn nút, có thể đã hết pin.

➔ **Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa** Tr. 678

Bạn có thể tùy chọn cài đặt chế độ mở khóa cửa*.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 359

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Mở khóa cửa bằng chìa khóa

Nếu chức năng mở khóa của chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* không hoạt động, hãy sử dụng chìa khóa tích hợp. Ổ khóa ở phía sau tay nắm cửa.

Chìa khóa điều

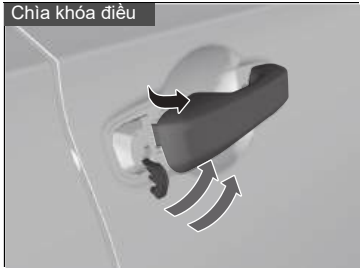

Khóa thẻ

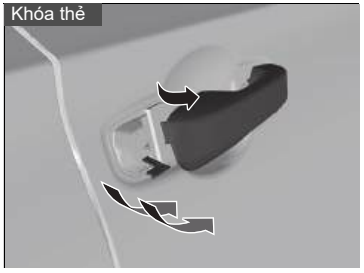

Kéo và giữ tay nắm bên ngoài.
Cắm chìa khóa tích hợp vào ổ khóa phía dưới tay nắm cửa rồi xoay.

Mở khóa cửa bằng chìa khóa

Loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Khi mở khóa, cửa người lái mở khóa trước.
Xoay chìa khóa lần thứ hai trong vài giây để mở khóa các cửa còn lại.

Ngoại trừ loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Khi bạn mở khóa cửa người lái bằng chìa khóa, tất cả các cửa khác sẽ mở khóa cùng một lúc.

Ngoại trừ loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa tích hợp trong khi hệ thống an ninh hoạt động, cảnh báo sẽ vang lên.

Bạn có thể tùy chọn cài đặt chế độ mở khóa cửa*.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 359

Nếu chức năng khóa của chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* không hoạt động, hãy tham khảo phần sau.

➔ **Khóa cửa không sử dụng chìa khóa** Tr. 188

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Khóa cửa không sử dụng chìa khóa

Nếu bạn không mang theo chìa khóa, hoặc vì lý do nào đó bạn không thể khóa cửa bằng chìa khóa, bạn có thể khóa cửa mà không cần dùng đến chìa khóa.

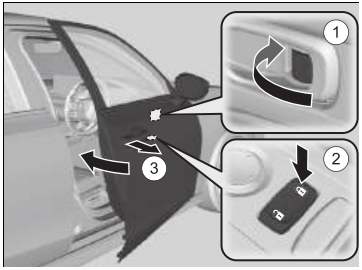

■ Khóa cửa người lái

Đẩy tai khóa về phía trước ① hoặc đẩy công tắc khóa cửa chính theo hướng khóa ②, sau đó kéo và giữ tay nắm cửa bên ngoài ③ Đóng cửa, sau đó thả tay nắm.

■ Khóa cửa hành khách

Đẩy tai khóa về phía trước và đóng cửa.

■ Hệ thống chống khóa cửa

Không thể khóa các cửa khi chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở bên trong xe.

Khóa cửa không sử dụng chìa khóa

Khi bạn khóa cửa bên lái, tất cả các cửa khác sẽ khóa cùng một lúc.

Trước khi khóa cửa, hãy đảm bảo chìa khóa không ở trong xe.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Khóa/mở khóa cửa từ bên trong

■ Sử dụng tai khóa

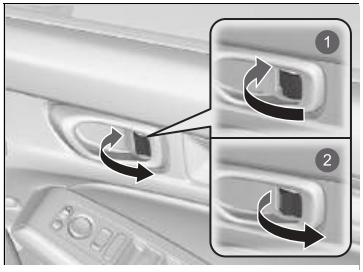

❶ Để khóa
❷ Để mở khóa

■ Khóa cửa
Đẩy tai khóa về phía trước.

■ Mở khóa cửa
Kéo tai khóa về phía sau.

Sử dụng tai khóa

Loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Khi bạn khóa cửa bằng tai khóa trên cửa bên lái, tất cả các cửa khác, cốp và cửa nạp nhiên liệu sẽ khóa cùng một lúc. Khi bạn mở khóa cửa bằng tai khóa trên cửa bên lái, chỉ cửa bên lái và cửa nạp nhiên liệu được mở khóa.

Ngoại trừ loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Khi bạn khóa/mở khóa cửa bằng tai khóa trên cửa bên lái, tất cả các cửa khác, cốp và cửa nạp nhiên liệu sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

Còn nữa

■ Mở khóa bằng tay nắm bên trong cửa trước

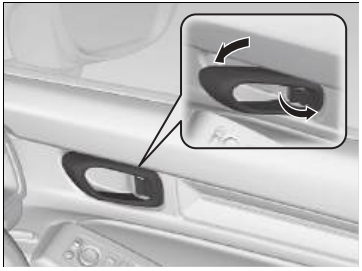

Kéo tay nắm bên trong cửa bên lái hoặc cửa hành khách*.

▶ Cửa sẽ mở khóa và mở bằng một thao tác.

Ngoại trừ loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Mở khóa và mở cửa người lái bằng tay nắm bên trong sẽ mở khóa tất cả các cửa khác.

Mở khóa bằng tay nắm bên trong cửa trước

Tay nắm bên trong cửa bên lái hoặc cửa hành khách có chức năng giúp người ngồi ghế trước mở cửa bằng một thao tác. Tuy nhiên, tính năng này yêu cầu người ngồi ghế trước không được phép kéo tay nắm bên trong cửa bên lái hoặc cửa hành khách khi xe đang chạy.

Trẻ em phải luôn ngồi ở hàng ghế sau nơi có trang bị khóa an toàn trẻ em.

➡ **Khóa an toàn trẻ em** Tr. 191

■ Sử dụng công tắc khóa cửa chính

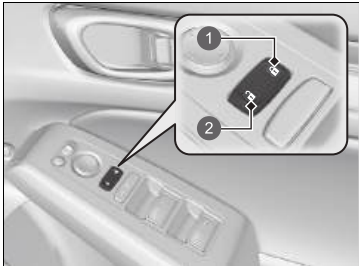

Ấn công tắc khóa cửa chính như hình vẽ để khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa và cửa nạp nhiên liệu.

❶ Để khóa
❷ Để mở khóa

Sử dụng công tắc khóa cửa chính

Khi bạn khóa/mở khóa một trong hai cửa trước bằng công tắc khóa cửa chính, tất cả các cửa khác và cửa nạp nhiên liệu sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Khóa an toàn trẻ em

Khóa an toàn trẻ em giúp ngăn không cho các cửa sau bị mở từ bên trong bất kể vị trí của tai khóa ở đâu.

■ Cài đặt khóa an toàn trẻ em

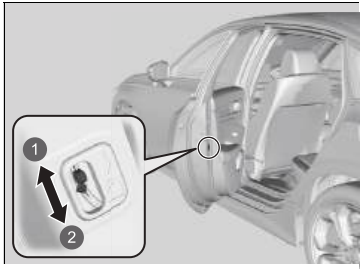

Trượt lẫy ở cửa sau đến vị trí khóa và đóng cửa.

■ Khi mở cửa

Mở cửa bằng tay nắm cửa bên ngoài.

❶ Mở khóa
❷ Khóa

Khóa an toàn trẻ em

Để mở cửa từ bên trong khi khóa an toàn trẻ em bật, gạt tai khóa đến vị trí mở khóa, hạ cửa kính sau, đưa tay ra bên ngoài cửa kính và kéo tay nắm cửa bên ngoài.

Khóa/mở khóa cửa tự động

Xe của bạn tự động khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa/cửa bên lái trong một số điều kiện nhất định.

■ Khóa cửa tự động

■ Chế độ khóa khi lái xe

Tất cả các cửa sẽ khóa khi tốc độ xe khoảng 15 km/h.

■ Mở khóa cửa tự động

■ Chế độ mở khóa khi đỗ xe

Loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Cửa bên lái mở khóa khi xe ở P và nhấn bàn đạp phanh.
Có thể thay đổi cài đặt để mở khóa tất cả các cửa.

Ngoại trừ loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Tất cả các cửa mở khóa khi đưa hộp số vào số P và nhấn bàn đạp phanh.

Khóa/mở khóa cửa tự động

Bạn có thể tắt hoặc chuyển sang cài đặt khóa/mở khóa cửa tự động khác trên màn hình giao diện cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➡ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➡ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 359

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 449

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Lưu ý khi mở/đóng cốp

■ Đóng cốp

Luôn đóng nắp cốp trong khi đang lái xe để:

- ▶ Tránh hư hỏng có thể xảy ra.
- ▶ Ngăn không cho khí xả lọt vào trong xe.

➔ **Khí CO** Tr. 93

Sử dụng lẫy mở cốp

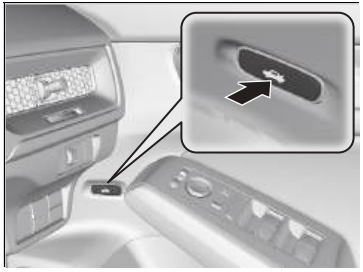

Ấn và giữ nút mở cốp trên cửa bên lái để mở khóa và mở cốp.

➔ **Nếu bạn không thể mở được cốp** Tr. 735

Sử dụng Nút mở cốp*

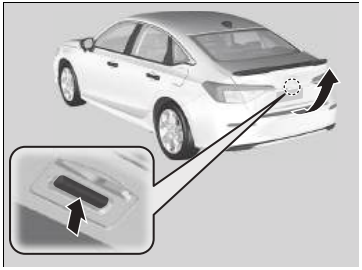

Ấn nút mở trên nắp cốp lên sau khi các cửa được mở khóa.

➡ **Nếu bạn không thể mở được cốp** Tr. 735

Ngay cả khi cốp khóa, bạn vẫn có thể mở cốp nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*.

▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên một lần.

Sử dụng Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa

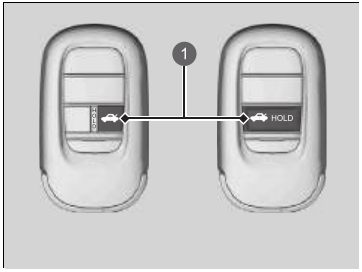

Ấn nút mở cốp khoảng một giây để mở khóa và mở cốp.

❶ Nút mở cốp

Sử dụng Nút mở cốp*

- Nếu bạn quên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong xe, tiếng bíp sẽ vang lên và cốp sẽ không đóng.
- Nếu bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*, bạn có thể mở khóa cốp khi có ai đó mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* trong phạm vi cho phép.
- Nếu tiếng bíp vang lên sau khi đóng cốp, hãy mang chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* cách xa cốp và đóng lại.

Sử dụng Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa

Nếu cửa bên lái khóa, cốp sẽ tự động khóa khi bạn đóng cốp. Nếu không, bạn sẽ phải khóa cốp bằng tay.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Hệ thống chống nổ máy

Hệ thống này giúp ngăn việc khởi động động cơ bằng chìa khóa chưa được đăng ký.

Chú ý những điểm sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**:

- Không để đồ vật có sóng vô tuyến mạnh gần nút **ENGINE START/STOP**.
- Đảm bảo chìa khóa không bị những vật bằng kim loại đè lên hoặc chạm vào.
- Không để chìa khóa của một xe khác có lắp hệ thống chống nổ máy gần nút **ENGINE START/STOP**.
- Không để chìa khóa gần các vật có từ tính. Các thiết bị điện tử như ti vi và các hệ thống âm thanh phát ra từ trường mạnh. Lưu ý rằng ngay cả móc chìa khóa cũng có từ tính.

Hệ thống chống nổ máy

CHÚ Ý

Để chìa khóa trong xe có thể làm mất trộm xe hoặc vô tình làm xe di chuyển.
Luôn mang theo chìa khóa bên mình mỗi khi rời khỏi xe.

Không thay đổi hệ thống này hoặc gắn thêm thiết bị khác vào.
Nếu không, có thể làm hỏng hệ thống và không thể khởi động xe.

Nếu hệ thống liên tục không nhận mã chìa khóa, hãy liên hệ với đại lý. Nếu bạn mất chìa khóa và không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

Cảnh báo hệ thống an ninh

Cảnh báo hệ thống an ninh được kích hoạt khi cố mở cốp, nắp ca-pô hoặc các cửa. Cảnh báo không hoạt động nếu cốp hoặc các cửa được mở bằng chìa khóa*, bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa*.

■ Khi cảnh báo hệ thống an ninh được kích hoạt

Còi vang lên từng hồi và một số đèn ngoài xe nhấp nháy.

■ Tắt cảnh báo hệ thống an ninh

Sử dụng chìa khóa*, bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa* hoặc xoay chế độ nguồn sang trạng thái BẬT để mở khóa xe. Hệ thống cùng với còi và các đèn đang nhấp nháy sẽ tắt.

■ Cài đặt cảnh báo hệ thống an ninh

Cảnh báo hệ thống an ninh sẽ tự động thiết lập khi đáp ứng những điều kiện sau:

- Đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY.
- Nắp ca-pô đóng.
- Tất cả các cửa và cốp được khóa từ bên ngoài bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa*.

■ Khi cảnh báo hệ thống an ninh được thiết lập

Đèn báo cảnh báo hệ thống an ninh trên bảng điều khiển nhấp nháy và chu kỳ nhấp nháy thay đổi sau khoảng 15 giây.

■ Để hủy cảnh báo hệ thống an ninh

Cảnh báo hệ thống an ninh bị hủy khi xe được mở khóa bằng chìa khóa*, chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa*, hoặc khi chế độ nguồn ở BẬT. Đèn báo cảnh báo hệ thống an ninh sẽ tắt cùng lúc.

Cảnh báo hệ thống an ninh

Không thay đổi hệ thống này hoặc gắn thêm thiết bị khác vào.
Nếu không, có thể làm hỏng hệ thống và không thể khởi động xe.

Cảnh báo hệ thống an ninh sẽ tiếp tục hoạt động trong khoảng 5 phút trước khi hệ thống an ninh tắt. Hệ thống sẽ tiến hành đủ mười chu kỳ, mỗi chu kỳ 30 giây, trong quá trình đó còi sẽ kêu và đèn báo khẩn cấp sẽ nhấp nháy.
Tùy từng trường hợp, hệ thống an ninh có thể tiếp tục hoạt động trong hơn 5 phút.

Không cài đặt cảnh báo hệ thống an ninh khi có ai đó trên xe hoặc có một cửa kính còn mở. Hệ thống có thể vô tình kích hoạt khi:

- Mở khóa cửa bằng tai khóa.
- Mở cốp bằng lẫy mở cốp.
- Mở nắp ca-pô bằng lẫy nhả nắp ca-pô.

Nếu ắc-quy hết điện sau khi bạn cài đặt cảnh báo hệ thống an ninh, cảnh báo an ninh có thể vang lên một lần khi nạp lại hoặc thay ắc-quy.
Nếu trường hợp này xảy ra, hãy tắt cảnh báo hệ thống an ninh bằng cách mở khóa cửa sử dụng chìa khóa*, bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa.

Ngoại trừ loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa tích hợp trong khi hệ thống an ninh đang được kích hoạt, cảnh báo sẽ vang lên.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Mở/đóng cửa kính điện

Có thể sử dụng công tắc trên các cửa để mở và đóng các cửa kính điện khi chế độ nguồn ở BẬT.

Có thể sử dụng các công tắc phía người lái để mở và đóng tất cả các cửa kính. Để mở và đóng các cửa kính từ vị trí bất kỳ trừ ghế người lái thì phải tắt nút khóa cửa kính điện phía người lái.

Khi ấn nút khóa cửa kính điện, đèn báo sẽ sáng và bạn chỉ có thể vận hành cửa kính bên lái. Bật nút khóa cửa kính điện khi có trẻ nhỏ trên xe.

Mở/đóng cửa kính điện

⚠CẢNH BÁO

Đóng cửa kính điện trong khi ai đó để ngón tay hoặc bàn tay lên cửa kính có thể gây chấn thương nặng.

Đảm bảo hành khách cách xa cửa kính khi đóng cửa kính.

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa điện mỗi khi rời khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

Cửa kính điện có thể hoạt động trong vòng 10 phút sau khi bạn đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY.

Chức năng mở/đóng tự động tất cả các cửa kính

Đóng cửa người lái sẽ hủy chức năng này.

Chức năng mở/đóng tự động các cửa kính

Mở một trong hai cửa trước sẽ hủy chức năng này.

Chức năng tự động đảo chiều

Nếu cửa kính điện cảm nhận được vật cản khi đang đóng tự động, cửa sẽ ngừng đóng và đảo chiều.

Chức năng tự động đảo chiều cửa kính bên lái sẽ ngừng hoạt động khi bạn tiếp tục kéo công tắc lên.

Chức năng tự động đảo chiều sẽ ngừng cảm nhận khi cửa kính đã đóng gần hết để đảm bảo cửa đóng hoàn toàn.

Còn nữa

■ Mở/Đóng cửa kính có chức năng mở/đóng tự động

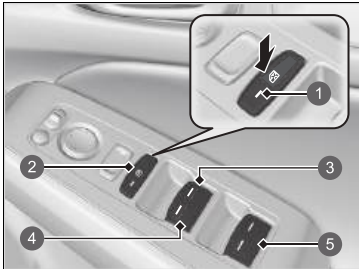

❶ Đèn báo
❷ Nút khóa cửa kính điện
❸ Công tắc cửa kính người lái
❹ Công tắc cửa kính hành khách phía trước
❺ Công tắc cửa kính hành khách phía sau*

■ Vận hành bằng tay

Để mở: Ấn nhẹ công tắc xuống và giữ cho đến khi cửa kính đến vị trí mong muốn.
Để đóng: Kéo nhẹ công tắc lên và giữ cho đến khi cửa kính đến vị trí mong muốn.

■ Mở/Đóng tự động

Để mở: Ấn dứt khoát công tắc xuống.
Để đóng: Kéo dứt khoát công tắc lên.

Cửa kính mở hoặc đóng hoàn toàn. Ấn hoặc kéo nhanh công tắc để dừng cửa kính bất cứ lúc nào.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Mở/Đóng cửa kính không có chức năng mở/đóng tự động*

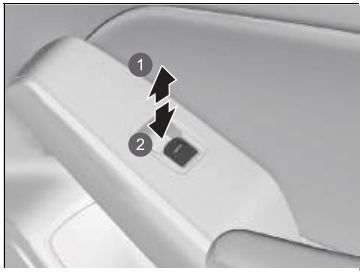

❶ Đóng
❷ Mở

Để mở: Ấn công tắc xuống.
Để đóng: Kéo công tắc lên.

Nhả công tắc khi cửa kính đến vị trí mong muốn.

■ Mở/Đóng cửa kính bằng chìa khóa điều khiển từ xa*

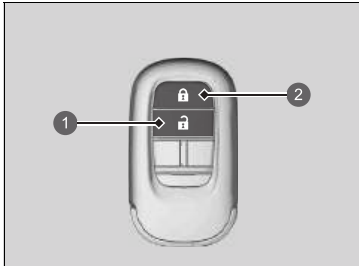

❶ Nút mở khóa
❷ Nút khóa

Để mở: Ấn nút mở khóa và sau đó trong vòng 10 giây, ấn thêm một lần nữa và giữ nút.

Để đóng*: Ấn nút khóa và sau đó trong vòng 10 giây, ấn thêm một lần nữa và giữ.

Nếu cửa kính dừng ngang chừng, hãy thực hiện lại các bước ở trên.

Mở/Đóng cửa kính bằng chìa khóa điều khiển từ xa*

Loại xe có cửa sổ trời

Nếu bạn mở/đóng* cửa kính bằng chìa khóa điều khiển từ xa, cửa sổ trời sẽ mở/đóng* tự động cùng cửa kính.

Bạn có thể tắt hoặc bật để mở các cửa kính bằng việc cài đặt chìa khóa điều khiển từ xa trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 359

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 449

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Mở cửa kính bằng chìa khóa*

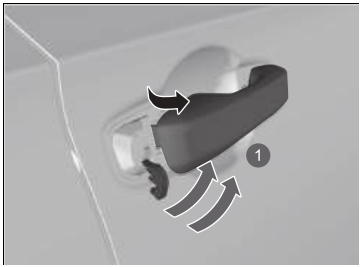

❶ Mở

Kéo và giữ tay nắm bên ngoài. Cắm hoàn toàn chìa khóa vào ổ khóa phía dưới tay nắm.

Mở khóa cửa bên lái bằng chìa khóa. Trong vòng 10 giây, xoay chìa khóa đến vị trí giữa, xoay theo hướng mở khóa và giữ tại đó.

Nhả chìa khóa để dừng cửa kính ở vị trí mong muốn. Nếu muốn điều chỉnh thêm, hãy thực hiện lại các bước ở trên.

Mở cửa kính bằng chìa khóa*

Loại xe có cửa sổ trời

Nếu bạn mở cửa kính bằng chìa khóa, cửa sổ trời sẽ mở tự động cùng cửa kính.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Mở/Đóng cửa sổ trời

Bạn có thể vận hành cửa sổ trời khi chế độ nguồn ở BẬT. Sử dụng công tắc ở phía trước trần xe để mở và đóng cửa sổ trời.

■ Sử dụng công tắc cửa sổ trời

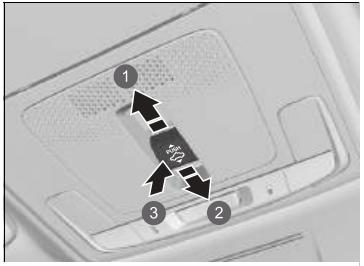

❶ Mở
❷ Đóng
❸ Lật

■ Mở/Đóng tự động

Để mở: Kéo dứt khoát công tắc về phía sau.
Để đóng: Đẩy dứt khoát công tắc về phía trước.

Cửa sổ trời sẽ tự động mở hoặc đóng hết cỡ. Để dừng giữa chừng cửa sổ trời, kéo hoặc đẩy nhanh công tắc.

■ Vận hành bằng tay

Để mở: Kéo nhẹ công tắc về phía sau và giữ cho đến khi cửa sổ trời đến vị trí mong muốn.
Để đóng: Đẩy nhẹ công tắc về phía trước và giữ cho đến khi cửa sổ trời đến vị trí mong muốn.

■ Lật cửa sổ trời lên

Để lật: Ấn vào giữa công tắc cửa sổ trời.
Để đóng: Đẩy dứt khoát công tắc về phía trước, rồi thả ra.

Cửa sổ trời*

⚠CẢNH BÁO

Mở hoặc đóng cửa sổ trời có thể gây thương tích nghiêm trọng cho tay hoặc ngón tay của ai đó.

Hãy đảm bảo tất cả tay và ngón tay đều không chạm vào cửa sổ trời trước khi mở hoặc đóng.

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa điện mỗi khi rời khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

CHÚ Ý

Mở cửa sổ trời khi nhiệt độ dưới mức đóng băng hoặc khi cửa sổ bị phủ bởi tuyết hoặc băng có thể làm hỏng tấm cửa sổ trời hoặc mô-tơ.

Cửa sổ trời có thể được vận hành trong vòng 10 phút sau khi bạn đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY.

Chức năng mở/đóng tự động tất cả các cửa kính

Đóng cửa bên lái sẽ hủy chức năng này.

Chức năng mở/đóng tự động các cửa kính trước

Mở một trong hai cửa trước sẽ hủy chức năng này.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

Cửa sổ trời*

Khi phát hiện có lực cản, chức năng đảo chiều tự động sẽ khiến cửa sổ trời đổi hướng, sau đó dừng lại. Chức năng tự động đảo chiều sẽ ngừng cảm biến khi cửa sổ trời gần đóng để đảm bảo cửa đóng hoàn toàn.

Bạn có thể sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa* hoặc chìa khóa* để mở/đóng cửa sổ trời.

➔ **Mở/Đóng cửa kính bằng chìa khóa điều khiển từ xa*** Tr. 199
➔ **Mở cửa kính bằng chìa khóa*** Tr. 200

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nút ENGINE START/STOP

Thay đổi chế độ nguồn

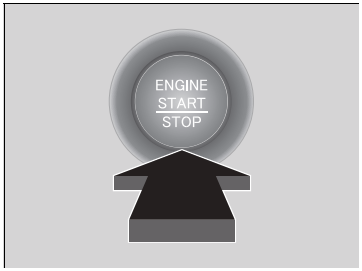

Nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* và ấn nút **ENGINE START/STOP** mà không nhấn bàn đạp phanh, chế độ nguồn sẽ thay đổi theo thứ tự này: TẮT MÁY→PHỤ KIỆN→BẬT→ TẮT MÁY.

TẮT MÁY:
Nguồn điện TẮT.
PHỤ KIỆN:
Có thể sử dụng hệ thống âm thanh và một số thiết bị.
BẬT:
Có thể sử dụng tất cả các thiết bị.

Nút ENGINE START/STOP

Nếu để chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở trong hộp đựng hoặc ở một nơi mà tín hiệu có thể bị ngắt quãng, chế độ nguồn có thể không thay đổi.

Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, chế độ nguồn sẽ thay đổi sang PHỤ KIỆN nếu ấn nút **ENGINE START/ STOP** trong khi cần số không ở P

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Tắt nguồn tự động

Nếu bạn ra khỏi xe trong khoảng thời gian từ 30 đến 60 phút mà để cần số ở P và chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN, xe sẽ tự động chuyển sang chế độ tương tự như TẮT MÁY (KHÓA) để tránh làm hao điện ắc-quy.

Khi xe ở chế độ này: Vô lăng không khóa. Bạn không thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa*. Ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần để chuyển sang chế độ TẮT MÁY (KHÓA).

■ Nhắc chế độ nguồn

Nếu bạn mở cửa người lái khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Nhắc Chìa khóa điều khiển từ xa/Khóa thẻ từ*

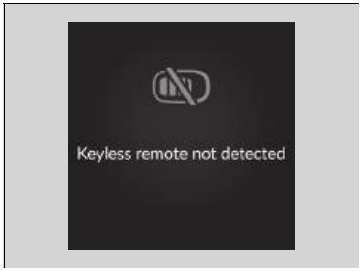

Khi đặt chế độ nguồn ở chế độ bất kỳ trừ chế độ TẮT và rút chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ra khỏi xe và đóng cửa, âm thanh cảnh báo sẽ vang lên. Nếu âm thanh cảnh báo tiếp tục vang lên, hãy để chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ở một nơi khác.

■ Khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN

Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên từ bên ngoài xe.

■ Khi chế độ nguồn ở BẬT

Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên từ cả bên trong và bên ngoài xe. Ngoài ra, đèn cảnh báo cũng sẽ sáng trên bảng điều khiển.

Nhắc Chìa khóa điều khiển từ xa/Khóa thẻ từ*

Khi chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống và cửa người lái đã đóng, chức năng cảnh báo sẽ bị hủy.

Nếu mang chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ra khỏi xe sau khi động cơ đã khởi động, bạn không thể thay đổi chế độ nút **ENGINE START/STOP** hoặc khởi động lại động cơ. Luôn đảm bảo chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe khi bạn vận hành nút **ENGINE START/STOP**.

Lấy chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* ra khỏi xe qua cửa kính sẽ không kích hoạt bộ phát tiếng bíp cảnh báo.

Không đặt chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* lên bảng táp-lô hoặc trong hộc đựng đồ. Điều này sẽ làm cho còi cảnh báo vang lên. Trong một số điều kiện khác có thể khiến xe không xác định được chìa khóa điều khiển từ xa, còi báo cảnh báo có thể vang lên ngay cả khi chìa khóa điều khiển từ xa vẫn nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Xi nhan

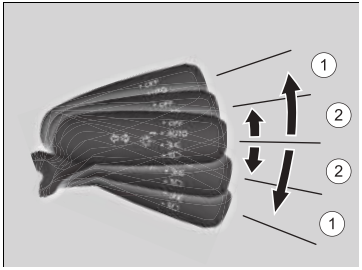

Có thể sử dụng xi nhan khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ ①**: Xi nhan**

Đẩy cần gạt lên hoặc xuống theo hướng bạn muốn rẽ và đèn xi nhan sẽ nhấp nháy.

■ ②**: Gạt xi nhan một lần**

Khi bạn đẩy nhẹ cần xi nhan lên hoặc xuống và thả tay, đèn xi nhan sẽ nhấp nháy 3 lần.

► Nếu bạn đẩy nhẹ cần gạt theo hướng đối diện trong khi đèn xi nhan đang nhấp nháy, đèn xi nhan sẽ dừng nhấp nháy.

Xi nhan

Đèn báo xi nhan trên bảng điều khiển sẽ nhấp nháy khi đèn xi nhan bên ngoài nhấp nháy.

➔ **Đèn báo xi nhan và cảnh báo nguy hiểm**
Tr. 105

Đèn

■ Đèn chiếu sáng/Đèn vị trí

Các đèn sẽ tự động bật tùy thuộc vào độ sáng của môi trường xung quanh. Cũng có thể bật hoặc tắt đèn bằng tay.

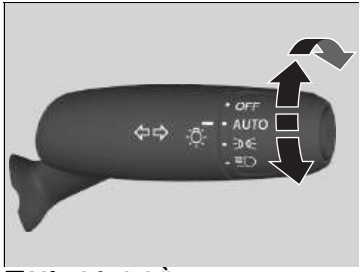

Các đèn ngoài xe sẽ tự động bật khi công tắc đèn được đặt ở **AUTO** trong khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ Vận hành bằng tay

Đèn chiếu sáng/Đèn vị trí:

Xoay công tắc đèn sang [≡D].

Đèn vị trí:

Xoay công tắc đèn sang [≡D◇≡].

Đèn chiếu sáng/Đèn vị trí tắt:

Xoay công tắc đèn sang **OFF** và thả tay trong khi cần số ở [P] và gài phanh đỗ.

▶ Đèn sẽ tự động sáng lại khi:

- Xoay công tắc đèn sang **OFF** một lần nữa và thả tay.
- Gạt cần số ra khỏi [P] và nhả phanh đỗ.

Đèn

Khi các đèn sáng, đèn báo đèn bật trên bảng điều khiển sẽ sáng.

➡ **Đèn báo đèn bật** Tr. 105

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen

Theo Quy định Dover số 48 của Liên Hợp Quốc, đèn chiếu sáng thích hợp dùng cho cả loại xe có vô lăng bên trái và vô lăng bên phải mà không cần phải điều chỉnh hoặc che chắn.

Loại xe có đèn chiếu sáng LED

Đèn chiếu sáng chỉ thích hợp dùng cho loại xe có vô lăng bên trái hoặc vô lăng bên phải. Khi lái xe trên đường có các quy định giao thông khác nhau, phải điều chỉnh chế độ chiếu xa.

➡ **Điều chỉnh phân bổ ánh sáng đèn** Tr. 531

Đèn chiếu sáng/Đèn vị trí

Khi các đèn vị trí sáng, đèn hậu và đèn biển số sau cũng sẽ sáng.

Khi xoay công tắc đèn sang [≡D◇≡] hoặc [≡D] và chuyển chế độ nguồn sang TẮT, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên khi cửa người lái mở.

Khi xoay công tắc đèn sang **AUTO** và độ sáng của môi trường xung quanh yếu, các đèn chiếu sáng và đèn vị trí sẽ sáng nếu bạn mở khóa cửa. Đèn sẽ tắt khi khóa cửa.

Còn nữa

Đèn chiếu sáng/Đèn vị trí

Cảm biến ánh sáng được lắp tại vị trí như hình minh họa bên dưới.
Không được phủ bất cứ vật gì lên cảm biến ánh sáng; nếu không, hệ thống chiếu sáng tự động này có thể không hoạt động đúng cách.

Loại xe không có cần gạt nước gián đoạn tự động



Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động



■ Chiếu xa

Khi đèn chiếu sáng bật, đẩy cần gạt về phía trước. Kéo cần gạt về phía sau để trở về chiếu gần.

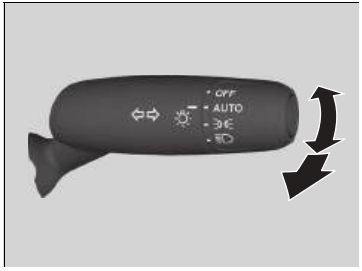

■ Nháy đèn chiếu xa

Kéo cần gạt về phía sau để bật chiếu xa.

▶ Thả cần gạt để trở về chiếu gần.

Đèn chiếu sáng/Đèn vị trí

Không để đèn sáng khi động cơ đã tắt để tránh làm hao điện ắc-quy.

Loại xe không có bộ phận điều chỉnh đèn chiếu sáng

Nếu bạn nghi ngờ đèn chiếu sáng không được đặt đúng vị trí, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Còn nữa

■ Đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước

Các đèn chiếu sáng sẽ tự động sáng khi các cần gạt nước được sử dụng vài lần trong một khoảng nhất định với công tắc đèn chiếu sáng ở chế độ **AUTO** (TỰ ĐỘNG).
Các đèn chiếu sáng tự động tắt sau vài phút nếu các cần gạt nước ngừng gạt.

Đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước

Tính năng này được kích hoạt khi các đèn chiếu sáng được tắt ở chế độ **AUTO (TỰ ĐỘNG)**. Độ sáng bảng điều khiển không thay đổi khi các đèn chiếu sáng bật.

Nếu môi trường xung quanh tối, tính năng điều khiển chiếu sáng tự động sẽ bật các đèn chiếu sáng bất kể số lần gạt của cần gạt nước là bao nhiêu.

Bạn có thể bật và tắt chức năng đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 359

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 449

■ Tính năng tắt đèn tự động

Các đèn chiếu sáng, tất cả các đèn ngoài xe khác và các đèn bảng điều khiển sẽ tắt sau 15 giây sau khi đặt nguồn ở chế độ TẮT MÁY, hãy mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* và đóng cửa người lái.

Nếu bạn đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY khi công tắc đèn chiếu sáng bật nhưng không mở cửa, các đèn sẽ tắt sau 10 phút (3 phút, nếu công tắc ở vị trí **AUTO (TỰ ĐỘNG)**).

Các đèn sẽ sáng trở lại khi bạn mở khóa hoặc mở cửa người lái. Nếu bạn mở khóa cửa nhưng không mở cửa trong vòng 15 giây, các đèn sẽ tắt. Nếu bạn mở cửa người lái, bạn sẽ nghe thấy âm báo nhắc các đèn đang bật.

Tính năng tắt đèn tự động

Bạn có thể thay đổi cài đặt hẹn giờ tự động tắt đèn chiếu sáng.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 359

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 449

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Đèn ban ngày

Đèn vị trí/đèn ban ngày sẽ sáng khi đáp ứng các điều kiện sau:
- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**.
- Môi trường xung quanh sáng.

Khi xe đã dừng, nếu bạn xoay công tắc đèn sang **OFF** và thả ra, đèn ban ngày sẽ tắt. Khi gạt cần số ra khỏi P và nhả phanh đỗ, các đèn sẽ sáng trở lại. Nếu không, khi xoay công tắc đèn sang **OFF** một lần nữa, đèn sẽ lại sáng.

Đèn ban ngày

Đèn ban ngày và đèn vị trí có chung nguồn sáng.

Đèn ban ngày sáng hơn đèn vị trí.

Đèn ban ngày sẽ không bật nếu đèn vị trí được bật bằng tay.

Bộ phận điều chỉnh đèn chiếu sáng*

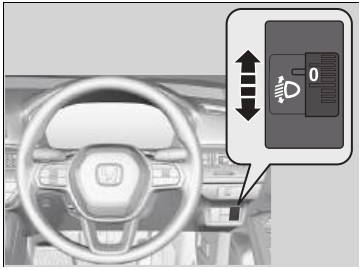

Bạn có thể điều chỉnh góc chiếu dọc của đèn chiếu gần khi đèn vị trí hoặc đèn chiếu sáng bật.

Xoay núm xoay điều chỉnh để chọn góc phù hợp cho các đèn chiếu sáng.

Số vạch điều chỉnh càng lớn thì góc chiếu càng thấp.

■ Để chọn vị trí núm xoay điều chỉnh

Tham khảo bảng dưới đây để biết vị trí vạch phù hợp cho điều kiện tải trọng và số người ngồi trên xe.

Điều kiện	Vị trí vạch
Một người lái	0
Một người lái và một hành khách trước	
Năm người ở hàng ghế trước và hàng ghế sau	1
Năm người ở hàng ghế trước và hàng ghế sau cùng hành lý trong khoang hành lý nằm trong giới hạn trọng lượng trục tối đa cho phép và trọng lượng xe tối đa cho phép	2
Một người lái cùng hành lý trong khoang hành lý nằm trong giới hạn tải trọng trục tối đa cho phép và tải trọng xe tối đa cho phép	3

Bộ phận điều chỉnh đèn chiếu sáng*

Loại xe có đèn chiếu sáng LED

Xe được trang bị hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng tự động có thể tự động điều chỉnh góc thẳng đứng của đèn chiếu gần. Nếu bạn nhận thấy góc đối đỉnh của đèn chiếu sáng có sự thay đổi rõ rệt, có thể hệ thống có sự cố. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn pha thích ứng tự động

Camera góc rộng phía trước phát hiện các nguồn sáng phía trước xe, chẳng hạn như đèn của xe chạy trước hoặc xe chạy ngược chiều hoặc đèn đường. Khi lái xe vào ban đêm, hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng tình huống.

■ Cách sử dụng đèn pha thích ứng tự động

■ Kích hoạt hệ thống

Đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ sáng và hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng tình huống khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau.



- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Công tắc đèn ở **AUTO (TỰ ĐỘNG)**.
- Cần điều khiển ở vị trí chiếu gần.
- Đèn chiếu sáng đã được kích hoạt tự động.
- Bên ngoài trời tối.

❶ Đèn báo đèn pha thích ứng tự động
❷ Công tắc đèn

Nếu đèn báo đèn pha thích ứng tự động vẫn không bật sáng ngay cả khi tất cả các điều kiện trên được đáp ứng, hãy thực hiện một trong hai quy trình sau và đèn báo sẽ sáng.

- Kéo cần điều khiển về phía bạn rồi thả ra.
- Xoay công tắc đèn đến ≡D sau đó xoay công tắc đèn đến **AUTO (TỰ ĐỘNG)**.

Đèn pha thích ứng tự động

Hệ thống đèn pha thích ứng tự động không phải lúc nào cũng hoạt động trong mọi tình huống. Hệ thống này chỉ để hỗ trợ người lái. Bạn cần phải luôn quan sát xung quanh và dùng tay chuyển đổi đèn chiếu sáng giữa chế độ chiếu xa và chiếu gần nếu cần thiết.

Phạm vi và khoảng cách mà camera có thể phát hiện ra nguồn sáng sẽ thay đổi tùy vào điều kiện xung quanh xe.

Tham khảo phần sau đây để biết thêm thông tin về xử lý camera gắn bên trong kính chắn gió.
➡ **Camera góc rộng phía trước** Tr. 596

Để hệ thống đèn pha thích ứng tự động hoạt động đúng cách:

- Không đặt bất cứ vật gì phản chiếu ánh sáng lên bảng táp-lô.
- Giữ vệ sinh khu vực kính chắn gió xung quanh camera.
- Khi vệ sinh kính chắn gió, chú ý không để nước rửa kính chắn gió dính vào thấu kính camera.
- Không dán vật gì, nhãn dán hoặc màng phủ lên khu vực quanh camera.
- Không chạm vào thấu kính camera.

Nếu camera bị tác động mạnh hoặc cần sửa chữa khu vực quanh camera, hãy liên hệ với đại lý.

Còn nữa

■ Tự động chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Khi đèn báo đèn pha thích ứng tự động bật sáng, có thể chuyển chế độ từ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại theo các điều kiện dưới đây.

Chiếu xa		Chiếu gần
Đáp ứng tất cả các điều kiện sau trước khi chế độ chiếu xa bật. • Tốc độ xe từ 30 km/h trở lên. • Xe phía trước hoặc xe ngược chiều không bật đèn chiếu sáng hoặc đèn hậu. • Có ít đèn đường ở đoạn đường phía trước.	⇔	Đáp ứng một trong các điều kiện sau trước khi chế độ chiếu gần bật. • Tốc độ xe từ 24 km/h trở xuống. • Xe phía trước hoặc xe ngược chiều bật đèn chiếu sáng hoặc đèn hậu. • Có nhiều đèn đường ở đoạn đường phía trước.

Tự động chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Trong các trường hợp dưới đây, hệ thống đèn pha thích ứng tự động không thể chuyển đèn chiếu sáng một cách chính xác hoặc thời gian chuyển có thể thay đổi. Nếu bạn không quen sử dụng chức năng chuyển chiếu sáng tự động, hãy điều chỉnh bằng tay.

- Độ sáng của đèn xe phía trước hoặc xe ngược chiều quá mạnh hoặc quá yếu.
- Tầm nhìn kém do thời tiết (mưa, tuyết, sương mù, kính chắn gió bị đóng băng, v.v.).
- Các nguồn sáng xung quanh như đèn đường, đèn biển quảng cáo điện tử và đèn giao thông đang sáng ở đoạn đường phía trước.
- Độ sáng của đoạn đường phía trước thay đổi liên tục.
- Đường ghồ ghề hoặc có nhiều khúc cua.
- Có xe khác đột ngột xuất hiện ngay trước xe bạn hoặc có xe phía trước không chạy cùng chiều hoặc ngược chiều với xe bạn.
- Xe bạn bị nghiêng do tải nặng ở sau xe.
- Tín hiệu giao thông, gương hoặc các vật khác phía trước phản chiếu ánh sáng mạnh về phía xe bạn.
- Xe ngược chiều thường khuất sau các lùm cây bên đường hoặc dải phân cách.
- Xe phía trước hoặc xe ngược chiều là xe máy, xe đạp, xe lăn điện hoặc xe cỡ nhỏ khác.

Hệ thống đèn pha thích ứng tự động sẽ duy trì ở chế độ chiếu gần khi:

- Cần gạt kính chắn gió gạt với tốc độ cao.
- Camera phát hiện có sương mù dày đặc.

■ Dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Nếu bạn muốn dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây. Lưu ý rằng khi bạn làm vậy, đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ tắt và đèn pha thích ứng tự động sẽ ngừng hoạt động.

Sử dụng cần điều khiển:

Kéo cần về phía bạn để nháy đèn chiếu xa sau đó thả ra hoặc đẩy cần về phía trước đến vị trí chiếu xa.

▶ Để bật lại đèn pha thích ứng tự động, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây và đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ sáng.

- Kéo cần điều khiển về phía bạn rồi thả ra.
- Xoay công tắc đèn sang AUTO, sau đó sang **AUTO (TỰ ĐỘNG)** khi cần điều khiển ở vị trí chiếu gần.

Sử dụng công tắc đèn:

Xoay công tắc đèn sang AUTO.

▶ Để bật lại đèn pha thích ứng tự động, hãy xoay công tắc đèn sang **AUTO (TỰ ĐỘNG)** khi cần điều khiển ở vị trí chiếu gần, đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ bật sáng.

Đèn pha thích ứng tự động

Cách tắt Hệ thống đèn pha thích ứng tự động

Bạn có thể bật và tắt hệ thống chiếu xa tự động.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 359

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 449

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Cần gạt nước và rửa kính

■ Cần gạt nước kính chắn gió/rửa kính

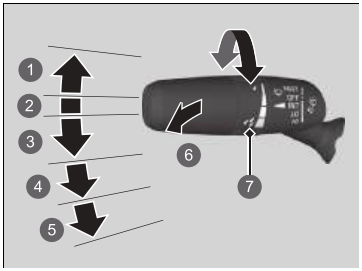

❶ **MIST**
❷ **TẮT**
❸ **INT**[*1]**/AUTO**[*2]
❹ **LO**: Gạt chậm
❺ **HI**: Gạt nhanh
❻ **Rửa kính**
❼ Vòng điều chỉnh thời gian ngắt quãng[*]
:Tốc độ thấp, gạt chậm
:Tốc độ cao, gạt nhanh

Có thể sử dụng cần gạt nước và rửa kính khi chế độ nguồn BẬT.

■ MIST

Các cần gạt nước hoạt động ở tốc độ cao cho đến khi bạn thả cần.

■ Công tắc cần gạt nước (OFF, INT[*1]/AUTO[*2], LO, HI)

Gạt cần lên hoặc xuống để thay đổi cài đặt cần gạt nước.

■ Điều chỉnh hoạt động cần gạt nước[*]

Xoay vòng điều chỉnh để điều chỉnh hoạt động của cần gạt nước.

■ Rửa kính

Nước rửa kính sẽ phun ra trong khi bạn kéo cần gạt về phía bạn.
Khi bạn thả cần trong hơn một giây, nước rửa kính sẽ ngừng phun, cần gạt nước sẽ quét thêm hai hoặc ba lần để làm sạch kính chắn gió trước khi dừng lại.

*1 : Loại xe có cần gạt nước gián đoạn bằng tay
*2 : Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

Cần gạt nước và rửa kính

CHÚ Ý

Khi nâng cần gạt nước, di chuyển cần đến vị trí bảo dưỡng trước khi nâng cần lên.
➡ **Nâng cần gạt nước** Tr. 667

CHÚ Ý

Không vận hành các cần gạt nước khi kính chắn gió khô.
Kính chắn gió sẽ bị xước, hoặc các lưỡi cao su sẽ bị hỏng.

CHÚ Ý

Tắt chế độ rửa kính nếu không có nước rửa kính phun ra.
Bơm có thể bị hỏng.

Mô-tơ cần gạt nước có thể dừng hoạt động tạm thời để tránh quá tải. Vận hành cần gạt nước sẽ trở lại bình thường trong vài phút.

Loại xe có vòng điều chỉnh thời gian ngắt quãng

Nếu xe tăng tốc khi các cần gạt nước đang vận hành gián đoạn, cần sẽ gạt nhanh hơn.
Khi xe tăng tốc, tốc độ gạt của cần gạt nước khi cài đặt ở chế độ nhanh nhất ( ) và ở chế độ **LO** sẽ như nhau.

CHÚ Ý

Khi trời lạnh, các lưỡi gạt có thể đóng băng vào kính chắn gió.
Vận hành các cần gạt trong điều kiện này có thể làm hỏng cần gạt. Sử dụng sấy kính để làm ấm kính chắn gió, sau đó bật cần gạt nước.

Nếu cần gạt nước ngừng hoạt động do có vật cản như tuyết đóng băng, hãy đỗ xe ở nơi an toàn. Xoay công tắc cần gạt nước đến **OFF (TẮT)** và đặt chế độ nguồn thành PHỤ KIỆN hoặc TẮT MÁY, sau đó lấy vật cản ra.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Cần gạt nước gián đoạn tự động*

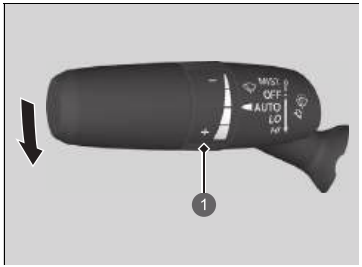

❶ Vòng điều chỉnh
−: Độ nhạy thấp
+: Độ nhạy cao

Khi bạn gạt cần điều khiển sang **AUTO** (TỰ ĐỘNG), cần gạt nước kính chắn gió sẽ gạt một lần rồi chuyển sang chế độ tự động.

Cần gạt nước gạt ngắt quãng, gạt chậm hoặc gạt nhanh và dừng tùy theo lượng mưa mà cảm biến nước mưa phát hiện.

■ Điều chỉnh độ nhạy tự động

Khi cài đặt chức năng cần gạt nước ở chế độ **AUTO** (TỰ ĐỘNG), bạn có thể điều chỉnh độ nhạy của cảm biến nước mưa (sử dụng vòng điều chỉnh) để cần gạt hoạt động theo ý muốn của bạn.

≫Cần gạt nước gián đoạn tự động*

Cảm biến nước mưa được lắp tại vị trí như hình minh họa bên dưới.

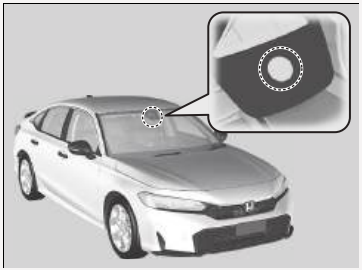

CHÚ Ý

Để tránh làm hỏng hệ thống cần gạt nước, luôn **TẮT** chế độ **AUTO** (TỰ ĐỘNG) khi:

- Vệ sinh kính chắn gió
- Rửa xe
- Trời không mưa

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nút sấy kính sau/sấy gương cửa*

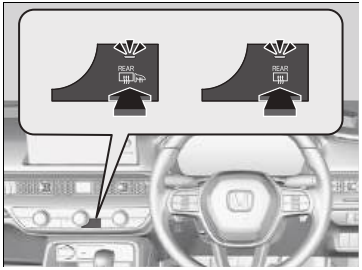

Ấn nút sấy kính sau và sấy gương cửa để làm tan sương cửa kính sau và các gương khi chế độ nguồn ở BẬT.

Sấy kính sau và sấy gương cửa sẽ tự động tắt sau 10-30 phút tùy thuộc vào nhiệt độ ngoài trời. Tuy nhiên, nếu nhiệt độ ngoài trời là từ 0°C trở xuống, tính năng này sẽ không tự động tắt.

Nút sấy kính sau/sấy gương cửa*

Hệ thống này tiêu thụ rất nhiều điện, do vậy hãy tắt hệ thống này khi cửa kính đã tan sương. Đồng thời, không sử dụng hệ thống lâu khi động cơ đang hoạt động không tải. Điều này có thể làm ắc-quy bị yếu, khó khởi động động cơ.

Loại xe có sấy gương cửa

Khi chế độ nguồn được đặt ở BẬT và nhiệt độ bên ngoài thấp dưới 5°C, sấy gương cửa có thể tự động kích hoạt trong 10 phút.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Điều chỉnh độ sáng

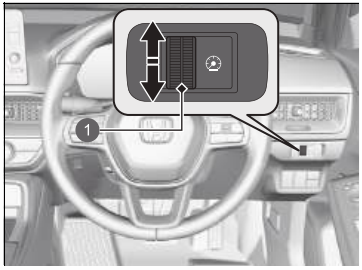

❶ Núm điều chỉnh

Khi chế độ nguồn ở BẬT, bạn có thể sử dụng núm điều chỉnh độ sáng để điều chỉnh độ sáng của bảng điều khiển.
Tăng độ sáng: Cuộn núm điều chỉnh lên.
Giảm độ sáng: Cuộn núm điều chỉnh xuống.

Bạn sẽ nghe thấy một tiếng bíp khi độ sáng đạt mức tối thiểu hoặc tối đa. Vài giây sau khi điều chỉnh độ sáng, màn hình sẽ trở về màn hình trước đó.



■ Chỉ báo mức độ sáng
Mức độ sáng được hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái trong khi bạn điều chỉnh độ sáng.

Điều chỉnh độ sáng

Độ sáng của bảng điều khiển sẽ giảm trong các điều kiện sau:
- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Các đèn vị trí bật và bên ngoài trời tối.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Điều chỉnh độ sáng

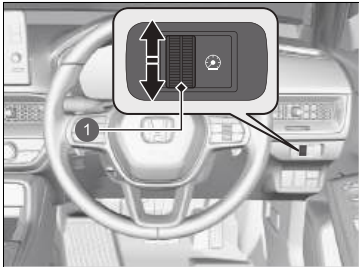

❶ Núm điều chỉnh

Độ sáng của đồng hồ đo được điều chỉnh tự động theo độ sáng ngoài trời.

- Độ sáng giảm khi ngoài trời tối.
- Độ sáng tăng khi ngoài trời sáng.

■ Điều chỉnh độ sáng bằng tay

Khi chế độ nguồn ở BẬT, bạn có thể sử dụng núm điều chỉnh độ sáng để điều chỉnh độ sáng của bảng điều khiển.

Tăng độ sáng: Cuộn núm điều chỉnh lên.

Giảm độ sáng: Cuộn núm điều chỉnh xuống.

► Bạn có thể thay đổi độ sáng ngay cả khi ngoài trời còn sáng, nhưng độ sáng của đồng hồ đo sẽ không thay đổi.



■ Chỉ báo mức độ sáng

Mức độ sáng được hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái trong khi bạn điều chỉnh độ sáng.

Điều chỉnh độ sáng

Sau vài giây điều chỉnh độ sáng, màn hình sẽ trở về màn hình trước đó.

Điều chỉnh vô lăng

Bạn có thể điều chỉnh độ cao và khoảng cách từ vô lăng đến người mình để có thể điều khiển vô lăng một cách thoải mái theo tư thế lái xe.

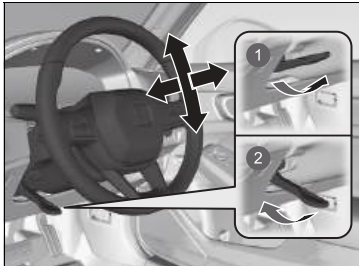

❶ Để khóa
❷ Để điều chỉnh

1. Khi xe dừng, đẩy cần điều chỉnh vô lăng xuống.
▶ Cần điều chỉnh vô lăng nằm dưới trụ lái.
2. Di chuyển vô lăng lên hoặc xuống, vào trong hoặc ra ngoài.
▶ Đảm bảo bạn có thể quan sát được các đồng hồ đo và các đèn báo của bảng điều khiển.
3. Kéo cần điều chỉnh vô lăng lên để khóa vô lăng vào đúng vị trí.
▶ Sau khi điều chỉnh, để đảm bảo bạn đã khóa chặt vô lăng đúng vị trí, hãy thử di chuyển vô lăng lên, xuống, vào trong và ra ngoài.

Điều chỉnh vô lăng

⚠CẢNH BÁO

Điều chỉnh vị trí vô lăng trong khi lái có thể làm bạn mất kiểm soát xe và bị thương tích nghiêm trọng khi xảy ra va chạm.

Chỉ điều chỉnh vô lăng khi xe dừng.

Gương chiếu hậu

Điều chỉnh góc của gương chiếu hậu khi bạn đang ngồi ở vị trí lái đúng.

■ Gương chiếu hậu ở các vị trí ban ngày và ban đêm*



Lật lẫy để thay đổi vị trí.
Vị trí ban đêm giúp giảm độ chói từ các đèn chiếu sáng đằng sau xe bạn khi lái xe lúc trời tối.

❶ Vị trí ban đêm
❷ Vị trí ban ngày

Gương

Giữ sạch các gương chiếu hậu bên trong xe và ngoài xe và điều chỉnh các gương này để nhìn rõ nhất.

Điều chỉnh các gương trước khi lái xe.
➔ **Ghế Trước** Tr. 226

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Gương chiếu hậu làm mờ tự động*

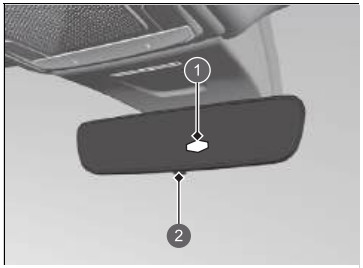

❶ Cảm biến
❷ Nút tự động

Khi lái xe lúc trời tối, gương chiếu hậu làm mờ tự động sẽ làm giảm độ chói của các đèn chiếu sáng đằng sau xe bạn. Ấn nút AUTO (TỰ ĐỘNG) để bật và tắt chức năng này. Khi hoạt động, đèn báo AUTO (TỰ ĐỘNG) sẽ sáng.

Gương chiếu hậu làm mờ tự động*

Chức năng làm mờ tự động hủy khi hộp số ở số R.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Gương cửa điện

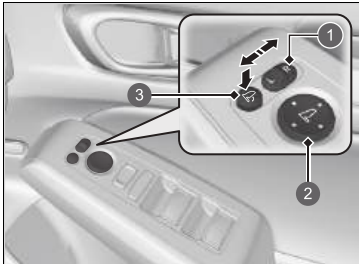

❶ Công tắc chọn
❷ Công tắc điều chỉnh
❸ Nút cụp gương

Bạn có thể điều chỉnh các gương cửa khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ Điều chỉnh vị trí gương

Công tắc chọn L/R: Chọn gương trái hoặc phải. Sau khi điều chỉnh gương, xoay lại công tắc về vị trí giữa.

Công tắc điều chỉnh vị trí gương: Ấn công tắc sang trái, phải, lên, hoặc xuống để điều chỉnh gương.

■ Cụp gương cửa

Ấn nút cụp gương để cụp và mở các gương cửa.

■ Chức năng tự động cụp gương cửa*

■ Cụp các gương cửa

Ấn nút khóa trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc cửa hậu hoặc chạm vào cảm biến khóa cửa* trên cửa trước.

▶ Các gương bắt đầu tự động cụp vào.

■ Mở các gương cửa

Mở khóa tất cả các cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa*.

▶ Các gương bắt đầu tự động mở ra.

Chức năng tự động cụp gương cửa*

Bạn không thể tự động mở gương nếu đã ấn nút cụp gương để cụp các gương.

Bạn có thể bật và tắt chức năng tự động cụp gương cửa.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 359

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 449

Các gương cửa sẽ không tự động cụp khi khóa từ bên trong xe bằng tai khóa hoặc công tắc khóa cửa chính.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Ghế Trước

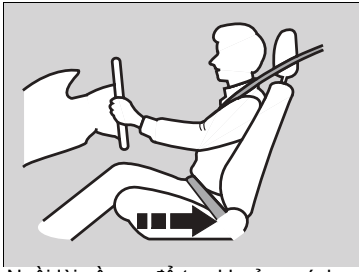

Ngồi lùi về sau để tạo khoảng cách phù hợp.

Điều chỉnh ghế lái lùi hết cỡ về phía sau mà vẫn đảm bảo bạn có thể hoàn toàn kiểm soát được xe. Bạn nên ở tư thế ngồi thẳng lưng, sát vào lưng ghế và có thể dễ dàng nhấn bàn đạp mà không cần cúi về phía trước và cầm vô lăng một cách thoải mái. Điều chỉnh ghế hành khách theo cách tương tự, càng xa túi khí trước trong bảng táp-lô càng tốt.

Ghế ngồi

Luôn điều chỉnh ghế ngồi trước khi lái xe.

Ghế Trước

⚠CẢNH BÁO

Ngồi quá gần túi khí trước có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong nếu túi khí trước bung ra.

Luôn ngồi càng xa các túi khí trước càng tốt đồng thời đảm bảo duy trì khả năng điều khiển xe.

Ngoài điều chỉnh ghế ngồi, bạn có thể điều chỉnh vô lăng lên và xuống, vào trong và ra ngoài. Khoảng cách tối thiểu giữa tâm vô lăng và ngực người lái là 25 cm.

■ Điều chỉnh vị trí ghế ngồi

■ Điều chỉnh (các) ghế điện trước*

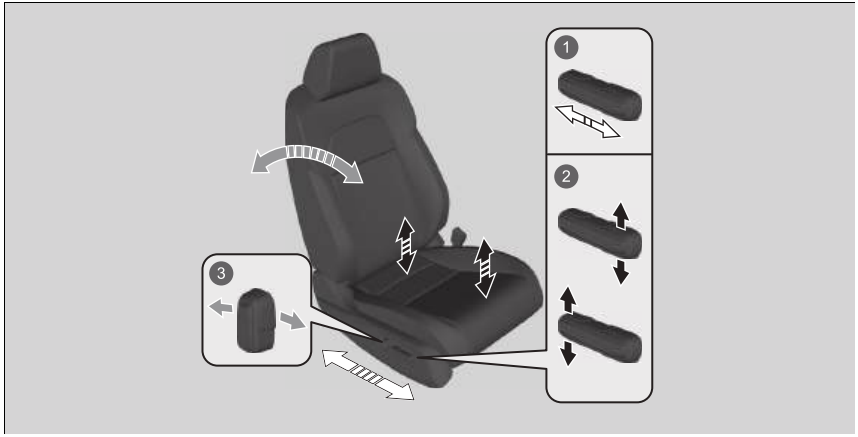

❶ **Điều chỉnh độ xa**
Trượt cần để dịch chuyển ghế.

❷ **Điều chỉnh độ cao (Chỉ phía người lái)**
Kéo cần lên hoặc đẩy cần xuống để nâng hoặc hạ ghế.

❸ **Điều chỉnh góc lưng ghế**
Đẩy cần về phía trước hoặc kéo cần về phía sau để thay đổi góc.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Điều chỉnh (các) ghế trước bằng tay*

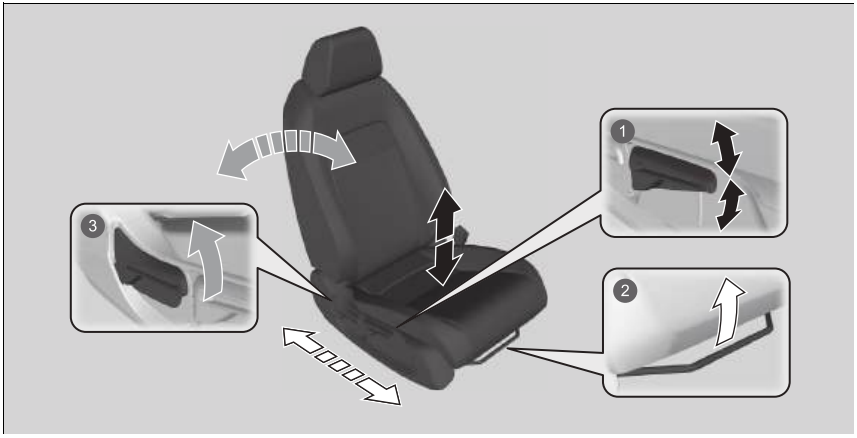

❶ **Điều chỉnh độ cao (chỉ phía người lái)**
Kéo cần lên hoặc đẩy cần xuống để nâng hoặc hạ ghế.

❷ **Điều chỉnh độ xa**
Kéo cần lên để di chuyển ghế rồi thả cần ra.

❸ **Điều chỉnh góc lưng ghế**
Kéo cần lên để thay đổi góc.

Điều chỉnh (các) ghế trước bằng tay*

Sau khi điều chỉnh, hãy lắc ghế qua lại để đảm bảo ghế đã được khóa vào đúng vị trí.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Điều chỉnh lưng ghế

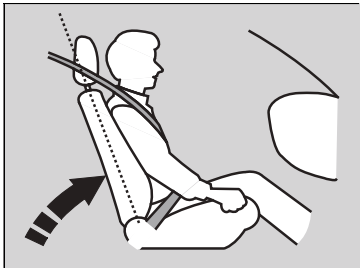

Điều chỉnh lưng ghế người lái đến vị trí thoải mái, thẳng đứng để tạo một không gian rộng giữa ngực bạn và nắp che túi khí ở giữa vô lăng.

Hành khách ngồi ghế trước cũng nên điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thoải mái, thẳng đứng.

Ngả lưng ghế mà phần đai vai của dây an toàn không thắt qua ngực của người ngồi sẽ làm giảm khả năng bảo vệ của dây an toàn, làm tăng khả năng bị trượt ra khỏi dây đai an toàn khi xảy ra va chạm và dẫn đến thương tích nghiêm trọng. Lưng ghế càng ngả nhiều, nguy cơ bị thương càng lớn.

≫Điều chỉnh lưng ghế

⚠CẢNH BÁO

Ngả lưng ghế quá xa có thể gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Điều chỉnh lưng ghế thẳng đứng và ngồi sát vào lưng ghế.

Không kê đệm, hoặc đồ vật khác giữa lưng ghế và lưng bạn.

Làm vậy có thể ảnh hưởng đến hoạt động của dây đai an toàn hoặc túi khí.

Nếu bạn không thể ngồi cách xa vô lăng theo tiêu chuẩn, bạn nên tìm hiểu một số thiết bị chuyên dụng để trợ giúp nhằm đảm bảo lái xe an toàn.

Ghế sau

■ Gập ghế sau xuống*

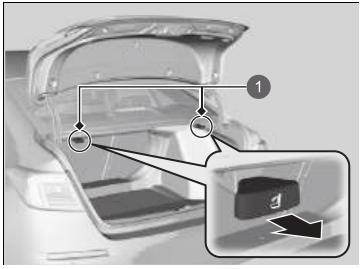

❶ Lẫy nhả

1. Kéo lẫy nhả trong cốp để nhả khóa.



2. Gập tựa lưng ghế xuống.

Khi dựng thẳng lưng ghế về vị trí ban đầu, đẩy dứt khoát lưng ghế về phía sau. Ngoài ra, cần đảm bảo tất cả các dây đai vai ghế sau được đặt ở phía trước lưng ghế.

Gập ghế sau xuống*

⚠CẢNH BÁO

Đảm bảo chốt chặt các tựa lưng ghế trước khi lái xe.

Bạn có thể gập tựa lưng ghế sau xuống để chứa những vật dụng cồng kềnh hơn trong cốp.

Không lái xe khi tựa lưng ghế gập xuống và nắp cốp mở.

➡ **Nguy hiểm do khí thải** Tr. 93

Để khóa thẳng tựa lưng ghế, đẩy tựa lưng về phía sau cho đến khi tựa lưng ghế khóa lại.

Hãy đảm bảo mọi vật trong cốp hoặc các vật kéo dài tới khoảng mở vào khu vực ghế sau đều được cố định đúng cách. Các vật không được cố định có thể văng về phía trước nếu bạn phải phanh gấp.

Hãy lấy hết đồ vật ra khỏi đệm ghế sau và sàn xe trước khi gập ghế sau xuống.

(Các) ghế trước phải cách hàng ghế sau một khoảng vừa đủ để không bị vướng khi gập hàng ghế sau xuống.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nhắc ghế sau

Tính năng này cảnh báo cho bạn biết có thể có người ngồi hoặc có vật gì đó ở hàng ghế sau trước khi bạn ra khỏi xe. Tính năng này hoạt động khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY nếu các cửa sau mở hé trước khi hoặc sau khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.

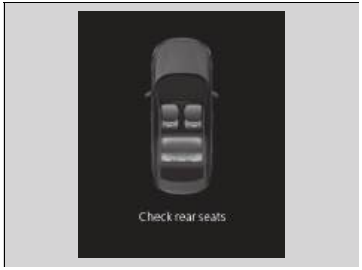

Một thông báo nhắc xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và cảnh báo sẽ vang lên khi chế độ nguồn được đặt thành TẮT MÁY.

Nhắc ghế sau

Khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY, nhắc ghế sau sẽ bật trong giây lát, sau đó chức năng bị vô hiệu hóa.

Tính năng nhắc ghế sau sẽ không hoạt động nếu chế độ nguồn không được đặt ở BẬT trong vòng 10 phút từ khi vận hành các cửa sau.

Hệ thống sẽ không phát hiện có hành khách ở ghế sau. Thay vào đó, hệ thống có thể phát hiện khi cửa sau được mở và đóng, cho biết có thể có gì đó ở ghế sau.

Bạn có thể cài đặt tắt thông báo.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 359

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 449

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Duy trì vị trí ngồi thích hợp

Sau khi tất cả mọi người trên xe đã điều chỉnh ghế, tựa đầu và đã thắt dây đai an toàn, cần phải duy trì tư thế ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân lên sàn cho đến khi xe dừng an toàn và động cơ tắt.

Ngồi không đúng tư thế có thể làm tăng nguy cơ bị thương khi xảy ra va chạm. Ví dụ, nếu một hành khách ngồi khom lưng, nằm trên ghế, quay người sang một bên, ngồi rướn về phía trước, nghiêng người về phía trước hoặc sang một bên, hoặc để một hoặc cả hai chân lên ghế, thì khả năng bị thương khi xảy ra va chạm sẽ là rất lớn.

Ngoài ra, nếu hành khách ghế trước ngồi sai vị trí thì có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm do va đập vào các bộ phận bên trong xe hoặc bị va vào túi khí trước đang bung.

Duy trì vị trí ngồi thích hợp

⚠CẢNH BÁO

Ngồi không đúng tư thế có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Luôn ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân trên sàn.

Tựa đầu

Xe bạn được trang bị tựa đầu ở tất cả các vị trí ngồi.

■ Điều chỉnh tựa đầu ghế trước

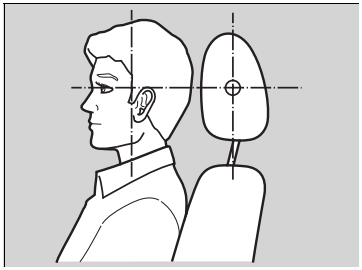

Để đầu ở giữa tựa đầu.

Tựa đầu có tác dụng bảo vệ tốt nhất tránh tổn thương cổ do giật mạnh và các thương tích do va chạm từ phía sau khi phần giữa phía sau đầu của người ngồi tựa sát với phần chính giữa của tựa đầu. Đỉnh của tai người ngồi phải ngang bằng với độ cao phần giữa của tựa đầu.

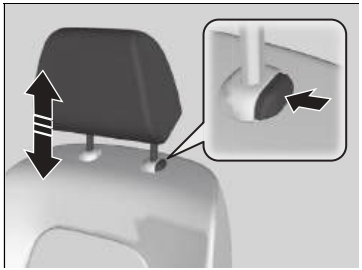

Để nâng tựa đầu:
Kéo tựa đầu lên.
Để hạ tựa đầu:
Ấn tựa đầu xuống đồng thời ấn nút nhả.

Tựa đầu

⚠CẢNH BÁO

Tựa đầu không được điều chỉnh hợp lý sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ và làm tăng nguy cơ bị thương tích nghiêm trọng khi xảy ra va chạm.

Đảm bảo các tựa đầu được đặt đúng vị trí và được điều chỉnh phù hợp trước khi lái xe.

Để hệ thống tựa đầu hoạt động đúng cách:
- Không treo bất cứ vật gì lên các tựa đầu, hoặc các chân tựa đầu.
- Không để bất cứ vật gì giữa người ngồi và tựa lưng ghế.
- Lắp các tựa đầu vào đúng vị trí.

Còn nữa

■ Thay đổi vị trí dựa đầu của hàng ghế sau

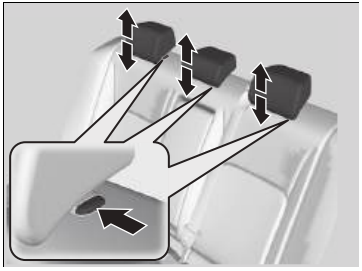

Hành khách ngồi ở hàng ghế sau cần điều chỉnh độ cao tựa đầu đến vị trí thích hợp trước khi xe bắt đầu chạy.

Để nâng tựa đầu:
Kéo tựa đầu lên.

Để hạ tựa đầu:
Ấn tựa đầu xuống đồng thời ấn nút nhả.

■ Tháo và lắp lại tựa đầu

Có thể tháo tựa đầu ra để vệ sinh hoặc sửa chữa.

Để tháo tựa đầu:
Kéo tựa đầu lên hết cỡ. Sau đó, ấn nút nhả, kéo tựa đầu lên rồi kéo tựa đầu ra.

Để lắp lại tựa đầu:
Lắp các chân vào đúng vị trí, sau đó điều chỉnh tựa đầu đến độ cao thích hợp đồng thời ấn nút nhả. Kéo tựa đầu lên để kiểm tra xem tựa đầu đã được khóa vào đúng vị trí chưa.

Tháo và lắp lại tựa đầu

⚠CẢNH BÁO

Không lắp tựa đầu hoặc lắp lại không chính xác có thể dẫn đến chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.

Luôn lắp lại tựa đầu trước khi lái xe.

Tựa tay

■ Sử dụng tựa tay ghế trước

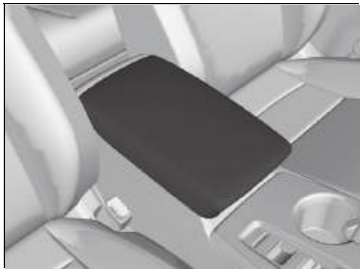

Có thể sử dụng nắp hộp đựng đồ để làm tựa tay.

■ Sử dụng tựa tay hàng ghế sau

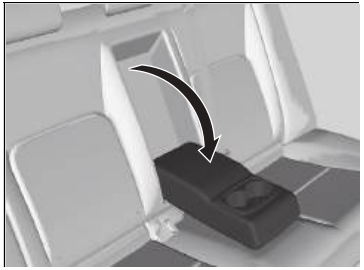

Kéo tựa tay ở lưng ghế giữa xuống.

Đèn trong xe

■ Công tắc đèn trong xe

Trước*

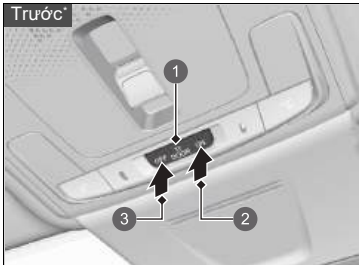

❶ Vị trí kích hoạt theo cửa
❷ Bật
❸ Tắt

Sau

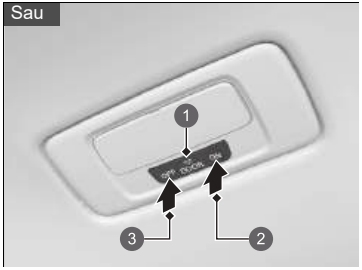

❶ Vị trí kích hoạt theo cửa
❷ Bật
❸ Tắt

■ BẬT

Các đèn trong xe sáng cho dù các cửa mở hay đóng.

■ Kích hoạt theo cửa

Các đèn trong xe sáng trong những trường hợp sau:

- Khi có một cửa mở.
- Khi mở khóa cửa người lái.
- Khi đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY.

■ TẮT

Các đèn trong xe vẫn tắt dù cửa mở hay đóng.

Công tắc đèn trong xe

Ở vị trí kích hoạt cửa, các đèn trong xe mờ dần và tắt sau khi đóng các cửa khoảng 30 giây.
Các đèn tắt sau khoảng 30 giây trong những trường hợp sau:

- Khi mở khóa cửa bên lái nhưng không mở cửa.
- Khi đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY nhưng không mở cửa nào.

Bạn có thể thay đổi thời gian mờ của đèn trong xe.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➡ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➡ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 359

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 449

Đèn trong xe tắt ngay trong những trường hợp sau:

- Khi khóa cửa bên lái.
- Khi đóng cửa người lái với chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN.
- Khi đặt chế độ nguồn thành BẬT.

Nếu bất kỳ cửa nào mở khi xe đang ở chế độ TẮT MÁY, các đèn trong xe sẽ tắt sau khoảng 15 phút.

Để tránh làm hao điện ắc-quy, không để đèn trong xe bật trong một khoảng thời gian dài sau khi đã tắt động cơ.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Công tắc đèn đọc sách



Ấn nút để bật và tắt đèn đọc sách.

Công tắc đèn đọc sách

Loại xe có cửa sổ trời

Khi công tắc đèn trong xe ở vị trí kích hoạt cửa và có một cửa mở, đèn đọc sách sẽ không tắt khi bạn ấn nút.

Ngăn để đồ

■ Hộc đựng đồ

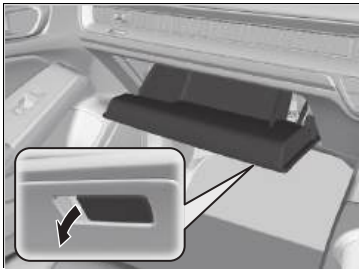

Kéo tay cầm để mở hộc đựng đồ.

Hộc đựng đồ

⚠CẢNH BÁO

Để hộc đựng đồ mở có thể làm cho hành khách bị thương tích nghiêm trọng khi xảy ra va chạm, ngay cả khi hành khách đã thắt đai dây an toàn.

Luôn đóng hộc đựng đồ khi lái xe.

■ Hộp đựng đồ trung tâm

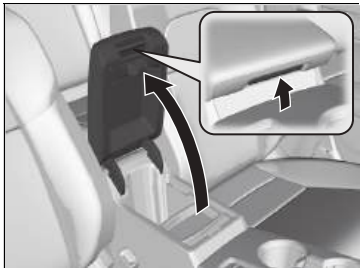

Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ.

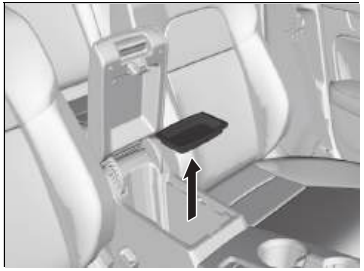

■ Khay có thể tháo rời

Có thể tháo khay bên trong hộp đựng đồ.
Nhấc khay lên để tháo ra.

Còn nữa

■ Hộc giữ cốc



■ Hộc giữ cốc ghế trước

Nằm ở hộp đựng đồ trung tâm ở giữa các ghế trước.

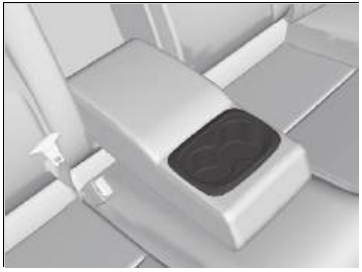

■ Hộc để cốc ghế sau

Gập tựa tay xuống để sử dụng ngăn để cốc ghế sau.

Hộc giữ cốc

CHÚ Ý

Chất lỏng tràn ra có thể làm hỏng tấm đệm, thảm và các bộ phận điện trong xe.

Cẩn thận khi sử dụng hộc giữ cốc. Nước nóng có thể làm bạn bị bỏng.





■ Hộc giữ cốc ở cánh cửa

Nằm ở cả cánh cửa trước và sau.

■ Móc treo áo



Có móc treo áo trên tay nắm trần xe phía người lái.

Móc treo áo

Móc treo áo không dùng để treo các đồ vật to hoặc nặng.

Còn nữa

■ Hộp đựng kính mắt*



Để mở hộp đựng kính mắt, ấn vào chỗ khe lõm và nhả ra. Để đóng, ấn lại cho đến khi hộp khóa lại.

Bạn có thể để kính mắt và các đồ vật nhỏ khác trong hộp này.

⩺Hộp đựng kính mắt*

Khi đang lái xe, hãy đóng hộp đựng kính này trừ lúc lấy các vật đang để trong đó.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Các hạng mục tiện ích bên trong khác

■ Ổ cắm điện phụ kiện

Có thể sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.

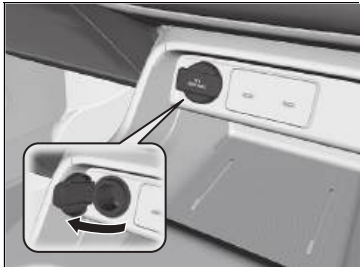

■ Ổ cắm điện phụ kiện ở hộp đựng đồ trung tâm

Mở nắp để sử dụng ổ cắm.

Ổ cắm điện phụ kiện

CHÚ Ý

Không cắm ổ châm thuốc loại tự động vào ổ cắm này, để tránh làm ổ cắm điện phụ kiện bị quá nhiệt.

Ổ cắm điện phụ kiện được thiết kế để cung cấp nguồn điện cho các phụ kiện dùng điện một chiều 12V với công suất định mức từ 180 W (15 ampe) trở xuống.

Để tránh làm ắc-quy bị hết điện, chỉ sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi động cơ đang hoạt động.

Khi không sử dụng ổ cắm điện phụ kiện, hãy đóng nắp để ngăn không cho bất kỳ vật nhỏ nào lọt vào ổ cắm điện phụ kiện.

Còn nữa

■ Bộ sạc không dây*

Để sử dụng bộ sạc không dây, chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.
Sạc thiết bị tương thích với sạc không dây Qi tại khu vực có biểu tượng :

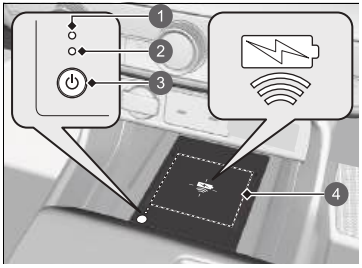

❶ Đèn báo màu hổ phách
❷ Đèn báo màu xanh lục
❸ Nút ⏻ (Nguồn)
❹ Khu vực sạc

1. Để bật và tắt hệ thống, ấn và giữ nút ⏻ (nguồn).
► Khi hệ thống bật, đèn báo màu xanh lục sẽ sáng.
2. Đặt thiết bị bạn muốn sạc vào khu vực sạc.
► Hệ thống sẽ tự động sạc thiết bị và đèn báo màu hổ phách sẽ sáng.
► Đảm bảo thiết bị tương thích với hệ thống và được đặt vào giữa khu vực sạc.
3. Khi sạc xong, đèn báo màu xanh lục sẽ sáng.
► Tùy thuộc vào từng thiết bị, đèn báo màu hổ phách vẫn sẽ sáng.

Bộ sạc không dây*

⚠THẬN TRỌNG

Nếu có vật gì bằng kim loại giữa thiết bị và bàn sạc, vật đó sẽ nóng lên và có thể làm bạn bị bỏng, vì vậy hãy:
- Loại bỏ bất cứ vật gì ra khỏi bàn sạc trước khi sạc thiết bị.
- Đảm bảo bề mặt không có bụi và các mảnh vụn khác trước khi sạc.
- Không làm đổ chất lỏng (như nước, đồ uống, v.v.) lên sạc và thiết bị.
- Không sử dụng dầu, mỡ, cồn, xăng hoặc chất pha loãng để vệ sinh bàn sạc.
- Không phủ khăn, quần áo hoặc bất cứ vật gì khác lên hệ thống khi đang sạc, v.v.
- Tránh xịt hóa chất lên bề mặt bàn sạc.

Để sử dụng an toàn:
- Loại bỏ các vật kim loại ra khỏi bàn sạc trước khi sạc thiết bị.
- Không mở hộp sạc.
- Không sử dụng sạc bị hỏng. Hãy liên hệ với đại lý.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Khi sạc không hoạt động

Thực hiện một trong các giải pháp trong bảng sau.

Đèn báo		Nguyên nhân	Giải pháp
Màu xanh lục và Màu hổ phách	Nháy đồng thời	Có (các) vật cản giữa khu vực sạc và thiết bị.	Loại bỏ (các) vật cản.
		Thiết bị không nằm trong khu vực sạc.	Nhấc thiết bị lên và đặt lại vào giữa khu vực sạc có biểu tượng .
		Nhiệt độ đế của bộ sạc không dây tăng.	Tạm thời ngừng sạc thiết bị. Chờ nhiệt độ giảm và thử sạc lại thiết bị.
Màu hổ phách	Nhấp nháy	Bộ sạc không dây bị hỏng.	Liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Bộ sạc không dây*

Nếu sạc làm nhiễu liên lạc vô tuyến, hãy thử khắc phục hiện tượng nhiễu:

- Ấn và giữ công tắc trên sạc trong vài giây để tắt sạc.

Hệ thống này tiêu tốn rất nhiều điện năng. Không sử dụng hệ thống trong thời gian dài khi động cơ không hoạt động. Điều này có thể làm ắc-quy bị yếu, khó khởi động động cơ.

Khi sử dụng bộ sạc không dây, hãy kiểm tra hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị tương thích mà bạn muốn sạc.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

Bộ sạc không dây*

Bộ sạc không dây có thể hỗ trợ tối đa 15 W, nhưng tốc độ sạc thay đổi tùy theo thiết bị và các điều kiện khác.

CHÚ Ý

Không đặt máy ghi âm băng từ hoặc máy đo độ chính xác ở khu vực sạc trong khi sạc.
Dữ liệu trên thẻ của bạn như thẻ tín dụng có thể bị mất do hiệu ứng từ. Ngoài ra, máy đo độ chính xác như đồng hồ có thể bị ảnh hưởng.

Biểu tượng "Qi" và Qi là nhãn hiệu đã được Hiệp hội Năng lượng Không dây (WPC) đăng ký quyền sở hữu.

Trong các trường hợp sau, sạc có thể bị ngừng hoặc không hoạt động:
- Thiết bị đã được sạc đầy.
- Nhiệt độ của thiết bị quá cao trong khi sạc.
- Bạn đang ở nơi phát ra sóng hoặc nhiễu điện từ lớn như đài truyền hình, nhà máy điện hoặc trạm xăng.
- Thiết bị có vỏ, nắp hoặc phụ kiện không tương thích với sạc không dây.

Thiết bị có thể không sạc được nếu kích thước hoặc hình dạng của thiết bị không phù hợp với khu vực sạc.

Không phải tất cả các thiết bị đều tương thích với hệ thống.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Bộ sạc không dây*

Trong quá trình sạc, khu vực sạc và thiết bị nóng lên là điều bình thường.

Quá trình sạc có thể bị gián đoạn một lúc khi:
- Tất cả các cửa và cốp đóng
  - để không làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống mở cửa không chìa khóa.
- Thay đổi vị trí của thiết bị.

Không sạc nhiều thiết bị cùng một lúc ở khu vực sạc.

Nếu thiết bị quá nóng và chức năng bảo vệ pin của thiết bị được kích hoạt, thiết bị có thể sạc cực chậm hoặc không sạc nữa.
Nhiệt độ ở thời điểm chức năng bảo vệ pin được kích hoạt phụ thuộc vào từng thiết bị.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Sử dụng Cảm biến điều khiển không khí tự động

Hệ thống điều hòa không khí tự động duy trì nhiệt độ bên trong xe mà bạn đã chọn. Hệ thống cũng sẽ chọn nhiệt độ nóng hoặc lạnh một cách hợp lý để làm tăng hoặc giảm nhiệt độ trong xe đến mức bạn muốn một cách nhanh nhất.

Sử dụng hệ thống khi động cơ đang hoạt động.

1. Ấn nút **AUTO** (TỰ ĐỘNG).
2. Điều chỉnh nhiệt độ trong xe bằng núm xoay điều chỉnh nhiệt độ.
3. Ấn nút ON/OFF (bật/tắt) để hủy.

Loại xe có nút SYNC (ĐỒNG BỘ) và nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)

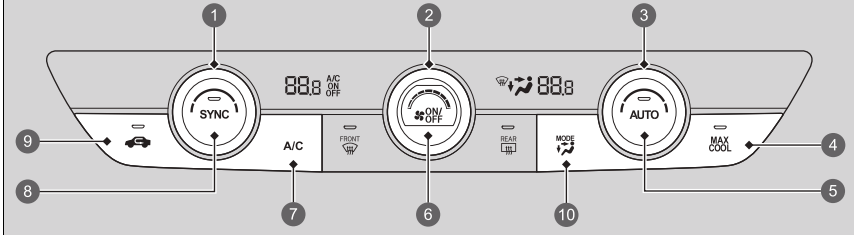

❶ Núm điều chỉnh nhiệt độ phía hành khách*1
❷ Núm điều khiển quạt
❸ Núm điều chỉnh nhiệt độ phía người lái*1
❹ Nút **MAX COOL** (MÁT TỐI ĐA)*1
❺ Nút **AUTO** (TỰ ĐỘNG)*1
❻ Nút **ON/OFF** (BẬT/TẮT)
❼ Nút **A/C** (Điều hòa không khí)*1
❽ Nút **SYNC** (ĐỒNG BỘ)*1
❾ Nút lấy gió trong*1
❿ Nút **MODE** (CHẾ ĐỘ)*1

- Luồng khí từ khe thông gió bảng táp-lô
- Luồng khí từ khe thông gió sàn và khe thông gió bảng táp-lô
- Luồng khí từ khe thông gió sàn
- Luồng khí từ khe thông gió sàn và sấy kính chắn gió

*1: Hình vẽ mô phỏng loại vô lăng bên phải. Đối với loại xe có vô lăng bên trái, các nút này nằm ở vị trí đối xứng với loại xe có vô lăng bên phải.

Sử dụng Cảm biến điều khiển không khí tự động

Nếu ấn nút bất kỳ khi đang sử dụng hệ thống điều hòa không khí tự động, chức năng của nút được ấn sẽ được ưu tiên.

Đèn báo nút tự động*/đèn báo **AUTO** (TỰ ĐỘNG)* sẽ tắt, nhưng những chức năng không liên quan đến nút mà bạn đã ấn sẽ vẫn được điều khiển tự động.

Để ngăn không khí lạnh bên ngoài tràn vào bên trong xe, quạt sẽ không khởi động ngay lập tức khi bạn ấn nút **AUTO** (TỰ ĐỘNG).

Loại xe không có nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)

Nếu bên trong xe quá nóng, bạn có thể làm mát nhanh chóng bằng cách mở hé cửa kính, chuyển hệ thống sang chế độ tự động và đặt nhiệt độ ở mức thấp. Chuyển chế độ lấy gió ngoài sang chế độ lấy gió trong cho đến khi nhiệt độ mát trở lại.

Loại xe có nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)

Nếu bên trong xe quá nóng, bạn có thể làm mát nhanh chóng bằng cách mở hé cửa kính, ấn nút **MAX COOL** (MÁT TỐI ĐA).

Khi bạn đặt nhiệt độ ở mức thấp hoặc cao, **Lo** hoặc **Hi** sẽ hiển thị.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe có nút SYNC (ĐỒNG BỘ)

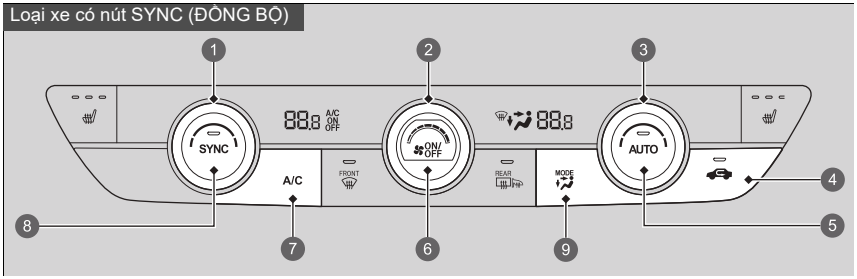

❶ Núm điều chỉnh nhiệt độ phía hành khách
❷ Núm điều khiển quạt
❸ Núm điều chỉnh nhiệt độ phía người lái
❹ Nút lấy gió trong
❺ Nút **AUTO** (TỰ ĐỘNG)
❻ Nút **ON/OFF** (BẬT/TẮT)
❼ Nút **A/C** (Điều hòa không khí)
❽ Nút **SYNC** (ĐỒNG BỘ)
❾ Nút **MODE** (CHẾ ĐỘ)

- Luồng khí từ khe thông gió bảng táp-lô
- Luồng khí từ khe thông gió sàn và khe thông gió bảng táp-lô
- Luồng khí từ khe thông gió sàn
- Luồng khí từ khe thông gió sàn và sấy kính chắn gió

Sử dụng Cảm biến điều khiển không khí tự động

Ấn nút ON/OFF để bật và tắt hệ thống điều hòa không khí. Khi bật, hệ thống sẽ trở lại lựa chọn gần đây nhất.

Khi ở chế độ **ECON**, hệ thống điều hòa không khí có thể đã làm giảm hiệu suất làm mát.

Còn nữa

Loại xe không có nút SYNC (ĐỒNG BỘ)

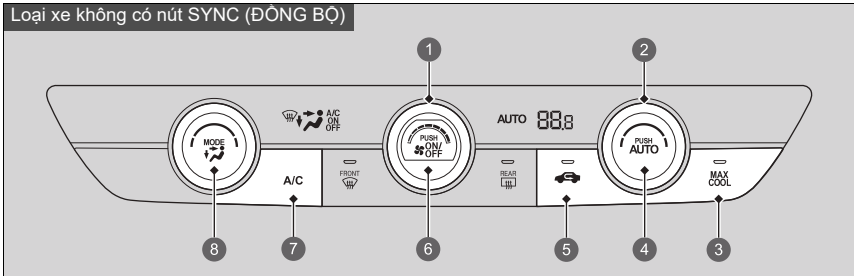

1. Núm điều khiển quạt
2. Núm xoay điều chỉnh nhiệt độ*1
3. Nút **MAX COOL** (MÁT TỐI ĐA)*1
4. Nút **AUTO** (TỰ ĐỘNG)*1
5. Nút lấy gió trong*1
6. Nút **ON/OFF** (BẬT/TẮT)
7. Nút **A/C** (Điều hòa không khí)*1
8. Núm điều chỉnh **MODE** (CHẾ ĐỘ)*1
   - Luồng khí từ khe thông gió bảng táp-lô
   - Luồng khí từ khe thông gió sàn và khe thông gió bảng táp-lô
   - Luồng khí từ khe thông gió sàn
   - Luồng khí từ khe thông gió sàn và sấy kính chắn gió

*1: Hình vẽ mô phỏng loại vô lăng bên phải. Đối với loại vô lăng bên trái, các nút này nằm ở vị trí đối xứng với loại vô lăng bên phải.

■ Chuyển đổi giữa chế độ lấy gió trong và lấy gió ngoài

Ấn nút (lấy gió trong) và chuyển chế độ tùy theo điều kiện môi trường.

Chế độ lấy gió trong (đèn báo sáng): Tuần hoàn không khí từ bên trong xe thông qua hệ thống.

Chế độ lấy gió ngoài (đèn báo tắt): Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ lấy gió ngoài trong các điều kiện bình thường.

■ Làm tan sương kính chắn gió và cửa kính

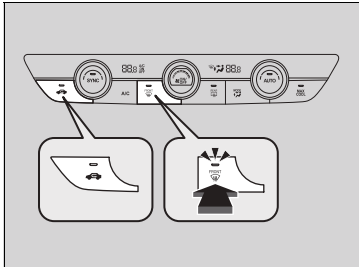

Ấn nút FRONT (sấy kính chắn gió) để bật hệ thống điều hoà không khí.
Ấn nút (đèn báo tắt) để chuyển sang chế độ lấy gió ngoài.

Ấn lại nút FRONT để tắt. Hệ thống sẽ khôi phục lại các cài đặt trước đó.

■ Để làm tan sương các cửa kính nhanh

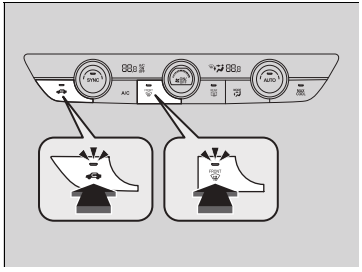

1. Ấn nút FRONT (đèn báo bật).
2. Ấn nút (đèn báo bật).

Làm tan sương kính chắn gió và cửa kính

Vì sự an toàn của bạn, cần đảm bảo bạn có thể nhìn rõ qua các cửa kính trước khi lái xe.

Không đặt nhiệt độ ở gần mức cao hoặc thấp nhất. Khi khí lạnh phả vào kính chắn gió, mặt ngoài của kính chắn gió có thể đọng sương.

Để làm tan sương các cửa kính nhanh

Sau khi làm tan sương các cửa kính, hệ thống sẽ chuyển về chế độ lấy gió ngoài. Nếu bạn vẫn để hệ thống ở chế độ lấy gió trong, các cửa kính có thể đọng sương do hơi ẩm, dẫn đến làm giảm tầm nhìn.

Còn nữa

■ Chế độ đồng bộ*

Bạn có thể cài đặt đồng thời nhiệt độ phía người lái và phía hành khách ở chế độ đồng bộ hóa.

1. Ấn nút **SYNC** (ĐỒNG BỘ).
▶ Hệ thống chuyển sang chế độ đồng bộ hóa.
2. Điều chỉnh nhiệt độ bằng núm điều chỉnh nhiệt độ phía người lái.

Ấn nút **SYNC** (ĐỒNG BỘ) hoặc điều chỉnh nhiệt độ trong xe bằng núm điều chỉnh nhiệt độ phía hành khách để trở lại chế độ điều hòa hai vùng.

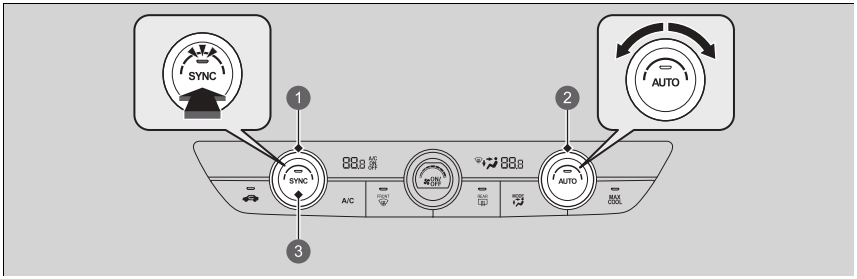

❶ Núm điều chỉnh nhiệt độ phía hành khách
❷ Núm điều chỉnh nhiệt độ phía người lái
❸ Nút **SYNC** (ĐỒNG BỘ)

Chế độ đồng bộ*

Khi hệ thống ở chế độ kép, nhiệt độ phía người lái và nhiệt độ phía hành khách có thể được cài đặt riêng biệt.

Khi ấn nút FRONT , hệ thống sẽ chuyển sang chế độ đồng bộ hóa.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Cảm biến điều khiển không khí tự động

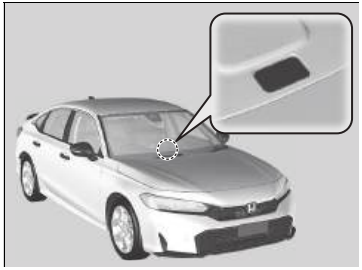



Hệ thống điều hòa không khí tự động được trang bị các cảm biến. Không được che hoặc làm đổ chất lỏng vào cảm biến này.

Tính năng

Chương này mô tả cách vận hành các tính năng công nghệ.

Hệ thống âm thanh* 256
Hệ thống màn hình âm thanh màu . 260
Màn hình giải trí không tích hợp Google ... 303
Màn hình giải trí có tích hợp Google. 389
Thông báo lỗi âm thanh* 473
Thông tin chung về hệ thống âm thanh* 475

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Về Hệ thống âm thanh của xe

Hệ thống âm thanh có tính năng đài FM/AM. Hệ thống này có thể phát nhạc từ ổ USB flash, iPod, iPhone, điện thoại thông minh và các thiết bị *Bluetooth*®.

Bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh bằng các nút và các núm trên bảng điều khiển, điều khiển từ xa trên vô lăng, hoặc các biểu tượng trên màn hình cảm ứng.

Loại xe có Hệ thống âm thanh màu

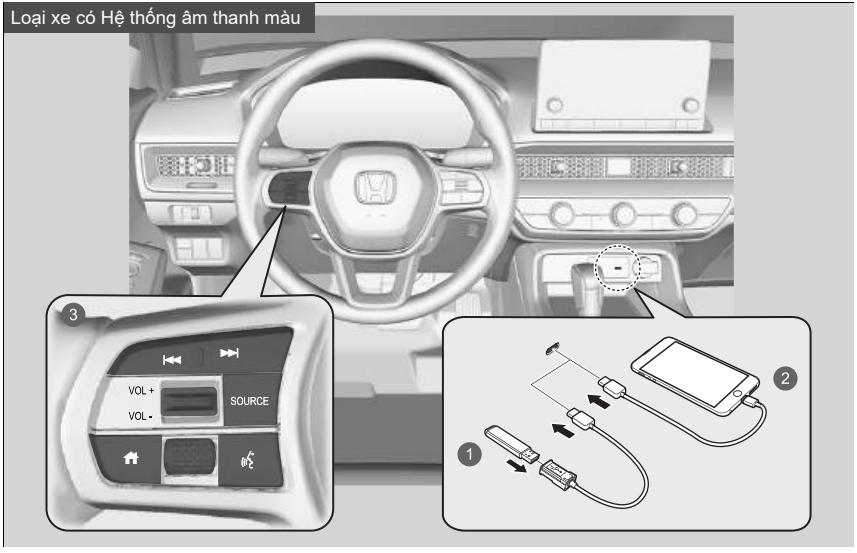

❶ Ổ USB flash
❷ Thiết bị
❸ Điều khiển từ xa

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe có Màn hình giải trí

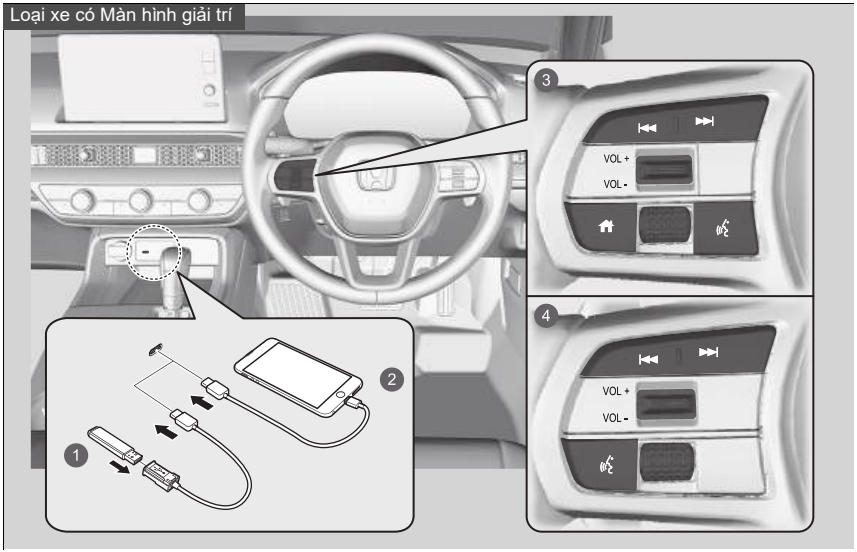

❶ Ổ USB flash
❷ Thiết bị
❸ Điều khiển từ xa*1
❹ Điều khiển từ xa*2

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A
*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

Cổng USB

Trên bảng điều khiển trước

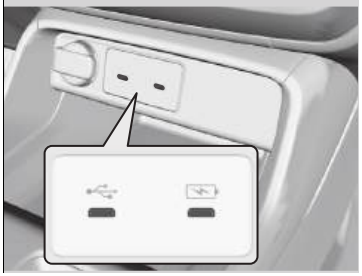

Ở phía sau hộp đựng đồ trung tâm*

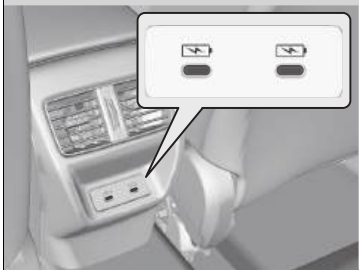

■ Sạc điện/cổng kết nối USB ( )

Sử dụng cổng USB (3,0A) để sạc điện cho các thiết bị, phát các tệp âm thanh và kết nối điện thoại tương thích với Apple CarPlay hoặc Android Auto.

▶ Để tránh xảy ra các sự cố, hãy sử dụng Đầu nối lightning được Apple MFi chứng nhận cho Apple CarPlay. Đối với Android Auto, cáp USB phải đạt tiêu chuẩn USB-IF để tương thích với USB 2.0.

■ Cổng sạc điện USB ( )

Cổng USB (3,0A) chỉ dùng để sạc thiết bị.

▶ Bạn không thể phát nhạc ngay cả khi bạn đã kết nối máy phát nhạc với các cổng đó.

Cổng USB

- Không để iPod hoặc ổ USB flash trong xe. Ánh nắng mặt trời trực tiếp và nhiệt độ cao có thể làm hỏng thiết bị.
- Nên sử dụng cáp USB khi bạn cắm ổ USB flash vào cổng USB.
- Không kết nối iPod hoặc ổ USB flash bằng bộ chia USB.
- Không sử dụng thiết bị như đầu đọc thẻ, ổ cứng để tránh làm hỏng thiết bị hoặc các tệp.
- Bạn nên lưu dự phòng dữ liệu của mình trước khi sử dụng thiết bị trên xe.
- Thông báo hiển thị có thể khác nhau tùy vào thiết bị hoặc phiên bản phần mềm.
- Một số thiết bị có thể không hoạt động ngay cả khi đã được kết nối với cổng USB.

Sạc điện bằng cổng USB

Cổng USB có thể cấp nguồn điện lên tới 3,0A. Cổng này không cấp nguồn điện đầu ra 3,0A nếu thiết bị không yêu cầu.
Để biết chi tiết về cường độ dòng điện, hãy đọc tài liệu hướng dẫn vận hành thiết bị cần sạc điện.

Ở một số điều kiện nhất định, thiết bị được cắm vào cổng cũng có thể gây nhiễu khi bạn nghe đài phát thanh.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Bảo vệ Hệ thống âm thanh*

Hệ thống âm thanh không hoạt động khi bị ngắt kết nối tới nguồn điện, ví dụ: khi tháo ắc-quy hoặc ắc-quy hết điện. Trong một số trường hợp, hệ thống có thể hiển thị màn hình yêu cầu nhập mã. Nếu điều này xảy ra, hãy kích hoạt lại hệ thống âm thanh.

■ Kích hoạt lại hệ thống âm thanh

1. Đặt chế độ nguồn thành BẬT.

2. Bật hệ thống âm thanh.

3. Ấn và giữ núm **VOL/** ⏻ **AUDIO** (Âm lượng/Âm Thanh) trong hơn hai giây.

▶ Hệ thống âm thanh được kích hoạt lại khi bộ điều khiển âm thanh thiết lập kết nối với bộ điều khiển của xe. Nếu bộ điều khiển xe không nhận diện được bộ âm thanh, hãy đến đại lý để kiểm tra bộ âm thanh.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Vận hành cơ bản

■ Chức năng Hệ thống âm thanh

Để sử dụng hệ thống âm thanh, chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.

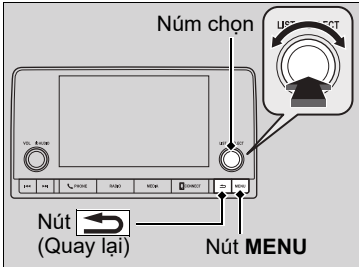

Sử dụng núm chọn hoặc nút **MENU** để sử dụng một số chức năng âm thanh.

Ấn để chuyển đổi giữa màn hình thường và màn hình mở rộng để sử dụng một số chức năng.



Núm chọn: Xoay sang trái hoặc phải để cuộn qua các lựa chọn. Ấn để cài đặt lựa chọn của bạn.
Nút DANH MỤC: Ấn để hiển thị màn hình danh mục.
Nút (Quay lại): Ấn để trở lại màn hình trước đó.

Hệ thống màn hình âm thanh màu

Các chỉ báo này được sử dụng để chỉ ra cách vận hành núm chọn.

Xoay để chọn.

Ấn để vào.

Mục danh mục

- **Điều chỉnh đồng hồ** Tr. 174
- **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 262
- **Cài đặt màn hình hiển thị** Tr. 263
- **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 283

Ấn các nút trên vô lăng để thay đổi bất kỳ cài đặt âm thanh nào.

Điều khiển âm thanh từ xa Tr. 261

Thao tác trên màn hình cảm ứng

- Thực hiện các thao tác đơn giản bao gồm chạm, vuốt và cuộn để sử dụng một số chức năng của hệ thống âm thanh.
- Một số mục sẽ chuyển sang màu xám để bạn tập trung hơn vào việc lái xe.
- Bạn có thể chọn các mục đó khi dừng xe.
- Đeo găng tay có thể hạn chế hoặc làm giảm độ nhạy của màn hình cảm ứng.

Bạn có thể thay đổi cài đặt độ nhạy màn hình cảm ứng.

Tính năng tùy chỉnh Tr. 283

■ Điều khiển âm thanh từ xa

Giúp bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh khi đang lái xe. Thông tin sẽ hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

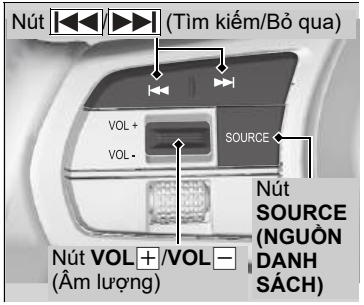

Nút SOURCE (NGUỒN DANH SÁCH)
Chuyển tuần tự qua các chế độ âm thanh.

Nút VOL+/VOL− (Âm lượng)
Gạt lên: Để tăng âm lượng.
Gạt xuống: Để giảm âm lượng.

Nút |◀◀/▶▶| (Tìm kiếm/Bỏ qua)

- Khi nghe đài radio
  Ấn |▶▶|: Để chọn đài phát thanh cài đặt sẵn tiếp theo.
  Ấn |◀◀|: Để chọn lại đài phát thanh cài đặt sẵn trước đó.
  Ấn và giữ |▶▶|: Để chọn kênh có tần số mạnh tiếp theo.
  Ấn và giữ |◀◀|: Để chọn kênh có tần số mạnh trước đó.
- Khi nghe nhạc qua kết nối có dây, ổ USB flash, Âm thanh *Bluetooth*® hoặc Kết nối điện thoại thông minh
  ▶ Tùy vào thiết bị được kết nối, các thao tác có thể thay đổi.
  Ấn |▶▶|: Để bỏ qua sang bài tiếp theo.
  Ấn |◀◀|: Để trở lại phần đầu của bài hát đang phát hoặc bài hát trước đó.
- Khi nghe nhạc qua ổ USB flash hoặc Âm thanh *Bluetooth*®
  Ấn và giữ |▶▶|: Để chuyển sang thư mục/nhóm tiếp theo.
  Ấn và giữ |◀◀|: Để trở lại thư mục/nhóm trước đó.

Điều khiển âm thanh từ xa

Một số chế độ chỉ xuất hiện khi sử dụng thiết bị hoặc phương tiện phù hợp.

Điều chỉnh âm thanh

1. Chọn nguồn âm thanh.
2. Ấn nút **MENU**.
3. Chọn **Sound Settings**.

Chọn một mục trong các lựa chọn sau:
- **Bass / Treble:** Trầm, Trung, Bổng
- **Balance / Fader:** Cân bằng, Giảm âm
- **Speed Volume Compensation:** Cài đặt mức tăng âm lượng.

Điều chỉnh âm thanh

Chế độ bù âm lượng theo tốc độ (SVC) điều chỉnh mức âm lượng dựa trên tốc độ xe. Âm lượng tăng khi xe chạy nhanh hơn. Âm lượng giảm khi xe chạy chậm lại.

Cài đặt màn hình hiển thị

Bạn có thể cài đặt độ sáng của màn hình riêng cho các chế độ Day (Ban ngày) và Night (Ban đêm).

■ Thay đổi độ sáng màn hình

1. Ấn nút **MENU**.
2. Chọn **Display Adjustment**.
3. Chọn **Day** hoặc **Night**.
4. Chọn cài đặt mong muốn.

Thay đổi độ sáng màn hình

Bạn có thể thay đổi cài đặt **Contrast (Độ tương phản)** và **Black Level (Độ tối)** theo cách này.

Bạn có thể điều chỉnh cài đặt bằng cách trượt hoặc chạm vào thanh biểu thị độ sáng.

Bật đài AM/FM



Màn hình âm thanh/thông tin

Núm VOL/ AUDIO (Âm lượng/Nguồn)
Ấn để bật và tắt hệ thống âm thanh.
Xoay để điều chỉnh âm lượng.

Núm chọn
Xoay để điều chỉnh tần số vô tuyến.
Ấn, sau đó xoay để chọn một mục. Sau đó, ấn một lần nữa để xác nhận lựa chọn.

Nút tìm kiếm
Ấn ▶▶| hoặc |◀◀ để tăng hoặc giảm dải tần số đã chọn để tìm kênh có tín hiệu mạnh.

Nút MENU
Ấn để hiển thị các mục trong danh mục.

Nút RADIO
Ấn để chọn một dải tần số.

Nút (Quay lại)
Ấn để trở lại màn hình trước đó.

Biểu tượng cài đặt sẵn
Dò tần số đài cho bộ nhớ cài đặt sẵn.
Chọn và giữ biểu tượng cài đặt sẵn để lưu kênh đó.
Chọn > để hiển thị 5 kênh cài đặt sẵn.

■ Danh sách kênh

Liệt kê các kênh có tín hiệu mạnh nhất trong dải tần số đã chọn.

1. Ấn trong khi nghe đài radio.
2. Chọn kênh.

■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn vào bất cứ lúc nào.
1. Ấn trong khi nghe đài radio.
2. Chọn **Refresh**.

■ Quét

Nghe thử từng kênh có tín hiệu mạnh nhất trong dải tần số đã chọn trong 10 giây.
1. Chọn **Scan**.

Để tắt quét, chọn **Stop** hoặc ấn nút .

Bật đài AM/FM

Không có đài AM âm thanh nổi.

Bạn có thể lưu 12 đài AM và 12 đài FM vào bộ nhớ cài đặt sẵn.

Chuyển đổi Chế độ âm thanh
Ấn nút chọn nguồn âm thanh trên vô lăng.
Điều khiển âm thanh từ xa Tr. 261

Phát nhạc qua Kết nối có dây

Sử dụng đầu nối USB của bạn, kết nối thiết bị với cổng sạc/kết nối USB, sau đó ấn nút **MEDIA** .

Cổng USB Tr. 258

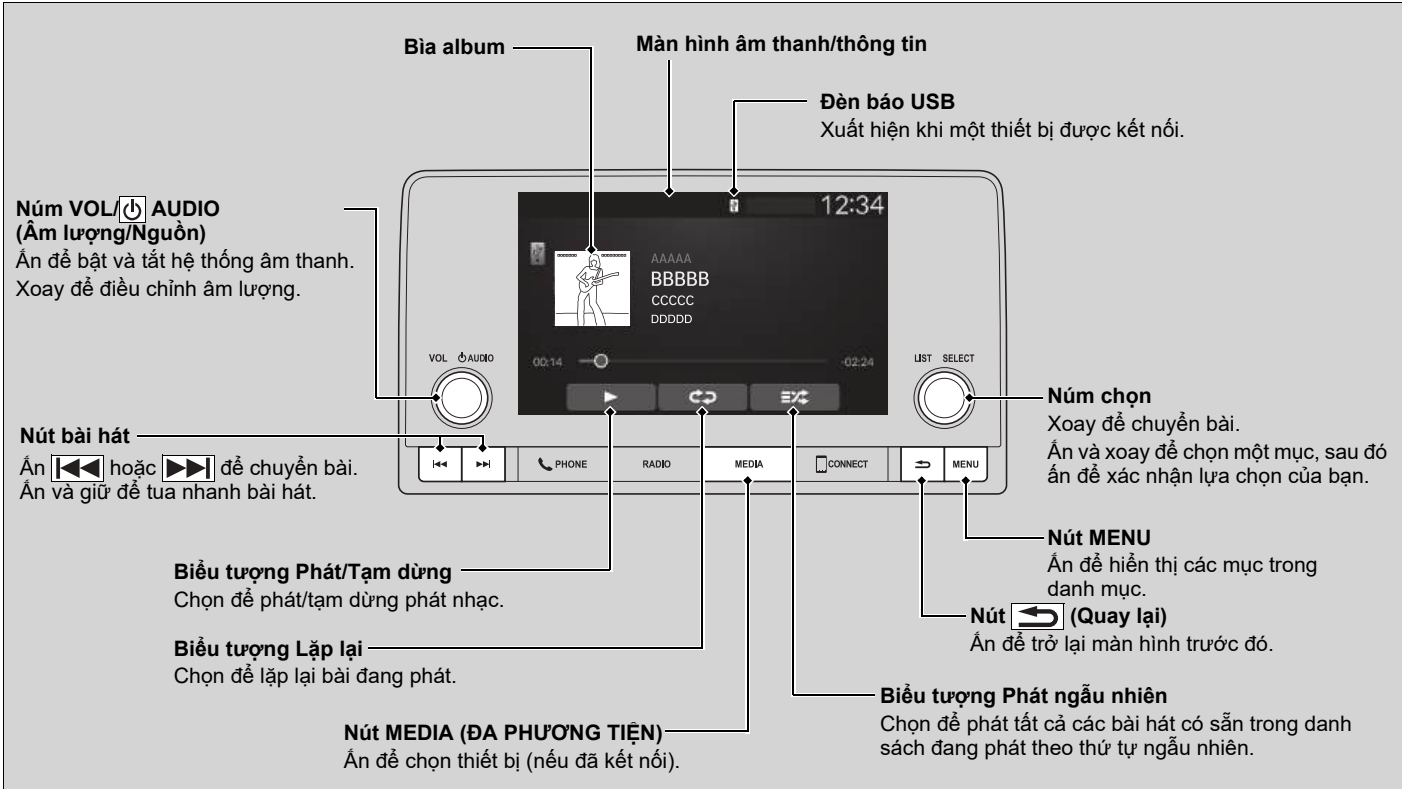

■ Cách chọn bài từ Danh sách bài hát của thiết bị

1. Ấn ♨ để hiện thị danh sách bài hát của thiết bị.
2. Chọn danh mục tìm kiếm (ví dụ: Nhạc sỹ, Album, v.v.).
3. Tiếp tục lựa chọn cho đến khi bạn tìm thấy bài hát mình muốn.

■ Cách chọn Chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ lặp lại và trộn bài khi đang phát bài hát.

■ Trộn bài/Lặp lại
Liên tục chọn biểu tượng trộn bài hoặc lặp lại cho đến khi chọn được chế độ mong muốn.
Phát ngẫu nhiên
Tắt trộn bài: Tắt chế độ trộn bài.
Trộn tất cả bài hát: Phát tất cả các bài hát có trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

Lặp lại
Tắt lặp lại: Tắt chế độ lặp lại.
Lặp lại tất cả: Lặp lại tất cả bài hát.
Lặp lại bài hát: Lặp lại bài đang phát.

Phát nhạc qua Kết nối có dây

Các chức năng vận hành khác nhau tùy loại xe hoặc phiên bản. Một số chức năng của hệ thống âm thanh có thể không có ở xe này.

Phát nhạc qua ổ USB flash

Hệ thống âm thanh của bạn đọc và phát các tệp âm thanh trong ổ USB flash ở định dạng MP3, WMA, AAC, FLAC, hoặc WAV.

Kết nối ổ USB flash với cổng sạc/kết nối USB, sau đó ấn nút **MEDIA.**

Cổng USB Tr. 258

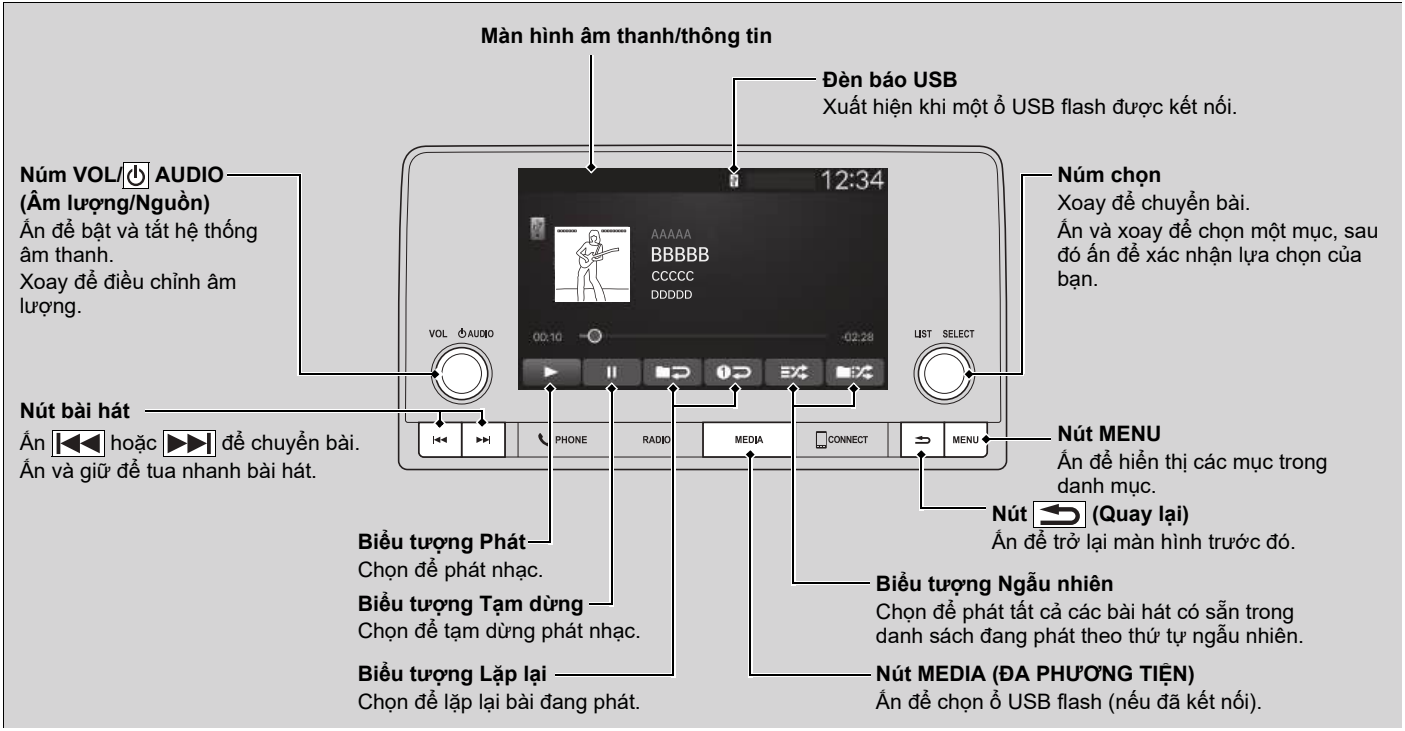

■ Cách chọn bài từ Danh sách tìm kiếm nhạc

1. Ấn ♨ để hiện thị danh sách thư mục.
2. Chọn danh mục tìm kiếm (ví dụ: Nhạc sỹ, Album, v.v.).
3. Tiếp tục lựa chọn cho đến khi bạn tìm thấy bài hát mình muốn.

■ Cách chọn Chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ phát lặp lại và ngẫu nhiên khi đang phát một bài hát.

■ Ngẫu nhiên/Lặp lại
Chọn biểu tượng phát ngẫu nhiên hoặc lặp lại.
Ngẫu nhiên
Ngẫu nhiên tất cả các bài: Phát tất cả các bài hát theo thứ tự ngẫu nhiên.
Ngẫu nhiên trong thư mục: Phát tất cả các bài hát trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.

Lặp lại
Lặp lại bài: Lặp lại bài đang phát.
Repeat folder: Lặp lại tất cả các bài hát trong thư mục đang phát.

Phát nhạc qua ổ USB flash

Sử dụng loại ổ USB flash khuyên dùng.
Thông tin chung về hệ thống âm thanh* Tr. 475

Không thể phát các tệp định dạng WMA được bảo vệ bằng quản lý bản quyền nội dung số (DRM). Hệ thống âm thanh sẽ hiển thị **Unplayable File** (Tệp không phát được), sau đó chuyển sang bài hát tiếp theo.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Phát nhạc trên Âm thanh*Bluetooth*®

Hệ thống âm thanh cho phép bạn nghe nhạc từ điện thoại tương thích *Bluetooth*. Chức năng này hoạt động khi điện thoại được ghép đôi và được kết nối với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.

Cài đặt điện thoại Tr. 293

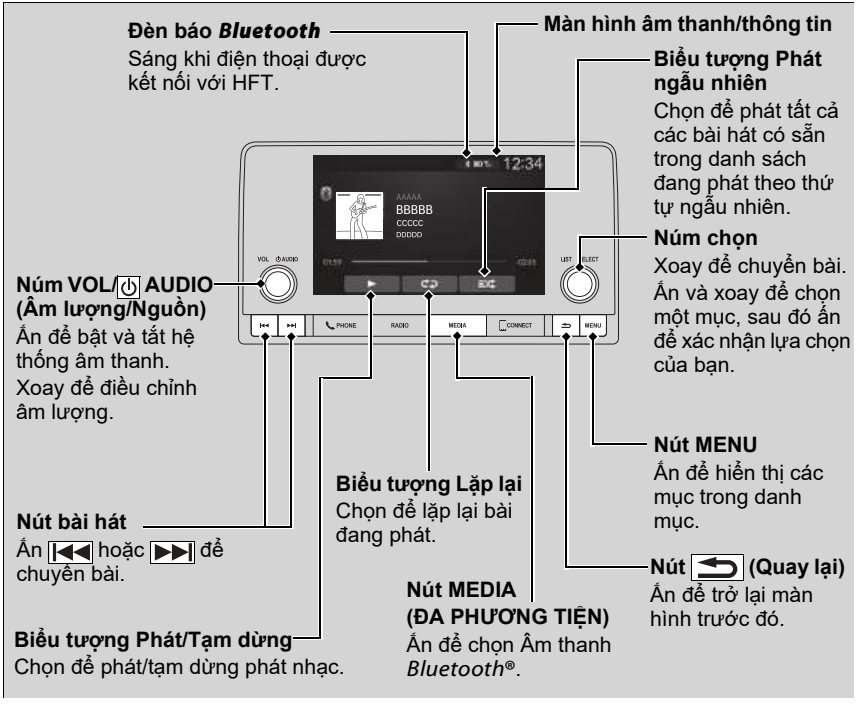

Phát nhạc trên Âm thanh*Bluetooth*®

Không phải tất cả các điện thoại có âm thanh *Bluetooth*đều tương thích với hệ thống.
Hãy liên hệ với đại lý để biết điện thoại của bạn có tương thích không.

Ở một số quốc gia, việc thực hiện một số chức năng của thiết bị dữ liệu khi lái xe có thể là phạm luật.

Tại một thời điểm, chỉ có thể kết nối một điện thoại với HFT. Khi ghép đôi nhiều điện thoại cùng lúc, hệ thống sẽ tự động kết nối với điện thoại được ưu tiên. Bạn có thể cài đặt ưu tiên điện thoại trong mục **Bluetooth Settings** (Cài đặt Bluetooth).

Danh mục HFT Tr. 291

Để thay đổi điện thoại đã tìm kiếm bằng tay, chọn **Go to Device List** (Chuyển đến danh sách thiết bị).

Trong một số trường hợp, tên nhạc sĩ, album hoặc bài hát có thể hiển thị không đúng.

Một vài chức năng có thể không có ở một số thiết bị nhất định.

Nếu điện thoại hiện tại đang được kết nối qua Apple CarPlay hoặc Android Auto thì Âm thanh*Bluetooth*® sẽ không phát được từ điện thoại đó. Tuy nhiên, điện thoại thứ hai đã từng ghép đôi có thể phát nhạc trên Âm thanh*Bluetooth*® bằng cách chọn **Audio** từ danh sách thiết bị *Bluetooth*® .

Cài đặt điện thoại Tr. 293

■ Để phát các tệp âm thanh *Bluetooth*®

1. Đảm bảo điện thoại của bạn đã được ghép đôi và kết nối với HFT.
2. Ấn nút **MEDIA** cho đến khi Nguồn âm thanh *Bluetooth*® được chọn.

Nếu không nhận diện được điện thoại, có khả năng hệ thống đã kết nối với một điện thoại khác tương thích với HFT mà không tương thích với Âm thanh *Bluetooth*®.

Để phát các tệp âm thanh *Bluetooth*®

Để phát các tệp âm thanh, bạn cần thực hiện một số thao tác trên điện thoại. Do vậy, hãy làm theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất điện thoại.

Nếu bất kỳ thiết bị âm thanh nào được kết nối với cổng sạc/kết nối USB, bạn cần ấn nút **MEDIA** liên tục để chọn hệ thống Âm thanh *Bluetooth*® .

Khi chuyển sang chế độ khác, bản nhạc đang phát trên điện thoại của bạn sẽ tạm dừng.

Kiểm tra cài đặt âm lượng của điện thoại nếu âm lượng quá to hoặc nhỏ.

■ Cách chọn bài từ danh sách tìm kiếm nhạc

1. Ấn ♨ để hiển thị danh sách tìm kiếm nhạc.
2. Chọn danh mục tìm kiếm (ví dụ: Album).
3. Chọn một mục.
▶ Chọn liên tục một mục cho đến khi mục bạn muốn nghe được hiển thị.

Cách chọn bài từ danh sách tìm kiếm nhạc

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® được kết nối, một số hoặc toàn bộ danh mục có thể không hiển thị.

Còn nữa

■ Cách chọn chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ lặp lại và trộn bài khi đang phát bài hát.

■ Trộn bài/Lặp lại

Liên tục chọn biểu tượng trộn bài hoặc lặp lại cho đến khi chọn được chế độ mong muốn.

Phát ngẫu nhiên

Tắt trộn bài: Tắt chế độ trộn bài.

Trộn album: Phát tất cả các album trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

Trộn tất cả bài hát: Phát tất cả các bài hát có trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

Lặp lại

Tắt lặp lại: Tắt chế độ lặp lại.

Lặp lại tất cả: Lặp lại tất cả bài hát.

Lặp lại bài hát: Lặp lại bài đang phát.

Cách chọn chế độ phát

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® mà bạn kết nối, một số hoặc tất cả chức năng có thể không hiển thị.

Siri Eyes Free

Bạn có thể nói chuyện với Siri bằng cách ấn nút (Nói) trên vô lăng khi điện thoại iPhone được ghép đôi với Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT).

Cài đặt điện thoại Tr. 293

Sử dụng Siri Eyes Free

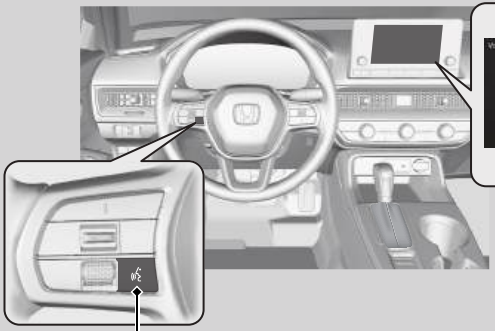

Xuất hiện khi Siri hoạt động ở chế độ Siri Eyes Free

Khi ở chế độ Siri Eyes Free:
Màn hình hiển thị không thay đổi.
Không có phản hồi hoặc lệnh xuất hiện.

Nút (Nói)
Ấn đến khi màn hình hiển thị thay đổi như trong hình.
Ấn và giữ để tắt chế độ Siri Eyes Free.

Siri Eyes Free

Kiểm tra trên trang web của Apple để biết thêm chi tiết về các tính năng có sẵn của ứng dụng Siri.

Bạn không nên sử dụng ứng dụng Siri trừ ứng dụng Siri Eyes Free khi lái xe.

Sử dụng Siri Eyes Free

Một số lệnh chỉ hoạt động trên các ứng dụng hoặc tính năng cụ thể của điện thoại.

Nhận dạng giọng nói trên Điện thoại thông minh

Bạn có thể sử dụng Ứng dụng nhận dạng giọng nói trên điện thoại thông minh bằng nút (Nói) trên vô lăng khi điện thoại Android được ghép đôi với Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT).

Cài đặt điện thoại Tr. 293

Sử dụng Ứng dụng nhận dạng giọng nói trên điện thoại thông minh



Nút (Nói)

Ấn để kích hoạt chế độ Nhận dạng giọng nói trên Điện thoại thông minh.

Ấn và giữ để ngắt kích hoạt chế độ Nhận dạng giọng nói trên Điện thoại thông minh.

Sử dụng Ứng dụng nhận dạng giọng nói trên điện thoại thông minh

Tùy thuộc vào điện thoại Android của bạn, bạn có thể cần thao tác trên điện thoại.

Một số lệnh chỉ hoạt động trên các ứng dụng hoặc tính năng cụ thể của điện thoại.

Apple CarPlay

Nếu bạn kết nối hệ thống với một điện thoại iPhone tương thích với ứng dụng Apple CarPlay qua cổng sạc/kết nối USB và ấn nút **CONNECT**, bạn có thể sử dụng ứng dụng Apple CarPlay trên màn hình âm thanh/thông tin.

Cổng USB Tr. 258

Danh mục Apple CarPlay

Để biết chi tiết về các ứng dụng khả dụng, vui lòng tham khảo trang web Apple CarPlay.

Các ứng dụng hiển thị trên màn hình có thể được thay đổi bằng iPhone của bạn. Chọn biểu tượng **Honda** trên màn hình menu Apple CarPlay để quay lại màn hình chính.

Apple CarPlay

Chúng tôi khuyến nghị bạn cập nhật iOS lên phiên bản mới nhất khi sử dụng Apple CarPlay.

Đỗ xe ở nơi an toàn trước khi kết nối iPhone với Apple CarPlay và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Khi kết nối iPhone với ứng dụng Apple CarPlay, không thể sử dụng Âm thanh Bluetooth® hoặc Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT). Bạn chỉ có thể thực hiện cuộc gọi hoặc nghe nhạc thông qua Apple CarPlay. Nếu bạn muốn gọi điện qua Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT), hãy tắt ứng dụng Apple CarPlay. Các điện thoại khác đã từng được ghép đôi có thể sử dụng âm thanh *Bluetooth*®.

Apple CarPlay và Android Auto không thể chạy cùng lúc.

Để biết chi tiết về các quốc gia và khu vực có sẵn Apple CarPlay, cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trang web của Apple.

Sau khi cài đặt Apple CarPlay, một số thông tin về người dùng và xe (ví dụ như: vị trí, tốc độ và trạng thái của xe) sẽ được truyền tới điện thoại iPhone để nâng cao trải nghiệm của người dùng khi sử dụng Apple CarPlay. Bạn cần phải chấp thuận để chia sẻ thông tin này trên màn hình âm thanh/thông tin.

Còn nữa

Apple CarPlay

Điều kiện và Giới hạn vận hành Apple CarPlay
Apple CarPlay yêu cầu điện thoại iPhone tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Có áp dụng cước phí theo các gói cước của nhà mạng.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác được tích hợp trong các chức năng do Apple CarPlay cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của Apple CarPlay. Honda khó có thể đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của Apple CarPlay.

Có thể sử dụng các ứng dụng bên thứ ba nếu tương thích với Apple CarPlay. Tham khảo trang web của Apple để biết thông tin về các ứng dụng tương thích.

■ Kết nối Apple CarPlay bằng cáp USB.

1. Kết nối iPhone với cổng sạc/kết nối USB bằng cáp USB.
Cổng USB Tr. 258
▶ Màn hình xác nhận sẽ hiển thị.
2. Chọn **Yes**.
▶ Nếu bạn không muốn kết nối Apple CarPlay, chọn **No**.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục cài đặt **Smartphone Settings**.

Apple CarPlay

Chỉ khởi tạo ứng dụng Apple CarPlay khi bạn đã đỗ xe an toàn.
Khi Apple CarPlay phát hiện điện thoại iPhone của bạn lần đầu, bạn sẽ cần thiết lập điện thoại iPhone của bạn. Hãy tham khảo hướng dẫn của điện thoại iPhone của bạn.

Hãy thực hiện quy trình sau để ngắt kết nối hoặc xóa các thiết bị đang kết nối với ứng dụng Apple CarPlay:
Ấn nút **MENU**
Chọn **Smartphone Settings** → **Apple CarPlay**
Chọn thiết bị

Sử dụng thông tin người dùng và thông tin xe
Việc sử dụng, xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại iPhone thông qua Apple CarPlay được quản lý bởi các điều khoản và điều kiện của hệ điều hành iOS và Chính sách bảo mật của Apple.

Còn nữa

■ Vận hành Apple CarPlay bằng Siri

Ấn nút (Nói) để kích hoạt Siri.
Ấn một lần nữa để hủy ứng dụng Siri.

Vận hành Apple CarPlay bằng Siri

Dưới dây là ví dụ về các câu hỏi và lệnh cho ứng dụng Siri.

- Hôm nay có những bộ phim nào đang phát?
- Gọi cho bố ở nơi làm việc.
- Tên bài hát này là gì?
- Thời tiết ngày mai như thế nào?
- Đọc email mới nhất của tôi.

Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy truy cập trang web *www.apple.com/ios/siri*.

Android Auto™

Nếu bạn kết nối hệ thống âm thanh với một điện thoại Android™ qua cổng sạc/kết nối USB và ấn nút **CONNECT**, bạn có thể sử dụng ứng dụng Android Auto trên màn hình âm thanh/thông tin.
Hãy đỗ xe ở nơi an toàn để xem tất cả các hướng dẫn này trước khi sử dụng Android Auto.

➔ **Cổng USB** Tr. 258

CHÚ Ý:
Ứng dụng Android Auto có thể không có sẵn ở quốc gia hoặc khu vực của bạn. Để biết chi tiết về Android Auto, hãy tham khảo trung tâm hỗ trợ Android Auto.

Android Auto™

Khi sử dụng Android Auto, bạn nên dùng phiên bản Android OS cập nhật mới nhất.
Không thể sử dụng *Bluetooth* A2DP khi điện thoại của bạn đang kết nối với Android Auto.

Đỗ xe ở nơi an toàn trước khi kết nối điện thoại Android với Android Auto và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Khi điện thoại Android được kết nối với Android Auto, không thể sử dụng Âm thanh *Bluetooth*®. Tuy nhiên, các điện thoại khác đã từng được ghép đôi vẫn có thể phát nhạc trên *Bluetooth*® khi kết nối với ứng dụng Android Auto.

➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 293

Apple CarPlay và Android Auto không thể chạy cùng lúc.

Android và Android Auto là thương hiệu của Google LLC.

Còn nữa

■ Danh mục Android Auto

Để biết chi tiết về các ứng dụng khả dụng, vui lòng tham khảo trung tâm hỗ trợ Android Auto.
Các ứng dụng hiển thị trên màn hình có thể được thay đổi bằng điện thoại thông minh của bạn.
Chọn biểu tượng **Honda** trên màn hình menu Android Auto để quay lại màn hình chính.

Android Auto™

Để biết chi tiết về các quốc gia và khu vực có sẵn Android Auto, cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trung tâm hỗ trợ Android Auto.

Điều kiện và giới hạn vận hành Android Auto
Ứng dụng Android Auto yêu cầu điện thoại Android tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Có áp dụng cước phí theo các gói cước của nhà mạng.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác tích hợp trong các chức năng do Android Auto cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của Android Auto. Honda không thể và không đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của Android Auto.

Có thể sử dụng các ứng dụng bên thứ ba nếu tương thích với Android Auto. Tham khảo trung tâm hỗ trợ Android Auto để biết thông tin về các ứng dụng tương thích.

■ Kết nối Android Auto bằng cáp USB.

1. Kết nối điện thoại Android với cổng sạc/kết nối USB bằng cáp USB.
Cổng USB Tr. 258
▶ Màn hình xác nhận sẽ hiển thị.
2. Chọn **Yes**.
▶ Nếu bạn không muốn kết nối ứng dụng Android Auto, chọn **No**.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục cài đặt **Smartphone Settings**.

Kết nối Android Auto bằng cáp USB.

Chỉ khởi tạo ứng dụng Android Auto khi bạn đã đỗ xe an toàn. Bạn cần cài đặt điện thoại khi kết nối điện thoại lần đầu với Android Auto để tự động ghép đôi. Hãy tham khảo hướng dẫn của điện thoại của bạn.

Bạn có thể sử dụng cách dưới đây để thay đổi các cài đặt của Android Auto sau khi hoàn thành thiết lập ban đầu:
Ấn nút **MENU** →
Chọn **Smartphone Settings** → **Android Auto** → Chọn thiết bị

Sử dụng thông tin người dùng và thông tin xe
Việc sử dụng, xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại của bạn thông qua Android Auto được quản lý bởi Chính sách bảo mật của Google.

Còn nữa

■ Vận hành Android Auto bằng nhận dạng giọng nói

Ấn nút (nói) để vận hành Android Auto bằng giọng nói.
Nhấn lại để tắt nhận dạng giọng nói.

Vận hành Android Auto bằng nhận dạng giọng nói

Dưới dây là ví dụ về các lệnh đối với hệ thống nhận dạng giọng nói:

- Trả lời tin nhắn.
- Gọi cho vợ tôi.
- Định vị tới Honda.
- Phát nhạc của tôi.
- Gửi tin nhắn cho vợ tôi.
- Gọi cho cửa hàng hoa.

Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trung tâm hỗ trợ Android Auto.

Tính năng tùy chỉnh

Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để tùy chọn một số tính năng cụ thể.

■ Cách tùy chỉnh các cài đặt chung

Khi xe dừng hẳn với chế độ nguồn ở BẬT, ấn nút **MENU** . Để tùy chỉnh cài đặt điện thoại, ấn nút **PHONE** sau đó chọn **Settings**.

Tính năng tùy chỉnh

Khi bạn tùy chỉnh các cài đặt:
- Đảm bảo xe đã dừng hẳn.
- Sang số P.

Còn nữa

■ **Danh sách tùy chọn**

Ấn nút **MENU**.

Tính năng tùy chỉnh		Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Sound Settings	**Bass / Treble** **Balance / Fader** **Speed Volume Compensation**	Điều chỉnh cài đặt âm thanh của loa hệ thống âm thanh. ➲ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 262	—
Bluetooth Settings	**Connect New Device**	Ghép đôi điện thoại mới với HFT. ➲ **Cài đặt điện thoại** Tr. 293	—
	Change Device	Kết nối điện thoại đã ghép đôi. ➲ **Cài đặt điện thoại** Tr. 293	—
	Priority Device	Cài đặt làm thiết bị ưu tiên.	**ON**/**OFF**(BẬT/TẮT)
	Disconnect All Devices (**Disconnect All Device**)	Ngắt kết nối điện thoại đã ghép đôi với HFT.	—
	Delete Device	Xóa điện thoại đã ghép đôi.	—
Clock Settings	**Automatic Time**	Chọn **ON** để GPS tự động điều chỉnh đồng hồ. Chọn **OFF** để hủy chức năng này.	**ON**/**OFF**(BẬT/TẮT)
	Daylight Saving Time	Cài đặt đồng hồ cập nhật theo giờ tiết kiệm ánh sáng ban ngày.	**ON**/**OFF**(BẬT/TẮT)
	Cài đặt giờ	Điều chỉnh thời gian. ➲ **Điều chỉnh đồng hồ** Tr. 174	—
	Time Zone	Thay đổi múi giờ bằng tay.	
Smartphone Settings	**Apple CarPlay**	Cài đặt kết nối Apple CarPlay.	—
	Android Auto	Cài đặt kết nối Android Auto.	

Tính năng tùy chỉnh		Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Display Adjustment	**Brightness**	Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/ thông tin.	—
	Contrast	Thay đổi độ tương phản của màn hình âm thanh/thông tin.	
	Độ tối	Thay đổi độ tối của màn hình âm thanh/ thông tin.	
	Day	Thay đổi chế độ ngày sang đêm và ngược lại, và thay đổi chế độ tắt màn hình.	
	Night		
	TẮT màn hình		
Touch Panel Sensitivity		Cài đặt độ nhạy của màn hình bảng điều khiển cảm ứng.	**Normal**/**High** (Bình thường/Cao)
Rear Camera Settings (Cài đặt Camera sau)	**Dẫn hướng cố định**	Hiển thị dẫn hướng không di chuyển theo vô lăng. ➔ **Multi-View Rear Camera*** Tr. 620	**ON**/**OFF** (BẬT/TẮT)
	Dẫn hướng động	Hiển thị dẫn hướng di chuyển theo vô lăng. ➔ **Multi-View Rear Camera*** Tr. 620	**ON**/**OFF** (BẬT/TẮT)
Language		Thay đổi ngôn ngữ hiển thị.	**English**/**Español**/**Français**
Licence (**Giấy phép**)		Hiển thị thông tin pháp lý.	—
Factory Data Reset		Đặt lại tất cả các cài đặt về mặc định gốc. ➔ **Mặc định tất cả các cài đặt** Tr. 287	—

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Ấn nút **PHONE** và chọn **Settings**.

Tính năng tùy chỉnh		Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Bluetooth Settings	**Connect New Device**	Ghép đôi điện thoại mới với HFT. ➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 293	—
	Change Device	Kết nối điện thoại đã ghép đôi. ➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 293	—
	Priority Device	Cài đặt làm thiết bị ưu tiên.	**ON**/**OFF**(BẬT/TẮT)
	Disconnect All Devices (**Disconnect All Device**)	Ngắt kết nối điện thoại đã ghép đôi với HFT.	—
	Delete Device	Xóa điện thoại đã ghép đôi.	—
Ringtone		Chọn nhạc chuông.	**Phone**/**Vehicle** (Điện thoại/ Thiết bị)
Auto Phone Call Transfer		Cài đặt chuyển cuộc gọi tự động từ điện thoại sang HFT khi bạn vào xe.	**ON**/**OFF**(BẬT/TẮT)
System Clear (**Hands-Free System Clear**)		Đặt lại tất cả các mục tùy chỉnh trong nhóm Cài đặt Điện thoại làm mặc định.	—

Mặc định tất cả các cài đặt

Đặt lại tất cả các danh mục và cài đặt tùy chỉnh về các thiết lập mặc định của nhà sản xuất.

1. Ấn nút **MENU**.

2. Chọn **Factory Data Reset**.

▶ Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình.

3. Chọn **Yes**.

4. Chọn **Yes** lần nữa để cài đặt lại.

▶ Hệ thống sẽ khởi động lại.

Mặc định tất cả các cài đặt

Khi bạn chuyển giao xe cho bên thứ ba, hãy đặt lại tất cả các thiết lập về mặc định và xóa toàn bộ dữ liệu cá nhân.

Nếu bạn thực hiện **Factory Data Reset (Khôi phục dữ liệu gốc)**, các ứng dụng được cài đặt từ trước sẽ quay về mặc định gốc.

Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)

Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT) cho phép bạn gọi điện và nghe điện thoại bằng cách sử dụng hệ thống âm thanh của xe, mà không cần cầm điện thoại.

Sử dụng HFT

■ Nút HFT

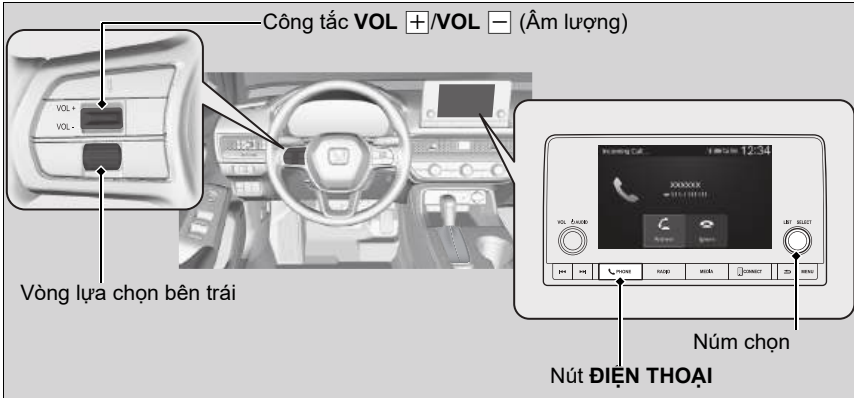

Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)

Để điện thoại của bạn ở nơi có thể thu sóng tốt.

Để sử dụng HFT, bạn cần có điện thoại tương thích Bluetooth. Để biết danh sách điện thoại tương thích, quy trình ghép đôi, và các tính năng đặc biệt, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại lý Honda ở địa phương bạn.

Các lưu ý khi điều khiển bằng giọng nói

- Không hướng cửa thông gió lên phía trần xe và phải đóng các cửa kính lại, vì tiếng ồn từ các cửa thông gió này có thể làm nhiễu micro.
- Nếu micro nhận được giọng nói của người khác, lệnh thoại có thể bị hiểu sai.

Có thể lưu tới 20 liên hệ yêu thích. Nếu trong hệ thống vẫn chưa có số điện thoại nào, một thông báo bật lên sẽ xuất hiện trên màn hình.

Liên hệ yêu thích Tr. 298

Có thể lưu được 20 cuộc gọi vào lịch sử cuộc gọi. Nếu không thấy có cuộc gọi nào trong lịch sử cuộc gọi, Lịch sử cuộc gọi đã bị vô hiệu hoá.

Vòng lựa chọn bên trái: Khi có cuộc gọi đến, màn hình cuộc gọi đến hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để nhận cuộc gọi.

Nhận cuộc gọi Tr. 301

Nút PHONE: Ấn để vào màn hình **Phone**.

Núm chọn: Xoay để chọn một mục trên màn hình rồi ấn .

Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)

Công nghệ *Bluetooth*® không dây
Nhãn và logo *Bluetooth*® đã được đăng ký thương hiệu do tập đoàn *Bluetooth* SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Honda Motor Co. đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Hạn chế của HFT
Cuộc gọi đến trên HFT sẽ làm gián đoạn hoạt động của hệ thống âm thanh khi đang phát. Hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động khi cuộc gọi kết thúc.

Còn nữa

■ Màn hình trạng thái HFT

Màn hình âm thanh/thông tin sẽ thông báo cho bạn khi có cuộc gọi đến.



■ Hạn chế khi vận hành bằng tay

Một số chức năng vận hành bằng tay bị vô hiệu hoá hoặc không hoạt động khi xe đang chạy. Bạn không thể chọn mục mờ màu xám cho đến khi xe dừng.

Màn hình trạng thái HFT

Thông tin xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại điện thoại.

Danh mục HFT

Chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT để sử dụng hệ thống.

Danh mục HFT

Để sử dụng HFT, bạn phải ghép đôi điện thoại di động tương thích *Bluetooth* với hệ thống khi đang đỗ xe.

Một số chức năng sẽ bị hạn chế khi đang lái xe. Thông báo xuất hiện trên màn hình khi xe đang chạy và hoạt động bị hủy.

Nút PHONE

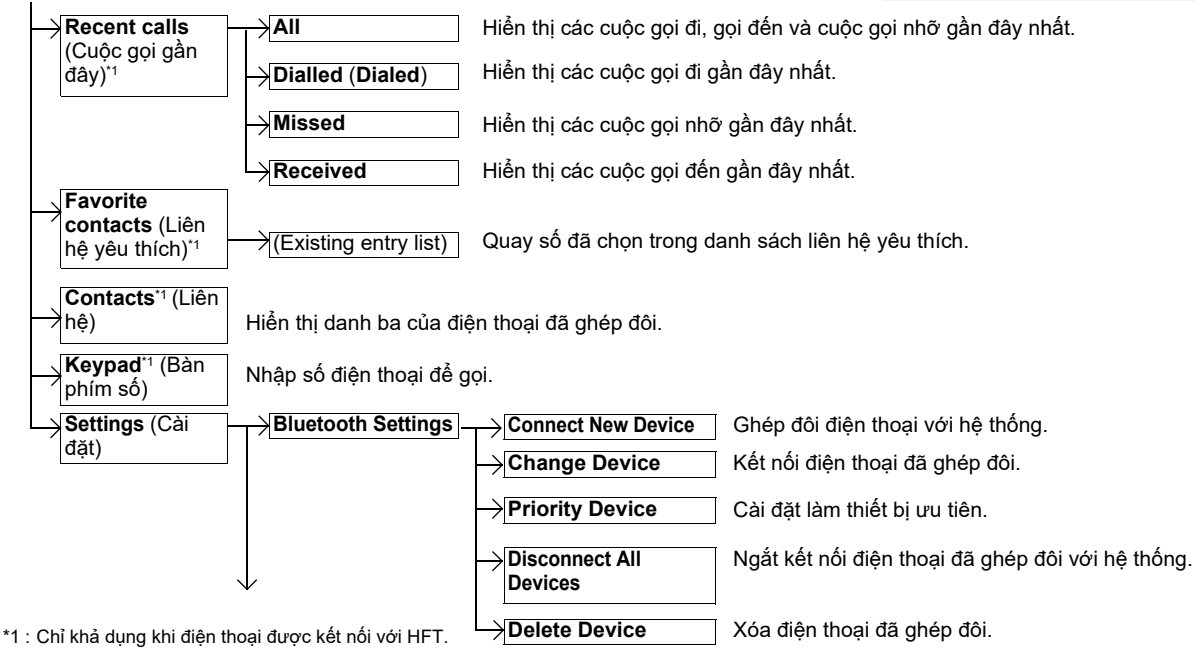

*1 : Chỉ khả dụng khi điện thoại được kết nối với HFT.

Còn nữa

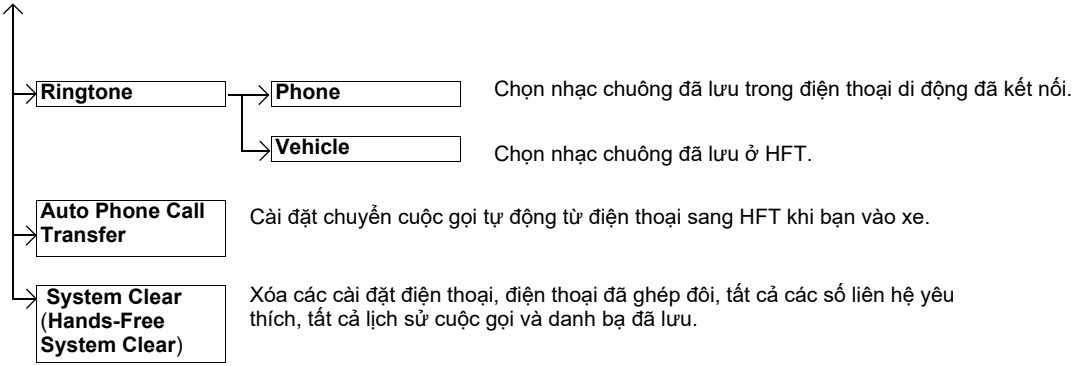
Ringtone
Phone
Chọn nhạc chuông đã lưu trong điện thoại di động đã kết nối.
Vehicle
Chọn nhạc chuông đã lưu ở HFT.
Auto Phone Call Transfer
Cài đặt chuyển cuộc gọi tự động từ điện thoại sang HFT khi bạn vào xe.
System Clear (Hands-Free System Clear)
Xóa các cài đặt điện thoại, điện thoại đã ghép đôi, tất cả các số liên hệ yêu thích, tất cả lịch sử cuộc gọi và danh bạ đã lưu.

■ Cài đặt điện thoại

■ Để ghép đôi điện thoại di động (Chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)

1. Ấn nút **PHONE**.
2. Đảm bảo điện thoại đang ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy.
3. Chọn **Yes**.
▶ Hệ thống âm thanh sẽ vào chế độ chờ ghép đôi.
4. Chọn **Honda HFT** từ điện thoại.
▶ Nếu bạn muốn ghép đôi điện thoại từ hệ thống âm thanh, chọn **Search from car** và thực hiện theo lời nhắc.
Khi điện thoại xuất hiện trên danh sách, bấm chọn.
5. Hệ thống gửi cho bạn mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin.
▶ Xác nhận nếu mã ghép đôi trên màn hình và mã trên điện thoại của bạn khớp nhau.
Điều này có thể khác nhau tùy theo điện thoại.
6. Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu ghép đôi thành công.

Cài đặt điện thoại

Cần ghép đôi điện thoại tương thích *Bluetooth* với HFT trước khi gọi hoặc nhận các cuộc gọi rảnh tay.

Lưu ý khi ghép đôi điện thoại:
- Không thể ghép đôi điện thoại khi xe đang chạy.
- Có thể ghép đôi tối đa sáu điện thoại.
- Pin điện thoại có thể hết nhanh hơn khi ghép đôi với HFT.
- Nếu điện thoại không sẵn sàng ghép đôi hoặc hệ thống không tìm thấy điện thoại trong vòng 3 phút, hệ thống sẽ ngừng và trở về màn hình **Bluetooth Settings**.

Sau khi ghép đôi điện thoại thành công, bạn có thể thấy một hoặc hai biểu tượng sau xuất hiện ở góc bên phải màn hình.
Những biểu tượng này có ý nghĩa như sau:
: Điện thoại tương thích với Âm thanh *Bluetooth*®.
: Có thể sử dụng điện thoại ở chế độ HFT.

Khi ghép đôi điện thoại từ hệ thống âm thanh:
Nếu điện thoại của bạn không xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin, chọn **Search from phone** và dùng điện thoại của bạn tìm kiếm các thiết bị *Bluetooth*® . Chọn **Honda HFT** từ điện thoại của bạn.

Còn nữa

■ Để ghép đôi điện thoại di động (khi đã có một điện thoại được ghép đôi với hệ thống)

1. Ấn nút **PHONE**.
▶ Nếu lời nhắc xuất hiện yêu cầu kết nối với điện thoại, chọn **No** và tiếp tục với bước 2.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Bluetooth Settings**.
4. Chọn **Connect New Device**.
▶ Hệ thống âm thanh sẽ vào chế độ chờ ghép đôi.
5. Đảm bảo điện thoại đang ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy.
6. Chọn **Honda HFT** từ điện thoại.
▶ Nếu bạn muốn ghép đôi điện thoại từ hệ thống âm thanh, chọn **Search from car** và thực hiện theo lời nhắc.
Khi điện thoại xuất hiện trên danh sách, bấm chọn.
7. Hệ thống gửi cho bạn mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin.
▶ Xác nhận nếu mã ghép đôi trên màn hình và mã trên điện thoại của bạn khớp nhau.
Điều này có thể khác nhau tùy theo điện thoại.
8. Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu ghép đôi thành công.
▶ Bạn có thể ưu tiên thiết bị Bluetooth® cùng lúc. Chọnt **Yes** nếu bạn muốn ưu tiên thiết bị.

■ Để thay đổi điện thoại đang ghép đôi

1. Ấn nút **PHONE**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Bluetooth Settings**.
4. Chọn **Change Device**.
▶ Màn hình chuyển sang danh sách thiết bị.
5. Chọn tên thiết bị mong muốn.
6. Chọn **Both**, **Audio**, hoặc **Phone**.
▶ Khi thiết bị khác được kết nối với Android Auto và bạn chọn **Both** hoặc **Phone**, thông báo xác nhận sẽ xuất hiện. Chọn **Continue**.
▶ HFT ngắt kết nối với điện thoại đã kết nối và bắt đầu tìm kiếm điện thoại đã ghép đôi khác.

■ Để xóa điện thoại đã ghép đôi

1. Ấn nút **PHONE**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Bluetooth Settings**.
4. Chọn **Delete Device**.
▶ Màn hình chuyển sang danh sách thiết bị.
5. Chọn điện thoại bạn muốn xóa.
6. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.
▶ Khi thiết bị khác được kết nối với Android Auto, thông báo xác nhận sẽ xuất hiện. Chọn **Yes**.

Còn nữa

■ Tự động chuyển cuộc gọi

Nếu ghép đôi điện thoại với hệ thống thành công khi bạn đang nghe điện thoại, cuộc gọi đó sẽ tự động chuyển sang HFT.

1. Ấn nút **PHONE**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Auto Phone Call Transfer**.
4. Chọn **ON** hoặc **OFF**.

■ Nhạc chuông

Bạn có thể thay đổi cài đặt nhạc chuông.

1. Ấn nút **PHONE**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Ringtone**.
4. Chọn **Phone** hoặc **Vehicle**.

Nhạc chuông

Phone: Tùy thuộc vào hãng sản xuất và loại điện thoại di động, nhạc chuông được lưu trong điện thoại sẽ phát ra nếu điện thoại được kết nối.
Vehicle: Nhạc chuông được cài sẵn phát ra từ loa.

■ Để xóa hệ thống

Các dữ liệu cài đặt điện thoại, điện thoại đã ghép đôi, tất cả các số liên hệ yêu thích, tất cả lịch sử cuộc gọi và danh bạ đã lưu đều bị xóa.

1. Ấn nút **PHONE**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **System Clear** (**Hands-Free System Clear**).
4. Chọn **Yes**.
5. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.
6. Thông báo xuất hiện trên màn hình. Chọn **OK**.

■ Tự động lưu danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi

Sau khi ghép đôi điện thoại, tất cả các số liên lạc trong danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi sẽ tự động lưu vào HFT.

Tự động lưu danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi

Khi bạn chọn một liên hệ trong danh bạ điện thoại, màn hình sẽ xuất hiện 5 nhóm biểu tượng. Các biểu tượng này biểu thị kiểu lưu cho số điện đó.



Ở một số điện thoại, có thể không lưu được các biểu tượng vào HFT.

Danh bạ được cập nhật sau mỗi lần kết nối. Lịch sử cuộc gọi được cập nhật sau mỗi lần kết nối.

Còn nữa

■ Liên hệ yêu thích

Màn hình cuộc gọi gần đây

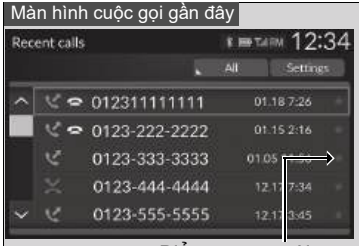

Biểu tượng ngôi sao

Màn hình liên hệ

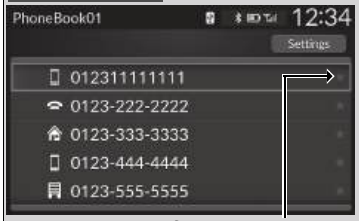

Biểu tượng ngôi sao

■ Để thêm liên hệ yêu thích

1. Ấn nút **PHONE**.

2. Chọn **Recent calls** (**Recent Calls**), **Contacts**, hoặc **Keypad**.

Trên màn hình Cuộc gọi gần đây hoặc màn hình Liên hệ

3. Chọn biểu tượng ngôi sao.

Trên màn hình Bàn phím

3. Chọn **Favorite contacts** (**Add to Favorites**).

▶ Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình nếu liên hệ yêu thích được lưu thành công.

▶ Để xóa liên hệ yêu thích, chọn biểu tượng ngôi sao một lần nữa.

■ Để xóa liên hệ yêu thích

1. Ấn nút **PHONE**.

2. Chọn **Favorite contacts** (**Liên hệ yêu thích**).

3. Chọn biểu tượng ngôi sao.

4. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.

■ Tạo cuộc gọi

Tạo cuộc gọi bằng cách nhập số điện thoại bất kỳ hoặc chọn số điện thoại từ **Recent calls** (Cuộc gọi gần đây), **Favourite contacts** (Liên hệ yêu thích), và **Contacts** (Danh bạ) đã lưu.

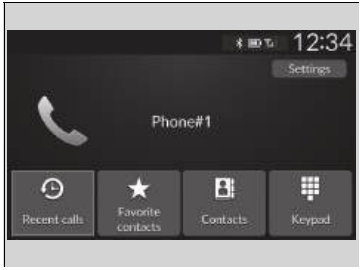

■ Để tạo cuộc gọi từ danh bạ đã lưu

Sau khi ghép đôi điện thoại, tất cả các số liên lạc trong danh bạ điện thoại sẽ tự động lưu vào HFT.

1. Ấn nút **PHONE**.

2. Chọn **Contacts**.

3. Danh bạ điện thoại được lưu theo thứ tự trong bảng chữ cái.
Chọn một tên.

4. Chọn số điện thoại.
▶ Chức năng quay số sẽ tự động bắt đầu.

»Tạo cuộc gọi

Khi cuộc gọi được kết nối, bạn sẽ nghe thấy giọng của người nhận cuộc gọi qua loa âm thanh.

Còn nữa

■ Để tạo cuộc gọi bằng số điện thoại

1. Ấn nút **PHONE**.
2. Chọn **Keypad**.
3. Chọn số điện thoại.
4. Chọn **Call**.
▶ Chức năng quay số sẽ tự động bắt đầu.

■ Để tạo cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi

Lịch sử cuộc gọi được lưu theo **All**, **Dialled** (**Dialed**), **Missed**, hoặc **Received**.

1. Ấn nút **PHONE**.
2. Chọn **Recent calls** (**Cuộc gọi gần đây**).
▶ Bạn có thể sắp xếp theo **All**, **Dialled** (**Dialed**), **Missed**, hoặc **Received**. Chọn biểu tượng ở phía trên bên phải màn hình.
3. Chọn số điện thoại.
▶ Chức năng quay số sẽ tự động bắt đầu.

■ Để tạo cuộc gọi từ liên hệ yêu thích

1. Ấn nút **PHONE**.
2. Chọn **Favorite contacts** (**Liên hệ yêu thích**).
3. Chọn số điện thoại.
▶ Chức năng quay số sẽ tự động bắt đầu.

Để tạo cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi

Lịch sử cuộc gọi chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với HFT và hiển thị 20 cuộc gọi đi, gọi đến, hoặc gọi nhỡ gần đây nhất.

Nhận cuộc gọi



Khi có cuộc gọi đến, âm thanh thông báo phát ra và màn hình cuộc gọi đến **Incoming Call...** xuất hiện.

Bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để trả lời cuộc gọi.
Để nhận cuộc gọi, cuộn màn hình giao diện thông tin cho người lái lên hoặc xuống để chọn **Answer**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

▶ Nếu bạn muốn từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi, sử dụng vòng lựa chọn bên trái để chọn **Ignore** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Nhận cuộc gọi

Cuộc gọi chờ
Chọn **Answer** bằng vòng lựa chọn bên trái để giữ cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đến.
Chọn **Swap calls** bằng vòng lựa chọn bên trái để trở lại cuộc gọi hiện tại.
Chọn **Ignore** bằng vòng lựa chọn bên trái để bỏ qua cuộc gọi đến nếu bạn không muốn trả lời cuộc gọi đó.
Chọn **Hang up** bằng vòng lựa chọn bên trái nếu bạn muốn kết thúc cuộc gọi hiện tại.

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin thay vì các biểu tượng trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Còn nữa

■ Tùy chọn khi đang gọi

Có các tùy chọn sau khi đang gọi:
Swap Calls: Giữ cuộc gọi hiện tại để trả lời cuộc gọi đến.
Mute: Tắt tiếng của bạn.
Sử dụng thiết bị cầm tay: Chuyển cuộc gọi từ HFT sang điện thoại của bạn.
Bàn phím: Gửi số điện thoại trong khi gọi. Tính năng này rất hữu ích khi bạn gọi điện thoại dưới dạng danh mục.

Các tùy chọn nằm ở phía dưới màn hình.

Chọn tùy chọn.
▶ Biểu tượng tắt tiếng xuất hiện khi chọn **Mute**. Chọn **Mute** thêm lần nữa để bật tiếng.

Tùy chọn khi đang gọi

Keypad: Có ở một số điện thoại.

Khởi động

Màn hình giải trí sẽ tự động khởi động khi bạn đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT. Khi khởi động, màn hình tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sẽ được hiển thị.

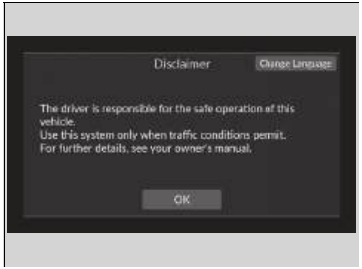

Chọn **OK**.

▶ Nếu chưa thiết bị nào được đăng ký, chọn **OK** và màn hình ghép đôi Bluetooth® sẽ xuất hiện.



■ **Để ghép đôi điện thoại di động (chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)**

1. Đảm bảo điện thoại đang ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy.

2. Chọn **Honda HFT** từ điện thoại.

▶ Nếu bạn muốn ghép đôi điện thoại từ Màn hình giải trí, chọn **Search for Devices**, sau đó chọn điện thoại của bạn khi điện thoại xuất hiện trong danh sách trên màn hình.

▶ Nếu bạn chọn **Do not show this again**, màn hình này sẽ không xuất hiện.

Vận hành cơ bản

■ Chức năng hệ thống âm thanh

Để sử dụng chức năng hệ thống âm thanh, chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.



❶ **Tất cả các ứng dụng**
❷ Biểu tượng trạng thái
❸ Biểu tượng truy cập ứng dụng nhanh
❹ Mũi tên
❺ Nút HOME (Màn hình chính)
❻ Nút BACK (Quay lại)
❼ Núm **VOL**/ ⏻ **AUDIO** (Âm lượng/Nguồn)
❽ Nút ⏮ / ⏭ (Tìm kiếm/Chuyển bài)
❾ Biểu tượng công tắc chuyển chế độ
❿ Biểu tượng **Chế độ hiển thị** ☀ ☽

Chức năng hệ thống âm thanh

Màn hình này biểu thị cho loại xe có vô lăng bên phải. Đối với loại xe có vô lăng bên trái, các chức năng này nằm ở vị trí đối xứng với loại xe có vô lăng bên phải.

Tất cả ứng dụng: Hiển thị tất cả các ứng dụng.
Biểu tượng trạng thái: Hiển thị các chỉ báo thông tin về xe, điện thoại được kết nối, v.v. ở vùng tiêu đề.
Biểu tượng truy cập ứng dụng nhanh: Hiển thị các biểu tượng truy cập ứng dụng nhanh.
Mũi tên: Hiển thị các trang tiếp theo trên màn hình âm thanh/thông tin.
Nút HOME (Màn hình chính): Ấn để chuyển sang màn hình chính.
Nút BACK (Quay lại): Ấn để trở lại màn hình trước đó.
Núm **VOL**/ **AUDIO (Âm lượng/Nguồn)**: Bật và tắt hệ thống âm thanh và điều chỉnh âm lượng.
Nút ◀◀ / ▶▶ (Tìm kiếm/Chuyển bài): Ấn để chuyển kênh, bài hát hoặc tệp.
Biểu tượng công tắc chuyển chế độ: Hiển thị các biểu tượng để thay đổi chế độ.
Chế độ hiển thị Biểu tượng: Thay đổi độ sáng màn hình âm thanh/thông tin. Chọn một lần và chọn hoặc để điều chỉnh. Mỗi lần chọn *1, chế độ chuyển từ Ban Ngày sang Ban Đêm và ngược lại.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

Còn nữa

■ Điều khiển âm thanh từ xa

Loại xe có đồng hồ đo loại A

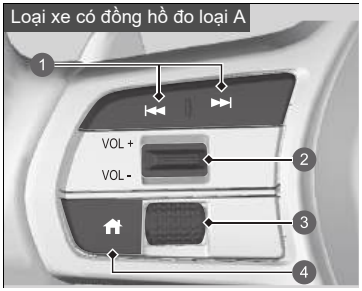

Giúp bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh khi đang lái xe. Thông tin sẽ hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

❶ Nút |◄◄| / |►►| (Tìm kiếm/Bỏ qua)
❷ Công tắc **VOL** [+]/**VOL** [−] (Âm lượng)
❸ Vòng lựa chọn bên trái
❹ Nút [⌂] (Màn hình chính)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

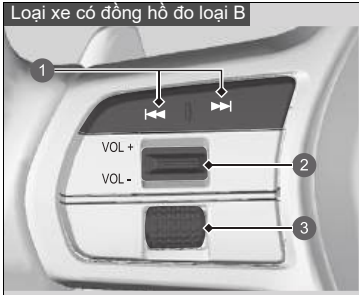

❶ Nút |◄◄| / |►►| (Tìm kiếm/Bỏ qua)
❷ Công tắc **VOL** [+]/**VOL** [−] (Âm lượng)
❸ Vòng lựa chọn bên trái

Điều khiển âm thanh từ xa

Một số chế độ chỉ xuất hiện khi sử dụng thiết bị hoặc phương tiện phù hợp.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Ấn nút [⌂] (màn hình chính) để trở lại màn hình chính của màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Công tắc VOL ⊕/VOL ⊖ (Âm lượng)
Gạt lên: Để tăng âm lượng.
Gạt xuống: Để giảm âm lượng.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Vòng lựa chọn bên trái

- Khi chọn chế độ âm thanh

Ấn nút (màn hình chính), sau đó cuộn lên hoặc cuộn xuống để chọn **Audio** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

Cuộn lên hoặc cuộn xuống:
Để chuyển đổi giữa các chế độ âm thanh, hãy cuộn lên hoặc cuộn xuống rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Vòng lựa chọn bên trái
Cuộn lên hoặc cuộn xuống:
Để chuyển đổi giữa các chế độ âm thanh, hãy cuộn lên hoặc cuộn xuống rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.

Còn nữa

Nút |◀◀/▶▶| (Tìm kiếm/Bỏ qua)

- Khi nghe đài radio
  Ấn |▶▶|: Để chọn đài phát thanh cài đặt sẵn tiếp theo.
  Ấn |◀◀|: Để chọn lại đài phát thanh cài đặt sẵn trước đó.
  Ấn và giữ |▶▶|: Để chọn kênh có tần số mạnh tiếp theo.
  Ấn và giữ |◀◀|: Để chọn kênh có tần số mạnh trước đó.
- Khi nghe nhạc qua kết nối có dây, ổ USB flash, Âm thanh *Bluetooth*® hoặc Kết nối điện thoại thông minh
  ▶ Tùy vào thiết bị được kết nối, các thao tác có thể thay đổi.
  Ấn |▶▶|: Để bỏ qua sang bài tiếp theo.
  Ấn |◀◀|: Để trở lại bài hát trước đó.
- Khi nghe trên ổ USB flash
  Ấn và giữ |▶▶|: Để chuyển sang thư mục tiếp theo.
  Ấn và giữ |◀◀|: Để trở lại thư mục trước đó.

Màn hình âm thanh/thông tin

Hiển thị trạng thái âm thanh và đồng hồ. Từ màn hình này, bạn có thể chuyển sang các tùy chọn cài đặt khác nhau.



Màn hình âm thanh/thông tin

Thao tác trên màn hình cảm ứng

- Thực hiện các thao tác đơn giản bao gồm chạm, vuốt và cuộn để sử dụng một số chức năng của hệ thống âm thanh.
- Một số mục có thể chuyển sang màu xám để bạn tập trung hơn vào việc lái xe.
- Bạn có thể chọn các mục đó khi dừng xe.
- Đeo găng tay có thể hạn chế hoặc làm giảm độ nhạy của màn hình cảm ứng.

Bạn có thể thay đổi cài đặt độ nhạy màn hình cảm ứng.

Tính năng tùy chỉnh Tr. 351

Còn nữa

■ Chức năng truy cập ứng dụng nhanh

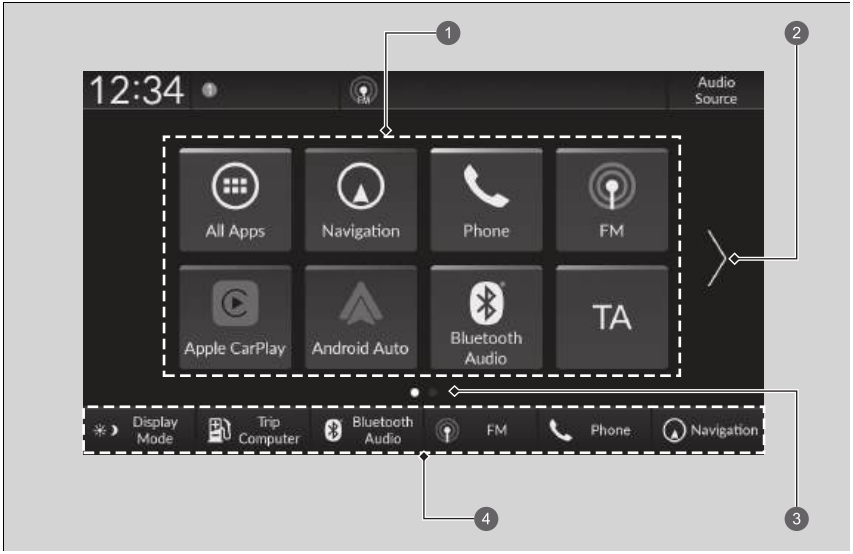

❶ Biểu tượng truy cập ứng dụng nhanh
❷ Mũi tên
❸ Đèn báo trang
❹ Công tắc chuyển chế độ

■ Để chuyển sang màn hình tiếp theo

Chọn < hoặc >, hoặc vuốt màn hình sang trái hoặc phải để chuyển sang màn hình tiếp theo.

Chức năng truy cập ứng dụng nhanh

Có thể thêm 6 trang vào màn hình chính.

Ấn nút HOME để quay trở lại trang đầu tiên của màn hình chính từ trang bất kỳ.

■ Để thêm/xóa các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính

Có thể thêm hoặc xóa các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính.



1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.
3. Chọn một ứng dụng và tích hoặc bỏ tích ứng dụng đó.

Để thêm/xóa các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính

Ứng dụng sẽ không bị xóa bằng cách xóa biểu tượng trên màn hình chính.

Còn nữa

■ Để di chuyển các biểu tượng trên màn hình chính

Bạn có thể thay đổi vị trí biểu tượng trên màn hình chính.



1. Ấn nút HOME.
2. Chọn và giữ biểu tượng.
   ▶ Màn hình chuyển sang màn hình tùy chỉnh.
3. Kéo và thả biểu tượng đến vị trí mong muốn.
4. Chọn **Done**.
   ▶ Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

Để di chuyển các biểu tượng trên màn hình chính

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Chọn thêm một lần nữa để ẩn các gợi ý.

■ Để xóa các biểu tượng trên màn hình chính

Bạn có thể xóa các biểu tượng trên màn hình chính.



1. Ấn nút HOME.
2. Chọn và giữ biểu tượng.
▶ Màn hình chuyển sang màn hình tùy chỉnh.
3. Kéo và thả biểu tượng muốn xóa vào vùng tiêu đề.
▶ Biểu tượng sẽ bị xóa khỏi màn hình chính.
4. Chọn **Done**.
▶ Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

»Để xóa các biểu tượng trên màn hình chính

Ứng dụng sẽ không bị xóa bằng cách xóa biểu tượng trên màn hình chính.

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Chọn thêm một lần nữa để ẩn các gợi ý.

Còn nữa

■ Để tạo biểu tượng truy cập nhanh trên màn hình chính

Bạn có thể lưu sáu biểu tượng ở phía dưới cùng của màn hình chính.

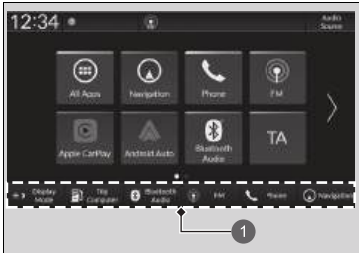

❶ Công tắc chuyển chế độ

1. Ấn nút HOME.

2. Chọn và giữ biểu tượng.

► Màn hình chuyển sang màn hình tùy chỉnh.

3. Kéo và thả biểu tượng muốn lưu xuống phía dưới màn hình chính.

► Biểu tượng được lưu ở khu vực công tắc chuyển chế độ.

4. Chọn **Done**.

► Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

Để tạo biểu tượng truy cập nhanh trên màn hình chính

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Chọn thêm một lần nữa để ẩn các gợi ý.

■ Vùng trạng thái

Hiển thị các chỉ báo thông tin về xe, điện thoại được kết nối, v.v. ở vùng tiêu đề. Bạn có thể xác nhận thông tin chi tiết bằng cách chọn các biểu tượng này.

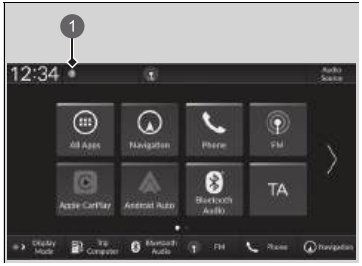

1. Chọn biểu tượng trạng thái hệ thống.
   ▶ Vùng trạng thái xuất hiện.
2. Chọn một mục để xem chi tiết.
3. Ấn nút BACK hoặc chọn biểu tượng trạng thái hệ thống để đóng vùng trạng thái.

❶ Biểu tượng trạng thái hệ thống

■ Chọn nguồn âm thanh

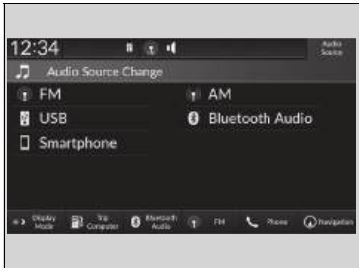

Chọn **Audio Source** trên vùng tiêu đề, sau đó chọn một biểu tượng trong danh sách nguồn âm thanh để chuyển nguồn âm thanh.

Cài đặt đồng hồ

■ Điều chỉnh đồng hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian bằng tay và đặt hình nền của đồng hồ ở màn hình âm thanh/thông tin.

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn **Date & Time**.
5. Chọn **Set Date &Time**.
6. Chọn **Automatic Date &Time**, sau đó chọn **OFF**.

Để điều chỉnh ngày:
7. Chọn **Set Date**.
8. Chọn ▲/▼.
9. Chọn **Save** để cài đặt ngày.

Để điều chỉnh thời gian.
7. Chọn **Set Time**.
8. Chọn ▲/▼.
9. Chọn **Save** để cài đặt thời gian.

Điều chỉnh đồng hồ

Đồng hồ được cập nhật tự động thông qua hệ thống âm thanh.

Bạn cũng có thể điều chỉnh đồng hồ bằng cách chạm vào biểu tượng đồng hồ hiển thị trên vùng tiêu đề của màn hình âm thanh/thông tin, **Clock** sẽ hiển thị trên màn hình chính, hoặc **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.

1. Chạm vào biểu tượng đồng hồ trên màn hình. Màn hình đồng hồ loại mặt tròn xuất hiện.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Date & Time**.
4. Chọn **Set Date &Time**.
5. Chọn **Automatic Date &Time**, sau đó chọn **OFF**.
6. Chọn **Set Date** hoặc **Set Time**.
7. Điều chỉnh ngày, giờ và phút bằng cách chọn ▲/▼.
8. Chọn **Save** để cài đặt thời gian.

Bạn có thể tùy chỉnh màn hình đồng hồ.
➡ **Hệ thống** Tr. 352

■ Cài đặt hình nền đồng hồ

■ Lưu hình nền đồng hồ

1. Cắm ổ USB flash vào cổng sạc/kết nối USB.
Cổng USB Tr. 258
2. Ấn nút HOME.
3. Chọn **Clock**.
▶ Nếu **Clock** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.
4. Chọn **Settings**.
5. Chọn **Clock Faces (Mặt đồng hồ)**.
6. Chọn **Add More**.
▶ Hình ảnh được lưu trong ổ USB flash sẽ hiển thị trong danh sách.
7. Chọn hình ảnh muốn lưu.
▶ Có thể chọn nhiều hình ảnh cùng một lúc.
8. Chọn **OK**.
▶ Hình ảnh được chọn sẽ hiển thị.
9. Chọn **Transfer**.
▶ Trở về màn hình cài đặt hình nền đồng hồ.

Cài đặt hình nền đồng hồ

- Khi lưu tệp hình nền, hình ảnh phải nằm trong thư mục gốc của ổ USB flash.
  Không thể lưu ảnh nằm trong một thư mục.
- Tên tệp phải nhỏ hơn 64 byte.
- Có thể lưu tệp hình ảnh có định dạng là BMP (bmp) hoặc JPEG (jpg).
- Dung lượng mỗi tệp phải dưới 10 MB.
- Nếu trong ổ USB flash không có hình ảnh nào, thông báo sẽ xuất hiện.
- Có thể lưu được 11 hình ảnh.
- Kích thước tối đa của hình ảnh là 4.096 x 2.304 pixels. Nếu kích thước hình ảnh nhỏ hơn 1.280 x 720 pixels, hình ảnh sẽ được hiển thị ở giữa màn hình xung quanh là màu đen.

Còn nữa

■ **Chọn hình nền đồng hồ**

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **Clock**.
► Nếu **Clock** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Clock Faces (Mặt đồng hồ)**.
5. Chọn hình ảnh muốn cài đặt.
6. Chọn **Save**.
► Màn hình đồng hồ hiển thị hình nền đã cài đặt.

■ **Xóa hình nền đồng hồ**

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **Clock**.
► Nếu **Clock** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Clock Faces (Mặt đồng hồ)**.
5. Chọn **Delete Photos**.
6. Chọn hình ảnh muốn xóa.
► Có thể chọn nhiều hình ảnh cùng một lúc.
7. Chọn **OK**.
► Hình ảnh được chọn sẽ hiển thị.
8. Chọn **Delete**.
► Trở về màn hình cài đặt hình nền đồng hồ.

Điều chỉnh âm thanh

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn biểu tượng nguồn âm thanh.
3. Chọn **Sound**.

Chọn một mục trong các lựa chọn sau:
- **Bass / Treble:** Bổng, Trung, Trầm
- **Audio Zones & Balance / Fader**[*1]**:** Chỉ dành cho người lái, Chỉ phía trước, Chỉ phía sau, Toàn bộ xe, Cân bằng, Giảm âm
- **Bose Centerpoint**[*1]**:** BẬT và TẮT Bose Centerpoint.
- **Bose Dynamic Speed Compensation (Bù âm thanh dựa trên độ động theo công nghệ của Bose)**[*1]**:** Cài đặt mức tăng âm lượng.
- **Balance / Fader**[*2]**:** Cân bằng, Giảm âm
- **Speed Volume Compensation (Bù âm lượng theo tốc độ)**[*2]**:** Cài đặt mức tăng âm lượng.

*1 : Loại xe có BOSE AMP
*2 : Loại xe có AMP thông thường

Điều chỉnh âm thanh

Chức năng **Bose Dynamic Speed Compensation**[*1]**/Speed Volume Compensation**[*2] điều chỉnh âm lượng theo tốc độ xe. Âm lượng tăng khi xe chạy nhanh hơn. Âm lượng giảm khi xe chạy chậm lại.

Bạn cũng có thể điều chỉnh âm thanh theo các bước sau.
1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Sound**.

Audio Zones & Balance / Fader[*1]
Bạn có thể thay đổi nguồn phát âm thanh bằng cách chọn một trong số các loa dưới đây:
- **Full Vehicle:** Tất cả các loa phát ra âm thanh.
- **Driver Only:** Chỉ loa phía người lái phát ra âm thanh.
- **Front Only:** Chỉ loa phía trước phát ra âm thanh.
- **Rear Only:** Chỉ loa phía sau phát ra âm thanh.

Để thiết lập lại từng cài đặt cho **Bass / Treble**, **Audio Zones & Balance / Fader**[*1], **Bose Dynamic Speed Compensation**[*1], **Balance / Fader**[*2], và **Speed Volume Compensation**[*2], chọn **Default** trên mỗi màn hình cài đặt.

Cài đặt màn hình hiển thị

Bạn có thể cài đặt độ sáng màn hình.

■ Chuyển chế độ hiển thị bằng tay

Chọn **Display Mode**.

▶ Thanh chia độ sáng hiển thị trong vài giây.
▶ Chọn hoặc để điều chỉnh độ sáng.
▶ Chọn **Display OFF** để tắt màn hình. Để bật màn hình, ấn nút HOME hoặc BACK .
▶ Chọn *1 để chuyển từ chế độ Ban ngày sang chế độ Ban đêm và ngược lại.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

Cài đặt màn hình hiển thị

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng màn hình bằng cách trượt hoặc chạm vào thanh chia độ sáng.

Bạn cũng có thể thay đổi độ sáng màn hình theo các bước sau.
1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Display**.
4. Chọn cài đặt mong muốn.

Để thiết lập lại cài đặt, chọn **Default**.

Cập nhật hệ thống

Có thể cập nhật chương trình của hệ thống âm thanh bằng kết nối Wi-Fi, USB, hoặc bộ điều khiển viễn thông (TCU)* qua dịch vụ trả gói cước.

■ Cách cập nhật

Khi có bản cập nhật hệ thống âm thanh, thông báo sẽ hiển thị trên vùng trạng thái. Thực hiện các bước sau để cập nhật hệ thống.

1. Ấn nút HOME.

2. Chọn **System Updates**.

▶ Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.

▶ Hệ thống sẽ kiểm tra các bản cập nhật.

▶ Nếu biểu tượng cập nhật xuất hiện trên màn hình chính, hãy chọn biểu tượng trạng thái.

Vùng trạng thái Tr. 315

3. Chọn **Download**.

▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu cần yêu cầu người dùng chấp nhận tải xuống.

4. Chọn **Install Now** hoặc **Install While Vehicle Off**.

▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu cập nhật thành công.

Cách cập nhật

Bạn có thể cập nhật hệ thống qua Wi-Fi, nhưng không thể sử dụng cổng cố định có yêu cầu đăng nhập hoặc đồng ý với điều khoản sử dụng trên trình duyệt.

Quá trình tải xuống sẽ bị dừng nếu:
- Kết nối Wi-Fi bị ngắt.
- Động cơ dừng do ắc-quy yếu điện.

Quá trình tải xuống sẽ tiếp tục chạy sau khi kết nối Wi-Fi.

Để bảo vệ ắc-quy, không chọn **Install While Vehicle Off** (Cài đặt trong khi tắt máy) khi ắc-quy yếu điện. Nếu bạn muốn cài đặt dữ liệu cập nhật, hãy nạp điện ắc-quy hoặc chọn **Install Now** (Cài đặt ngay).

Một số tính năng có thể không khả dụng trong quá trình cập nhật hệ thống.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Cài đặt cập nhật hệ thống

Bạn có thể thay đổi hoặc xác nhận cài đặt cập nhật hệ thống.

1. Ấn nút HOME.

2. Chọn **System Updates**.

3. Chọn **Settings**.

4. Chọn tùy chọn bạn muốn thay đổi hoặc xác nhận.

Có thể thiết lập các cài đặt sau.

- **Tải xuống tự động**
- **Trạng thái phiên bản**
- **Cài đặt kết nối**
- **Lịch sử cập nhật**

■ Cách cập nhật bằng mạng không dây

■ Thiết lập chế độ kết nối không dây

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **System Updates**.
▶ Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Connection Setup**.
5. Chọn **OK**.
6. Chọn một điểm truy cập từ danh sách mạng.
▶ Để kết nối với một điểm phát sóng không tự động được phát hiện, chọn **Options** rồi chọn **Add Network**.
7. Nhập mật khẩu.
▶ Nếu bạn chọn hộp **Use this network to automatically download system updates**, bạn có thể cài đặt sử dụng mạng để cập nhật hệ thống.
8. Chọn **Connect**.

■ Cách cập nhật

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **System Updates**.
▶ Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.
3. Chọn **via Wireless**.
4. Chọn **Download**.
▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu cần yêu cầu người dùng chấp nhận tải xuống.
5. Chọn **Install Now** hoặc **Install While Vehicle Off**.
▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu cập nhật thành công.

Còn nữa

■ Cách Cập Nhật bằng USB

■ Tải xuống các tệp cập nhật từ máy chủ

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **System Updates**.
▶ Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.
3. Chọn **Other Methods**.
4. Chọn **Via USB**.
▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình.
5. Cắm thiết bị USB vào cổng sạc/kết nối USB.
▶ Dữ liệu được sao chép vào USB.
➔ **Cổng USB** Tr. 258
6. Rút USB ra khỏi cổng USB.
7. Cắm USB vào máy tính, sau đó tải xuống các tệp cập nhật.
▶ Nhấp vào liên kết để tải xuống các tệp cập nhật phần mềm. Tham khảo *https://usb.honda.com* để xem thêm về các hướng dẫn.

■ Cập nhật hệ thống âm thanh

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **System Updates**.
3. Chọn **Other Methods**.
4. Chọn **Via USB**.
▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình.
5. Cắm thiết bị USB chứa các tệp cập nhật vào cổng sạc/kết nối USB.
▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình.
➔ **Cổng USB** Tr. 258
6. Chọn **Install Now**.
▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu cập nhật thành công.

Cách Cập Nhật bằng USB

Nên sử dụng USB có dung lượng trống tối thiểu 8 GB trở lên.

Đảm bảo xóa tất cả các thư mục hoặc các tệp cập nhật trước đó ra khỏi USB trước khi bắt đầu quá trình cập nhật bằng USB.

Bật đài FM/AM

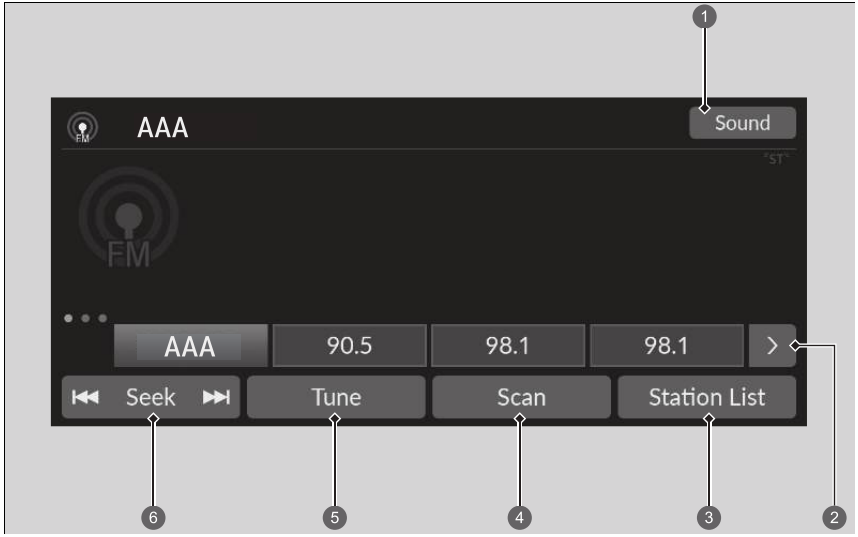

❶ Biểu tượng Âm thanh
❷ Biểu tượng Cài đặt sẵn
❸ Biểu tượng Danh sách kênh
❹ Biểu tượng Quét
❺ Biểu tượng Dò kênh
❻ Biểu tượng Tìm kiếm

Còn nữa

■ Bộ nhớ cài đặt sẵn

Dò tần số đài cho bộ nhớ cài đặt sẵn.
Để lưu kênh:
1. Dò đến kênh đã chọn.
2. Chọn và giữ biểu tượng cài đặt sẵn để lưu kênh đó.
► Việc chọn **Press & Hold** có thể thiết lập một kênh cài đặt sẵn mới.

■ Danh sách kênh

Liệt kê các kênh có tín hiệu mạnh nhất trong dải tần số đã chọn.
1. Chọn **Station List** để hiển thị danh sách.
2. Chọn kênh.

■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn vào bất cứ lúc nào.
1. Chọn **Station List** để hiển thị danh sách.
2. Chọn **Refresh**.

■ Quét

Nghe thử từng kênh có tín hiệu mạnh nhất trong dải tần số đã chọn trong 10 giây.
Chọn **Scan** để bắt đầu quét, và chọn **Stop** hoặc ấn nút BACK để tắt.

■ Tìm kiếm

Chọn |◄◄ hoặc ►►| để dò lên hoặc dò xuống các dải tần số đã chọn để tìm kênh có tín hiệu mạnh.

Bộ nhớ cài đặt sẵn

Đèn báo **ST** sáng trên màn hình hiển thị cho thấy đang phát đài FM âm thanh nổi.
Không có đài AM âm thanh nổi.

Chuyển đổi Chế độ âm thanh
Cuộn vòng lựa chọn bên trái hoặc chọn **Audio Source** trên màn hình.
Điều khiển âm thanh từ xa Tr. 306

Bạn có thể lưu 12 kênh AM/FM vào bộ nhớ cài đặt sẵn.

■ Âm thanh

Điều chỉnh các cài đặt âm thanh.

Điều chỉnh âm thanh Tr. 319

■ Màn hình điều chỉnh tần số vô tuyến thủ công

Chọn để sử dụng bàn phím trên màn hình để nhập trực tiếp tần số vô tuyến.



1. Chọn **Tune**.
2. Nhập tần số vô tuyến mong muốn bằng bàn phím trên màn hình.
3. Chọn **Enter** để dò đến tần số đó.

❶ Bàn phím trên màn hình

Màn hình điều chỉnh tần số vô tuyến thủ công

Biểu tượng ◀/▶ :
Chọn ◀ hoặc ▶ để dò tần số vô tuyến.

Phát nhạc qua Kết nối có dây

Sử dụng đầu nối USB của bạn, kết nối thiết bị với cổng sạc/kết nối USB, sau đó chọn biểu tượng USB.

➔ **Cổng USB** Tr. 258



❶ **Biểu tượng Âm thanh**
❷ **Biểu tượng Phát ngẫu nhiên**
❸ **Biểu tượng Lặp lại**
❹ **Biểu tượng Phát/Tạm dừng**
❺ **Biểu tượng Chuyển bài**
❻ **Biểu tượng Xem lướt**
❼ **Bìa album**

Phát nhạc qua Kết nối có dây

Các chức năng vận hành khác nhau tùy loại xe hoặc phiên bản. Một số chức năng của hệ thống âm thanh có thể không có ở xe này.

Nếu điện thoại thông minh được kết nối qua Apple CarPlay hoặc Android Auto, nguồn USB sẽ không có sẵn và các tệp âm thanh trên điện thoại chỉ có thể được phát trên Apple CarPlay hoặc Android Auto.

■ Cách chọn bài từ Danh sách tìm kiếm nhạc

Bạn có thể chọn để hiển thị màn hình danh sách tìm kiếm nhạc.

1. Chọn **Browse**.

2. Chọn danh mục tìm kiếm.

3. Tiếp tục lựa chọn cho đến khi bạn tìm thấy bài hát mình muốn.

■ Cách chọn Chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ trộn bài và lặp lại khi đang phát bài hát.

■ Trộn bài/Lặp lại

Liên tục chọn biểu tượng trộn bài hoặc lặp lại đến khi tìm được tùy chọn chế độ phát mong muốn.

Phát ngẫu nhiên

(tắt trộn bài): Tắt chế độ trộn bài.

(trộn tất cả các bài hát): Phát tất cả các bài hát có trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

Lặp lại

(tắt lặp lại): Tắt chế độ lặp lại.

(lặp lại một bài): Lặp lại bài đang phát.

(lặp lại tất cả): Lặp lại tất cả bài hát.

Còn nữa

■ Cách chuyển bài hát

Bạn có thể chọn |◄◄ hoặc ►►| để chuyển bài. Chọn và giữ để tua nhanh bài hát.

■ Âm thanh

Bạn có thể điều chỉnh cài đặt âm thanh.

➔ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 319

Phát nhạc/video trên ổ USB flash

Hệ thống âm thanh của xe đọc và phát các file âm thanh và video lưu trong ổ USB flash.
Cắm ổ USB flash của bạn với cổng sạc/kết nối USB, sau đó chọn biểu tượng USB.

Cổng USB Tr. 258



❶ **Biểu tượng Cài đặt** (Phát video)
❷ **Biểu tượng Âm thanh**
❸ **Biểu tượng Ngẫu nhiên**
❹ **Biểu tượng Lặp lại**
❺ **Biểu tượng Phát/Tạm dừng**
❻ **Biểu tượng Dừng** (Phát video)
❼ **Biểu tượng Bài hát/Video**
❽ **Biểu tượng Xem lướt**
❾ **Bìa album** (Phát nhạc)/
Máy phát nhạc mini (Phát video)

Phát nhạc/video trên ổ USB flash

Chỉ có thể phát các tệp âm thanh hoặc video lưu trong ổ USB flash ở các định dạng sau.
Tệp âm thanh: MP3, WMA, AAC*1, FLAC, WAV
File video: MP4, AVI, MKV, ASF/WMV

*1: Chỉ các file có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên thiết bị này.

Còn nữa

■ Cách chọn tệp từ Danh sách tìm kiếm nhạc

Bạn có thể chọn để hiển thị màn hình danh sách tìm kiếm nhạc.

1. Chọn **Browse**.

2. Chọn **Current Playlist**, **Music**, hoặc **Video**.

3. Tiếp tục lựa chọn cho đến khi bạn tìm thấy tệp hoặc video mình muốn.

Phát nhạc/video trên ổ USB flash

Sử dụng loại ổ USB flash khuyên dùng.

➡ **Thông tin chung về hệ thống âm thanh*** Tr. 475

Không thể phát các tệp định dạng WMA và AAC được bảo vệ bằng quản lý bản quyền nội dung số (DRM).

Hệ thống âm thanh sẽ hiển thị **Unplayable File** (Tệp không phát được), sau đó chuyển sang bài hát tiếp theo.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Cách chọn Chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ phát lặp lại và ngẫu nhiên khi đang phát một tệp.

■ Ngẫu nhiên/Lặp lại

Liên tục chọn biểu tượng ngẫu nhiên hoặc lặp lại đến khi hiển thị chế độ phát mong muốn.

Ngẫu nhiên

(tắt ngẫu nhiên): Tắt chế độ ngẫu nhiên.

(ngẫu nhiên tất cả các tệp): Phát tất cả các tệp theo thứ tự ngẫu nhiên.

(ngẫu nhiên trong thư mục): Phát tất cả các tệp trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.

Lặp lại

(tắt lặp lại): Tắt chế độ lặp lại.

(lặp lại tệp): Lặp lại tệp đang phát.

(lặp lại thư mục): Lặp lại tất cả các tệp trong thư mục đang phát.

■ Khi phát video

/ : Chọn để thu nhỏ màn hình video. Chọn để phóng to màn hình video.

■ Cách chuyển tệp

Biểu tượng **Track**/**Video**

Bạn có thể chọn để chuyển tệp. Chọn và giữ để tua nhanh một tệp.

■ Âm thanh

Bạn có thể điều chỉnh cài đặt âm thanh.

Điều chỉnh âm thanh Tr. 319

Còn nữa

■ Cài đặt

Thay đổi các cài đặt USB khi đang phát video.

1. Chọn **Settings**.

2. Chọn một tùy chọn.

- **Image Settings:** Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin. Để thiết lập lại cài đặt, chọn **Default**. (**Brightness (Độ sáng)**/**Contrast (Độ tương phản)**/**Black Level (Độ tối)**/**Colour (Màu sắc)** (**Color (Màu sắc)**)/**Tint (Tông màu)**).
- **Aspect Ratio:** Chọn chế độ hiển thị với tỷ lệ khung hình khác nhau. (**Original** (Nguyên bản)/**Normal**[*1](Bình thường)/**Full**/**Zoom** (Toàn màn hình))
- **Overlay Clock Location:** Thay đổi bố cục màn hình đồng hồ. (**Upper right** (**Phía trên bên phải**)[*1]/**Upper left** (**Phía trên bên trái**)/**Lower right** (**Phía dưới bên phải**)/**Lower left** (**Phía dưới bên trái**)/**TẮT**)

*1 : Cài đặt mặc định

Phát nhạc trên Âm thanh*Bluetooth*®

Hệ thống âm thanh cho phép bạn nghe nhạc từ điện thoại tương thích *Bluetooth*. Chức năng này hoạt động khi điện thoại được ghép đôi và được kết nối với hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) của xe.

Cài đặt điện thoại Tr. 375



❶ **Biểu tượng Âm thanh**
❷ **Biểu tượng Phát ngẫu nhiên**
❸ **Biểu tượng Lặp lại**
❹ **Biểu tượng Phát/Tạm dừng**
❺ **Biểu tượng Chuyển bài**
❻ **Biểu tượng Xem lướt**
❼ **Bìa album**

Phát nhạc trên Âm thanh*Bluetooth*®

Không phải tất cả các điện thoại có âm thanh *Bluetooth*đều tương thích với hệ thống.
Hãy liên hệ với đại lý để biết điện thoại của bạn có tương thích không.

Việc thực hiện một số chức năng của thiết bị dữ liệu khi lái xe có thể là phạm luật.

Tại một thời điểm, chỉ có thể kết nối một điện thoại với HFT.
Khi ghép đôi nhiều điện thoại cùng lúc, hệ thống sẽ tự động kết nối với điện thoại được ưu tiên. Bạn có thể cài đặt ưu tiên điện thoại trong danh sách thiết bị *Bluetooth*®.

Cài đặt điện thoại Tr. 375

Nếu có nhiều điện thoại được ghép đôi với hệ thống HFT, thời gian bắt đầu phát sẽ lâu hơn.

Trong một số trường hợp, tên nhạc sĩ, album hoặc bài hát có thể hiển thị không đúng.

Một vài chức năng có thể không có ở một số thiết bị nhất định.

Nếu điện thoại hiện tại đang được kết nối qua Apple CarPlay hoặc Android Auto, thì không phát được Âm thanh *Bluetooth*® từ điện thoại đó. Tuy nhiên, nếu điện thoại khác được kết nối với hệ thống, có thể chọn chế độ âm thanh để phát Âm thanh *Bluetooth*®.

Cài đặt điện thoại Tr. 375

Còn nữa

■ Để phát các tệp âm thanh *Bluetooth*®

1. Đảm bảo điện thoại của bạn đã được ghép đôi và kết nối với hệ thống.
➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375

2. Chọn chế độ Âm thanh *Bluetooth*®.

Nếu không nhận diện được điện thoại, có khả năng hệ thống đã kết nối với một điện thoại khác tương thích với HFT mà không tương thích với Âm thanh *Bluetooth*®.

■ Cách chọn Chế độ phát

Liên tục chọn biểu tượng trộn bài hoặc lặp lại đến khi tìm được tùy chọn chế độ phát mong muốn.

Phát ngẫu nhiên

(tắt trộn bài): Tắt chế độ trộn bài.

(trộn tất cả các bài hát): Phát tất cả các bài hát có trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

Lặp lại

(tắt lặp lại): Tắt chế độ lặp lại.

(lặp lại một bài): Lặp lại bài đang phát.

(lặp lại nhóm): Lặp lại nhóm đang phát.

(lặp lại tất cả): Lặp lại tất cả bài hát.

Để phát các tệp âm thanh *Bluetooth*®

Để phát các tệp âm thanh, bạn cần thực hiện một số thao tác trên điện thoại. Do vậy, hãy làm theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất điện thoại.

Khi chuyển sang chế độ khác, bản nhạc đang phát trên điện thoại của bạn sẽ tạm dừng.

Bạn có thể thay đổi điện thoại đã được kết nối bằng cách chọn **Change Device**.
➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375

■ Tìm kiếm nhạc

1. Chọn **Browse**.
2. Chọn danh mục tìm kiếm.
3. Chọn một mục.
▶ Bắt đầu phát mục đã lựa chọn.

■ Âm thanh

Bạn có thể điều chỉnh cài đặt âm thanh.

➡ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 319

Tìm kiếm nhạc

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® mà bạn kết nối, một số hoặc tất cả danh sách có thể không được hiển thị.

Kết nối Wi-Fi

Xe này được trang bị kết nối Wi-Fi. Bạn có thể kết nối với điểm phát sóng Wi-Fi hoặc thiết bị liên lạc bên ngoài.

■ Kết nối xe với điểm truy cập Wi-Fi



1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Connections**.
4. Chọn **Wi-Fi**.
5. Chọn **OK**.
6. Chọn một điểm truy cập từ danh sách mạng.
   ▶ Để kết nối với một điểm phát sóng không tự động được phát hiện, chọn **Options** rồi chọn **Add Network**.
7. Nhập mật khẩu.
   ▶ Nếu bạn chọn hộp **Use this network to automatically download system updates**, bạn có thể cài đặt sử dụng mạng để cập nhật hệ thống.
   ➡ **Cập nhật hệ thống** Tr. 321
8. Chọn **Connect**.

■ Tắt kết nối Wi-Fi

1. Chọn **Change Mode**.
2. Chọn **OFF**.

Kết nối Wi-Fi

Wi-Fi và Wi-Fi Direct là các nhãn hiệu đã đăng ký bản quyền của Wi-Fi Alliance®.

Kết nối xe với điểm truy cập Wi-Fi

Bạn không thể hoàn thành quy trình cài đặt khi xe đang chạy. Hãy đỗ xe ở nơi an toàn để cài đặt hệ thống âm thanh ở chế độ Wi-Fi.

Một số hãng viễn thông tính phí khi bạn chia sẻ và sử dụng mạng dữ liệu di động. Hãy kiểm tra gói cước đăng ký mạng dữ liệu điện thoại của bạn.

Kiểm tra hướng dẫn sử dụng điện thoại để xem điện thoại có kết nối Wi-Fi không.

Nhìn vào biểu tượng trên vùng trạng thái hệ thống để biết Wi-Fi đang bật hay tắt. Tốc độ truyền tín hiệu và các thông tin khác sẽ không hiển thị trên màn hình này.

➡ **Vùng trạng thái** Tr. 315

Khi kết nối điện thoại với Wi-Fi, hãy đảm bảo cài đặt Wi-Fi của điện thoại ở chế độ điểm truy cập (chia sẻ kết nối).

Apple CarPlay

Nếu bạn kết nối hệ thống với một điện thoại iPhone tương thích với ứng dụng Apple CarPlay qua cổng sạc/kết nối USB hoặc qua mạng không dây, và chọn biểu tượng Apple CarPlay, bạn có thể sử dụng ứng dụng Apple CarPlay trên màn hình âm thanh/thông tin.

➔ **Cổng USB** Tr. 258

Apple CarPlay

Chúng tôi khuyến nghị bạn cập nhật iOS lên phiên bản mới nhất khi sử dụng Apple CarPlay.

Đỗ xe ở nơi an toàn trước khi kết nối iPhone với Apple CarPlay và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Trong khi kết nối với ứng dụng Apple CarPlay, không thể sử dụng Âm thanh *Bluetooth*® hoặc Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT). Bạn chỉ có thể thực hiện cuộc gọi hoặc nghe nhạc thông qua Apple CarPlay. Các điện thoại khác đã từng được ghép đôi có thể sử dụng âm thanh *Bluetooth*®.

Khi sử dụng Điện thoại rảnh tay, bạn chỉ có thể điều khiển bằng ứng dụng Siri.

➔ **Vận hành Apple CarPlay bằng Siri** Tr. 344

Apple CarPlay và Android Auto không thể chạy cùng lúc.

Để biết chi tiết về các quốc gia và khu vực có sẵn Apple CarPlay, cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trang web của Apple.

Sau khi cài đặt Apple CarPlay, một số thông tin về người dùng và xe (ví dụ như: vị trí, tốc độ và trạng thái của xe) sẽ được truyền tới điện thoại iPhone để nâng cao trải nghiệm của người dùng khi sử dụng Apple CarPlay. Bạn cần phải chấp thuận để chia sẻ thông tin này trên màn hình âm thanh/thông tin.

Còn nữa

■ Danh mục Apple CarPlay

Để biết chi tiết về các ứng dụng khả dụng, vui lòng tham khảo trang web Apple CarPlay. Các ứng dụng hiển thị trên màn hình có thể được thay đổi bằng iPhone của bạn.
Chọn biểu tượng **Honda** trên màn hình menu Apple CarPlay để quay lại màn hình chính.

Apple CarPlay

Điều kiện và giới hạn vận hành Apple CarPlay
Apple CarPlay yêu cầu điện thoại iPhone tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Có áp dụng cước phí theo các gói cước của nhà mạng.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác được tích hợp trong các chức năng do Apple CarPlay cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của Apple CarPlay. Honda khó có thể đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của Apple CarPlay.

Có thể sử dụng các ứng dụng bên thứ ba nếu tương thích với Apple CarPlay. Tham khảo trang web của Apple để biết thông tin về các ứng dụng tương thích.

■ Kết nối Apple CarPlay bằng cáp USB.

1. Kết nối iPhone với cổng sạc/kết nối USB bằng cáp USB.
Cổng USB Tr. 258
▶ Màn hình xác nhận sẽ hiển thị.
2. Chọn **Yes**.
▶ Nếu bạn không muốn kết nối Apple CarPlay, chọn **No**.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục cài đặt **Smartphone Connection**.

■ Kết nối Apple CarPlay bằng mạng không dây

■ Kết nối Apple CarPlay không dây trên màn hình chính.

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **Apple CarPlay**.
3. Chọn **+ Connect New Device**.
4. Ghép đôi iPhone với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.
Cài đặt điện thoại Tr. 375
5. Chọn **Yes**.
▶ Nếu iPhone của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối Apple CarPlay, hãy đồng ý kết nối.

Apple CarPlay

Chỉ khởi tạo ứng dụng Apple CarPlay khi bạn đã đỗ xe an toàn.
Khi Apple CarPlay phát hiện điện thoại iPhone của bạn lần đầu, bạn sẽ cần thiết lập điện thoại iPhone của bạn. Hãy tham khảo hướng dẫn của điện thoại iPhone của bạn.

Hãy thực hiện quy trình sau để ngắt kết nối hoặc xóa các thiết bị đang kết nối với ứng dụng Apple CarPlay:
Ấn nút HOME → Chọn **General Settings** → **Smartphone Connection** → **Apple CarPlay** → Chọn thiết bị

Sử dụng thông tin người dùng và thông tin xe
Việc sử dụng, xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại iPhone thông qua Apple CarPlay được quản lý bởi các điều khoản và điều kiện của hệ điều hành iOS và Chính sách bảo mật của Apple.

Còn nữa

■ Kết nối không dây Apple CarPlay bằng danh sách thiết bị Apple CarPlay

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Smartphone Connection**.
4. Chọn **Apple CarPlay**.
5. Chọn **+ Connect New Device**.
6. Ghép đôi iPhone với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.
➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375
7. Chọn **Yes**.
► Nếu iPhone của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối Apple CarPlay, hãy đồng ý kết nối.

■ Kết nối không dây Apple CarPlay trên danh sách thiết bị *Bluetooth*®

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Connections**.
4. Chọn **Bluetooth**.
5. Chọn **+ Connect New Device**.
6. Ghép đôi iPhone với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.
➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375
7. Chọn **Yes**.
► Nếu iPhone của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối Apple CarPlay, hãy đồng ý kết nối.

■ **Kết nối không dây Apple CarPlay bằng vô lăng**

1. Ấn và giữ nút (nói) trên vô lăng.

2. Ghép đôi iPhone với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.

➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375

3. Chọn **Yes**.

▶ Nếu iPhone của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối Apple CarPlay, hãy đồng ý kết nối.

■ **Kết nối không dây Apple CarPlay khi khởi động (khi không có điện thoại nào ghép đôi với hệ thống)**

1. Đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.

2. Chọn **OK**.

▶ Nếu chưa thiết bị nào được đăng ký, màn hình ghép đôi Bluetooth® sẽ hiển thị.

▶ Nếu bạn chọn **Do not show this again**, màn hình này sẽ không xuất hiện.

3. Ghép đôi iPhone với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.

➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375

4. Chọn **Yes**.

▶ Nếu iPhone của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối Apple CarPlay, hãy đồng ý kết nối.

Còn nữa

■ Vận hành Apple CarPlay bằng Siri

Ấn và giữ nút (nói) để kích hoạt ứng dụng Siri.
Ấn một lần nữa để hủy ứng dụng Siri.
Ấn và nhả để kích hoạt tính năng quay số bằng khẩu lệnh.

Vận hành Apple CarPlay bằng Siri

Dưới dây là ví dụ về các câu hỏi và lệnh cho Siri:

- Hôm nay có những bộ phim nào đang phát?
- Gọi cho bố ở nơi làm việc.
- Tên bài hát này là gì?
- Thời tiết ngày mai như thế nào?
- Đọc email mới nhất của tôi.

Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy truy cập trang web *www.apple.com/ios/siri*.

Android Auto™

Nếu bạn kết nối hệ thống âm thanh với một điện thoại Android™ qua cổng sạc/kết nối USB hoặc qua mạng không dây*, và chọn biểu tượng Android Auto, bạn có thể sử dụng ứng dụng Android Auto trên màn hình âm thanh/thông tin.
Hãy đỗ xe ở nơi an toàn để xem tất cả các hướng dẫn này trước khi sử dụng Android Auto.

➔ **Cổng USB** Tr. 258

CHÚ Ý:

Ứng dụng Android Auto có thể không có sẵn ở quốc gia hoặc khu vực của bạn. Để biết chi tiết về Android Auto, hãy tham khảo trung tâm hỗ trợ Android Auto.

Android Auto™

Khi sử dụng Android Auto, bạn nên dùng phiên bản Android OS cập nhật mới nhất.
Không thể sử dụng *Bluetooth* A2DP khi điện thoại của bạn đang kết nối với Android Auto.

Đỗ xe ở nơi an toàn trước khi kết nối điện thoại Android với Android Auto và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Khi điện thoại Android được kết nối với Android Auto, không thể sử dụng Âm thanh *Bluetooth*®. Tuy nhiên, các điện thoại khác đã từng được ghép đôi vẫn có thể phát nhạc trên *Bluetooth*® khi kết nối với ứng dụng Android Auto.

➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375

Apple CarPlay và Android Auto không thể chạy cùng lúc.

Android và Android Auto là thương hiệu của Google LLC.

Để sử dụng từng tính năng của Android Auto: hãy nói từ kích hoạt trong khi màn hình Android Auto đang hiển thị, hoặc ấn và giữ nút (nói) để kích hoạt Trợ lý Google.

➔ **Vận hành Android Auto bằng nhận dạng giọng nói** Tr. 350

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Danh mục Android Auto

Để biết chi tiết về các ứng dụng khả dụng, vui lòng tham khảo trung tâm hỗ trợ Android Auto.
Các ứng dụng hiển thị trên màn hình có thể được thay đổi bằng điện thoại thông minh của bạn.
Chọn biểu tượng **Honda** trên màn hình menu Android Auto để quay lại màn hình chính.

Android Auto™

Để biết chi tiết về các quốc gia và khu vực có sẵn Android Auto, cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trung tâm hỗ trợ Android Auto.

Điều kiện và giới hạn vận hành Android Auto
Ứng dụng Android Auto yêu cầu điện thoại Android tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Có áp dụng cước phí theo các gói cước của nhà mạng.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác tích hợp trong các chức năng do Android Auto cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của Android Auto. Honda không thể và không đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của Android Auto.

Có thể sử dụng các ứng dụng bên thứ ba nếu tương thích với Android Auto. Tham khảo trung tâm hỗ trợ Android Auto để biết thông tin về các ứng dụng tương thích.

■ Kết nối Android Auto bằng cáp USB.

1. Kết nối điện thoại Android với cổng sạc/kết nối USB bằng cáp USB.
Cổng USB Tr. 258
► Màn hình xác nhận sẽ hiển thị.
2. Chọn **Yes**.
► Nếu bạn không muốn kết nối ứng dụng Android Auto, chọn **No**.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục cài đặt **Smartphone Connection**.

■ Kết nối ứng dụng Android Auto bằng mạng không dây*

■ Kết nối ứng dụng Android Auto bằng mạng không dây trên màn hình chính

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **Android Auto**.
3. Chọn **+ Connect New Device**.
4. Ghép đôi điện thoại Android với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.
Cài đặt điện thoại Tr. 375
5. Chọn **Yes**.
► Nếu điện thoại Android của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối ứng dụng Android Auto, hãy đồng ý kết nối.

»Kết nối Android Auto bằng cáp USB.

Chỉ khởi tạo ứng dụng Android Auto khi bạn đã đỗ xe an toàn. Bạn cần cài đặt điện thoại khi kết nối điện thoại lần đầu với Android Auto để tự động ghép đôi. Hãy tham khảo hướng dẫn của điện thoại của bạn.

Bạn có thể sử dụng quy trình sau để ngắt kết nối hoặc xóa các thiết bị kết nối với Android Auto sau khi đã hoàn tất thiết lập ban đầu:
Ấn nút HOME → Chọn **General Settings** → **Smartphone Connection** → **Android Auto** → Chọn thiết bị

Sử dụng thông tin người dùng và thông tin xe
Việc sử dụng, xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại của bạn thông qua Android Auto được quản lý bởi Chính sách bảo mật của Google.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ **Kết nối không dây ứng dụng Android Auto bằng danh sách thiết bị Android Auto**

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Smartphone Connection**.
4. Chọn **Android Auto**.
5. Chọn **+ Connect New Device**.
6. Ghép đôi điện thoại Android với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.
➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375
7. Chọn **Yes**.
▶ Nếu điện thoại Android của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối ứng dụng Android Auto, hãy đồng ý kết nối.

■ **Kết nối không dây ứng dụng Android Auto bằng danh sách thiết bị Bluetooth®**

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Connections**.
4. Chọn **Bluetooth**.
5. Chọn **+ Connect New Device**.
6. Ghép đôi điện thoại Android với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.
➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375
7. Chọn **Yes**.
▶ Nếu điện thoại Android của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối ứng dụng Android Auto, hãy đồng ý kết nối.

■ **Kết nối không dây ứng dụng Android Auto bằng vô lăng**

1. Ấn và giữ nút (nói) trên vô lăng.

2. Ghép đôi điện thoại Android với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.

➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375

3. Chọn **Yes**.

► Nếu điện thoại Android của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối ứng dụng Android Auto, hãy đồng ý kết nối.

■ **Kết nối không dây ứng dụng Android Auto khi khởi động (khi không có điện thoại nào ghép đôi với hệ thống)**

1. Đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.

2. Chọn **OK**.

► Nếu chưa thiết bị nào được đăng ký, màn hình ghép đôi Bluetooth® sẽ hiển thị.

► Nếu bạn chọn **Do not show this again**, màn hình này sẽ không xuất hiện.

3. Ghép đôi điện thoại Android với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.

➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375

4. Chọn **Yes**.

► Nếu điện thoại Android của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối ứng dụng Android Auto, hãy đồng ý kết nối.

Còn nữa

■ Vận hành Android Auto bằng nhận dạng giọng nói

Ấn và giữ nút (nói) để vận hành Android Auto bằng giọng nói.
Ấn và nhả để kích hoạt tính năng quay số bằng khẩu lệnh.

Vận hành Android Auto bằng nhận dạng giọng nói

Dưới dây là ví dụ về các lệnh đối với hệ thống nhận dạng giọng nói:

- Trả lời tin nhắn.
- Gọi cho vợ tôi.
- Định vị tới Honda.
- Phát nhạc của tôi.
- Gửi tin nhắn cho vợ tôi.
- Gọi cho cửa hàng hoa.

Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trung tâm hỗ trợ Android Auto.

Tính năng tùy chỉnh

Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để tùy chọn một số tính năng cụ thể.

■ Cách tùy chỉnh các cài đặt chung

Với chế độ nguồn BẬT, chọn **General Settings**, sau đó chọn một mục cài đặt.

Tính năng tùy chỉnh

Khi bạn tùy chỉnh các cài đặt:
- Đảm bảo xe đã dừng hẳn.
- Sang số P.

Còn nữa

■ Hệ thống

Tính năng tùy chỉnh			Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Ngày và giờ	**Cài đặt ngày và giờ**	**Ngày và giờ tự động**	Chọn **ON** để GPS tự động điều chỉnh đồng hồ. Chọn **OFF** để hủy chức năng này.	**ON**/**OFF** (BẬT/TẮT)
		Cài đặt ngày	Điều chỉnh ngày. ➔ **Điều chỉnh đồng hồ** Tr. 316	**Day**/**Month**/**Year** (Ngày/Tháng/Năm)
		Cài đặt giờ	Điều chỉnh thời gian. ➔ **Điều chỉnh đồng hồ** Tr. 316	**Hour**/**Minute** (Giờ/Phút) **AM**/**PM** (Sáng/Chiều/Tối)
	Múi giờ*	**Múi giờ tự động***	Cài đặt hệ thống âm thanh để tự động điều chỉnh đồng hồ khi lái xe qua các múi giờ khác nhau.	**ON**/**OFF** (BẬT/TẮT)
		(Chọn múi giờ)	Thay đổi múi giờ bằng tay.	—
	Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày*		Cài đặt đồng hồ cập nhật theo giờ tiết kiệm ánh sáng ban ngày.	**ON**/**OFF** (BẬT/TẮT)
	Định dạng ngày		Chọn kiểu hiển thị ngày.	**MM**/**DD**/**YYYY** (Tháng/Ngày/Năm)/ **DD**/**MM**/**YYYY** (Ngày/Tháng/Năm)/ **YYYY**/**MM**/**DD** (Năm/Tháng/Ngày)
	Định dạng giờ		Chọn kiểu hiển thị giờ.	**12-H**/**24-H** (**12H**/**24H**)

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Tính năng tùy chỉnh		Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Language		Thay đổi riêng ngôn ngữ màn hình giao diện thông tin cho người lái và ngôn ngữ màn hình âm thanh/thông tin.	**English** Một số ngôn ngữ có thể không có ở tất cả các khu vực. Kiểm tra màn hình âm thanh/thông tin để biết các tùy chọn có sẵn.
Touch Panel Sensitivity		Cài đặt độ nhạy của màn hình bảng điều khiển cảm ứng.	**High**/**Normal** (Cao/Bình thường)
System Volumes	**Âm thanh hệ thống**	Cài đặt mức âm lượng hệ thống.	—
	Text-to-Speech	Cài đặt mức âm lượng chuyển văn bản thành giọng nói.	—
	Dẫn hướng định vị	Cài đặt mức âm lượng dẫn đường của hệ thống định vị.	—
	Cuộc gọi điện thoại	Cài đặt mức âm lượng cuộc gọi.	—
	Default	Đặt lại tất cả cài đặt **System Volumes** về giá trị mặc định.	
Refuel Recommend*		Bật và tắt chức năng nhắc nạp nhiên liệu. **Đề xuất nạp nhiên liệu*** Tr. 388	**ON**/**OFF**(BẬT/TẮT)

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Tính năng tùy chỉnh		Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Giới thiệu	**Trạng thái**	Hiển thị các mục cài đặt Android.	—
	Thông tin pháp lý		
	Số mẫu thiết bị		
	Phiên bản Android		
	Phiên bản Kernel		
	Số bản dựng		
Đặt lại về dữ liệu gốc		Đặt lại tất cả các cài đặt về mặc định gốc. ➡ **Mặc định tất cả các cài đặt** Tr. 367	**Continue/Cancel** (Tiếp tục/Hủy)
Thông tin chi tiết	**Trình quản lý ứng dụng**	Hiển thị thông tin bộ nhớ hệ thống Android và thông tin ứng dụng.	—

■ Kết nối điện thoại thông minh

Tính năng tùy chỉnh		Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Apple CarPlay	**+ Kết nối thiết bị mới**	Ghép đôi điện thoại mới với Apple CarPlay. ➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375	—
	(Các thiết bị đã lưu)	Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi. ➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375	—
Android Auto	**+ Kết nối thiết bị mới***	Ghép đôi điện thoại mới với Android Auto. ➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375	—
	(Các thiết bị đã lưu)	Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi. ➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375	—

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Kết nối**

Tính năng tùy chỉnh			Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Wi-Fi	**Thay đổi chế độ**		Thay đổi chế độ Wi-Fi.	**Network**/ **Smartphone**[*1]/**OFF** (Mạng/ Điện thoại thông minh/ TẮT)
	(Mạng khả dụng/Các thiết bị đã kết nối)		Hiển thị (các) mạng khả dụng hoặc (các) thiết bị đang kết nối.	—
	Tùy chọn[*2]	**Thêm mạng**	Thêm mạng mới để kết nối Wi-Fi.	—
		Mạng đã lưu	Lưu mạng đã kết nối.	—
Bluetooth	**Tùy chọn**	**Bluetooth**	Bật và tắt *Bluetooth*®	**ON**/**OFF** (BẬT/TẮT)
		Thiết bị ưu tiên	Hiển thị thiết bị ưu tiên.	—
	+ Kết nối thiết bị mới		Ghép đôi điện thoại mới với HFT. ➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375	—
	(Các thiết bị đã lưu)		Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi. ➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 375	—

*1: Chỉ xuất hiện khi ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto được kết nối không dây.
*2: Chỉ xuất hiện khi cài đặt **Change Mode** là **Network**.

■ **Display (Màn hình điều chỉnh nhiệt độ ngoài trời)**

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Chế độ ban ngày[*1]	Thay đổi từ chế độ ban ngày sang chế độ ban đêm và ngược lại. ➡ **Cài đặt màn hình hiển thị** Tr. 320	—
Chế độ ban đêm[*1]		
Độ sáng	Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin.	—
Độ tương phản	Thay đổi độ tương phản của màn hình âm thanh/thông tin.	—
Độ tối	Thay đổi độ tối của màn hình âm thanh/thông tin.	—
Mặc định	Cài đặt lại tất cả các cài đặt tùy chỉnh cho độ sáng, độ tương phản và độ tối.	—

*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

■ Âm thanh

Tính năng tùy chỉnh		Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Trầm/Bổng	**Bổng**	Điều chỉnh cài đặt âm thanh của loa hệ thống âm thanh. ➔ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 319	—
	Trung		
	Trầm		
Vùng âm thanh & Cân bằng/Giảm âm[*1]			
Bose Centerpoint[*1]			
Bù âm thanh dựa trên độ động theo công nghệ của Bose[*1]			
Cân bằng/Giảm âm[*2]			
Bù âm lượng theo tốc độ[*2]			

*1: Loại xe có BOSE AMP
*2: Loại xe có AMP thông thường

■ **Camera**

Tính năng tùy chỉnh		Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Camera sau	**Dẫn hướng cố định**	Hiển thị dẫn hướng không di chuyển theo vô lăng. ➡ **Camera lùi đa hướng*** Tr. 620	**ON**/**OFF**(BẬT/TẮT)
	Dẫn hướng động	Hiển thị dẫn hướng di chuyển theo vô lăng. ➡ **Camera lùi đa hướng*** Tr. 620	**ON**/**OFF**(BẬT/TẮT)
Hệ thống quan sát làn đường*	**Hiển thị khi bật đèn báo (Hiển thị khi bật tín hiệu báo rẽ)**	Chọn bật hoặc tắt màn hình Quan sát làn đường khi bạn gạt cần xi nhan để báo rẽ trái*1/phải*2 . ➡ **Hệ thống quan sát làn đường*** Tr. 527	**ON**/**OFF**(BẬT/TẮT)
	Hiển thị thời gian sau khi đèn báo tắt	Thay đổi khoảng thời gian màn hình Quan sát làn đường sáng sau khi cần xi nhan trở về vị trí giữa. ➡ **Hệ thống quan sát làn đường*** Tr. 527	**0 giây**/**2 giây**
	Hiển thị đường tham chiếu	Chọn bật hoặc tắt các đường tham chiếu màn hình Quan sát làn đường. ➡ **Hệ thống quan sát làn đường*** Tr. 527	**ON**/**OFF**(BẬT/TẮT)

*1: Loại xe có vô lăng bên phải
*2: Loại xe có vô lăng bên trái

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe

Với chế độ nguồn BẬT, chọn **Vehicle Settings**, sau đó chọn một mục cài đặt.

Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe

Nếu **Vehicle Settings** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**. Bạn có thể thay đổi các biểu tượng trên màn hình chính.

➡ **Chức năng truy cập ứng dụng nhanh**
Tr. 310

Còn nữa

■ Hi u ch nh TPMS*

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
TPMS Calibration (Hi u ch nh TPMS)	Hủy/hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp. ➡ **H th ng c nh b§o xGp l p*** Tr. 520	**Calibrate**/**Cancel** (Hiệu chỉnh/Hủy)

■ Driver assist system setup (C i L Hđ h th ng h tr ng i l§i)

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Forward Collision Warning Distance (Khong c§ch c nh b§o trÜng th§i gn v i xe ph²a trc)	Thay đổi khoảng cách mà Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) cảnh báo. ➡ **H th ng phanh gi m thiWu va chÜm (CMBS)** Tr. 536	**Far**/**Normal***1/**Near** (Xa/Trung bình/Gần) (**Long (D i)**/**Normal (Trung b³nh)***1/**Short (Ngn)**)
ACC Forward Vehicle Detect Beep (Âm b§o khi ACC ph§t hi n xe ph²a trc) (Âm b§o ph§t hi n xe ph²a trc ACC)	Bật/Tắt thông báo bằng âm thanh khi xe di chuyển vào/ra khỏi phạm vi kiểm soát hành trình thích ứng. ➡ **KiWm so§t h nh tr³nh th²ch ng (ACC) bao g m d i t c L thÐp** Tr. 557	**ON**/**OFF** *1 (BẬT/TẮT)
Lead Car Departure Notification System (H th ng th¹ ng b§o xe ph²a trc kh i h nh)*	Thay đổi cài đặt cho hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành. ➡ **H th ng th¹ ng b§o xe ph²a trc kh i h nh*** Tr. 591	**OFF**/**Normal***1/**Early** (TẮT/ Trung Bình*1/Sớm)
Road Departure Mitigation Setting (C i L Hđ gi m thiWu ch ch l n L nh)	Chọn chế độ hoạt động của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường. ➡ **H th ng gi m thiWu ch ch l n L nh** Tr. 550	**Early**/**Normal***1/**Delayed**/ **Warning only** (Sớm/Bình thường/Muộn/Chỉ cảnh báo) (**Narrow (HQp)**/**Normal (Trung b³nh)***1/**Wide (R ng)**/**Warning Only (Ch c nh b§o)**)

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Lane Keeping Assist Suspend Beep (Tiếng bíp hỗ trợ giữ làn đường)	Bật và tắt tiếng bíp cảnh báo tạm dừng LKAS. ➡ **Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)** Tr. 577	**ON/OFF** *1 (BẬT/TẮT)
Driver Attention Monitor (Hệ thống theo dõi mức độ tập trung của người lái)	Thay đổi cài đặt cho chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái. ➡ **Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái** Tr. 128, 163	**OFF (TẮT)/Tactile alert only (Chỉ cảnh báo bằng xúc giác)/Tactile and audible alert (Cảnh báo bằng xúc giác và âm thanh)**[*1] (**OFF (TẮT)/Tactile Alert (Cảnh báo bằng rung vô lăng)/Tactile And Audible Alert (Cảnh báo bằng rung vô lăng và âm thanh)**[*1])
Rear Sensor Setting (**Cài đặt cảm biến sau**)*	Bật/Tắt cảm biến đỗ phía sau. ➡ **Hệ thống cảm biến đỗ*** Tr. 611	**ON**[*1]**/OFF** (BẬT/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

■ **Meter Setup (Cài đặt đồng hồ đo)**

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Adjust Outside Temp. Display (Màn hình điều chỉnh nhiệt độ ngoài trời)	Chọn để điều chỉnh chỉ số nhiệt độ ngoài trời tăng lên hoặc giảm xuống. ➡ **Nhiệt độ ngoài trời** Tr. 117	**-3°C ~ ±0°C**[*1] **~ +3°C**
"Trip A" Reset Timing (**Hẹn giờ cài đặt lại "Hành trình A"**)	Chọn thời điểm đặt lại Hành trình A. ➡ **Đồng hồ đo quãng đường/nhiên liệu/hành trình** Tr. 121, 156 ➡ **Đồng hồ đo tốc độ/thời gian/hành trình** Tr. 124, 159	**When fully refueled/When ignition is turned OFF/Manual reset**[*1] (Khi được đổ đầy nhiên liệu/Khi TẮT khóa điện/Đặt lại thủ công) (**When Fully Refueled (Khi được đổ đầy nhiên liệu)/IGN OFF (TẮT khóa điện)/Manually Reset (Đặt lại thủ công)**[*1])

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
ñTrip Bò Reset Timing **(HGn gỉ c¨i LHbIÜi ñH¨nh tr³nh Bò)**	Chọn thời điểm đặt lại Hành trình B. ➡ **ng hỗ Lo qu«ng L‹ng/nhi°n liu/h¨nh tr³nh** Tr. 121, 156 ➡ **ng hỗ Lo t´c L¸/th i gian/h¨nh tr³nh** Tr. 124, 159	**When fully refueled/When ignition is turned OFF/Manual reset***1 (Khi được đổ đầy nhiên liệu/Khi TẮT khóa điện/Đặt lại thủ công) (**When Fully Refueled (Khi L‹c L¸ LƑy nhi°n liu)/IGN OFF (Td T kh· a Lín)/Manually Reset (nHbIÜi th c¹ng)***1)
Alarm Volume Control **(niQu ch¨nh ©m l‹ng c[nh b§o)**	Thay đổi mức âm lượng của tất cả các cảnh báo hệ thống, cảnh báo và đèn báo cửa mở.	**Max/Mid***1**/Min** (Tối đa/Vừa/Tối thiểu) (**High (Cao)/Mid (Trung b³nh)***1**/Low (ThÊp)**)
Fuel Efficiency Backlight **(n¯n nQn hiu suÊt nhi°n liu)***	Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ.	**ON***1**/OFF** (BẬT/TẮT)
Turn By Turn Display **(T L¸ng hiWn th hŸ ng dXn theo t ng bŸ c)**	Bật/Tắt cảnh báo pop up trong dẫn đường chi tiết trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. ➡ **DXn L‹ng chi tiJt** Tr. 127, 162	**ON***1**/OFF** (BẬT/TẮT)
Fuel Economy Unit **(nHn v t²nh m c tiJt kim nhi°n liu)**	Chọn đơn vị đo mức tiêu thụ nhiên liệu.	Ngoại trừ loại xe tại Việt Nam **km/l***1**/l/100km** Loại xe tại Việt Nam **km/l/l/100km***1
Tachometer **(ng hỗ Lo t´c L¸ L¸ng ch)***	Chọn bật hoặc tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.	**ON***1**/OFF** (BẬT/TẮT)
Rear Seat Reminder **(Nhc gh sau)**	Bật và tắt tính năng nhắc ghế sau.	**ON***1**/OFF** (BẬT/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Keyless access setup (C¨ i L‘Hu m‘ c a kh¹ ng ch³a kh· a)***

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Door Unlock Mode (ChÎn L¸ m‘ kh· a c a)*	Thay đổi cửa sẽ được mở khóa khi nắm tay nắm cửa người lái.	**Driver door only***1/**All doors** (Chỉ cửa người lái/Tất cả các cửa) (**Driver Door Only***1/**All Doors**) (Chỉ cửa bên lái*1/Tất cả các cửa)
Keyless Access Beep Volume (Ạm l¬ ng tiÎng b²p m‘ c a kh¹ ng ch³a kh· a)	Thay đổi âm lượng tiếng bíp khi mở khóa/khóa cửa.	**Max (T´ i Ła)***1/**Min (T´ i thiW)** (**High (Cao)***1/**Low (ThÊp)**)
Keyless Access Light Flash (Nh§y L¯n khi m‘ c a kh¹ ng ch³a kh· a)	Kích hoạt một số đèn ngoài xe nhấp nháy khi mở khóa/khóa các cửa.	**ON***1/**OFF** (BẬT/TẮT)
Keyless Access Beep (TiÎng b²p m‘ c a kh¹ ng ch³a kh· a)	Kích hoạt tiếng bíp vang lên khi mở khóa/khóa các cửa.	**ON***1/**OFF** (BẬT/TẮT)
Remote Start System ON/OFF (B× T/Td T h‘ th‘ ng kh‘ i L¸ ng t¸ xa)*	Bật và tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.	**ON***1/**OFF** (BẬT/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Lighting setup (Cài đặt chiếu sáng)**

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Auto High-Beam (Đèn pha thích ứng tự động)	Bật/tắt chức năng chiếu xa tự động.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT/TẮT)
Interior Light Dimmer Duration (Thời gian chỉnh độ sáng đèn trong xe)	Chọn khoảng thời gian sáng của các đèn trong xe sau khi bạn đóng các cửa. ➡ **Đèn trong xe** Tr. 236	**60sec**/**30sec**[*1]/**15sec** (60 giây/30 giây/15 giây)
Headlight Auto OFF Timer (Hẹn giờ tự động TẮT đèn chiếu sáng)	Chọn khoảng thời gian sáng của các đèn ngoài xe sau khi bạn đóng cửa bên lái. ➡ **Tính năng tắt đèn tự động** Tr. 210	**60sec**/**30sec**/**15sec**[*1]/**0sec** (60 giây/30 giây/15 giây/0 giây)
Đèn chiếu sáng tích hợp cần gạt nước (**Tự động bật đèn chiếu sáng khi bật cần gạt nước**)	Chọn Bật/Tắt chức năng đèn chiếu sáng và vận hành cần gạt nước khi đèn chiếu sáng được cài đặt ở **AUTO** (TỰ ĐỘNG). ➡ **Đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước** Tr. 210	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

■ **Door/window setup (C¨ i L'Hoc a/c a k²nh)**

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Auto Door Lock (Kh· a c a t L ng)*	Thay đổi cài đặt cho tính năng khóa cửa tự động.	**OFF/With vehicle speed (V i t c L xe)*1/Shift from P (Sang s t s P)** (**OFF(TdT)/With Vehicle Speed (V i t c L xe)*1/Shift From P (Sang s t s P)**)
Auto Door Unlock (M kh· a c a t L ng)*	Thay đổi cài đặt mở khóa tự động các cửa.	Loại xe tại Châu Mỹ La-tinh **OFF/All doors with IGN OFF/ Driver door with IGN OFF/All Doors With Shift To P/Driver Door With Shift To P*1** (**OFF/All Doors With IGN OFF/ Driver Door With IGN OFF/All Doors With Shift To P/Driver Door With Shift To P*1**) (TẮT/Tất cả các cửa với khóa điện ở TẮT/Cửa người lái với khóa điện ở TẮT/Tất cả các cửa với tần số ở P/Cửa người lái với cần số ở P*1) Ngoại trừ loại xe tại Châu Mỹ La-tinh **OFF (TdT)/Shift to P (Sang s t s P)*1/When ignition is turned OFF (Khi TdT kh· a Li n)** (**OFF (TdT)/Shift To P (Sang s t s P)*1/IGN OFF (Kh· a Li n TdT)**)
Key And Remote Unlock Mode (Ch L m kh· a b ng ch a kh· a v Li Qu khiW t xa)*	Cài đặt cửa người lái hoặc tất cả các cửa mở khóa trong lần đầu ấn chìa khóa điều khiển từ xa hoặc chìa khóa tích hợp.	**Driver door only*1/All doors** (Chỉ cửa người lái/Tất cả các cửa) (**Driver Door Only*1/All Doors**) (Chỉ cửa bên lái*1/Tất cả các cửa)

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Walk Away Auto Lock (T L ng kh· a khi r i kh i xe)*	Thay đổi cài đặt chức năng khóa cửa tự động khi bạn ra khỏi xe.	**ON**/**OFF** *1 (BẬT/TẮT)
Lock Presetting (C i L Hỗ tr c t²nh nŁng kh· a)	Bật/tắt chức năng cài đặt sẵn khóa.	**ON***1/**OFF** (BẬT/TẮT)
Keyless Lock Notification (Th¹ ng b§o kh· a kh¹ ng ch³a kh· a) (Ph n h i x§c nhËn kh· a kh¹ ng ch³a kh· a)	Bật/tắt nhấp nháy các đèn ngoài xe khi khóa/mở khóa các cửa bằng bằng chìa khóa điều khiển từ xa. ➡ **S d ng B phŠt t²n hi u L iQu khiWn t xa** Tr. 186	**ON***1/**OFF** (BẬT/TẮT)
Auto Folding Door Mirror (T L ng c p g nhng c a)	Thay đổi cách cụp gương cửa.	**ON***1/**OFF** (BẬT/TẮT)
Remote Window Control (ŋiQu khiWn c a k²nh t xa)	Bật và tắt điều khiển cửa kính từ xa.	**ON***1/**OFF** (BẬT/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

■ Maintenance info. (Th¹ ng tin bΓo d ng)

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Maintenance info. (Th¹ ng tin bΓo d ng)	Đặt lại thông tin bảo dưỡng. ➡ **H th ng gi§m s§t dΓu** Tr. 631	**ŋHỗlЏi**

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Mặc định tất cả các cài đặt

Đặt lại tất cả các danh mục và cài đặt tùy chỉnh về các thiết lập mặc định của nhà sản xuất.

■ Mặc định các cài đặt chung

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn **Factory Data Reset**.
▶ Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình.
5. Chọn **Continue**.
6. Select **Continue** thêm một lần nữa để đặt lại các cài đặt.
▶ Hệ thống sẽ khởi động lại.

■ Mặc định các cài đặt xe

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **Vehicle Settings**.
3. Chọn **Default**.
4. Chọn **Yes**.

Mặc định tất cả các cài đặt

Khi bạn chuyển giao xe cho bên thứ ba, hãy đặt lại tất cả các thiết lập về mặc định và xóa toàn bộ dữ liệu cá nhân.

Nếu bạn thực hiện **Factory Data Reset (Khôi phục dữ liệu gốc)**, các ứng dụng được cài đặt từ trước sẽ quay về mặc định gốc.

H th ng Li n thoi r nh tay (HFT)

Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT) cho phép bạn gọi điện và nghe điện thoại bằng cách sử dụng hệ thống âm thanh của xe, mà không cần cầm điện thoại.

N¼ HFT

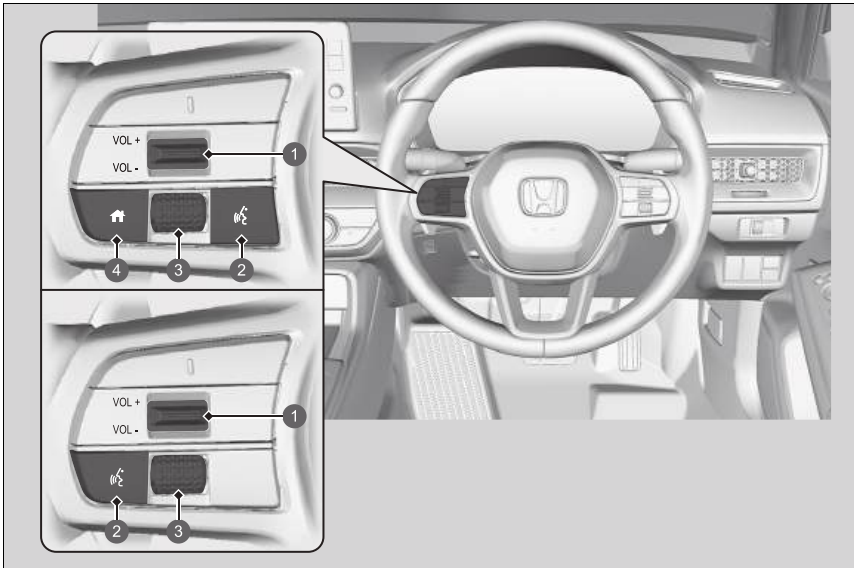

❶ Công tắc **VOL** +/**VOL** − (Âm lượng)
❷ Nút (Nói)
❸ Vòng lựa chọn bên trái
❹ Nút (Màn hình chính)*1

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)

Để điện thoại của bạn ở nơi có thể thu sóng tốt.

Để sử dụng HFT, bạn cần có điện thoại tương thích Bluetooth. Để biết danh sách điện thoại tương thích, quy trình ghép đôi, và các tính năng đặc biệt, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại lý Honda ở địa phương bạn.

Để sử dụng hệ thống, cài đặt Bluetooth phải ở **ON** (BẬT). Nếu đang có kết nối với ứng dụng Apple CarPlay, HFT sẽ không khả dụng.

T nh nLng t¼y ch nh Tr. 351

Các lưu ý khi điều khiển bằng giọng nói

- Không hướng cửa thông gió lên phía trần xe và phải đóng các cửa kính lại, vì tiếng ồn từ các cửa thông gió này có thể làm nhiễu micro.
- Ấn nút khi bạn muốn gọi điện thoại bằng khẩu lệnh. Nói rõ ràng và tự nhiên sau tiếng bíp.
- Nếu micro nhận được giọng nói của người khác, lệnh thoại có thể bị hiểu sai.
- Để thay đổi âm lượng, chọn **VOL** (Âm lượng) của hệ thống âm thanh hoặc các nút điều khiển âm thanh từ xa trên vô lăng.

Nếu trong hệ thống chưa có mục Liên hệ yêu thích, thông báo bật lên sẽ xuất hiện trên màn hình.

Li n h y u th ch Tr. 380

Nút (Nói): Ấn để gọi điện bằng khẩu lệnh.
Nút (Màn hình chính)*1: Ấn để trở lại màn hình chính của màn hình giao diện thông tin cho người lái.
Vòng lựa chọn bên trái: Ấn nút (màn hình chính)*1. Cuộn màn hình giao diện thông tin cho người lái lên hoặc xuống để chọn **Phone**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
Khi có cuộc gọi đến, màn hình cuộc gọi đến hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để nhận cuộc gọi.

➲ **Nhận cuộc gọi** Tr. 386

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)

Công nghệ *Bluetooth*® không dây
Nhãn và logo *Bluetooth*® đã được đăng ký thương hiệu do tập đoàn *Bluetooth* SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Honda Motor Co. đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Hạn chế của HFT
Cuộc gọi đến trên HFT sẽ làm gián đoạn hoạt động của hệ thống âm thanh khi đang phát. Hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động khi cuộc gọi kết thúc.

Còn nữa

■ Màn hình trạng thái HFT

Màn hình âm thanh/thông tin sẽ thông báo cho bạn khi có cuộc gọi đến.

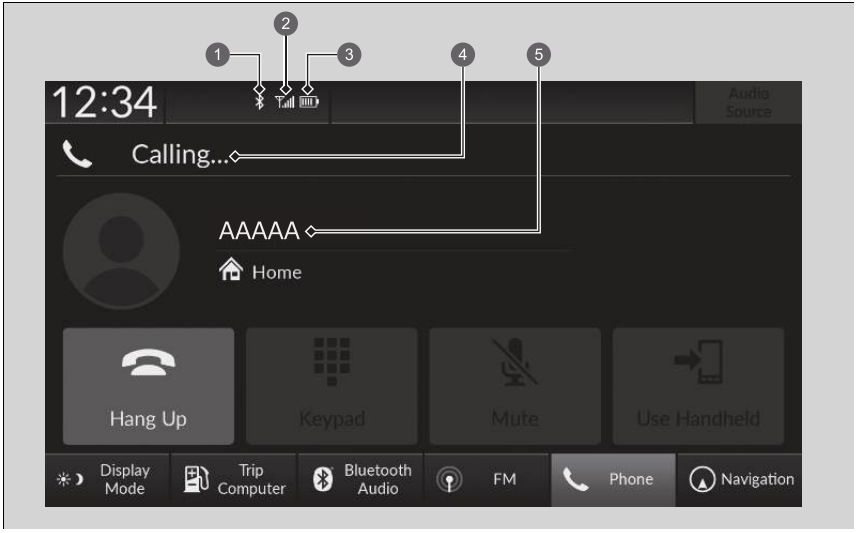

❶ Đèn báo *Bluetooth*®
Sáng khi điện thoại được kết nối với HFT.
❷ Cường độ tín hiệu
❸ Trạng thái mức pin
❹ Chế độ HFT
❺ Tên người gọi (Nếu đã lưu)/Số điện thoại của người gọi (Nếu chưa lưu)

Màn hình trạng thái HFT

Thông tin xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại điện thoại.

■ Hạn chế khi vận hành bằng tay

Một số chức năng vận hành bằng tay bị vô hiệu hoá hoặc không hoạt động khi xe đang chạy. Bạn không thể chọn mục mờ màu xám cho đến khi xe dừng.

Chỉ có thể gọi các số Liên hệ yêu thích đã lưu trước đó bằng khẩu lệnh khi xe đang chạy.

➔ **Liên hệ yêu thích** Tr. 380

Còn nữa

■ Danh mục HFT

Chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT để sử dụng hệ thống. Chọn **Phone** để hiển thị màn hình điện thoại.



❶ **Settings (Cài đặt)**
❷ **Recent calls** (**Cuộc gọi gần đây**)
❸ **Favourite contacts** (**Liên hệ yêu thích**)
❹ **Contacts (Danh bạ)**
❺ **Keypad (Bàn phím)**

Danh mục HFT

Một số chức năng sẽ bị hạn chế khi đang lái xe.

Settings (Cài đặt): Thay đổi các cài đặt điện thoại.

➔ **Màn hình cài đặt điện thoại** Tr. 374

Recent calls (Cuộc gọi gần đây): Hiển thị các cuộc gọi đi, gọi đến và cuộc gọi nhỡ gần đây nhất.

➔ **Để tạo cuộc gọi bằng các cuộc gọi gần đây** Tr. 384

Favourite contacts (Liên hệ yêu thích): Quay số đã chọn trong mục Liên Hệ yêu thích.

➔ **Để tạo cuộc gọi bằng số Liên hệ yêu thích** Tr. 384

Contacts (Danh bạ): Hiển thị danh ba của điện thoại đã ghép đôi.

➔ **Để tạo cuộc gọi bằng danh bạ đã lưu** Tr. 385

Keypad (Bàn phím): Nhập số điện thoại để gọi.

➔ **Để tạo cuộc gọi bằng số điện thoại** Tr. 385

Còn nữa

■ Màn hình cài đặt điện thoại

Để hiển thị màn hình cài đặt điện thoại, chọn **Settings** trên màn hình điện thoại.

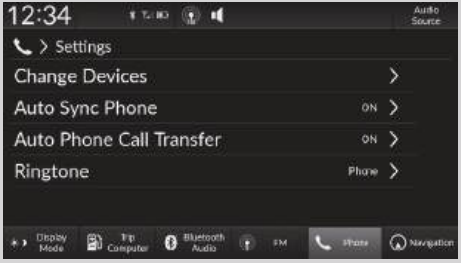

Change Devices (Thay đổi thiết bị): Ghép đôi điện thoại mới với hệ thống và kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa thiết bị đã được ghép đôi.

Cài đặt điện thoại Tr. 375

Auto Sync Phone (Tự động đồng bộ điện thoại): Tự động lưu danh bạ và các cuộc gọi gần đây sau khi ghép đôi điện thoại với HFT.

Tự động lưu danh bạ điện thoại và cuộc gọi gần đây Tr. 378

Auto Phone Call Transfer (Chuyển cuộc gọi tự động): Cài đặt chuyển cuộc gọi tự động từ điện thoại sang HFT khi bạn vào xe.

Tự động chuyển cuộc gọi Tr. 379

Ringtone (Nhạc chuông): Chọn nhạc chuông.

Nhạc chuông Tr. 379

■ Cài đặt điện thoại

■ Cài đặt *Bluetooth*®

Bạn có thể bật và tắt chức năng *Bluetooth*®.

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Connections**.
4. Chọn **Bluetooth**.
5. Chọn **Options**.
6. Chọn **Bluetooth**, sau đó chọn **ON**.

Còn nữa



■ Để ghép đôi điện thoại di động (chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Connect New Device**.
3. Đảm bảo điện thoại đang ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy.
4. Chọn **Honda HFT** từ điện thoại.
   ► Nếu bạn muốn ghép đôi điện thoại từ hệ thống âm thanh, chọn **Search for Devices**, sau đó chọn điện thoại của bạn khi điện thoại xuất hiện trong danh sách trên màn hình.
   ► Xác nhận nếu mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin và mã trên điện thoại của bạn khớp nhau.
   Điều này có thể khác nhau tùy theo điện thoại.
5. Chọn các chức năng mong muốn rồi chọn **Connect**.
6. Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu ghép đôi thành công.
7. Chọn **OK**.

Cài đặt điện thoại

Cần ghép đôi điện thoại tương thích Bluetooth với HFT trước khi gọi hoặc nhận các cuộc gọi rảnh tay.

Lưu ý khi ghép đôi điện thoại:
- Không thể ghép đôi điện thoại khi xe đang chạy.
- Có thể ghép đôi tối đa sáu điện thoại.
- Pin điện thoại có thể hết nhanh hơn khi ghép đôi với hệ thống.

Sau khi ghép đôi điện thoại, bạn có thể thấy các biểu tượng sau xuất hiện trên màn hình.

: Điện thoại tương thích với Âm thanh *Bluetooth*®.

: Có thể sử dụng điện thoại ở chế độ HFT.

: Điện thoại tương thích với Apple CarPlay.

*: Điện thoại tương thích với Android Auto.

Nếu đang có kết nối với ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto, thì không thể ghép đôi các thiết bị tương thích Bluetooth®.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe



■ Để thay đổi điện thoại đang ghép đôi

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Change Devices**.
4. Chọn điện thoại để kết nối.
   - ▶ HFT ngắt kết nối với điện thoại đã kết nối và bắt đầu tìm kiếm điện thoại đã ghép đôi khác.
   - ▶ Bạn có thể cài đặt ưu tiên cho điện thoại được kết nối. Tích vào điện thoại bạn muốn ưu tiên.
5. Chọn [♫] (âm thanh), [✆] (điện thoại), [▶] (Apple CarPlay), hoặc [▲]* (Android Auto).
   - ▶ [♫] Có thể chọn đồng thời [✆], tuy nhiên, khi đã chọn [▶], ,hoặc [▲]* thì không thể chọn [♫] và [✆].
6. Chọn **Apply**.



■ Để xóa điện thoại đã ghép đôi

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Change Devices**.
4. Chọn điện thoại bạn muốn xóa.
5. Chọn **Delete**.
6. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Delete**.

»Để thay đổi điện thoại đang ghép đôi

Nếu không tìm thấy hoặc không ghép đôi được với điện thoại nào khi tìm kiếm điện thoại khác, HFT sẽ thông báo cho bạn rằng điện thoại ban đầu đã được kết nối trở lại.

Để ghép đôi các điện thoại khác, chọn **+ Connect New Device** từ màn hình **Bluetooth**.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Tự động lưu danh bạ điện thoại và cuộc gọi gần đây

Sau khi ghép đôi điện thoại, tất cả các số liên lạc trong danh bạ điện thoại và cuộc gọi gần đây sẽ tự động lưu vào hệ thống.

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Auto Sync Phone**.
4. Chọn **ON** hoặc **OFF**.
► Cài đặt mặc định ở **ON**.

▨Tự động lưu danh bạ điện thoại và cuộc gọi gần đây

Trên một số điện thoại, cần cài đặt tính năng này để lưu danh bạ điện thoại.

Khi bạn chọn một liên hệ trong danh bạ điện thoại, các biểu tượng sẽ xuất hiện. Các biểu tượng này biểu thị kiểu lưu cho số điện đó.

★	Yêu thích		Fax
	Màn hình chính		Xe hơi
	Di Động		Tin nhắn thoại
	Công việc		Khác
	Máy nhắn tin		

Ở một số điện thoại, có thể không lưu được các biểu tượng vào hệ thống.

Danh bạ được cập nhật sau mỗi lần kết nối.
Cuộc gọi gần đây được cập nhật sau mỗi lần kết nối.

■ Tự động chuyển cuộc gọi

Nếu bạn vào xe khi đang nói chuyện điện thoại, cuộc gọi đó có thể tự động chuyển sang HFT.

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Auto Phone Call Transfer**.
4. Chọn **ON** hoặc **OFF**.
▶ Cài đặt mặc định ở **ON**.

■ Nhạc chuông

Bạn có thể thay đổi cài đặt nhạc chuông.

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Ringtone**.
4. Chọn **Vehicle** hoặc **Phone**.
▶ Cài đặt mặc định ở **Phone**.

Nhạc chuông

Vehicle: Nhạc chuông được cài sẵn phát ra từ loa.
Phone: Tùy thuộc vào hãng sản xuất và loại điện thoại di động, nhạc chuông được lưu trong điện thoại sẽ phát ra nếu điện thoại được kết nối.

Còn nữa

■ Liên hệ yêu thích

Màn hình cuộc gọi



❶ Biểu tượng ngôi sao

■ Để thêm Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Recent calls** (**Recent Calls**), **Contacts**, hoặc **Keypad**.

Trên màn hình Cuộc gọi gần đây hoặc màn hình Liên hệ

3. Chọn biểu tượng ngôi sao.

Trên màn hình Bàn phím

3. Chọn **Add to Favourite Contacts**.
   - ► Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình nếu Liên hệ yêu thích được lưu thành công.
   - ► Để xóa Liên hệ yêu thích, chọn biểu tượng ngôi sao một lần nữa.

Màn hình liên hệ



❶ Biểu tượng ngôi sao

Màn hình bàn

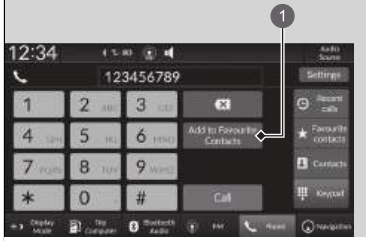

❶ **Add to Favourite Contacts**
(**Thêm vào Liên hệ yêu thích**)

Còn nữa

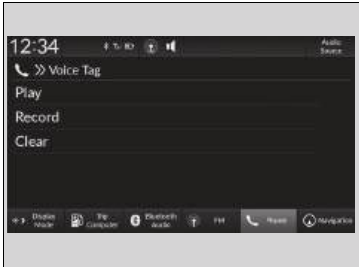

■ Để thêm khẩu lệnh vào mục Liên hệ yêu thích đã lưu

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
3. Chọn **Edit** trên mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn chỉnh sửa.
4. Chọn **Voice Tag**.
5. Chọn **Record**.
6. Chọn **Record**, hoặc sử dụng nút và làm theo hướng dẫn để hoàn thành khẩu lệnh.

■ Để xóa khẩu lệnh

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
3. Chọn **Edit** trên mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn chỉnh sửa.
4. Chọn **Voice Tag**.
5. Chọn **Clear**.
6. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.

»Liên hệ yêu thích

Tránh lặp lại khẩu lệnh.
Tránh dùng "*home*" làm khẩu lệnh.
Hệ thống sẽ dễ dàng nhận ra tên đầy đủ hơn. Ví dụ, dùng "*John Smith*" thay vì dùng "*John*".



■ Để chỉnh sửa Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
3. Chọn **Edit** ở mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn chỉnh sửa.
4. Chọn cài đặt mong muốn.
5. Chọn **Done**.

■ Để xóa Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
3. Chọn **Edit** ở mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn xóa.
4. Chọn **Remove**.
5. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.

Còn nữa

■ Tạo cuộc gọi



Bạn có thể thực hiện cuộc gọi bằng cách nhập bất kỳ số điện thoại nào hoặc bằng cách sử dụng số **Recent calls** (**Cuộc gọi gần đây**), **Favourite contacts** (**Liên hệ yêu thích**), và **Contacts (Danh bạ)** đã nhập.

■ Để tạo cuộc gọi bằng các cuộc gọi gần đây

Các cuộc gọi gần đây được lưu theo **All (Tất cả cuộc gọi)** , **Dialled** (**Cuộc gọi đi**) , **Missed (Cuộc gọi nhỡ)** , hoặc **Received (Cuộc gọi đến)**.

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Recent calls**.
► Bạn có thể sắp xếp theo **All**, **Dialled** (**Dialed**), **Missed**, hoặc **Received**. Chọn biểu tượng ở phía trên bên phải màn hình.
3. Chọn số điện thoại.
► Chức năng quay số sẽ tự động bắt đầu.

4. Để tạo cuộc gọi bằng số Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
► Bạn có thể thay đổi thứ tự các số Liên hệ yêu thích bằng cách chọn **Reorder**.
3. Chọn số điện thoại.
► Chức năng quay số sẽ tự động bắt đầu.

Tạo cuộc gọi

Có thể dùng khẩu lệnh để gọi số điện thoại bất kỳ trong mục Liên hệ yêu thích được lưu bằng khẩu lệnh từ hầu hết các màn hình.
Ấn nút [🎤] và nói khẩu lệnh.

Khi cuộc gọi được kết nối, bạn sẽ nghe thấy giọng của người nhận cuộc gọi qua loa âm thanh.

Khi đang kết nối với Apple CarPlay, không thể gọi điện bằng hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) và chỉ được gọi từ Apple CarPlay.

Để tạo cuộc gọi bằng các cuộc gọi gần đây

Các cuộc gọi gần đây chỉ hiển thị khi điện thoại được kết nối với hệ thống.

All: Hiển thị các cuộc gọi đi, gọi đến và cuộc gọi nhỡ gần đây nhất.
Dialled: Hiển thị các cuộc gọi đi gần đây nhất.
Missed: Hiển thị các cuộc gọi nhỡ gần đây nhất.
Received: Hiển thị các cuộc gọi đến gần đây nhất.

Để tạo cuộc gọi bằng số Liên hệ yêu thích

Khi đã lưu một khẩu lệnh, ấn nút [🎤] để gọi điện bằng khẩu lệnh.
➡ **Liên hệ yêu thích** Tr. 380

Có thể dùng khẩu lệnh để gọi số điện thoại bất kỳ trong mục Liên hệ yêu thích được lưu bằng khẩu lệnh từ bất kỳ màn hình nào.
Ấn nút [🎤] và thực hiện theo hướng dẫn.

■ Để tạo cuộc gọi bằng danh bạ đã lưu

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Contacts**.
3. Chọn một tên.
▶ Bạn có thể sắp xếp theo **First Name (Tên)** hoặc **Surname** (**Last Name (Họ)**). Chọn biểu tượng ở phía trên bên phải màn hình.
4. Chọn số điện thoại.
▶ Chức năng quay số sẽ tự động bắt đầu.

■ Để tạo cuộc gọi bằng số điện thoại

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Keypad**.
3. Chọn số điện thoại.
▶ Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập số.
4. Chọn **Call**.
▶ Chức năng quay số sẽ tự động bắt đầu.

Còn nữa

■ Nhận cuộc gọi



Khi có cuộc gọi đến, âm thanh thông báo phát ra (nếu được hoạt động) và màn hình cuộc gọi đến **Incoming Call...** xuất hiện.

Bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để trả lời cuộc gọi.
Để nhận cuộc gọi, cuộn màn hình giao diện thông tin cho người lái lên hoặc xuống để chọn (trả lời), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

► Nếu bạn muốn từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi, sử dụng vòng lựa chọn bên trái để chọn (bỏ qua) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Nhận cuộc gọi

Chờ cuộc gọi
Chọn (trả lời) để giữ cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đến.
Chọn bằng vòng lựa chọn bên trái để trở lại cuộc gọi hiện tại.

Chọn (bỏ qua) để bỏ qua cuộc gọi đến nếu bạn không muốn trả lời cuộc gọi đó.
Chọn nếu bạn muốn kết thúc cuộc gọi hiện tại.

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin thay vì các biểu tượng và trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

■ Tùy chọn khi đang gọi



Có các tùy chọn sau khi đang gọi:
Keypad: Gửi số điện thoại trong khi gọi. Tính năng này rất hữu ích khi bạn gọi điện thoại dưới dạng danh mục.
Mute: Tắt tiếng của bạn.
Use Handheld: Chuyển cuộc gọi từ hệ thống sang điện thoại của bạn.

Các tùy chọn nằm ở phía dưới màn hình.

Chọn tùy chọn.

▶ Khi chọn **Mute**, biểu tượng tắt tiếng sẽ xuất hiện đồng thời màn hình nguồn khác không phải màn hình điện thoại cũng sẽ xuất hiện. Chọn **Mute** thêm lần nữa để bật tiếng.

Tùy chọn khi đang gọi

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin.

Đề xuất nạp nhiên liệu*

Chiếc xe này được trang bị tính năng tự động tính toán thời điểm nạp nhiên liệu. Tính năng này sẽ thông báo cho bạn khi cần nạp nhiên liệu cũng như giúp bạn tìm kiếm các trạm xăng gần nhất.

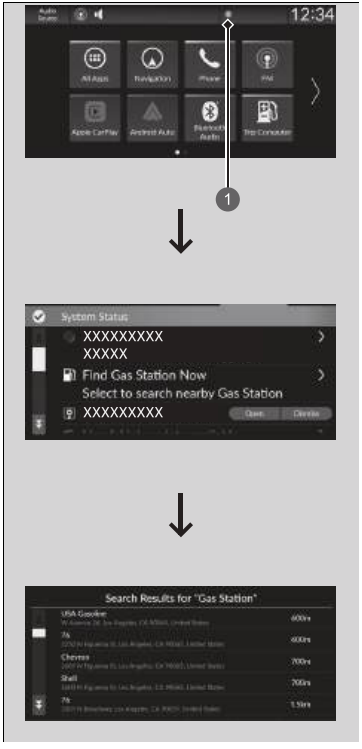

1. Đến thời điểm xe cần nạp nhiên liệu, thông báo sẽ hiển thị và biểu tượng thông báo sẽ hiển thị trong vùng tiêu đề.
2. Chọn ô chứa biểu tượng.
3. Chọn **Find Petrol Station Now** (**Find Gas Station Now**) (Tìm trạm xăng ngay).
4. Chọn một trạm xăng từ màn hình tìm kiếm của hệ thống định vị.
   ▶ Để biết cách sử dụng hệ thống định vị, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống định vị.

❶ Biểu tượng thông báo

Đề xuất nạp nhiên liệu*

Bạn có thể bật và tắt chức năng Đề xuất nạp nhiên liệu.

Tính năng tùy chỉnh Tr. 351

Khi bạn tắt tính năng này, thông báo nhắc nạp nhiên liệu sẽ không hiển thị.

Tính năng này chỉ hoạt động khi mức nhiên liệu trong bình chứa là dưới 30%.

Nếu bạn chọn **Find Petrol Station Now** (**Find Gas Station Now**) (Tìm trạm xăng ngay) Hoặc nếu đổ hơn 5 lít xăng vào bình xăng, thông báo nạp nhiên liệu sẽ biến mất.Tìm trạm xăng ngay Nếu bạn không muốn thông báo xuất hiện, hãy chọn TẮT trong mục cài đặt Đề xuất nạp nhiên liệu.

Khi bạn lái xe trên đường gồ ghề, lên dốc hoặc xuống dốc trong một khoảng thời gian dài, thông báo có thể biến mất hoặc không hiển thị.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Khởi động

Màn hình giải trí sẽ tự động khởi động khi bạn đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT. Khi khởi động, màn hình tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sẽ được hiển thị. Khi thêm người dùng mới, cần nhập thông tin người dùng lúc khởi động.

Chọn **OK** trên màn hình tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

- ▶ Nếu không chọn **OK**, hệ thống sẽ tự động tắt màn hình sau một khoảng thời gian nhất định.
- ▶ Nếu chưa thiết bị nào được đăng ký, chọn **OK** và màn hình ghép đôi Bluetooth® sẽ xuất hiện.
- ▶ Nếu bạn chọn **Do not show this again**, màn hình này sẽ không xuất hiện.

Còn nữa

■ Đăng ký thông tin người dùng mới.

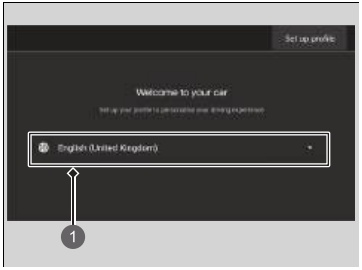

❶ Danh sách ngôn ngữ

1. Đọc màn hình miễn trừ trách nhiệm và chọn **OK.**
2. Chọn **Set up profile**.
   ▶ Nếu muốn thay đổi ngôn ngữ, chọn danh sách ngôn ngữ.
3. **Name your profile** (Đặt tên hồ sơ) và chọn **Next**.
4. Bạn có thể xem các điều khoản và điều kiện của thỏa thuận Dịch vụ Google.
5. Trên màn hình Cài đặt quyền toàn hệ thống, chọn dữ liệu bạn cấp quyền truy cập cho hệ thống và chọn **Accept**.
6. Chọn **Done for now**.
   ▶ Chọn **Profile lock** để thiết lập cài đặt bảo mật cho hồ sơ của bạn.
   ▶ Chọn **Set up Google Assistant and apps (Thiết lập Trợ lý Google và ứng dụng)** để tùy chỉnh các cài đặt liên quan đến Google.
   Cần có kết nối mạng để thay đổi các cài đặt.
   ➡ **Kết nối Wi-Fi** Tr. 422

Đăng ký thông tin người dùng mới.

Tham khảo trung tâm hỗ trợ các xe có tích hợp Google để biết thêm thông tin về việc thiết lập hồ sơ.

Thông tin bổ sung về Google Apps và Dịch vụ có tại trang web của Honda.

Thông số kỹ thuật có thể thay đổi sau khi cập nhật hệ thống, v.v.

Vận hành cơ bản

■ Chức năng Hệ thống âm thanh

Để sử dụng chức năng hệ thống âm thanh, chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.

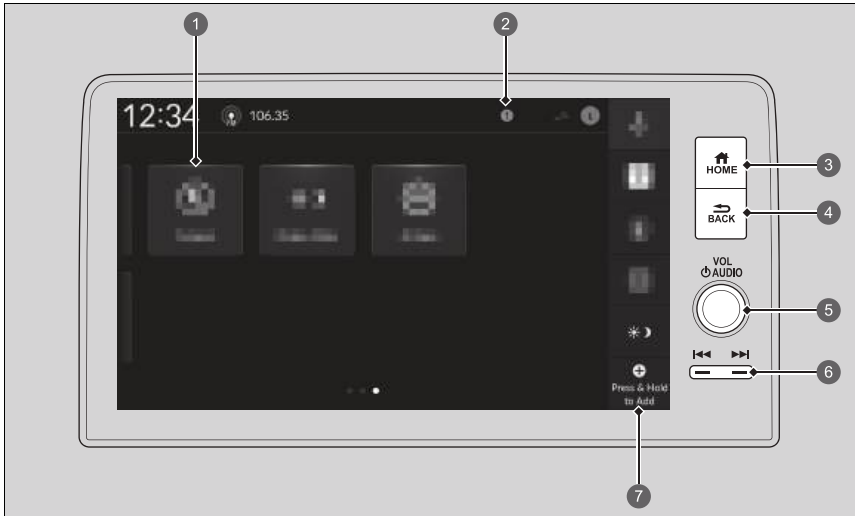

Còn nữa

❶ Biểu tượng truy cập ứng dụng nhanh
Hiển thị các biểu tượng truy cập ứng dụng nhanh.
► Chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)** để xem các ứng dụng được cài đặt trên hệ thống này.
Màn hình âm thanh/thông tin Tr. 396
❷ Biểu tượng trạng thái
Hiển thị các chỉ báo thông tin về xe, điện thoại được kết nối, v.v.
❸ **Nút HOME (Màn hình chính)**
❹ **Nút BACK (Quay lại)**
❺ **Núm VOL/⏻ AUDIO (Âm lượng/Nguồn)**
Ấn để bật và tắt hệ thống âm thanh.
Xoay để tăng hoặc giảm âm lượng.
❻ **Nút |◄◄/►►| (Tìm kiếm/Chuyển bài)**
Ấn để chuyển kênh, bài hát hoặc tệp.
❼ Biểu tượng công tắc chuyển chế độ
Hiển thị các biểu tượng để thay đổi chế độ.

■ Khởi động lại hệ thống âm thanh

Bạn có thể khởi động lại hệ thống âm thanh.
1. Nhấn và giữ nút HOME cho đến khi màn hình hộp thoại khởi động lại xuất hiện.
2. Chọn **Reboot**.
► Nếu chọn **Safe Mode**, hệ thống âm thanh sẽ khởi động lại trong khi các ứng dụng của bên thứ ba đều tắt.
Sau khi tắt chế độ nguồn một lần, các ứng dụng của bên thứ ba sẽ hoạt động trở lại.

Điều khiển âm thanh từ xa

Loại xe có đồng hồ đo loại A

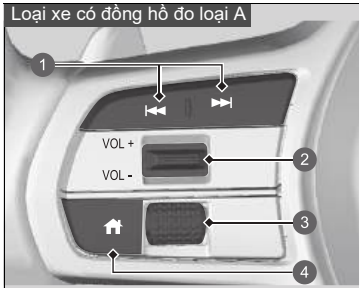

Giúp bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh khi đang lái xe. Thông tin sẽ hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

❶ Nút |◀◀ / ▶▶| (Tìm kiếm/Bỏ qua)
❷ Công tắc **VOL** ＋/**VOL** － (Âm lượng)
❸ Vòng lựa chọn bên trái
❹ Nút ⌂ (Màn hình chính)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

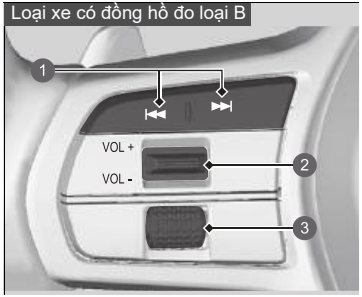

❶ Nút |◀◀ / ▶▶| (Tìm kiếm/Bỏ qua)
❷ Công tắc **VOL** ＋/**VOL** － (Âm lượng)
❸ Vòng lựa chọn bên trái

Điều khiển âm thanh từ xa

Một số chế độ chỉ xuất hiện khi sử dụng thiết bị hoặc phương tiện phù hợp.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Ấn nút ⌂ (màn hình chính) để trở lại màn hình chính của màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Còn nữa

Công tắc VOL ＋/VOL －（Âm lượng）
Gạt lên: Để tăng âm lượng.
Gạt xuống: Để giảm âm lượng.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Vòng lựa chọn bên trái

- Khi chọn chế độ âm thanh

Ấn nút (màn hình chính), sau đó cuộn lên hoặc cuộn xuống để chọn **Audio** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

Cuộn lên hoặc cuộn xuống:
Để chuyển đổi giữa các chế độ âm thanh, hãy cuộn lên hoặc cuộn xuống rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Vòng lựa chọn bên trái
Cuộn lên hoặc cuộn xuống:
Để chuyển đổi giữa các chế độ âm thanh, hãy cuộn lên hoặc cuộn xuống rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.

Nút |◀◀/▶▶| (Tìm kiếm/Bỏ qua)

- Khi nghe đài radio
  Ấn ▶▶|: Để chọn đài phát thanh cài đặt sẵn tiếp theo.
  Ấn |◀◀: Để chọn lại đài phát thanh cài đặt sẵn trước đó.
  Ấn và giữ ▶▶|: Để chọn kênh có tần số mạnh tiếp theo.
  Ấn và giữ |◀◀: Để chọn kênh có tần số mạnh trước đó.
- Khi nghe nhạc qua kết nối có dây, ổ USB flash, Âm thanh *Bluetooth*® hoặc Kết nối điện thoại thông minh
  ▶ Tùy vào thiết bị được kết nối, các thao tác có thể thay đổi.
  Ấn ▶▶|: Để bỏ qua sang bài tiếp theo.
  Ấn |◀◀: Để trở lại bài hát trước đó.
- Khi nghe trên ổ USB flash
  Ấn và giữ ▶▶|: Để chuyển sang thư mục tiếp theo.
  Ấn và giữ |◀◀: Để trở lại thư mục trước đó.

Màn hình âm thanh/thông tin

Hiển thị trạng thái âm thanh và hình nền. Từ màn hình này, bạn có thể chuyển sang các tùy chọn cài đặt khác nhau.

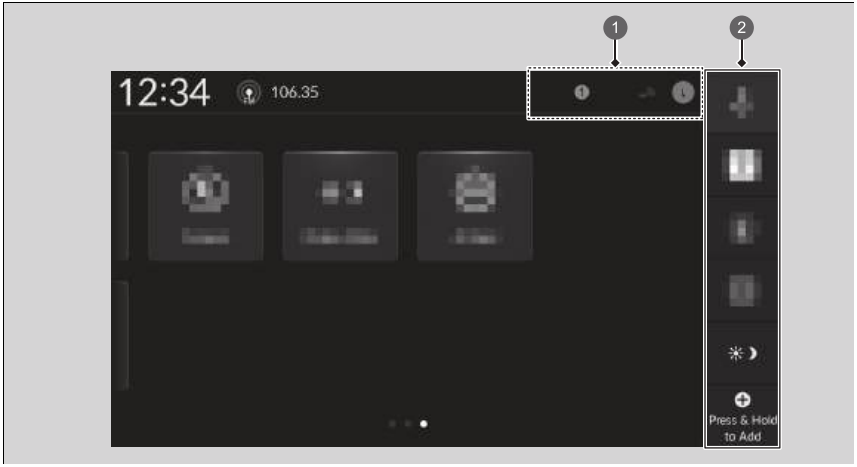

❶ Thanh trạng thái
❷ Thanh công tắc chuyển chế độ

Màn hình âm thanh/thông tin

Thao tác trên màn hình cảm ứng

- Thực hiện các thao tác đơn giản bao gồm chạm, vuốt và cuộn để sử dụng một số chức năng của hệ thống âm thanh.
- Một số mục có thể chuyển sang màu xám để bạn tập trung hơn vào việc lái xe.
- Bạn có thể chọn các mục đó khi dừng xe hoặc sử dụng khẩu lệnh.
- Đeo găng tay có thể hạn chế hoặc làm giảm độ nhạy của màn hình cảm ứng.

Bạn có thể thay đổi cài đặt độ nhạy màn hình cảm ứng.

Tính năng tùy chỉnh Tr. 438

Thanh công tắc chuyển chế độ

Bạn có thể chọn bất kỳ ứng dụng nào từ thanh Công tắc chuyển chế độ. Có thể chỉnh sửa các biểu tượng truy cập nhanh để mở các ứng dụng khác, tuy nhiên, bạn không thể chỉnh sửa **Google Assistant (Trợ lý Google)**.

■ Để chuyển sang màn hình tiếp theo

Vuốt màn hình sang trái hoặc phải để chuyển sang màn hình tiếp theo.

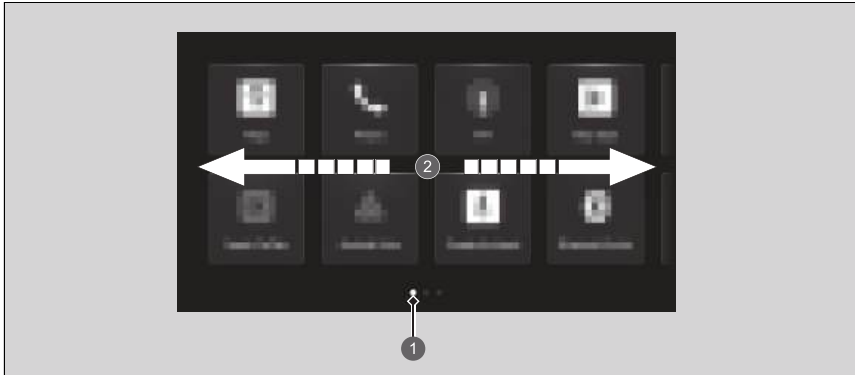

❶ Vị trí trang hiện tại
❷ Vuốt

Để chuyển sang màn hình tiếp theo

Có thể thêm sáu trang vào màn hình chính.

Ấn nút HOME để quay trở lại trang đầu tiên của màn hình chính từ trang bất kỳ.

■ Để thêm/xóa các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính

Có thể thêm hoặc xóa các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính.

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **All Apps (Tất cả ứng dụng)**.
3. Chọn một ứng dụng và tích hoặc bỏ tích ứng dụng đó.

Để thêm/xóa các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính

Ứng dụng sẽ không bị xóa bằng cách xóa biểu tượng trên màn hình chính.

Còn nữa

■ Để di chuyển/xóa các biểu tượng trên màn hình chính

Bạn có thể thay đổi vị trí biểu tượng trên màn hình chính.

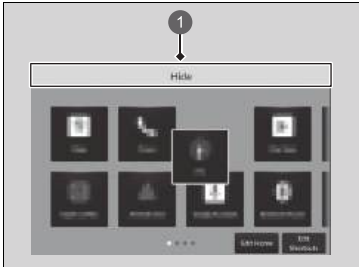

❶ **Ẩn**

1. Ấn nút HOME.

2. Chọn và giữ biểu tượng.

▶ Màn hình chuyển sang màn hình tùy chỉnh.

3. Kéo và thả biểu tượng đến vị trí mong muốn.

▶ Kéo và thả biểu tượng vào **Hide** để xóa khỏi màn hình chính.

4. Ấn nút HOME hoặc BACK.

▶ Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

Để di chuyển/xóa các biểu tượng trên màn hình chính

Ứng dụng sẽ không bị xóa bằng cách xóa biểu tượng trên màn hình chính.

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Chọn thêm một lần nữa để ẩn các gợi ý.

■ Để tạo biểu tượng truy cập nhanh trên màn hình chính

Có thể lưu năm biểu tượng trên thanh công tắc chuyển chế độ.

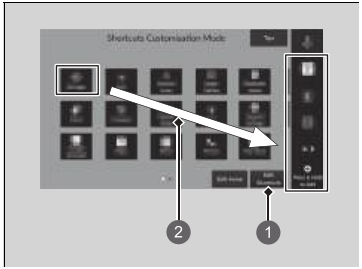

❶ **Chỉnh sửa truy cập nhanh**
❷ Kéo và thả

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn và giữ biểu tượng.
▶ Màn hình chuyển sang màn hình tùy chỉnh.
3. Chọn **Edit Shortcuts**.
4. Kéo và thả biểu tượng muốn lưu sang bên phải màn hình chính.
▶ Biểu tượng được lưu dưới dạng truy cập nhanh.
5. Ấn nút HOME hoặc BACK.
▶ Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

Để tạo biểu tượng truy cập nhanh trên màn hình chính

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Chọn thêm một lần nữa để ẩn các gợi ý.

Bạn cũng có thể lưu các biểu tượng trên thanh công tắc chuyển chế độ theo quy trình sau.
1. Chọn và giữ biểu tượng.
2. Chọn **Edit Shortcuts**.
3. Chọn một biểu tượng.
4. Chọn vị trí truy cập nhanh.
5. Ấn nút HOME hoặc BACK.

Còn nữa

■ Thanh trạng thái

Hiển thị các chỉ báo thông tin về xe, điện thoại được kết nối, v.v. ở vùng tiêu đề.
Bạn có thể xác nhận thông tin chi tiết bằng cách chọn các biểu tượng này.



1. Chọn thanh trạng thái.
   ► Vùng trạng thái xuất hiện.
2. Chọn một mục để xem chi tiết.
3. Ấn nút HOME hoặc BACK .

❶ Vùng trạng thái

■ Chọn nguồn âm thanh

Bạn có thể chọn nguồn âm thanh trên màn hình âm thanh/thông tin.



1. Chọn biểu tượng ứng dụng của màn hình âm thanh/thông tin.
2. Chọn một biểu tượng trong danh sách nguồn để chuyển nguồn âm thanh.

❶ Biểu tượng ứng dụng

Cài đặt đồng hồ

■ Điều chỉnh đồng hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian bằng tay và đặt hình nền của đồng hồ ở màn hình âm thanh/thông tin.

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn **Date & Time**.
5. Chọn **Set Date &Time**.
6. Chọn **Automatic Date &Time**, sau đó chọn **OFF**.

Để điều chỉnh ngày:
7. Chọn **Set Date**.
8. Chọn ▲/▼.
9. Ấn nút BACK để cài đặt ngày.

Để điều chỉnh thời gian.
7. Chọn **Set Time**.
8. Chọn ▲/▼.
9. Ấn nút BACK để cài đặt thời gian.

Điều chỉnh đồng hồ

Đồng hồ được cập nhật tự động thông qua hệ thống âm thanh.

Bạn cũng có thể điều chỉnh đồng hồ bằng cách chạm vào biểu tượng đồng hồ hiển thị trên vùng tiêu đề của màn hình âm thanh/thông tin, **Clock** sẽ hiển thị trên màn hình chính, hoặc **All App**.

1. Chạm vào biểu tượng đồng hồ trên màn hình. Màn hình đồng hồ loại mặt tròn xuất hiện.
2. Chọn **Menu**.
3. Chọn **Date & Time**.
4. Chọn **Set Date &Time**.
5. Chọn **Automatic Date &Time**, sau đó chọn **OFF**.
6. Chọn **Set Date** hoặc **Set Time**.
7. Điều chỉnh ngày, giờ và phút bằng cách chọn ▲/▼.
8. Ấn nút BACK để cài đặt thời gian.

Bạn có thể tùy chỉnh màn hình đồng hồ.
Hệ thống Tr. 439

■ Cài đặt hình nền

Bạn có thể thay đổi, lưu và xóa hình nền trên màn hình âm thanh/thông tin.

■ Lưu hình nền

1. Cắm ổ USB flash vào cổng sạc/kết nối USB. ➡ **Cổng USB** Tr. 258
2. Chọn **Clock**.
3. Chọn **Menu**.
4. Chọn **Clock Faces**.
5. Chọn **Add More**.
6. Lưu hình ảnh mong muốn.
▶ Có thể lưu nhiều hình ảnh cùng một lúc.
7. Chọn **Select Files**.
8. Chọn **Add Files**.
▶ Màn hình quay trở về màn hình **Clock Faces**.

9. Chọn hình nền

1. Chọn **Clock**.
2. Chọn **Menu**.
3. Chọn **Clock Faces**.
4. Chọn hình nền mong muốn.
5. Chọn **Save**.
▶ Màn hình quay trở về màn hình **Clock Faces**.

Cài đặt hình nền

Hình nền mà bạn cài đặt trên **Clock Faces (Mặt đồng hồ)** sẽ không hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

- Khi lưu tệp hình nền, hình ảnh phải nằm trong thư mục gốc của USB. Không thể lưu ảnh nằm trong một thư mục.
- Tên tệp phải nhỏ hơn 64 byte.
- Có thể lưu tệp hình ảnh có định dạng là BMP (bmp) hoặc JPEG (jpg).
- Có thể lưu được 21 hình ảnh.
- Dung lượng mỗi tệp phải dưới 10 MB.
- Kích thước tối đa của hình ảnh là 4.096 x 2.304 pixels. Nếu kích thước hình ảnh nhỏ hơn, hình ảnh sẽ được hiển thị ở giữa màn hình xung quanh là màu đen.

Còn nữa

■ **Xóa hình nền**

1. Chọn **Clock**.
2. Chọn **Menu**.
3. Chọn **Clock Faces**.
4. Chọn **Delete Files**.
5. Chọn **Select Files to Delete**.
▶ Nếu muốn xóa toàn bộ hình nền, chọn **Delete All Files**.
6. Chọn hình nền mong muốn.
7. Chọn **Select Files**.
8. Chọn **Delete Files**.
▶ Màn hình quay trở về màn hình **Clock Faces**.

Xóa hình nền

Bạn không thể xóa các hình nền đã được lưu từ đầu.

Sẽ mất một lúc để có thể xem trước các tệp có kích thước lớn.

Điều chỉnh âm thanh

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn biểu tượng nguồn âm thanh.
3. Chọn **Sound**.
4. Chọn cài đặt mong muốn.

Chọn một mục trong các lựa chọn sau:

- **Speed Volume Compensation (Bù âm lượng theo tốc độ)**[*2]: Cài đặt mức tăng âm lượng.
- **Bass/Mid/Treble (Trầm/Trung/Bổng)**: Trầm, Trung, Bổng
- **Balance/Fader (Cân bằng/Giảm âm)**[*2]: Cân bằng, Giảm âm
- **Audio Zones & Balance/Fader (Vùng âm thanh và Cân bằng/Giảm âm)**[*1]: Chỉ dành cho người lái, Chỉ phía trước, Chỉ phía sau, Toàn bộ xe, Cân bằng, Giảm âm
- **Bose Centerpoint Surround (Âm thanh vòm Bose Centerpoint)**[*1]: BẬT và TẮT Bose Centerpoint.
- **Bose Dynamic Speed Compensation (Bù âm thanh dựa trên độ động theo công nghệ của Bose)**[*1]: Cài đặt mức tăng âm lượng.

*1 : Loại xe có BOSE AMP
*2 : Loại xe có AMP thông thường

Điều chỉnh âm thanh

Chức năng **Speed Volume Compensation (Bù âm lượng theo tốc độ)**[*2] và **Bose Dynamic Speed Compensation (Bù âm thanh dựa trên độ động theo công nghệ của Bose)**[*1] điều chỉnh âm lượng theo tốc độ xe. Âm lượng tăng khi xe chạy nhanh hơn. Âm lượng giảm khi xe chạy chậm lại.

Bạn cũng có thể điều chỉnh âm thanh theo các bước sau.
1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Sound**.

Để thiết lập lại từng cài đặt cho **Bass/Mid/Treble (Trầm/Trung/Bổng)**, **Balance/Fader (Cân bằng/Giảm âm)**[*2], **Audio Zones & Balance/Fader (Vùng âm thanh và Cân bằng/Giảm âm)**[*1], **Bose Dynamic Speed Compensation (Bù âm thanh dựa trên độ động theo công nghệ của Bose)**[*1], và **Speed Volume Compensation (Bù âm lượng theo tốc độ)**[*2] chọn **Reset to Default (Đặt lại về mặc định) (Đặt lại về mặc định)** ở mỗi mục cài đặt.

Cài đặt màn hình hiển thị

Bạn có thể thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin.

■ Thay đổi độ sáng màn hình

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Display**.
4. Chọn cài đặt mong muốn.

Thay đổi độ sáng màn hình

Bạn có thể thay đổi cài đặt **Contrast (Độ tương phản)** và **Black Level (Độ tối)** theo cách này.

Để thiết lập lại cài đặt, chọn **Reset to Default (Đặt lại về mặc định)**.

Cập nhật hệ thống

Khi có bản cập nhật hệ thống, một thông báo nhắc cập nhật hệ thống sẽ hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin.
Cập nhật hệ thống bằng bộ điều khiển viễn thông (TCU) hoặc kết nối Wi-Fi.

Cập nhật hệ thống

Nếu có phần mềm mới, hãy cập nhật sớm nhất có thể.

Nếu cập nhật hệ thống không thành công, vui lòng liên hệ với đại lý.

Các bản cập nhật hệ thống làm thay đổi thông số kỹ thuật có thể dẫn đến một số khác biệt với thông tin trong sách hướng dẫn sử dụng này.

Một số tính năng có thể không khả dụng trong quá trình cập nhật hệ thống.

Còn nữa

■ Cách cập nhật hệ thống

1. Chọn **System Updates**.
2. Chọn **Agree to Update while power mode is OFF** để cho phép cập nhật.
▶ Màn hình quá trình cài đặt sẽ hiển thị.
▶ Khi chế độ nguồn được đặt ở TẮT, một thông báo bắt đầu cập nhập xuất hiện trong vài giây.
3. Sau đó, khi chế độ nguồn được chuyển sang BẬT, màn hình kết quả cập nhật hệ thống sẽ hiển thị.
▶ Có thể xem kết quả cập nhật hệ thống từ **Settings → Update History (Lịch sử cập nhật)** trong Cập nhật hệ thống.

Cách cập nhật hệ thống

Đảm bảo dừng xe ở nơi an toàn trước khi bắt đầu cập nhật hệ thống.

Nếu bạn đã ấn **Agree to Update while power mode is OFF (Đồng ý cập nhật khi chế độ nguồn đang TẮT)** trên màn hình thỏa thuận khi một bản cập nhật đang được cung cấp, hoặc **Automatic Update (Tự động cập nhật)** đặt thành **ON (BẬT)**, và thông báo cập nhật đã bắt đầu không được hiển thị ngay cả khi chế độ nguồn được đặt thành TẮT, điều này có thể là do một hoặc nhiều điều kiện được liệt kê bên dưới. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với đại lý.
- Vị trí số không ở P.
- Xe đang gửi một hoặc nhiều thông báo khẩn cấp.
- Ắc quy hết điện.

Nếu hệ thống được cập nhật qua Wi-Fi, bạn sẽ không thể sử dụng tính năng này trong một số trường hợp cần xác thực Wi-Fi.
Ví dụ:
- Kết nối yêu cầu đăng nhập.
- Phải đồng ý với các điều khoản sử dụng.

Nếu mất kết nối mạng, quá trình tải xuống sẽ dừng lại.
Quá trình tải xuống sẽ tiếp tục khi có kết nối mạng mới.

■ Cài đặt cập nhật hệ thống

Bạn có thể thay đổi hoặc xác nhận cài đặt cập nhật hệ thống.

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **System Updates**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn tùy chọn bạn muốn thay đổi hoặc xác nhận.

Có thể thiết lập các cài đặt sau.

- **Cập nhật tự động**
- **Tải xuống tự động**
- **Phiên bản bộ điều khiển**
- **Cài đặt kết nối**
  ➡ **Kết nối Wi-Fi** Tr. 422
- **Lịch sử cập nhật**

Cài đặt cập nhật hệ thống

Để thực hiện cập nhật hệ thống qua Wi-Fi, hãy thay đổi cài đặt để kết nối với Wi-Fi.

➡ **Kết nối Wi-Fi** Tr. 338

Bật đài AM/FM

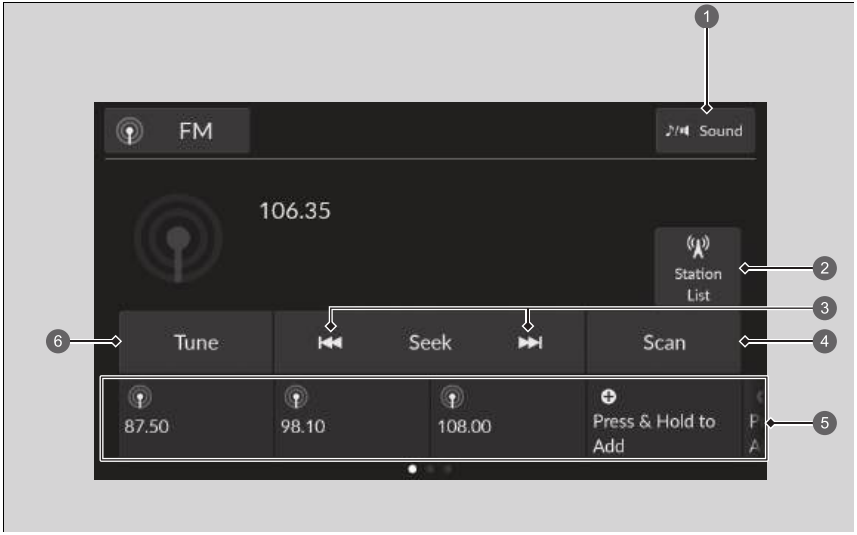

❶ Biểu tượng Âm thanh
❷ Biểu tượng Danh sách kênh
❸ Biểu tượng Tìm kiếm
❹ Biểu tượng Quét
❺ Biểu tượng kênh yêu thích
❻ Biểu tượng Dò kênh

■ Kênh yêu thích

Để thêm kênh:
1. Dò đến kênh đã chọn.
2. Chọn và giữ **Press & Hold to Add**.

■ Chỉnh sửa một kênh yêu thích

Chọn và giữ biểu tượng kênh ưa thích mong muốn.
Có thể thực hiện các mục sau đây:
- **Xóa yêu thích**: Xóa biểu tượng kênh yêu thích ra khỏi danh sách kênh yêu thích.
- **Thay thế bằng** (số): Thay thế biểu tượng kênh yêu thích đã lưu.
- **Thêm vào Màn hình chính**: Thêm biểu tượng truy cập nhanh của kênh yêu thích đã lưu vào màn hình chính.

■ Danh sách kênh

Liệt kê các kênh có tín hiệu mạnh nhất trong dải tần số đã chọn.
1. Chọn **Station List** để hiển thị danh sách.
2. Chọn kênh.

■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn vào bất cứ lúc nào.
1. Chọn **Station List** để hiển thị danh sách.
2. Chọn **Refresh**.

Kênh yêu thích

Chuyển đổi Chế độ âm thanh
Cuộn vòng lựa chọn bên trái hoặc chọn biểu tượng nguồn âm thanh trên màn hình.
➔ **Điều khiển âm thanh từ xa** Tr. 393

Bạn có thể lưu 12 kênh AM/FM vào bộ nhớ cài đặt sẵn.

Còn nữa

■ Quét

Nghe thử từng kênh có tín hiệu mạnh nhất trong dải tần số đã chọn trong 10 giây. Để tắt quét, chọn **Stop** hoặc ấn nút BACK .

■ Tìm kiếm

Chọn |◀◀ hoặc ▶▶| để dò lên hoặc dò xuống các dải tần số đã chọn để tìm kênh có tín hiệu mạnh.

■ Màn hình điều chỉnh tần số vô tuyến thủ công

Chọn để sử dụng bàn phím trên màn hình để nhập trực tiếp tần số vô tuyến.

1. Chọn **Tune**.

2. Nhập tần số vô tuyến mong muốn bằng bàn phím trên màn hình.

3. Chọn **Enter** để dò đến tần số đó.

■ Âm thanh

Điều chỉnh các cài đặt âm thanh.

1. Chọn **Sound**.

➡ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 405

Phát nhạc qua Kết nối có dây

Sử dụng đầu nối USB của bạn, kết nối thiết bị với cổng sạc/kết nối USB, sau đó chọn biểu tượng USB.

Cổng USB Tr. 258

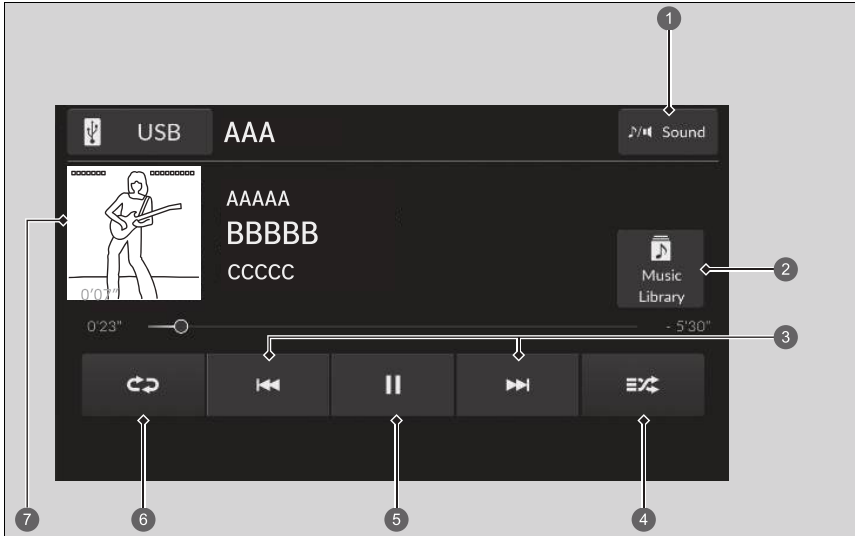

❶ **Biểu tượng Âm thanh**
❷ **Biểu tượng Thư viện nhạc**
❸ **Biểu tượng Chuyển bài**
❹ **Biểu tượng Phát ngẫu nhiên**
❺ **Biểu tượng Phát/Tạm dừng**
❻ **Biểu tượng Lặp lại**
❼ **Bìa album**

Còn nữa

■ Cách chọn bài từ Danh sách tìm kiếm nhạc

1. Chọn **Music Library**.
2. Chọn danh mục tìm kiếm (ví dụ: Nhạc sỹ, Album, v.v.).
3. Tiếp tục lựa chọn cho đến khi bạn tìm thấy bài hát mình muốn.

■ Cách chọn Chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ trộn bài và lặp lại khi đang phát một tệp.

■ Trộn bài/Lặp lại

Liên tục chọn biểu tượng trộn bài hoặc lặp lại đến khi tìm được tùy chọn chế độ phát mong muốn.

Phát ngẫu nhiên

Tắt trộn bài: Tắt chế độ trộn bài.
Trộn tất cả bài hát: Phát tất cả các bài hát có trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

Lặp lại

Tắt lặp lại: Tắt chế độ lặp lại.
Lặp lại bài hát: Lặp lại bài đang phát.
Lặp lại tất cả: Lặp lại tất cả bài hát.

Phát nhạc qua Kết nối có dây

Các chức năng vận hành khác nhau tùy loại xe hoặc phiên bản. Một số chức năng của hệ thống âm thanh có thể không có ở xe này.

Nếu một điện thoại iPhone được kết nối qua Apple CarPlay, nguồn USB sẽ không có sẵn và các tệp âm thanh trên điện thoại chỉ có thể được phát trên Apple CarPlay.

■ Cách chuyển bài hát

Bạn có thể chọn |◀◀ hoặc ▶▶| để chuyển bài. Chọn và giữ để tua nhanh bài hát.

■ Âm thanh

Bạn có thể điều chỉnh cài đặt âm thanh.

➲ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 405

Phát nhạc/video qua ổ USB flash

Hệ thống âm thanh của xe đọc và phát các file âm thanh trên USB có định dạng MP3, WMA, AAC*1, FLAC, WAV, opus, MP4*, AVI*, MKV*, 3GPP*, WebM*, hoặc MPEG2-TS*.
Kết nối ổ USB flash của bạn với cổng sạc/kết nối USB, sau đó chọn biểu tượng USB.

Cổng USB Tr. 258

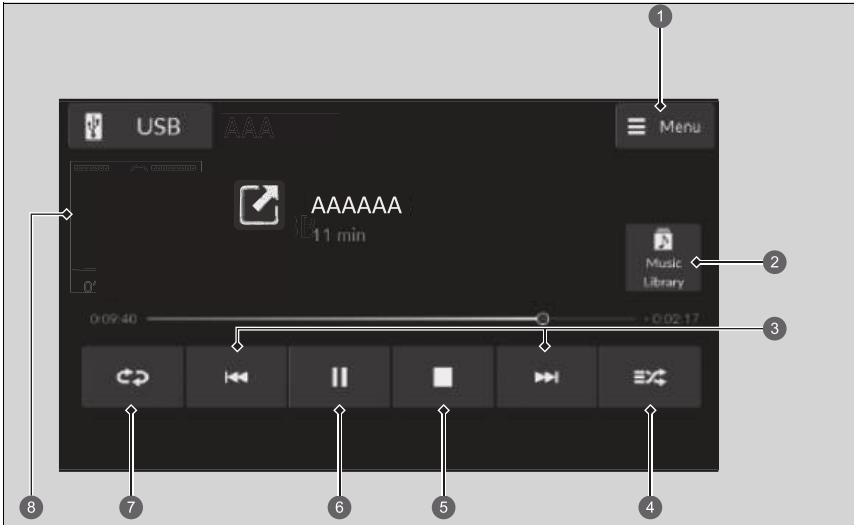

❶ **Biểu tượng Danh mục** (Phát video)/**Biểu tượng Âm thanh** (Phát nhạc)
❷ **Biểu tượng Thư viện nhạc**
❸ **Biểu tượng Bài hát/Video**
❹ **Biểu tượng Ngẫu nhiên**
❺ **Biểu tượng Dừng** (Phát video)
❻ **Biểu tượng Phát/Tạm dừng**
❼ **Biểu tượng Lặp lại**
❽ **Bìa album** (Phát nhạc)/**Máy phát nhạc mini** (Phát video)

*1 : Chỉ các file có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên thiết bị này.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Cách chọn tệp từ Danh sách tìm kiếm nhạc

1. Chọn **Music Library**.
2. Chọn danh mục tìm kiếm (ví dụ: Nhạc sỹ, Album, Video, v.v.).
3. Tiếp tục lựa chọn cho đến khi bạn tìm thấy bài hát hoặc video mình muốn.

■ Cách chọn Chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ ngẫu nhiên và lặp lại khi đang phát một tệp.

■ Ngẫu nhiên/Lặp lại
Liên tục chọn biểu tượng ngẫu nhiên hoặc lặp lại đến khi hiển thị chế độ phát mong muốn.

Ngẫu nhiên
Random off: Tắt chế độ ngẫu nhiên.
Random all tracks: Phát tất cả các tệp theo thứ tự ngẫu nhiên.
Random in folder: Phát tất cả các tệp trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.

Lặp lại
Tắt lặp lại: Tắt chế độ lặp lại.
Lặp lại bài: Lặp lại tệp đang phát.
Repeat in folder: Lặp lại tất cả các tệp trong thư mục đang phát.

Phát nhạc/video qua ổ USB flash

Sử dụng loại ổ USB flash khuyên dùng.
Thông tin chung về hệ thống âm thanh* Tr. 475

Không thể phát các tệp định dạng WMA được bảo vệ bằng quản lý bản quyền nội dung số (DRM). Hệ thống âm thanh hiển thị **The selected tệp cannot be played on this system** (Không thể phát tệp đã chọn trên hệ thống này), sau đó chuyển sang tệp tiếp theo.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Cách chuyển tệp

Bạn có thể chọn |◀◀| hoặc |▶▶| để chuyển tệp. Chọn và giữ để tua nhanh một tệp.

■ Âm thanh (Phát tệp nhạc)

Bạn có thể điều chỉnh cài đặt âm thanh.

➔ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 405

■ Danh mục (Phát tệp video)

Thay đổi các cài đặt USB khi đang phát video.

1. Chọn **Menu**.

2. Chọn một tùy chọn.

- **Sound Settings**: Điều chỉnh các cài đặt âm thanh.
  ➔ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 405
- **Image Settings**: Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin.
  ➔ **Cài đặt màn hình hiển thị** Tr. 406
- **Aspect Ratio**: Chọn chế độ hiển thị với tỷ lệ khung hình khác nhau. (**Original** (Nguyên bản)/**Normal***1(Bình thường)/**Full**/**Zoom** (Toàn màn hình))
- **Overlay Clock Location**: Thay đổi bố cục màn hình đồng hồ. (**OFF***1 (TẮT)/**Upper right** (Phía trên bên phải)/**Upper left** (Phía trên bên trái)/**Lower right** (Phía dưới bên phải)/**Lower left** (Phía dưới bên trái))

*1 : Cài đặt mặc định

Phát nhạc trên Âm thanh *Bluetooth*®

Hệ thống âm thanh cho phép bạn nghe nhạc từ điện thoại tương thích *Bluetooth*. Chức năng này hoạt động khi điện thoại được ghép đôi và được kết nối với hệ thống Điện thoại rảnh tay (HFT) của xe.

Cài đặt điện thoại Tr. 461

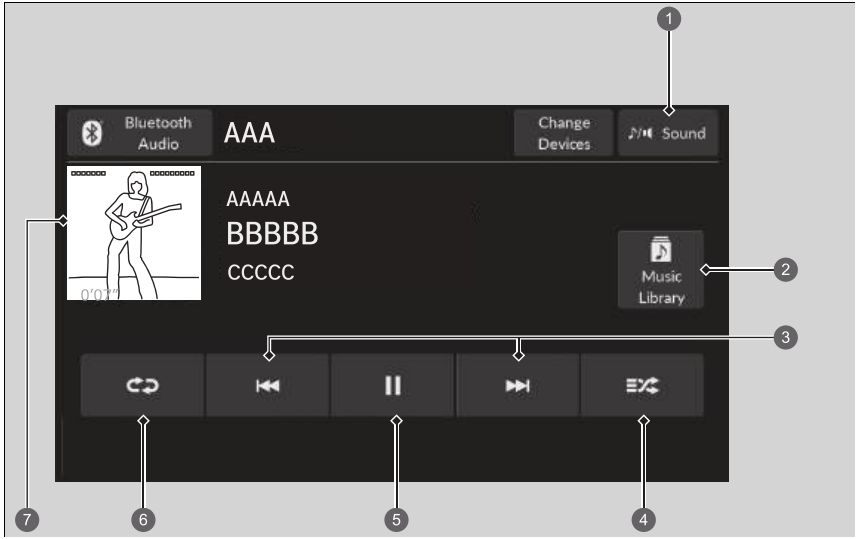

❶ **Biểu tượng Âm thanh**
❷ **Biểu tượng Thư viện nhạc**
❸ **Biểu tượng Chuyển bài**
❹ **Biểu tượng Phát ngẫu nhiên**
❺ **Biểu tượng Phát/Tạm dừng**
❻ **Biểu tượng Lặp lại**
❼ **Bìa album**

Phát nhạc trên Âm thanh *Bluetooth*®

Không phải tất cả các điện thoại có âm thanh Bluetooth đều tương thích.
Hãy liên hệ với đại lý để biết điện thoại của bạn có tương thích không.

Việc thực hiện một số chức năng của thiết bị dữ liệu khi lái xe có thể là phạm luật.

Tại một thời điểm, chỉ có thể kết nối một điện thoại với HFT.
Khi ghép đôi nhiều điện thoại cùng lúc, hệ thống sẽ tự động kết nối với điện thoại được ưu tiên. Bạn có thể cài đặt ưu tiên điện thoại trong danh sách thiết bị *Bluetooth*®.

Cài đặt điện thoại Tr. 461

Điện thoại được kết nối với Âm thanh *Bluetooth*® có thể khác nhau.

Nếu có nhiều điện thoại được ghép đôi với hệ thống HFT, thời gian bắt đầu phát sẽ lâu hơn.

Trong một số trường hợp, tên nhạc sĩ, album hoặc bài hát có thể hiển thị không đúng.

Một vài chức năng có thể không có ở một số thiết bị nhất định.

Nếu điện thoại hiện tại đang được kết nối qua Apple CarPlay hoặc Android Auto, thì không phát được Âm thanh *Bluetooth*® từ điện thoại đó.

Cài đặt điện thoại Tr. 461

Còn nữa

■ Để phát các tệp âm thanh *Bluetooth*®

1. Đảm bảo điện thoại của bạn đã được ghép đôi và kết nối với hệ thống.
➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 461

2. Chọn chế độ Âm thanh *Bluetooth*®.

Nếu không nhận diện được điện thoại, có khả năng hệ thống đã kết nối với một điện thoại khác tương thích với HFT mà không tương thích với Âm thanh *Bluetooth*®.

Để phát các tệp âm thanh *Bluetooth*®

Để phát các tệp âm thanh, bạn cần thực hiện một số thao tác trên điện thoại. Nếu vậy, hãy làm theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất điện thoại.

Khi chuyển sang chế độ khác, bản nhạc đang phát trên điện thoại của bạn sẽ tạm dừng.

Bạn có thể thay đổi điện thoại đã được kết nối bằng cách chọn **Change Devices**.
➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 461

■ Tìm kiếm nhạc

1. Chọn **Music Library**.
2. Chọn danh mục tìm kiếm (ví dụ: Album).
3. Chọn một mục.
▶ Bắt đầu phát mục đã lựa chọn.

Tìm kiếm nhạc

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® mà bạn kết nối, một số hoặc tất cả danh sách có thể không được hiển thị.

■ Cách chọn chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ trộn bài và lặp lại khi đang phát một tệp.

■ Trộn bài/Lặp lại

Liên tục chọn biểu tượng trộn bài hoặc lặp lại đến khi tìm được tùy chọn chế độ phát mong muốn.

Các mục trong menu chế độ phát

Phát ngẫu nhiên

Tắt trộn bài: Tắt chế độ trộn bài.

Trộn tất cả bài hát: Phát tất cả các bài hát có trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

Lặp lại

Tắt lặp lại: Tắt chế độ lặp lại.

Lặp lại bài hát: Lặp lại bài đang phát.

Lặp lại nhóm: Lặp lại nhóm đang phát.

Lặp lại tất cả: Lặp lại tất cả bài hát.

Cách chọn chế độ phát

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® mà bạn kết nối, một số hoặc tất cả chức năng có thể không hiển thị.

Kết nối Wi-Fi

Xe này được trang bị kết nối Wi-Fi. Bạn có thể kết nối với điểm phát sóng Wi-Fi hoặc thiết bị liên lạc bên ngoài.

■ Kết nối xe với điểm phát sóng Wi-Fi

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Connections**.
4. Chọn **Wi-Fi**.
▶ Để thay đổi cài đặt Wi-Fi, chọn **Options**.
5. Chọn điểm truy cập mong muốn để kết nối với hệ thống.
6. Chọn **Connect**.
▶ Khi kết nối thành công, dòng trạng thái **Connected** bên cạnh tên mạng sẽ hiển thị trong danh sách.
7. Ấn nút HOME để quay lại màn hình chính.

Kết nối Wi-Fi

Wi-Fi và Wi-Fi Direct là các nhãn hiệu đã đăng ký bản quyền của Wi-Fi Alliance®.

Kết nối xe với điểm phát sóng Wi-Fi

Bạn không thể hoàn thành quy trình cài đặt khi xe đang chạy. Hãy đỗ xe ở nơi an toàn để cài đặt hệ thống âm thanh ở chế độ Wi-Fi.

Một số hãng viễn thông tính phí khi bạn chia sẻ và sử dụng mạng dữ liệu di động. Hãy kiểm tra gói cước đăng ký mạng dữ liệu điện thoại của bạn.

Kiểm tra hướng dẫn sử dụng điện thoại để xem điện thoại có kết nối Wi-Fi không.

Nhìn vào biểu tượng trên danh sách mạng Wi-Fi để biết Wi-Fi đang bật hay tắt. Tốc độ truyền tín hiệu và các thông tin khác sẽ không hiển thị trên màn hình này.

Khi kết nối điện thoại với Wi-Fi, hãy đảm bảo cài đặt Wi-Fi của điện thoại ở chế độ điểm truy cập (chia sẻ kết nối).

Chọn **Access Point** để cài đặt kết nối Mạng không dây từ điện thoại đến xe.

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Apple CarPlay

Nếu bạn kết nối một iPhone tương thích với Apple CarPlay với hệ thống qua cổng sạc/kết nối USB ở bảng điều khiển phía trước hoặc không dây và biểu tượng Apple CarPlay được chọn, bạn có thể sử dụng Apple CarPlay trên màn hình âm thanh/thông tin.

➔ **Cổng USB** Tr. 258

Apple CarPlay

Chúng tôi khuyến nghị bạn cập nhật iOS lên phiên bản mới nhất khi sử dụng Apple CarPlay.

Đỗ xe ở nơi an toàn trước khi kết nối iPhone với Apple CarPlay và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Trong khi kết nối với ứng dụng Apple CarPlay, không thể sử dụng Âm thanh *Bluetooth*® hoặc Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT). Bạn chỉ có thể thực hiện cuộc gọi hoặc nghe nhạc thông qua Apple CarPlay. Các điện thoại khác đã từng được ghép đôi có thể sử dụng âm thanh *Bluetooth*®.

Khi sử dụng Điện thoại rảnh tay, bạn chỉ có thể điều khiển bằng ứng dụng Siri.

➔ **Vận hành Apple CarPlay bằng Siri** Tr. 426

Apple CarPlay và Android Auto không thể chạy cùng lúc.

Để biết chi tiết về các quốc gia và khu vực có sẵn Apple CarPlay, cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trang web của Apple.

Sau khi cài đặt Apple CarPlay, một số thông tin về người dùng và xe (ví dụ như: vị trí, tốc độ và trạng thái của xe) sẽ được truyền tới điện thoại iPhone để nâng cao trải nghiệm của người dùng khi sử dụng Apple CarPlay. Bạn cần phải chấp thuận để chia sẻ thông tin này trên màn hình âm thanh/thông tin.

Còn nữa

■ Danh mục Apple CarPlay

Để biết chi tiết về các ứng dụng khả dụng, vui lòng tham khảo trang web Apple CarPlay. Các ứng dụng hiển thị trên màn hình có thể được thay đổi bằng iPhone của bạn.
Chọn biểu tượng **Honda** trên màn hình menu Apple CarPlay để quay lại màn hình chính.

Apple CarPlay

Điều kiện và Giới hạn vận hành Apple CarPlay
Apple CarPlay yêu cầu điện thoại iPhone tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Có áp dụng cước phí theo các gói cước của nhà mạng.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác được tích hợp trong các chức năng do Apple CarPlay cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của Apple CarPlay. Honda khó có thể đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của Apple CarPlay.

Có thể sử dụng các ứng dụng bên thứ ba nếu tương thích với Apple CarPlay. Tham khảo trang web của Apple để biết thông tin về các ứng dụng tương thích.

■ Kết nối Apple CarPlay bằng cáp USB.

1. Kết nối iPhone với cổng sạc/kết nối USB bằng cáp USB.
➡ **Cổng USB** Tr. 258
▶ Màn hình xác nhận sẽ hiển thị.
2. Chọn **Yes**.
▶ Chọn **No** nếu bạn không cho phép.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục cài đặt **Connection**.

■ Kết nối Apple CarPlay bằng mạng không dây

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **Apple CarPlay**.
3. Chọn **Connect New Phone (Kết nối điện thoại mới)** hoặc **Check Device List (Kiểm tra danh sách thiết bị)**.
4. Ghép đôi iPhone với hệ thống *Bluetooth*® của xe.
➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 461
5. Chọn **Yes**.

Apple CarPlay

Chỉ khởi tạo ứng dụng Apple CarPlay khi bạn đã đỗ xe an toàn.
Khi Apple CarPlay phát hiện điện thoại iPhone của bạn lần đầu, bạn sẽ cần thiết lập điện thoại iPhone của bạn. Hãy tham khảo hướng dẫn của điện thoại iPhone của bạn.

Bạn cũng có thể sử dụng cách bên dưới để cài đặt ứng dụng Apple CarPlay.
Ấn nút HOME → **General Settings** → **Connections** → **Manage Device Connections** → Chọn thiết bị.

Sử dụng thông tin người dùng và thông tin xe
Việc sử dụng, xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại iPhone thông qua Apple CarPlay được quản lý bởi các điều khoản và điều kiện của hệ điều hành iOS và Chính sách bảo mật của Apple.

Nếu có sự cố với kết nối iPhone của bạn, một mã lỗi sẽ hiển thị.
➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Còn nữa

■ Vận hành Apple CarPlay bằng Siri

Ấn và giữ nút (Nói) để kích hoạt Siri.
Ấn một lần nữa để hủy ứng dụng Siri.
Ấn và nhả để kích hoạt hệ thống nhận diện giọng nói tiêu chuẩn.

Vận hành Apple CarPlay bằng Siri

Dưới dây là ví dụ về các câu hỏi và lệnh cho Siri:

- Hôm nay có những bộ phim nào đang phát?
- Gọi cho bố ở nơi làm việc.
- Tên bài hát này là gì?
- Thời tiết ngày mai như thế nào?
- Đọc email mới nhất của tôi.

Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy truy cập trang web *www.apple.com/ios/siri*.

Android Auto™

Khi bạn kết nối một điện thoại™ với hệ thống âm thanh qua cổng sạc/kết nối USB ở bảng điều khiển phía trước hoặc không dây và biểu tượng Android Auto được chọn, bạn có thể sử dụng Android Auto trên màn hình âm thanh/thông tin.
Hãy đỗ xe ở nơi an toàn để xem tất cả các hướng dẫn này trước khi sử dụng Android Auto.

➔ **Cổng USB** Tr. 258

CHÚ Ý:
Ứng dụng Android Auto có thể không có sẵn ở quốc gia hoặc khu vực của bạn. Để biết chi tiết về Android Auto, hãy tham khảo trung tâm hỗ trợ Android Auto.

Android Auto™

Khi sử dụng Android Auto, bạn nên dùng phiên bản Android OS cập nhật mới nhất.
Không thể sử dụng *Bluetooth* A2DP khi điện thoại của bạn đang kết nối với Android Auto.

Đỗ xe ở nơi an toàn trước khi kết nối điện thoại Android với Android Auto và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Để truy cập trực tiếp chức năng điện thoại Android Auto, ấn **Phone** trên màn hình chính.

Apple CarPlay và Android Auto không thể chạy cùng lúc.

Android và Android Auto là thương hiệu của Google LLC.

Để sử dụng từng tính năng của Android Auto, hãy nói từ kích hoạt trong khi màn hình Android Auto đang hiển thị, hoặc ấn và giữ nút (nói) để kích hoạt Trợ lý Google.

➔ **Vận hành Android Auto với Trợ lý Google** Tr. 430

Còn nữa

■ Danh mục Android Auto

Để biết chi tiết về các ứng dụng khả dụng, vui lòng tham khảo trung tâm hỗ trợ Android Auto.
Các ứng dụng hiển thị trên màn hình có thể được thay đổi bằng điện thoại thông minh của bạn.
Chọn biểu tượng **Honda** trên màn hình menu Android Auto để quay lại màn hình chính.

Android Auto™

Để biết chi tiết về các quốc gia và khu vực có sẵn Android Auto, cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trung tâm hỗ trợ Android Auto.

Điều kiện và giới hạn vận hành Android Auto
Ứng dụng Android Auto yêu cầu điện thoại Android tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Có áp dụng cước phí theo các gói cước của nhà mạng.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác tích hợp trong các chức năng do Android Auto cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của Android Auto. Honda không thể và không đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của Android Auto.

Có thể sử dụng các ứng dụng bên thứ ba nếu tương thích với Android Auto. Tham khảo trung tâm hỗ trợ Android Auto để biết thông tin về các ứng dụng tương thích.

■ Kết nối Android Auto bằng cáp USB.

1. Kết nối điện thoại Android với cổng sạc/kết nối USB bằng cáp USB.
➡ **Cổng USB** Tr. 258
▶ Màn hình xác nhận sẽ hiển thị.
2. Chọn **Yes**.
▶ Chọn **No** nếu bạn không cho phép.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục cài đặt **Connection**.

■ Kết nối Android Auto bằng mạng không dây

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **Android Auto**.
3. Chọn **Connect Phone (Kết nối điện thoại)** hoặc **Search for Device (Tìm kiếm thiết bị)**.
4. Ghép đôi điện thoại với hệ thống *Bluetooth*® của xe.
➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 461
5. Chọn **Yes**.

Android Auto™

Chỉ khởi tạo ứng dụng Android Auto khi bạn đã đỗ xe an toàn. Bạn cần cài đặt điện thoại khi kết nối điện thoại lần đầu với Android Auto để tự động ghép đôi. Hãy tham khảo hướng dẫn của điện thoại của bạn.

Bạn có thể sử dụng cách dưới đây để thay đổi các cài đặt của Android Auto sau khi hoàn thành thiết lập ban đầu:
Ấn nút HOME → **General Settings** → **Connections** → **Manage Device Connections** → Chọn thiết bị

Sử dụng thông tin người dùng và thông tin xe
Việc sử dụng, xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại của bạn thông qua Android Auto được quản lý bởi Chính sách bảo mật của Google.

Nếu có sự cố với kết nối điện thoại thông minh của bạn, một mã lỗi sẽ hiển thị.
➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Còn nữa

■ Vận hành Android Auto với Trợ lý Google

Ấn và giữ nút (Nói) để vận hành Android Auto bằng giọng nói.
Ấn và nhả để kích hoạt hệ thống nhận diện giọng nói tiêu chuẩn.

Vận hành Android Auto với Trợ lý Google

Dưới dây là ví dụ về các lệnh đối với hệ thống nhận dạng giọng nói:

- Trả lời tin nhắn.
- Gọi cho vợ tôi.
- Định vị tới Honda.
- Phát nhạc của tôi.
- Gửi tin nhắn cho vợ tôi.
- Gọi cho cửa hàng hoa.

Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trung tâm hỗ trợ Android Auto.

Tích hợp Google

Bạn có thể sử dụng các tính năng có sẵn tích hợp Google trên màn hình âm thanh.

Tích hợp Google

- Google, Google Play, và Google Maps là thương hiệu của Google LLC.
- Để biết thêm chi tiết về các tính năng của Ứng dụng và Dịch vụ Google, hãy truy cập trung tâm hỗ trợ các xe có tích hợp Google.

Thông tin bổ sung về Google Apps và Dịch vụ có tại trang web của Honda.

Còn nữa

■ Google Assistant (Trợ lý Google)

Bạn có thể vận hành các tính năng với sự trợ giúp rảnh tay của Google Assistant (Trợ lý Google).

Kích hoạt Google Assistant (Trợ lý Google) bằng:

- Nói "*Hey Google*."
  ▶ Từ đánh thức khác nhau tùy theo vùng và ngôn ngữ. Tham khảo trung tâm hỗ trợ các xe có tích hợp Google để biết thêm thông tin.
- Ấn nút (Nói) trên vô lăng.
- Chọn biểu tượng Google Assistant (Trợ lý Google) trên màn hình âm thanh/thông tin.

■ Google Maps

Google Maps giúp bạn tới điểm đến nhanh hơn với thông tin giao thông theo thời gian thực, tự động định tuyến lại và điều khiển bằng giọng nói.

■ Google Play

Tải ứng dụng yêu thích của bạn trên Google Play.

Google Assistant (Trợ lý Google)

Dưới đây là ví dụ về các câu lệnh có thể sử dụng khi Google Assistant (Trợ lý Google) được kích hoạt:

- Phát nhạc.
- Phát đài radio.

Bạn có thể tùy chỉnh ngôn ngữ và các cài đặt khác liên quan đến **Google Assistant (Trợ lý Google)**.

➡ **Cách tùy chỉnh các cài đặt chung** Tr. 438

Google Maps

Đảm bảo dừng xe ở nơi an toàn trước khi sử dụng tính năng này.

Khi Tài khoản Google của bạn được liên kết với một người dùng hợp lệ, các điểm đến được lưu trên các thiết bị khác (nhà, nơi làm việc, mục ưa thích, các tìm kiếm trước đó, v.v.) có thể được hiển thị. Khi thiết bị và xe cùng đăng nhập vào một Tài khoản Google, việc thay đổi thông tin trên thiết bị cũng sẽ thay đổi thông tin đó trên Google Maps.

Google Play

Xe phải dừng lại để tải ứng dụng.
Đảm bảo dừng xe ở nơi an toàn trước khi sử dụng tính năng này.

Thông tin người dùng

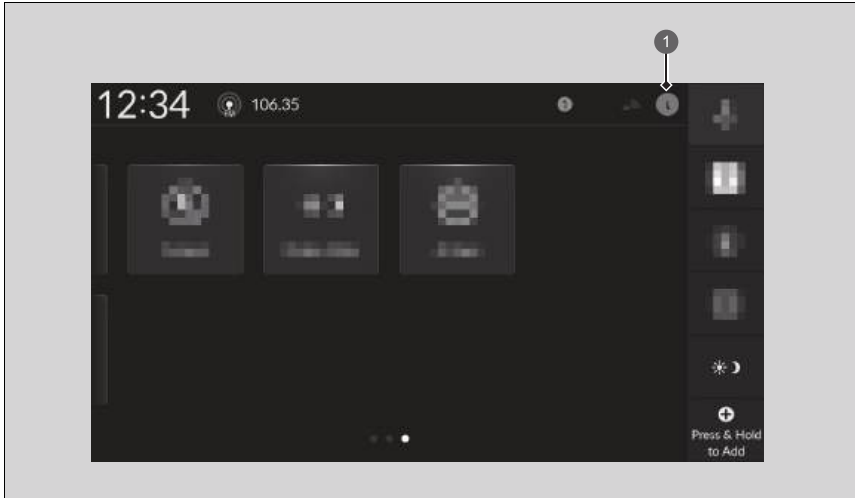

❶ Thông tin người dùng

Thông tin người dùng

Không thể sử dụng tính năng này khi đang lái xe.

Bạn có thể tùy chỉnh cài đặt riêng cho từng người dùng.

Cài đặt hồ sơ Tr. 437

Bạn có thể tùy chỉnh cài đặt bảo mật cho từng người dùng. Nếu quên cài đặt bảo mật, bạn sẽ phải xóa người dùng đó và tạo người dùng mới. Nếu quên cài đặt bảo mật cho người dùng Chủ sở hữu, hãy liên hệ với đại lý.

Một số tính năng không khả dụng cho người dùng mới tạo hoặc người dùng Khách.

Còn nữa

Bạn có thể thêm và thay đổi người dùng, cũng như tùy chỉnh các cài đặt người dùng.
Bằng cách đăng ký một người dùng, bạn có thể cá nhân hóa các cài đặt của xe.
Bạn có thể chọn người dùng khi màn hình âm thanh/thông tin đang tải, ngay cả khi các cửa đang mở hoặc không khóa.

Bằng cách liên kết hồ sơ của bạn với Tài khoản Google, bạn có thể tận hưởng trải nghiệm Google tích hợp được cá nhân hóa hơn. Để được hỗ trợ thêm về việc liên kết tài khoản, hãy truy cập trung tâm hỗ trợ các xe có tích hợp Google.

■ Đăng ký người dùng

1. Chọn thông tin người dùng
- ▶ Bạn cũng có thể thêm người dùng bằng cách chọn **Profile Settings**.
  - ➡ **Cài đặt hồ sơ** Tr. 437
- ▶ Bạn có thể thêm người dùng ngay cả khi các cửa đang mở hoặc không khóa.

2. Chọn **Change Profile**.

3. Chọn **+ Add User (Thêm người dùng)**.

4. Nhập thông tin người dùng.
  - ➡ **Khởi động** Tr. 389

■ Đổi người dùng

1. Chọn thông tin người dùng
- ▶ Bạn cũng có thể thay đổi người dùng bằng cách chọn **Profile Settings**.
  - ➡ **Cài đặt hồ sơ** Tr. 437
- ▶ Bạn có thể đổi người dùng ngay cả khi các cửa đang mở hoặc không khóa.

2. Chọn **Change Profile**.

3. Chọn người dùng mà bạn muốn sử dụng.

»Đăng ký người dùng

Chỉ có thể thay đổi hồ sơ khi đỗ xe.

Bạn có thể thêm tối đa 4 người dùng ngoài người dùng Chủ sở hữu và người dùng Khách.

Khi thêm người dùng, màn hình âm thanh/thông tin được tải dưới người dùng đó.

»Đổi người dùng

Chỉ có thể thay đổi hồ sơ khi đỗ xe.

Người dùng có cài đặt bảo mật tùy chỉnh có thể hạn chế thao tác trên màn hình bằng cách chọn phím tắt **Screen Lock (Khóa màn hình)**.

Còn nữa

■ Xóa người dùng

1. Chọn **Profile Settings**.
2. Chọn **Manage Profile**.
3. Chọn **Profiles & accounts**.
4. Chọn **Delete your profile**.

Xóa người dùng

Khi xóa hồ sơ người dùng đang được sử dụng, màn hình âm thanh/thông tin được tải dưới người dùng Khách.

Khi đang sử dụng người dùng Chủ sở hữu, bạn có thể xóa người dùng khác thông qua General Settings → Advanced Settings.
Tính năng tùy chỉnh Tr. 438

Tùy thuộc vào phiên bản OS, các bước xóa người dùng có thể khác với hướng dẫn trên trang này. Hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình.

Cài đặt hồ sơ

Bạn có thể thêm và thay đổi người dùng, cũng như tùy chỉnh các cài đặt người dùng.

■ Cách tùy chỉnh cài đặt hồ sơ

Ấn nút HOME , chọn **Profile Settings**, và chọn mục cài đặt mà bạn muốn.

■ Thay đổi hồ sơ

Bạn có thể thay đổi và thêm người dùng.

➔ **Thông tin người dùng** Tr. 433

■ Quản lý hồ sơ

Sử dụng **Manage Profile (Quản lý hồ sơ)** để thay đổi cài đặt hồ sơ. Hãy xác nhận chi tiết trên màn hình âm thanh/thông tin.

Thông số kỹ thuật có thể thay đổi sau khi cập nhật hệ thống, v.v.

»Cài đặt hồ sơ

Khi bạn tùy chỉnh các cài đặt:

- Đảm bảo xe đã dừng hẳn.
- Sang số P.
- Đặt phanh đỗ.

Tính năng tùy chỉnh

Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để tùy chọn một số tính năng cụ thể.

■ Cách tùy chỉnh các cài đặt chung

Với chế độ nguồn BẬT, chọn **General Settings**, sau đó chọn một mục cài đặt.

Tính năng tùy chỉnh

Khi bạn tùy chỉnh các cài đặt:

- Đảm bảo xe đã dừng hẳn.
- Sang số P.

■ Hệ thống

Tính năng tùy chỉnh			Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Date & Time (Ngày và giờ)	**Set Date & Time** (Cài đặt ngày và giờ)	**Ngày và giờ tự động**	Chọn **ON** để GPS tự động điều chỉnh đồng hồ. Chọn **OFF** để hủy chức năng này.	**OFF**/**ON**(TẮT/BẬT)
		Cài đặt ngày	Điều chỉnh ngày. ➔ **Điều chỉnh đồng hồ** Tr. 402	—
		Cài đặt giờ	Điều chỉnh đồng hồ. ➔ **Điều chỉnh đồng hồ** Tr. 402	—
	Múi giờ*	**Múi giờ tự động**	Cài đặt hệ thống định vị để tự động điều chỉnh đồng hồ khi lái xe ở các múi giờ khác nhau.	**OFF**/**ON**(TẮT/BẬT)
		(Chọn múi giờ)	Thay đổi múi giờ bằng tay.	—

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Tính năng tùy chỉnh		Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Date & Time (Ngày và giờ)	**Định dạng ngày**	Cài đặt định dạng ngày.	**Day-of-week, MM DD,YYYY** (Thứ, Tháng/Ngày/Năm)/ **YYYY.MM.DD Day-of-week** (Năm/Tháng/ Ngày,Thứ)/ **YYYY.MM.DD (Day-of-week)** (Năm/Tháng/ Ngày (Thứ))/**Day-of-week DD.MM.YYYY** (Thứ, Ngày/Tháng/ Năm)/**DD.MM.YYYY** (Ngày/Tháng/Năm)
	Định dạng giờ	Thay đổi màn hình đồng hồ số từ **12-H** thành **24-H**.	**12-H**/**24-H**
Language (Ngôn ngữ)		Thay đổi ngôn ngữ hiển thị.	**English** Một số ngôn ngữ có thể không có ở tất cả các khu vực. Kiểm tra màn hình âm thanh/thông tin để biết các tùy chọn khả dụng.
Touch Panel Sensitivity (Độ nhạy của bảng điều khiển cảm ứng)		Cài đặt độ nhạy của màn hình bảng điều khiển cảm ứng.	**Low**/**High** (Thấp/Cao)

	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
About (Giới thiệu)	**IP address**	Hiển thị các mục cài đặt Android.	—
	Wi-Fi MAC address		
	Bluetooth MAC address		
	Serial Number		
	Up Time		
	Model Number		
	Android Version		
	Kernel Version		
	Build Number		
	Software Version		
Factory Data Reset (Khôi phục dữ liệu gốc)		Đặt lại tất cả các cài đặt về mặc định gốc. ➔ **Mặc định tất cả các cài đặt** Tr. 455	**Cancel**/**Continue** (Hủy/Tiếp tục)

■ **Kết nối**

Tính năng tùy chỉnh			Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Quản lý kết nối thiết bị	**Tùy chọn**	**Bluetooth**	Bật và tắt *Bluetooth*®	**On**[*1]**/Off** (Bật[*1]/Tắt)
		Thông tin thiết bị ưu tiên	Hiển thị thiết bị ưu tiên.	—
		Đổi tên	Thay đổi tên xe để cài đặt kết nối *Bluetooth*®.	—
		Kích thước màn hình chiếu của điện thoại thông minh	Thay đổi kích thước màn hình chiếu điện thoại thông minh.	**Normal**/**Wide** (Bình thường/Rộng)
		Mã lỗi chiếu hình điện thoại thông minh	Hiển thị (các) mã lỗi của tính năng chiếu hình từ điện thoại.	—
	+ Kết nối thiết bị mới		Ghép đôi điện thoại mới với HFT. ➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 461	—
	(Các thiết bị đã lưu)		Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi. ➔ **Cài đặt điện thoại** Tr. 461	—

Tính năng tùy chỉnh			Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Wi-Fi	**Tùy chọn**	**Wi-Fi**	Cho phép xe kết nối Wi-Fi.	**OFF**/**ON** (TẮT/BẬT)
		Thêm mạng	Cho phép bạn kết nối với một mạng mới bên ngoài.	—
		Thêm mạng (Nâng cao)		
		Mạng đã lưu	Xóa mạng đã lưu hoặc thay đổi cài đặt quyền cập nhật cho mạng đã chọn.	—
Điểm truy cập	**Tùy chọn**	**Điểm truy cập**	Cho phép kết nối mạng không dây từ điện thoại tới xe. Bật tính năng này để vận hành ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto bằng mạng không dây.	**OFF**/**ON** (TẮT/BẬT)
		Chỉnh sửa cài đặt điểm truy cập	Cho phép bạn xác nhận các cài đặt điểm phát sóng và chỉnh sửa thông tin kết nối điểm phát sóng.	—
Tùy chọn kết nối dữ liệu	**Thiết lập Wi-Fi**		Thiết lập điểm phát sóng cá nhân (chia sẻ kết nối điện thoại). ➔ **Kết nối Wi-Fi** Tr. 422	—

■ Bảo mật

Tính năng tùy chỉnh		Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Chia sẻ dữ liệu với Honda		Bật và tắt tính năng chia sẻ dữ liệu.	**Disable (Vô hiệu hóa)/ Enable (Kích hoạt)**
Micrô		Bật và tắt micro. Có thể sử dụng eCall ở bất kỳ cài đặt nào.	
Định vị		Thiết lập quyền chia sẻ dữ liệu cho từng chức năng.	
Dữ liệu hệ thống thông tin giải trí			
Quyền ứng dụng			
Cài đặt quyền toàn hệ thống			
Chia sẻ dữ liệu với Google[*1]			
Ads[*1]			
Thông báo pháp lý của Google[*1]	**Google Terms of Service** (Điều khoản dịch vụ của Google)[*1]	Hiển thị Google URL.	—
	Google Privacy Policy (Chính sách quyền riêng tư của Google)[*1]		

*1: Hãy xác nhận chi tiết trên màn hình âm thanh/thông tin. Thông số kỹ thuật có thể thay đổi sau khi cập nhật hệ thống, v.v.

■ **Display (Màn hình điều chỉnh nhiệt độ ngoài trời)**

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Độ sáng	Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin.	—
Độ tương phản	Thay đổi độ tương phản của màn hình âm thanh/ thông tin.	—
Độ tối	Thay đổi độ tối của màn hình âm thanh/thông tin.	—
TẮT màn hình	Tắt sáng màn hình âm thanh/thông tin.	—

■ **Âm thanh**

Tính năng tùy chỉnh		Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Trầm/Trung/ Bổng	**Trầm**	Điều chỉnh cài đặt âm thanh của loa hệ thống âm thanh. ➡ **Điều chỉnh âm thanh** Tr. 405	—
	Trung		
	Bổng		
Audio Zones & Balance / Fader (Vùng âm thanh và Cân bằng/Giảm âm)*			
Bose Centerpoint Surround (Âm thanh vòm Bose Centerpoint)*			
Bose Dynamic Speed Compensation (Bù âm thanh dựa trên độ động theo công nghệ của Bose)*			
Balance/Fader (Cân bằng/Giảm âm)*			
Speed Volume Compensation (Bù âm lượng theo tốc độ)*			

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Âm lượng âm thanh

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Âm thanh hệ thống	Điều chỉnh cài đặt âm lượng âm thanh.	**0 ~ 3**
Nhận dạng giọng nói		**1 ~ 11**
Dẫn hướng định vị		**0 ~ 11**
Cuộc gọi điện thoại		**0 ~ 40**

■ **Camera**

Tính năng tùy chỉnh			Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Camera góc rộng phía sau	**Dẫn hướng**	**Dẫn hướng cố định**	Hiển thị dẫn hướng không di chuyển theo vô lăng. ➡ **Camera lùi đa hướng*** Tr. 620	**OFF**/**ON**(TẮT/BẬT)
		Dẫn hướng động	Hiển thị dẫn hướng di chuyển theo vô lăng. ➡ **Camera lùi đa hướng*** Tr. 620	**OFF**/**ON**(TẮT/BẬT)
Hệ thống quan sát làn đường*	**Hiển thị bằng đèn báo**		Chọn bật hoặc tắt màn hình Quan sát làn đường khi bạn gạt cần xi nhan để báo rẽ trái*1/phải*2 .	**OFF**/**ON**(TẮT/BẬT)
	Hiển thị thời gian sau khi đèn báo tắt		Thay đổi khoảng thời gian màn hình Quan sát làn đường sáng sau khi cần xi nhan trở về vị trí giữa.	**0 giây**/**2 giây**
	Hiển thị đường tham chiếu		Chọn bật hoặc tắt các đường tham chiếu màn hình Quan sát làn đường.	**OFF**/**ON**(TẮT/BẬT)
Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang*			Hiển thị mũi tên trên hình ảnh camera sau để biểu thị các xe đang đến từ các phía. ➡ **Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang*** Tr. 616	**ON**/**OFF**(BẬT/TẮT)

*1: Loại xe có vô lăng bên phải
*2: Loại xe có vô lăng bên trái

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Điều khiển bằng giọng nói**

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Ứng dụng hỗ trợ mặc định	Chọn ứng dụng trợ lý.	**None**/**Google Assistant** (Không có/Trợ lý Google)
Lắng nghe "Hey Siri"[*1]	Kích hoạt Siri khi nói *"Hey Siri"*.	**ON**/**OFF** [*2] (BẬT/TẮT)
Trợ lý Google	Thiết lập chức năng **Google Assistant (Trợ lý Google)**.	—

*1: Kích hoạt khi kết nối điện thoại iPhone.
*2: Cài đặt mặc định (Khi chạy ứng dụng Apple CarPlay, cài đặt sẽ được chuyển sang **ON** (BẬT).)

■ **Bảo mật**
Bạn có thể tùy chỉnh các cài đặt bảo mật. Hãy xác nhận chi tiết trên màn hình âm thanh/thông tin.
Thông số kỹ thuật có thể thay đổi sau khi cập nhật hệ thống, v.v.

■ **Google**
Bạn có thể tùy chỉnh các cài đặt Google. Hãy xác nhận chi tiết trên màn hình âm thanh/thông tin.
Thông số kỹ thuật có thể thay đổi sau khi cập nhật hệ thống, v.v.

■ **Cài đặt nâng cao**
Bạn có thể tùy chỉnh các cài đặt hệ thống nâng cao. Hãy xác nhận chi tiết trên màn hình âm thanh/thông tin.
Thông số kỹ thuật có thể thay đổi sau khi cập nhật hệ thống, v.v.

■ Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe

Với chế độ nguồn ở BẬT, ấn nút HOME, sau đó chọn **Vehicle Settings** và chọn một mục cài đặt.

Còn nữa

■ **Driver Assist System Setup (Cài đặt hệ thống hỗ trợ người lái)**

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Khoảng cách cảnh báo trạng thái gần với xe phía trước	Thay đổi khoảng cách mà Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) cảnh báo. ➡ **Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)** Tr. 536	**Far**/**Normal**[*1]/**Near** (Xa/Trung bình/Gần)
Âm báo khi ACC phát hiện xe phía trước	Bật/Tắt thông báo bằng âm thanh khi xe di chuyển vào/ra khỏi phạm vi kiểm soát hành trình thích ứng. ➡ **Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp** Tr. 557	**ON**/**OFF** [*1] (BẬT/TẮT)
Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành	Thay đổi cài đặt cho hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành. ➡ **Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*** Tr. 591	**Normal**[*1]/**Early**/**OFF** (Bình thường/Sớm/TẮT)
Cài đặt giảm thiểu chệch làn đường	Chọn chế độ hoạt động của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường. ➡ **Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường** Tr. 550	**Warning only (Chỉ cảnh báo)**/**Early (Sớm)**/**Normal (Bình thường)**[*1]/**Delayed (Muộn)**
Tiếng bíp hỗ trợ giữ làn đường	Bật và tắt tiếng bíp cảnh báo tạm dừng LKAS. ➡ **Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)** Tr. 577	**ON**/**OFF** [*1] (BẬT/TẮT)
Thông tin cảnh báo điểm mù*	Bật/tắt cảnh báo bằng âm thanh cho hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù. ➡ **Hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù*** Tr. 523	**Audible And Visual Alert (Cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh)**[*1]/**Visual Alert Only (Chỉ cảnh báo bằng hình ảnh)**
Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái	Thay đổi cài đặt cho chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái. ➡ **Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái** Tr. 128, 163	**OFF (TẮT)**/**Tactile alert only (Chỉ cảnh báo bằng xúc giác)**/**Tactile and audible alert (Cảnh báo bằng xúc giác và âm thanh)**[*1]
Cài đặt cảm biến sau	Bật hoặc tắt cảm biến đỗ phía sau. ➡ **Hệ thống cảm biến đỗ*** Tr. 611	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Meter setup (Cài đặt đồng hồ đo)**

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Màn hình điều chỉnh nhiệt độ ngoài trời	Điều chỉnh chỉ số nhiệt độ ngoài trời tăng lên hoặc giảm xuống. ➡ **Nhiệt độ ngoài trời** Tr. 117	**-3°C ~ ±0°C**[*1] **~ +3°C**
Hẹn giờ cài đặt lại "Hành trình A"	Chọn thời điểm đặt lại Hành trình A. ➡ **Đồng hồ đo quãng đường/nhiên liệu/hành trình** Tr. 121, 156 ➡ **Đồng hồ đo tốc độ/thời gian/hành trình** Tr. 124, 159	**When fully refueled (Khi được nạp đầy nhiên liệu)/ When ignition is turned OFF (Khi tắt khóa điện)/ Manual reset (Đặt lại thủ công)**[*1]
Hẹn giờ cài đặt lại "Hành trình B"	Chọn thời điểm đặt lại Hành trình B. ➡ **Đồng hồ đo quãng đường/nhiên liệu/hành trình** Tr. 121, 156 ➡ **Đồng hồ đo tốc độ/thời gian/hành trình** Tr. 124, 159	**When fully refueled (Khi được nạp đầy nhiên liệu)/ When ignition is turned OFF (Khi tắt khóa điện)/ Manual reset (Đặt lại thủ công)**[*1]
Điều chỉnh âm lượng cảnh báo	Thay đổi mức âm lượng của tất cả các cảnh báo hệ thống, cảnh báo và đèn báo cửa mở.	**Max**/**Mid**[*1]/**Min** (Tối đa/Vừa/Tối thiểu)
Đèn nền hiệu suất nhiên liệu[*]	Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ.	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Hiển thị hướng dẫn theo từng bước	Bật/tắt thông tin bật lên trong hướng dẫn chỉ đường từng bước trên giao diện thông tin người lái. ➡ **Dẫn đường chi tiết** Tr. 127	**ON***1/**OFF** (BẬT/TẮT)
Nhắc ghế sau	Bật và tắt tính năng nhắc ghế sau.	**ON***1/**OFF** (BẬT/TẮT)
Đơn vị tính mức tiết kiệm nhiên liệu	Chọn đơn vị đo mức tiêu thụ nhiên liệu.	**km/l***1/ **l/100km**
Đồng hồ đo tốc độ động cơ*	Chọn bật hoặc tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.	**ON***1/**OFF** (BẬT/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

■ Keyless access setup (Cài đặt mở cửa không chìa khóa)

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Âm lượng tiếng bíp mở cửa không chìa khóa	Thay đổi âm lượng tiếng bíp khi mở khóa/khóa cửa.	**High***1/**Low** (Cao/Thấp)
Nháy đèn khi mở cửa không chìa khóa	Kích hoạt một số đèn ngoài xe nhấp nháy khi mở khóa/khóa các cửa.	**ON***1/**OFF** (BẬT/TẮT)
Tiếng bíp mở cửa không chìa khóa	Kích hoạt tiếng bíp vang lên khi mở khóa/khóa các cửa.	**ON***1/**OFF** (BẬT/TẮT)
BẬT/TẮT hệ thống khởi động từ xa	Bật và tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.	**ON***1/**OFF** (BẬT/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Lighting Setup (Cài đặt chiếu sáng)**

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Đèn pha thích ứng tự động	Bật và tắt đèn pha thích ứng tự động. ➔ **Đèn pha thích ứng tự động** Tr. 213	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT/TẮT)
Thời gian chỉnh độ sáng đèn trong xe	Chọn khoảng thời gian sáng của các đèn trong xe sau khi bạn đóng các cửa. ➔ **Đèn trong xe** Tr. 236	**60sec**/**30sec**[*1]/**15sec** (60 giây/30 giây/15 giây)
Hẹn giờ tự động TẮT đèn chiếu sáng	Chọn khoảng thời gian sáng của các đèn ngoài xe sau khi bạn đóng cửa bên lái. ➔ **Tính năng tắt đèn tự động** Tr. 210	**60sec**/**30sec**/**15sec**[*1]/**0sec** (60 giây/30 giây/15 giây/0 giây)
Đèn chiếu sáng tích hợp cần gạt nước	Bật/Tắt chức năng đèn chiếu sáng khi vận hành cần gạt nước khi đèn chiếu sáng được cài đặt ở **AUTO** (TỰ ĐỘNG). ➔ **Đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước** Tr. 210	**ON**[*1]/**OFF** (BẬT/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

■ **Door Setup (Cài đặt cửa)**

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Khóa cửa tự động	Thay đổi cài đặt cho tính năng khóa cửa tự động.	**With vehicle speed (Với tốc độ xe)**[*1]**/Shift from P (Sang số từ P)/OFF (TẮT)**
Mở khóa cửa tự động	Thay đổi cài đặt mở khóa tự động các cửa.	**All doors with Shift to P (Tất cả các cửa khi sang số P)**[*1]**/ All Doors When Ignition Switched OFF (Tất cả các cửa khi khóa điện chuyển sang TẮT)/OFF (TẮT)**
Khóa khi rời khỏi xe	Thay đổi cài đặt chức năng khóa cửa tự động khi bạn ra khỏi xe.	**ON**/**OFF** [*1] (BẬT/TẮT)
Thông báo khóa không chìa khóa	Bật/tắt nhấp nháy các đèn ngoài xe khi khóa/mở khóa các cửa bằng bằng chìa khóa điều khiển từ xa. ➡ **Sử dụng Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa** Tr. 194	**ON**[*1]**/OFF** (BẬT/TẮT)
Tự động cụp gương cửa	Thay đổi hoạt động tự động cụp gương cửa.	**ON**[*1]**/OFF** (BẬT/TẮT)
Cài đặt trước tính năng khóa	Thay đổi cài đặt chức năng cài đặt trước khóa.	**ON**[*1]**/OFF** (BẬT/TẮT)
Điều khiển cửa kính điện bằng chìa khóa điều khiển từ xa*	Bật và tắt điều khiển cửa kính từ xa.	**ON**[*1]**/OFF** (BẬT/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

■ **Thông tin bảo dưỡng**

Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Thông tin bảo dưỡng	Đặt lại thông tin bảo dưỡng. ➡ **Hệ thống giám sát dầu** Tr. 631	**Đặt lại**

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Mặc định tất cả các cài đặt

Đặt lại tất cả các danh mục và cài đặt tùy chỉnh về các thiết lập mặc định của nhà sản xuất.

■ Mặc định các cài đặt xe

Chỉ người dùng Chủ sở hữu mới có thể thực hiện lệnh này.
Nếu hồ sơ hiện tại không phải là người dùng Chủ sở hữu, hãy đổi người dùng.

➲ **Đổi người dùng** Tr. 435

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn **Factory Data Reset**.
► Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình.
5. Chọn **Continue**.
6. Chọn **Reset** để đặt lại các cài đặt.
► Hệ thống sẽ khởi động lại.

■ Mặc định các cài đặt xe

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **Vehicle Settings**.
3. Chọn **Default All**.
4. Chọn **Yes**.

Mặc định tất cả các cài đặt

Khi bạn chuyển giao xe cho bên thứ ba, hãy đặt lại tất cả các thiết lập về mặc định và xóa toàn bộ dữ liệu cá nhân.

Nếu bạn thực hiện **Factory Data Reset (Khôi phục dữ liệu gốc)**, các ứng dụng được cài đặt từ trước sẽ quay về mặc định gốc.

Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)

Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT) cho phép bạn gọi điện và nghe điện thoại bằng cách sử dụng hệ thống âm thanh của xe, mà không cần cầm điện thoại.

■ Nút HFT



❶ Nút **VOL** ＋/**VOL** － (Âm lượng)
❷ Vòng lựa chọn bên trái

Vòng lựa chọn bên trái: Cuộn lên hoặc xuống để chọn. **Phone** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT)

Để điện thoại của bạn ở nơi có thể thu sóng tốt.

Để sử dụng HFT, bạn cần có điện thoại tương thích Bluetooth. Để biết danh sách điện thoại tương thích, quy trình ghép đôi, và các tính năng đặc biệt, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại lý Honda ở địa phương bạn.

Để sử dụng hệ thống, cài đặt Bluetooth phải ở **ON** (BẬT). Nếu đang có kết nối với ứng dụng Apple CarPlay, HFT/HFL sẽ không khả dụng.
Cài đặt điện thoại Tr. 461

Các lưu ý khi điều khiển bằng giọng nói
- Không hướng cửa thông gió lên phía trần xe và phải đóng các cửa kính lại, vì tiếng ồn từ các cửa thông gió này có thể làm nhiễu micro.
- Nếu micro nhận được giọng nói của người khác, lệnh thoại có thể bị hiểu sai.
- Để thay đổi âm lượng, hãy sử dụng âm lượng của hệ thống âm thanh.

Công nghệ *Bluetooth*® không dây
Nhãn và logo *Bluetooth*® đã được đăng ký thương hiệu do tập đoàn *Bluetooth* SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Honda Motor Co. đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Hạn chế của HFT
Cuộc gọi đến trên HFT sẽ làm gián đoạn hoạt động của hệ thống âm thanh khi đang phát. Hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động khi cuộc gọi kết thúc.

■ Màn hình trạng thái HFT

Màn hình âm thanh/thông tin sẽ thông báo cho bạn khi có cuộc gọi đến.

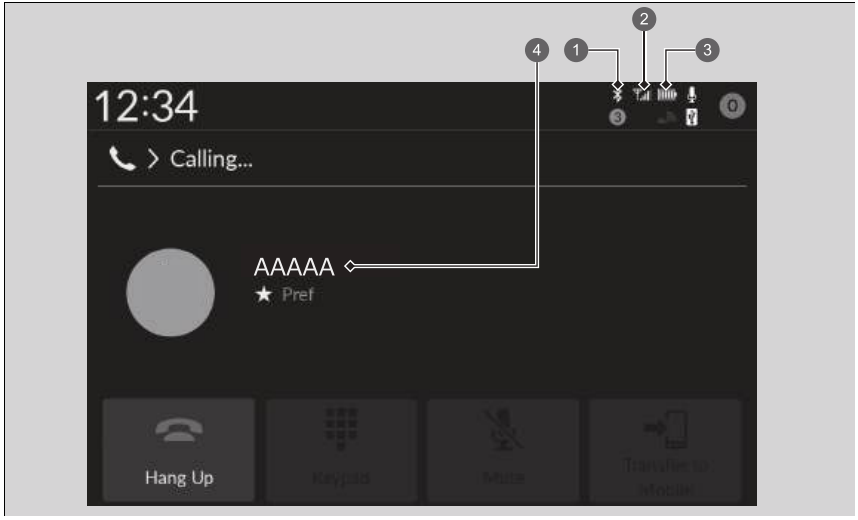

❶ Đèn báo *Bluetooth*
Sáng khi điện thoại được kết nối với HFT.
❷ Cường độ tín hiệu
❸ Trạng thái mức pin
❹ Tên người gọi (Nếu đã lưu)/Số điện thoại của người gọi (Nếu chưa lưu)

■ Hạn chế khi vận hành bằng tay

Một số chức năng vận hành bằng tay bị vô hiệu hoá hoặc không hoạt động khi xe đang chạy. Bạn không thể chọn mục mờ màu xám cho đến khi xe dừng.

Còn nữa

Màn hình trạng thái HFT

Thông tin xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại điện thoại.

■ Danh mục HFT

Chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT để sử dụng hệ thống. Chọn **Phone** để hiển thị màn hình điện thoại.

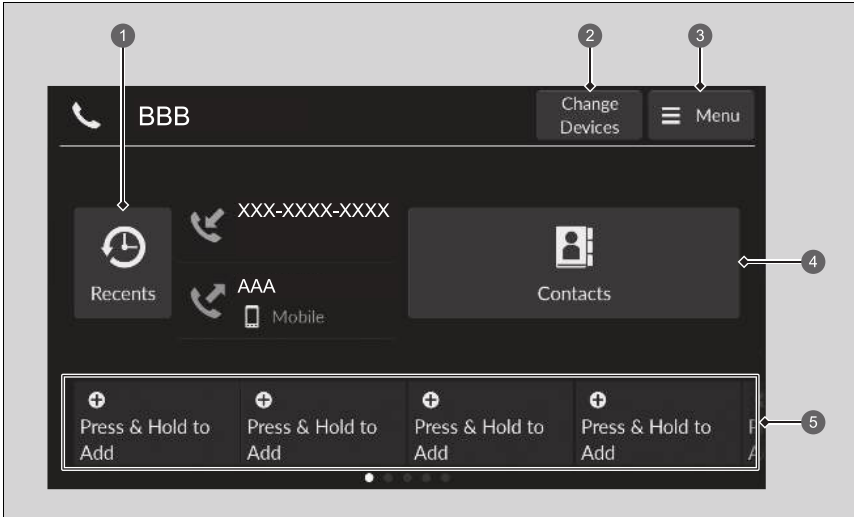

❶ **Gần đây**
❷ **Thay đổi thiết bị**
❸ **Danh mục**
❹ **Danh bạ**
❺ **Ấn và giữ để thêm** (Danh sách mục hiện có)

Danh mục HFT

Để sử dụng HFT, bạn phải ghép đôi điện thoại di động tương thích *Bluetooth* với hệ thống khi đang đỗ xe.

Một số chức năng sẽ bị hạn chế khi đang lái xe.

Gần đây: Hiển thị các cuộc gọi đi, gọi đến và cuộc gọi nhỡ gần đây nhất.

➡ **Để tạo cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi** Tr. 470

Thay đổi thiết bị: Ghép đôi điện thoại mới với hệ thống và kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa thiết bị đã được ghép đôi.

➡ **Cài đặt điện thoại** Tr. 461

Danh mục: Thay đổi các cài đặt điện thoại.

➡ **Màn hình danh mục điện thoại** Tr. 460

Danh bạ: Hiển thị danh bạ của điện thoại đã ghép đôi.

➡ **Để tạo cuộc gọi bằng danh bạ đã lưu** Tr. 469

Ấn và giữ để thêm (Danh sách mục hiện có): Quay số số đã chọn trong mục liên hệ yêu thích.

➡ **Liên hệ yêu thích** Tr. 466

Còn nữa

■ Màn hình danh mục điện thoại

Để hiển thị màn hình danh mục điện thoại, chọn **Menu** trên màn hình điện thoại.

Bàn phím: Nhập số điện thoại để gọi.

➡ **Để tạo cuộc gọi bằng số điện thoại** Tr. 469

Lịch sử cuộc gọi gần nhất: Cài đặt hiển thị hay không hiển thị truy cập nhanh lịch sử cuộc gọi trên màn hình điện thoại.

Tự động đồng bộ điện thoại: Tự động lưu danh bạ và các cuộc gọi gần đây sau khi ghép đôi điện thoại với HFT.

➡ **Tự động lưu danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi** Tr. 464

Chuyển cuộc gọi tự động: Cài đặt chuyển cuộc gọi tự động từ điện thoại sang HFT khi bạn vào xe.

➡ **Tự động chuyển cuộc gọi** Tr. 465

Ringtone: Chọn nhạc chuông.

➡ **Nhạc chuông** Tr. 465

■ Cài đặt điện thoại

■ Cài đặt *Bluetooth*®

Bạn có thể bật và tắt chức năng *Bluetooth*®.

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Connections**.
4. Chọn **Manage Device Connections**.
5. Chọn **Options**.
6. Đặt **Bluetooth** sang **ON** (Bật).

Còn nữa

■ Để ghép đôi điện thoại di động (chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **Phone**.
3. Chọn **Connect New Device**.
4. Đảm bảo điện thoại đang ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy, sau đó chọn **Search for Devices**.
▶ HFT tự động tìm kiếm thiết bị *Bluetooth*®.
5. Chọn điện thoại của bạn khi xuất hiện trong danh sách.
▶ Nếu điện thoại của bạn không xuất hiện, hãy dùng điện thoại của bạn để tìm kiếm các thiết bị *Bluetooth*®.
Tìm kiếm Tên xe từ điện thoại của bạn.
▶ Xác nhận nếu mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin và mã trên điện thoại của bạn khớp nhau.
Điều này có thể khác nhau tùy theo điện thoại.
6. Chọn **Yes**.

Cài đặt điện thoại

Cần ghép đôi điện thoại tương thích Bluetooth với HFT trước khi gọi hoặc nhận các cuộc gọi rảnh tay.

Lưu ý khi ghép đôi điện thoại:
- Không thể ghép đôi điện thoại khi xe đang chạy.
- Có thể ghép đôi tối đa sáu điện thoại.
- Pin điện thoại có thể hết nhanh hơn khi ghép đôi với hệ thống.

Sau khi ghép đôi điện thoại thành công, bạn có thể thấy một hoặc nhiều biểu tượng sau xuất hiện ở góc bên phải màn hình.
Những biểu tượng này có ý nghĩa như sau:

: Điện thoại tương thích với Âm thanh *Bluetooth*® và HFT.

: Điện thoại tương thích với Apple CarPlay.

: Điện thoại tương thích với Android Auto.

■ Để thay đổi điện thoại đang ghép đôi

1. Đến màn hình điện thoại.

➡ **Danh mục HFT** Tr. 458

2. Chọn **Change Devices**.

3. Chọn **Go to Device List**.

4. Chọn điện thoại để kết nối.

▶ HFT ngắt kết nối với điện thoại đã kết nối và bắt đầu tìm kiếm điện thoại đã ghép đôi khác.

5. Chọn , hoặc , .

6. Chọn **Yes**.

■ Để xóa điện thoại đã ghép đôi

1. Đến màn hình điện thoại.

➡ **Danh mục HFT** Tr. 458

2. Chọn **Change Devices**.

3. Chọn **Go to Device List**.

4. Chọn điện thoại bạn muốn xóa.

5. Chọn **Delete Device**.

6. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Delete**.

»Để thay đổi điện thoại đang ghép đôi

Nếu không tìm thấy hoặc không có điện thoại nào được ghép đôi khi cố chuyển sang điện thoại khác, điện thoại ban đầu sẽ được kết nối lại.

Để ghép đôi các điện thoại khác, chọn **+ Connect New Device** từ màn hình **Bluetooth**.

Bạn cũng có thể đổi kết nối bằng biểu tượng , biểu tượng icon, hoặc biểu tượng trong danh sách thiết bị.

Khi chọn hoặc , thì không thể chọn .

Còn nữa

■ Tự động lưu danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi

■ Khi Tự động đồng bộ điện thoại được đặt thành BẬT:

Sau khi ghép đôi điện thoại, tất cả các số liên lạc trong danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi sẽ tự động lưu vào hệ thống.

■ Thay đổi cài đặt Tự động đồng bộ điện thoại

1. Đến màn hình danh mục điện thoại.

➡ **Màn hình danh mục điện thoại** Tr. 460

2. Chọn **Auto Sync Phone**.

3. Chọn **ON** hoặc **OFF**.

Tự động lưu danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi

Ở một số điện thoại, bạn sẽ được yêu cầu cho phép lưu danh bạ điện thoại di động của mình.

Khi bạn chọn một liên hệ trong danh bạ điện thoại, các biểu tượng sẽ xuất hiện. Các biểu tượng này biểu thị kiểu lưu cho số điện đó.

	Di Động		Công việc
	Màn hình chính		Khác
	Yêu thích		

Ở một số điện thoại, có thể không lưu được các biểu tượng vào hệ thống.

Danh bạ được cập nhật sau mỗi lần kết nối.
Lịch sử cuộc gọi được cập nhật sau mỗi lần kết nối.

■ Tự động chuyển cuộc gọi

Nếu bạn vào xe khi đang nói chuyện điện thoại, cuộc gọi đó có thể tự động chuyển sang HFT.

1. Đến màn hình danh mục điện thoại.

➡ **Màn hình danh mục điện thoại** Tr. 460

2. Chọn **Auto Phone Call Transfer**.

3. Chọn **ON** hoặc **OFF**.

■ Nhạc chuông

Bạn có thể thay đổi cài đặt nhạc chuông.

1. Đến màn hình danh mục điện thoại.

➡ **Màn hình danh mục điện thoại** Tr. 460

2. Chọn **Ringtone**.

3. Chọn **Vehicle** hoặc **Phone**.

Nhạc chuông

Vehicle: Nhạc chuông được cài sẵn phát ra từ loa.
Phone: Tùy thuộc vào hãng sản xuất và loại điện thoại di động, nhạc chuông được lưu trong điện thoại sẽ phát ra nếu điện thoại được kết nối.

Còn nữa

■ Liên hệ yêu thích

■ Để thêm liên hệ yêu thích

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **Phone**.
3. Chọn và giữ **Press & Hold to Add**.
4. Chọn **From Recents**, **From Contacts**, hoặc **Using Enter Number**.

Từ cuộc gọi gần đây, Từ danh bạ

5. Chọn số điện thoại

Sử dụng chức năng nhập số

5. Nhập số và chọn **Enter**.

■ Để chỉnh sửa liên hệ yêu thích

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **Phone**.
3. Chọn và giữ một liên hệ yêu thích.
4. Chọn **Edit Favourites**.
5. Chọn cài đặt mong muốn.
6. Chọn **Enter** hoặc chọn loại.

■ Thêm liên hệ yêu thích vào màn hình chính

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **Phone**.
3. Chọn và giữ một liên hệ yêu thích.
4. Chọn **Thêm vào Màn hình chính**.

■ Để xóa liên hệ yêu thích

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **Phone**.
3. Chọn và giữ một liên hệ yêu thích.
4. Chọn **Remove Favourite**.

Còn nữa

■ Tạo cuộc gọi



Tạo cuộc gọi bằng cách nhập số điện thoại bất kỳ hoặc chọn số điện thoại từ danh bạ, lịch sử cuộc gọi hoặc liên hệ yêu thích đã lưu.

❶ Danh mục

Tạo cuộc gọi

Khi cuộc gọi được kết nối, bạn sẽ nghe thấy giọng của người nhận cuộc gọi qua loa âm thanh.

Khi đang kết nối với Apple CarPlay, không thể gọi điện bằng hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay và chỉ được gọi từ Apple CarPlay.

■ Để tạo cuộc gọi bằng danh bạ đã lưu

1. Đến màn hình điện thoại.
➡ **Danh mục HFT** Tr. 458
2. Chọn **Contacts**.
3. Chọn một tên.
► Bạn có thể sắp xếp theo **First Name (Tên)** hoặc **Surname (Họ)**. Chọn biểu tượng ở phía trên bên phải màn hình.
4. Chọn số điện thoại.
► Chức năng quay số sẽ tự động bắt đầu.

■ Để tạo cuộc gọi bằng số điện thoại

1. Đến màn hình danh mục điện thoại.
➡ **Màn hình danh mục điện thoại** Tr. 460
2. Chọn **Keypad**.
3. Chọn số điện thoại.
► Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập số.
4. Chọn **Call**.
► Chức năng quay số sẽ tự động bắt đầu.

Còn nữa

■ Để tạo cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi

Lịch sử cuộc gọi được lưu theo **All**, **Dialled**, **Missed**, hoặc **Received**.

1. Đến màn hình điện thoại.

➔ **Danh mục HFT** Tr. 458

2. Chọn **Recents**.

▶ Bạn có thể sắp xếp theo **All**, **Dialled**, **Missed**, hoặc **Received**. Chọn biểu tượng ở phía trên bên phải màn hình.

3. Chọn số điện thoại.

▶ Chức năng quay số sẽ tự động bắt đầu.

■ Để tạo cuộc gọi bằng số liên hệ yêu thích

1. Đến màn hình điện thoại.

➔ **Danh mục HFT** Tr. 458

2. Chọn liên hệ yêu thích mà bạn muốn gọi.

▶ Chức năng quay số sẽ tự động bắt đầu.

Để tạo cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi

Lịch sử cuộc gọi chỉ hiển thị khi điện thoại được kết nối với hệ thống.

■ Nhận cuộc gọi



Khi có cuộc gọi đến, âm thanh thông báo phát ra (nếu được hoạt động) và màn hình cuộc gọi đến **Incoming Call...** xuất hiện.

Bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để trả lời cuộc gọi.
Để nhận cuộc gọi, cuộn màn hình giao diện thông tin cho người lái lên hoặc xuống để chọn [✆] (trả lời), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

▶ Nếu bạn muốn từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi, sử dụng vòng lựa chọn bên trái để chọn [☎] (bỏ qua) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

»Nhận cuộc gọi

Cuộc gọi chờ
Chọn [✆] (trả lời) để giữ cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đến.
Chọn [✆] bằng vòng lựa chọn bên trái để trở lại cuộc gọi hiện tại.
Chọn [☎] (bỏ qua) để bỏ qua cuộc gọi đến nếu bạn không muốn trả lời cuộc gọi đó.
Chọn [☎] nếu bạn muốn kết thúc cuộc gọi hiện tại.

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin thay vì các biểu tượng [✆] và [☎] trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Còn nữa

■ Tùy chọn khi đang gọi

Có các tùy chọn sau khi đang gọi:
Mute: Tắt tiếng của bạn.
Chuyển sang thiết bị di động: Chuyển cuộc gọi từ hệ thống sang điện thoại của bạn.
Bàn phím: Gửi số điện thoại trong khi gọi. Tính năng này rất hữu ích khi bạn gọi điện thoại dưới dạng danh mục.

Các tùy chọn nằm ở phía dưới màn hình.

Chọn tùy chọn.
▶ Biểu tượng tắt tiếng xuất hiện khi chọn **Mute**. Chọn **Mute** thêm lần nữa để bật tiếng.

Tùy chọn khi đang gọi

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin.

Thông báo lỗi âm thanh*

Dưới đây là các ví dụ về thông báo lỗi. Nếu thông báo lỗi mà bạn thấy không được liệt kê bên dưới, hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình để xóa thông báo đó.

iPod/USB

Nếu xảy ra lỗi khi đang bật iPod hoặc USB, một số thông báo lỗi sau có thể xuất hiện trên màn hình. Nếu bạn không thể xóa thông báo lỗi, hãy liên hệ với đại lý.

Thông báo lỗi	Giải pháp
Faulty USB Device **Please check owner's manual** **(Thiết bị USB bị hỏng** **Vui lòng xem sách hướng dẫn sử dụng)**[*1]	Xuất hiện khi kết nối với một thiết bị không tương thích. Để giải quyết vấn đề, hãy ngắt kết nối thiết bị. Khi an toàn, hãy tắt xe, đợi ít nhất 10 giây rồi khởi động lại xe. Không kết nối lại thiết bị đã gây ra lỗi.
Thử kết nối lại[*1, *2]	Xuất hiện khi hệ thống không nhận iPod. Kết nối lại iPod.
Không thể phát tệp[*1, *2] **Không thể phát tệp đã chọn trên hệ thống này.**[*3]	Xuất hiện khi các tệp trong ổ USB flash được bảo vệ bản quyền hoặc định dạng không được hỗ trợ. Thông báo lỗi này xuất hiện trong khoảng vài giây, sau đó sẽ phát tệp tiếp theo.
Không có dữ liệu[*1, *2, *3]	iPod Xuất hiện khi iPod trống. Ổ USB flash Xuất hiện khi ổ USB flash trống. iPod và ổ USB flash Kiểm tra xem thiết bị có lưu các tệp tương thích không.

*1: Loại xe có Hệ thống âm thanh màu
*2: Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google
*3: Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Thông báo lỗi	Giải pháp
Không hỗ trợ[*1, *2]	Xuất hiện khi kết nối với một thiết bị không được hỗ trợ. Nếu thông báo này xuất hiện khi kết nối với một thiết bị được hỗ trợ, hãy kết nối lại thiết bị.
Lỗi[*3]	Xuất hiện khi kết nối với một thiết bị không được hỗ trợ. Nếu thông báo này xuất hiện khi kết nối với một thiết bị được hỗ trợ, hãy kết nối lại thiết bị. Xuất hiện khi thiết bị có lưu các định dạng không được hỗ trợ. Kiểm tra xem thiết bị có lưu các tệp tương thích không.
No response from device (Thiết bị không phản hồi)[*1, *2]	Xuất hiện khi hệ thống không liên lạc với thiết bị đã kết nối. Nếu thông báo này xuất hiện sau khi kết nối với một thiết bị, hãy liên hệ với nơi bạn mua thiết bị.
Không hỗ trợ bộ chia USB.[*1, *2] **Không hỗ trợ bộ chia USB.**[*3]	Xuất hiện khi chỉ có một HUB được kết nối. Nếu thông báo này xuất hiện, hãy kết nối ổ USB flash với HUB.
Đã xảy ra lỗi sạc pin với thiết bị USB được kết nối. Khi an toàn, vui lòng kiểm tra khả năng tương thích của thiết bị và cáp USB rồi thử lại.[*1, *2]	Xuất hiện khi kết nối với một thiết bị không tương thích. Ngắt kết nối tất cả các thiết bị. Sau đó, tắt hệ thống âm thanh và bật lại. Không kết nối lại thiết bị đã gây ra lỗi.

*1: Loại xe có Hệ thống âm thanh màu
*2: Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google
*3: Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

iPod, iPhone, và ổ USB flash tương thích

Loại iPod và iPhone tương thích

Loại xe có Hệ thống âm thanh màu

Loại xe
Dành cho iPod touch (thế hệ thứ 6 đến 7) được phát hành từ năm 2015 đến 2019
Dành cho iPhone 5s/iPhone 6/iPhone 6 Plus/iPhone 6S/iPhone 6S Plus/iPhone SE/iPhone 7/iPhone 7 Plus/iPhone 8/iPhone 8 Plus/iPhone X/iPhone XS/iPhone XS Max/iPhone XR/iPhone 11/iPhone 11 Pro/iPhone 11 Pro Max /iPhone SE (thế hệ thứ 2) /iPhone 12/iPhone 12 Pro/iPhone 12 Pro Max/iPhone 12 mini/iPhone 13/iPhone 13 Pro/iPhone 13 Pro Max/iPhone 13 mini/iPhone 14/iPhone 14 Plus/ iPhone 14 Pro/iPhone 14 Pro Max

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

Loại xe
Dành cho iPod touch (thế hệ thứ 6 đến 7) được phát hành từ năm 2015 đến 2019
Dành cho iPhone 5s/iPhone 5c/iPhone 6/iPhone 6 Plus/iPhone 6S/iPhone 6S Plus/iPhone SE/iPhone 7/iPhone 7 Plus/iPhone 8/iPhone 8 Plus/iPhone X/ iPhone XS/iPhone XS Max/iPhone XR/iPhone 11/iPhone 11 Pro/iPhone 11 Pro Max /iPhone SE (thế hệ thứ 2)/iPhone 12/iPhone 12 Pro/iPhone 12 Pro Max/ iPhone 12 mini/iPhone 13/iPhone 13 Pro/iPhone 13 Pro Max/iPhone 13 mini/ iPhone 14/iPhone 14 Plus/iPhone 14 Pro/iPhone 14 Pro Max

*1 : Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google
*2 : Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

Loại iPod và iPhone tương thích

Hệ thống này có thể không tương thích với tất cả phiên bản phần mềm của các thiết bị này.

Đầu nối Lightning hoạt động với iPhone 5s, iPhone 5c*1, iPhone 6, iPhone 6 Plus, iPhone 6S, iPhone 6S Plus, iPhone SE, iPhone 7, iPhone 7 Plus, iPhone 8, iPhone 8 Plus, iPhone X, iPhone XS, iPhone XS Max, iPhone XR, iPhone 11, iPhone 11 Pro, iPhone 11 Pro Max, iPhone SE (thế hệ thứ 2), iPhone 12, iPhone 12 Pro, iPhone 12 Pro Max, iPhone 12 mini, iPhone 13, iPhone 13 Pro, iPhone 13 Pro Max, iPhone 13 mini, iPhone 14, iPhone 14 Plus, iPhone 14 Pro, iPhone 14 Pro Max, iPhone SE (thế hệ thứ 3)*2, iPod touch (thế hệ thứ 6, 7).

USB tương thích với iPhone 5s, iPhone 5c*1, iPhone 6, iPhone 6 Plus, iPhone 6S, iPhone 6S Plus, iPhone SE, iPhone 7, iPhone 7 Plus, iPhone 8, iPhone 8 Plus, iPhone X, iPhone XS, iPhone XS Max, iPhone XR, iPhone 11, iPhone 11 Pro, iPhone 11 Pro Max, iPhone SE (thế hệ thứ 2), iPhone 12, iPhone 12 Pro, iPhone 12 Pro Max, iPhone 12 mini, iPhone 13, iPhone 13 Pro, iPhone 13 Pro Max, iPhone 13 mini, iPhone 14, iPhone 14 Plus, iPhone 14 Pro, iPhone 14 Pro Max, iPhone SE (thế hệ thứ 3)*2, iPhone 15*2, iPhone 15 Plus*2, iPhone 15 Pro*2, iPhone 15 Pro Max*2, iPod touch (thế hệ thứ 6, 7).

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

Loại xe
Dành cho iPod touch (thế hệ thứ 6)/iPod touch (thế hệ thứ 7)
Dành cho iPhone 5s/iPhone 6/iPhone 6 Plus/iPhone 6s/iPhone 6s Plus/iPhone SE/iPhone 7/iPhone 7 Plus/iPhone 8/iPhone 8 Plus/iPhone X/iPhone XS/ iPhone XS Max/iPhone XR/iPhone 11/iPhone 11 Pro/iPhone 11 Pro Max/ iPhone SE (thế hệ thứ 2)/iPhone 12 mini/iPhone 12/iPhone 12 Pro/iPhone 12 Pro Max/iPhone 13/iPhone 13 Pro/iPhone 13 Pro Max/iPhone 13 mini/iPhone SE (thế hệ thứ 3)/iPhone 14/iPhone 14 Plus/iPhone 14 Pro/iPhone 14 Pro Max/ iPhone 15/iPhone 15 Plus/iPhone 15 Pro/iPhone 15 Pro Max

■ Ổ USB flash

- Sử dụng ổ USB flash khuyên dùng có dung lượng từ 256 MB trở lên hoặc định dạng cao hơn FAT16 hoặc FAT32.
- Một số đầu phát âm thanh kỹ thuật số có thể không tương thích.
- Một số ổ USB flash (ví dụ: thiết bị có khóa bảo mật) có thể không hoạt động.
- Một số tệp phần mềm có thể không cho phép phát âm thanh hoặc hiển thị văn bản dữ liệu.
- Mỗi hệ thống âm thanh tương thích với các định dạng sau. Một số định dạng có thể không được hỗ trợ.

Loại xe có Hệ thống âm thanh màu

MP3, WMA, AAC, FLAC, WAV

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

MP3, WMA, AAC, FLAC, WAV, MP4, AVI, MKV, ASF/WMV

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

MP3, WMA, AAC, FLAC, WAV, Opus, MP4, AVI, MKV, 3GPP, WebM, MPEG2-TS

Ổ USB flash

Các tệp trong ổ USB flash được phát theo thứ tự được lưu. Thứ tự này có thể khác so với thứ tự được hiển thị trên máy tính hoặc thiết bị của bạn.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

■ Các thiết bị khuyên dùng

■ Tệp MP4

Đa phương tiện	Ổ USB flash	
Profile (phiên bản MP4)	Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)	Profile đơn/Mức 5 (MPEG4)
Phần mở rộng tệp (phiên bản MP4)	.mp4/.m4v	
Codec âm thanh tương thích	AAC, MP3	
Codec video tương thích	MPEG4-AVC (H.264)	MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part.2)
Tốc độ truyền dữ liệu bit	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)	8 Mbps (MPEG4)
Dung lượng ảnh tối đa	1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)	720 × 576 pixels (MPEG4)

■ Tệp AVI

Đa phương tiện	Ổ USB flash		
Profile (phiên bản AVI)	Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)	Profile đơn/Mức 5 (MPEG4)	Profile cao cấp/Mức 2, Profile chính/Mức trung bình, Profile đơn/Mức trung bình (VC-1)
Phần mở rộng tệp (phiên bản AVI)	.avi		
Codec âm thanh tương thích	AAC, MP3, WMA		
Codec video tương thích	MPEG4-AVC (H.264)	MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part.2)	VC-1
Tốc độ truyền dữ liệu bit	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)	8 Mbps (MPEG4)	20 Mbps, 10 Mbps, 384 kbps (VC-1)
Dung lượng ảnh tối đa	1,280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)	720 × 576 pixels (MPEG4)	1,280 × 720 pixels, 720 x 480 pixels, 352 x 288 pixels (VC-1)

■ **Tệp MKV**

Đa phương tiện	Ổ USB flash		
Profile (phiên bản MKV)	Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)	Profile đơn/Mức 5 (MPEG4)	Profile cao cấp/Mức 2, Profile chính/Mức trung bình, Profile đơn/Mức trung bình (VC-1)
Phần mở rộng tệp (phiên bản MKV)	.mkv		
Codec âm thanh tương thích	AAC, MP3		
Codec video tương thích	MPEG4-AVC (H.264)	MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part.2)	VC-1
Tốc độ truyền dữ liệu bit	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)	8 Mbps (MPEG4)	20 Mbps, 10 Mbps, 384 kbps (VC-1)
Dung lượng ảnh tối đa	1,280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)	720 × 576 pixels (MPEG4)	1,280 × 720 pixels, 720 x 480 pixels, 352 x 288 pixels (VC-1)

■ **Tệp ASF/WMV**

Đa phương tiện	Ổ USB flash	
Profile (phiên bản ASF/WMV)	Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)	Profile cao cấp/Mức 2, Profile chính/Mức trung bình, Profile đơn/Mức trung bình (VC-1)
Phần mở rộng tệp (phiên bản ASF/WMV)	.asf/.wmv	
Codec âm thanh tương thích	WMA	
Codec video tương thích	MPEG4-AVC (H.264)	VC-1
Tốc độ truyền dữ liệu bit	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)	20 Mbps, 10 Mbps, 384 kbps (VC-1)
Dung lượng ảnh tối đa	1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)	1,280 × 720 pixels, 720 x 480 pixels, 352 x 288 pixels (VC-1)

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

■ Các thiết bị khuyên dùng

■ Tệp MP4

Đa phương tiện	Ổ USB flash				
Phần mở rộng tệp (phiên bản MP4)	.mp4/.m4v				
Codec âm thanh tương thích	AAC, MP3				
Codec video tương thích[*1]	MPEG4-AVC (H.264)	H.263	H.265 HEVC	MPEG-4 SP	MPEG-2
Profile (phiên bản MP4)[*1]	Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)	—	—	—	—
Tốc độ truyền dữ liệu bit[*1]	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)	—	—	—	—
Dung lượng ảnh tối đa[*1]	1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)	—	—	—	—

■ Tệp AVI

Đa phương tiện	Ổ USB flash
Phần mở rộng tệp (phiên bản AVI)	.avi
Codec âm thanh tương thích	AAC, MP3, WMA
Codec video tương thích[*1]	MPEG4-AVC (H.264)
Profile (phiên bản AVI)[*1]	Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)
Tốc độ truyền dữ liệu bit[*1]	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)
Dung lượng ảnh tối đa[*1]	1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)

*1: Một số định dạng tệp video không thể phát trên hệ thống âm thanh này.

■ **Tệp MKV**

Đa phương tiện	Ổ USB flash					
Phần mở rộng tệp (phiên bản MKV)	.mkv					
Codec âm thanh tương thích	AAC, MP3					
Codec video tương thích[*1]	MPEG4-AVC (H.264)	H.263	H.265 HEVC	MPEG-2	VP8	VP9
Profile (phiên bản MKV)[*1]	Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)	—	—	—	—	—
Tốc độ truyền dữ liệu bit[*1]	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)	—	—	—	—	—
Dung lượng ảnh tối đa[*1]	1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)	—	—	—	—	—

*1: Một số định dạng tệp video không thể phát trên hệ thống âm thanh này.

■ **Tệp 3GPP**

Đa phương tiện	Ổ USB flash		
Phần mở rộng tệp (phiên bản 3GPP)	.3gp		
Codec âm thanh tương thích	MPEG-4, AAC LC (Độ phức tạp thấp)		
Codec video tương thích[*1]	H.263	H.264	MPEG-4 SP
Profile (phiên bản 3GPP)[*1]	—	Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)	—
Tốc độ truyền dữ liệu bit[*1]	—	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)	—
Dung lượng ảnh tối đa[*1]	—	1,280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)	—

■ **Tệp WebM**

Đa phương tiện	Ổ USB flash	
Phần mở rộng tệp (phiên bản WebM)	.webm	
Codec âm thanh tương thích	Opus	
Codec video tương thích[*1]	VP8	VP9
Profile (phiên bản WebM)[*1]	—	—
Tốc độ truyền dữ liệu bit[*1]	—	—
Dung lượng ảnh tối đa[*1]	—	—

*1: Một số định dạng tệp video không thể phát trên hệ thống âm thanh này.

■ **Tệp MPEG2-TS**

Đa phương tiện	Ổ USB flash	
Phần mở rộng tệp (phiên bản MPEG2-TS)	.ts	
Codec âm thanh tương thích	AAC, MP3	
Codec video tương thích[*1]	MPEG-2	H.264 AVC
Profile (phiên bản MPEG2-TS)[*1]	—	Profile cơ sở/Mức 3, Profile chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)
Tốc độ truyền dữ liệu bit[*1]	—	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)
Dung lượng ảnh tối đa[*1]	—	1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)

*1: Một số định dạng tệp video không thể phát trên hệ thống âm thanh này.

Giấy phép mã nguồn mở

Để xem thông tin giấy phép mã nguồn mở, thực hiện theo các bước sau.

Loại xe có Hệ thống âm thanh màu

1. Ấn nút **MENU**.
2. Chọn **Licence** (**Giấy phép**).

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn **About**.
5. Chọn **Legal Information**.
6. Chọn **Licence** (**Giấy phép**).

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

1. Ấn nút HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Advanced Settings**.
4. Chọn **System**.
5. Chọn **Legal Information**.
6. Chọn **Third-party licenses**.

Thông tin giấy phép

■ Bluetooth

Nhãn và logo *Bluetooth*® đã được đăng ký thương hiệu do tập đoàn Bluetooth SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của ALPS ALPINE CO., LTD. đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Nhãn và logo *Bluetooth*® đã được đăng ký thương hiệu do tập đoàn Bluetooth SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của Panasonic Automotive Systems Co., Ltd. đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Nhãn và logo *Bluetooth*® đã được đăng ký thương hiệu do tập đoàn Bluetooth SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của MITSUBISHI ELECTRIC đều được cấp phép.
Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

https://www.bluetooth.com/develop-with-bluetooth/marketing-branding/

■ Windows Media

Sản phẩm này được bảo hộ bởi một số quyền sở hữu trí tuệ của Microsoft. Không được phép sử dụng hoặc phân phối sản phẩm này ra bên ngoài nếu không có giấy phép từ Microsoft.

Apple

"Made for iPod" (Dành cho iPod), và "Made for iPhone" (Dành cho iPhone), nghĩa là phụ kiện điện tử đó được thiết kế để kết nối riêng với iPod hoặc iPhone và đã được nhà phát triển chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn về hiệu suất của Apple. Apple không chịu trách nhiệm về việc hoạt động của thiết bị này hay việc tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn và quy định. Xin lưu ý rằng việc sử dụng phụ kiện này với iPod hoặc iPhone, có thể ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của mạng không dây.

Apple, Logo của Apple, iPhone, iPod touch là các nhãn hiệu của Apple Inc., được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Apple CarPlay, iPod, iPhone, iTunes, Siri và Lightning là các nhãn hiệu của Apple Inc. App Store là một nhãn hiệu dịch vụ của Apple Inc.



Còn nữa

■ MPEG

Mpeg4 Visual
SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO GIẤY PHÉP DANH MỤC BẰNG SÁNG CHẾ MPEG-4 VISUAL CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG SỬ DỤNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI ĐỂ (i) MÃ HÓA VIDEO THEO TIÊU CHUẨN MPEG-4 VISUALA ("VIDEO MPEG-4") VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO MPEG-4 ĐÃ ĐƯỢC MÃ HÓA BỞI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN HOẶC PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC TẠO RA TỪ MỘT NHÀ CUNG CẤP VIDEO ĐÃ ĐƯỢC MPEG LA CẤP PHÉP ĐỂ CUNG CẤP VIDEO MPEG-4. KHÔNG CẤP GIẤY PHÉP HOẶC NGỤ Ý CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NÀO KHÁC. CÓ THỂ XEM THÔNG TIN BỔ SUNG BAO GỒM THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG VÀ CẤP PHÉP CHO MỤC ĐÍCH QUẢNG CÁO, NỘI BỘ VÀ THƯƠNG MẠI TỪ MPEG LA, LLC.
XEM TẠI *HTTP://WWW.MPEGLA.COM*.

VC-1*
SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO GIẤY PHÉP DANH MỤC BẰNG SÁNG CHẾ VC-1 CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG SỬ DỤNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI ĐỂ (i) MÃ HÓA VIDEO THEO TIÊU CHUẨN VC-1 ("VIDEO VC-1") VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO VC-1 ĐÃ ĐƯỢC MÃ HÓA BỞI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN HOẶC PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC TẠO RA TỪ MỘT NHÀ CUNG CẤP VIDEO ĐƯỢC CẤP PHÉP ĐỂ CUNG CẤP VIDEO VC-1. KHÔNG CẤP GIẤY PHÉP HOẶC NGỤ Ý CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NÀO KHÁC.
CÓ THỂ XEM THÔNG TIN BỔ SUNG TỪ MPEG LA, L.L.C. XEM TẠI *HTTP://WWW.MPEGLA.COM*.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

AVC/H.264
SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO GIẤY PHÉP DANH MỤC BẰNG SÁNG CHẾ AVC CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG SỬ DỤNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI ĐỂ (i) MÃ HÓA VIDEO THEO TIÊU CHUẨN AVC ("VIDEO AVC") VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO AVC ĐÃ ĐƯỢC MÃ HÓA BỞI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN HOẶC PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC TẠO RA TỪ MỘT NHÀ CUNG CẤP VIDEO ĐƯỢC CẤP PHÉP ĐỂ CUNG CẤP VIDEO AVC. KHÔNG CẤP GIẤY PHÉP HOẶC NGỤ Ý CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NÀO KHÁC.
CÓ THỂ XEM THÔNG TIN BỔ SUNG TỪ MPEG LA, L.L.C. XEM TẠI *HTTP://WWW.MPEGLA.COM*.

Thông tin pháp lý về Apple CarPlay/Android Auto

■ CÁC TUYÊN BỐ VỀ GIẤY PHÉP/TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ TRONG SÁCH HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG APPLE CARPLAY TUÂN THEO THOẢ THUẬN CỦA BẠN VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG APPLE CARPLAY, ĐƯỢC BAO GỒM NHƯ MỘT PHẦN CỦA CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG HỆ ĐIỀU HÀNH iOS CỦA APPLE. TÓM LẠI, CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG CARPLAY QUY ĐỊNH APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE KHÔNG PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM NẾU CÁC DỊCH VỤ KHÔNG HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ HAY BỊ NGƯNG SỬ DỤNG, HẠN CHẾ TỐI ĐA CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE, ĐỒNG THỜI CÁC ĐIỀU KHOẢN CÒN MÔ TẢ CÁC LOẠI THÔNG TIN NGƯỜI DÙNG ĐƯỢC APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE THU THẬP VÀ LƯU TRỮ (BAO GỒM: VỊ TRÍ CỦA XE, TỐC ĐỘ XE VÀ TRẠNG THÁI CỦA XE). CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG CŨNG CÔNG KHAI NHỮNG RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG CARPLAY, BAO GỒM KHẢ NĂNG MẤT TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI LÁI. VUI LÒNG XEM CHÍNH SÁCH QUYỀN RIÊNG TƯ CỦA APPLE ĐỂ BIẾT CHI TIẾT VỀ CÁCH APPLE SỬ DỤNG VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU ĐƯỢC CARPLAY TẢI LÊN.

VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO TUÂN THEO THOẢ THUẬN CỦA BẠN VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO VÀ PHẢI ĐƯỢC CHẤP THUẬN KHI TẢI ỨNG DỤNG ANDROID AUTO VỀ ĐIỆN THOẠI ANDROID CỦA BẠN. TÓM LẠI, CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO QUY ĐỊNH GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE KHÔNG PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM NẾU CÁC DỊCH VỤ KHÔNG HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ HAY BỊ NGƯNG SỬ DỤNG, HẠN CHẾ TỐI ĐA CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE, ĐỒNG THỜI CÁC ĐIỀU KHOẢN CÒN MÔ TẢ CÁC LOẠI THÔNG TIN NGƯỜI DÙNG ĐƯỢC GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE THU THẬP VÀ LƯU TRỮ (BAO GỒM: VỊ TRÍ CỦA XE, TỐC ĐỘ XE VÀ TRẠNG THÁI CỦA XE). CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG CŨNG CÔNG KHAI NHỮNG RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO, BAO GỒM KHẢ NĂNG MẤT TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI LÁI. VUI LÒNG XEM CHÍNH SÁCH QUYỀN RIÊNG TƯ CỦA GOOGLE ĐỂ BIẾT CHI TIẾT VỀ CÁCH GOOGLE SỬ DỤNG VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU ĐƯỢC ANDROID AUTO TẢI LÊN.

■ THÔNG BÁO MIỄN TRỪ BẢO HÀNH; GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

BẠN XÁC NHẬN VÀ ĐỒNG Ý RÕ RÀNG RẰNG VIỆC SỬ DỤNG APPLE CARPLAY HOẶC ANDROID AUTO (“CÁC ỨNG DỤNG”) LÀ HOÀN TOÀN DO RỦI RO CỦA BẠN VÀ TOÀN BỘ RỦI RO VỀ CHẤT LƯỢNG, HIỆU SUẤT, ĐỘ CHÍNH XÁC VÀ NỖ LỰC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỀU DO BẠN CHỊU TRONG PHẠM VI TỐI ĐA CHO PHÉP THEO LUẬT HIỆN HÀNH, VÀ RẰNG CÁC ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN TRÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐƯỢC CUNG CẤP “NGUYÊN TRẠNG” VÀ “SẴN CÓ”, VỚI TẤT CẢ CÁC LỖI VÀ KHÔNG CÓ BẢO HÀNH DƯỚI BẤT KỲ HÌNH THỨC NÀO, VÀ HONDA TỪ CHỐI TẤT CẢ CÁC BẢO HÀNH VÀ ĐIỀU KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN TRÊN CÁC ỨNG DỤNG, CHO DÙ LÀ RÕ RÀNG, NGẦM ĐỊNH HAY THEO LUẬT ĐỊNH, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO HÀNH NGẦM ĐỊNH VÀ/HOẶC CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI, CHẤT LƯỢNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, SỰ PHÙ HỢP CHO MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, ĐỘ CHÍNH XÁC, SỰ YÊN TĨNH KHI SỬ DỤNG VÀ KHÔNG VI PHẠM QUYỀN CỦA BÊN THỨ BA. HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH CHO CÁC THÔNG TIN TRUYỀN MIỆNG HOẶC BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI KHUYÊN ĐƯỢC HONDA HOẶC ĐẠI DIỆN UỶ QUYỀN CỦA HONDA ĐƯA RA. VÍ DỤ, VÀ KHÔNG GIỚI HẠN, HONDA TỪ CHỐI MỌI BẢO HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN TÍNH CHÍNH XÁC CỦA DỮ LIỆU DO CÁC ỨNG DỤNG CUNG CẤP, CHẲNG HẠN NHƯ TÍNH CHÍNH XÁC CỦA CHỈ DẪN, THỜI GIAN DI CHUYỂN ƯỚC TÍNH, GIỚI HẠN TỐC ĐỘ, ĐIỀU KIỆN ĐƯỜNG XÁ, TIN TỨC, THỜI TIẾT, GIAO THÔNG HOẶC NỘI DUNG KHÁC DO APPLE, GOOGLE, CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA HỌ HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP BÊN THỨ BA CUNG CẤP; HONDA KHÔNG ĐẢM BẢO CHỐNG LẠI VIỆC MẤT DỮ LIỆU ỨNG DỤNG, DỮ LIỆU CÓ THỂ BỊ MẤT BẤT CỨ LÚC NÀO; HONDA KHÔNG ĐẢM BẢO RẰNG CÁC ỨNG DỤNG HOẶC BẤT KỲ DỊCH VỤ NÀO ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG QUA CHÚNG SẼ LUÔN CÓ SẴN HOẶC RẰNG BẤT KỲ HOẶC TẤT CẢ CÁC DỊCH VỤ SẼ CÓ SẴN TẠI BẤT KỲ THỜI ĐIỂM HOẶC ĐỊA ĐIỂM CỤ THỂ NÀO. VÍ DỤ: CÁC DỊCH VỤ CÓ THỂ BỊ NGƯNG HOẶC GIÁN ĐOẠN MÀ KHÔNG CÓ THÔNG BÁO VỀ SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG, SỬA LỖI BẢO MẬT, CẬP NHẬT, V.V. CÁC DỊCH VỤ CÓ THỂ KHÔNG CÓ SẴN TRONG KHU VỰC HOẶC VỊ TRÍ CỦA BẠN, V.V. NGOÀI RA, BẠN CŨNG HIỂU RẰNG CÁC THAY ĐỔI VỀ CÔNG NGHỆ CỦA BÊN THỨ BA HOẶC QUY ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ CÓ THỂ GIỚI HẠN CÁC DỊCH VỤ VÀ/HOẶC CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LỖI THỜI VÀ/HOẶC KHÔNG THỂ SỬ DỤNG ĐƯỢC.

TRONG PHẠM VI LUẬT CHO PHÉP, HONDA VÀ CÁC CÔNG TY CHI NHÁNH CỦA HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC THƯƠNG TÍCH, HOẶC BẤT KỲ THIỆT HẠI NGẪU NHIÊN, ĐẶC BIỆT, GIÁN TIẾP HOẶC CÁC THIỆT HẠI MANG TÍNH HẬU QUẢ NÀO BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN, NHỮNG THIỆT HẠI GÂY THUA LỖ, LÀM HỎNG HOẶC MẤT DỮ LIỆU, KHÔNG TRUYỀN HOẶC NHẬN ĐƯỢC DỮ LIỆU, GIÁN ĐOẠN CÁC GIAO DỊCH KINH DOANH HOẶC BẤT KỲ THIỆT HẠI HOẶC THUA LỖ TRONG KINH DOANH NÀO KHÁC, PHÁT SINH THÊM HAY LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ỨNG DỤNG HOẶC VẤN ĐỀ KHÔNG THỂ SỬ DỤNG ĐƯỢC CÁC ỨNG DỤNG HAY THÔNG TIN VỀ CÁC ỨNG DỤNG, VÌ BẤT KỲ LÝ DO GÌ, KHÔNG PHẢI DO VẤN ĐỀ VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ (HỢP ĐỒNG, SAI SÓT HOẶC CÁC VẤN ĐỀ KHÁC) VÀ NGAY CẢ NẾU HONDA ĐÃ ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ VỀ KHẢ NĂNG XẢY RA NHỮNG TỔN HẠI NHƯ VẬY. MỘT SỐ KHU VỰC, QUỐC GIA CÓ THỂ KHÔNG CHẤP NHẬN VIỆC LOẠI TRỪ HOẶC HẠN CHẾ VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI THIỆT HẠI ĐÃ XẢY RA, VÌ THẾ NHỮNG GIỚI HẠN VÀ LOẠI TRỪ NÀY CÓ THỂ SẼ KHÔNG ÁP DỤNG CHO BẠN. CÁC GIỚI HẠN TRÊN SẼ ĐƯỢC ÁP DỤNG NGAY CẢ KHI CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC NÊU TRÊN KHÔNG ĐẠT ĐƯỢC MỤC ĐÍCH CƠ BẢN.



Lái xe

Chương này đề cập đến việc lái xe và nạp nhiên liệu.

Trước khi lái xe 492
Kéo rơ-moóc 496
Khi lái xe
- Khởi động động cơ 497
- Các lưu ý khi lái xe 503
- Hộp số vô cấp 505
- Sang số 506, 508
- Nút ECON* 513
- Công tắc chế độ lái* 514
- Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) 517
- Hỗ trợ xử lý nhanh 519
- Hệ thống cảnh báo xẹp lốp* 520
- Hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù* 523
- Hệ thống quan sát làn đường* 527

Loại xe có đèn chiếu sáng LED

- Điều chỉnh phân bổ ánh sáng đèn .. 531

Honda SENSING 533
- Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) 536
- Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường 550
- Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp 557
- Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) 577
- Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành* 591
- Camera góc rộng phía trước 596
- Cảm biến siêu âm* 598

Phanh
- Hệ thống phanh 599
- Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) 606
- Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp 607
- Tín hiệu dừng khẩn cấp 608

Đỗ xe 609
Camera lùi đa hướng* 620
Nạp nhiên liệu 622
Tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải CO_2 625
Xe có động cơ tăng áp 626

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Chuẩn bị lái xe

Kiểm tra các mục sau trước khi bắt đầu lái xe.

■ Kiểm tra bên ngoài

- Đảm bảo không có vật cản trên cửa kính, gương cửa, đèn ngoài xe hoặc các bộ phận khác của xe.
  ▶ Gạt bỏ hết sương, tuyết, hoặc băng.
  ▶ Gạt bỏ tuyết trên nóc, vì tuyết có thể rơi xuống làm cản trở tầm nhìn của bạn khi đang lái xe hoặc ảnh hưởng đến những người tham gia giao thông khác. Nếu tuyết đã đóng cứng, hãy gạt bỏ băng khi đã tan bớt.
  ▶ Khi gạt băng ra khỏi bánh xe, đảm bảo không làm hỏng bánh xe hoặc các bộ phận của bánh xe.
- Đảm bảo đóng chặt nắp ca-pô.
  ▶ Nếu nắp ca-pô mở ra khi đang lái, tầm nhìn phía trước sẽ bị che khuất.
- Đảm bảo các lốp xe còn tốt.
  ▶ Kiểm tra áp suất không khí, kiểm tra hư hỏng và mòn quá mức.
  ➡ **Kiểm tra và thay lốp** Tr. 671
- Đảm bảo không có người hoặc vật cản phía sau hoặc xung quanh xe.
  ▶ Có các điểm mù từ bên trong xe.

Kiểm tra bên ngoài

CHÚ Ý

Khi cửa bị đóng băng, hãy đổ nước ấm xung quanh các mép cửa để làm tan băng. Không cố dùng lực mở cửa, vì việc này có thể làm hỏng gioăng cao su xung quanh các cửa. Khi đã thực hiện xong, hãy lau khô để tránh tình trạng bị đóng băng trở lại.

Không đổ nước ấm vào trong ổ khóa.
Sẽ không thể cắm chìa khóa vào ổ khóa nếu nước bị đóng băng trong lỗ khóa.

Nhiệt từ động cơ và khí xả có thể làm bắt cháy các vật liệu dễ cháy bám dưới nắp ca-pô, gây ra hỏa hoạn. Nếu bạn đỗ xe trong một thời gian dài, hãy kiểm tra và loại bỏ bất kỳ mảnh vụn nào có thể đã tích tụ, chẳng hạn như cỏ khô và lá rụng hoặc những vật liệu mà động vật nhỏ mang vào để làm tổ. Đồng thời, kiểm tra các vật liệu dễ cháy có thể vương lại dưới nắp ca-pô sau khi bạn hoặc ai đó thực hiện bảo dưỡng xe.

■ Kiểm tra bên trong

- Cất giữ hoặc cố định chắc chắn tất cả các đồ vật trên xe.
  ▶ Chở quá nhiều đồ, hoặc để không đúng cách có thể ảnh hưởng đến việc lái xe, độ ổn định xe, khoảng cách dừng, lốp xe và làm giảm độ an toàn.
  ➔ **Giới hạn tải trọng** Tr. 495
- Không để các đồ vật cao hơn tựa lưng ghế.
  ▶ Các đồ vật này có thể che tầm nhìn của bạn và xô về phía trước trong trường hợp phanh gấp.
- Không để vật gì ở chỗ để chân ghế trước. Đảm bảo gắn chắc thảm lót sàn.
  ▶ Đồ vật hoặc thảm lót sàn không được cố định chắc chắn sẽ cản trở bạn nhấn bàn đạp phanh và bàn đạp ga trong khi lái xe.
- Nếu có vật nuôi trên xe, không để chúng di chuyển tự do trong xe.
  ▶ Vật nuôi có thể làm cản trở việc lái xe và gây ra va chạm.
- Đóng chặt tất cả các cửa và cốp.
- Điều chỉnh vị trí ngồi thích hợp.
  ▶ Đồng thời điều chỉnh tựa đầu.
  ➔ **Ghế ngồi** Tr. 226
  ➔ **Điều chỉnh tựa đầu ghế trước** Tr. 233
- Điều chỉnh các gương và vô lăng đúng cách.
  ▶ Điều chỉnh khi đã ngồi với tư thế phù hợp.
  ➔ **Gương** Tr. 222
  ➔ **Điều chỉnh vô lăng** Tr. 221

Kiểm tra bên trong

Hướng của đèn chiếu sáng là do nhà máy cài đặt và không cần điều chỉnh. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên chở các vật nặng trong cốp, hãy đến đại lý hoặc để kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

Loại xe có hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng bằng tay

Bạn có thể tự điều chỉnh góc đèn chiếu gần.
➔ **Bộ phận điều chỉnh đèn chiếu sáng*** Tr. 212

Loại xe có hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng tự động

Xe được trang bị hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng tự động có thể tự động điều chỉnh góc thẳng đứng của đèn chiếu gần.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

- Đảm bảo các đồ vật để dưới sàn phía sau ghế trước không lăn dưới các ghế.
  ▶ Chúng có thể gây cản trở khả năng vận hành bàn đạp của người lái, hoặc việc vận hành các ghế.
- Mọi người trong xe đều phải thắt dây đai an toàn.
  ➔ **Thắt dây đai an toàn** Tr. 50
- Đảm bảo các đèn báo trên bảng điều khiển bật sáng khi bạn khởi động xe và tắt ngay sau đó.
  ▶ Nếu đèn báo có sự cố, hãy đến đại lý để kiểm tra.
  ➔ **Đèn báo** Tr. 96

Giới hạn tải trọng

Khi bạn chất hành lý, tổng trọng lượng của xe, toàn bộ hành khách và hành lý không được vượt quá trọng tải tối đa cho phép.

➔ **Thông số kỹ thuật** Tr. 738

Tải lên cầu trước và cầu sau cũng không được vượt quá tải trọng trục tối đa cho phép.

➔ **Thông số kỹ thuật** Tr. 738

Giới hạn tải trọng

⚠CẢNH BÁO

Tải quá nặng hoặc xếp tải không đúng cách có thể ảnh hưởng đến việc xử lý và độ cân bằng của xe và có thể gây ra va chạm khiến bạn bị thương hoặc tử vong.

Tuân theo tất cả các giới hạn tải trọng và các hướng dẫn xếp tải trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

Kéo rơ-moóc

Xe của bạn không được thiết kế để kéo rơ-moóc. Nếu cố kéo có thể làm mất hiệu lực bảo hành cho xe của bạn.

Khởi động động cơ



❶ Công tắc phanh đỗ điện

1. Đảm bảo đã gài phanh đỗ.
▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (Màu đỏ) sẽ sáng trong 30 giây khi kéo công tắc phanh đỗ điện.

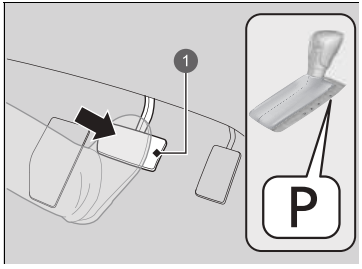

❶ Bàn đạp phanh

2. Đảm bảo hộp số ở số [P], sau đó nhấn bàn đạp phanh.
▶ Mặc dù có thể khởi động xe ở số [N], nhưng khởi động xe ở số [P] vẫn an toàn hơn.

»Khởi động động cơ

Để chắc chân trên bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Động cơ khó khởi động hơn trong thời tiết lạnh và không khí loãng ở độ cao trên 2.400 mét.

Khi khởi động động cơ ở thời tiết lạnh, hãy tắt tất cả các phụ kiện điện như đèn, hệ thống điều hòa không khí và sấy kính sau để giảm mức tiêu hao điện ắc-quy.

Nếu hệ thống xả phát ra âm thanh bất thường hoặc bạn ngửi thấy mùi khí xả bên trong xe, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. Có thể động cơ hoặc hệ thống xả có sự cố.

Còn nữa

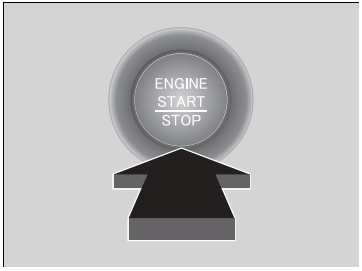

3. Ấn nút **ENGINE START/STOP** mà không nhấn bàn đạp ga.

Khởi động động cơ

Để chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* gần nút **ENGINE START/STOP** nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* yếu.

Nếu pin Chìa khóa điều khiển từ xa/Khóa thẻ từ* Yếu Tr. 706

Động cơ có thể không khởi động nếu chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* tiếp xúc với sóng vô tuyến mạnh.

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** để khởi động động cơ.
Nếu động cơ không khởi động, hãy chờ thêm ít nhất 30 giây, sau đó khởi động lại động cơ.

Hệ thống chống nổ máy bảo vệ xe bạn khỏi trộm cắp. Nếu dùng thiết bị có mã không đúng, hệ thống nhiên liệu của động cơ sẽ không hoạt động.

Hệ thống chống nổ máy Tr. 195

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Khởi động động cơ từ xa*

Bạn có thể khởi động động cơ từ xa bằng chìa khóa điều khiển từ xa.

■ Để khởi động động cơ

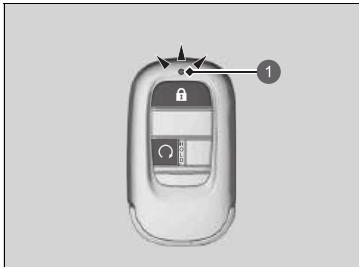

❶ LED: Nhấp nháy khi ấn nút bất kỳ.

Ấn nút [🔒], sau đó ấn và giữ nút [⟳].
▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy một lần.



Nếu động cơ khởi động thành công, một số đèn ngoài xe sẽ nhấp nháy sáu lần.

▶▶Khởi động động cơ từ xa*

⚠CẢNH BÁO

Khí xả từ động cơ có chứa CO độc hại.

Hít phải CO có thể gây chết người hoặc gây bất tỉnh.

Không được khởi động động cơ từ xa khi xe đang đỗ trong gara hoặc khu vực khác có hệ thống thông gió kém.

Khởi động động cơ từ xa có thể vi phạm các quy định ở địa phương.
Trước khi sử dụng khởi động động cơ từ xa, hãy xem lại các quy định của địa phương.

Nếu có toà nhà hoặc vật cản giữa xe và chìa khóa điều khiển từ xa, phạm vi sẽ bị thu hẹp.
Khoảng cách có thể thay đổi do nhiễu điện từ bên ngoài.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa



Nếu động cơ không khởi động, các đèn ngoài xe sẽ không nhấp nháy.

▶ Di chuyển vào trong phạm vi và thử lại.

Khi khởi động từ xa, động cơ tự động tắt sau 10 phút chạy ở chế độ không tải và/hoặc không đồng thời nhấn bàn đạp phanh và ấn nút **ENGINE START/STOP**. Nếu muốn chạy không tải thêm 10 phút nữa ở lần lăn bánh đầu tiên, ấn nút [🔒], sau đó ấn và giữ nút [↻].

▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy sáu lần nếu yêu cầu chạy không tải thêm 10 phút được gửi đi thành công.

Khởi động động cơ từ xa*

Không thể khởi động động cơ từ xa nếu:

- Bạn đã tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➡ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

- Chế độ nguồn không ở TẮT MÁY.
- Hộp số đang ở vị trí khác ngoài [P].
- Nắp ca-pô mở, hoặc một cửa bất kỳ hoặc cốp không khóa.
- Bạn đã sử dụng thiết bị điều khiển từ xa hai lần để khởi động động cơ.
- Một chìa khóa điều khiển từ xa đã được đăng ký khác ở trong xe.
- Có ăng-ten nào đó bị lỗi.
- Cửa được mở khóa bằng chìa khóa tích hợp.
- Áp suất dầu động cơ thấp.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ quá cao.
- Bộ điều khiển viễn thông* gặp trục trặc.
- Không thiết lập cảnh báo hệ thống an ninh.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Để dừng động cơ



Ấn và giữ nút [ ] trong một giây.



Nếu động cơ dừng thành công, các đèn ngoài xe sẽ nhấp nháy một lần.



Khi thiết bị điều khiển từ xa nằm ngoài phạm vi của hệ thống mở cửa không chìa khóa, các đèn ngoài xe sẽ không nhấp nháy. Động cơ sẽ không dừng lại.

▶ Di chuyển vào trong phạm vi và thử lại.

Khởi động động cơ từ xa*

Động cơ có thể dừng trong khi đang chạy nếu:

- Không khởi động xe trong vòng 10 phút sau khi khởi động động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- Dừng động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- Không thiết lập cảnh báo hệ thống an ninh.
- Cửa được mở khóa bằng chìa khóa tích hợp.
- Nắp ca-pô mở, hoặc một cửa bất kỳ hoặc cốp không khóa.
- Bạn ấn nút nhả cần số.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ quá cao.
- Ắc-quy yếu.
- Áp suất dầu động cơ thấp.
- Đèn báo sự cố bật sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải gặp sự cố.

Trong khi động cơ đang hoạt động, xe sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ bên trong xe.

Khi trời ấm:

- Hệ thống điều khiển nhiệt độ được kích hoạt ở chế độ đã chọn trước đó.

Khi trời lạnh:

- Bộ sấy sẽ điều chỉnh nhiệt độ ấm vừa phải.
- Hệ thống sấy kính sau và sấy gương cửa* được kích hoạt.

Nút sấy kính sau/sấy gương cửa* Tr. 218

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Bắt đầu lái xe

Khi khởi động động cơ bằng nút trên chìa khóa điều khiển từ xa

1. Nhấn và giữ bàn đạp phanh, sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Khi khởi động động cơ trong trường hợp bất kỳ

2. Giữ chân phải trên bàn đạp phanh, sang số [D]. Chọn số [R] khi lùi xe.

3. Khi gài phanh đỗ, nhả bàn đạp phanh và nhấn nhẹ bàn đạp ga.

▶ Đảm bảo đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) tắt.

➔ **Phanh đỗ** Tr. 599

■ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ giữ phanh trong thời gian ngắn để giúp ngăn xe trôi trên dốc khi bạn chuyển chân từ bàn đạp phanh sang bàn đạp ga.

Sang số [D], [S]*, hoặc [L]* khi lên dốc, hoặc [R] khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

■ Dừng động cơ

Bạn có thể tắt động cơ khi xe đã dừng hoàn toàn.

1. Đưa hộp số vào số [P].

2. Ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Bắt đầu lái xe

Khi khởi động động cơ bằng nút trên chìa khóa điều khiển từ xa

Động cơ dừng khi đưa hộp số ra khỏi số [P] trước khi ấn nút **ENGINE START/STOP**. Thực hiện bước 1 khi bắt đầu lái.

Ấn công tắc phanh đỗ điện trong khi nhấn bàn đạp phanh để nhả phanh đỗ.
Khi xuống dốc, nếu nhả phanh bằng công tắc phanh đỗ điện thì sẽ làm cho xe khởi động trơn tru hơn so với việc nhả phanh đỗ bằng cách nhấn bàn đạp ga.

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc có thể không ngăn được xe khỏi bị trôi xuống dốc khi dốc dựng đứng hoặc trơn trượt và sẽ không hoạt động trên dốc thấp.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể thay thế phanh đỗ.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ vẫn hoạt động ngay cả khi VSA tắt.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Các lưu ý khi lái xe

■ Khi có sương mù

Tầm nhìn sẽ bị hạn chế khi có sương mù. Khi lái xe, bật đèn chiếu gần ngay cả vào ban ngày. Lái xe chậm lại, sử dụng vạch kẻ đường ở giữa, lan can và đèn hậu của xe phía trước xe bạn làm mốc dẫn hướng khi lái xe.

■ Khi có gió mạnh

Nếu gió thổi mạnh khi đang lái xe, hãy giữ chặt vô lăng. Từ từ giảm tốc độ và lái xe ra giữa đường. Cẩn thận khi có gió mạnh, nhất là khi lái xe ra khỏi đường hầm, lái xe trên cầu hoặc bờ sông, hoặc lái xe qua khu vực trống như mỏ đá hoặc khi có xe tải lớn đi qua.

Các lưu ý khi lái xe

THẬN TRỌNG: Không lái xe trên đường có vũng nước sâu. Lái xe qua chỗ nước sâu sẽ làm hỏng động cơ và các thiết bị điện và làm xe bị xuống cấp.

CHÚ Ý

Không vận hành cần số trong khi đang nhấn bàn đạp ga. Bạn có thể làm hỏng hộp số.

CHÚ Ý

Nếu liên tục xoay vô lăng khi xe ở tốc độ quá thấp, hoặc giữ vô lăng ở vị trí đánh lái hết sang trái hoặc phải trong một lúc, hệ thống trợ lực lái điện (EPS) sẽ nóng lên. Hệ thống sẽ chuyển sang chế độ bảo vệ và hạn chế vận hành. Vô lăng sẽ trở nên càng khó vận hành hơn. Khi hệ thống nguội đi, hệ thống EPS sẽ khôi phục hoạt động.
Liên tục vận hành xe trong các điều kiện này có thể làm hỏng hệ thống.

Nếu chế độ nguồn được đặt ở PHỤ KIỆN trong khi lái xe, động cơ sẽ tắt và toàn bộ các chức năng hỗ trợ lái và trợ lực phanh sẽ dừng, gây khó khăn trong việc điều khiển xe.

Không chọn [N] khi đang lái xe để tránh làm mất hiệu suất phanh động cơ (và tăng ga).

Còn nữa

■ Khi trời mưa

Đường thường bị trơn trượt khi trời mưa. Tránh phanh gấp, tăng tốc nhanh, xoay vô lăng đột ngột và thận trọng hơn khi lái xe. Xe có thể bị trượt nước khi chạy trên đường bị hằn lún nhiều vũng nước. Không lái xe ngập sâu trong nước và trên đường ngập nước. Bởi vì việc này có thể làm hỏng động cơ, hệ thống truyền động hoặc các bộ phận điện.

■ Các lưu ý khác

Nếu có vật gì đó tác động mạnh vào gầm xe, hãy dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra tình trạng hư hỏng hoặc rò rỉ dầu dưới gầm xe.

Các lưu ý khi lái xe

CHÚ Ý

Cánh gió dưới có thể bị hỏng trong những trường hợp sau:

- Đỗ xe cạnh khối đỗ xe
- Đỗ xe dọc theo lề đường
- Lái xe về phía chân đồi
- Lái xe lên hoặc xuống bề mặt khác (ví dụ như lề đường)
- Lái xe trên đường bị hằn lún hoặc gồ ghề
- Lái xe trên đường có nhiều ổ gà

Trong 1.000 km vận hành đầu tiên, tránh tăng tốc đột ngột hoặc tăng ga hết cỡ để không làm hỏng động cơ hoặc hệ thống truyền lực.

Tránh phanh gấp trong 300 km đầu tiên sau khi mua xe mới hoặc thay má phanh hoặc rô-to, để chạy roda đúng cách.

Khi trời mưa

Hãy cẩn thận khi xảy ra hiện tượng trượt nước. Khi bạn lái xe trên đường ngập đầy nước với tốc độ quá cao, một lớp nước sẽ hình thành giữa lốp xe và mặt đường. Nếu điều này xảy ra, bạn sẽ không thể điều khiển xe như xoay vô lăng và phanh theo ý muốn.

Từ từ giảm tốc khi bạn lùi số. Nếu đường trơn trượt, phanh đột ngột sẽ làm lốp bị trượt.

Hộp số vô cấp

■ Xe chuyển động từ từ

Khi động cơ chạy không tải ở tốc độ cao, xe sẽ tự chuyển động từ từ.
Nhấn chắc bàn đạp phanh khi dừng xe hoặc đảm bảo chế độ giữ phanh được kích hoạt.

■ Đạp hết ga

Nhấn đột ngột bàn đạp ga trong khi lái xe lên dốc có thể làm hộp số chuyển về tỷ số truyền thấp hơn, làm cho xe bị tăng tốc bất ngờ. Nhấn bàn đạp ga cẩn thận, đặc biệt là khi lái xe trên đường trơn trượt và khúc cua.

Loại xe không có lẫy sang số

Sang số

Chuyển vị trí số phù hợp với nhu cầu lái xe của bạn.

■ Vị trí số

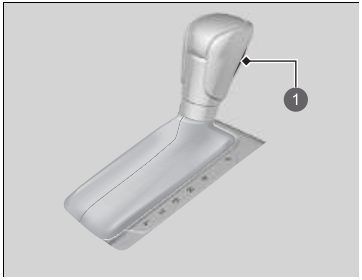

1 Nút nhả

P Số đỗ
Dùng khi đỗ xe hoặc khi khởi động động cơ.

R Số lùi
Dùng khi lùi xe.

N Số 0
Hộp số không bị khóa.

D Số lái
Dùng khi lái thông thường.

S Số lái (S)
Dùng để:
- Tăng tốc tốt hơn.
- Tăng phanh động cơ.
- Khi lên dốc hoặc xuống dốc.

L Số thấp
- Để tăng phanh động cơ hơn nữa.
- Khi lên dốc hoặc xuống dốc.

Vị trí số

Bạn không thể chuyển chế độ nguồn từ BẬT sang TẮT MÁY trừ khi vị trí số ở P.

Xe có thể di chuyển rất nhẹ ngay cả ở số N khi động cơ nguội.
Nhấn chắc bàn đạp phanh, và kéo phanh đỗ khi cần.

■ Vận hành sang số

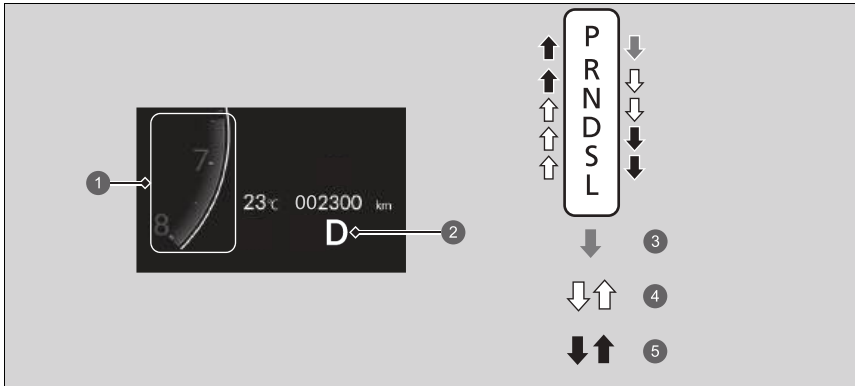

❶ Vùng màu đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ
❷ Đèn báo vị trí số (Đèn báo hệ thống truyền động)
❸ Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số để sang số.
❹ Sang số mà không ấn nút nhả cần số.
❺ Ấn nút nhả cần số và sang số.

Vận hành sang số

CHÚ Ý

Khi bạn chuyển vị trí số từ D sang R và ngược lại, hãy dừng hẳn xe đồng thời nhấn và giữ bàn đạp phanh.
Vận hành cần số trước khi xe dừng hẳn có thể làm hỏng hộp số.

Quan sát đèn báo vị trí số để kiểm tra vị trí cần số trước khi xe bắt đầu di chuyển.

Nếu đèn báo hệ thống truyền động nhấp nháy khi đang lái xe, ở bất kỳ vị trí số nào, thì hộp số đang có sự cố.
Tránh tăng tốc đột ngột và đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe với tốc độ động cơ nằm trong hoặc vượt quá vùng màu đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ.

Có thể không vận hành được cần số nếu nhấn bàn đạp phanh trong khi đang ấn giữ nút nhả cần số. Nhấn bàn đạp phanh trước.

Khi vị trí sang số ở trong điều kiện nhiệt độ cực thấp (−30°C), có thể sẽ có độ trễ ngắn
trước khi vị trí số hiển thị. Luôn xác nhận vị trí số đúng trước khi lái xe.

Loại xe có lẫy sang số

Sang số

Chuyển vị trí số phù hợp với nhu cầu lái xe của bạn.

■ Vị trí số

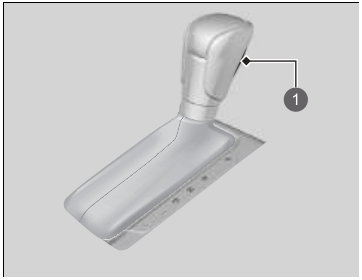

❶ Nút nhả

P Số đỗ

Dùng khi đỗ xe hoặc khi khởi động động cơ.

R Số lùi

Dùng khi lùi xe.

N Số 0

Hộp số không bị khóa.

D Số lái

Dùng để:

- Lái thường.
- Khi lái tạm thời ở chế độ sang số tay 7 cấp.
- Khi lái ở chế độ sang số tay 7 cấp (khi lái ở chế độ SPORT).

Vị trí số

Bạn không thể chuyển chế độ nguồn từ BẬT sang TẮT MÁY trừ khi vị trí số ở P.

Xe có thể di chuyển rất nhẹ ngay cả ở số N khi động cơ nguội.
Nhấn chắc bàn đạp phanh, và kéo phanh đỗ khi cần.

■ Vận hành sang số

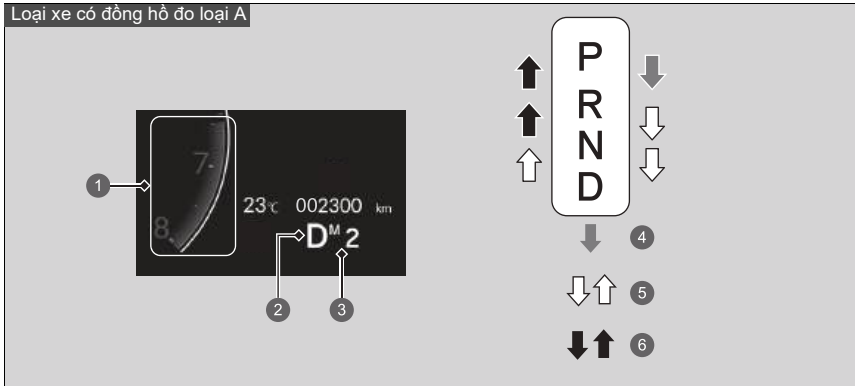

❶ Vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ
❷ Đèn báo vị trí số (Đèn báo hệ thống truyền động)
❸ Đèn báo **M** (Chế độ sang số tay 7 cấp)/Đèn báo số
❹ Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số để sang số.
❺ Sang số mà không ấn nút nhả cần số.
❻ Ấn nút nhả cần số và sang số.

Vận hành sang số

CHÚ Ý

Khi bạn chuyển vị trí số từ D sang R và ngược lại, hãy dừng hẳn xe đồng thời nhấn và giữ bàn đạp phanh.
Vận hành cần số trước khi xe dừng hẳn có thể làm hỏng hộp số.

Quan sát đèn báo vị trí số để kiểm tra vị trí cần số trước khi xe bắt đầu di chuyển.

Nếu đèn báo hệ thống truyền động nhấp nháy khi đang lái xe, ở bất kỳ vị trí số nào, thì hộp số đang có sự cố.
Tránh tăng tốc đột ngột và đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe với tốc độ động cơ nằm trong hoặc vượt quá vùng màu đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ.

Có thể không vận hành được cần số nếu nhấn bàn đạp phanh trong khi đang ấn giữ nút nhả cần số. Nhấn bàn đạp phanh trước.

Khi vị trí sang số ở trong điều kiện nhiệt độ cực thấp (−30°C), có thể sẽ có độ trễ ngắn trước khi vị trí số hiển thị. Luôn xác nhận vị trí số đúng trước khi lái xe.

Còn nữa

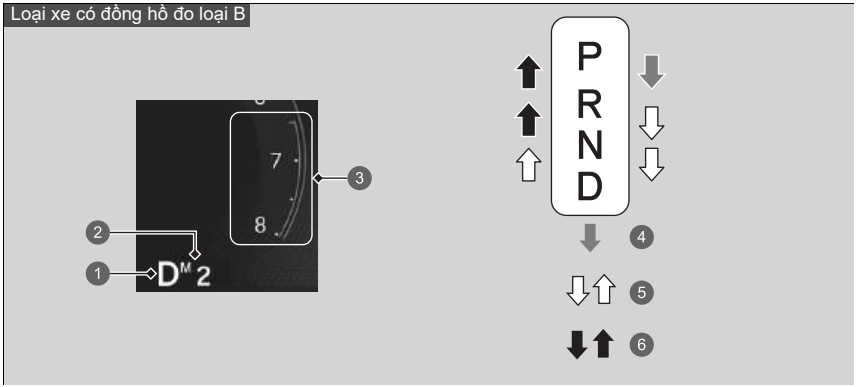

❶ Đèn báo vị trí số (Đèn báo hệ thống truyền động)
❷ Đèn báo **M** (Chế độ sang số tay 7 cấp)/Đèn báo số
❸ Vùng màu đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ
❹ Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số để sang số.
❺ Sang số mà không ấn nút nhả cần số.
❻ Ấn nút nhả cần số và sang số.

■ Chế độ sang số tay 7 cấp

Dùng lẫy sang số để thay đổi giữa cấp số 1 và cấp số 7 mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng. Hộp số sẽ chuyển sang chế độ sang số tay 7 cấp nếu bạn kéo lẫy sang số khi đang lái xe. Chế độ này rất hữu ích khi cần dùng đến phanh động cơ.

■ Khi cần số ở D:

Chế độ sang số sẽ tạm thời chuyển sang chế độ sang số tay 7 cấp và số sẽ hiển thị trên đèn báo số.
Chế độ sang số tay 7 cấp sẽ tự động hủy nếu bạn lái xe với tốc độ cố định hoặc tăng tốc và số trên đèn báo số sẽ tắt.
Bạn có thể hủy chế độ này bằng cách kéo lẫy sang số + trong vài giây.
Chế độ sang số tay 7 cấp đặc biệt hữu ích khi tạm thời giảm tốc độ trước khi rẽ.

■ Khi cần số ở D ở chế độ SPORT:

Chế độ sang số sẽ chuyển sang chế độ sang số tay 7 cấp. Đèn báo **M** và số tốc độ được hiển thị trên đèn báo số. Khi tốc độ xe giảm, hộp số sẽ tự động giảm xuống số tương ứng. Khi xe chuẩn bị dừng, hộp số sẽ tự động giảm xuống số 1.

Nếu tốc độ xe giảm và tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số.

Bạn chỉ có thể khởi hành khi ở số 1.

Khi hủy chế độ sang số tay 7 cấp, dùng công tắc chế độ lái để chọn chế độ khác ngoài chế độ SPORT hoặc kéo lẫy sang số + trong vài giây. Khi chế độ sang số tay 7 cấp bị hủy, đèn báo **M** và đèn báo số sẽ tắt.

Chế độ sang số tay 7 cấp

Ở chế độ sang số tay 7 cấp, số tăng hoặc giảm theo vận hành của lẫy sang số trong các điều kiện sau:
Tăng số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng thấp nhất của số cao hơn.
Giảm số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng cao nhất của số thấp hơn.

Khi tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số.
Khi tốc độ động cơ đạt ngưỡng thấp nhất của vị trí số đã chọn, hộp số sẽ tự động giảm số.

Vận hành lẫy sang số trên bề mặt trơn trượt có thể làm lốp xe bị khóa. Trong trường hợp này, chế độ sang số tay 7 cấp sẽ bị hủy và trở về chế độ lái thường D.

Còn nữa

■ Vận hành chế độ sang số tay 7 cấp

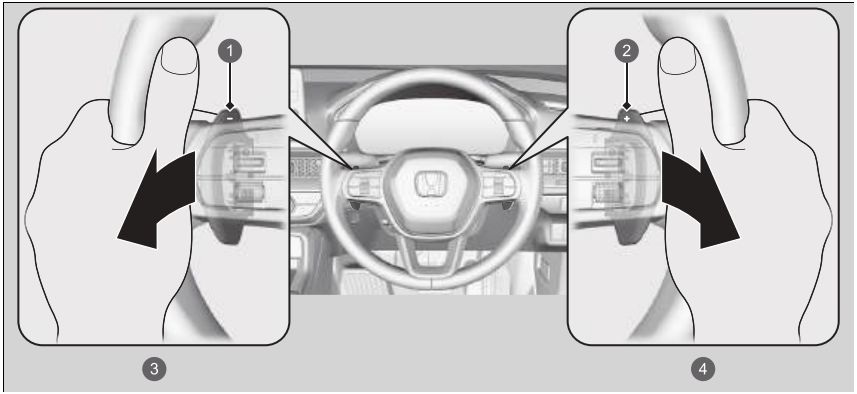

❶ Lẫy sang số −(Giảm số)
❷ Lẫy sang số +(Tăng số)
❸ Giảm số khi kéo lẫy sang số − (Về số thấp hơn)
❹ Tăng số khi kéo lẫy sang số +(Lên số cao hơn)

Vận hành chế độ sang số tay 7 cấp

Mỗi lần vận hành lẫy sang số sẽ làm chuyển một số.
Để chuyển số liên tục, nhả lẫy sang số trước khi kéo lần nữa để sang số tiếp theo.

Đèn báo số sẽ nhấp nháy khi bạn không thể tăng số hoặc giảm số. Điều này có nghĩa là không thể sang số với tốc độ xe đang chạy.
Tăng tốc và giảm tốc nhẹ để tăng số và giảm số khi đèn báo nhấp nháy.

Nút ECON*

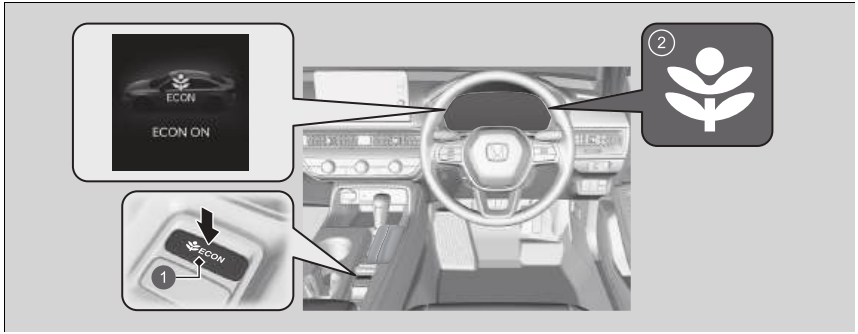

❶ Nút **ECON**
❷ Đèn báo chế độ ECON

Nút **ECON** dùng để bật và tắt chế độ ECO.
Chế độ ECON giúp tăng hiệu quả tiết kiệm nhiên liệu bằng cách điều chỉnh hiệu suất của động cơ, hộp số và hệ thống điều khiển nhiệt độ.

Nút ECON*

Trong khi ở chế độ ECON, mức độ dao động nhiệt độ của hệ thống điều khiển nhiệt đọ sẽ lớn hơn.

Do vận hành phanh khẩn cấp hoặc điều kiện lái xe, bạn sẽ không thể thay đổi được chế độ.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Công tắc chế độ lái*

Ấn công tắc **DRIVE MODE** (CHẾ ĐỘ LÁI) để chọn chế độ lái phù hợp. Chế độ lái bạn chọn sẽ hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

■ Chọn Chế độ lái



❶ Công tắc **DRIVE MODE** (CHẾ ĐỘ LÁI)
❷ Chế độ **SPORT**
❸ Chế độ **NORMAL**
❹ Chế độ **ECON**

Công tắc chế độ lái*

Có thể không thay đổi được chế độ trong một số điều kiện lái.
Nếu có lỗi hệ thống xe, thông báo cũng sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và bạn không thể thay đổi chế độ lái.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Chế độ SPORT



Tăng khả năng phản hồi với thao tác của người lái.

■ Chế độ NORMAL



Tối ưu hóa sự cân bằng giữa khả năng vận hành và sự thoải mái.

Còn nữa

■ Chế độ ECON



Giúp tiết kiệm nhiên liệu.

■ Chế độ khởi động tiếp theo

Chế độ khởi động tiếp theo được lưu theo biểu đồ sau.

Chế độ gần đây nhất	Chế độ tiếp theo
SPORT	**BÌNH THƯỜNG**
BÌNH THƯỜNG	**BÌNH THƯỜNG**
ECON	**ECON**

Chế độ ECON

Khi ở chế độ ECON, hệ thống điều hòa nhiệt độ sẽ kém hiệu quả hơn và xe sẽ tăng tốc chậm hơn.

Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)

VSA giúp ổn định xe trong khi vào cua nếu xe rẽ nhiều hoặc ít hơn dự định. Hệ thống cũng hỗ trợ duy trì độ bám trên các bề mặt trơn trượt. Hệ thống này làm được như vậy nhờ điều chỉnh công suất động cơ và sử dụng phanh phù hợp.

■ Vận hành VSA



❶ Đèn báo hệ thống VSA

Khi VSA hoạt động, bạn có thể nhận thấy động cơ không phản hồi lại bàn đạp ga. Bạn cũng có thể nghe thấy tiếng ồn phát ra từ hệ thống phanh thủy lực. Bạn cũng sẽ nhìn thấy đèn báo nhấp nháy.

Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)

VSA không thể hoạt động hiệu quả nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ. Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại và luôn giữ áp suất lốp ở mức quy định.

Khi đèn báo hệ thống VSA bật sáng và vẫn sáng liên tục trong khi lái xe thì có thể hệ thống có sự cố. Dù điều này không làm cản trở đến việc lái thông thường, nhưng bạn vẫn nên mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

VSA không thể cải thiện độ ổn định của xe trong mọi tình huống lái xe và không điều khiển toàn bộ hệ thống phanh. Bạn vẫn cần phải lái và rẽ với tốc độ phù hợp với điều kiện và luôn giữ một khoảng cách đủ an toàn.

Chức năng chính của hệ thống VSA là Điều khiển ổn định điện tử (ESC). Hệ thống cũng bao gồm chức năng kiểm soát độ bám.

Các đèn báo hệ thống Hỗ trợ ổn định xe (VSA), Hỗ trợ ổn định xe (VSA) **TẮT***, Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp, Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ắc-quy. Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Bật và tắt VSA



❶ Đèn báo **TẮT** VSA

Nút này nằm trên bảng điều khiển phía người lái. Để tắt một số chức năng/tính năng VSA, hãy ấn và giữ nút này cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.

Xe bạn sẽ có khả năng phanh và vào cua bình thường, nhưng chức năng kiểm soát độ bám sẽ kém hiệu quả hơn.

Để bật lại các chức năng/tính năng VSA, ấn và giữ nút (**TẮT** VSA) đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp.

VSA sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt tính năng này ở lần lái xe gần đây nhất.

Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)

Trong một số điều kiện bất thường như khi xe bị kẹt trong tuyết hoặc vũng bùn nông, xe sẽ dễ thoát ra hơn khi tắt tạm thời VSA.

Khi ấn nút , khả năng bám đường sẽ giảm. Điều này cho phép bánh xe quay tự do hơn ở tốc độ thấp. Bạn chỉ nên tắt VSA để đưa xe thoát khỏi tình trạng bị kẹt nếu như không thể khắc phục được tình trạng đó khi bật VSA.

Ngay sau khi xe thoát khỏi tình trạng kẹt, đảm bảo bật lại VSA. Không nên lái xe khi VSA tắt.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh hoạt động của mô-tơ từ khoang động cơ trong khi thực hiện kiểm tra hệ thống, ngay sau khi khởi động động cơ hoặc trong khi lái. Đây là hiện tượng bình thường.

Hỗ trợ xử lý nhanh

Phanh nhẹ nếu cần khi bạn xoay vô lăng điều này sẽ giúp hỗ trợ tính ổn định và hiệu suất của xe trong khi rẽ.

Hỗ trợ xử lý nhanh

Chức năng hỗ trợ xử lý nhanh không thể cải thiện tính ổn định của xe trong mọi điều kiện lái. Bạn vẫn cần phải lái và rẽ với tốc độ phù hợp với điều kiện và luôn giữ một khoảng cách đủ an toàn.

Khi đèn báo hệ thống VSA sáng và cứ sáng liên tục trong khi lái, chức năng hỗ trợ xử lý nhanh sẽ không hoạt động.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh từ khoang động cơ khi chức năng hỗ trợ xử lý nhanh hoạt động. Đây là hiện tượng bình thường.

Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*

Thay vì trực tiếp đo áp suất của từng lốp, hệ thống cảnh báo xẹp lốp của xe sẽ theo dõi và so sánh bán kính lăn và đặc tính quay của từng bánh xe và lốp xe trong khi lái để xác định một hoặc nhiều lốp bị non hơi.



Điều này sẽ làm đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

❶ Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp
❷ Xuất hiện khi bất kỳ lốp nào bị non hơi.
(ví dụ: lốp trước bên phải)
❸ Xuất hiện khi hai hoặc nhiều lốp bị non hơi.

Lái xe

Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*

Hệ thống không theo dõi lốp xe khi lái xe ở tốc độ thấp.

Các điều kiện như nhiệt độ môi trường thấp và thay đổi độ cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến áp suất lốp và làm đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp bật sáng.

Nên kiểm tra và bơm lốp khi:
- Thời tiết ấm thì áp suất lốp đó sẽ là non khi ở thời tiết lạnh hơn.
- Thời tiết lạnh thì áp suất lốp đó sẽ là quá căng khi ở thời tiết ấm hơn.

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ không sáng do lốp xe quá căng.

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp không thể hoạt động hiệu quả nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ.
Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại.
➡ **Kiểm tra và thay lốp** Tr. 671

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng chậm hoặc có thể không sáng chút nào khi:
- Tăng tốc, giảm tốc, hoặc xoay vô lăng nhanh.
- Lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.
- Sử dụng xích bọc lốp.
- Áp suất lốp giảm nhanh.

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ bật sáng trong những điều kiện sau:
- Có một lốp phải tải nặng hơn và các lốp tải không đều so với điều kiện lúc hiệu chỉnh.
- Sử dụng xích bọc lốp.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Bạn phải hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp mỗi khi bạn:

- Điều chỉnh áp suất của một hoặc nhiều lốp xe.
- Đảo lốp.
- Thay thế một hoặc nhiều lốp xe.

Trước khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp:

- Đặt áp suất lốp nguội ở cả bốn lốp.

➡ **Kiểm tra lốp** Tr. 671

Hãy đảm bảo:

- Xe dừng hẳn.
- Xe ở số P.
- Chế độ nguồn ở BẬT.

Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*

Các đèn báo hệ thống Hỗ trợ ổn định xe (VSA), Hỗ trợ ổn định xe (VSA) **TẮT**, Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp, Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ắc-quy. Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h.
Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Quy trình hiệu chỉnh mất khoảng 30 phút lái xe liên tục với tốc độ từ 40-100 km/h.
Trong thời gian hiệu chỉnh, nếu đặt chế độ nguồn ở bật và xe không chạy trong vòng 45 giây, đèn báo áp suất lốp thấp sẽ sáng một lúc. Điều này là bình thường và cho biết quy trình hiệu chỉnh vẫn chưa hoàn thành.

Nếu sử dụng xích bọc lốp, hãy tháo ra trước khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

Nếu đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp vẫn sáng ngay cả khi đã lắp đặt loại lốp thông thường đúng quy định được bơm đúng áp suất, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Bạn nên thay lốp có cùng nhãn hiệu, chủng loại và kích cỡ với lốp ban đầu. Hãy hỏi đại lý để biết thông tin chi tiết.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

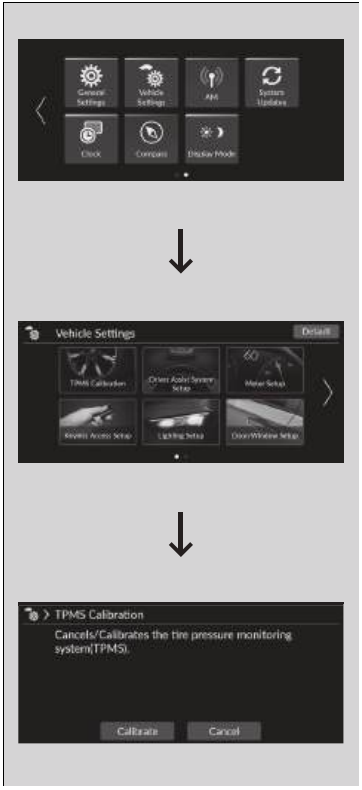

Khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp, hãy thực hiện như sau.

Màn hình giải trí không tích hợp Google
Tr. 303

1. Đặt chế độ nguồn thành BẬT.
2. Ấn nút HOME.
3. Chọn **Vehicle Settings**.
4. Chọn **TPMS Calibration**.
5. Chọn **Calibrate** hoặc **Cancel**.

- Nếu thông báo **Calibration Failed To Start.** xuất hiện, lặp lại bước 5.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động kết thúc.

Hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù*

Khi hệ thống phát hiện các phương tiện đang đến gần từ phía sau ở các làn đường bên cạnh, đèn báo tương ứng sẽ sáng nhằm hỗ trợ khi bạn chuyển làn đường.

■ Cách hoạt động của hệ thống

Hệ thống hoạt động khi xe bạn đang chạy về phía trước với tốc độ từ 32 km/h trở lên.

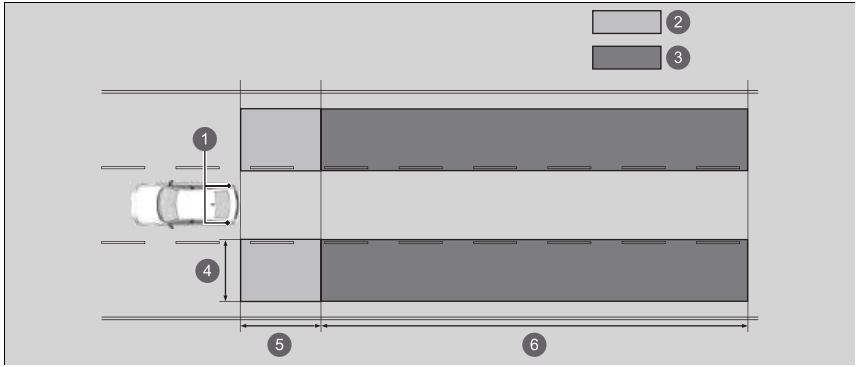

❶ Cảm biến ra-đa: bên dưới các góc của cản sau.
❷ Vùng cảnh báo 1
❸ Vùng cảnh báo 2
Phạm vi vùng cảnh báo
❹ Xấp xỉ 0,5 ~ 3 mét tính từ sườn xe.
❺ Xấp xỉ 3 mét tính từ cản sau.
❻ Xấp xỉ 3 ~ 25 mét tính từ phía sau cản sau. (Xe đang đến gần chạy càng nhanh, thì khoảng cách phát hiện càng xa.)

Vùng cảnh báo được cài đặt ban đầu là vùng cảnh báo 1. Theo thời gian, sau khi xe được lái trên đường thẳng có các phương tiện giao thông và vật thể bên đường, hệ thống sẽ đi vào và mở rộng vùng cảnh báo (vùng cảnh báo 1 và 2).

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

Hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù*

Nhắc nhở quan trọng về an toàn
Giống như tất cả các hệ thống hỗ trợ khác, hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù cũng có những hạn chế. Luôn nhìn vào gương ở hai bên xe và đằng sau bạn để quan sát các xe khác trước khi chuyển làn đường. Quá phụ thuộc vào hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù có thể dẫn đến va chạm.

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra trong các tình huống sau:
- Cản sau hoặc khu vực xung quanh cảm biến ra-đa bị tác động mạnh.
- Đèn báo không sáng ngay cả khi xe ở vùng cảnh báo cần được phát hiện.
- Cản sau hoặc bất kỳ bộ phận nào của hệ thống cần được sửa chữa.

Nếu cần sửa chữa cản sau hoặc bất kỳ bộ phận nào của hệ thống, hệ thống sẽ chỉ trở lại vùng cảnh báo 1 cho đến khi có thể đi vào và mở rộng sang vùng cảnh báo 1 và 2.

■ Khi hệ thống phát hiện thấy xe khác

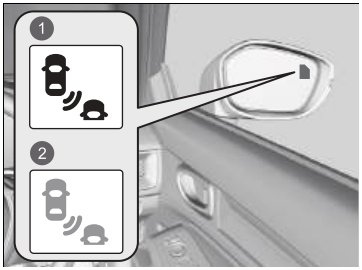

❶ Sáng
❷ Nhấp nháy

Đèn cảnh báo hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù: Nằm trên gương cửa ngoài xe ở cả hai bên.

Sáng khi:

- Có một xe đang đi đến từ phía sau để vượt xe bạn với tốc độ chênh lệch so với xe của bạn không quá 50 km/h.
- Bạn vượt một xe khác với tốc độ chênh lệch so với xe đó không quá 20 km/h.

Nhấp nháy và tiếng bíp vang lên khi:

Bạn sử dụng cần gạt xi nhan để báo hiệu rẽ theo hướng xe được phát hiện trong khi đèn báo cảnh báo hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù sáng.

▶ Tiếng bíp vang lên ba lần.

Hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù*

Để hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù hoạt động tốt:

- Luôn giữ cản sau và khu vực xung quanh cảm biến ra-đa sạch sẽ.
- Không che khu vực góc cản sau bằng bất kỳ loại nhãn dán hoặc tấm dính nào.

Hệ thống chỉ giúp bạn lái xe thuận tiện. Ngay cả khi có một vật thể nằm trong vùng cảnh báo, các tình huống sau vẫn có thể xảy ra.

- Đèn cảnh báo hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù không sáng và thông báo **Blind spot information not available** xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
- Đèn cảnh báo hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù có thể sáng ngay cả khi có thông báo.

Các đèn báo hệ thống Hỗ trợ ổn định xe (VSA), **TẮT** Hỗ trợ ổn định xe (VSA), Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở trạng thái BẬT sau khi lắp lại ắc-quy.
Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Bật và tắt hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➔ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 119
➔ **Hỗ trợ an toàn** Tr. 133

Hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù sẽ duy trì ở cài đặt trạng thái bật hoặc tắt đã chọn trước đó mỗi khi bạn khởi động động cơ.

Hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù*

Bạn có thể thay đổi cài đặt hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù.

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Điều kiện và hạn chế của hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù

Đèn cảnh báo hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù có thể không sáng trong các điều kiện sau:

- Tốc độ giữa xe bạn và xe ở làn đường bên cạnh có sự chênh lệch lớn.
- Có một xe khác đang đỗ ở làn đường bên cạnh.
- Có một vật thể mà cảm biến ra-đa không phát hiện được sẽ đi đến hoặc vượt xe bạn.
- Phương tiện chạy ở làn đường bên cạnh là xe máy hoặc các phương tiện nhỏ khác.

Hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù có thể hoạt động không hiệu quả trong các điều kiện sau:

- Rẽ ở giao lộ.
- Phát hiện vật thể (lan can, cột điện, cây cối, v.v.).
- Vật thể không phản xạ sóng vô tuyến tốt hoặc xe máy nằm trong vùng cảnh báo.
- Lái xe trên đường quanh co.
- Có xe khác đang di chuyển từ làn xa sang làn bên cạnh.
- Hệ thống thu nhiễu tín hiệu từ các cảm biến ra-đa của xe khác hoặc thu sóng vô tuyến mạnh từ một địa điểm gần đó.
- Cản sau hoặc khu vực xung quanh các cảm biến ra-đa bị bụi bẩn, bùn, tuyết, băng, v.v che phủ.
- Cản sau hoặc khu vực xung quanh các cảm biến ra-đa bị hư hỏng hoặc biến dạng.
- Khi thời tiết xấu (mưa lớn, tuyết và sương mù).
- Vào cua gấp hoặc lái xe trên đường mấp mô làm xe bị nghiêng nhẹ.
- Có một vật thể như giá để xe đạp được lắp vào phía sau xe.

Hệ thống quan sát làn đường*

Quan sát làn đường là hệ thống hỗ trợ giúp bạn kiểm tra khu vực sau phía hành khách được hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin khi gạt cần xi nhan sang phía hành khách.

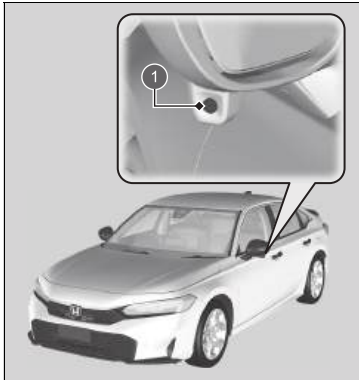

❶ Camera

Ngoài cách kiểm tra trực quan và sử dụng gương cửa phía hành khách, camera trong gương cửa phía hành khách theo dõi khu vực này và giúp bạn kiểm tra xem có xe nào không. Bạn cũng có thể bật hệ thống để thuận tiện trong khi lái xe.

▶Hệ thống quan sát làn đường*

⚠CẢNH BÁO

Nếu trước khi chuyển làn đường mà bạn không quan sát kỹ thì rất dễ xảy ra va chạm, gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Không nên phụ thuộc vào Hệ thống quan sát làn đường khi lái xe.

Luôn nhìn vào gương ở hai bên xe và đằng sau bạn để quan sát các xe khác trước khi chuyển làn đường.

Nhắc nhở quan trọng về an toàn

Như các hệ thống hỗ trợ khác, Quan sát làn đường cũng có những hạn chế. Quá phụ thuộc vào Hệ thống quan sát làn đường có thể dẫn đến va chạm.

Chức năng quan sát làn đường có thể bị ảnh hưởng bởi thời tiết, ánh sáng (gồm đèn chiếu sáng và mặt trời lặn xuống thấp), bóng tối xung quanh, tình trạng camera, và tình trạng tải của xe.

Quan sát làn đường có thể không hiển thị đúng lưu lượng giao thông ở hai bên và phía sau xe trong các trường hợp sau:

- Hệ thống treo của xe bị thay đổi, làm thay đổi độ cao của xe.
- Lốp xe quá căng hoặc quá non.
- Các lốp xe hoặc các bánh xe khác nhau về kích thước và cấu tạo.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa



❶ Nút Quan sát làn đường



❶ Nút Quan sát làn đường

Hệ thống sẽ hoạt động khi bạn thực hiện một trong các thao tác sau:

- Ấn nút Quan sát làn đường.
- Gạt cần xi nhan sang phía hành khách.

Hệ thống sẽ tắt khi bạn ấn nút Quan sát làn đường một lần nữa.

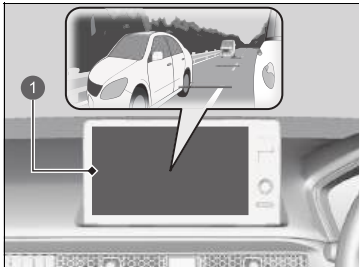

Tầm nhìn phía hành khách hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin.

❶ Màn hình âm thanh/thông tin

■ Tùy chỉnh cài đặt Quan sát làn đường

Bạn có thể tùy chỉnh các mục sau bằng cách sử dụng màn hình âm thanh/thông tin.

- **Show with Turn Signal**[*1]**/Show with turn signal**[*2]**/Show with indicator**[*3]: Chọn bật hoặc tắt màn hình Quan sát làn đường khi vận hành cần xi nhan.
- **Display Time after Turn Signal Off**[*1, *2]**/Display Time after Indicator Off**[*3]: Thay đổi thời gian sáng màn hình Quan sát làn đường sau khi bạn kéo cần xi nhan về phía sau.
- **Show Reference Line**: Chọn hiển thị hoặc không hiển thị vạch khoảng cách trên màn hình Quan Sát Làn Đường.
- **Display**: Điều chỉnh cài đặt hiển thị.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

*1 : Loại xe tại Philippines
*2 : Loại xe Campuchia, Lào và Mỹ La Tinh
*3 : Ngoại trừ loại xe Campuchia, Lào, Philippine và Mỹ La Tinh

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Hệ thống quan sát làn đường*

Tầm quan sát của camera Quan sát làn đường rất hạn chế. Thấu kính của camera làm cho vật thể trông hơi khác một chút so với thực tế.

Màn hình Quan sát làn đường không sáng khi cần số ở R.

Để hệ thống Quan sát làn đường hoạt động tốt:
- Đặt camera trong gương cửa phía hành khách. Luôn giữ camera sạch sẽ. Nếu thấu kính của camera bị bụi hoặc ẩm, dùng vải mềm, ẩm để lau sạch thấu kính.
- Không che phủ thấu kính camera bằng bất kỳ loại nhãn dán hoặc tấm dính nào.
- Không chạm vào thấu kính camera.

Còn nữa

■ Vạch tham chiếu

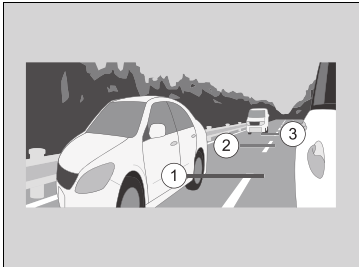

Ba vạch kẻ xuất hiện trên màn hình có thể đưa ra nhận định về khoảng cách tương ứng từ xe của bạn đến xe khác hoặc đến vật thể. Nếu vật thể ở gần vạch ① (màu đỏ), tức là vật thể đó ở gần xe của bạn, còn nếu vật thể ở gần vạch ③ thì có nghĩa cách xa xe bạn.

Vạch tham chiếu

Khu vực xung quanh vạch ① (màu đỏ) rất gần xe của bạn. Luôn quan sát làn đường để đảm bảo an toàn trước khi chuyển làn.

Khoảng cách giữa xe của bạn và các vạch ①, ② và ③ trên màn hình phụ thuộc vào điều kiện đường xá và tải trọng của xe. Ví dụ, các vạch tham chiếu trên màn hình có thể hiện ra gần hơn khoảng cách thực tế khi phía sau xe của bạn đang tải nặng.

Liên hệ với đại lý nếu:

- Gương cửa phía hành khách, hoặc khu vực xung quanh bị tác động mạnh dẫn đến thay đổi góc camera.
- Màn hình Quan sát làn đường không hoạt động.

Loại xe có đèn chiếu sáng LED

Điều chỉnh phân bổ ánh sáng đèn

Lái loại xe có vô lăng bên phải ở bên phải đường, hoặc lái loại xe có vô lăng bên trái ở bên trái đường sẽ khiến đèn chiếu sáng làm chói mắt các xe đang đến gần. Bạn cần thay đổi phân bố ánh sáng của đèn chiếu sáng bằng cách sử dụng băng dính bề mặt.

Loại xe có vô lăng bên phải

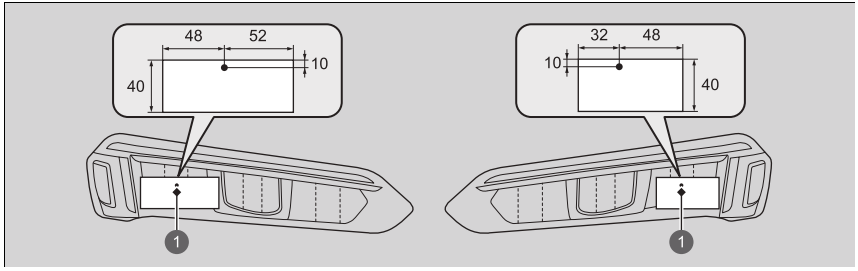

❶ Điểm giữa

1. Chuẩn bị hai miếng băng dính bề mặt hình chữ nhật, rộng 40 mm và dài 100 mm*1 hoặc 80 mm*2.
▶ Sử dụng băng dính bề mặt có thể cản được sáng, như loại keo dán nhựa không thấm nước.

2. Dán băng dính vào thấu kính như hình vẽ.

*1 : Dành cho đèn chiếu sáng phía người lái
*2 : Dành cho đèn chiếu sáng phía hành khách

Điều chỉnh phân bổ ánh sáng đèn

Cẩn thận không dán băng dính sai vị trí. Nếu ánh sáng đèn chiếu sáng phân bố không đúng cách, nó có thể không phù hợp với yêu cầu về pháp lý của quốc gia mà bạn đang lái xe. Liên hệ với đại lý để biết thêm chi tiết.

Còn nữa

Loại xe có vô lăng bên trái

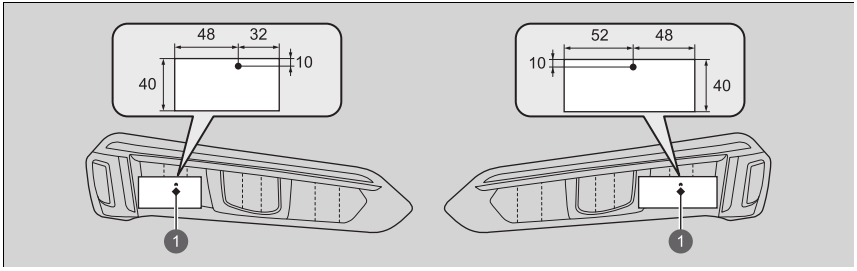

❶ Điểm giữa

1. Chuẩn bị hai miếng băng dính bề mặt hình chữ nhật, rộng 40 mm và dài 100 mm*1 hoặc 80 mm*2.
▶ Sử dụng băng dính bề mặt có thể cản được sáng, như loại keo dán nhựa không thấm nước.
2. Dán băng dính vào thấu kính như hình vẽ.

*1 : Dành cho đèn chiếu sáng phía người lái
*2 : Dành cho đèn chiếu sáng phía hành khách

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ lái xe như khi tăng tốc, phanh, và đánh lái để hỗ trợ người lái cũng như giảm mức độ nghiêm trọng khi xảy ra va chạm.

Honda SENSING có các chức năng sau:

■ Các chức năng không cần vận hành công tắc để kích hoạt

- Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) ➡ Tr. 536
- Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường ➡ Tr. 550
- Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành* ➡ Tr. 591
- Đèn pha thích ứng tự động ➡ Tr. 213
- Hệ thống cảm biến đỗ* ➡ Tr. 611
- Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái ➡ Tr. 128, 163

■ Các chức năng cần vận hành công tắc để kích hoạt

- Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp ➡ Tr. 557
- Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) ➡ Tr. 577

Honda SENSING

Đảm bảo tất cả các lốp có cùng kích cỡ, chủng loại và nhãn hiệu được quy định và mòn đều.
Nếu bạn sử dụng các lốp có kích cỡ, chủng loại, nhãn hiệu hoặc mức độ mòn khác nhau, hệ thống có thể không hoạt động tốt.

Không sửa đổi hệ thống treo. Việc thay đổi chiều cao của xe có thể khiến hệ thống hoạt động không tốt.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Vận hành các công tắc cho Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp/Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)

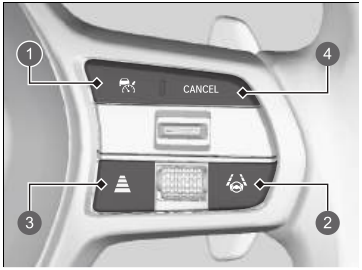

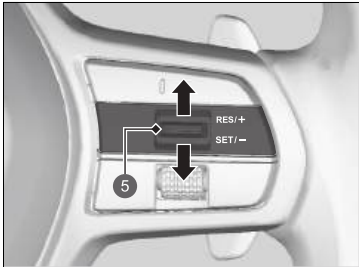

❶ Nút
Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho ACC bao gồm dải tốc độ thấp.
Hoặc ấn để hủy hệ thống.

❷ Nút LKAS
Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho LKAS.
Hoặc ấn để hủy hệ thống.

❸ Nút khoảng cách
Ấn để thay đổi khoảng cách với xe khác của ACC bao gồm dải tốc độ thấp.

❹ Nút **CANCEL** (HỦY)
Ấn để hủy ACC bao gồm dải tốc độ thấp.

❺ Công tắc **RES/+/SET/−**
Ấn công tắc **RES/+/SET/−** lên để cài đặt hoặc tiếp tục ACC bao gồm dải tốc độ thấp hoặc tăng tốc độ xe.
Ấn công tắc **RES/+/SET/−** xuống để cài đặt ACC bao gồm dải tốc độ thấp hoặc giảm tốc độ xe.

■ Nội dung hiển thị trên đồng hồ đo

Bạn có thể thấy trạng thái hiện tại của Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp và Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS).

Loại xe có đồng hồ đo loại A



❶ Biểu thị ACC bao gồm dải tốc độ thấp đã sẵn sàng hoạt động.
- Màu xanh lục: Hệ thống bật.
- Màu trắng: Hệ thống ở chế độ chờ.
- Màu hổ phách: Hệ thống có sự cố.

❷ Biểu thị LKAS đã sẵn sàng hoạt động.
- Màu xanh lục: Hệ thống đang hoạt động.
- Màu trắng: Hệ thống ở chế độ chờ.
- Màu hổ phách: Hệ thống có sự cố.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

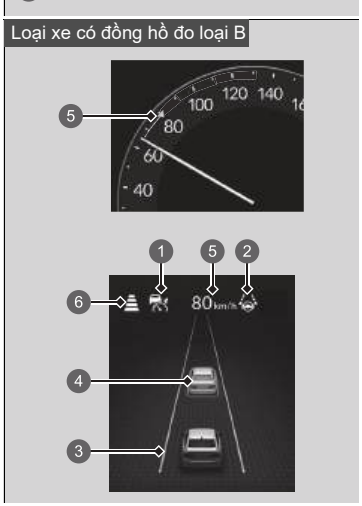

❸ Biểu thị LKAS được kích hoạt và có phát hiện các vạch làn đường giao thông hay không.
- Vạch màu xanh lục: Hệ thống đang hoạt động.
- Vạch màu trắng: Phát hiện vạch làn đường giao thông.
- Vạch màu hổ phách: Phát hiện chệch làn đường.

❹ Biểu thị có phát hiện xe phía trước hay không.

Loại xe có đồng hồ đo loại B
- Xe mục tiêu trong tầm kiểm soát: Màu trắng và điểm vạch màu xanh lục
- Xe mục tiêu ngoài tầm kiểm soát: Màu xám

❺ Biểu thị tốc độ xe đã thiết lập ở ACC bao gồm dải tốc độ thấp.

❻ Biểu thị khoảng cách xe đã thiết lập ở ACC bao gồm dải tốc độ thấp.

Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)

Hệ thống có thể hỗ trợ bạn khi xe có nguy cơ va chạm với một xe khác (kể cả xe máy) phía trước từ phía sau, xe chạy ngược chiều từ phía trước, xe đang đi đến từ bên cạnh, người đi bộ hoặc người đang đi xe đạp (xe đạp đang di chuyển). CMBS có chức năng cảnh báo bạn khi xác định có nguy cơ va chạm, cũng như hỗ trợ giảm tốc độ xe nhằm tránh va chạm và giảm thiểu nguy cơ thương vong do va chạm.

Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)

Nhắc nhở quan trọng về an toàn
CMBS có chức năng làm giảm mức độ nghiêm trọng của va chạm không thể tránh được. Hệ thống không thể giúp xe tránh bị va chạm hay dừng xe tự động. Bạn vẫn có trách nhiệm vận hành bàn đạp phanh và vô lăng phù hợp với điều kiện lái.

CMBS có thể không kích hoạt hoặc không phát hiện xe phía trước trong các điều kiện nhất định:
➡ **Điều kiện và hạn chế của CMBS** Tr. 542

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera góc rộng phía trước được trang bị cho hệ thống này.
➡ **Camera góc rộng phía trước** Tr. 596

Khi CMBS được kích hoạt, hệ thống vẫn sẽ hoạt động kể cả khi chỉ nhấn một phần bàn đạp ga. Tuy nhiên, hệ thống sẽ bị hủy nếu nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

■ Cách hoạt động của hệ thống

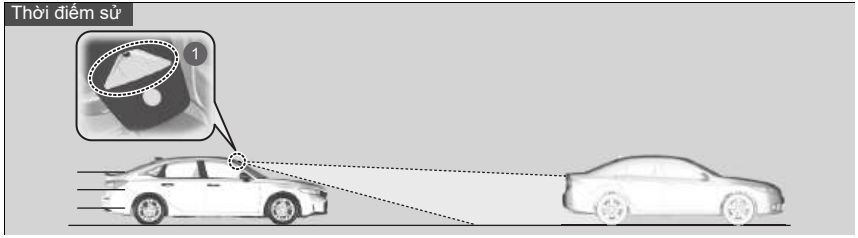

❶ Camera góc rộng phía trước được lắp phía sau gương chiếu hậu.

Hệ thống bắt đầu giám sát đoạn đường phía trước khi tốc độ xe của bạn khoảng 5 km/h trở lên và sẽ tìm kiếm xe (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước xe bạn.

CMBS kích hoạt khi:

- Phát hiện ra chênh lệch giữa tốc độ xe của bạn và xe khác (kể cả xe máy), người đi bộ, hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước cách khoảng 5 km/h trở lên và có khả năng xảy ra va chạm.
- Tốc độ xe của bạn khoảng 30 km/h trở xuống và có khả năng xảy ra va chạm trực diện với một xe đang đến gần (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển được phát hiện khi bạn rẽ phải*1/rẽ trái*2 tại đoạn đường giao nhau.
- Tốc độ xe của bạn khoảng 100 km/h trở xuống và hệ thống xác nhận có khả năng xảy ra va chạm với:

- Phát hiện có xe đang tới hoặc đang dừng (bao gồm cả xe máy) ở phía trước bạn.
- Người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước xe bạn.
- Xe phía trước đang đi đến từ bên cạnh.

*1 : Loại xe có vô lăng bên phải

*2 : Loại xe có vô lăng bên trái

Còn nữa

Cách hoạt động của hệ thống

Camera góc rộng phía trước ở CMBS cũng được thiết kế để phát hiện người đi bộ.
Tuy nhiên, tính năng phát hiện người đi bộ này có thể không kích hoạt hoặc không thể phát hiện ra người đi bộ phía trước xe trong các điều kiện nhất định.
Tham khảo thông tin về những hạn chế của chức năng phát hiện người đi bộ trong danh sách.

➡ **Điều kiện và hạn chế của CMBS** Tr. 542

CMBS sẽ bị hủy khi xe của bạn dừng hoặc hệ thống xác định không còn khả năng xảy ra va chạm.
CMBS cũng có thể bị hủy khi người lái vận hành vô lăng và bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga để tránh va chạm.

■ Khi hệ thống hoạt động

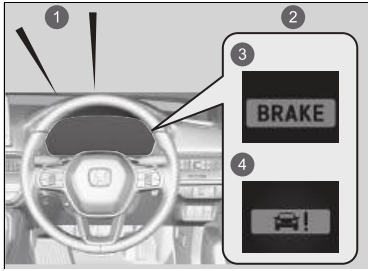

Hệ thống đưa ra cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh giúp nhận biết khả năng xảy ra va chạm và dừng cảnh báo nếu tránh được va chạm.

▶ Thực hiện hành động phù hợp để tránh va chạm (dùng phanh, chuyển làn, v.v.)

1. Cảnh báo bằng âm thanh
2. Cảnh báo bằng hình ảnh
3. Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
4. Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

Bạn có thể thay đổi khoảng cách (**Long (Dài)**[*1]/**Far (Xa)**[*2], **Normal (Trung bình)** hoặc **Short (Ngắn)**[*1]/**Near (Gần)**[*2]) giữa các xe mà hệ thống sẽ phát ra cảnh báo va chạm sớm nhất.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Khi ở khoảng cách **Long (Dài)**[*1]/**Far (Xa)**[*2], cảnh báo bằng hình ảnh và âm thanh sẽ xuất hiện ở khoảng cách xa hơn so với xe phía trước trong cài đặt **Normal (Trung bình)** và **Short (Ngắn)**[*1]/**Near (Gần)**[*2], ở khoảng cách ngắn hơn so với **Normal (Trung bình)**.

*1 : Loại xe Campuchia, Lào, Philippine và Châu Mỹ La-tinh
*2 : Ngoại trừ loại xe Campuchia, Lào, Philippine và Châu Mỹ La-tinh

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Giai đoạn cảnh báo va chạm

Hệ thống có ba giai đoạn cảnh báo khả năng va chạm. Tuy nhiên, tùy theo từng trường hợp, CMBS có thể không thực hiện tất cả các giai đoạn trước khi chuyển sang giai đoạn cuối.

<table>
<tr><th colspan="2" rowspan="2">Khoảng cách giữa các xe</th><th colspan="3">CMBS</th></tr>
<tr><th>Cảm biến phát hiện xe</th><th>CẢNH BÁO bằng âm thanh và hình ảnh</th><th>Phanh</th></tr>
<tr><td>Giai đoạn 1</td><td>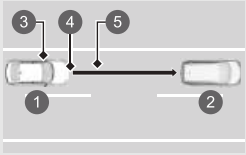
</td><td>Có khả năng xảy ra va chạm với xe phía trước xe bạn.</td><td>Đèn báo nhấp nháy.
Nếu khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước càng gần hơn, âm thanh cảnh báo sẽ vang lên cùng với đèn báo nhấp nháy.
▶ Có thể thay đổi khoảng cách cảnh báo va chạm.
Loại xe không có Màn hình giải trí
➔ Đồng hồ* và Cài đặt xe Tr. 137
Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google
➔ Tính năng tùy chỉnh Tr. 351
Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google
➔ Tính năng tùy chỉnh Tr. 438</td><td>—</td></tr>
<tr><td>Giai đoạn 2</td><td>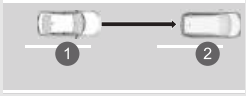
</td><td>Khả năng xảy ra va chạm tăng lên, thời gian phản ứng giảm.</td><td rowspan="2">Cảnh báo bằng cả hình ảnh và âm thanh.</td><td>Nhấn nhẹ</td></tr>
<tr><td>Giai đoạn 3</td><td>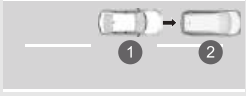
</td><td>CMBS xác định không thể tránh khỏi va chạm.</td><td>Nhấn mạnh</td></tr>
</table>

❶ Xe của bạn ❸ **Long (Dài)***1**/Far (Xa)***2 ❺ **Short (Ngắn)***1**/Near (Gần)***2
❷ Xe phía trước ❹ **Bình thường**

*1 : Loại xe Campuchia, Lào, Philippine và Châu Mỹ La-tinh
*2 : Ngoại trừ loại xe Campuchia, Lào, Philippine và Châu Mỹ La-tinh

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Bật và tắt CMBS

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➲ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 119, 153
➲ **Hỗ trợ an toàn** Tr. 133, 168

CMBS sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt tính năng này ở lần lái xe gần đây nhất.

Bật và tắt CMBS

Bạn không thể tắt CMBS khi đang lái xe.

CMBS có thể tắt tự động và đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và hệ thống phanh giảm va chạm (CMBS) (màu hổ phách) sẽ sáng và sáng liên tục trong các điều kiện nhất định.

➲ **Điều kiện và hạn chế của CMBS** Tr. 542

CMBS chưa hoạt động trong khoảng 15 giây sau khi khởi động động cơ.

Các đèn báo hệ thống Hỗ trợ ổn định xe (VSA), Hỗ trợ ổn định xe (VSA) **TẮT***, Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp, Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ắc-quy. Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h.
Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra nếu bạn phát hiện thấy bất kỳ hoạt động bất thường nào của hệ thống (ví dụ: thông báo cảnh báo xuất hiện quá thường xuyên).

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Điều kiện và hạn chế của CMBS

Trong những tình huống sau, hệ thống có thể không phát hiện chính xác được các phương tiện, người đi bộ, xe đạp đang di chuyển hoặc tình trạng đường sá, có khả năng khiến CMBS hoạt động không đúng cách.

➲ **Camera góc rộng phía trước** Tr. 596

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong điều kiện thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Có rất ít khác biệt giữa vật thể và nền không gian.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc hoàng hôn).
- Tia sáng mạnh phản chiếu vào xe (kể cả xe máy), người đi bộ, xe đạp đang di chuyển hoặc mặt đường.
- Các vật thể hoặc cấu trúc đường xá bị hiểu nhầm là phương tiện và người đi bộ.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không phát hiện ra xe khác [kể cả xe máy], người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển).

■ Điều kiện đường sá

- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt (vạch kẻ đường bị che khuất, vệt xe, ánh sáng phản chiếu, nước bắn trên đường, độ tương phản cao).
- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh.
- Lái xe trên đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.

■ Tình trạng của xe

- Khi lắp xích bọc lốp*.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Camera góc rộng phía trước bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đề can, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Phía trong kính chắn gió bị mờ.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cần gạt nước tạo ra.
- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong cốp hoặc ghế sau.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.
- Lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ.
- Tầm nhìn của camera bị che khuất bởi những giọt nước bắn ra từ hệ thống rửa kính hoặc từ các lưỡi gạt nước.
- Xe vận hành không ổn định do đường trơn trượt. v.v.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Ví dụ về các hạn chế phát hiện của camera góc rộng phía trước do tình trạng của xe phía trước, xe đang đến gần, xe đang đi đến từ bên cạnh, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển

- Khoảng cách giữa xe của bạn và xe phía trước (kể cả xe máy), xe chạy ngược chiều, xe đang đến gần từ bên cạnh, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước bạn quá gần.
- Xe phía trước (kể cả xe máy), xe chạy ngược chiều, xe đang đến gần từ bên cạnh, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển bất ngờ cắt ngang phía trước mặt hoặc bất ngờ lao ra.
- Xe đạp dừng lại.
- Xe đang đến gần hoặc xe phía trước (kể cả xe máy) chạy dàn hàng ngang.
- Khi xe phía trước (kể cả xe máy), xe chạy ngược chiều, xe đang đến gần từ bên cạnh, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển lẫn vào nền không gian, khiến hệ thống không nhận ra.
- Khi có nhóm người đi bộ di chuyển phía trước xe bạn.
- Khi có nhóm người đi xe đạp di chuyển phía trước xe bạn.
- Khi người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển cắt ngang qua đường quá nhanh.
- Người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển theo hướng ngược chiều.
- Đèn chiếu sáng của xe phía trước xe bạn hoặc xe chạy ngược chiều sáng một bên hoặc cả hai bên không sáng khi xe đi vào chỗ tối.
- Khi một phần của người đi bộ (đầu, tay chân, v.v.) bị đồ vật mang theo che khuất.
- Khi người đi bộ cúi xuống hoặc ngồi xổm, khi giơ hai tay hoặc đang chạy.
- Khi người đi bộ thấp hơn 1 mét hoặc cao hơn 2 mét.
- Khi người đi bộ đang đẩy xe đẩy hoặc dắt xe đạp.
- Xe đang đến gần theo hướng chéo từ bên cạnh.
- Xe có hình dạng đặc biệt (như xe bồn hoặc xe tải không chở hàng) đang đi đến từ bên cạnh.
- Xe đang đến gần từ bên cạnh đang đi trên một khúc cua hoặc đường đồi.

■ Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện hoặc vận hành của hệ thống

- Khi xe phía trước (kể cả xe máy) là xe gắn máy loại nhỏ, xe mô-tô ba bánh, xe lăn, xe ba bánh hoặc xe có hình dạng đặc biệt khác.
- Khi xe có cấu tạo phía sau thấp hơn phía trước, ví dụ như xe tải không chở hàng, hoặc xe hẹp.
- Khi xe phía trước (kể cả xe máy), xe chạy ngược chiều, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển không ở phía chính diện xe bạn.
- Sự chênh lệch về tốc độ giữa xe bạn và xe phía trước (kể cả xe máy), xe chạy ngược chiều, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển là rất lớn.
- Sự chênh lệch về tốc độ giữa xe bạn và xe phía trước (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang đi đến từ bên cạnh là rất lớn.
- Khi xe (kể cả xe máy) hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước giảm tốc độ đột ngột.
- Khi người lái nhấn bàn đạp phanh và xoay vô lăng để tránh va chạm.
- Khi bạn đến gần xe (bao gồm cả xe máy) phía trước, xe ngược chiều, xe đang di chuyển từ bên cạnh, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển trong khi tăng tốc nhanh hoặc điều khiển vô lăng (trừ khi rẽ phải*1/trái*2 tại đoạn đường giao nhau, v.v.)*3.
- Khi xe đạp đang di chuyển là xe đạp trẻ em, xe đạp gấp, xe ba bánh hoặc các mẫu xe đạp khác có lốp nhỏ, hoặc xe đạp dài như xe đạp đôi.
- Khi camera góc rộng phía trước không thể nhận diện đúng hình dạng của xe phía trước (kể cả xe máy), xe chạy ngược chiều, xe đang đến gần từ bên cạnh, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển.
- Khi có xe (kể cả xe máy) với khoảng sáng gầm tối thiểu rất cao ở phía trước bạn hoặc đang đến gần từ bên cạnh.

*1: Loại xe có vô lăng bên phải

*2: Loại xe có vô lăng bên trái

*3: Khi có khả năng xảy ra va chạm từ phía trước với xe đang đến gần trong khi rẽ phải*1/trái*2, CMBS sẽ được kích hoạt. Tuy nhiên, hệ thống có thể không kích hoạt nếu bạn xoay vô lăng đột ngột.

Còn nữa

■ Tự động tắt

CMBS có thể tắt tự động và đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu hổ phách) sẽ sáng và sáng liên tục khi:

- Lái xe trên địa hình ngoài đường nhựa, đường núi, hoặc đường quanh co và gập ghềnh trong thời gian dài.
- Lái xe trong điều kiện thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ.
- Nhiệt độ camera góc rộng phía trước quá cao.
- Mặt trước của camera bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đề can, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Phát hiện tình trạng lốp bất thường (kích thước lốp không đúng, lốp bị xẹp, v.v.).

Khi các điều kiện làm CMBS bị tắt được cải thiện hoặc được xử lý (ví dụ làm sạch), hệ thống sẽ hoạt động trở lại.

■ Trường hợp ít có khả năng xảy ra va chạm

Ngay cả khi có ít khả năng xảy ra va chạm, CMBS có thể hoạt động trong các điều kiện sau:

- Xe của bạn tiến gần hoặc vượt xe khác khi xe đó đang rẽ trái hoặc rẽ phải.
- Xe của bạn tiến gần xe phía trước và bạn chuyển làn đường để vượt.

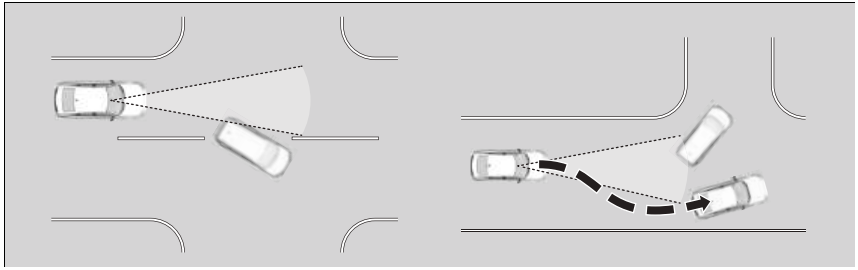

Còn nữa

- Khi xe bạn tiến gần xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển.
- Khi xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển vượt lên phía trước xe bạn.
- Khi lái xe qua công trình thấp hoặc qua cổng hẹp ở tốc độ cao.
- Khi có các biển báo giao thông hoặc các công trình như lan can ở đoạn đường dọc theo khúc cua.

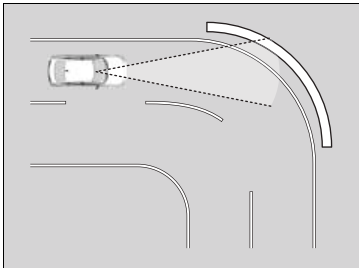

- Khi lái xe qua khúc cua, xe bạn đến điểm mà xe chạy ngược chiều ở ngay phía trước mặt bạn.

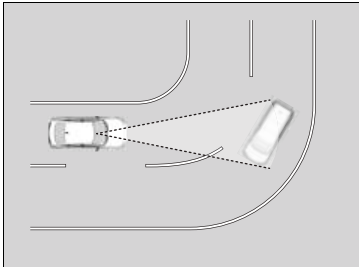

- Khi xe bạn đến gần xe đang đứng yên hoặc đến gần bức tường, chẳng hạn như khi đỗ xe.

- Xe đang đi đến từ bên cạnh khi xe đó đang lái qua một khúc cua.
- Bạn vượt qua một xe khác (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang rẽ trái hoặc rẽ phải.
- Bạn vượt phía trước một xe khác (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang đi đến từ bên cạnh.
- Một chiếc xe (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp rẽ trái hoặc rẽ phải khi đến gần xe bạn từ bên cạnh.
- Bạn cố vượt trước một chiếc xe (kể cả xe máy) hoặc xe đạp khi bạn đang rẽ trái hoặc rẽ phải.
- Một chiếc xe (kể cả xe máy) hoặc xe đạp đang cố vượt lên trước xe bạn khi bạn đang rẽ trái hoặc rẽ phải.
- Một chiếc xe (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đi vào phần đường của xe bạn và dừng lại trước mặt xe bạn.
- Khi bạn đang rẽ trái hoặc rẽ phải, một người đi bộ băng qua phần đường của xe bạn và dừng lại trước mặt xe bạn.
- Bạn đi ngang qua một chiếc xe đang đỗ trên đường.

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định xe bạn có nguy cơ chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện và/hoặc phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường.

■ Cách thức hoạt động của hệ thống

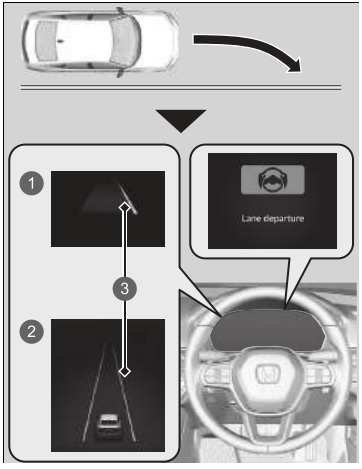

❶ Loại xe có đồng hồ đo loại A
❷ Loại xe có đồng hồ đo loại B
❸ Vạch màu hổ phách

Camera trước nằm phía sau gương chiếu hậu sẽ theo dõi vạch kẻ đường bên trái và bên phải (màu trắng hoặc vàng). Nếu xe của bạn đang đến quá gần các vạch kẻ đường được phát hiện mà không bật đèn xi nhan, ngoài cảnh báo bằng hình ảnh, hệ thống sẽ tác dụng mô-men xoắn lái và cảnh báo bạn bằng các rung động nhanh trên vô lăng để giúp bạn duy trì xe trong làn đường được phát hiện.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➡ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Để cảnh báo bằng hình ảnh, thông báo **Lane departure** (Chệch Làn Đường) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Nhắc nhở quan trọng về an toàn
Giống như tất cả các hệ thống hỗ trợ khác, Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường cũng có hạn chế.
Quá phụ thuộc vào Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể dẫn đến va chạm. Bạn luôn có trách nhiệm giữ xe đi trong làn đường của mình.

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường chỉ cảnh báo khi phát hiện xe đang đi chệch làn đường mà không bật xi nhan. Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể không phát hiện được tất cả vạch kẻ đường hoặc tình trạng lệch làn; độ chính xác sẽ thay đổi tùy theo thời tiết tốc độ và tình trạng của vạch kẻ đường. Bạn luôn phải có trách nhiệm lái xe an toàn và tránh va chạm.

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường chưa hoạt động trong khoảng 15 giây sau khi khởi động động cơ.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.

➡ **Camera góc rộng phía trước** Tr. 596

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Hệ thống sẽ hủy hỗ trợ khi bạn xoay vô lăng để tránh đi chệch ra khỏi vạch kẻ đường được phát hiện.



❶ Đèn báo TẮT tự động tính năng hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Nếu hệ thống hoạt động vài lần mà không thấy phản ứng của người lái, hệ thống sẽ phát ra tiếng bíp để thông báo cho bạn biết. Sau đó, đèn báo Tự động TẮT tính năng Hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường sáng, tính năng hỗ trợ lái của Giảm thiểu chệch làn đường tạm thời dừng hoạt động và hệ thống sẽ chỉ cảnh báo bạn bằng âm thanh cảnh báo.

Sau một vài phút, đèn báo Tự động TẮT tính năng Hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường sẽ tắt và Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường được khôi phục hoàn toàn.

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường không thể hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định:

➔ **Điều kiện và Hạn chế của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường** Tr. 554

Đôi khi bạn có thể không nhận thấy được các chức năng của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường do hoạt động của xe hoặc tình trạng mặt đường.

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường.
Nếu LKAS tắt, thông báo bên dưới có thể xuất hiện nếu hệ thống xác định rằng xe bạn có khả năng vượt qua vạch kẻ đường đã được phát hiện.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Cách hệ thống kích hoạt

Hệ thống sẽ hoạt động khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Xe chạy với tốc độ khoảng từ 72 đến 180 km/h.
- Xe đang chạy trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Đèn xi nhan tắt.
- Hệ thống xác định được người lái không chủ động tăng tốc, phanh hoặc xoay vô lăng.

Cách hệ thống kích hoạt

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể tự động tắt và đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và đèn báo hệ thống giảm thiểu chệch làn đường sáng và sáng liên tục.

➡ **Đèn báo** Tr. 96

Chức năng Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể bị ảnh hưởng khi xe:

- Lái ở mép trong của khúc cua hoặc bên ngoài làn đường.
- Lái ở làn đường hẹp.

■ Bật và tắt Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➔ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 119, 153
➔ **Hỗ trợ an toàn** Tr. 133, 168

Mỗi lần bạn khởi động động cơ, Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường sẽ bật hoặc tắt theo lựa chọn ở lần lái xe gần đây nhất.

Bật và tắt Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Khi bạn chọn **Warning Only***1/**Warning only***2 (Chỉ cảnh báo), hệ thống không vận hành vô lăng.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Các đèn báo hệ thống Hỗ trợ ổn định xe (VSA), Hỗ trợ ổn định xe (VSA) **TẮT***, Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp, Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ắc-quy. Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h.
Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

*1: Loại xe tại Campuchia, Lào và Mỹ La-tinh có Màn hình giải trí
*2: Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Mỹ La-tinh có Màn hình giải trí

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Điều kiện và Hạn chế của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Hệ thống có thể không phát hiện đúng vạch kẻ đường và vị trí xe của bạn trong một số điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó.

■ Điều kiện môi trường

- Có rất ít khác biệt giữa các vạch làn đường và bề mặt đường.
- Lái xe trong điều kiện thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc hoàng hôn).
- Bóng của vật thể gần đấy (cây cối, tòa nhà, lan can, xe cộ, v.v.) song song với vạch màu trắng (hoặc màu vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không chiếu rõ vạch làn đường, mặt đường hoặc xe chạy ngược chiều).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần và không nhìn rõ vạch làn đường và bề mặt đường.

■ Điều kiện đường sá

- Lái xe trên đường có vạch kẻ đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch kẻ đường khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa chữa đường hoặc vạch kẻ đường xuống cấp.
- Đường có vạch đánh dấu nhập làn, tách làn hoặc giao cắt nhau ví dụ ở đoạn đường giao nhau hoặc đường dành cho người đi bộ.
- Vạch kẻ đường quá hẹp, quá rộng, hoặc thay đổi liên tục.
- Một phần của vạch kẻ đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe trên đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện v.v.) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không trải nhựa, hoặc mặt đường mấp mô.
- Lái xe trên đường có vạch làn đường đôi.
- Lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.
- Đi qua ngã tư.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Lái xe trên đường không trải nhựa hoặc bị hằn lún.
- Không nhận dạng được chính xác các vạch màu trắng (hoặc màu vàng) do các điều kiện đường xá như khúc cua, khúc quanh hoặc đường đồi dốc.

Còn nữa

■ Tình trạng của xe

- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Mặt trước của camera bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đề can, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Khi người lái nhấn bàn đạp phanh và xoay vô lăng.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cần gạt nước tạo ra.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong cốp hoặc ghế sau.
- Khi lắp xích bọc lốp*.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.
- Phía trong kính chắn gió bị mờ.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp

Giúp duy trì tốc độ xe ổn định và thiết lập khoảng cách an toàn giữa xe bạn với xe phía trước, và nếu phát hiện xe phía trước chuẩn bị dừng lại, hệ thống sẽ giảm tốc độ xe và dừng xe mà bạn không cần giữ chân lên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.
Khi ACC bao gồm dải tốc độ thấp giảm tốc độ xe bằng cách phanh xe, đèn phanh của xe sẽ sáng lên.

Thời điểm sử

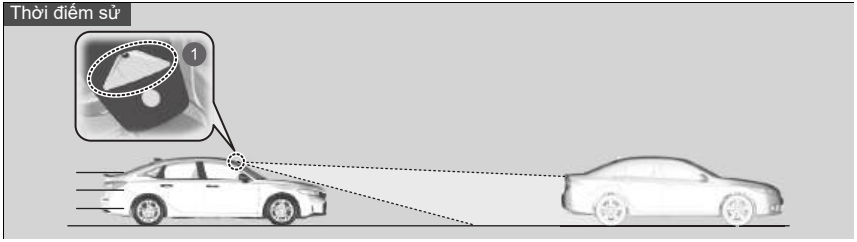

❶ Camera góc rộng phía trước được lắp phía sau gương chiếu hậu.

- Tốc độ xe cho ACC bao gồm dải tốc độ thấp: **Phát hiện xe phía trước trong phạm vi ACC bao gồm dải tốc độ thấp** – ACC bao gồm dải tốc độ thấp hoạt động ở tốc độ lên tới 180 km/h.
  Không phát hiện xe nào trong phạm vi ACC bao gồm dải tốc độ thấp – ACC bao gồm dải tốc độ thấp hoạt động ở tốc độ từ 30 km/h trở lên.
- Vị trí số cho ACC bao gồm dải tốc độ thấp: Ở D hoặc S*.

Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp

⚠CẢNH BÁO

Sử dụng ACC bao gồm dải tốc độ thấp không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

Chỉ sử dụng ACC bao gồm dải tốc độ thấp khi lái xe trên đường cao tốc trong điều kiện đường xá và thời tiết tốt.

⚠CẢNH BÁO

ACC bao gồm dải tốc độ thấp có khả năng phanh hạn chế và không thể làm cho xe bạn dừng lại đúng lúc để tránh xảy ra va chạm với một xe đột ngột dừng ngay trước xe bạn.

Luôn sẵn sàng nhấn bàn đạp phanh trong tình huống cần thiết.

Nhắc nhở quan trọng
Giống như bất kỳ hệ thống nào, ACC bao gồm dải tốc độ thấp cũng có các hạn chế. Hãy sử dụng bàn đạp phanh bất cứ khi nào cần và luôn giữ khoảng cách an toàn giữa xe bạn với các xe khác.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.
➔ **Camera góc rộng phía trước** Tr. 596

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Cách kích hoạt hệ thống

Cách sử dụng

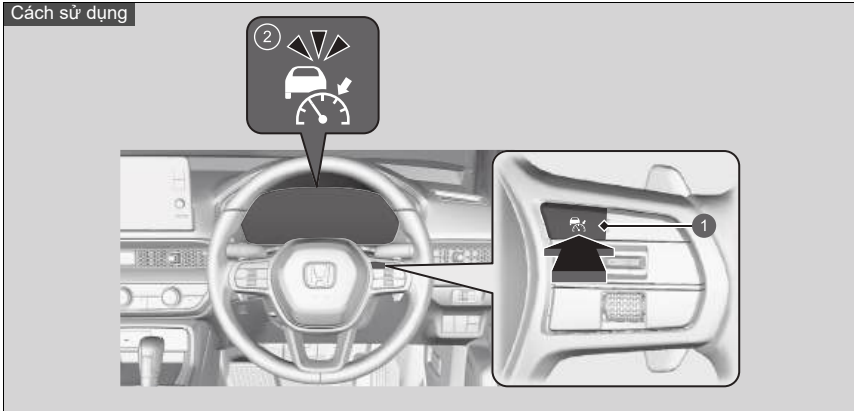

❶ Nút
Ấn nút trên vô lăng.

❷ **Đèn (màu trắng) sáng trên đồng hồ đo.**
ACC bao gồm dải tốc độ thấp sẵn sàng sử dụng.

Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp

⚠CẢNH BÁO

Khi xe đã dừng và bạn ra khỏi xe trong khi ACC bao gồm dải tốc độ thấp vẫn đang hoạt động có thể làm xe di chuyển mà không kiểm soát được.

Xe di chuyển không có kiểm soát có thể dẫn đến va chạm, gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Không được ra khỏi xe khi xe dừng bằng ACC bao gồm dải tốc độ thấp.

ACC bao gồm dải tốc độ thấp có thể không hoạt động đúng trong các điều kiện nhất định.

➡ **Điều kiện và hạn chế của ACC bao gồm dải tốc độ thấp** Tr. 567

Khi không sử dụng ACC bao gồm dải tốc độ thấp:
Ấn nút để tắt hành trình thích ứng.

■ Thiết lập tốc độ xe

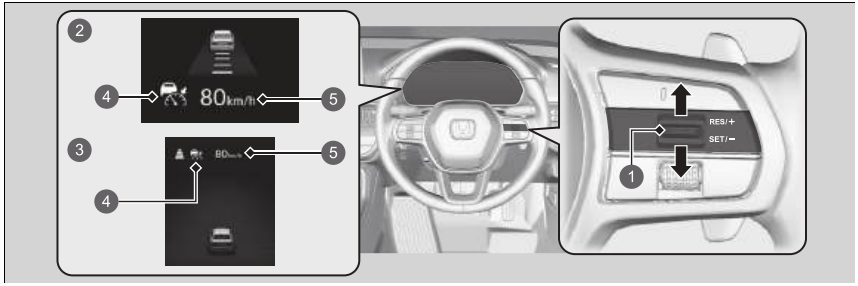

❶ Công tắc **RES/+/SET/−**
Lên hoặc xuống
❷ Bật khi ACC bao gồm dải tốc độ thấp bắt đầu hoạt động đối với loại xe có đồng hồ đo loại A
❸ Bật khi ACC bao gồm dải tốc độ thấp bắt đầu hoạt động đối với loại xe có đồng hồ đo loại B
❹ (màu xanh lục)
❺ Tốc độ xe đã thiết lập (màu trắng)

Khi lái xe ở tốc độ từ 30 km/h trở lên: Nhấc chân ra khỏi bàn đạp và gạt công tắc **RES/+/SET/−** lên hoặc xuống khi bạn đạt đến tốc độ mong muốn. Vào thời điểm bạn nhả công tắc, tốc độ đã thiết lập được cố định, và ACC bao gồm dải tốc độ thấp bắt đầu hoạt động.

Khi sử dụng ACC bao gồm dải tốc độ thấp, Hỗ trợ lái thẳng (một tính năng của Hệ thống trợ lực lái điện) sẽ được kích hoạt.
Bằng cách kích hoạt hệ thống lái để tự động cân bằng lực lái tự nhiên, Hỗ trợ lái thẳng giúp bạn lái xe theo một đường thẳng dễ dàng hơn.

Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp

Không sử dụng ACC bao gồm dải tốc độ thấp trong những điều kiện sau:
- Trên đường có phương tiện chuyển làn thường xuyên hoặc dừng và di chuyển liên tục, ACC bao gồm dải tốc độ thấp không thể giữ khoảng cách thích hợp giữa xe bạn và xe phía trước.
- Trên đường có khúc cua gấp.
- Trên đường có các trạm thu phí hoặc các vật thể khác chắn giữa làn đường giao thông, hoặc ở khu vực đỗ xe, hoặc tại các cơ sở có lối đi cho xe chạy qua.
- Trên đường có thời tiết xấu (có mưa, sương mù, tuyết, v.v.) khiến ACC bao gồm dải tốc độ thấp không thể phát hiện đúng khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước.
- Trên đường có bề mặt trơn trượt hoặc bị đóng băng. Các bánh xe có thể quay trượt và xe của bạn có thể mất kiểm soát trong điều kiện đó.
- Khi lái xe lên dốc hoặc xuống dốc cao.
- Đường nhiều dốc.

Các đèn báo hệ thống Hỗ trợ ổn định xe (VSA), Hỗ trợ ổn định xe (VSA) **TẮT***, Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp, Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ắc-quy. Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

Khi lái xe ở tốc độ dưới 30 km/h: Nếu xe đang chạy và không nhấn bàn đạp phanh thì việc bạn ấn công tắc sẽ thiết lập tốc độ là khoảng 30 km/h cho dù tốc độ hiện tại là bao nhiêu.
Nếu xe đang đứng yên, bạn có thể thiết lập tốc độ xe ngay cả khi nhấn bàn đạp phanh.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

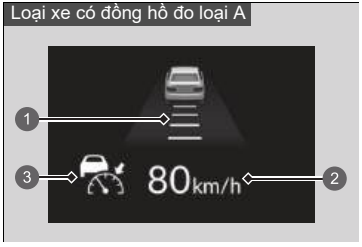

Khi ACC bao gồm dải tốc độ thấp bắt đầu hoạt động, biểu tượng xe, các thanh biểu thị khoảng cách và tốc độ đã thiết lập sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

❶ Khoảng cách xe được thiết lập
❷ Tốc độ xe được thiết lập
❸ (màu xanh lục)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

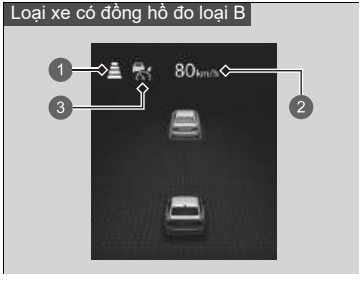

❶ Khoảng cách xe được thiết lập
❷ Tốc độ xe được thiết lập
❸ (màu xanh lục)

■ Khi hoạt động

■ Có xe phía trước

ACC bao gồm dải tốc độ thấp sẽ giám sát nếu xe phía trước xe bạn đi vào phạm vi ACC bao gồm dải tốc độ thấp. Trong trường hợp này, hệ thống ACC bao gồm dải tốc độ thấp sẽ duy trì hoặc giảm tốc độ xe đã thiết lập để giữ khoảng cách đã thiết lập với xe phía trước.

➡ **Thiết lập hoặc thay đổi khoảng cách với xe khác** Tr. 572

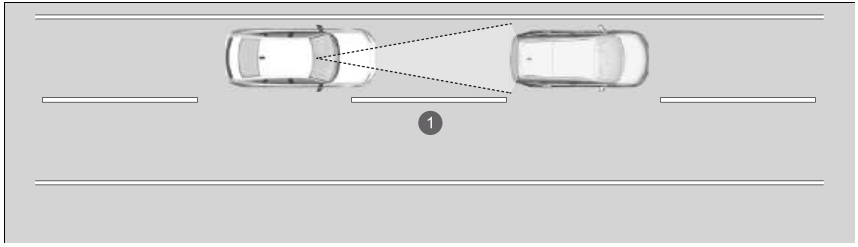

❶ Phạm vi của ACC bao gồm dải tốc độ thấp: 120 m

Khi hoạt động

Nếu xe phía trước xe bạn giảm tốc độ bất ngờ, hoặc có xe khác cắt ngang phía trước, tiếng bíp sẽ vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

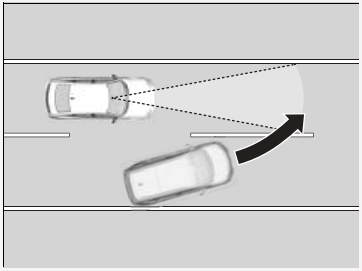

Nhấn bàn đạp phanh và giữ khoảng cách phù hợp với xe phía trước.

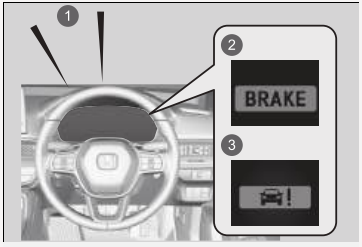

❶ Cảnh báo bằng âm thanh
❷ Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
❸ Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

Còn nữa

Loại xe có đồng hồ đo loại A

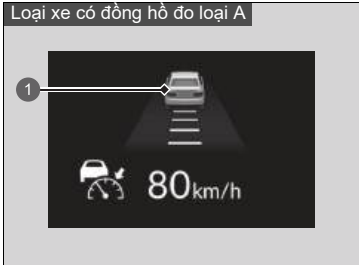

❶ Biểu tượng xe xuất hiện trên đồng hồ đo.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

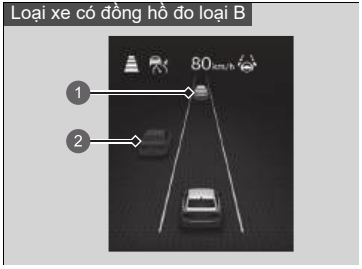

Biểu tượng xe xuất hiện trên đồng hồ đo.

❶ Xe mục tiêu trong tầm kiểm soát: Màu trắng và điểm vạch màu xanh lục

❷ Xe mục tiêu ngoài tầm kiểm soát: Màu xám

Khi camera phát hiện thấy có một xe chạy với tốc độ thấp hơn tốc độ đã thiết lập của xe bạn đi tới hoặc cắt ngang qua đầu xe bạn, xe của bạn sẽ bắt đầu giảm tốc.

Khi hoạt động

Ngay cả khi phát hiện khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước gần, ACC bao gồm dải tốc độ thấp có thể bắt đầu tăng tốc xe trong các trường hợp sau:

- Xe phía trước xe bạn chạy với tốc độ gần bằng hoặc nhanh hơn xe bạn.
- Một xe chen vào phía trước chạy nhanh hơn xe bạn, làm khoảng cách giữa hai xe tăng dần.

Bạn cũng có thể cài đặt để hệ thống phát tiếng bíp khi phát hiện xe phía trước đi vào hoặc ra khỏi phạm vi phát hiện của ACC bao gồm dải tốc độ thấp.

Có thể chọn bật và tắt tiếng bíp phát hiện xe.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➡ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Hạn chế

Bạn có thể cần đến phanh để duy trì khoảng cách an toàn khi sử dụng ACC bao gồm dải tốc độ thấp. Bên cạnh đó, ACC bao gồm dải tốc độ thấp có thể không hoạt động đúng trong các điều kiện nhất định.

➡ **Điều kiện và hạn chế của ACC bao gồm dải tốc độ thấp** Tr. 567

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Không có xe phía trước

Loại xe có đồng hồ đo loại A

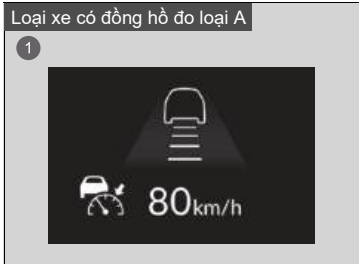

❶ Biểu tượng xe có đường viền xuất hiện trên đồng hồ đo.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

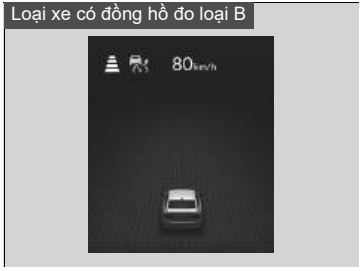

Xe của bạn duy trì tốc độ đã thiết lập mà không phải giữ chân trên bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga.
Nếu trước đó phát hiện có xe phía trước khiến xe bạn không thể giữ tốc độ đã thiết lập, ACC bao gồm dải tốc độ thấp sẽ tăng tốc đến tốc độ đã thiết lập và duy trì tốc độ đó.

Khi lái xe xuống dốc cao, ACC bao gồm dải tốc độ thấp sẽ phanh để tránh tăng ga quá mức nhằm duy trì tốc độ đã thiết lập.
Tuy nhiên, tốc độ xe có thể trở nên nhanh hơn tốc độ đã thiết lập.

Khi hoạt động

- ACC bao gồm dải tốc độ thấp có thể tạm thời kiểm soát khoảng cách giữa xe bạn và xe trong làn đường liền kề hoặc các xe xung quanh xe bạn tùy thuộc vào điều kiện đường xá (ví dụ: chỗ khúc cua) hoặc điều kiện xe (ví dụ: xoay vô lăng hoặc vị trí xe trong làn đường).

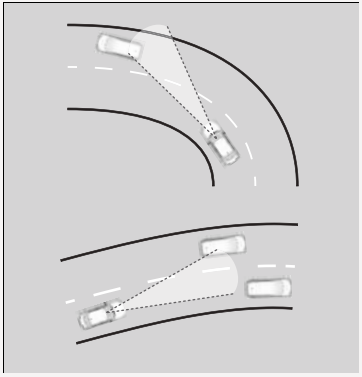

- Khi xe phía trước xe bạn di chuyển ra xa, chẳng hạn như khi đi vào nút giao thông hoặc trạm dừng chân, ACC bao gồm dải tốc độ thấp có thể tiếp tục duy trì khoảng cách giữa các xe đã thiết lập trong thời gian ngắn.

Còn nữa

■ Khi nhấn bàn đạp ga

Bạn có thể tạm thời tăng tốc độ xe. Trong trường hợp này, sẽ không có cảnh báo bằng âm thanh hay hình ảnh gì thông báo cho bạn kể cả khi xe đang ở trong phạm vi của ACC bao gồm dải tốc độ thấp.

ACC bao gồm dải tốc độ thấp tiếp tục hoạt động trừ khi bạn hủy hệ thống. Khi bạn nhả bàn đạp ga, hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động với tốc độ thích hợp để duy trì khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước trong khi xe phía trước đang ở trong phạm vi ACC bao gồm dải tốc độ thấp.

■ Giảm tốc độ và dừng xe khi phát hiện xe phía trước ở trong phạm vi ACC bao gồm dải tốc độ thấp

Loại xe có đồng hồ đo loại A



❶ (màu xanh lục)

Xe bạn cũng tự động dừng. Thông báo **Stopped** (Dừng xe) xuất hiện trên đồng hồ đo.
Khi xe phía trước xe bạn khởi động lại, biểu tượng xe trên đồng hồ đo sẽ nhấp nháy. Nếu bạn ấn công tắc **RES/+** /**SET/−** lên hoặc xuống, hoặc nhấn bàn đạp ga, hệ thống ACC bao gồm dải tốc độ thấp sẽ hoạt động trở lại trong phạm vi tốc độ đã thiết lập trước đó.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

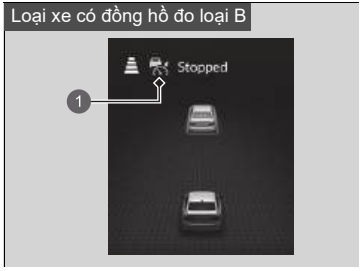

❶ (màu xanh lục)

Còn nữa

Loại xe có đồng hồ đo loại A

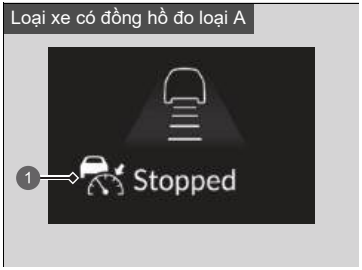

Nếu không có xe nào phía trước xe bạn trước khi bạn tiếp tục lái xe, nhấn bàn đạp ga và ACC bao gồm dải tốc độ thấp sẽ hoạt động trở lại trong phạm vi tốc độ đã thiết lập trước đó.

❶ (màu xanh lục)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

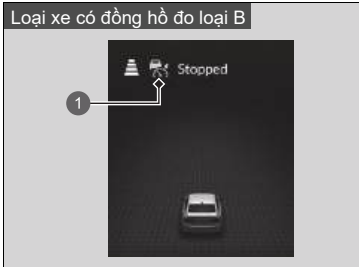

❶ (màu xanh lục)

■ Điều kiện và hạn chế của ACC bao gồm dải tốc độ thấp

Hệ thống có thể tự động tắt trong các điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó. Các điều kiện khác có thể làm giảm một số chức năng của ACC bao gồm dải tốc độ thấp.

➲ **Camera góc rộng phía trước** Tr. 596

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong điều kiện thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên xe hoặc mặt đường.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không chiếu rõ toàn bộ xe).
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc hoàng hôn).

Còn nữa

■ Điều kiện đường sá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh hoặc đường dốc.

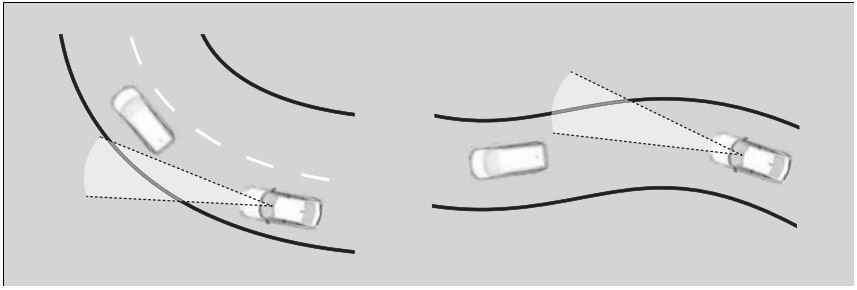

- Lái xe trên đường bị hằn lún (đường tuyết hoặc đường không trải nhựa, v.v.).
- Mặt đường ướt nước hoặc có nhiều vũng nước.
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.

■ Tình trạng của xe

- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong cốp hoặc ghế sau.
- Khi lắp xích bọc lốp*.
- Phía trước của camera bị che phủ do bụi bẩn, sương mù, nước mưa, bùn, tuyết ẩm, phụ kiện, tấm dính, miếng dán, v.v. trên kính chắn gió.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cần gạt nước tạo ra.
- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Ví dụ về các trường hợp khi camera có thể không phát hiện chính xác xe phía trước

- Một xe bất ngờ cắt ngang phía trước xe bạn.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần.
- Khi xe phía trước lẫn vào nền không gian, khiến hệ thống không thể nhận ra xe đó.
- Đèn chiếu sáng của xe phía trước chỉ sáng một bên hoặc không sáng cả hai bên ở nơi tối.

Còn nữa

■ Ví dụ về các trường hợp khi hệ thống có thể không hoạt động đúng

- Xe phía trước dừng lại và có chênh lệch rất lớn giữa tốc độ của xe bạn và xe phía trước.
- Khi xe phía trước giảm tốc đột ngột.
- Khi xe phía trước xe bạn là xe ba bánh hoặc xe có hình dạng đặc biệt.
- Khi xe có cấu tạo phía sau thấp hơn phía trước, ví dụ như xe tải không chở hàng, hoặc xe hẹp.

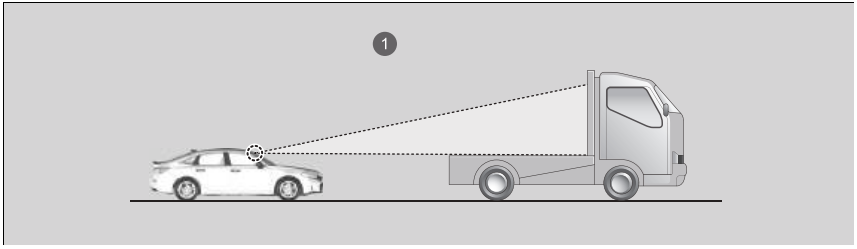

❶ Camera phát hiện thấy phần trên của xe tải không chở hàng.

- Khi xe bạn hoặc xe phía trước đi trên mép của làn đường.
- Khi xe phía trước là xe có bề ngang hẹp, ví dụ như xe máy.
- Khi khoảng sáng gầm xe tối thiểu của xe phía trước xe bạn rất cao.

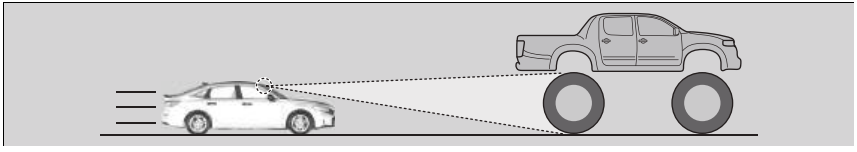

- Khi camera không thể phát hiện chính xác hình dạng của xe phía trước xe bạn.

■ Để điều chỉnh tốc độ xe

Ấn công tắc **RES/+/SET/−** trên vô lăng để tăng hoặc giảm tốc độ xe.

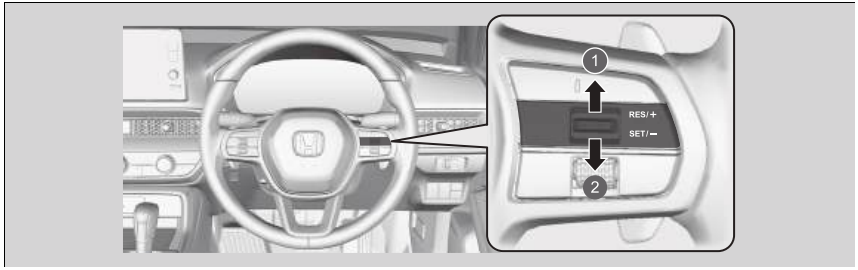

❶ Để tăng tốc độ
❷ Để giảm tốc độ

- Mỗi lần ấn công tắc **RES/+/SET/−** lên hoặc xuống, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 1 km/h.
- Mỗi lần ấn và giữ công tắc **RES/+/SET/−** lên hoặc xuống, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 10 km/h.

Để điều chỉnh tốc độ xe

Nếu phát hiện xe phía trước đang chạy ở tốc độ thấp hơn tốc độ đã thiết lập để tăng tốc của xe bạn, ACC bao gồm dải tốc độ thấp không thể tăng tốc độ của xe bạn. Điều này giúp duy trì khoảng cách đã thiết lập giữa xe bạn và xe phía trước.

Khi bạn nhấn bàn đạp ga, sau đó ấn và nhả công tắc **RES/+/SET/−** , tốc độ xe khi đó sẽ được thiết lập.

Còn nữa

■ Thiết lập hoặc thay đổi khoảng cách với xe khác

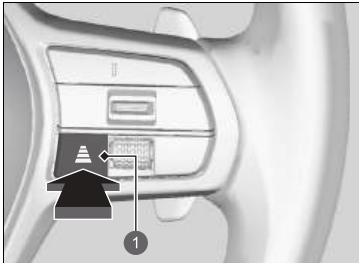

❶ Nút khoảng cách

Ấn nút khoảng cách để thay đổi khoảng cách với xe khác của ACC bao gồm dải tốc độ thấp.
Mỗi lần ấn nút, cài đặt khoảng cách với xe khác (khoảng cách phía sau xe được phát hiện ở phía trước xe bạn) sẽ chuyển lần lượt qua các mức rất dài, dài, trung bình và ngắn.

Xác định khoảng cách với xe khác phù hợp nhất tùy theo điều kiện lái xe cụ thể. Đảm bảo tuân theo mọi yêu cầu của địa phương về khoảng cách với xe khác.

Tốc độ chạy theo sau của xe bạn càng cao thì khoảng cách theo sau xe khác ở các mức ngắn, trung bình, xa hoặc rất xa càng dài. Xem các ví dụ sau để tham khảo.

Khoảng cách xe		Khi tốc độ đã thiết lập là:	
		80 km/h	104 km/h
Ngắn	 *1 *2	26,6 mét 1,2 giây	33,7 mét 1,2 giây
Trung bình	 *1 *2	34,6 mét 1,6 giây	44,9 mét 1,6 giây
Xa	 *1 *2	43,9 mét 2,0 giây	57,1 mét 2,0 giây
Rất xa	 *1 *2	53,6 mét 2,4 giây	70,0 mét 2,4 giây

Khi xe bạn tự động dừng do phát hiện xe phía trước dừng, khoảng cách giữa hai xe sẽ thay đổi dựa vào cài đặt khoảng cách ACC bao gồm dải tốc độ thấp.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A
*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

Thiết lập hoặc thay đổi khoảng cách với xe khác

Trong mọi trường hợp, người lái phải duy trì khoảng cách phanh vừa đủ với xe phía trước và phải biết rằng khoảng cách tối thiểu hoặc thời gian giãn cách tối thiểu có thể được quy định trong Luật giao thông đường bộ ở địa phương và người lái phải có trách nhiệm tuân thủ pháp luật.

Còn nữa

■ Để hủy

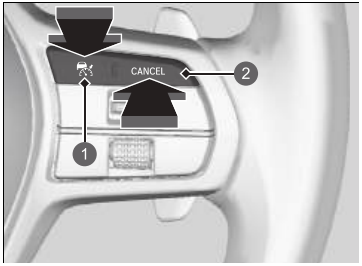

❶ Nút
❷ Nút **CANCEL** (HỦY)

Để hủy ACC bao gồm dải tốc độ thấp, hãy làm như sau:

- Ấn nút **CANCEL** (HỦY).
  ▶ Đèn báo (màu xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển thành đèn báo (màu trắng).
- Ấn nút .
  ▶ Đèn báo (màu xanh lục) tắt.
- Nhấn bàn đạp phanh khi xe đang di chuyển về phía trước.
  ▶ Đèn báo (màu xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển thành đèn báo (màu trắng).

Để hủy

Khôi phục tốc độ đã thiết lập trước đó: Sau khi bạn đã hủy ACC bao gồm dải tốc độ thấp, bạn có thể kích hoạt ACC bao gồm dải tốc độ thấp với tốc độ đã thiết lập trước đó được hiển thị trên đồng hồ đo (màu xám) bằng cách gạt công tắc **RES/+/SET/−** lên ngay cả khi xe đã dừng.

Khi bạn tắt ACC bao gồm dải tốc độ thấp bằng cách ấn nút **CANCEL** (HỦY) hoặc nhấn bàn đạp phanh, tốc độ đã thiết lập trước đó sẽ hiển thị màu xám trên đồng hồ đo.

Khi ấn công tắc **RES/+/SET/−** lên, ACC bao gồm dải tốc độ thấp sẽ hoạt động theo tốc độ được hiển thị.

Nếu đèn báo (màu trắng) xuất hiện và bạn gạt công tắc **RES/+/SET/−** lên, nhưng tốc độ đã thiết lập trước đó (màu xám) không hiển thị thì tốc độ xe đang chạy sẽ được thiết lập.

■ Hủy tự động

Tiếng bíp vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo khi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp bị hủy tự động. ACC bao gồm dải tốc độ thấp sẽ tự động bị hủy ở bất kỳ điều kiện nào sau đây:

- Thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Không thể phát hiện ra xe phía trước.
- Phát hiện tình trạng lốp xe bất thường hoặc lốp xe bị trượt.
- Lái xe trên đường đồi núi trong thời gian dài hoặc lái xe trên địa hình ngoài đường nhựa.
- Thao tác vô lăng đột ngột.
- Khi ABS, VSA, hoặc CMBS được kích hoạt.
- Khi đèn báo hệ thống VSA bật sáng.
- Khi xe đang dừng trên dốc cao.
- Khi kéo phanh đỗ bằng tay.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc hoàng hôn).
- Khi phát hiện xe khác nằm trong phạm vi ACC bao gồm dải tốc độ thấp ở quá gần với xe bạn.
- Khi tăng tốc nhanh.
- Phía trước của camera bị che phủ do bụi bẩn, sương mù, nước mưa, bùn, tuyết ẩm, phụ kiện, tấm dính, miếng dán, v.v. trên kính chắn gió.
- Xe chở hành lý nặng trong cốp hoặc ghế sau.
- Khi đi qua khu vực tối, ví dụ như đường hầm.
- Khi đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu hổ phách) bật sáng.
- Nhấn phanh liên tục để duy trì tốc độ đã thiết lập (ví dụ như khi đang xuống dốc dài).
- Khi hệ thống không phát hiện bất kỳ thao tác lái xe nào từ người lái trong một khoảng thời gian nhất định trong khi LKAS cũng được kích hoạt.

Để hủy

Loại xe có đồng hồ đo loại A



❶ (màu trắng)
❷ Tốc độ đã thiết lập trước đó (màu xám)

Loại xe có đồng hồ đo loại B



❶ (màu trắng)
❷ Tốc độ đã thiết lập trước đó (màu xám)

Không thể thiết lập hoặc khôi phục tốc độ đã thiết lập khi tắt ACC bao gồm dải tốc độ thấp bằng cách ấn nút . Ấn nút để kích hoạt hệ thống, sau đó thiết lập tốc độ mà bạn mong muốn.

Còn nữa

ACC bao gồm dải tốc độ thấp có thể bị hủy tự động do các nguyên nhân dưới đây. Trong những trường hợp này, phanh đỗ sẽ tự động gài.

- Người lái không thắt dây đai an toàn khi xe đứng yên.
- Xe dừng hơn 10 phút.
- Động cơ tắt.

Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)

Cung cấp thông tin lái để giúp giữ xe ở giữa làn đường đã phát hiện và cung cấp cảnh báo bằng rung vô lăng, âm thanh và hình ảnh nếu xe bị phát hiện lệch khỏi làn đường.

■ Hỗ trợ hệ thống lái

Hệ thống tác dụng mô-men xoắn lên hệ thống lái nhằm giữ xe ở giữa vạch làn đường bên trái và bên phải. Mô-men xoắn sẽ lớn dần khi xe đến gần một trong hai vạch làn đường.

■ Cảnh báo bằng cách rung vô lăng, bằng âm thanh và bằng hình ảnh

Vô lăng rung liên tục, cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh sẽ xuất hiện để báo cho bạn biết xe bạn đang đi ra ngoài làn đường được phát hiện.

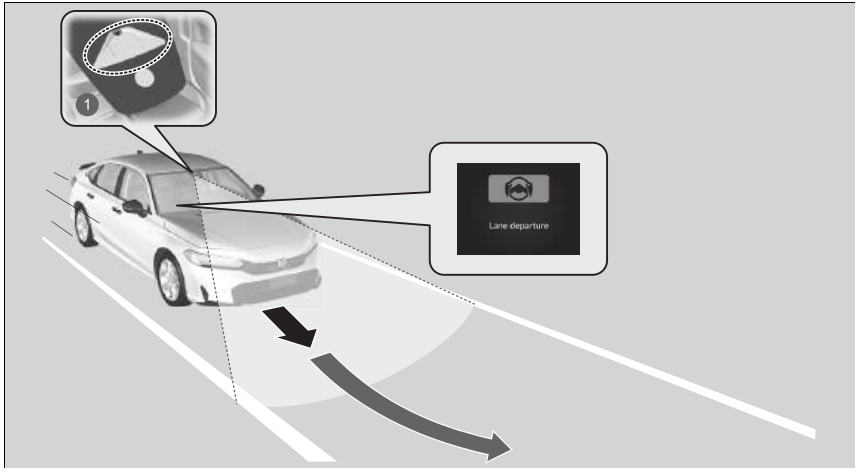

❶ Camera góc rộng phía trước: Giám sát vạch làn đường

▶Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)

Nhắc nhở quan trọng về an toàn

LKAS chỉ giúp bạn lái xe thuận tiện. Đây không phải là hệ thống lái tự động và người lái luôn cần chú ý và điều khiển xe. Hệ thống không hoạt động nếu bạn bỏ tay ra khỏi vô lăng hoặc không điều khiển lái xe.

LKAS rất tiện lợi khi sử dụng trên đường cao tốc hoặc đường có hai làn xe.

Không để bất cứ vật gì lên bảng điều khiển. Các vật đó có thể phản chiếu lên kính chắn gió và khiến hệ thống không phát hiện chính xác vạch phân cách làn đường.

LKAS chỉ cảnh báo khi phát hiện xe đang đi chệch làn đường mà không bật đèn xi nhan. LKAS có thể không phát hiện được tất cả vạch kẻ đường hoặc tình trạng lệch làn; độ chính xác sẽ thay đổi tùy theo thời tiết, tốc độ và tình trạng của vạch kẻ đường.
Bạn luôn phải có trách nhiệm lái xe an toàn và tránh va chạm.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.
➡ **Camera góc rộng phía trước** Tr. 596

LKAS không thể hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định:
➡ **Điều kiện và hạn chế của LKAS** Tr. 587

Còn nữa

Khi bạn bật xi nhan để thay đổi làn đường, hệ thống sẽ tạm dừng và tiếp tục hoạt động sau khi tắt xi nhan.
Nếu bạn chuyển làn đường mà không bật xi nhan, cảnh báo LKAS sẽ kích hoạt và mô-men xoắn sẽ được tác động vào hệ thống lái.

Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)

Nếu LKAS không phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tạm thời bị hủy. Khi phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tự động hoạt động trở lại.

■ Chức năng hỗ trợ giữ làn đường

Hỗ trợ xe đi giữa làn đường. Khi xe đi đến gần vạch trắng hoặc vàng, lực lái của hệ thống trợ lực điện sẽ tăng lên.

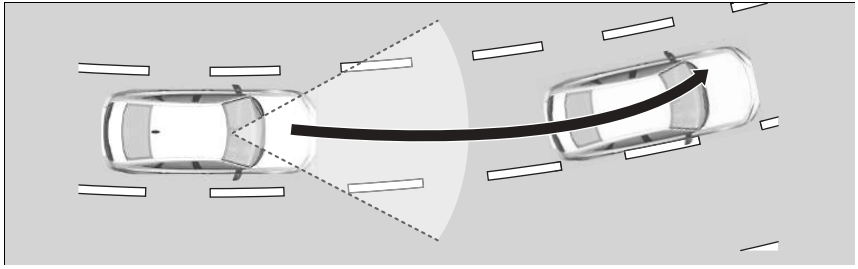

Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)

LKAS có thể không hoạt động hiệu quả khi lái xe trong điều kiện giao thông dừng tiến liên tục hoặc trên đường có những khúc cua gấp.

Còn nữa

■ Chức năng giảm thiểu chệch làn đường

Khi xe đi vào khu vực cảnh báo, LKAS sẽ cảnh báo cho bạn biết bằng cách rung nhẹ vô lăng đồng thời xuất hiện cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh.

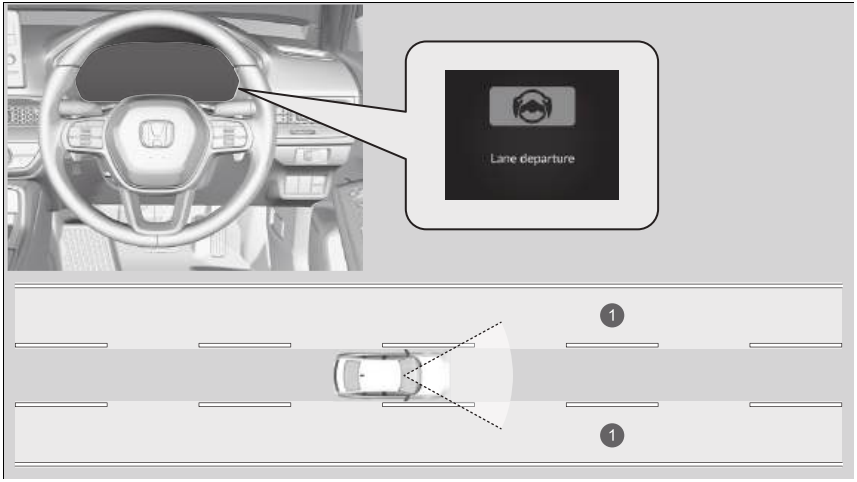

❶ Khu vực cảnh báo

■ Có thể sử dụng hệ thống khi

Có thể sử dụng hệ thống khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Xe chạy với tốc độ khoảng từ 72 đến 180 km/h.
- Làn đường đang lái có các vạch phân cách làn đường dễ phát hiện ở cả hai bên đường và xe bạn đang đi giữa làn đường.
- Lái xe trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Đèn xi nhan tắt.
- Không nhấn bàn đạp phanh.

Có thể sử dụng hệ thống khi

Nếu xe tạt sang làn đường bên trái hoặc bên phải do mô-men xoắn tác động lên hệ thống, hãy tắt LKAS và mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Đảm bảo thực hiện theo các chỉ dẫn sau đây để hệ thống hoạt động hiệu quả:

- Đảm bảo kính chắn gió xung quanh camera luôn sạch sẽ.
- Khi vệ sinh kính chắn gió, chú ý không để nước rửa kính chắn gió dính vào thấu kính camera.
- Không chạm vào thấu kính camera.
- Không dán nhãn dán lên khu vực quanh camera.

Còn nữa

■ Cách kích hoạt hệ thống

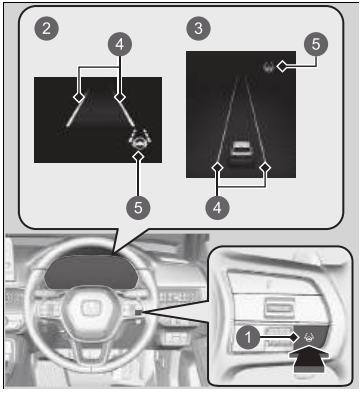

❶ Nút LKAS
❷ Loại xe có đồng hồ đo loại A
❸ Loại xe có đồng hồ đo loại B
❹ Vạch màu trắng
❺ Đèn báo LKAS (màu trắng)

1. Ấn nút LKAS.
▶ Đèn báo LKAS (màu trắng) sáng trên đồng hồ đo.
Hệ thống ở chế độ chờ.
▶ Nếu phát hiện vạch làn đường giao thông, vạch màu trắng sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

Có thể sử dụng hệ thống khi

Nếu ấn nút LKAS khi có thể sử dụng hệ thống, LKAS sẽ bật mà không cần ở chế độ chờ.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

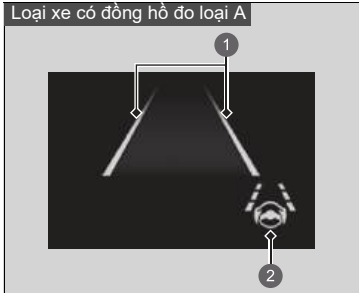

❶ Vạch màu xanh lục
❷ Đèn báo LKAS (màu xanh lục)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

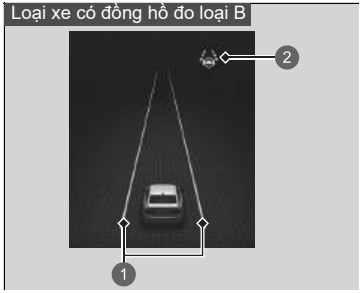

❶ Vạch màu xanh lục
❷ Đèn báo LKAS (màu xanh lục)

2. Giữ xe ở gần giữa làn đường khi lái xe.
▶ Đèn báo LKAS chuyển từ màu trắng sang màu xanh lục và vạch màu trắng chuyển sang màu xanh lục khi hệ thống bắt đầu hoạt động sau khi phát hiện vạch kẻ đường bên trái và bên phải.

Còn nữa

■ Để hủy

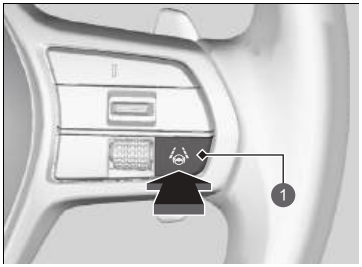

Ấn nút LKAS.

LKAS sẽ tắt mỗi khi bạn tắt động cơ, ngay cả khi bạn đã bật hệ thống ở lần lái xe gần đây nhất.

❶ Nút LKAS

■ LKAS có thể tự động tạm dừng khi:

Khi LKAS tạm dừng trong những trường hợp sau, các vạch màu xanh lục trên đồng hồ đo chuyển thành các vạch màu trắng hoặc biến mất và tiếng bíp vang lên (nếu được kích hoạt).

Loại xe có đồng hồ đo loại A

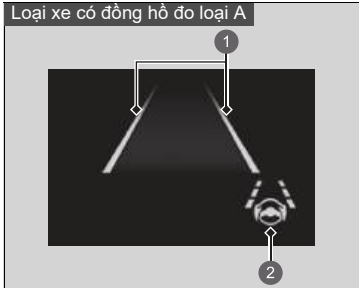

❶ Vạch màu trắng
❷ Đèn báo LKAS (màu trắng)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

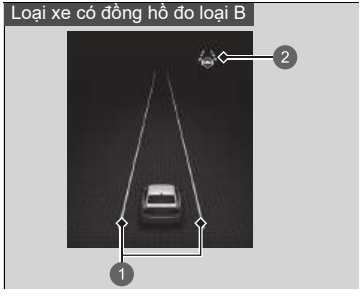

❶ Vạch màu trắng
❷ Đèn báo LKAS (màu trắng)

- Giảm tốc độ xe xuống khoảng 64 km/h trở xuống.
  ▶ Tăng tốc độ xe lên khoảng 72 km/h trở lên để LKAS hoạt động trở lại.
- Xe đang đi lệch sang bên phải hoặc bên trái làn đường.
- Hệ thống không phát hiện ra vạch làn đường.
- Xoay vô lăng nhanh.
- Bạn không điều khiển được hướng xe.
- Lái xe qua khúc cua gấp.
- Lái xe ở tốc độ vượt quá khoảng 185 km/h.
- Sử dụng hệ thống ABS hoặc VSA.
- Đột ngột nhấn bàn đạp phanh.

LKAS sẽ tự động hoạt động trở lại khi những điều kiện trên không còn nữa.

LKAS có thể tự động tạm dừng khi:

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho LKAS.
Có thể chọn bật và tắt tiếng bíp tạm dừng LKAS.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➡ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➡ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ LKAS có thể tự động hủy khi:

Trong những trường hợp sau, vạch làn đường giao thông có thể biến mất trên đồng hồ đo, tiếng bíp có thể vang lên và LKAS có thể tự động hủy:

- Nhiệt độ camera quá cao.
- Camera phía sau gương chiếu hậu, hoặc khu vực quanh camera, bao gồm cả và kính chắn gió, bị bẩn.

■ Điều kiện và hạn chế của LKAS

Hệ thống có thể không phát hiện được vạch kẻ đường (màu trắng hoặc vàng) và hệ thống LKAS có thể không hoạt động đúng cách trong một số điều kiện nhất định, bao gồm:

■ Điều kiện môi trường

- Có rất ít khác biệt giữa các vạch làn đường và bề mặt đường.
- Lái xe trong điều kiện thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc hoàng hôn).
- Bóng của vật thể gần đấy (cây cối, tòa nhà, lan can, xe cộ, v.v.) song song với vạch màu trắng (hoặc màu vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không chiếu rõ vạch làn đường hoặc mặt đường).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần và không nhìn rõ vạch làn đường và bề mặt đường.
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.

Còn nữa

■ Điều kiện đường sá

- Lái xe trên đường có vạch kẻ đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch kẻ đường khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa chữa đường hoặc vạch kẻ đường xuống cấp.

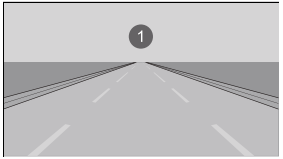

❶ Vạch phân cách làn đường mờ

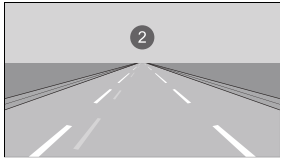

❷ Vạch phân cách làn đường trùng lặp

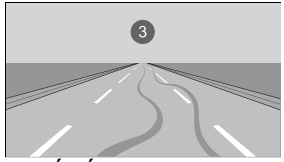

❸ Vết lốp xe

- Đường có vạch đánh dấu nhập làn, tách làn hoặc giao cắt nhau ví dụ ở đoạn đường giao nhau hoặc đường dành cho người đi bộ.
- Vạch kẻ đường quá hẹp, quá rộng, hoặc thay đổi liên tục.

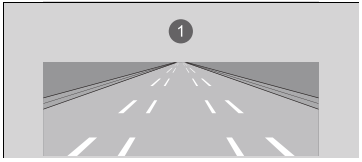

❶ Làn đường xe chạy quá rộng hoặc quá hẹp

- Một phần của vạch kẻ đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe trên đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện v.v.) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không trải nhựa, hoặc mặt đường mấp mô.

- Lái xe trên đường có vạch làn đường đôi.
- Lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Mặt đường ướt nước hoặc có nhiều vũng nước.
- Không nhận dạng được chính xác các vạch màu trắng (hoặc màu vàng) do các điều kiện đường xá như khúc cua, khúc quanh hoặc đường đồi dốc.
- Lái xe trên đường không trải nhựa hoặc bị hằn lún.
- Đi qua ngã tư.

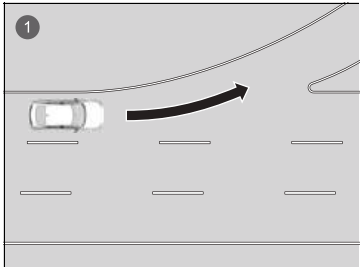

1 Không có vạch phân cách làn đường ở ngã tư

Còn nữa

■ Tình trạng của xe

- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Mặt trước của camera bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đề can, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cần gạt nước tạo ra.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong cốp hoặc ghế sau.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.
- Khi lắp xích bọc lốp*.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*

Đưa ra cảnh báo bằng hình ảnh và âm thanh khi xe bạn dừng lại nhưng xe phía trước lại bắt đầu di chuyển.

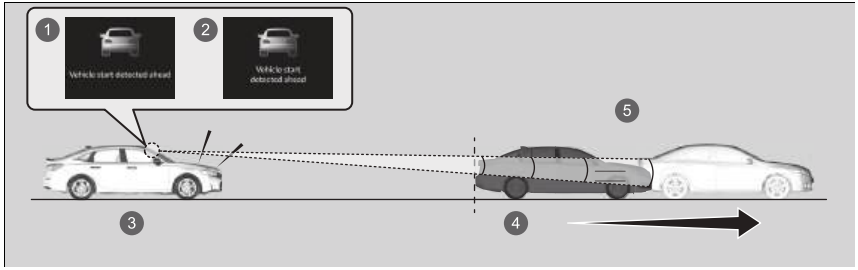

❶ Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
❷ Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
❸ Khi xe đã dừng
❹ Xe phía trước dừng
❺ Xe phía trước bắt đầu di chuyển

■ Cách hoạt động của hệ thống

Hệ thống sẽ phát hiện ra xe khác dừng phía trước xe bạn khi hai xe cách nhau trong vòng 10 m và cả hai xe đều đã dừng lại được một thời gian. Khi phát hiện xe dừng phía trước di chuyển nhưng xe bạn không di chuyển, hệ thống sẽ hoạt động.

■ Khi cần số ở [D] hoặc [S]*

Hệ thống sẽ hoạt động khi nhấn bàn đạp phanh, chức năng giữ phanh của hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động hoặc xe dừng bởi ACC bao gồm dải tốc độ thấp.

Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*

⚠CẢNH BÁO

Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành là một hệ thống hỗ trợ lái. Hệ thống không thể thông báo cho bạn biết khi nào an toàn để bắt đầu lái.

Sử dụng hệ thống này không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

Luôn quan sát bằng mắt để xác nhận an toàn xung quanh trước khi lái xe và duy trì khoảng cách an toàn với xe khác khi lái xe.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera ở phía sau gương chiếu hậu.
➔ **Camera góc rộng phía trước** Tr. 596

Giống như các hệ thống hỗ trợ khác, hệ thống này có thể không hoạt động hiệu quả do thời tiết, điều kiện môi trường, v.v.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Khi vị trí số ở N

Hệ thống sẽ hoạt động khi xe đã dừng, nhấn bàn đạp phanh, phanh đỗ đang hoạt động hoặc chức năng giữ phanh của hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động.

Bạn có thể chọn một trong hai chế độ thời điểm hoạt động của hệ thống, **Normal** (Bình thường) và **Early** (Sớm).

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Ở chế độ **Normal** (Bình thường), hệ thống hoạt động khi xe phía trước đã di chuyển cách nơi dừng xe khoảng 3 m.
Ở chế độ **Early** (Sớm), hệ thống hoạt động ngay khi phát hiện xe phía trước di chuyển.

Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*

Bạn có thể tắt Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Hệ thống cảnh báo khởi hành xe phía trước sẽ không được kích hoạt trong khi đèn báo Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp đang sáng.

➔ **Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp** Tr. 557

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Khi hệ thống hoạt động



Tiếng bíp vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi hệ thống hoạt động.

❶ Cảnh báo bằng âm thanh
❷ Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
❸ Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

Còn nữa

■ Điều kiện và hạn chế của Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành

Trong các điều kiện sau, hệ thống có thể hoạt động hoặc không hoạt động bất kể xe phía trước có di chuyển hay không.

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong điều kiện thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên xe hoặc mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không chiếu rõ toàn bộ xe).
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc hoàng hôn).

■ Điều kiện đường sá

- Lái xe trên đường cong, quanh co, nhấp nhô hoặc dốc, hoặc ngay sau khi rẽ trái hoặc rẽ phải.

■ Tình trạng của xe

- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong cốp hoặc ghế sau.
- Xe chỉ dừng lại trong một khoảng thời gian ngắn.
- Phía trước của camera bị che phủ do bụi bẩn, sương mù, nước mưa, bùn, tuyết ẩm, phụ kiện, tấm dính, miếng dán, v.v. trên kính chắn gió.
- Khi lắp xích bọc lốp*.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cần gạt nước tạo ra.
- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.

■ Ví dụ về các trường hợp khi camera có thể không phát hiện chính xác xe phía trước

- Xe phía trước chỉ dừng lại trong một khoảng thời gian ngắn.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần.
- Xe phía trước đang chạy quá chậm.
- Xe phía trước rẽ phải, rẽ trái hoặc quay đầu đột ngột.
- Xe phía trước lẫn vào cảnh vật xung quanh và hệ thống không phát hiện được.
- Xe phía trước chỉ có một hoặc không có đèn hậu nào bật.

■ Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện của hệ thống

- Có người đi bộ, xe đạp, xe máy hoặc hoặc xe có hình dạng đặc biệt phía trước xe bạn.
- Một xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp di chuyển giữa xe bạn và xe phía trước.
- Xe phía trước không ở ngay trước mặt xe bạn.

■ Ví dụ về các hạn chế khác trong hoạt động của hệ thống

- Camera không thể phát hiện chính xác hình dạng của xe phía trước.
- Xe phía trước có khoảng sáng gầm xe rất cao.
- Xe phía trước, ví dụ như xe tải không có rơ-mooc, có phần sau nhỏ hơn phần trước.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Camera góc rộng phía trước

Camera được sử dụng ở các hệ thống như Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường, Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp, Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS), Hệ thống cảnh báo xe phía trước khởi hành* và Đèn chiếu xa tự động để giúp phát hiện vật thể làm cản trở hoạt động của các hệ thống này.

■ Lưu ý về vị trí và mẹo xử lý camera

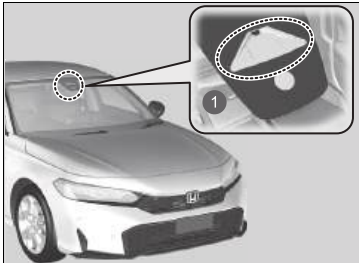

❶ Camera góc rộng phía trước

Camera được lắp phía sau gương chiếu hậu.

Giúp làm giảm tình trạng nhiệt độ cao trong xe làm hệ thống cảm biến của camera tắt khi đỗ xe, hãy tìm nơi có bóng râm hoặc che phía trước xe để ánh nắng mặt trời không chiếu vào khi đỗ xe. Nếu bạn dùng tấm che nắng, không che phần vỏ camera. để tránh tình trạng làm tập trung nhiệt vào camera.

Camera góc rộng phía trước

Không dán phim hoặc gắn bất cứ vật gì lên kính chắn gió, nắp ca-pô hoặc lưới tản nhiệt trước để tránh làm cản tầm nhìn của camera và khiến cho hệ thống hoạt động bất thường.
Vết xước, nứt và các hư hỏng khác trên kính chắn gió trong tầm nhìn của camera có thể khiến hệ thống hoạt động bất thường. Nếu điều này xảy ra, bạn hãy thay kính chắn gió chính hãng Honda. Việc thực hiện dù chỉ các sửa chữa nhỏ trong tầm nhìn của camera hoặc lắp loại kính chắn gió không chính hãng cũng có thể khiến cho hệ thống hoạt động bất thường.
Sau khi thay kính chắn gió, hãy mang xe đến đại lý để hiệu chỉnh lại camera. Cần hiệu chỉnh camera đúng cách để hệ thống hoạt động hiệu quả.

Không để vật gì lên trên bảng điều khiển. Đồ vật có thể phản chiếu lên kính chắn gió và khiến hệ thống không thể phát hiện chính xác vạch làn đường.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Camera góc rộng phía trước

Nếu thông báo **Some driver assist systems cannot operate: Camera temperature too high** (Một số hệ thống hỗ trợ người lái không hoạt động: Nhiệt độ camera quá cao) xuất hiện:

- Sử dụng hệ thống điều hòa không khí tự động để làm mát bên trong xe và nếu cần, sử dụng cả chế độ sấy với luồng khí hướng thẳng vào camera.
- Bắt đầu lái xe để làm giảm nhiệt độ kính chắn gió, qua đó sẽ làm giảm nhiệt độ vùng xung quanh camera.

Nếu thông báo **Some driver assist systems cannot operate: Clean front windshield or poor viewing condition.**[*1]/**Some driver assist system cannot operate: Clean front windscreen or poor viewing condition.**[*2] (Một số hệ thống hỗ trợ người lái không hoạt động: Lau sạch kính chắn gió trước hoặc điều kiện quan sát kém) xuất hiện:

- Đỗ xe ở nơi an toàn và đảm bảo kính chắn gió sạch.
  Lau sạch kính chắn gió nếu bị bẩn. Nếu thông báo không biến mất sau khi bạn lái xe đi một đoạn, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

*1 : Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
*2 : Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

Cảm biến siêu âm*

■ Vị trí và phạm vi của các cảm biến

Các cảm biến siêu âm nằm ở cản trước, cản sau và lưới tản nhiệt trước.

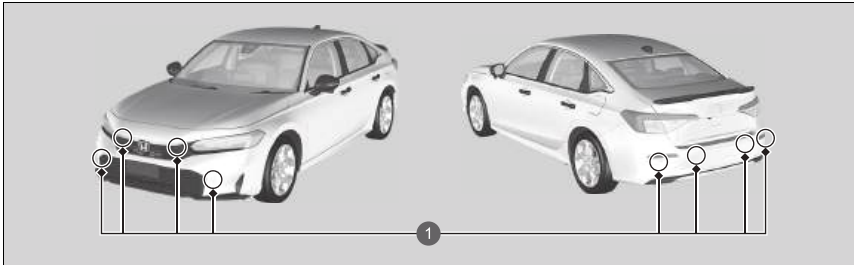

❶ Cảm biến siêu âm

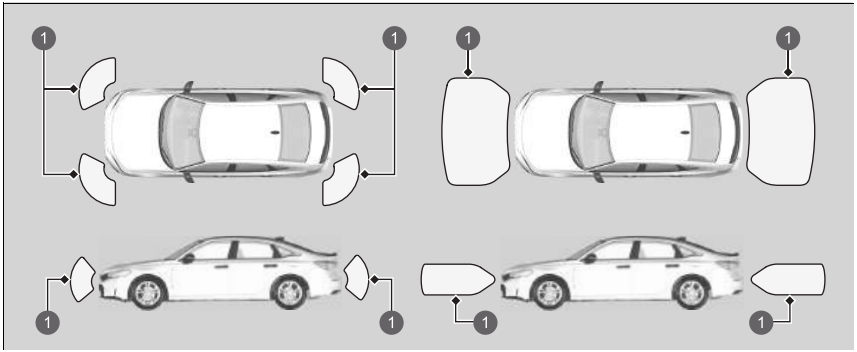

❶ Phạm vi cảm biến

Cảm biến siêu âm*

Để các cảm biến siêu âm hoạt động hiệu quả, không:

- Dán nhãn hoặc đặt các vật khác lên trên hoặc xung quanh các cảm biến.
- Vỗ vào khu vực xung quanh các cảm biến.
- Tháo rời cảm biến bất kỳ.
- Đặt bất kỳ phụ kiện nào lên trên hoặc xung quanh các cảm biến.

Liên hệ với đại lý nếu:

- Cảm biến bị tác động mạnh.
- Cần làm gì đó ở khu vực xung quanh cảm biến.

Trong các trường hợp sau, cảm biến siêu âm có thể không hoạt động hiệu quả. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

- Cản trước hoặc cản sau va vào đồi, khối chèn bánh xe, lề đường, bờ kè, v.v.
- Xe bị va chạm ở phía trước hoặc phía sau.
- Lái xe qua chỗ nước sâu.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Hệ thống phanh

■ Phanh đỗ

Sử dụng phanh đỗ để giữ xe không chuyển động khi đỗ. Khi đã gài phanh đỗ, bạn có thể nhả phanh đỗ bằng tay hoặc tự động.



❶ Công tắc phanh đỗ điện

■ Gài phanh

Bạn có thể gài phanh đỗ điện bất cứ khi nào xe có ắc-quy ở bất kỳ chế độ nguồn nào.

Kéo công tắc phanh đỗ điện lên nhẹ nhàng và chắc chắn.

- ▶ Đèn báo ở công tắc sáng.
- ▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) sáng.

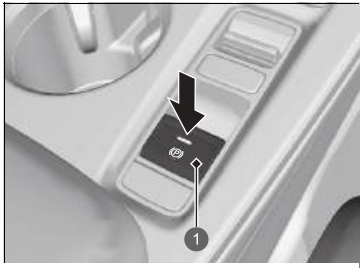

❶ Công tắc phanh đỗ điện

■ Nhả phanh

Chế độ nguồn phải ở BẬT để nhả phanh đỗ điện.

1. Nhấn bàn đạp phanh.

2. Ấn công tắc phanh đỗ điện.

- ▶ Đèn báo ở công tắc tắt.
- ▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) tắt.

Sử dụng công tắc để nhả phanh đỗ sẽ giúp xe khởi động chậm và êm ái khi đỗ đèo trên đồi dốc.

Phanh đỗ

Bạn có thể nghe thấy âm thanh hoạt động của mô-tơ hệ thống phanh đỗ điện từ khu vực bánh xe sau khi bạn gài hoặc nhả phanh đỗ. Đây là hiện tượng bình thường.

Khi bạn gài hoặc nhả phanh đỗ, bàn đạp phanh sẽ di chuyển nhẹ do hệ thống phanh đỗ điện đang hoạt động. Đây là hiện tượng bình thường.

Bạn không thể gài hoặc nhả phanh đỗ nếu ắc-quy hết điện.

Nếu ắc-quy hết điện Tr. 710

Nếu bạn kéo lên và giữ công tắc phanh đỗ điện trong khi lái xe, bốn bánh xe sẽ được phanh bằng hệ thống VSA cho đến khi xe dừng. Sau đó gài phanh đỗ điện và nhả công tắc.

Còn nữa

■ Vận hành tính năng phanh đỗ tự động

Nếu tính năng phanh đỗ tự động được kích hoạt:

- Phanh đỗ được gài tự động khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
- Để xác nhận phanh đỗ đã được gài, kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) có sáng không.

➡ **Kích hoạt và hủy kích hoạt tính năng phanh đỗ tự động** Tr. 601

■ Nhả tự động

Nhấn bàn đạp ga sẽ làm nhả phanh đỗ.

Sử dụng bàn đạp ga để nhả phanh đỗ khi bạn bắt đầu lên dốc hoặc khi xảy ra tắc nghẽn giao thông.

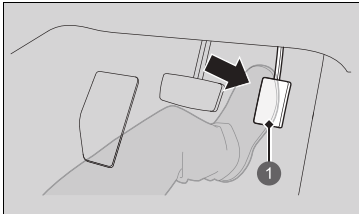

Nhấn nhẹ bàn đạp ga.

Khi đang ở trên dốc, có thể cần tăng ga để nhả phanh.

▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) tắt.

❶ Bàn đạp ga

Bạn có thể nhả phanh đỗ tự động khi:

- Người lái thắt dây đai an toàn.
- Động cơ đang hoạt động.
- Cần số không ở [P] hoặc [N].

Phanh đỗ

Trong các trường hợp sau, phanh đỗ tự động hoạt động.

- Khi xe dừng hơn 10 phút trong khi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp được kích hoạt.
- Khi người lái không thắt dây an toàn trong khi xe dừng tự động bởi ACC bao gồm dải tốc độ thấp.
- Khi tắt động cơ trong khi ACC bao gồm dải tốc độ thấp được kích hoạt.
- Khi xe dừng và hệ thống giữ phanh tự động đã được kích hoạt hơn 10 phút.
- Khi người lái không thắt dây an toàn trong khi xe dừng và gài giữ phanh.
- Khi tắt động cơ trong khi gài giữ phanh.
- Khi Hệ thống giữ phanh gặp sự cố trong khi gài giữ phanh.

Nếu phanh đỗ không thể nhả tự động, hãy nhả bằng tay.

Khi xe lên dốc, cần nhấn bàn đạp ga mạnh hơn để tự động nhả phanh đỗ điện.

■ Kích hoạt và hủy kích hoạt tính năng phanh đỗ tự động

Khi chế độ nguồn ở BẬT, hãy làm theo các bước sau để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt tính năng phanh đỗ tự động.

1. Đưa hộp số vào số [P].

2. Không cần nhấn bàn đạp phanh, kéo công tắc phanh đỗ điện lên.

▶ Kiểm tra đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) có sáng không.

3. Kéo công tắc phanh đỗ điện lên và giữ. Khi nghe thấy tiếng bíp, hãy thả tay ra và trong vòng 3 giây tiếp tục kéo công tắc lên và giữ.

4. Khi nghe thấy âm thanh thông báo quy trình đã hoàn tất, hãy thả công tắc ra.

▶ Hai tiếng bíp biểu thị tính năng đã được kích hoạt.

▶ Một tiếng bíp biểu thị tính năng đã hủy kích hoạt.

▶ Khi đã hoàn tất việc kích hoạt tính năng này, phanh đỗ sẽ vẫn được gài sau khi bạn tắt động cơ.

▶ Để xác nhận phanh đỗ đã được gài, kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) có sáng không.

Nếu cần tạm thời hủy kích hoạt tính năng này, hãy làm theo quy trình dưới đây.

1. Nhấn bàn đạp phanh và dừng xe.

2. TẮT MÁY, sau 2 giây ấn công tắc phanh đỗ điện xuống.

▶ Cài đặt kích hoạt và hủy kích hoạt cho tính năng sẽ không bị ảnh hưởng.

▶ Trước khi tạm thời hủy kích hoạt tính năng này, hãy đảm bảo tắt cả ACC bao gồm dải tốc độ thấp và hệ thống giữ phanh tự động.

▶ Để xác nhận phanh đỗ đã được gài, kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) có sáng không.

Phanh đỗ

Phanh đỗ không thể nhả tự động khi các đèn báo sau sáng:

- Đèn báo sự cố
- Đèn báo hệ thống truyền động

Phanh đỗ không thể nhả tự động khi các đèn báo sau sáng:

- Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ)
- Đèn báo hệ thống VSA
- Đèn báo **ABS**
- Đèn báo hệ thống bảo vệ phụ trợ

Kích hoạt và hủy kích hoạt tính năng phanh đỗ tự động

Nếu gài phanh đỗ khi trời lạnh, phanh đỗ có thể bị đóng băng tại chỗ.
Khi đỗ xe, hãy chèn bánh xe và đảm bảo đã tắt tính năng phanh đỗ tự động.
Ngoài ra, khi mang xe đến trạm rửa xe kiểu băng chuyền hoặc khi kéo xe, hãy tắt tính năng phanh đỗ tự động và nhả phanh đỗ.

Còn nữa

■ Phanh chân

Xe của bạn được trang bị phanh đĩa ở cả bốn bánh xe. Bộ trợ lực chân không giúp giảm lực nhấn lên bàn đạp phanh. Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp giúp tăng lực dừng khi bạn nhấn mạnh bàn đạp phanh trong trường hợp khẩn cấp. Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) giúp bạn giữ kiểm soát lái khi phanh gấp.

➔ **Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp** Tr. 607
➔ **Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)** Tr. 606

Phanh chân

Kiểm tra các phanh sau khi lái qua vùng nước sâu, hoặc khi có nước đọng trên mặt đường. Nếu cần, hãy làm khô các phanh bằng cách nhấn nhẹ bàn đạp vài lần.

Nếu bạn nghe thấy tiếng rít liên tục phát ra do ma sát kim loại khi nhấn phanh, cần thay các má phanh. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Giữ phanh liên tục trong khi xuống dốc dài sẽ làm phanh nóng lên, làm giảm hiệu quả của phanh. Hãy dùng phanh động cơ bằng cách nhấc chân ra khỏi bàn đạp ga để giảm tốc độ và về số thấp hơn.

Không đặt chân lên phanh khi đang lái, vì việc này sẽ tác dụng nhẹ lên phanh, làm giảm hiệu quả phanh và giảm tuổi thọ má phanh. Đồng thời cũng sẽ làm người lái xe phía sau xe bạn lúng túng.

■ Giữ phanh tự động

Giữ phanh sau khi nhả bàn đạp phanh cho đến khi bàn đạp ga được nhấn. Bạn có thể sử dụng hệ thống này trong khi dừng xe tạm thời, như khi chờ đèn đỏ hoặc khi tắc đường.

■ Bật hệ thống

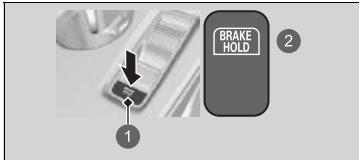

❶ Nút giữ phanh tự động
❷ Sáng

Thắt dây đai an toàn đúng cách, sau đó khởi động động cơ. Ấn nút giữ phanh tự động.

▶ Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động sẽ sáng. Hệ thống được bật.

Mỗi khi người lái thắt dây an toàn và khởi động động cơ, hệ thống sẽ ở chế độ bật hoặc tắt như đã được chọn ở lần lái xe gần nhất.

Giữ phanh tự động

⚠CẢNH BÁO

Kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động trên dốc đứng hoặc trên đường trơn trượt vẫn cho phép xe di chuyển nếu bạn bỏ chân ra khỏi bàn đạp phanh.

Xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Không được kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động hoặc sử dụng hệ thống để giữ xe không di chuyển khi dừng xe trên dốc đứng hoặc trên đường trơn trượt.

⚠CẢNH BÁO

Sử dụng hệ thống giữ phanh tự động để đỗ xe có thể làm cho xe di chuyển bất ngờ.

Xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Không được ra khỏi xe khi đang phanh xe tạm thời bằng giữ phanh tự động và luôn đỗ xe bằng cách gạt cần số đến P và gài phanh đỗ.

Còn nữa

■ Kích hoạt hệ thống

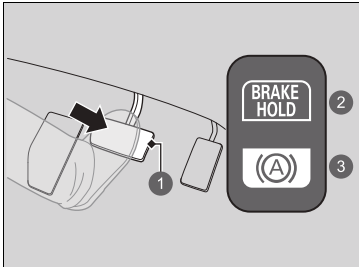

❶ Bàn đạp phanh
❷ Bật
❸ Sáng

Nhấn bàn đạp phanh để dừng hoàn toàn. Cần số không được ở P hoặc N.

▶ Đèn báo giữ phanh tự động sáng. Phanh được giữ trong 10 phút.
▶ Nhả bàn đạp phanh sau khi đèn báo giữ phanh tự động sáng.

■ Hủy hệ thống

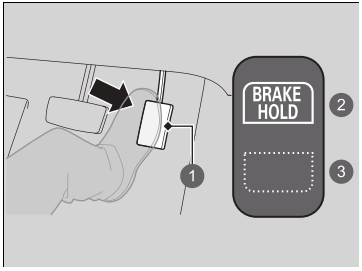

❶ Bàn đạp ga
❷ Bật
❸ Tắt

Nhấn bàn đạp ga trong khi cần số không ở P hoặc N. Hệ thống bị hủy và xe bắt đầu di chuyển.

▶ Đèn báo giữ phanh tự động tắt. Hệ thống tiếp tục hoạt động.

Giữ phanh tự động

⚠CẢNH BÁO

Khi sử dụng tính năng giữ phanh tự động, hãy để chân trên bàn đạp phanh cho đến khi đèn báo giữ phanh tự động sáng.

Xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Nhấc chân ra khỏi bàn đạp phanh sau khi đèn báo giữ phanh tự động sáng.

■ **Hệ thống tự động hủy khi:**
- Gài phanh đỗ.
- Nhấn bàn đạp phanh và gạt cần số đến P hoặc R.

■ **Hệ thống tự động hủy và phanh đỗ được gài khi:**
- Phanh được giữ trong hơn 10 phút.
- Người lái không thắt dây đai an toàn.
- Động cơ tắt.
- Hệ thống giữ phanh tự động có sự cố.

■ **Tắt hệ thống giữ phanh tự động**

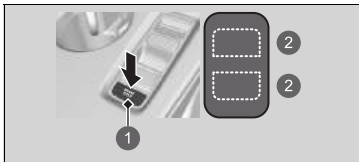

❶ Nút giữ phanh tự động
❷ Tắt

Chỉ đèn báo hệ thống giữ phanh tự động sáng.
- Ấn nút giữ phanh tự động.
  ▶ Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động tắt.

Khi đèn báo giữ phanh tự động sáng cùng lúc:
- Ấn nút giữ phanh tự động đồng thời nhấn bàn đạp phanh.
  ▶ Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động và đèn báo giữ phanh tự động tắt.

Giữ phanh tự động

Khi hệ thống được kích hoạt, bạn có thể tắt động cơ hoặc đỗ xe theo quy trình như bạn vẫn làm bình thường.

➡ **Khi xe đã dừng** Tr. 609

Bạn có thể nghe thấy âm thanh vận hành nếu xe di chuyển trong khi hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động.

Tắt hệ thống giữ phanh tự động

Đảm bảo tắt hệ thống giữ phanh tự động trước khi rửa xe bằng máy rửa xe tự động.

Nếu tắt động cơ hoặc người lái không thắt dây đai an toàn trong khi hệ thống giữ phanh tự động đang bật, hệ thống giữ phanh tự động sẽ tự động tắt. Trong trường hợp này, khi người lái thắt dây đai an toàn và khởi động lại động cơ, hệ thống giữ phanh tự động sẽ bật mà không cần ấn nút giữ phanh tự động.

Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

■ ABS

Giúp các bánh xe không bị bó cứng và giúp bạn kiểm soát lái nhờ việc nhấp nhả phanh nhanh, nhanh hơn rất nhiều thao tác chân của bạn.

Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD) thuộc hệ thống ABS, giúp phân phối lực phanh giữa các bánh trước và bánh sau theo tải trọng xe.

Bạn không được nhấp nhả bàn đạp phanh. Hãy để ABS hỗ trợ bạn bằng cách luôn duy trì lực nhấtn mạnh, ổn định lên bàn đạp phanh. Điều này đôi khi được gọi là “nhấn và đánh lái.”

■ Hoạt động của ABS

Bàn đạp phanh có thể rung nhẹ khi ABS đang hoạt động. Hãy nhấn và giữ chắc bàn đạp phanh. Trên mặt đường khô ráo, bạn cần nhấn bàn đạp phanh thật mạnh trước khi ABS kích hoạt. Tuy nhiên, bạn có thể cảm thấy ABS kích hoạt ngay lập tức nếu bạn cố dừng xe trên đường có tuyết hoặc băng.

ABS có thể kích hoạt khi bạn nhấn bàn đạp phanh khi lái xe trên:
- Đường ướt hoặc phủ tuyết.
- Đường lát đá.
- Đường có bề mặt không bằng phẳng, ví dụ như đường có ổ gà, vết nứt, hố ga, v.v.

Khi tốc độ xe dưới 10 km/h, ABS sẽ ngừng hoạt động.

Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

CHÚ Ý

ABS có thể không hoạt động hiệu quả nếu bạn dùng lốp xe không đúng chủng loại hoặc kích cỡ.

Nếu đèn báo **ABS** bật sáng trong khi lái xe, có thể hệ thống có sự cố.
Mặc dù phanh thông thường sẽ không bị ảnh hưởng, nhưng có khả năng hệ thống ABS sẽ không hoạt động. Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Hệ thống ABS không được thiết kế nhằm mục đích giảm thời gian hoặc quãng đường cần thiết để xe dừng lại: Hệ thống được thiết kế để hạn chế bó cứng phanh, vốn có thể dẫn đến trượt bánh và mất khả năng điều khiển lái.

Trong các trường hợp sau, xe có thể cần khoảng cách xa hơn để dừng so với xe không có ABS:
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không bằng phẳng như đường rải đá hoặc có tuyết.
- Lắp xích bọc lốp*.

Có thể xuất hiện các hiện tượng sau với hệ thống ABS:
- Tiếng ồn của mô-tơ phát ra từ khoang động cơ khi nhấn phanh hoặc khi thực hiện kiểm tra hệ thống sau khi khởi động động cơ và trong khi xe đang tăng tốc.
- Bàn đạp phanh và/hoặc thân xe rung lên khi ABS hoạt động.

Hiện tượng rung và tiếng ồn này là bình thường với hệ thống ABS và không cần lo ngại.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp

Có chức năng hỗ trợ người lái bằng cách tạo ra lực phanh lớn hơn khi bạn nhấn mạnh bàn đạp phanh trong khi phanh khẩn cấp.

■ Vận hành hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp

Nhấn chắc bàn đạp phanh để tăng lực phanh.

Khi hệ thống hỗ trợ phanh hoạt động, bàn đạp phanh có thể rung nhẹ và có thể nghe thấy tiếng ồn hoạt động. Đây là hiện tượng bình thường. Tiếp tục nhấn chắc bàn đạp phanh.

Tín hiệu dừng khẩn cấp

Hoạt động khi bạn phanh gấp trong lúc đang lái xe ở tốc độ từ 60 km/h trở lên nhằm cảnh báo cho người lái phía sau xe bạn về việc phanh bất ngờ bằng cách nháy liên tục các đèn cảnh báo nguy hiểm. Việc này có thể giúp cảnh báo người lái phía sau xe bạn tránh được va chạm có thể xảy ra với xe bạn.

■ Khi hệ thống kích hoạt:

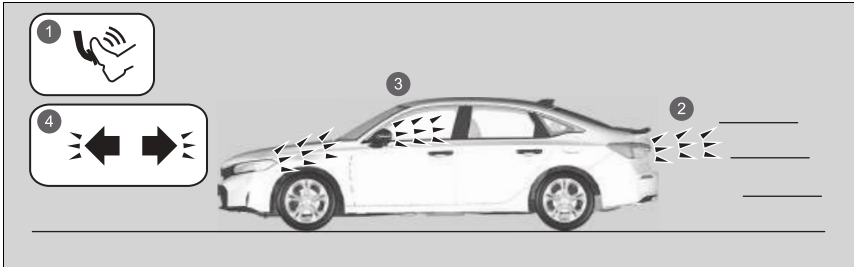

1. Phanh gấp
2. Các đèn phanh sáng
3. Các đèn cảnh báo nguy hiểm nháy
4. Các đèn báo cảnh báo nguy hiểm nhấp nháy

Các đèn cảnh báo nguy hiểm ngừng nháy khi:
- Nhả bàn đạp phanh.
- ABS ngừng hoạt động.
- Tốc độ giảm tốc của xe bạn trở nên vừa phải.
- Ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

Tín hiệu dừng khẩn cấp

Tín hiệu dừng khẩn cấp không phải là hệ thống có thể ngăn được các va chạm từ phía sau có khả năng xảy ra do bạn phanh gấp. Hệ thống này làm đèn cảnh báo nguy hiểm nháy khi bạn phanh gấp. Bạn nên tránh phanh gấp trừ trường hợp thực sự cần thiết.

Tín hiệu dừng khẩn cấp không hoạt động khi ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

Nếu ABS dừng hoạt động trong một khoảng thời gian nhất định khi phanh, tín hiệu dừng khẩn cấp có thể không hoạt động.

Khi xe đã dừng

1. Nhấn chắc bàn đạp phanh.
2. Khi nhấn bàn đạp phanh, kéo từ từ công tắc phanh đỗ điện liên nhưng không hết cỡ.
3. Đưa hộp số vào số [P].
4. Tắt động cơ.
▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) tắt trong khoảng 30 giây.

Luôn gài phanh đỗ, đặc biệt nếu bạn đỗ xe trên dốc.

Đỗ xe

⚠CẢNH BÁO

Xe có thể bị trôi nếu chưa đảm bảo đã gài vị trí Đỗ.

Xe bị trôi có thể gây ra va chạm dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn giữ chân trên bàn đạp phanh cho đến khi bạn xác nhận [P] hiển thị trên đèn báo vị trí số.

Không đỗ xe gần những vật dễ bắt lửa, như cỏ khô, dầu, hoặc gỗ.
Nhiệt từ hệ thống xả cũng có thể gây cháy.

Còn nữa

Khi xe đã dừng

CHÚ Ý

Những hành động sau có thể làm hỏng hộp số:

- Nhấn đồng thời cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh.
- Giữ xe đứng yên trên dốc bằng cách nhấn bàn đạp ga.
- Gạt cần số sang P trước khi xe dừng hẳn.

Ở nhiệt độ quá lạnh, phanh đỗ có thể bị đóng băng khi gài. Không kéo phanh đỗ nếu ở trong điều kiện thời tiết như vậy, nhưng nếu đỗ xe trên dốc, bạn cần đánh lái sao cho các bánh trước quay vào sát gờ lề đường nếu xe có nguy cơ lăn xuống, hoặc chèn các bánh xe để ngăn xe không di chuyển. Nếu không làm như vậy, xe có thể bị trôi bất ngờ, dẫn đến va chạm.

Hệ thống cảm biến đỗ*

Các cảm biến góc và cảm biến giữa theo dõi các vật cản gần xe bạn, tiếng bíp, màn hình giao diện thông tin cho người lái và màn hình âm thanh/ thông tin giúp bạn biết khoảng cách thích hợp giữa xe và vật cản.

■ Vị trí và phạm vi của cảm biến

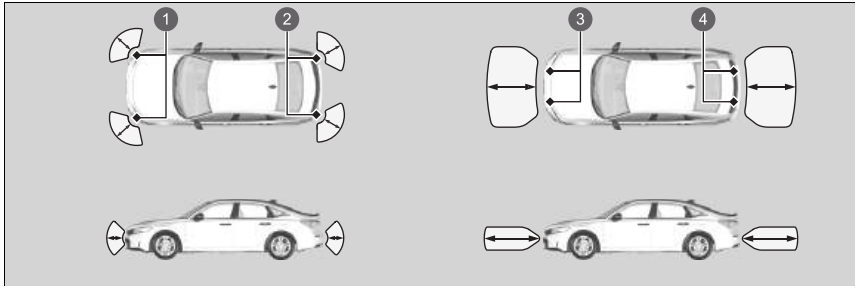

❶ Cảm biến góc trước
❷ Cảm biến góc sau
❸ Cảm biến giữa trước
❹ Cảm biến giữa sau

Hệ thống cảm biến đỗ*

Ngay cả khi hệ thống bật, trước khi đỗ xe cần xác nhận xem có vật cản nào gần xe bạn không.

Hệ thống có thể không hoạt động đúng cách khi:
- Các cảm biến bị tuyết, băng, bùn hoặc bụi bẩn che phủ.
- Xe được để ngoài trời trong thời tiết nóng hoặc lạnh.
- Có đồ vật gần đó phát ra sóng siêu âm hoặc âm thanh tần số cao.
- Lái xe trong điều kiện thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).

Hệ thống không thể phát hiện các vật cản sau:
- Các vật thể mỏng hoặc thấp.
- Các vật liệu hấp thụ sóng âm, như tuyết, bông, hoặc miếng bọt biển.
- Các vật bám bên dưới cản xe.

Hệ thống có thể phát hiện sai vật cản trong các trường hợp sau:
- Xe chạy ở nơi không bằng phẳng, như chỗ có cỏ, đường gồ ghề, hoặc đường đồi.
- Khi ở gần xe khác có cảm biến siêu âm hoặc các vật thể khác phát ra sóng siêu âm.
- Nước bắn gần các cảm biến do mưa to, v.v.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Bật và tắt hệ thống cảm biến đỗ

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➔ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 119, 153
➔ **Hỗ trợ an toàn** Tr. 133, 168

Cảm biến góc trước, cảm biến giữa sau và cảm biến góc sau bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số ở R và tốc độ xe dưới 9 km/h.

Cảm biến góc trước và cảm biến giữa trước bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số không ở P hoặc R và tốc độ xe dưới 9 km/h.

Hệ thống cảm biến đỗ*

Không được đặt bất kỳ phụ kiện nào lên trên hoặc xung quanh các cảm biến.

▶Nếu bạn đặt bất kỳ phụ kiện nào (như giá để xe đạp) lên hoặc xung quanh cảm biến sau, hệ thống có thể kích hoạt nếu phát hiện các phụ kiện này là vật cản. Trong trường hợp này, hãy tắt cảm biến sau.

Loại xe không có Màn hình giải trí

➔ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Bật và tắt hệ thống cảm biến đỗ

Khi đặt chế độ nguồn thành BẬT, hệ thống sẽ ở trạng thái đã chọn trước đó.

Bạn có thể bật và tắt hệ thống cảm biến đỗ phía sau bằng màn hình âm thanh/thông tin.

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Vận hành màn hình

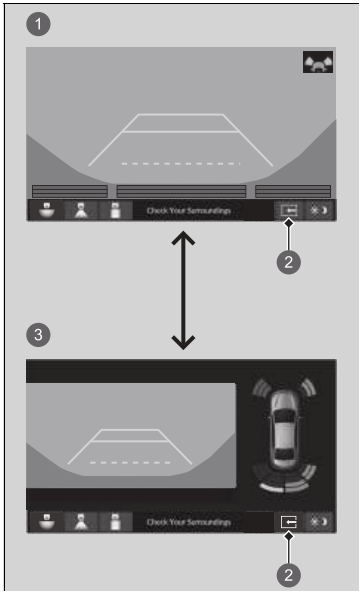

Bạn có thể chuyển màn hình hiển thị sang tắt song song hai màn hình và bật song song hai màn hình bằng cách chạm vào thanh công cụ chia đôi màn hình.

❶ Tắt song song hai màn hình
❷ Thanh công cụ chia đôi màn hình
❸ Bật song song hai màn hình

Còn nữa

■ Khi phát hiện khoảng cách giữa xe và vật cản trở nên ngắn hơn

Độ dài tiếng bíp	Khoảng cách giữa tấm cản và vật cản		Đèn báo	Màn hình giao diện thông tin cho người lái	Màn hình âm thanh/ thông tin
	Cảm biến góc	Cảm biến giữa			
Trung bình	—	Trước: Khoảng 100-65 cm Sau: Khoảng 110-60 cm	Sáng*1/Nhấp nháy*2 Màu vàng*3	Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines 	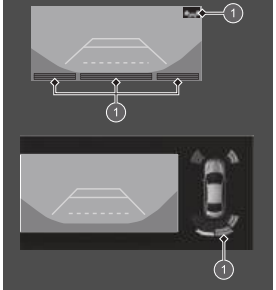
Ngắn	Trước: Khoảng 65-45 cm Sau: Khoảng 60-45 cm	Trước: Khoảng 65-55 cm Sau: Khoảng 60-45 cm	Sáng*1/Nhấp nháy*2 Màu hổ phách		
Rất ngắn	Khoảng 45-35 cm	Trước: Khoảng 55-45 cm Sau: Khoảng 45-35 cm			
Liên tục	Khoảng 35 cm trở xuống	Trước: Khoảng 45 cm trở xuống Sau: Khoảng 35 cm trở xuống	Sáng*1/Nhấp nháy*2 Màu đỏ	Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines 	

*1: Trên màn hình giao diện thông tin cho người lái
*2: Trên màn hình âm thanh/thông tin
*3: Ở giai đoạn này, chỉ có các cảm biến giữa phát hiện vật cản.
❶ Đèn báo sáng khi cảm biến phát hiện vật cản.

Để tạm thời tắt tiếng bíp, ấn vòng lựa chọn bên trái*1/bên phải*2 trong khi tiếp bíp đang vang lên. TẮT tạm thời sẽ bị hủy khi chuyển vị trị số hoặc tốc độ xe đạt từ 14 km/h trở lên.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A
*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang*

Cảm biến ra-đa giúp bạn quan sát khu vực góc phía sau khi lùi xe và cảnh báo cho bạn nếu phát hiện có xe đang đi đến từ góc phía sau.

Hệ thống này rất thuận tiện khi bạn lùi ra khỏi chỗ đỗ xe.

Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang*

⚠THẬN TRỌNG

Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang không thể phát hiện được tất cả các xe đang đến gần và có thể không phát hiện được bất kỳ xe đang đến gần nào.

Cần quan sát để đảm bảo an toàn trước khi lùi xe để tránh xảy ra va chạm.

Không phụ thuộc hoàn toàn vào hệ thống khi lùi xe; luôn sử dụng gương, quan sát phía sau và hai bên xe trước khi lùi xe.

Còi báo cảnh báo của hệ thống cảm biến đỗ sẽ ghi đè lên còi báo của Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi các cảm biến đang phát hiện vật cản ở phạm vi gần nhất.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Cách hoạt động của hệ thống

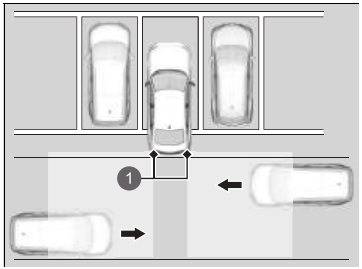

❶ Cảm biến ra-đa:
Bên dưới các góc của cản sau.

Hệ thống được kích hoạt khi:

- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang bật.
  ➡ **Bật và Tắt Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang** Tr. 619
- Cần số ở R.
- Xe của bạn di chuyển với tốc độ từ 5 km/h trở xuống.

Khi phát hiện xe đang đến gần từ góc phía sau, Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang sẽ cảnh báo cho bạn bằng còi báo và hiển thị cảnh báo trên màn hình.

Hệ thống sẽ không phát hiện xe đang đến gần sát ngay phía sau xe của bạn, và cũng sẽ không đưa ra cảnh báo về chiếc xe được phát hiện khi xe đó di chuyển sát ngay phía sau xe của bạn.

Hệ thống sẽ không đưa ra cảnh báo đối với xe không chạy gần xe bạn và hệ thống có thể cảnh báo khi có người đi bộ, xe đạp hoặc vật thể đứng yên.

Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang*

Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang không phát hiện hoặc có thể trì hoãn việc cảnh báo phương tiện đang đến gần, hoặc có thể cảnh báo ngay cả khi không có phương tiện đang đến gần trong các điều kiện sau:

- Khi có vật cản, chẳng hạn như một chiếc xe khác hoặc một bức tường gần cản sau của xe bạn và làm cản trở phạm vi của cảm biến ra-đa.
- Xe của bạn di chuyển với tốc độ từ 5 km/h trở lên.
- Xe đang đến gần di chuyển với tốc độ từ 10km/h đến 25km/h.
- Hệ thống thu nhiễu bên ngoài từ các cảm biến ra-đa của xe khác hoặc thu sóng vô tuyến mạnh từ một địa điểm gần đó.
- Cả hai góc của cản sau bị tuyết, băng, bùn hoặc bụi bẩn bao phủ.
- Khi thời tiết xấu.
- Xe đang đi xuống dốc.
- Xe bị nghiêng do tải nặng ở phía sau.
- Xe đang lùi về phía bức tường, cột điện, xe khác, v.v.

Nếu cản sau hoặc cảm biến không được sửa chữa đúng cách hoặc cản sau bị biến dạng, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Để hệ thống vận hành đúng cách, luôn giữ khu vực góc cản sau sạch sẽ.
Không che khu vực góc cản sau bằng bất kỳ loại nhãn dán hoặc tấm dính nào.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Khi hệ thống phát hiện thấy xe khác

Biểu tượng mũi tên sẽ xuất hiện bên phía xe đang đến gần trên màn hình âm thanh/thông tin.

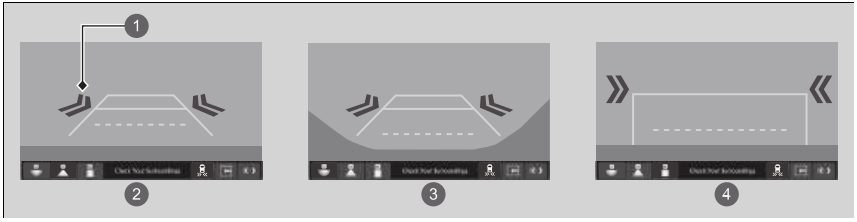

❶ Biểu tượng mũi tên
❷ Quan sát thường
❸ Quan sát rộng
❹ Quan sát từ trên xuống

Khi hệ thống phát hiện thấy xe khác

Nếu biểu tượng ở góc phải phía bên dưới màn hình chuyển sang màu hổ phách khi cần số ở R, thì có thể có bùn, tuyết, băng và mảnh vụn tích tụ gần khu vực cảm biến. Hệ thống tạm thời bị hủy. Kiểm tra các góc tấm cản xem có vật cản nào không và làm sạch toàn bộ khu vực nếu cần.

Nếu biểu tượng sáng khi cần số ở R, Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang có thể có sự cố. Không sử dụng hệ thống và mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu màn hình hiển thị vẫn duy trì như vậy khi cần số ở R, hệ thống camera sau và Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang có thể có sự cố. Không sử dụng hệ thống và mang xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Bật và Tắt Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang

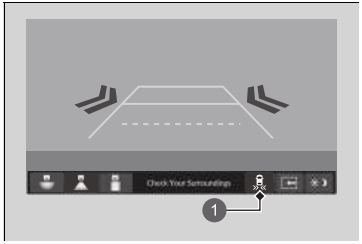

❶ Biểu tượng Cảnh báo phương tiện cắt ngang

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng cách ấn vào biểu tượng Cảnh báo phương tiện cắt ngang trên màn hình âm thanh/thông tin.

Bạn cũng có thể bật và tắt hệ thống bằng tính năng tùy chỉnh trên màn hình âm thanh/thông tin.

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Camera lùi đa hướng ở xe bạn

Màn hình âm thanh/thông tin có thể hiển thị hình ảnh phía sau xe bạn. Màn hình tự động chuyển sang hiển thị hình ảnh phía sau xe khi gạt cần số đến R.

■ Vùng hiển thị camera lùi đa hướng

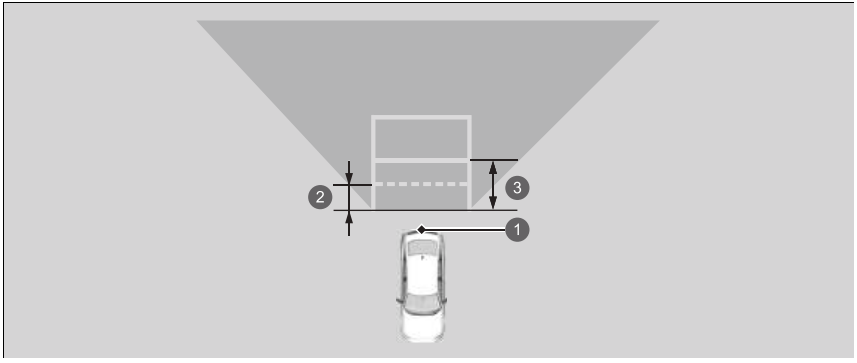

❶ Camera
❷ Xấp xỉ 50 cm
❸ Xấp xỉ 1 m

*1 : Loại xe tại Philippines
*2 : Ngoại trừ loại xe tại Philippines

Camera lùi đa hướng ở xe bạn

Tầm quan sát của camera lùi rất hạn chế. Bạn không thể nhìn thấy các đuôi góc của tấm cản hoặc vật nằm dưới tấm cản. Thấu kính đặt biệt của camera làm cho vật thể trông gần hơn hoặc xa hơn so với thực tế.

Hãy xác nhận trực quan xem có an toàn không trước khi lùi xe. Các điều kiện nhất định (như thời tiết, ánh sáng, và nhiệt độ cao) cũng có thể làm hạn chế tầm nhìn sau. Không nên phụ thuộc vào màn hình hiển thị phía sau vì nó không thể cung cấp cho bạn tất cả thông tin về tình hình phía sau xe bạn.

Hình ảnh camera lùi được hiển thị ưu tiên trên màn hình âm thanh/thông tin.

Nếu thấu kính của camera bị bụi hoặc ẩm, dùng vải mềm, ẩm để lau sạch thấu kính.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt **Fixed Guideline** (Dẫn hướng cố định) và **Dynamic Guideline** (Dẫn hướng động).

Loại xe có Hệ thống âm thanh màu

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 283

Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 351

Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

➔ **Tính năng tùy chỉnh** Tr. 438

Dẫn hướng cố định
On[*1]**/ON**[*2]: Dẫn hướng xuất hiện khi bạn gạt cần số đến R.
Off[*1]**/OFF**[*2]: Dẫn hướng không xuất hiện
Dẫn hướng động
On[*1]**/ON**[*2]: Dẫn hướng di chuyển theo hướng xoay của vô lăng.
Off[*1]**/OFF**[*2]: Dẫn hướng không di chuyển

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Bạn có thể quan sát theo ba chế độ camera khác nhau trên màn hình âm thanh/thông tin.
Chạm vào biểu tượng thích hợp để chuyển chế độ quan sát.

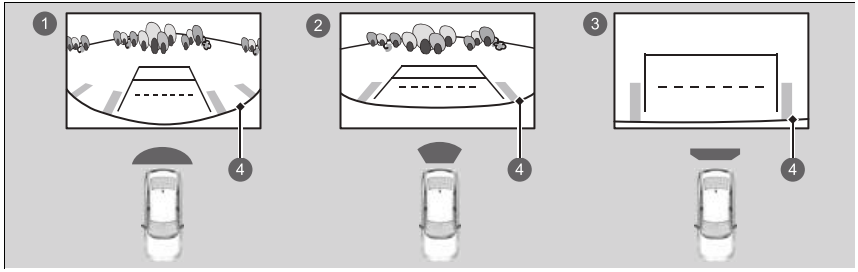

❶ Chế độ quan sát rộng
❷ Chế độ quan sát thường
❸ Chế độ quan sát từ trên xuống
❹ Tấm cản

- Nếu chế độ quan sát được sử dụng lần gần đây nhất là Rộng hoặc Thường, thì chế độ đó sẽ vẫn được chọn ở lần tiếp theo gạt cần số đến R.
- Trước khi tắt động cơ, nếu chế độ quan sát đang được sử dụng là quan sát từ Trên xuống, thì chế độ quan sát Rộng sẽ được chọn ở lần tiếp theo đặt chế độ nguồn ở BẬT và gạt cần số đến R.
- Nếu bạn đang sử dụng chế độ quan sát từ Trên xuống và đã 10 giây trôi qua sau khi bạn ra khỏi số R, thì chế độ quan sát Rộng sẽ được chọn ở lần tiếp theo gạt cần số đến R.
- Nếu bạn đang sử dụng chế độ quan sát từ Trên xuống và về lại số R trong vòng 10 giây sau khi ra khỏi số R, chế độ quan sát từ Trên xuống sẽ vẫn được chọn.

Camera lùi đa hướng ở xe bạn

Nếu hình ảnh phía sau xe không hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin trong khi vị trí số ở R, có thể hệ thống có sự cố. Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Thông tin nhiên liệu

■ Nhiên liệu khuyên dùng

Loại xe tại Pakistan

Xăng không chì EURO V/5, mangan: tối đa 2mg/Lít, chỉ số Octan 91 trở lên

Xăng không chì EURO V/5 có chỉ số Octan 91 trở lên là loại xăng dành cho xe của bạn.
Dùng xăng không chì loại thông thường có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và làm giảm hiệu suất động cơ. Sử dụng xăng loại thông thường trong thời gian dài có thể làm hỏng động cơ.

Ngoại trừ loại xe tại Pakistan

Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn, liên tục và làm hỏng động cơ.

■ Dung tích bình nhiên liệu: 47 L

■ Dung dịch vệ sinh động cơ

Chất lượng nhiên liệu thay đổi theo vùng. Thêm dung dịch vệ sinh kim phun chính hãng theo hướng dẫn về thời gian và quãng đường trong lịch bảo dưỡng.
Hãy sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun chính hãng Honda. Nếu không có sẵn, hãy sử dụng dung dịch vệ sinh gốc PEA (polyetheramine) để thay thế.
Có thể cần thường xuyên sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun ở các quốc gia hoặc khu vực không có lịch bảo dưỡng. Tham khảo ý kiến đại lý để biết thêm thông tin.

Thông tin nhiên liệu

CHÚ Ý

Sử dụng xăng có chì có thể dẫn đến những rủi ro sau:

- Làm hỏng hệ thống xả bao gồm bộ chuyển đổi xúc tác
- Làm hỏng động cơ và hệ thống nhiên liệu
- Ảnh hưởng có hại đến động cơ và các hệ thống khác

Cách nạp nhiên liệu

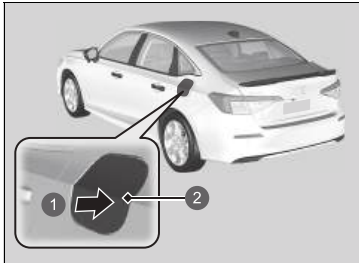

❶ Ấn
❷ Cửa nạp nhiên liệu



❶ Nắp

1. Dừng xe ở trạm xăng sao cho máy bơm xăng ở bên trái và phía sau xe.
2. Tắt động cơ.
3. Mở khóa cửa người lái.
▶ Cửa nạp nhiên liệu ở bên ngoài xe sẽ mở khóa.
➡ **Khóa/mở khóa cửa từ bên trong**
Tr. 189
4. Ấn và nhả vùng có mũi tên để nhả cửa nạp nhiên liệu. Bạn sẽ nghe thấy tiếng tách và nắp sẽ mở ra nhẹ nhàng.
5. Dùng tay kéo cửa nạp nhiên liệu đến vị trí mở hoàn toàn.
6. Từ từ xoay nắp bình nhiên liệu. Nếu nghe thấy tiếng hơi xì ra, hãy đợi đến khi không còn tiếng xì, sau đó từ từ xoay núm để mở nắp bình nhiên liệu.

Cách nạp nhiên liệu

⚠CẢNH BÁO

Xăng rất dễ cháy và dễ nổ. Bạn có thể bị bỏng hoặc thương tích nghiêm trọng khi xử lý nhiên liệu.

- Dừng động cơ và để xe tránh xa nhiệt, các tia lửa và ngọn lửa.
- Chỉ xử lý nhiên liệu ở ngoài trời.
- Lau sạch ngay vết xăng tràn.

⚠THẬN TRỌNG

Vòi bơm nhiên liệu tự động ngắt để lại khoảng trống trong bình nhiên liệu, giúp nhiên liệu không bị tràn ra ngoài do thay đổi nhiệt độ không khí.

Không nạp thêm nhiên liệu sau khi vòi bơm đã tự động ngắt. Đổ thêm nhiên liệu có thể làm bình nhiên liệu bị tràn.

Dùng vấu khóa hoặc công tắc khóa cửa chính để mở khóa cửa nạp nhiên liệu. Các cửa xe và cửa nạp nhiên liệu sẽ tự động khóa lại nếu sử dụng chức năng mở khóa từ xa. Có thể tắt chức năng này bằng cách mở và đóng nhanh cửa người lái.

Còn nữa

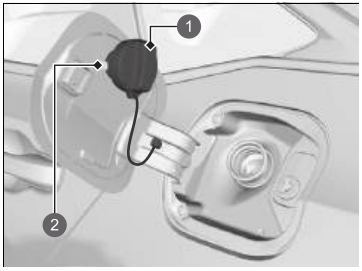

1 Nắp
2 Giá đỡ

7. Đặt nắp bình nhiên liệu vào giá đỡ.
8. Đưa vòi bơm nhiên liệu vào hết mức.
▶ Khi bình nhiên liệu đầy, vòi bơm sẽ tự động ngắt. Điều này giúp để lại khoảng trống trong bình nhiên liệu phòng trường hợp nhiên liệu nở ra do thay đổi nhiệt độ.
9. Sau khi nạp nhiên liệu, đậy nắp bình nhiên liệu, siết chặt nắp cho đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.
▶ Dùng tay đóng cửa nạp nhiên liệu.

Cách nạp nhiên liệu

Loại xe Tự động khóa cửa khi ra khỏi xe

Sử dụng tính năng Tự động khóa cửa khi ra khỏi xe cũng sẽ khóa cửa nạp nhiên liệu. Luôn đảm bảo cả cửa người lái và cửa nạp nhiên liệu đều mở khóa trước khi mở cửa nạp nhiên liệu.

Khóa cửa (tự động khóa cửa khi ra khỏi xe) Tr. 183

Cải thiện mức tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải CO_2

Tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải CO_2 phụ thuộc vào một số yếu tố bao gồm điều kiện lái xe, tải trọng, thời gian chạy không tải, thói quen lái xe và tình trạng của xe. Tùy theo các yếu tố này và một số yếu tố khác, có thể bạn không thể đạt được mức tiết kiệm nhiên liệu định mức của xe.

Bảo dưỡng và tiết kiệm nhiên liệu

Bạn có thể tối ưu hóa tiết kiệm nhiên liệu nếu bảo dưỡng xe đúng cách.
Thực hiện theo lịch bảo dưỡng và nếu cần, hãy tham khảo thông tin dịch vụ được cung cấp cho xe của bạn.
Đối với những xe không có hệ thống nhắc nhở bảo dưỡng, hãy thực hiện theo Lịch bảo dưỡng.

➡ **Lịch bảo dưỡng** Tr. 639

- Sử dụng dầu động cơ có độ nhớt khuyên dùng.
  ➡ **Dầu động cơ khuyên dùng** Tr. 647
- Duy trì áp suất lốp theo quy định.
- Không chở đồ quá trọng lượng cho phép.
- Giữ xe sạch sẽ. Tuyết hoặc bùn tích tụ dưới gầm xe sẽ làm tăng trọng lượng và sức cản gió cho xe.

Cải thiện mức tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải CO_2

Tính toán trực tiếp là cách tính được khuyến nghị để xác định lượng nhiên liệu tiêu thụ thực tế khi lái xe.

100	×	Số lít nhiên liệu	÷	Số kilomet đi được	=	L trên 100 km

Số kilomet đi được	÷	Số lít nhiên liệu	=	Số kilomet trên mỗi lít

Lưu ý khi xử lý

Bộ tăng áp là thiết bị có độ chính xác cao dùng để đạt được công suất lớn hơn bằng cách đưa một lượng lớn không khí nén vào động cơ nhờ tua-bin được dẫn động bởi áp suất khí xả của động cơ.

- Khi động cơ còn lạnh ngay sau khi khởi động, tránh tăng tốc động cơ hoặc tăng ga đột ngột.

- Luôn thay dầu động cơ và lọc dầu động cơ theo lịch bảo dưỡng. Tua-bin quay ở tốc độ rất cao, trên 100.000 vòng/phút và nhiệt độ tua-bin trên 700°C. Tua-bin được bôi trơn và làm mát bằng dầu động cơ. Nếu bạn không thay dầu động cơ và lọc dầu theo quãng đường hoặc chu kỳ quy định, dầu động cơ đã xuống cấp có thể gây ra sự cố như kẹt và tiếng ồn bất thường ở ổ trục tua-bin.

*1 : Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
*2 : Ngoại trừ loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines

Xe có động cơ tăng áp

Các chu kỳ bảo dưỡng định kỳ để thay dầu động cơ và lọc dầu hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Hãy thực hiện theo lịch bảo dưỡng này.

➡ **Hệ thống giám sát dầu** Tr. 631
➡ **Dầu động cơ khuyên dùng** Tr. 647

Thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Nhiệt độ động cơ quá nóng. Không nên lái xe. Để động cơ nguội.) hoặc **Engine temperature near limit. Avoid heavy acceleration and high speed.**[*1]/**Engine temperature near limit. Avoid strong acceleration and high speed.**[*2] (Nhiệt độ động cơ gần mức giới hạn. Tránh tăng tốc mạnh và tốc độ cao.) có thể xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn khởi động lại động cơ sau khi lái xe ở điều kiện tải cao như đi với tốc độ cao hoặc ở địa hình đồi núi.
Đây là hiện tượng bình thường. Thông báo sẽ tắt sau khi bạn cho xe chạy không tải hoặc lái xe trong khoảng một phút.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Vạch báo trên đồng hồ đo nhiệt độ sẽ ở mức cao hơn khi bạn khởi động lại động cơ sau khi lái xe ở điều kiện tải cao như đi với tốc độ cao hoặc ở địa hình đồi núi. Đây là hiện tượng bình thường. Vạch báo trên đồng hồ đo sẽ xuống mức thấp hơn sau khi bạn cho xe chạy không tải hoặc lái xe trong khoảng một phút.

Bảo dưỡng

Chương này đề cập đến quy trình bảo dưỡng cơ bản.



Trước khi thực hiện bảo dưỡng
Kiểm tra và bảo dưỡng 628
An toàn khi thực hiện bảo dưỡng 629
Phụ tùng và dung dịch dùng trong bảo dưỡng 630
Hệ thống giám sát dầu 631
Lịch bảo dưỡng 638
Bảo dưỡng dưới nắp ca-pô
Các mục bảo dưỡng dưới nắp ca-pô ..643
Mở nắp ca-pô 644
Dầu động cơ khuyên dùng 646
Kiểm tra dầu 648
Bổ sung dầu động cơ 649
Nước làm mát động cơ 650
Dầu hộp số 653
Dầu phanh 654
Bổ sung nước rửa kính 655
Lọc nhiên liệu 655
Thay bóng đèn 656
Kiểm tra và thay lưỡi gạt nước 667
Kiểm tra và thay lốp
Kiểm tra lốp 669
Vạch báo độ mòn lốp 670
Tuổi thọ lốp 670
Thay lốp và bánh xe 671
Đảo lốp 672
Thiết bị bám đường tuyết 674
Ắc-quy 675
Bảo dưỡng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa
Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa. 678
Bảo dưỡng Hệ thống điều hòa không khí tự động 681
Vệ sinh
Vệ sinh nội thất 683
Vệ sinh ngoại thất 686
Phụ kiện và điều chỉnh 689

Kiểm tra và bảo dưỡng

Để đảm bảo an toàn, hãy thực hiện tất cả các quy trình kiểm tra và bảo dưỡng đã được liệt kê để xe luôn trong tình trạng tốt. Nếu phát hiện bất kỳ dấu hiệu bất thường nào (có tiếng ồn, có mùi, thiếu dầu phanh, cặn dầu trên đất, v.v.), hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. Tham khảo Sổ bảo dưỡng kèm theo xe/lịch bảo dưỡng trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm thông tin chi tiết về quy trình bảo dưỡng và kiểm tra.

➔ **Lịch bảo dưỡng** Tr. 638

■ Phân loại kiểm tra và bảo dưỡng

■ Kiểm tra thường xuyên

Thực hiện kiểm tra trước các chuyến đi xa, khi rửa xe, hoặc khi nạp nhiên liệu.

■ Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra mức dầu phanh hàng tháng.
  ➔ **Dầu phanh** Tr. 654
- Kiểm tra áp suất lốp hàng tháng. Kiểm tra gân lốp có bị mòn và dính vật gì lạ không.
  ➔ **Kiểm tra và thay lốp** Tr. 669
- Kiểm tra các đèn bên ngoài xe hàng tháng.
  ➔ **Thay bóng đèn** Tr. 656
- Kiểm tra tình trạng của các cần gạt nước ít nhất sáu tháng một lần.
  ➔ **Kiểm tra và thay lưỡi gạt nước** Tr. 667

An toàn khi thực hiện bảo dưỡng

Sau đây là một số lưu ý an toàn quan trọng nhất. Tuy nhiên, chúng tôi không thể cảnh báo cho bạn tất cả các mối nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình bảo dưỡng. Chỉ bạn mới có thể quyết định có nên thực hiện công việc bảo dưỡng đã đưa ra hay không.

■ An toàn khi bảo dưỡng

- Để giảm nguy cơ cháy nổ, hãy để ắc-quy và tất cả các bộ phận liên quan đến nhiên liệu tránh xa thuốc lá, các tia lửa và ngọn lửa.
- Tuyệt đối không để giẻ lau, khăn tắm, hoặc các vật dễ cháy khác dưới nắp ca-pô.
  ▶ Nhiệt từ các bộ phận xung quanh có thể làm các vật này bắt lửa, gây ra hỏa hoạn.
- Để làm sạch các phụ tùng, hãy dùng chất tẩy dầu mỡ hoặc dung dịch vệ sinh phụ tùng có bán trên thị trường, không dùng xăng.
- Đeo kính và mặc quần áo bảo hộ khi làm việc với ắc-quy hoặc khí nén.
- Khí xả động cơ có chứa khí CO rất độc hại và có thể gây chết người.
  ▶ Chỉ vận hành động cơ trong khu vực có thông gió tốt.

An toàn khi thực hiện bảo dưỡng

⚠CẢNH BÁO

Bảo dưỡng xe không đúng cách hoặc không xử lý sự cố trước khi lái xe có thể gây ra tai nạn khiến bạn bị chấn thương nặng hoặc tử vong.

Luôn thực hiện theo các khuyến nghị và lịch kiểm tra, bảo dưỡng trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng/Sổ bảo dưỡng này.

⚠CẢNH BÁO

Không thực hiện theo đúng các hướng dẫn và lưu ý khi bảo dưỡng có thể khiến bạn bị thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn làm theo các quy trình và lưu ý trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

Còn nữa

■ An toàn cho xe

- Xe phải ở trạng thái dừng hẳn.
  ▶ Đảm bảo đỗ xe nơi bằng phẳng, gài phanh đỗ và tắt động cơ.
- Đảm bảo quạt két tản nhiệt ngừng hoạt động trước khi kiểm tra khoang động cơ.
  ▶ Tùy theo tình trạng của xe, quạt két tản nhiệt có thể hoạt động ngay cả khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
- Hãy cẩn thận với các bộ phận còn nóng có thể gây bỏng.
  ▶ Đảm bảo để động cơ và hệ thống xả nguội hoàn toàn trước khi chạm vào các bộ phận trên xe.
- Hãy cẩn thận với các bộ phận chuyển động có thể khiến bạn bị thương.
  ▶ Không khởi động động cơ trừ khi được hướng dẫn và không để tay chân gần các bộ phận chuyển động.

Phụ tùng và dung dịch dùng trong bảo dưỡng

Hãy sử dụng Phụ tùng chính hãng Honda và các loại dung dịch được khuyên dùng khi bảo dưỡng và sửa chữa xe. Phụ tùng chính hãng Honda được sản xuất theo các tiêu chuẩn chung chất lượng cao và được sử dụng cho xe của Honda.

Thông tin cảnh báo sẽ xuất hiện để nhắc bạn khi cần thay dầu động cơ, hoặc khi cần mang xe đến đại lý để bảo dưỡng theo lịch.

Hiển thị thông tin hệ thống giám sát dầu

Loại xe có đồng hồ đo loại A

1. Đặt chế độ nguồn thành BẬT.
2. Ấn nút [⌂] (màn hình chính).
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi 🔧 hiển thị.
4. Ấn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đến màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu.
Tuổi thọ dầu động cơ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

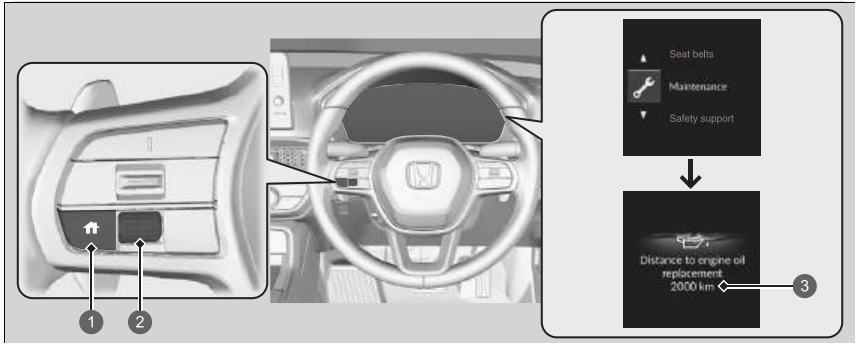

❶ Nút [⌂] (màn hình chính)
❷ Vòng lựa chọn bên trái
❸ Khoảng cách còn đi được cho đến kỳ thay dầu động cơ tiếp theo

Đèn báo thông báo hệ thống (ⓘ) sáng liên tục trên bảng điều khiển khi xe đến kỳ bảo dưỡng. Hãy mang ngay xe đến đại lý để được bảo dưỡng.

Còn nữa

Hiển thị thông tin hệ thống giám sát dầu

Dựa vào điều kiện hoạt động của động cơ và dầu động cơ, quãng đường xe còn đi được cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo sẽ được tính toán và hiển thị.

Tùy theo điều kiện lái, quãng đường thực tế có thể ngắn hơn quãng đường được hiển thị.

Bất kể thông tin hệ thống giám sát dầu hiển thị điều gì, hãy thực hiện bảo dưỡng thường xuyên. Hãy tham khảo lịch bảo dưỡng để biết thêm thông tin chi tiết.

➔ **Lịch bảo dưỡng** Tr. 638

Loại xe có đồng hồ đo loại B

1. Đặt chế độ nguồn thành BẬT.

2. Cuộn vòng lựa chọn bên phải cho đến khi màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu hiển thị. Tuổi thọ dầu động cơ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

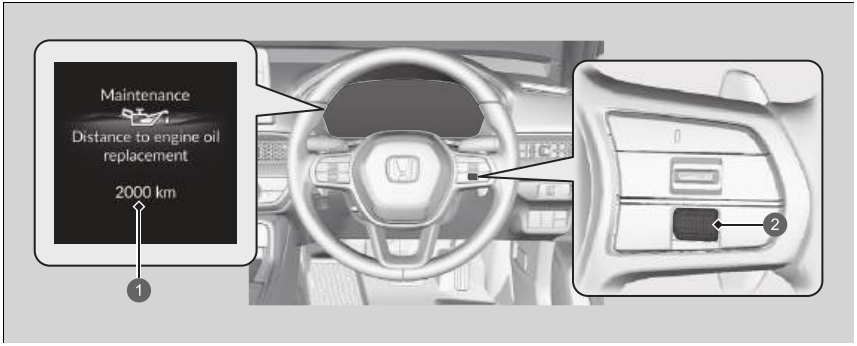

❶ Khoảng cách còn đi được cho đến kỳ thay dầu động cơ tiếp theo
❷ Vòng lựa chọn bên phải

Đèn báo thông báo hệ thống (ⓘ) sáng liên tục trên bảng điều khiển khi xe đến kỳ bảo dưỡng. Hãy mang ngay xe đến đại lý để được bảo dưỡng.

Thông tin hệ thống giám sát dầu trên màn hình giao diện thông tin cho người lái

Thông báo cảnh báo	Màn hình tuổi thọ dầu	Thông tin
Bình thường —	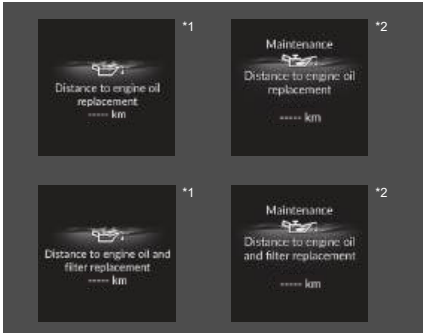	Khi bạn thiết lập lại quãng đường còn đi được sau khi thay dầu, một dãy dấu chấm sẽ xuất hiện trên màn hình tuổi thọ dầu. Những dấu chấm này sẽ vẫn hiển thị cho đến khi hệ thống xác định được quãng đường xe còn đi được cho đến lần thay dầu tiếp theo, hoặc lần thay dầu và lọc dầu tiếp theo dựa vào các điều kiện lái.
	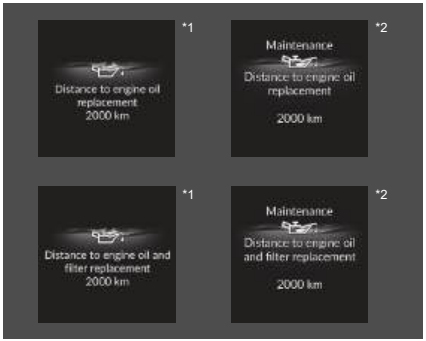	Khi bạn chọn màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu, trên màn hình sẽ hiển thị tuổi thọ dầu động cơ còn lại hoặc tuổi thọ dầu động cơ và lọc dầu còn lại.

*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A
*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

Thông báo cảnh báo	Màn hình tuổi thọ dầu	Thông tin
Sắp đến hạn thay dầu 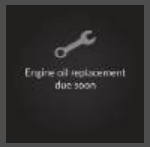 	   	Dầu động cơ hoặc dầu động cơ và lọc dầu sắp đến hạn thay dầu.
Đến hạn thay dầu 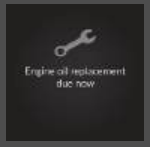 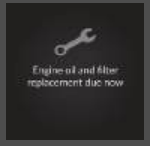	   	Dầu động cơ hoặc dầu động cơ và lọc dầu đã gần hết hạn sử dụng và (các) hạng mục dịch vụ bảo dưỡng cần được kiểm tra và bảo dưỡng càng sớm càng tốt.

*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A
*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

Thông báo cảnh báo	Màn hình tuổi thọ dầu	Thông tin
Quá hạn thay dầu*3 **Quá hạn thay dầu*4** 		Dầu động cơ hoặc dầu động cơ và lọc dầu đã quá hạn sử dụng. (Các) hạng mục dịch vụ bảo dưỡng phải được kiểm tra và bảo dưỡng ngay.

*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A
*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B
*3: Ngoại trừ loại xe Campuchia, Lào và Philippine
*4: Loại xe Campuchia, Lào và Philippines

■ Thiết lập lại màn hình

Thiết lập lại thông tin hệ thống giám sát dầu động cơ khi bạn đã thực hiện dịch vụ bảo dưỡng.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

1. Đặt chế độ nguồn thành BẬT.
2. Ấn nút (màn hình chính).
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi hiển thị.
4. Ấn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đến màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu.
5. Ấn và giữ vòng lựa chọn bên trái khoảng 10 giây để vào chế độ thiết lập lại.
6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Reset** (Cài đặt lại) (Bạn cũng có thể chọn **Cancel** (Hủy) để kết thúc quy trình).
7. Ấn vòng lựa chọn bên trái để thiết lập lại mục đã chọn.
▶ Khi màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu được thiết lập lại, tuổi thọ dầu động cơ được thiết lập lại thành ----- km.



❶ Nút (màn hình chính)
❷ Vòng lựa chọn bên trái

Thiết lập lại màn hình

CHÚ Ý
Không thiết lập lại tuổi thọ dầu động cơ sau khi bảo dưỡng sẽ làm hệ thống hiển thị sai thời gian bảo dưỡng và có thể dẫn đến sự cố cơ khí nghiêm trọng.

Bạn cũng có thể thiết lập lại màn hình hiển thị thông tin hệ thống giám sát dầu bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/ thông tin.

Loại xe không có Màn hình giải trí
➡ **Đồng hồ* và Cài đặt xe** Tr. 137
Loại xe có Màn hình giải trí không tích hợp Google
➡ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 359
Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google
➡ **Cách tùy chỉnh các cài đặt của xe** Tr. 449

Đại lý sẽ thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ sau khi hoàn thành dịch vụ bảo dưỡng cần thiết. Nếu không phải đại lý thực hiện dịch vụ bảo dưỡng, bạn hãy tự thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe có đồng hồ đo loại B

1. Đặt chế độ nguồn thành BẬT.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên phải cho đến khi màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu hiển thị.
3. Ấn và giữ vòng lựa chọn bên phải khoảng 10 giây để vào chế độ thiết lập lại.
4. Cuộn vòng lựa chọn bên phải để chọn **Reset** (Cài đặt lại) (Bạn cũng có thể chọn **Cancel** (Hủy) để kết thúc quy trình).
5. Ấn vòng lựa chọn bên phải để thiết lập lại mục đã chọn.
► Khi màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu được thiết lập lại, tuổi thọ dầu động cơ được thiết lập lại thành ----- km.

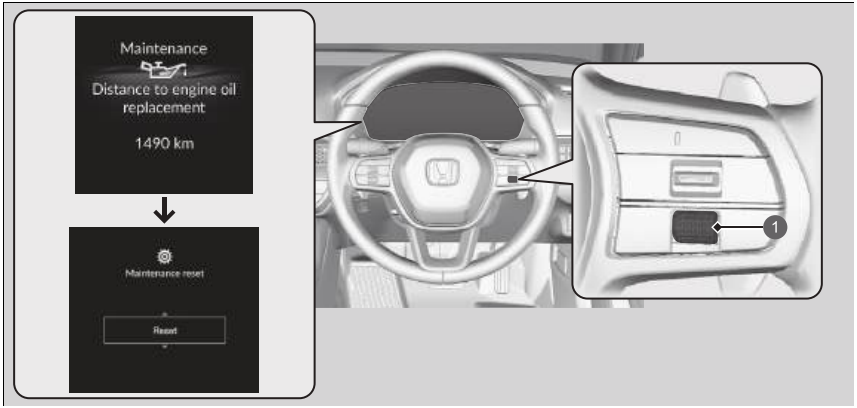

❶ Vòng lựa chọn bên phải

Lịch bảo dưỡng

Nếu xe của bạn có sổ bảo dưỡng, thì lịch bảo dưỡng cho xe đã có sẵn trong sổ này. Đối với xe không có sổ bảo dưỡng, hãy tham khảo lịch bảo dưỡng dưới đây.

Lịch bảo dưỡng tóm tắt quy trình bảo dưỡng cần thiết tối thiểu cần thực hiện để đảm bảo xe không gặp sự cố khi hoạt động. Do sự khác nhau về vùng miền và khí hậu, có thể cần bổ sung một số quy trình bảo dưỡng. Hãy tham khảo thông tin bảo dưỡng kèm theo xe bạn để biết thêm thông tin chi tiết.

Công việc bảo dưỡng phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên có tay nghề và có đầy đủ thiết bị. Đại lý Honda ủy quyền đáp ứng tất cả các yêu cầu này.

Bảo dưỡng tại quãng đường hoặc thời gian được chỉ định – tùy theo điều kiện nào đến trước.	km X 1.000	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
	tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay dầu động cơ		Khi đèn báo sáng hoặc 1 năm									
Thay lọc dầu động cơ		Khi đèn báo sáng hoặc 2 năm									
Thay thế lõi lọc gió		Sau mỗi 30.000 km									
Kiểm tra khe hở xu-páp*1		Sau mỗi 120.000 km									
Thay bugi		Sau mỗi 100.000 km									
Kiểm tra dây đai truyền động			•		•		•		•		•
Thay nước làm mát động cơ		Ở 200.000 km hoặc 10 năm, sau đó sau mỗi 100.000 km hoặc 5 năm									
Bổ sung dung dịch vệ sinh kim phun chính hãng*2		Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									

*1: Phương pháp cảm nhận
Điều chỉnh xu-páp trong khi bảo dưỡng ở 120.000 km nếu phát ra tiếng ồn.
*2: Cần thường xuyên sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun cho các loại xe tại Afghanistan, Bangladesh, Cape Verde, Cộng hòa Dominica, Gambia, Grand Cayman, Guatemala, Guinea, Haiti, Honduras, Iraq, Liberia, Nicaragua, Nigeria, Philippines, Peru, Sierra Leone, Togo, Venezuela

Bảo dưỡng tại quãng đường hoặc thời gian được chỉ định – tùy theo điều kiện nào đến trước.	km X 1.000	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
	tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay dầu hộp số			•		•		•		•		•
Thay lọc gió điều hòa		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Kiểm tra phanh trước và sau		Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Thay dầu phanh		Sau mỗi 3 năm									
Thay lọc nhiên liệu trong bình	Bình thường	Sau mỗi 140.000 km									
	Khắc nghiệt	Sau mỗi 90.000 km*3									
Đảo lốp (Kiểm tra tình trạng và độ căng của lốp ít nhất mỗi tháng một lần)		Sau mỗi 10.000 km									
Kiểm tra trực quan các mục sau:											
Chắn bụi trục truyền động Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái, chắn bụi Thành phần hệ thống treo		Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Các ống phanh và dây phanh (bao gồm ABS/VSA) Hệ thống xả Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•

*3: Nên thay lọc nhiên liệu nếu nghi ngờ nhiên liệu đang sử dụng bị nhiễm bụi bẩn, v.v. để tránh lọc nhiên liệu nhanh bị tắc.

Điều kiện lái khắc nghiệt

Thực hiện theo Lịch bảo dưỡng cho điều kiện lái khắc nghiệt nếu bạn lái xe CHỦ YẾU trong một hoặc nhiều các điều kiện dưới đây:

- Lái dưới 8 km mỗi chuyến đi hoặc ở trong nhiệt độ đóng băng, lái dưới 16 km mỗi chuyến đi.
- Lái xe trong điều kiện thời tiết cực kỳ nóng, trên 35°C.
- Chạy không tải trong thời gian dài hoặc chạy xe ở tình trạng dừng-tiến trong thời gian dài.
- Tải nặng trên nóc xe hoặc hoặc lái xe ở vùng đồi núi.
- Lái trên đường bùn đất, bụi, hoặc băng tan.

CHÚ Ý: Nếu bạn chỉ THỈNH THOẢNG lái xe trong điều kiện “khắc nghiệt”, bạn nên thực hiện theo Lịch bảo dưỡng cho điều kiện thường.

Ghi chép bảo dưỡng

Yêu cầu đại lý bảo dưỡng ghi lại tất cả các dữ liệu bảo dưỡng cần thiết vào bên dưới. Hãy giữ lại tất cả các hóa đơn bảo dưỡng xe.

	Km hoặc Tháng	Ngày	Chữ ký hoặc Đóng dấu
20.000 km (hoặc 12 tháng)			
40.000 km (hoặc 24 tháng)			
60.000 km (hoặc 36 tháng)			
80.000 km (hoặc 48 tháng)			
100.000 km (hoặc 60 tháng)			
120.000 km (hoặc 72 tháng)			
140.000 km (hoặc 84 tháng)			
160.000 km (hoặc 96 tháng)			
180.000 km (hoặc 108 tháng)			
200.000 km (hoặc 120 tháng)			

Các mục bảo dưỡng dưới nắp ca-pô

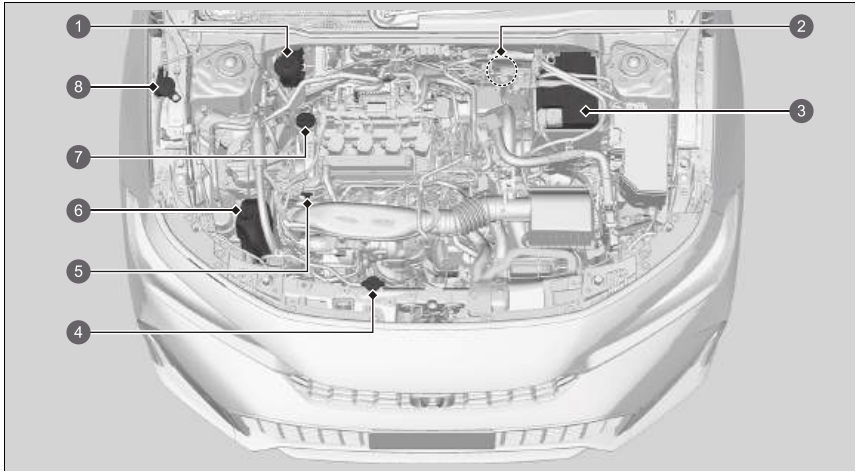

❶ Dầu phanh/(Nắp màu đen) (Loại vô lăng bên phải)
❷ Dầu phanh/(Nắp màu đen) (Loại vô lăng bên trái)
❸ Ắc-quy
❹ Nắp két nước
❺ Que thăm dầu động cơ (màu cam)
❻ Bình chứa nước làm mát động cơ
❼ Nắp đổ dầu động cơ
❽ Nước rửa kính (Nắp màu xanh dương)

Mở nắp ca-pô

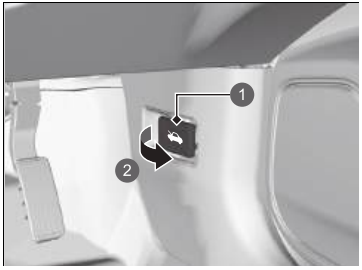

❶ Lẫy nhả nắp ca-pô
❷ Kéo

1. Đỗ xe nơi bằng phẳng và gài phanh đỗ.
2. Kéo lẫy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc ngoài bảng táp-lô phía dưới người lái.
▶ Nắp ca-pô sẽ nẩy nhẹ lên.

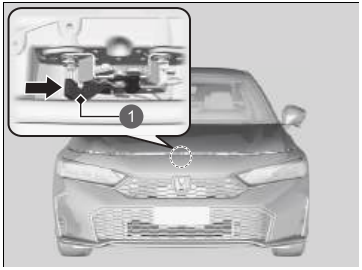

❶ Cần

3. Đẩy cần chốt nắp ca-pô (dưới mép trước của nắp ca-pô ra giữa) sang bên và nâng nắp ca-pô. Khi đã nâng nhẹ nắp ca-pô lên, bạn có thể bỏ tay khỏi cần.

Mở nắp ca-pô

⚠CẢNH BÁO

Thanh đỡ nắp ca-pô có thể rất nóng do nhiệt từ động cơ.

Để tránh bị bỏng, không được chạm vào phần kim loại của thanh:
Hãy dùng tay cầm bọc xốp.

CHÚ Ý

Không mở nắp ca-pô khi các cần gạt nước đang nâng lên. Nắp ca-pô sẽ chạm vào cần gạt nước làm hỏng nắp ca-pô và/hoặc cần gạt nước.

Khi đóng nắp ca-pô, kiểm tra xem nắp ca-pô đã được chốt chặt chưa.

Nếu cần chốt nắp ca-pô khó di chuyển, hoặc nếu có thể mở nắp ca-pô mà không cần nhấc cần lên, hãy làm sạch và bôi trơn cơ chế chốt.

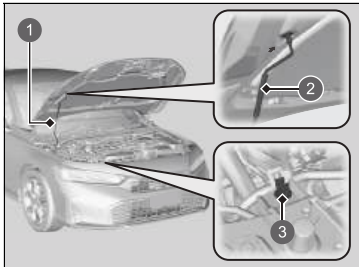

❶ Thanh đỡ
❷ Tay cầm
❸ Kẹp

4. Dùng tay cầm để tháo thanh đỡ ra khỏi kẹp. Lắp thanh đỡ vào nắp ca-pô.

Khi đóng, tháo thanh đỡ và lắp lại vào kẹp, sau đó nhẹ nhàng hạ nắp ca-pô xuống. Khi nắp ca-pô hạ thấp xuống khoảng 30 cm, bỏ tay ra và để nắp ca-pô tự đóng.

Mở nắp ca-pô

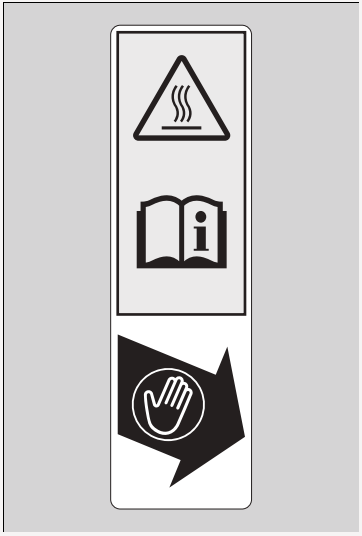

- Cầm phần xốp.
- Thanh đỡ rất nóng.
- Tham khảo hướng dẫn sử dụng.

Dầu động cơ khuyên dùng

Sử dụng dầu động cơ chính hãng hoặc loại dầu động cơ khác trên thị trường với loại và độ nhớt phù hợp (đối với nhiệt độ môi trường) như hình minh họa bên dưới.

Dầu đóng vai trò quan trọng đối với hiệu suất vận hành và tuổi thọ của động cơ. Nếu lái xe với lượng dầu không đủ hoặc xuống cấp, động cơ có thể bị lỗi hoặc hỏng.

Loại xe tại Singapore

Dầu động cơ chính hãng	Dầu động cơ trên thị trường
• Dầu chính hãng Honda Motor	• Dầu đạt API cấp SP hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn • ACEA C2/C3/C5

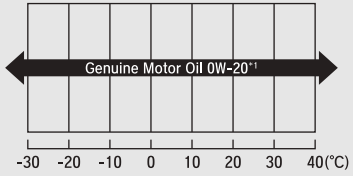

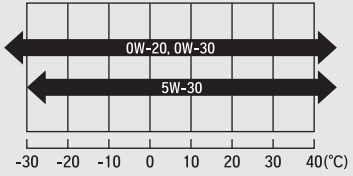

*1: Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

Dầu động cơ khuyên dùng

Chất phụ gia dầu động cơ

Loại xe tại Singapore

Bạn không thể sử dụng Chất phụ gia dầu động cơ.

Ngoại trừ loại xe tại Singapore

Xe của bạn không cần dùng chất phụ gia dầu động cơ. Trên thực tế, chất phụ gia không đảm bảo chất lượng có thể ảnh hưởng đến hiệu suất vận hành và độ bền của động cơ.

Con dấu dưới đây biểu thị dầu đang dùng là loại tiết kiệm năng lượng và đáp ứng các yêu cầu mới nhất của Viện Dầu mỏ Hoa Kỳ.



Ngoại trừ loại xe tại Singapore

Dầu động cơ chính hãng	Dầu động cơ trên thị trường
• Dầu chính hãng Honda Motor 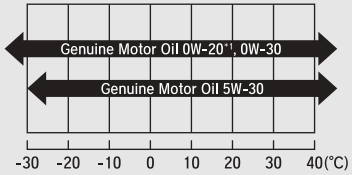 Nhiệt độ môi trường xung quanh	• Dầu đạt API cấp SN hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn • ACEA A5/B5 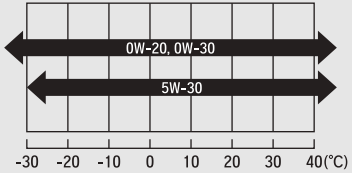 Nhiệt độ môi trường xung quanh

*1: Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

Kiểm tra dầu

Bạn nên kiểm tra mức dầu động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu.
Đỗ xe nơi bằng phẳng.

Trước khi kiểm tra dầu, hãy đợi khoảng ba phút sau khi tắt động cơ.

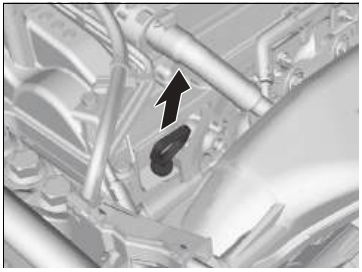

1. Rút que thăm dầu (màu cam) ra.
2. Lau sạch que thăm dầu bằng khăn sạch hoặc khăn giấy.
3. Cắm que thăm dầu hết cỡ vào lỗ.

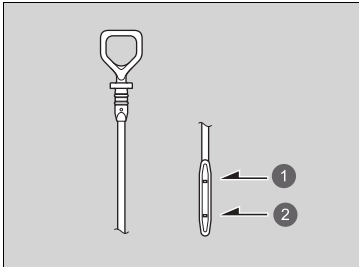

4. Rút que thăm dầu ra lần nữa và kiểm tra mức dầu. Mức dầu phải nằm giữa vạch trên và vạch dưới. Đổ thêm dầu nếu cần.

❶ Vạch trên
❷ Vạch dưới

Kiểm tra dầu

Nếu mức dầu ở gần hoặc ở dưới vạch dưới, đổ dầu vào từ từ, cẩn thận không để tràn ra ngoài.

Bổ sung dầu động cơ

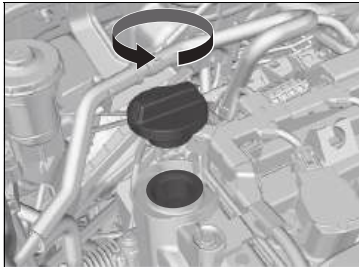

1. Xoay và tháo nắp đổ dầu động cơ.
2. Đổ dầu từ từ vào bình.
3. Lắp lại nắp đổ dầu động cơ và vặn thật chặt.
4. Đợi khoảng ba phút và kiểm tra lại que thăm dầu động cơ.

≫Bổ sung dầu động cơ

CHÚ Ý

Không đổ dầu động cơ quá vạch trên. Dầu động cơ tràn ra có thể gây rò rỉ và hư hỏng động cơ.

Nếu tràn dầu, hãy lau sạch ngay. để tránh làm hỏng các bộ phận ở khoang động cơ.

Nước làm mát động cơ

Nước làm mát quy định: Chất chống đông Honda Antifreeze/ Coolant Type 2 dành cho mọi mùa

Nước làm mát là hỗn hợp của 50% chất chống đông và 50% nước. Không đổ thêm chất chống đông chưa qua pha chế hoặc nước.

Bạn nên kiểm tra mức nước làm mát động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu. Kiểm tra bình chứa trước. Nếu bình chứa cạn, kiểm tra cả mức nước làm mát trong két tản nhiệt. Bổ sung nước làm mát động cơ sao cho phù hợp.

■ Bình chứa

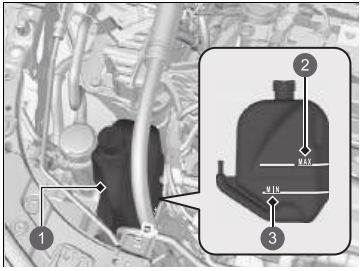

❶ Bình chứa
❷ **MAX (TỐI ĐA)**
❸ **MIN (TỐI THIỂU)**

1. **Đảm bảo động cơ và két tản nhiệt đều nguội.**
2. Kiểm tra lượng nước làm mát trong bình chứa.
   ▶ Nếu mức nước làm mát dưới vạch **MIN** (TỐI THIỂU), hãy đổ thêm nước làm mát được quy định cho đến khi đầy đến vạch **MAX** (TỐI ĐA).

Nước làm mát động cơ

⚠CẢNH BÁO

Tháo nắp két tản nhiệt khi động cơ còn nóng có thể làm nước làm mát bắn ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và két tản nhiệt nguội hẳn trước khi tháo nắp két tản nhiệt.

CHÚ Ý

Nếu nhiệt độ thường xuyên dưới -30°C, thì nên thay đổi hỗn hợp nước làm mát có nồng độ đặc hơn. Liên hệ với đại lý Honda để biết chi tiết về hỗn hợp nước làm mát phù hợp.

Nếu không có chất chống đông/nước làm mát của Honda, bạn có thể sử dụng nước làm mát không chứa silicat của một thương hiệu lớn khác để thay thế tạm thời. Kiểm tra xem đó có phải là nước làm mát chất lượng cao khuyên dùng cho động cơ nhôm không. Sử dụng nước làm mát không chính hãng Honda trong thời gian dài có thể gây ăn mòn, khiến hệ thống làm mát gặp sự cố hoặc bị lỗi. Súc rửa hệ thống làm mát và đổ đầy chất chống đông/ nước làm mát của Honda vào hệ thống càng sớm càng tốt.

Không thêm chất chống gỉ hoặc các chất phụ gia khác vào hệ thống làm mát. Vì các chất này có thể không tương thích với nước làm mát hoặc với các bộ phận của động cơ.

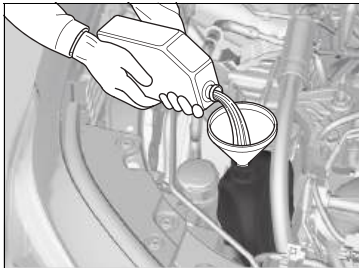

3. Kiểm tra tình trạng rò rỉ hệ thống làm mát.

Còn nữa

■ Két nước

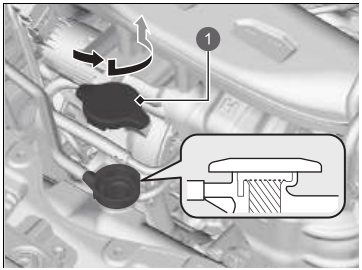

❶ Nắp két nước

1. **Đảm bảo động cơ và két tản nhiệt đều nguội.**
2. Xoay nắp két tản nhiệt 1/8 vòng ngược chiều kim đồng hồ và xả hết áp suất trong hệ thống làm mát.
3. Ấn nắp két tản nhiệt xuống và xoay ngược chiều kim đồng hồ để tháo nắp ra.
4. Mức nước làm mát phải lên đến chân cổ rót. Bổ sung nước làm mát nếu mức nước bị thấp.
5. Đậy nắp két tản nhiệt và vặn chặt.

■ Nắp két nước

Loại xe có nhãn biểu tượng



- Không được mở khi còn nóng.
- Nước làm mát còn nóng sẽ làm bạn bị bỏng.
- Van xả áp bắt đầu mở ở 108 kPa.

Két nước

CHÚ Ý

Từ từ đổ nước làm mát vào và cẩn thận không làm nước làm mát tràn ra. Lau sạch ngay nước làm mát tràn ra để tránh làm hỏng các bộ phận trong khoang động cơ.

Dầu hộp số

■ Dầu hộp số vô cấp (CVT)

Dầu quy định: Honda HCF-2

Mang xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay dầu nếu cần thiết.
Thực hiện theo đúng thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu hộp số vô cấp (CVT).
➲ **Lịch bảo dưỡng** Tr. 638

Không được phép tự kiểm tra hoặc thay dầu hộp số vô cấp (CVT).

»Dầu hộp số

CHÚ Ý

Không pha dầu Honda HCF-2 với các loại dầu hộp số khác.
Sử dụng dầu hộp số không phải loại Honda HCF-2 có thể làm ảnh hưởng đến vận hành và độ bền của hộp số và làm hỏng hộp số.
Bất kỳ hư hỏng nào do không sử dụng loại dầu hộp số tương đương với dầu hộp số Honda HCF-2 sẽ không được hưởng chế độ bảo hành dành cho xe mới của Honda.

Dầu phanh

Dầu quy định: Dầu phanh đạt chuẩn DOT 3 hoặc DOT 4

■ Kiểm tra dầu phanh

Loại xe có vô lăng bên trái

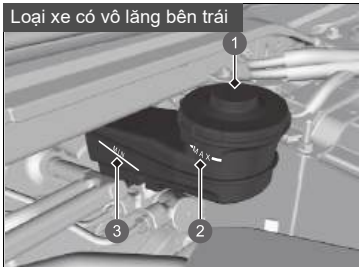

Mức dầu phải ở giữa vạch **MIN** (TỐI THIỂU) và **MAX** (TỐI ĐA) ở sườn bình chứa.

❶ Bình chứa
❷ **MAX (TỐI ĐA)**
❸ **MIN (TỐI THIỂU)**

Loại xe có vô lăng bên phải



❶ Bình chứa
❷ **MAX (TỐI ĐA)**
❸ **MIN (TỐI THIỂU)**

Dầu phanh

CHÚ Ý

Dầu phanh loại DOT 5 không tương thích với hệ thống phanh của xe và có thể gây hư hỏng nghiêm trọng.

Bạn nên sử dụng loại dầu phanh chính hãng.

Nếu mức dầu phanh ở hoặc dưới mức **MIN** (TỐI THIỂU), hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra rò rỉ và mòn các má phanh càng sớm càng tốt.

Bổ sung nước rửa kính

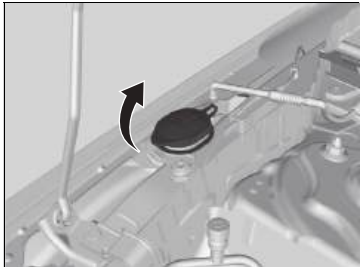

Kiểm tra mức nước rửa kính.

Nếu ở mức thấp, hãy đổ đầy bình chứa nước rửa kính.

Đổ cẩn thận nước rửa kính. Không để tràn ra bình chứa.

Lọc nhiên liệu

Thay lọc nhiên liệu theo khuyến nghị về thời gian và quãng đường trong lịch bảo dưỡng.

Phải để kỹ thuật viên có tay nghề thay lọc nhiên liệu. Nhiên liệu trong hệ thống có thể chảy ra và gây nguy hiểm nếu không nối chính xác các đường ống nhiên liệu.

Bổ sung nước rửa kính

CHÚ Ý

Không đổ chất chống đông động cơ hoặc dung dịch giấm/nước vào bình chứa nước rửa kính chắn gió. Chất chống đông có thể làm hỏng bề mặt sơn của xe. Dung dịch giấm/nước có thể làm hỏng bơm nước rửa kính chắn gió.
Chỉ dùng nước rửa kính chắn gió có sẵn trên thị trường.
Không sử dụng nước cứng trong thời gian dài để tránh tích tụ cặn vôi.

Bóng đèn chiếu sáng

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn chiếu xa:	**60 W (HB3 cho loại bóng đèn halogen)***
	Loại đèn LED*
Đèn chiếu gần:	**55 W (H11 cho loại bóng đèn halogen)***
	Loại đèn LED*

■ Đèn chiếu xa

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen

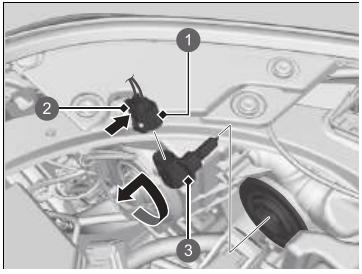

❶ Bộ ghép
❷ Lẫy
❸ Bóng đèn

1. Nhấn vấu để tháo bộ ghép.
2. Xoay bóng đèn cũ ngược chiều kim đồng hồ để tháo ra.
3. Lắp bóng đèn mới vào cụm đèn chiếu sáng và xoay theo chiều kim đồng hồ.
4. Cắm bộ ghép vào đầu nối của bóng đèn.

Bóng đèn chiếu sáng

Hướng của đèn chiếu sáng là do nhà máy cài đặt và không cần điều chỉnh. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên để vật nặng trong cốp, hãy đến đại lý hoặc để kỹ thuật viên có tay nghề điều chỉnh lại hướng đèn.

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen

CHÚ Ý

Bóng đèn halogen khi thắp sáng sẽ rất nóng. Dầu, mồ hôi hoặc vết xước trên bóng đèn có thể làm bóng đèn quá nóng và vỡ.

Khi thay bóng đèn halogen, hãy cầm vào phần đế và tránh để bóng đèn tiếp xúc với da hoặc các vật cứng. Nếu bạn chạm vào bóng đèn, dùng cồn biến tính và vải sạch để lau sạch bóng đèn.

Loại xe có đèn chiếu sáng LED

Đèn chiếu sáng là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Đèn chiếu xa

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen

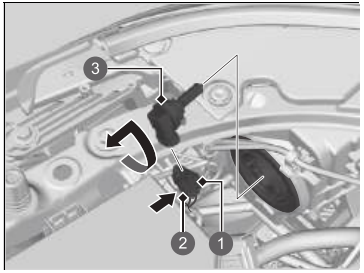

1. Nhấn vấu để tháo bộ ghép.
2. Xoay bóng đèn cũ ngược chiều kim đồng hồ để tháo ra.
3. Lắp bóng đèn mới vào cụm đèn chiếu sáng và xoay theo chiều kim đồng hồ.
4. Cắm bộ ghép vào đầu nối của bóng đèn.

❶ Bộ ghép
❷ Lẫy
❸ Bóng đèn

Bóng đèn xi nhan trước

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn xi nhan trước:	**21 W (Màu hổ phách)*** **Loại đèn LED***

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen

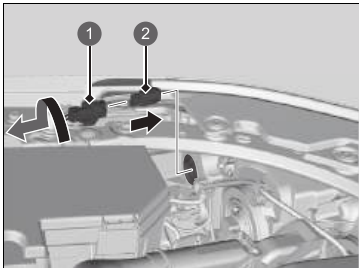

❶ Đuôi đèn
❷ Bóng đèn

1. Xoay đuôi đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
2. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới.

Bóng đèn xi nhan trước

Loại xe có đèn chiếu sáng LED

Đèn xi nhan trước là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn vị trí/Đèn ban ngày

Đèn vị trí/đèn ban ngày là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Đèn xi nhan bên/Đèn báo khẩn cấp

Đèn xi nhan bên gương cửa là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Đèn phanh, Đèn hậu và Đèn xi nhan sau

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn phanh: LED
Đèn hậu: LED
Đèn xi nhan sau: 21 W (Màu hổ phách)

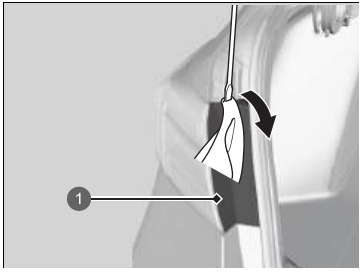

1. Nắp che

1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
▶ Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

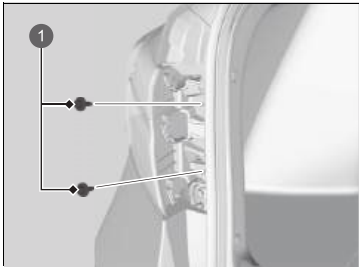

1. Bu-lông

2. Tháo các bu-lông ra.

Đèn phanh, Đèn hậu và Đèn xi nhan sau

Đèn phanh và đèn hậu là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

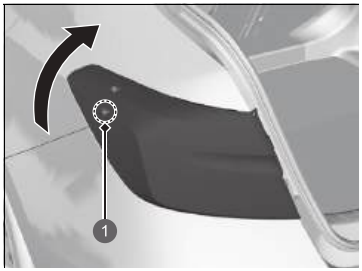

3. Nắm chặt phía dưới đèn hậu và xoay lên trên để tháo chốt khóa dưới.

❶ Chốt khóa dưới

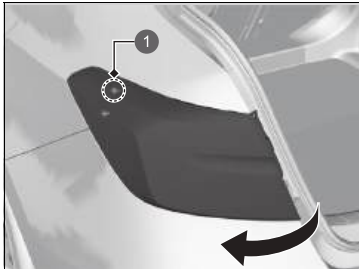

4. Xoay đèn hậu ra ngoài để tháo chốt khóa trên.
5. Kéo cụm đèn ra khỏi trụ sau.

❶ Chốt khóa trên

Còn nữa

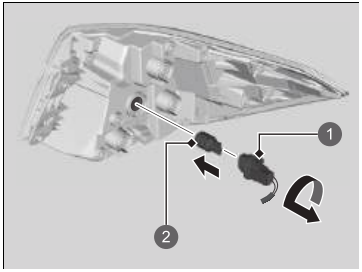

1 Đuôi đèn
2 Bóng đèn

6. Xoay đuôi đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
7. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới.
8. Căn chỉnh các chốt với các lỗ thân xe, sau đó đẩy vào cho đến khi khớp hoàn toàn.

Đèn hậu và Đèn lùi

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn hậu: LED
Đèn lùi: 16W

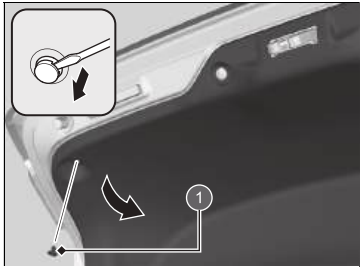

❶ Kẹp giữ

1. Dùng tua-vít đầu dẹt để tháo kẹp giữ, sau đó kéo đệm lại.

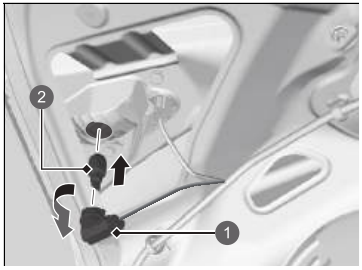

❶ Đuôi đèn
❷ Bóng đèn

2. Xoay đuôi đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
3. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới.

Đèn hậu và Đèn lùi

Đèn hậu là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Khi tháo kẹp, cắm tua-vít đầu dẹt vào, sau đó nhấc và tháo kẹp ra.

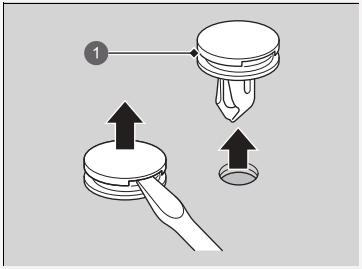

❶ Kẹp

Cắm kẹp vào phần chốt nhô lên và đẩy xuống hết cỡ.

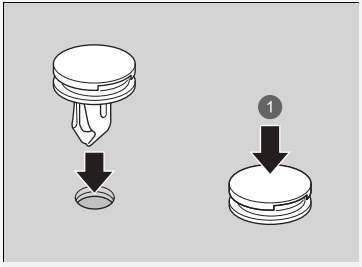

❶ Đẩy xuống hết cỡ.

Đèn phanh cao

Loại xe không có đèn phanh cao LED

Khi thay, sử dụng bóng đèn sau.

Đèn phanh cao: 21W

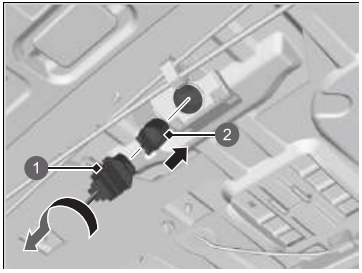

1. Đuôi đèn
2. Bóng đèn

1. Mở cốp.
2. Xoay đuôi đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
3. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới.

Đèn biển số sau

Đèn biển số sau là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Đèn phanh cao

Loại xe có đèn phanh cao LED

Đèn phanh cao là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Bóng đèn khác

■ Đèn gương cá nhân*

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn gương cá nhân: 2 W

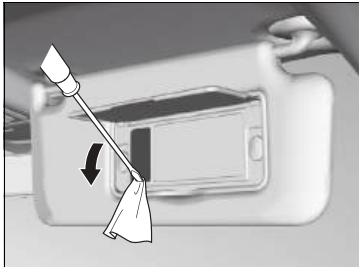

1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
▶ Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

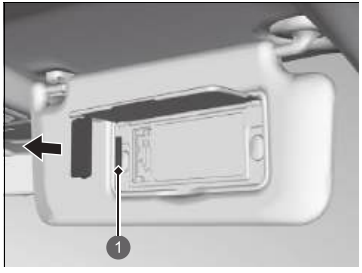

2. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới.

❶ Bóng đèn

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Bóng đèn cốp

Khi thay, sử dụng bóng đèn sau.

Đèn cốp: 5 W

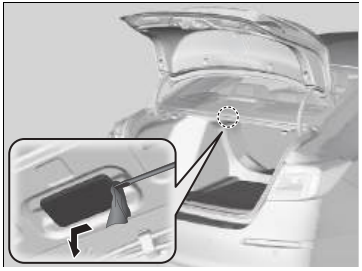

1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
▶ Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

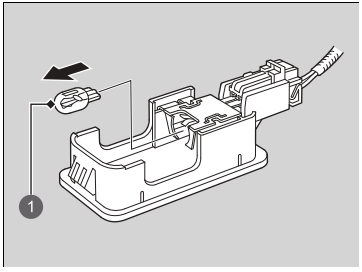

2. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới.

❶ Bóng đèn

Kiểm tra lưỡi gạt nước

Nếu miếng cao su của lưỡi gạt nước xuống cấp sẽ để lại các vệt bẩn, tạo ra tiếng ồn và bề mặt luỡi gạt cứng sẽ làm xước cửa kính.

Nâng cần gạt nước

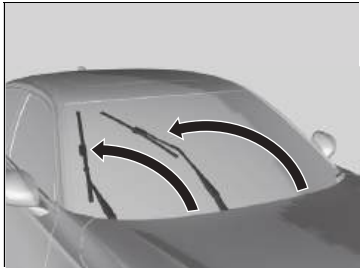

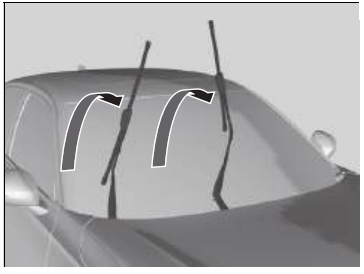

1. Đặt chế độ nguồn ở BẬT, sau đó ở chế độ TẮT MÁY.

2. Trong vòng 10 giây sau khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, giữ công tắc gạt nước ở vị trí **MIST** trong hơn hai giây.

► Cả hai cần gạt nước được đặt ở vị trí bảo dưỡng như hình minh họa.

3. Nâng cả hai cần gạt nước lên.

Nâng cần gạt nước

CHÚ Ý

Khi nâng cần gạt nước, luôn thực hiện theo hướng dẫn để di chuyển cần gạt nước vào vị trí bảo dưỡng.

Cần gạt nước có thể bị hỏng nếu tháo bằng tay.

Thay Lưỡi gạt nước

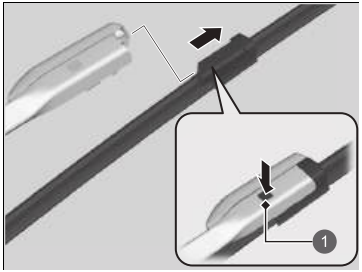

❶ Lẫy

1. Nâng cả hai cần gạt nước lên.
   ➡ **Nâng cần gạt nước** Tr. 667
2. Ấn vấu khóa, sau đó trượt lưỡi gạt nước ra khỏi cần gạt nước.
3. Trượt lưỡi gạt mới vào cần gạt cho tới khi khớp vào đúng vị trí.
4. Hạ thấp cả hai cần gạt nước.
5. Đặt chế độ nguồn ở BẬT, sau đó đặt công tắc cần gạt nước đến vị trí **MIST** một lần.
   ► Cần gạt nước trở lại vị trí chuẩn.

Thay Lưỡi gạt nước

CHÚ Ý

Tránh thả mạnh cần gạt nước lên kính chắn gió để tránh làm hỏng cần gạt nước và/hoặc kính chắn gió.

Kiểm tra lốp

Để vận hành xe an toàn, phải sử dụng lốp cùng chủng loại và kích cỡ, lốp ở tình trạng tốt với gân lốp phù hợp và được bơm đúng áp suất.

■ Hướng dẫn bơm lốp

Lốp xe được bơm đúng áp suất sẽ giúp điều khiển xe dễ dàng, êm ái và nâng cao tuổi thọ gân lốp. Tham khảo nhãn trên thanh dọc cửa người lái để biết áp suất quy định.

Lốp xe bơm thiếu áp suất bị mòn không đều, ảnh hưởng xấu đến khả năng điều khiển và mức tiết kiệm nhiên liệu, dễ bị hỏng hơn do quá nhiệt.

Lốp xe bơm quá áp suất làm cho xe của bạn vận hành dằn xóc, dễ bị ảnh hưởng bởi các nguy hiểm trên đường hơn và bị mòn không đều.

Hàng ngày trước khi lái xe, hãy để ý từng lốp. Nếu một lốp trông có vẻ xẹp hơn các lốp kia, hãy kiểm tra áp suất bằng đồng hồ đo áp suất lốp.

Ít nhất mỗi tháng một lần hoặc trước mỗi chuyến đi xa, hãy đo áp suất ở các lốp xe bao gồm cả lốp dự phòng bằng đồng hồ đo áp suất lốp. Ngay cả lốp ở tình trạng tốt vẫn có thể giảm áp suất từ 10–20 kPa (0,1–0,2 bar, 1–2 psi) mỗi tháng.

■ Hướng dẫn kiểm tra

Mỗi khi kiểm tra độ căng lốp, kiểm tra luôn lốp xe và thân van lốp.
Hãy kiểm tra:

- Chỗ phình hoặc vết lồi ở thành lốp hoặc trên gân lốp. Thay lốp nếu thấy có vết cắt, vết nứt, hoặc vết rạn ở thành lốp. Thay lốp nếu thấy lốp mòn đến lớp bố sợi vải hoặc sợi mành.
- Loại bỏ bất kỳ vật gì bám vào lốp và kiểm tra rò rỉ hơi lốp.
- Nếu độ mòn lốp không đều, Hãy mang xe đến đại lý để cân chỉnh bánh xe.
- Xem lốp mòn quá không.
  ➲ **Vạch báo độ mòn lốp** Tr. 670
- Các vết rạn hoặc các hư hỏng khác xung quanh thân van lốp.

Kiểm tra lốp

⚠CẢNH BÁO

Sử dụng lốp xe quá mòn hoặc có áp suất không phù hợp có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này về bơm lốp và thay lốp.

Đo áp suất lốp khi lốp nguội. Điều này nghĩa là đo áp suất khi đã đỗ xe được ít nhất ba tiếng hoặc đã đi chưa đến 1,6 km. Nếu cần, hãy bơm thêm hoặc xả bớt hơi cho đến khi đạt áp suất quy định.

Nếu kiểm tra lốp khi trời nóng, áp suất lốp có thể cao hơn 30–40 kPa (0,3–0,4 bar, 4–6 psi) so với kiểm tra khi trời lạnh.

Lái xe tốc độ cao

Loại xe sử dụng lốp 215/50R17 91V

Chúng tôi khuyến cáo bạn không nên lái xe nhanh hơn giới hạn tốc độ quy định trên đoạn đường cụ thể và điều kiện cho phép. Nếu bạn lái xe ở tốc độ cao liên tục (trên 160 km/h), hãy điều chỉnh áp suất lốp nguội như minh họa bên dưới để tránh tích tụ nhiệt quá mức và làm lốp bị hỏng đột ngột.

Kích thước lốp	215/50R17 91V
Áp suất	Trước: 240 kPa (2,4 bar, 35 psi) Sau: 230 kPa (2,3 bar, 33 psi)

Vạch báo độ mòn lốp

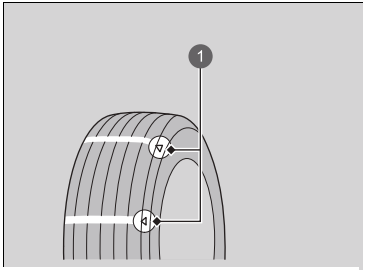

❶ Minh họa vạch báo độ mòn lốp

Rãnh lốp là nơi có vạch báo độ mòn lốp, nông hơn khoảng 1,6 mm so với các vị trí khác trên lốp. Nếu gân lốp bị mòn sẽ làm cho vạch báo độ mòn lộ ra ngoài, hãy thay lốp xe ngay.

Lốp bị mòn sẽ có độ bám đường kém khi đi trên đường ướt.

Kiểm tra lốp

Mỗi khi điều chỉnh áp suất lốp, bạn phải hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp*.

Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp
Tr. 521

Hãy đến đại lý kiểm tra lốp xe nếu bạn cảm thấy rung lắc liên tục khi lái xe. Lốp mới và bất kỳ lốp nào đã được tháo và lắp lại phải được cân chỉnh đúng cách.

Tuổi thọ lốp

Tuổi thọ lốp phụ thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm thói quen lái xe, điều kiện đường sá, tải trọng xe, áp suất bơm lốp, lịch sử bảo dưỡng, tốc độ và điều kiện môi trường (ngay cả khi lốp không được sử dụng).

Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra và duy trì áp suất lốp, bạn nên kiểm tra lốp hàng năm sau 5 năm sử dụng lốp. Tất cả lốp xe, bao gồm cả lốp dự phòng, cần phải được thay sau 10 năm tính từ ngày sản xuất, bất kể điều kiện hoặc độ mòn lốp lúc đó như thế nào.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Thay lốp và bánh xe

Thay lốp xe mới có cùng kích cỡ, giới hạn tải, giới hạn tốc độ và định mức áp suất lốp nguội tối đa (được ghi ở thành lốp). Sử dụng lốp không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo sẽ làm cho một số hệ thống của xe như hệ thống ABS và hỗ trợ ổn định xe (VSA) hoạt động kém hiệu quả.

Tốt nhất là thay cả bốn lốp cùng một lúc. Nếu không thể thay cả bốn lốp cùng một lúc, hãy thay hai lốp trước cùng lúc hoặc hai lốp sau cùng lúc.

Đảm bảo các thông số kỹ thuật bánh xe mới giống với bánh xe ban đầu.

Thay lốp và bánh xe

⚠CẢNH BÁO

Lắp lốp không cùng chủng loại và kích cỡ có thể ảnh hưởng đến việc điều khiển xe và độ ổn định của xe. Điều này có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn sử dụng lốp xe có cùng chủng loại và kích cỡ như trên nhãn thông tin lốp xe dán trên xe.

Đảo lốp

Đảo lốp theo lịch bảo dưỡng giúp phân bổ đều độ mòn và gia tăng tuổi thọ lốp.

■ Mô hình đảo lốp xe

Loại xe có lốp dự phòng cỡ nhỏ

Đảo lốp như hình minh họa dưới đây.

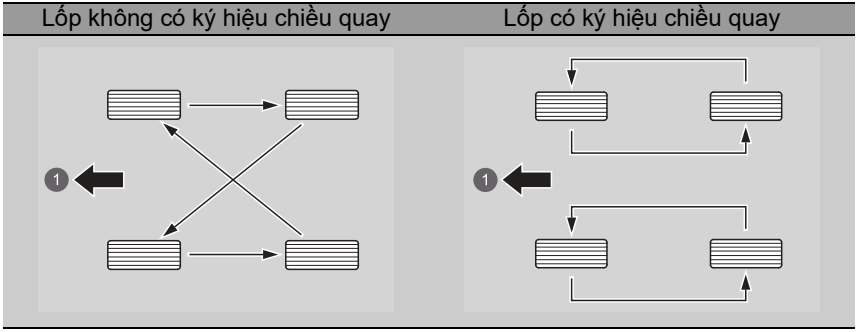

❶ Trước

Đảo lốp

Lốp xe loại gân lốp định hướng chỉ nên được đảo từ trước ra sau (không đảo từ bên này sang bên kia).
Lốp xe định hướng phải được lắp với ký hiệu chiều quay hướng về phía trước như hình minh họa dưới đây.

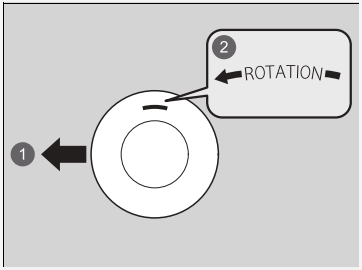

❶ Trước
❷ Ký hiệu chiều quay

Khi đảo lốp, đảm bảo kiểm tra áp suất lốp.

Lực siết đai ốc bánh xe cho lốp được trang bị tiêu chuẩn cho xe của bạn như sau.
Lực siết đai ốc bánh xe:
108 N·m (11 kgf·m, 80 lbf·ft)

Mỗi khi đảo lốp, bạn phải hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp*.

➡ **Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp**
Tr. 521

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe có lốp dự phòng kích cỡ tiêu chuẩn

Đảo lốp, bao gồm cả lốp dự phòng, như hình minh họa dưới đây.

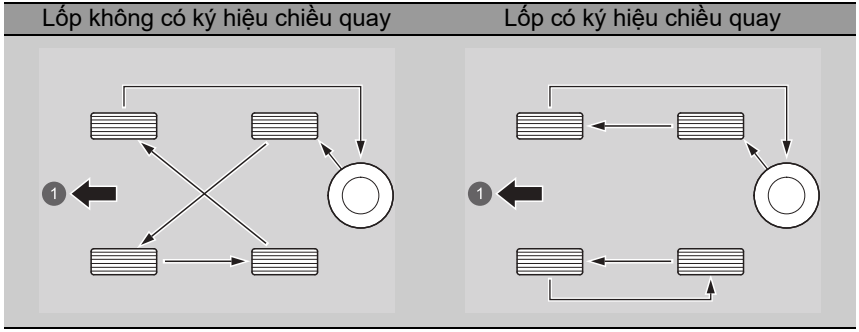

❶ Trước

Thiết bị bám đường tuyết

Nếu lái xe trên đường tuyết hoặc đóng băng, cần lắp lốp mùa đông hoặc xích bọc lốp; giảm tốc độ; và duy trì khoảng cách phù hợp với xe khác khi lái.

Đặc biệt chú ý khi vận hành vô lăng hoặc phanh để không bị trượt.

Sử dụng xích bọc lốp, lốp mùa đông, hoặc lốp dùng cho cả bốn mùa khi cần thiết hoặc theo quy định của pháp luật.

Khi lắp, chú ý các điểm sau.

Đối với lốp mùa đông:
- Chọn các lốp có kích cỡ và giới hạn tải giống như các lốp ban đầu.
- Lắp lốp cho tất cả bốn bánh.

Đối với xích bọc lốp:
- Liên hệ với đại lý trước khi mua bất kỳ loại xích nào cho xe của bạn.
- Chỉ lắp xích bọc lốp cho lốp trước.
- Vì xe của bạn có giới hạn bề mặt lốp, bạn nên sử dụng các loại xích sau:

Loại xe Mỹ và Singapore

Kích thước lốp ban đầu*1	Loại xích
215/55R16 93H	**RUD-matic classic 48489**
215/50R17 91V	**RUD-matic classic 48489**

*1: Kích thước lốp ban đầu có trên nhãn thông tin lốp xe trên thanh dọc cửa người lái.
- Làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất xích khi lắp. Lắp càng chặt càng tốt.
- Đảm bảo xích không chạm vào dây phanh hoặc hệ thống treo.
- Lái chậm.

Thiết bị bám đường tuyết

⚠CẢNH BÁO

Sử dụng sai xích bọc lốp, hoặc lắp xích không đúng cách có thể làm hỏng các dây phanh, dẫn đến va chạm gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này về việc lựa chọn và sử dụng xích bọc lốp.

CHÚ Ý

Sử dụng thiết bị bám đường sai kích cỡ hoặc lắp không đúng cách có thể làm hỏng dây phanh, hệ thống treo, thân xe và bánh xe. Dừng xe nếu các thiết bị này chạm vào bất cứ bộ phận nào của xe.

Khi lắp xích bọc lốp, làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất xích liên quan đến giới hạn hoạt động của xe.

Chỉ dùng xích bọc lốp trong trường hợp khẩn cấp hoặc ở khu vực nhất định theo quy định của pháp luật.

Bạn cần chú ý hơn khi lái xe có xích bọc lốp trên đường tuyết hoặc băng. Xích bọc lốp làm hạn chế thao tác xử lý tình huống so với lốp mùa đông không có xích bọc lốp.

Nếu xe của bạn được trang bị lốp dùng cho mùa hè, thì cần lưu ý loại lốp này không được thiết kế cho điều kiện lái xe mùa đông. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với đại lý.

Kiểm tra ắc-quy

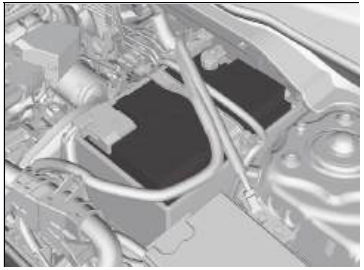

Tình trạng ắc-quy được giám sát bằng cảm biến trên cực âm của ắc-quy. Nếu cảm biến này có sự cố, màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ hiển thị thông báo cảnh báo. Nếu điều này xảy ra, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Kiểm tra ăn mòn các cực ắc-quy hàng tháng.

Nếu ắc-quy bị ngắt kết nối hoặc hết điện:

- Hệ thống âm thanh không hoạt động*.

Kích hoạt lại hệ thống âm thanh Tr. 259

Loại xe không có hệ thống âm thanh

- Đồng hồ được thiết lập lại.

Đồng hồ Tr. 174

Ắc-quy

⚠CẢNH BÁO

Ắc-quy xả ra khí hydro dễ nổ trong khi hoạt động bình thường.

Tia lửa hoặc ngọn lửa có thể làm nổ ắc-quy gây tử vong hoặc chấn thương nặng.

Không để ắc-quy gần tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ, hoặc nhờ kỹ thuật viên có kinh nghiệm bảo dưỡng ắc-quy.

⚠CẢNH BÁO

Ắc-quy chứa axit sunphuric (chất điện phân) có độ ăn mòn cao và rất độc hại.

Để chất điện phân dính vào da hoặc mắt có thể gây bỏng nặng. Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ khi làm việc hoặc đứng gần ắc-quy.

Nuốt chất điện phân có thể gây tử vong nếu không được xử lý kịp thời.

ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

Ắc-quy

Phương pháp sơ cứu khẩn cấp
Mắt: Rửa sạch bằng nước lấy từ cốc hoặc thùng chứa khác trong khoảng ít nhất 15 phút. (Nước áp suất cao có thể làm hỏng mắt). Gọi ngay cho bác sĩ.
Da: Thay quần áo bị dính axit. Rửa sạch da bằng nhiều nước. Gọi ngay cho bác sĩ.
Nuốt phải: Uống nước hoặc sữa. Gọi ngay cho bác sĩ.

Khi bạn thấy dấu hiệu ăn mòn, lau sạch các cực ắc-quy bằng dung dịch bột nở và nước. Lau sạch các cực bằng khăn ẩm. Dùng vải/khăn mềm lau khô ắc-quy. Phủ mỡ bôi trơn lên các cực để giúp ắc-quy không bị ăn mòn nữa.

Khi thay ắc-quy, phải thay loại có cùng thông số kỹ thuật.
Tham khảo ý kiến đại lý để biết thêm thông tin.

Nạp ắc-quy

Tháo cả hai cáp ắc-quy để tránh làm hỏng hệ thống điện của xe. Luôn tháo cáp (−) âm trước và nối lại cáp này sau cùng.

Loại xe có Màn hình giải trí

Nếu tháo cáp ắc quy trong khi đang cập nhật hệ thống, hệ thống điện có thể bị hỏng vĩnh viễn. Chỉ tháo cáp ắc quy khi không thực hiện cập nhật hệ thống.

Ắc-quy

Các đèn báo hệ thống Hỗ trợ ổn định xe (VSA), Hỗ trợ ổn định xe (VSA) **TẮT***, Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp, Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ắc-quy. Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe có Màn hình giải trí

Ắc-quy lắp trên xe này được thiết kế đặc biệt cho loại xe có chức năng Cập nhật hệ thống.
Không sử dụng đúng loại ắc-quy quy định sẽ làm giảm tuổi thọ của ắc-quy và làm chức năng Cập nhật hệ thống không hoạt động. Nếu bạn cần thay ắc-quy, đảm bảo chọn đúng loại và kích thước quy định. Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

Thông số kỹ thuật Tr. 738

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa

■ Chìa khóa điều khiển từ xa

Khi ấn nút mà không thấy đèn báo bật sáng, phải thay pin.

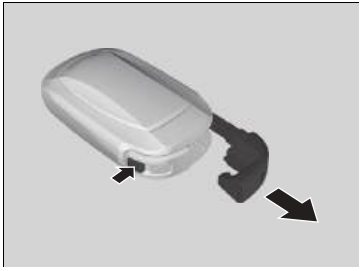

Loại pin: CR2032

1. Tháo chìa khóa tích hợp.



2. Đặt mặt có các nút hướng xuống dưới, tháo nửa trên của vỏ chìa khóa bằng cách cạy cẩn thận khe phía trên bằng tay cầm chìa khóa.

▶ Bọc tay cầm chìa khóa bằng một miếng vải để tránh làm xước chìa khóa điều khiển từ xa.

Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa

⚠⚠CẢNH BÁO

NGUY HIỂM BỎNG HÓA CHẤT

Pin cấp nguồn cho bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa có thể gây bỏng nội tạng nghiêm trọng và thậm chí có thể dẫn đến tử vong nếu nuốt phải.

Để pin mới và pin đã sử dụng tránh xa trẻ em. Nếu trẻ nuốt phải, cần đưa trẻ đến ngay sở y tế để được can thiệp kịp thời.

THẬN TRỌNG: Thay pin không đúng cách có thể gây cháy nổ. Chỉ thay pin cùng loại hoặc tương đương.

THẬN TRỌNG: Không để pin ở nhiệt độ quá cao như dưới ánh nắng mặt trời, lửa hoặc những thứ tương tự để tránh gây nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy trong quá trình sử dụng, bảo quản hoặc vận chuyển.

THẬN TRỌNG: Không vứt pin vào lửa hoặc lò nướng nóng, hoặc nghiền nát hay cắt pin bằng biện pháp cơ học, vì có thể dẫn đến nổ.

THẬN TRỌNG: Không để pin ở nơi có áp suất không khí cực thấp tại độ cao lớn, vì có thể dẫn đến nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy.

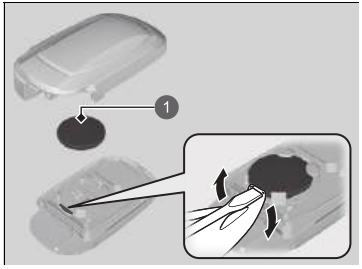

❶ Pin

3. Dùng tua-vít đầu dẹt cạy vào mép pin để tháo pin. Đảm bảo lắp đúng đầu cực khi thay pin.
▶ Bọc đầu tua-vít bằng một miếng vải để tránh làm xước chìa khóa điều khiển từ xa.

Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa

Dấu cảnh báo ở gần pin cúc áo*.

CHÚ Ý

Thải bỏ pin không đúng cách sẽ gây hại cho môi trường. Luôn tìm hiểu quy định của địa phương trước khi thải bỏ pin.

Thay pin có bán trên thị trường hoặc pin ở đại lý.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Khóa thẻ từ*

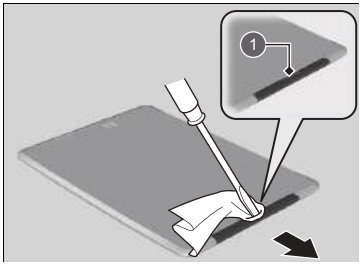

❶ Rãnh

Loại pin: CR2412

1. Đặt mặt khóa thẻ từ có logo **H** hướng xuống dưới.
2. Đẩy để trượt rãnh của ngăn chứa pin bằng tua-vít đầu dẹt và tháo ngăn chứa pin.
   ► Bọc đầu tua-vít bằng một miếng vải để tránh làm xước ngăn chứa pin.

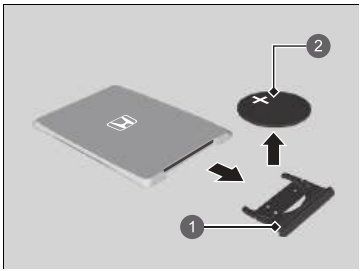

❶ Ngăn chứa pin
❷ Pin

3. Tháo pin. Đảm bảo lắp đúng đầu cực khi thay pin.
4. Để lắp lại, đẩy ngăn chứa pin vào trong khóa thẻ từ cho đến khi nghe thấy tiếng tách.
   ► Đảm bảo đã lắp ngăn chứa pin đúng phía.

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Lọc gió điều hoà

■ Thời điểm nên thay lọc gió điều hoà

Thay lọc gió điều hoà theo lịch bảo dưỡng được khuyến nghị cho xe của bạn. Nếu lái xe trong môi trường nhiều bụi bẩn, nên thay lọc gió điều hoà sớm hơn lịch bảo dưỡng.

➡ **Lịch bảo dưỡng** Tr. 638

■ Cách thay lọc gió điều hoà

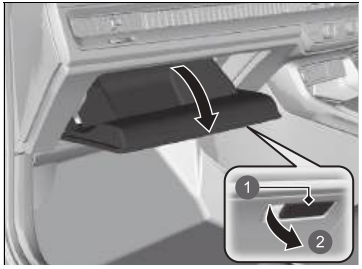

❶ Tay nắm
❷ Kéo

1. Mở hộp đựng đồ.

» Lọc gió điều hoà

Nếu luồng khí từ hệ thống điều hòa không khí bị giảm đáng kể, và cửa kính nhanh bị đọng sương, đó là lúc cần phải thay lọc gió điều hoà mới.

Lọc gió điều hòa có tác dụng hút bụi, phấn hoa và các mảnh vụn nhỏ khác trong không khí.

Nếu bạn không biết thay lọc gió điều hoà, hãy mang xe đến đại lý để thay.

Còn nữa

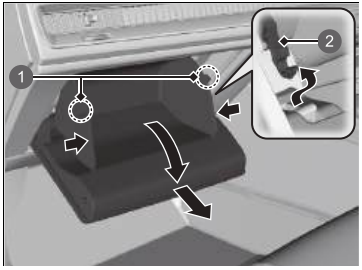

❶ Lẫy
❷ Cần giữ

2. Đẩy cần giữ của hộp đựng đồ phía người lái để tháo ra khỏi hộp đựng đồ.
3. Ấn hai bên tấm ốp để tháo hai lẫy.
4. Tháo hộc đựng đồ.

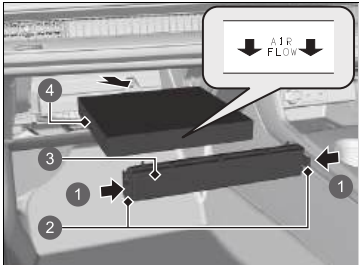

❶ Ấn
❷ Lẫy
❸ Nắp
❹ Lọc gió điều hoà

5. Ấn vào các vấu ở hai phía của vỏ lọc gió điều hoà, rồi tháo ra.
6. Tháo lọc gió ra khỏi hộp.
7. Lắp lọc gió mới vào hộp.
► Đặt mũi tên **AIR FLOW** (LUỒNG GIÓ) hướng xuống dưới.

Vệ sinh nội thất

Dùng máy hút bụi để hút bụi trước khi dùng khăn lau.
Dùng khăn ẩm thấm hỗn hợp chất tẩy rửa nhẹ và nước ấm để lau sạch bụi bẩn.
Dùng khăn sạch lau bụi bẩn còn sót lại.

Vệ sinh dây đai an toàn

Dùng bàn chải mềm với hỗn hợp xà phòng trung tính và nước ấm để vệ sinh dây đai an toàn. Để dây đai an toàn tự khô. Dùng khăn sạch lau sạch các khe neo dây đai an toàn.



1 Khe neo dây đai

Vệ sinh cửa kính

Dùng nước rửa kính để lau sạch.

Vệ sinh nội thất

Không làm đổ chất lỏng bên trong xe. Các thiết bị và hệ thống điện sẽ bị trục trặc nếu bị chất lỏng dính vào.

Không xịt chất gốc silicon lên các thiết bị điện như thiết bị âm thanh và công tắc. Làm như vậy có thể khiến các thiết bị hỏng hoặc gây cháy bên trong xe. Nếu không may xịt chất gốc silicon lên các thiết bị điện, hãy liên hệ với đại lý để xử lý.

Tùy thuộc vào thành phần, các hóa chất và chất thơm dạng lỏng có thể làm các chi tiết nhựa và bọc vải bên trong xe bị bạc màu, nhăn nheo hoặc nứt. Không dùng dung môi kiềm hoặc dung môi hữu cơ như benzen hoặc xăng.

Sau khi sử dụng hóa chất, dùng giẻ khô lau lại thật kỹ.
Không để giẻ đã qua sử dụng lên trên các chi tiết nhựa hoặc bọc vải trong thời gian dài mà không giặt sạch.

Chú ý không làm đổ nước khử mùi dạng lỏng ra xe.

Vệ sinh cửa kính

Dây điện được lắp bên trong cửa kính sau. Dùng giẻ mềm để lau cửa kính theo chiều của dây điện để không làm hỏng dây.

Cẩn thận không làm tràn các chất lỏng như nước hoặc nước rửa kính lên trên hoặc xung quanh nắp của các bộ phận điện xung quanh gương chiếu hậu.

Còn nữa

■ Thảm lót sàn

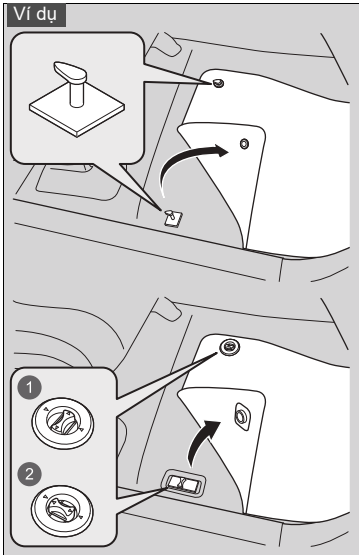

❶ Mở khóa
❷ Khóa

Thảm lót sàn phía người lái được móc vào móc neo trên sàn xe để giữ thảm không bị trượt về phía trước.

Không đặt thêm thảm lót sàn lên trên thảm đã được móc cố định.

Thảm lót sàn

Nếu bạn không sử dụng thảm lót sàn kèm theo xe, đảm bảo phải sử dụng loại thảm dành riêng cho loại xe của bạn, vừa vặn với xe và được móc chắc chắn vào móc neo sàn xe.
Cố định thảm lót sàn ghế sau đúng vị trí. Nếu không được cố định đúng vị trí, thảm lót sàn có thể ảnh hưởng đến chức năng của ghế trước.

■ Vệ sinh đồ da chính hiệu*

Để vệ sinh đồ da đúng cách:

1. Trước tiên, dùng máy hút bụi hoặc khăn khô mềm để lau sạch bụi hoặc vết bẩn.
2. Làm sạch đồ da bằng vải mềm thấm dung dịch có tỷ lệ 90% nước và 10% xà phòng trung tính.
3. Dùng khăn ẩm sạch lau sạch hết xà phòng còn sót lại.
4. Lau sạch nước còn sót lại và để đồ da khô tự nhiên trong bóng râm.

»Vệ sinh đồ da chính hiệu*

Cần phải làm sạch hoặc lau vết bẩn hoặc bụi càng nhanh càng tốt. Các chất lỏng tràn ra ngấm vào lớp da có thể gây ố. Vết bẩn hoặc bụi có thể làm trầy xước da. Ngoài ra, lưu ý rằng một số quần áo tối màu có thể chà xát vào ghế da, làm phai màu hoặc tạo vết ố bẩn.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Vệ sinh ngoại thất

Lau sạch bụi trên thân xe sau khi lái xe. Thường xuyên kiểm tra xem có vết xước trên bề mặt sơn không. Một vết xước trên bề mặt sơn có thể làm thân xe bị gỉ. Nếu thấy có vết xước, xử lý ngay lập tức.

■ Rửa xe

Rửa xe thường xuyên. Rửa xe thường xuyên hơn nữa trong các điều kiện sau:

- Nếu lái trên đường có rải muối.
- Nếu lái trên đường bờ biển.
- Nếu nhựa đường, muội than, phân chim, côn trùng hoặc nhựa cây dính vào bề mặt sơn.

■ Sử dụng máy rửa xe tự động

- Đảm bảo làm theo hướng dẫn trên máy rửa xe tự động.
- Cụp các gương cửa.
- Đối với loại xe được trang bị cần gạt nước gián đoạn tự động, hãy tắt cần gạt nước.

■ Sử dụng máy rửa xe áp suất cao

- Giữ khoảng cách phù hợp giữa vòi phun và thân xe.
- Chú ý đến vùng quanh các cửa kính. Đứng quá gần có thể làm nước bắn vào bên trong xe.
- Không phun nước áp suất cao trực tiếp vào khoang động cơ. Thay vào đó, sử dụng nước áp suất thấp và chất tẩy trung tính.
- Không phun nước trực tiếp lên camera* hoặc khu vực xung quanh camera. Nước có thể lọt vào thấu kính và khiến camera gặp sự cố.

Rửa xe

Không được phun nước vào các lỗ thông hơi. để tránh xảy ra sự cố.

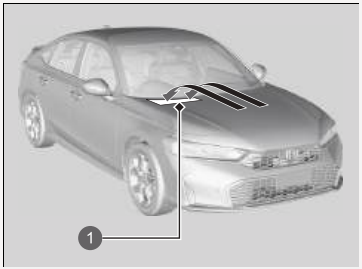

❶ Lỗ thông hơi

Khóa cửa khi rửa xe.
Không phun nước vào cửa nạp nhiên liệu. Vì vòi phun áp suất cao có thể làm cửa này mở.

Nếu bạn cần nhấc cần gạt nước ra khỏi kính chắn gió, trước tiên hãy đặt cần gạt nước về vị trí bảo dưỡng.

➡ **Nâng cần gạt nước** Tr. 667

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Phủ sáp

Một lớp sáp tốt phủ ngoài thân xe sẽ giúp bảo vệ lớp sơn khỏi những yếu tố bên ngoài. Sáp sẽ bị mòn theo thời gian và làm lộ ra lớp sơn xe, vì vậy hãy phủ lại sáp khi cần thiết.

■ Vệ sinh cản xe và các bộ phận phủ nhựa khác

Nếu làm đổ xăng, dầu, nước làm mát động cơ hoặc dung dịch ắc-quy lên các bộ phận phủ nhựa có thể làm các bộ phận này mất màu hoặc bong tróc. Luôn dùng vải mềm và nước sạch để làm sạch những bộ phận này.

■ Vệ sinh cửa kính

Dùng nước rửa kính để lau sạch.

■ Vệ sinh bánh xe vành nhôm

Nhôm dễ bị xuống cấp do muối và các chất bẩn khác trên đường. Khi cần, hãy dùng miếng bọt biển và chất tẩy rửa nhẹ để lau sạch các chất bẩn này càng sớm càng tốt. Không dùng bàn chải cứng hoặc các chất tẩy rửa mạnh (bao gồm một số loại dung dịch vệ sinh bánh xe trên thị trường). Những chất này có thể làm hỏng lớp hoàn thiện bảo vệ trên vành nhôm, dẫn đến tình trạng ăn mòn. Tùy vào loại lớp hoàn thiện mà vành bánh xe có thể mất đi độ bóng hoặc bị mài mòn. Để tránh bị gỉ do nước, dùng khăn lau thật khô vành bánh xe khi còn ướt.

Phủ sáp

CHÚ Ý

Dung môi hóa học và dung dịch vệ sinh hoạt tính mạnh có thể làm hỏng lớp sơn, kim loại và nhựa trên xe. Lau sạch ngay nếu có.

Vệ sinh cản xe và các bộ phận phủ nhựa khác

Liên hệ với đại lý về vật liệu thay thế phù hợp khi cần sửa chữa bề mặt sơn của các bộ phận phủ nhựa.

Còn nữa

■ Thấu kính đèn bên ngoài bị mờ

Các chóa bên trong của đèn ngoài xe (đèn chiếu sáng, đèn phanh, v.v.) có thể tạm thời bị mờ nếu bạn lái xe dưới trời mưa, hoặc sau khi rửa xe. Có thể xảy ra tình trạng đọng sương trong chóa đèn khi có sự chênh lệch lớn giữa nhiệt độ ngoài trời và nhiệt độ bên trong chóa đèn (tương tự như cửa kính bị mờ khi trời mưa). Đây là hiện tượng bình thường, không phải là vấn đề về thiết kế cấu tạo của đèn ngoài xe.
Đặc tính thiết kế của chóa đèn có thể làm tăng độ ẩm trên bề mặt khung của chóa đèn. Đây cũng không phải là sự cố.
Tuy nhiên, nếu bạn thấy có lượng nước tích tụ lớn, hoặc nhiều giọt nước lớn hình thành bên trong chóa đèn, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Phụ kiện

Khi lắp phụ kiện, chú ý các mục sau:

- Không lắp phụ kiện lên kính chắn gió. Chúng có thể cản trở tầm nhìn của bạn và có thể khiến bạn không kịp phản ứng với các điều kiện lái.

Loại xe có túi khí bên

- Không lắp bất kỳ phụ kiện nào ngoại trừ Phụ kiện chính hãng Honda dành riêng cho xe của bạn lên các khu vực được đánh dấu **SRS AIRBAG** (TÚI KHÍ SRS), lên cạnh hoặc lưng ghế trước, lên cạnh của ghế sau (đối với loại xe có túi khí bên phía sau), lên các trụ trước hoặc trụ bên (đối với loại xe có túi khí rèm), hoặc gần các cửa kính bên.
  Lắp các phụ kiện không phải là Phụ kiện chính hãng Honda dành riêng cho xe của bạn lên những chỗ này có thể khiến các túi khí của xe hoạt động không hiệu quả hoặc có thể văng vào bạn hoặc hành khách trong xe nếu túi khí bung.

Tất cả các loại xe

- Đảm bảo các phụ kiện điện tử không làm quá tải mạch điện hoặc không làm cản trở hoạt động bình thường của xe.
  ➡ **Cầu chì** Tr. 721
- Trước khi lắp bất cứ phụ kiện điện từ nào, người lắp đặt phải liên lạc với đại lý để hỗ trợ. Nếu có thể, yêu cầu đại lý kiểm tra khâu lắp đặt cuối.

⚠CẢNH BÁO

Điều chỉnh hoặc lắp thêm phụ kiện không phù hợp có thể làm ảnh hưởng đến khả năng xử lý, độ ổn định và hiệu suất của xe, gây va chạm khiến bạn bị chấn thương nặng hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này về phụ kiện và điều chỉnh.

Khi được lắp đúng cách, điện thoại di động, chuông báo, máy bộ đàm, ăng-ten vô tuyến và hệ thống âm thanh công suất thấp sẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các hệ thống được điều khiển bởi máy tính trên xe, như túi khí và hệ thống chống bó cứng phanh.

Nên dùng Phụ kiện chính hãng Honda để đảm bảo cho xe hoạt động tốt.

Một số Phụ kiện chính hãng Honda có sách hướng dẫn sử dụng kèm theo về cách vận hành và bảo dưỡng chi tiết của phụ kiện đó. Nếu có sách hướng dẫn sử dụng phụ kiện kèm theo, hãy tham khảo sách hướng dẫn sử dụng đó để biết đầy đủ thông tin chi tiết.

Nếu bất kỳ Phụ kiện chính hãng Honda nào không hoạt động được, hãy tham khảo sách hướng dẫn sử dụng phụ kiện kèm theo (nếu có) hoặc hỏi ý kiến đại lý để được hỗ trợ xử lý sự cố.

Điều chỉnh

Điều chỉnh xe không phù hợp sẽ ảnh hưởng đến khả năng xử lý, độ ổn định và chắc chắn của xe, hoặc lắp phụ tùng hoặc phụ kiện không chính hãng Honda cũng có thể gây ảnh hưởng tương tự.

Ngay cả những điều chỉnh nhỏ trong hệ thống xe cũng có thể ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động tổng thể của xe.
Luôn đảm bảo lắp đặt và bảo dưỡng đúng cách tất cả các thiết bị trên xe, không điều chỉnh xe hoặc các hệ thống của xe khi việc điều chỉnh đó vi phạm các quy định ở địa phương và quốc gia của bạn.

Cổng chẩn đoán trên xe (đầu nối OBD-II/SAE J1962) được lắp trên xe để sử dụng với các thiết bị chẩn đoán hệ thống ô tô hoặc với các thiết bị khác được Honda phê duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại thiết bị nào khác có thể ảnh hưởng hoặc làm hỏng các hệ thống điện tử của xe, làm hệ thống gặp sự cố như hết điện ắc quy, hoặc các sự cố không mong muốn khác.

Không điều chỉnh hoặc cố gắng sửa bất kỳ thiết bị điện tử nào.

Xử lý sự cố bất ngờ

Chương này đề cập đến các cách xử lý các tình huống bất ngờ.

Dụng cụ
Loại dụng cụ 692
Nếu lốp xe bị xẹp
Thay lốp xẹp 693
Động cơ không khởi động
Kiểm tra động cơ 702
Nếu pin Chìa khóa điều khiển từ xa/Khóa thẻ từ* Yếu 704
Khởi động động cơ khẩn cấp 706
Dừng động cơ khẩn cấp 707
Nếu ắc-quy hết điện
Quy trình kích nổ 708
Không gạt được cần số 711
Quá nhiệt
Cách xử lý quá nhiệt 713
Đèn báo sáng/nhấp nháy
Nếu cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp xuất hiện 715
Nếu đèn báo hệ thống nạp điện sáng 716
Nếu đèn báo sự cố sáng hoặc nhấp nháy 716
Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy 717
Nếu Đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời Đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng 718
Nếu đèn báo hệ thống trợ lực lái điện (EPS) sáng 719
Nếu Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp* sáng hoặc nhấp nháy 720
Cầu chì
Vị trí cầu chì 721
Kiểm tra và thay cầu chì 730
Kéo xe khẩn cấp 733
Nếu bạn không thể mở cửa nạp nhiên liệu 734
Nếu bạn không thể mở được cốp 735

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại dụng cụ

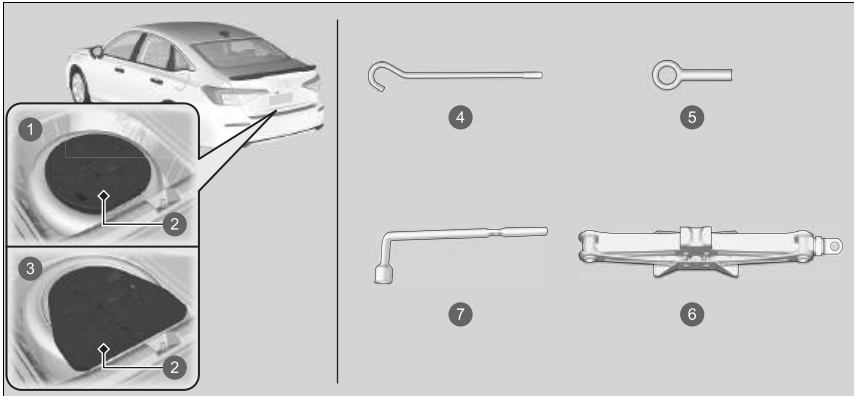

❶ Loại xe có lốp dự phòng cỡ nhỏ
❷ Hộp dụng cụ
❸ Loại xe có lốp dự phòng cùng kích cỡ tiêu chuẩn
❹ Thanh nối tay kích
❺ Móc kéo có thể tháo rời
❻ Kích nâng
❼ Cờ-lê vặn đai ốc bánh xe/Tay kích

Loại dụng cụ

Dụng cụ được cất trong cốp.

Thay lốp xẹp

Nếu lốp xe bị xẹp trong khi lái xe, hãy giữ chắc vô lăng và nhấn phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó, dừng xe ở nơi an toàn. Thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng cỡ nhỏ. Mang xe đến đại lý càng sớm càng tốt để sửa chữa hoặc thay lốp thông thường.

1. Đỗ xe trên bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không trơn trượt và kéo phanh đỗ.
2. Đưa hộp số vào số P.
3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và đặt chế độ nguồn ở vị trí TẮT MÁY.

Thay lốp xẹp

Loại xe có lốp dự phòng cỡ nhỏ

Tuân theo các lưu ý sau đối với lốp dự phòng cỡ nhỏ:
Kiểm tra định kỳ áp suất của lốp dự phòng cỡ nhỏ. Áp suất lốp phải đạt mức quy định.
➔ **Thông số kỹ thuật** Tr. 738

Khi lái xe với lốp dự phòng cỡ nhỏ, cần duy trì tốc độ lái dưới 80 km/h. Thay lốp thường càng sớm càng tốt.

Lốp dự phòng cỡ nhỏ và bánh xe trên xe bạn được thiết kế dành riêng cho loại xe này. Không sử dụng cho xe khác. Không sử dụng loại lốp dự phòng hoặc lốp xe cỡ nhỏ khác cho xe của bạn.

Không lắp xích bọc lốp vào lốp dự phòng cỡ nhỏ. Nếu lốp trước có gắn xích bị xẹp, hãy tháo một trong các lốp trên một số bề mặt đường và lấy lốp dự phòng cỡ nhỏ thay cho chiếc lốp sau vừa tháo. Tháo lốp trước bị xẹp và thay bằng lốp thường đã tháo ra từ phía sau. Sau đó, gắn xích bọc lốp vào lốp trước.

Dùng lốp dự phòng cỡ nhỏ sẽ làm xe xóc hơn và làm giảm độ bám đường trên một số bề mặt đường. Bạn cần lái xe thận trọng hơn.

Không lắp nhiều lốp dự phòng cỡ nhỏ cùng một lúc.

Còn nữa

■ Chuẩn bị trước khi thay lốp xẹp



❶ Dây đai

1. Kéo dây đai trên nắp sàn để mở nắp.

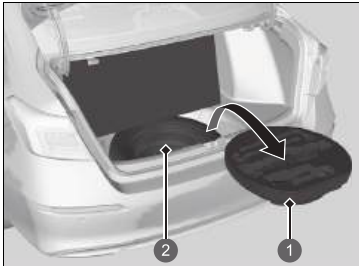

❶ Hộp dụng cụ
❷ Lốp dự phòng

2. Lấy hộp dụng cụ ra khỏi cốp.
3. Lấy kích nâng, cờ-lê vặn đai ốc bánh xe và thanh nối tay kích ra khỏi hộp dụng cụ.
4. Tháo bu-lông cánh chuồn và tháo đệm côn. Sau đó, tháo lốp dự phòng.

Thay lốp xẹp

CẢNH BÁO: Chỉ sử dụng kích nâng để hỗ trợ xe bị hỏng khẩn cấp, không dùng để thay lốp theo mùa thông thường hoặc bất kỳ hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa thông thường nào khác.

CHÚ Ý

Không dùng kích nâng nếu kích không hoạt động tốt. Hãy gọi đại lý hoặc dịch vụ cứu hộ xe chuyên nghiệp.

Hình dạng của hộp dụng cụ khác nhau tùy từng loại xe.

Loại xe có lốp dự phòng cỡ nhỏ

Lốp dự phòng cỡ nhỏ có kích cỡ nhỏ hơn lốp thông thường. Khoảng sáng gầm xe sẽ thấp hơn khi lắp lốp dự phòng cỡ nhỏ. Lái xe qua những đoạn đường có nhiều mảnh vỡ hoặc có gờ giảm tốc có thể làm hư hỏng gầm xe.

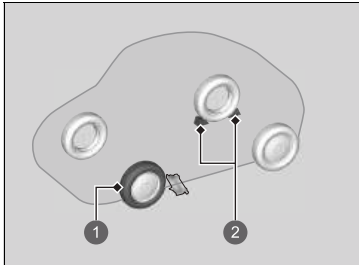

5. Đặt khối chèn bánh xe hoặc chèn hòn đá vào phía trước và phía sau của bánh xe nằm chéo với lốp xẹp.

❶ Lốp cần thay.
❷ Khối chèn bánh xe



6. Đặt lốp dự phòng (mặt bánh xe hướng lên) bên dưới thân xe, gần lốp cần thay.

Còn nữa



7. Dùng cờ-lê vặn xoay một vòng để nới lỏng từng đai ốc bánh xe.

■ Cách đặt kích nâng

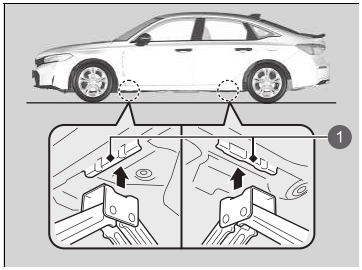

❶ Điểm kê kích

1. Đặt kích nâng bên dưới điểm kê kích gần nhất với lốp cần thay.

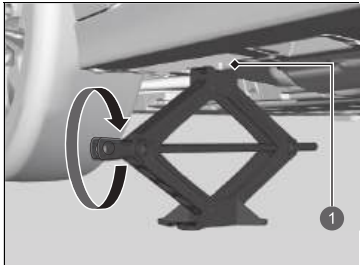

❶ Điểm kê kích

2. Xoay đầu tay quay theo chiều kim đồng hồ như hình minh họa cho đến khi đầu kích chạm vào điểm kê kích.
▶ Đảm bảo vấu điểm kê kích tỳ vào rãnh kích nâng.

Cách đặt kích nâng

⚠CẢNH BÁO

Xe có thể dễ dàng trượt khỏi kích nâng, gây chấn thương nặng cho người đang làm việc bên dưới gầm xe.

Thực hiện đúng theo hướng dẫn thay lốp, không được để ai làm việc bên dưới gầm xe khi đang đỡ xe bằng kích nâng.

CẢNH BÁO: Kích nâng phải được đặt trên bề mặt bằng phẳng và chắc chắn, ngang bằng với bề mặt đang đỡ xe.

Không dùng kích nâng khi đang có người hoặc đồ đạc trên xe.

Sử dụng kích nâng dành riêng cho chiếc xe của bạn. Các kích nâng khác có thể không phù hợp với trọng lượng (“tải trọng”) hoặc không vừa với điểm kê kích.

Thực hiện theo các hướng dẫn sau để sử dụng kích nâng an toàn:

- Không sử dụng kích nâng khi động cơ đang hoạt động.
- Chỉ sử dụng kích nâng trên bề mặt bằng phẳng và chắc chắn.
- Chỉ kích xe tại điểm kê kích.
- Không được vào xe khi đang dùng kích nâng.
- Không kê thêm bất cứ thứ gì lên phía trên hoặc phía dưới kích nâng.

Còn nữa

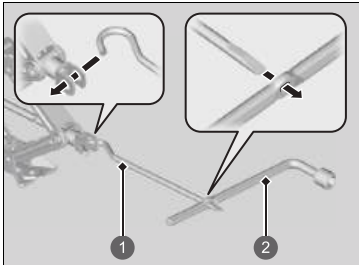

❶ Thanh nối tay kích
❷ Cờ-lê vặn đai ốc bánh xe như tay kích

3. Nâng xe lên bằng thanh nối tay kích và tay kích cho đến khi lốp xe được nâng lên khỏi mặt đất.

■ Thay lốp xẹp

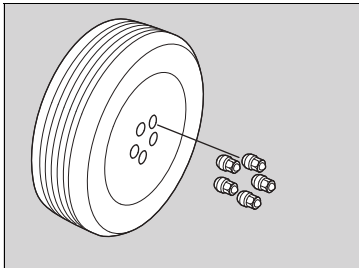

1. Tháo đai ốc bánh xe và lốp xẹp.

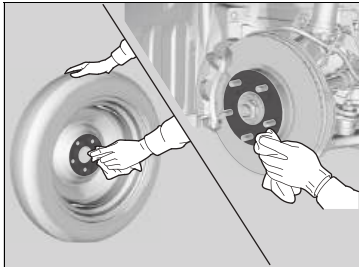

2. Lau sạch bề mặt lắp của bánh xe bằng vải sạch.
3. Lắp lốp dự phòng vào.
4. Vặn đai ốc bánh xe đến khi chạm vào miệng xung quanh các lỗ lắp thì ngừng vặn.

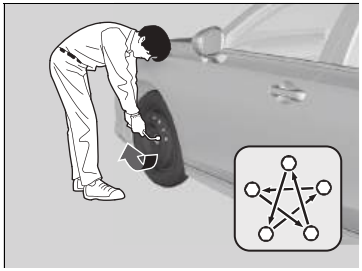

5. Hạ thấp xe và tháo kích nâng ra. Siết chặt các đai ốc bánh xe theo thứ tự như hình minh họa. Siết lần lượt từng đai ốc từ hai đến ba lần theo thứ tự này.
Lực siết đai ốc bánh xe:
108 N·m (11 kgf·m, 80 lbf·ft)

Thay lốp xẹp

Không siết đai ốc bánh xe quá chặt bằng cách dùng chân hoặc ống nối để tác dụng thêm lực siết.

Còn nữa

■ Cất giữ lốp xẹp

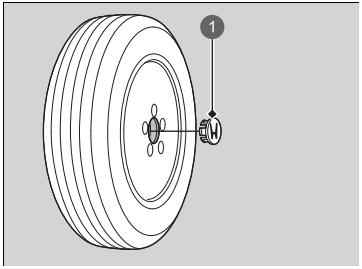

❶ Chụp giữa

1. Tháo chụp giữa.

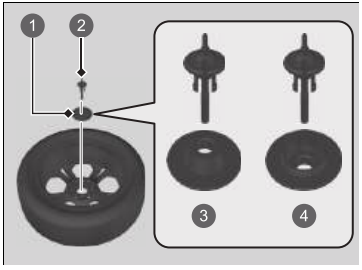

❶ Đệm côn
❷ Bu-lông cánh chuồn
❸ Đối với lốp dự phòng cỡ nhỏ
❹ Đối với lốp kích cỡ tiêu chuẩn

2. Đặt úp lốp xẹp vào khoang chứa lốp dự phòng.

Loại xe có lốp dự phòng cỡ nhỏ

3. Tháo đệm côn ra khỏi bu-lông cánh chuồn, lật ngược lại và lắp lại vào bu-lông. Siết chặt lốp xẹp bằng bu-lông cánh chuồn.

Loại xe có lốp dự phòng kích cỡ tiêu chuẩn

3. Siết chặt lốp xẹp bằng bu-lông cánh chuồn.

Tất cả các loại xe

4. Đặt cẩn thận kích nâng, cờ-lê vặn đai ốc bánh xe và thanh nối tay kích vào hộp dụng cụ.
5. Cất hộp dụng cụ vào cốp.

Cất giữ lốp xẹp

⚠CẢNH BÁO

Các vật dụng cất giữ không chắc chắn có thể bị văng trong khoang xe khi xảy ra va chạm và gây thương tích nghiêm trọng cho người ngồi trong xe.
Cất bánh xe, kích nâng và dụng cụ cẩn thận trước khi lái xe.

Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

■ Hệ thống cảnh báo xẹp lốp và lốp dự phòng

Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp khi bạn thay lốp bằng lốp dự phòng thông thường.

➲ **Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp** Tr. 521

Kiểm tra động cơ

Nếu động cơ không khởi động, hãy kiểm tra bộ khởi động.

Tình trạng bộ khởi động	Danh mục kiểm tra
Bộ khởi động không khởi động hoặc quay chậm. Có thể ắc-quy hết điện. Kiểm tra từng mục ở cột bên phải và xử lý cho phù hợp.	**Kiểm tra thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.** • Nếu xuất hiện thông báo **To start, touch start button with emblem side of remote** (Để khởi động, chạm vào nút khởi động ở mặt có biểu tượng của chìa khóa điều khiển từ xa.) ➡ **Nếu pin Chìa khóa điều khiển từ xa/Khóa thẻ từ* Yếu** Tr. 704
	Kiểm tra cầu chì. Kiểm tra tất cả các cầu chì, hoặc mang xe đến đại lý để kiểm tra. ➡ **Kiểm tra và thay cầu chì** Tr. 730
Bộ khởi động khởi động bình thường nhưng động cơ không khởi động. Có thể cầu chì có sự cố. Kiểm tra từng mục ở cột bên phải và xử lý cho phù hợp.	**Xem lại quy trình khởi động động cơ.** Làm theo các hướng dẫn và thử khởi động lại động cơ. ➡ **Khởi động động cơ** Tr. 497
	Kiểm tra đèn báo hệ thống chống nổ máy. Khi đèn báo hệ thống chống nổ máy nhấp nháy, không thể khởi động động cơ. ➡ **Hệ thống chống nổ máy** Tr. 195 ➡ **Đèn báo hệ thống chống nổ máy** Tr. 108
	Kiểm tra mức nhiên liệu. Cần có đủ nhiên liệu trong bình. ➡ **Đồng hồ đo nhiên liệu** Tr. 116
	Kiểm tra cầu chì. Kiểm tra tất cả các cầu chì, hoặc mang xe đến đại lý để kiểm tra. ➡ **Kiểm tra và thay cầu chì** Tr. 730
	Nếu sự cố vẫn còn: ➡ **Kéo xe khẩn cấp** Tr. 733

Nếu bạn không thể khởi động động cơ sau khi đã kiểm tra tất cả các mục trong danh sách trên, hãy mang xe của bạn đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nếu bạn cần khởi động xe ngay lập tức, hãy sử dụng xe hỗ trợ hoặc bình ắc-quy tăng cường để khởi động.

➔ **Nếu ắc-quy hết điện** Tr. 708

Tùy thuộc vào tình huống, có thể tạm thời khởi động động cơ bằng cách sử dụng quy trình khởi động khẩn cấp.

➔ **Khởi động động cơ khẩn cấp** Tr. 706

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** quá 15 giây.

Nếu pin Chìa khóa điều khiển từ xa/Khóa thẻ từ* Yếu

Nếu tiếng bíp vang lên, thông báo **To start, touch start button with emblem side of remote** (Để khởi động, chạm vào nút khởi động ở mặt có biểu tượng của chìa khóa điều khiển từ xa) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy và động cơ không khởi động, hãy khởi động động cơ như sau:

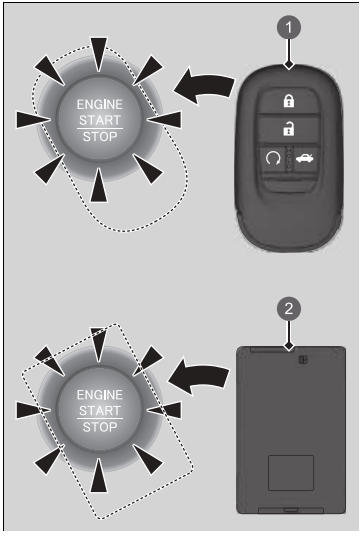

1. Ấn nút **ENGINE START/STOP**.
   ▶ Tiếng bíp vang lên và nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy trong khoảng 30 giây.
2. Chạm vào giữa nút **ENGINE START/STOP** có biểu tượng chữ **H** trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* trong khi nút **ENGINE START/STOP** đang nhấp nháy. Các nút trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ* phải quay về phía bạn.
   ▶ Tiếng bíp vang lên và nút **ENGINE START/STOP** sáng liên tục trong khoảng 10 giây.

❶ Chìa khóa điều khiển từ xa
❷ Khóa thẻ từ*

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

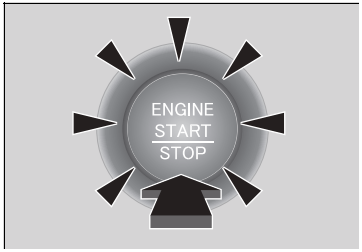

3. Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi nút **ENGINE START/STOP** sáng.
▶ Động cơ khởi động.
▶ Nếu không nhấn bàn đạp phanh, xe sẽ chuyển sang chế độ PHỤ KIỆN.

Khởi động động cơ khẩn cấp

Nếu động cơ không khởi động theo quy trình khởi động thông thường, bạn có thể khởi động động cơ bằng quy trình khởi động khẩn cấp dưới đây.
Chỉ sử dụng quy trình này trong trường hợp khẩn cấp.

1. Đảm bảo đã gài phanh đỗ.
2. Đảm bảo cần số ở P, sau đó đặt chế độ nguồn đến PHỤ KIỆN.
3. Nhấn chắc bàn đạp phanh, sau đó ấn và giữ nút **ENGINE START/ STOP** trong ít nhất 15 giây.

Ngay cả khi bạn có thể khởi động động cơ bằng quy trình trên thì đây vẫn được coi là sự cố hệ thống.
Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Khởi động động cơ khẩn cấp

Tham khảo phần sau nếu bạn không thể gạt cần số ra khỏi vị trí P .

Không gạt được cần số Tr. 711

Dừng động cơ khẩn cấp

Có thể dùng nút **ENGINE START/STOP** để dừng động cơ trong tình huống khẩn cấp ngay cả khi đang lái xe. Nếu bạn phải dừng động cơ, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:

- Ấn và giữ nút **ENGINE START/STOP** trong khoảng hai giây.
- Ấn dứt khoát nút **ENGINE START/STOP** ba lần.

Vô lăng sẽ không khóa. Tuy nhiên, vì việc tắt động cơ sẽ làm tắt nguồn điện mà động cơ cung cấp cho hệ thống lái và phanh, nên sẽ cần nhiều lực và thời gian hơn để lái và giảm tốc độ xe. Phanh bằng cả hai chân để giảm tốc độ xe và ngay lập tức dừng xe ở nơi an toàn.

Chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN khi động cơ dừng.
Để thay đổi chế độ sang TẮT MÁY, đặt hộp số ở số P sau khi xe dừng hoàn toàn. Sau đó, ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần mà không nhấn bàn đạp phanh.

Dừng động cơ khẩn cấp

Không ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái trừ khi thật sự cần thiết phải tắt động cơ. Nếu ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái xe, tiếng bíp sẽ vang lên.

Quy trình kích nổ

Tắt hết các thiết bị điện, như đèn và hệ thống âm thanh. Tắt động cơ, sau đó mở nắp ca-pô.

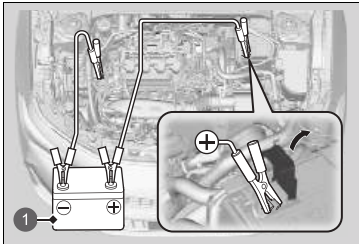

❶ Ắc-quy kích nổ

1. Mở nắp ở cực dương ⊕ của ắc quy xe.
2. Nối dây cáp nối ngoài thứ nhất vào cực ⊕ của ắc-quy xe.
3. Nối đầu còn lại của dây cáp nối ngoài thứ nhất vào cực ⊕ của ắc-quy kích nổ.
   ▶ Chỉ sử dụng ắc-quy kích nổ loại 12 vôn.
   ▶ Khi sử dụng bộ nạp ắc-quy ô tô để kích ắc-quy 12 vôn, chọn điện áp nạp dưới 15 vôn. Kiểm tra tài liệu hướng dẫn sử dụng bộ nạp để cài đặt cho đúng.
4. Nối dây cáp nối ngoài thứ hai vào cực ⊖ của ắc-quy kích nổ.

Quy trình kích nổ

⚠CẢNH BÁO

Ắc-quy có thể nổ nếu không làm theo đúng quy trình, gây chấn thương nặng cho bất kỳ ai ở gần ắc-quy.

Không để ắc-quy gần tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

CHÚ Ý

Nếu để ắc-quy trong điều kiện nhiệt độ cực lạnh, chất điện phân có thể bị đóng băng. Khởi động bằng ắc-quy nối ngoài bị đóng băng có thể gây đoản mạch.

Gắn chắc kẹp dây cáp nối ngoài để không bị tuột ra khi động cơ rung. Cẩn thận không làm rối cáp nối ngoài hoặc để các đầu cáp chạm vào nhau khi gắn hoặc tháo các cáp nối ngoài.

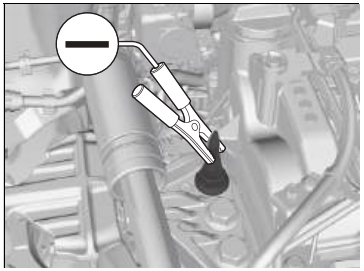

5. Nối đầu còn lại của dây cáp nối ngoài thứ hai vào gu dông như hình minh họa. Không nối dây cáp nối ngoài với bất cứ bộ phận nào khác.
6. Nếu xe bạn được nối với xe khác, hãy khởi động động cơ của xe hỗ trợ và ga nhẹ.
7. Cố khởi động động cơ xe bạn. Nếu xe khởi động chậm, kiểm tra xem các dây cáp nối ngoài đã được nối đúng và tiếp xúc tốt chưa.

Quy trình kích nổ

Ắc-quy để trong điều kiện nhiệt độ thấp sẽ hoạt động kém hiệu quả và làm động cơ khó khởi động.

Còn nữa

■ Làm gì sau khi khởi động động cơ

Sau khi đã khởi động được động cơ, tháo các dây cáp nối ngoài theo trình tự sau.

1. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi bu-lông gắn động cơ.
2. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực ⊖ của ắc-quy tăng cường.
3. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi cực ⊕ của ắc-quy xe.
4. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực ⊕ của ắc-quy tăng cường.

Mang xe đến trạm sửa chữa xe gần đó hoặc đến đại lý để kiểm tra.

Quy trình kích nổ

Các đèn báo hệ thống Hỗ trợ ổn định xe (VSA), Hỗ trợ ổn định xe (VSA) **TẮT***, Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp, Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Giảm thiểu chệch làn đường và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ắc-quy. Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Làm theo quy trình dưới đây nếu bạn không thể gạt cần số ra khỏi vị trí [P] .

■ Nhả khóa

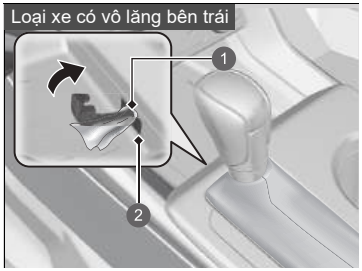

❶ Khe nhả khóa sang số
❷ Nắp che

1. Đặt phanh đỗ.
2. Đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY.
3. Rút chìa khóa tích hợp ra khỏi chìa khóa điều khiển từ xa hoặc khóa thẻ từ*.

Loại xe có vô lăng bên trái

4. Bọc vải xung quanh đầu chìa khóa tích hợp. Sau đó, đưa vào trong khe nhả khóa sang số như hình minh họa và tháo nắp ra.



❶ Nút nhả
❷ Khe nhả khóa sang số

Tất cả các loại xe

5. Cắm chìa khóa vào khe nhả khóa sang số.
6. Trong khi cắm chìa khóa vào, ấn nút nhả cần số và gạt cần số đến số [N].
▶ Lúc này khóa đã nhả ra. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra cần số càng sớm càng tốt.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Còn nữa

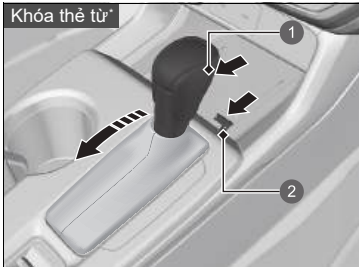

❶ Nút nhả
❷ Khe nhả khóa sang số

 * Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Cách xử lý quá nhiệt

Các dấu hiệu quá nhiệt như sau:

Loại xe có đồng hồ đo loại B

- Vạch báo đồng hồ đo nhiệt độ ở mức cao hoặc động cơ đột ngột giảm công suất.

Tất cả các loại xe

- Thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Động cơ quá nóng. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
- Hơi nước hoặc tia nước bắn ra từ khoang động cơ.

■ Bước đầu tiên

1. Đỗ ngay xe ở nơi an toàn.

2. Tắt hết tất cả các phụ kiện và bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

▶ **Không có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Để động cơ chạy và mở nắp ca-pô.

▶ **Có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Tắt động cơ và đợi cho đến khi hơi nước hoặc tia nước không còn bắn ra. Sau đó mở nắp ca-pô.

Cách xử lý quá nhiệt

⚠CẢNH BÁO

Hơi nước và tia nước bắn ra từ động cơ bị quá nhiệt có thể gây bỏng nặng.

Không mở nắp ca-pô khi có hơi nước đang bắn ra.

CHÚ Ý

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Tiếp tục lái xe với đồng hồ đo nhiệt độ ở mức cao có thể làm hỏng động cơ.

Tất cả các loại xe

Tiếp tục lái xe khi thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Động cơ quá nóng. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái có thể làm hỏng động cơ.

Còn nữa

■ Bước tiếp theo

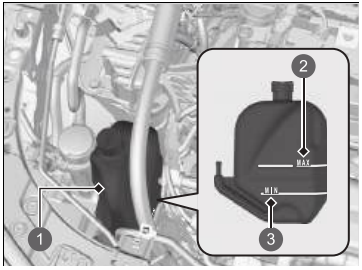

❶ Bình chứa
❷ **MAX (TỐI ĐA)**
❸ **MIN (TỐI THIỂU)**

1. Kiểm tra xem quạt làm mát có chạy không và dừng động cơ khi thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Động cơ quá nóng. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội) biến mất khỏi màn hình giao diện thông tin cho người lái.
   ▶ Nếu quạt làm mát không hoạt động, phải tắt động cơ ngay.
2. Khi động cơ đã nguội, kiểm tra mức nước làm mát và kiểm tra rò rỉ các bộ phận hệ thống làm mát.
   ▶ Nếu mức nước làm mát trong bình chứa thấp, hãy đổ thêm nước làm mát đến vạch **MAX** (TỐI ĐA).
   ▶ Nếu không có nước làm mát trong bình chứa, kiểm tra xem két tản nhiệt có mát không. Bọc nắp két tản nhiệt bằng miếng vải dày rồi mở nắp. Nếu cần, bổ sung nước làm mát đến đế cổ lọc và đóng nắp lại.

■ Bước cuối cùng

Khi động cơ đã nguội hẳn, khởi động lại và kiểm tra màn hình giao diện thông tin cho người lái.
Nếu thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Động cơ quá nóng. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội) không xuất hiện nữa, tiếp tục lái xe. Nếu thông báo này lại xuất hiện, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Cách xử lý quá nhiệt

⚠CẢNH BÁO

Tháo nắp két tản nhiệt khi động cơ còn nóng có thể làm nước làm mát bắn ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và két tản nhiệt nguội hẳn trước khi tháo nắp két tản nhiệt.

Nếu bị rò rỉ nước làm mát, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Dùng nước chỉ là biện pháp khẩn cấp/tạm thời. Hãy mang xe đến đại lý để xúc rửa hệ thống bằng chất chống đông càng sớm càng tốt.

Nếu cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp xuất hiện



■ **Nguyên nhân cảnh báo xuất hiện**

Xuất hiện khi áp suất dầu động cơ thấp.

■ **Làm gì ngay khi cảnh báo xuất hiện**

1. Đỗ ngay xe ở nơi bằng phẳng, an toàn.

2. Nếu cần, hãy bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

■ **Làm gì sau khi đỗ xe**

1. Dừng động cơ và để động cơ nghỉ khoảng ba phút.

2. Mở nắp ca-pô và kiểm tra mức dầu.

▶ Đổ thêm dầu nếu cần.

➔ **Kiểm tra dầu** Tr. 648

3. Khởi động động cơ và kiểm tra cảnh báo **Engine oil pressure low** (Áp suất dầu động cơ thấp).

▶ Cảnh báo biến mất: Tiếp tục lái xe.

▶ Cảnh báo không biến mất trong 10 giây: Dừng ngay động cơ và liên hệ với đại lý để sửa chữa.

CHÚ Ý

Chạy động cơ với áp suất dầu thấp có thể khiến động cơ nhanh bị hỏng.

Nếu đèn báo hệ thống nạp điện sáng



■ **Nguyên nhân đèn báo sáng**

Đèn sáng khi hệ thống nạp điện có sự cố.

■ **Làm gì khi đèn báo sáng**

Dừng xe ở nơi an toàn và liên hệ ngay với đại lý để kiểm tra xe.

Nếu đèn báo sự cố sáng hoặc nhấp nháy



■ **Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy**

- Sáng khi hệ thống kiểm soát khí thải động cơ có sự cố.
- Nhấp nháy khi phát hiện ra hiện tượng mất lửa.

■ **Làm gì khi đèn báo sáng**

Tránh lái xe ở tốc độ cao và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

■ **Làm gì khi đèn báo nhấp nháy**

Đỗ xe ở nơi an toàn và không có vật dễ cháy, đợi ít nhất từ 10 phút trở lên từ khi động cơ dừng cho đến khi nguội.

Nếu đèn báo hệ thống nạp điện sáng

Nếu bạn cần dừng xe tạm thời, không tắt động cơ. Khởi động lại động cơ có thể làm nhanh hết điện ắc-quy.

Nếu đèn báo sự cố sáng hoặc nhấp nháy

CHÚ Ý

Nếu bạn lái xe khi đèn báo sự cố sáng, hệ thống kiểm soát khí xả và động cơ có thể bị hỏng.

Nếu đèn báo sự cố vẫn nhấp nháy khi khởi động lại động cơ, hãy lái xe đến đại lý gần nhất với tốc độ từ 50 km/h trở xuống. Để đại lý kiểm tra xe.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy



■ **Nguyên nhân đèn báo sáng**

- Mức dầu phanh thấp.
- Hệ thống phanh có sự cố.

■ **Làm gì khi đèn báo sáng khi đang lái xe**

Nhấn nhẹ bàn đạp phanh để kiểm tra áp suất phanh.

- Nếu bình thường, kiểm tra mức dầu phanh khi dừng xe.
- Nếu bất thường, cần xử lý ngay. Nếu cần, giảm số bằng phanh động cơ để giảm tốc độ xe.

■ **Nguyên nhân đèn báo nhấp nháy**

- Hệ thống phanh đỗ điện có sự cố.

■ **Làm gì khi đèn báo nhấp nháy**

Tránh dùng phanh đỗ và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy

Mang ngay xe đi sửa chữa.
Lái xe với mức dầu phanh thấp sẽ rất nguy hiểm.
Nếu không thấy có lực cản ở bàn đạp phanh, hãy dừng ngay xe ở nơi an toàn. Nếu cần, hãy giảm số.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) và đèn báo **ABS** cùng sáng, hệ thống phân phối phanh điện tử không hoạt động. Điều này có thể làm mất tính ổn định của xe khi phanh gấp.
Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) nhấp nháy đồng thời đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng, phanh đỗ có thể không hoạt động.
Tránh dùng phanh đỗ và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

➔ **Nếu Đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời Đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng**
Tr. 718

Nếu Đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời Đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng


(Màu đỏ)


(Màu hổ phách)

■ **Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) cũng sáng, hãy nhả phanh đỗ bằng tay hoặc tự động.**
➲ **Phanh đỗ** Tr. 599

- Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) sáng liên tục hoặc nhấp nháy đồng thời đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) cũng sáng, hãy dừng xe ở nơi an toàn và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.
  ▶ Để ngăn xe di chuyển, gạt cần số đến P.

- Nếu chỉ có đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) tắt, tránh dùng phanh đỗ và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu Đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời Đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng

Nếu bạn kéo phanh đỗ, có thể sẽ không nhả được phanh.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) và đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng cùng một lúc chứng tỏ phanh đỗ đang hoạt động.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) nhấp nháy đồng thời đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng, phanh đỗ có thể không hoạt động vì đang thực hiện kiểm tra hệ thống.

Nếu bạn liên tục sử dụng phanh đỗ điện trong thời gian ngắn, phanh sẽ ngừng hoạt động để tránh làm nóng hệ thống và đèn báo sẽ nhấp nháy.
Nó sẽ trở lại trạng thái ban đầu trong khoảng 1 phút.

Nếu đèn báo hệ thống trợ lực lái điện (EPS) sáng



■ **Nguyên nhân đèn báo sáng**

- Sáng nếu hệ thống EPS hoặc Hệ Thống Theo Dõi Mức Độ Tập Trung Của Người Lái có sự cố.

■ **Làm gì khi đèn báo sáng**

- Dừng xe ở nơi an toàn và khởi động lại động cơ.
  Nếu đèn báo sáng và sáng liên tục, hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.
- Nếu **Do not drive** (Không lái xe) hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, hãy dừng ngay xe ở nơi an toàn và liên hệ với đại lý.

*1 :Loại xe tại Campuchia, Lào, Malaysia, Philippines và Singapore

Nếu Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/ xẹp lốp* sáng hoặc nhấp nháy



■ **Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy**

Áp suất lốp quá thấp, hoặc hệ thống cảnh báo xẹp lốp không được hiệu chỉnh. Nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp có sự cố, đèn báo sẽ nhấp nháy trong khoảng một phút, sau đó sáng liên tục.

■ **Làm gì khi đèn báo sáng**

Lái xe cẩn thận, tránh cua gấp và phanh gấp.

Dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh áp suất tới mức quy định. Áp suất lốp quy định có ở nhãn trên thanh dọc cửa phía người lái.

▶ Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp sau khi áp suất lốp được điều chỉnh.

Hệ thống cảnh báo xẹp lốp* Tr. 520

■ **Làm gì khi đèn báo nhấp nháy, rồi sáng liên tục**

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra lốp càng sớm càng tốt.

Nếu Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp* sáng hoặc nhấp nháy

CHÚ Ý

Lái xe với lốp quá xẹp có thể làm cho lốp bị quá nhiệt. và dẫn đến hư hỏng. Luôn bơm lốp xe đến mức quy định.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Vị trí cầu chì

Nếu có bất kỳ thiết bị điện nào không hoạt động, đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY và kiểm tra xem có cầu chì nào bị nổ không.

Còn nữa

■ Hộp cầu chì khoang động cơ

Loại xe không có số cầu chì ở vỏ

Nằm gần ắc-quy. Đẩy các vấu để mở hộp cầu chì.
Vị trí cầu chì được mô tả trong hình minh họa dưới đây.
Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình và sơ đồ dưới đây.

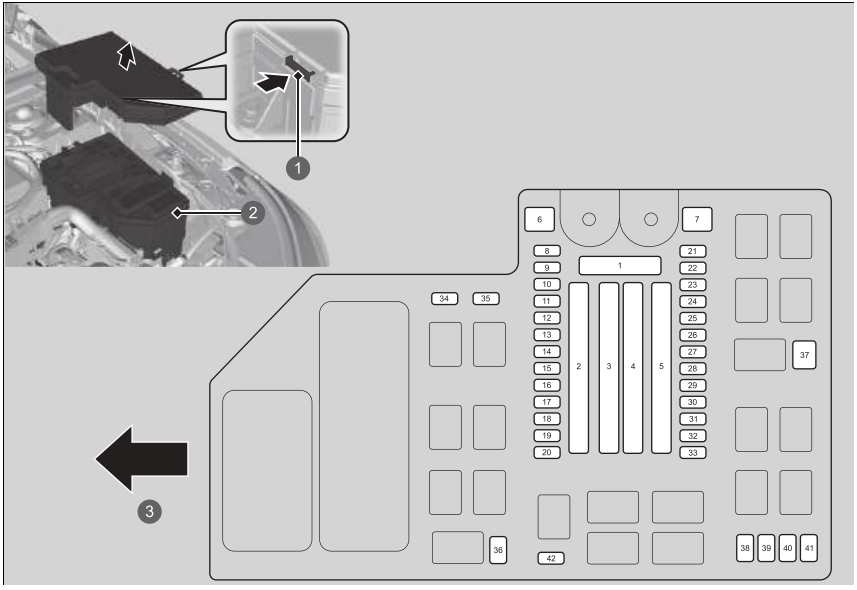

❶ Lẫy
❷ Hộp cầu chì
❸ Trước

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch được bảo vệ	Ampe
1	Ắc-quy	125 A
2	–	–
	–	–
	Hộp cầu chì tự chọn	60 A
	–	–
	Hộp cầu chì tự chọn 2*	(40 A)
	–	–
	Hộp cầu chì chính	60 A
3	–	–
	–	–
	–	–
	Hệ thống sấy kính sau	40 A
	–	–
	Mô-tơ quạt gió	40 A
	–	–
4	–	–
	Mô-tơ ABS/VSA	40 A
	–	–
	–	–
	IG chính	30 A
	–	–
	Mô-đun rơ le 2	30 A
5	Công tắc từ ST	30 A
	Mô-tơ gạt nước trước	30 A
	EPS	70 A
	Mô-đun rơ le 1	30 A
	ABS/VSA FSR	40 A
	Mô-tơ quạt chính	30 A
	Hộp cầu chì chính 2	40 A
6	Mô-tơ quạt phụ	30 A
7	IG chính 2	30 A
8	–	–
9	–	–
10	Âm thanh phụ*	(7,5 A)*1 (15 A)*2
11	Sạc USB*	(10 A)
12	–	–
13	–	–
14	–	–
15	–	–
16	Ly hợp MG	10 A
17	Mô-tơ rửa kính	15 A
18	Còi	10 A
19	Dự phòng	15 A
20	Âm thanh	15 A
21	–	–
22	DBW	15 A
23	–	–
24	Dự phòng FI-ECU	10 A
25	IGP	15 A
26	Hộp số	15 A
27	Đèn chiếu sáng trái*	(15 A)
28	Kim phun	15 A
29	Đèn dừng	10 A
30	Đèn chiếu sáng phải*	(15 A)
31	Cuộn IG	15 A
32	–	–
33	Nguy hiểm	15 A
34	–	–
35	–	–
36	–	–
37	–	–
38	–	–
39	–	–
40	VB ACT	10 A
41	IGPS (LAF)	10 A
42	IG1 giám sát 2	7,5 A

*1: Loại xe không có Màn hình giải trí tích hợp Google
*2: Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe có số cầu chì ở vỏ

Nằm gần ắc-quy. Đẩy các vấu để mở hộp cầu chì.
Vị trí cầu chì được mô tả trên vỏ hộp cầu chì. Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số vỏ hộp.

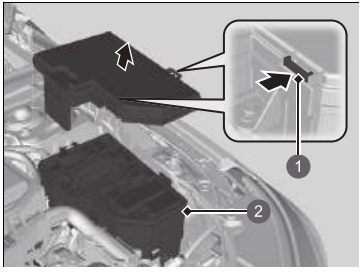

❶ Lẫy
❷ Hộp cầu chì

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch được bảo vệ	Ampe
1	Ắc-quy	125 A
2	–	40 A
	–	40 A
	Hộp cầu chì tự chọn	60 A
	–	40 A
	Hộp cầu chì tự chọn 2*	(40 A)
	–	(30 A)
	Hộp cầu chì chính	60 A
3	–	40 A
	–	40 A
	–	40 A
	Hệ thống sấy kính sau	40 A
	–	40 A
	Mô-tơ quạt gió	40 A
	–	40 A
4	–	30 A
	Mô-tơ ABS/VSA	40 A
	–	(30 A)
	–	30 A
	IG chính	30 A
	–	30 A
	Mô-đun rơ le 2	30 A

	Mạch được bảo vệ	Ampe
5	Công tắc từ ST	30 A
	Mô-tơ gạt nước trước	30 A
	EPS	70 A
	Mô-đun rơ le 1	30 A
	ABS/VSA FSR	40 A
	Mô-tơ quạt chính	30 A
	Hộp cầu chì chính 2	40 A
6	Mô-tơ quạt phụ	30 A
7	IG chính 2	30 A
8	–	–
9	–	(30 A)
10	Âm thanh phụ*	(7,5 A)*1 (15 A)*2
11	Sạc USB*	(10 A)
12	–	–
13	–	–
14	–	–
15	–	(10 A)
16	Ly hợp MG	(10 A)
17	Mô-tơ rửa kính	15 A
18	Còi	10 A
19	Dự phòng	15 A
20	Âm thanh	(15 A)
21	–	–
22	DBW	15 A

	Mạch được bảo vệ	Ampe
23	–	(20 A)
24	Dự phòng FI-ECU	10 A
25	IGP	15 A
26	Hộp số	(15 A)
27	Đèn chiếu sáng trái*	(15 A)
28	Kim phun	15 A
29	Đèn dừng	10 A
30	Đèn chiếu sáng phải*	(15 A)
31	Cuộn IG	15 A
32	–	–
33	Nguy hiểm	15 A
34	–	–
35	–	–
36	–	(30 A)
37	–	(30 A)
38	–	–
39	–	–
40	VB ACT	10 A
41	IGPS (LAF)	10 A
42	IG1 giám sát 2	7,5 A

*1: Loại xe không có Màn hình giải trí tích hợp Google

*2: Loại xe có Màn hình giải trí tích hợp Google

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Hộp cầu chì trong xe

Loại xe không có nhãn cầu chì

Nằm dưới bảng táp-lô.

Vị trí cầu chì được mô tả trong hình minh họa dưới đây.

Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình và sơ đồ dưới đây.

Loại xe có vô lăng bên trái

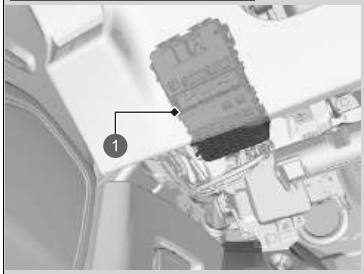

Loại xe có vô lăng bên phải

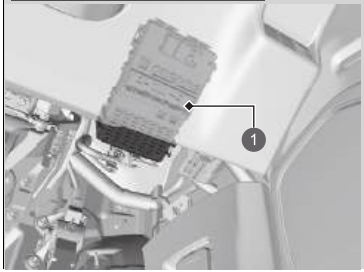

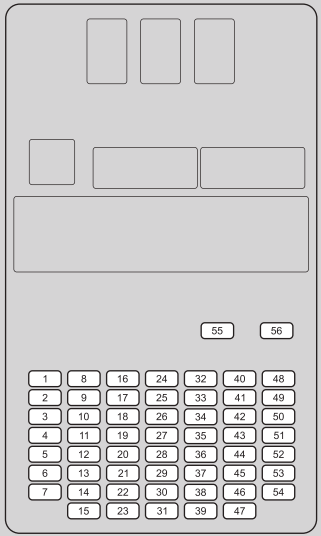

❶ Hộp cầu chì

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch được bảo vệ	Ampe
1	Cửa kính điện người lái	20 A
2	Cửa kính điện hành khách trước	20 A
3	Cửa kính điện sau bên phải	20 A
4	Cửa kính điện sau bên trái	20 A
5	Tùy chọn	10 A
6	SRS	10 A
7	Bộ truyền động khóa nắp cốp	10 A
8	–	–
9	Ổ cắm điện phụ kiện trước	20 A
10	Khóa cửa	20 A
11	Đồng hồ đo	10 A
12	–	(10 A)
13	–	(10 A)
14	Tùy chọn 6 (VB SOL)	10 A
15	–	–
16	–	(20 A)
17	–	(10 A)
18	–	–
19	–	–
20	Đèn sương mù sau	10 A
21	–	(20 A)
22	THÔNG MINH	10 A
23	–	–
24	–	(7,5 A)
25	IMG	10 A
26	SRS	10 A
27	–	(20 A)
28	Tùy chọn 5	10 A
29	Bơm nhiên liệu	15 A
30	Mở khóa cửa bên trái	10 A
31	Mở khóa cửa bên phải	10 A
32	–	–
33	–	–
34	–	–
35	–	–
36	–	(20 A)
37	–	(15 A)
38	–	–
39	Khóa cửa bên phải	10 A
40	Ngả ghế điện người lái*	(20 A)
41	Trượt ghế điện người lái*	(20 A)
42	–	(10 A)
43	A/C	10 A
44	Đèn ban ngày	10 A
45	ACC	10 A
46	Khóa chìa khóa ACC	10 A
47	Khóa cửa bên trái	10 A
48	–	(20 A)
49	–	(20 A)
50	–	(10 A)
51	–	(10 A)
52	–	(20 A)
53	–	(20 A)
54	Tùy chọn 1	10 A
55	Âm thanh AMP*	(30 A)
56	–	(30 A)

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe có nhãn cầu chì

Nằm dưới bảng táp-lô.
Vị trí cầu chì có trên nhãn cầu chì nằm phía dưới trụ lái.
Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số trên nhãn cầu chì.

Loại xe có vô lăng bên trái

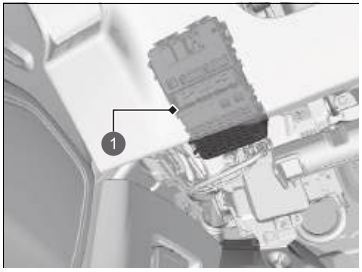

❶ Hộp cầu chì

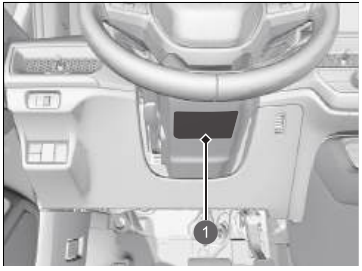

❶ Nhãn cầu chì

Loại xe có vô lăng bên phải

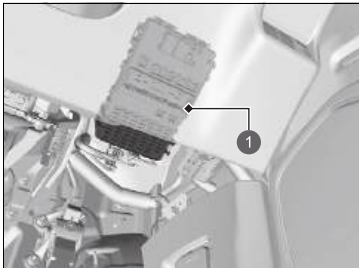

❶ Hộp cầu chì

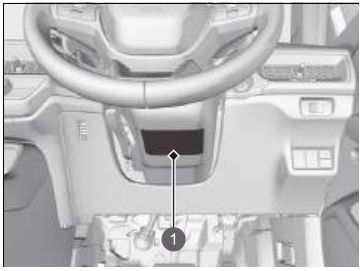

❶ Nhãn cầu chì

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch được bảo vệ	Ampe
1	Cửa kính điện người lái	20 A
2	Cửa kính điện hành khách trước	20 A
3	Cửa kính điện sau bên phải	20 A
4	Cửa kính điện sau bên trái	20 A
5	Tùy chọn	10 A
6	SRS	10 A
7	Bộ truyền động khóa nắp cốp	10 A
8	–	–
9	Ổ cắm điện phụ kiện trước	20 A
10	Khóa cửa	20 A
11	Đồng hồ đo	10 A
12	–	10 A
13	–	(10 A)
14	Tùy chọn 6 (VB SOL)	10 A
15	Mở khóa cửa người lái*	(10 A)
16	Cửa sổ trời*	(20 A)
17	–	(10 A)
18	–	–
19	–	–
20	Đèn sương mù sau*	(10 A)
21	–	(20 A)

	Mạch được bảo vệ	Ampe
22	THÔNG MINH	10 A
23	Khóa cửa người lái*	(10 A)
24	–	(7,5 A)
25	IMG	10 A
26	SRS	10 A
27	–	20 A
28	Tùy chọn 5	10 A
29	Bơm nhiên liệu	15 A
30	Mở khóa cửa bên trái	10 A
31	Mở khóa cửa sau bên phải*1 Mở khóa cửa bên phải*2	10 A
32	–	–
33	–	–
34	–	–
35	–	–
36	Tùy chọn 3 (Tấm che nắng)*	(20 A)
37	–	(15 A)
38	–	–
39	Khóa cửa sau bên phải*1 Khóa cửa bên phải*2	10 A
40	Ngả ghế điện người lái*	(20 A)

	Mạch được bảo vệ	Ampe
41	Trượt ghế điện người lái*	(20 A)
42	–	(10 A)
43	A/C	10 A
44	Đèn ban ngày	10 A
45	ACC	10 A
46	Khóa chìa khóa ACC	10 A
47	Khóa cửa bên trái	10 A
48	–	20 A
49	Ngả ghế điện hành khách*	(20 A)
50	–	(10 A)
51	–	(10 A)
52	–	(20 A)
53	Trượt ghế điện hành khách*	(20 A)
54	Tùy chọn 1	10 A
55	Âm thanh AMP*	(30 A)
56	–	(30 A)

*1: Loại xe có túi khí bên phía sau
*2: Loại xe không có túi khí bên phía sau

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Kiểm tra và thay cầu chì

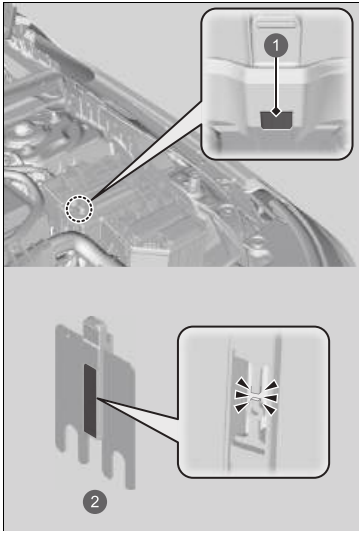

❶ Lỗ
❷ Cầu chì chính

1. Đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY. Tắt các đèn chiếu sáng và tất cả các phụ kiện.
2. Tháo vỏ hộp cầu chì.
3. Kiểm tra cầu chì chính trong hộp cầu chì khoang động cơ.
▶ Quan sát cầu chì qua lỗ.
▶ Nếu cầu chì nổ, hãy mang xe đến đại lý để thay cầu chì.

Kiểm tra và thay cầu chì

CHÚ Ý

Nếu thay bằng cầu chì có cường độ cao hơn sẽ làm hệ thống điện nhanh hỏng.

Loại xe có nhãn cầu chì

Sử dụng sơ đồ để xác định vị trí cầu chì cần tìm và xác định cường độ dòng điện quy định trên nhãn cầu chì.

Vị trí cầu chì Tr. 721

Loại xe không có nhãn cầu chì

Sử dụng sơ đồ để xác định vị trí cầu chì cần tìm và xác định cường độ dòng điện quy định.

Vị trí cầu chì Tr. 721

Tất cả các loại xe

Thay cầu chì mới có cùng cường độ dòng điện quy định.

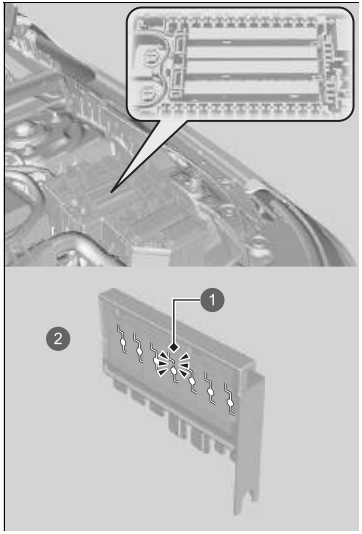

❶ Cháy cầu chì
❷ Cầu chì tổng

4. Kiểm tra các cầu chì tổng trong hộp cầu chì khoang động cơ.
▶ Quan sát khoảng trống giữa các cầu chì.
▶ Nếu cầu chì nổ, hãy mang xe đến đại lý để thay cầu chì.

Còn nữa

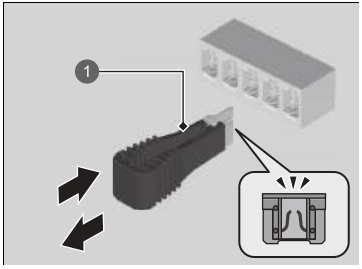

❶ Kẹp tháo cầu chì

5. Kiểm tra các cầu chì nhỏ trong khoang động cơ và bên trong xe.

Loại xe có nhãn cầu chì

▶ Nếu có cầu chì bị nổ, tháo cầu chì bằng kẹp tháo cầu chì và thay cái mới.

Loại xe không có nhãn cầu chì

▶ Nếu có cầu chì bị cháy, tháo cầu chì bằng kẹp tháo cầu chì có bán trên thị trường và thay cái mới.

Kiểm tra và thay cầu chì

Loại xe có nhãn cầu chì

Có một kẹp tháo cầu chì ở phía sau vỏ hộp cầu chì khoang động cơ.

Kéo xe khẩn cấp

Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.

■ Thiết bị kéo sàn phẳng
Xe của bạn được đặt trên thùng xe chuyên dụng để vận chuyển.
Đây là cách tốt nhất để vận chuyển xe của bạn.

■ Thiết bị nâng bánh xe
Xe kéo sử dụng hai thanh nâng đặt dưới lốp trước và nâng chúng lên khỏi mặt đất. Các lốp xe sau vẫn nằm trên mặt đất. **Có thể sử dụng cách này để kéo xe bạn.**

Kéo xe khẩn cấp

CHÚ Ý

Cố nâng hoặc kéo xe bằng tấm cản sẽ gây hư hỏng nặng. Các tấm cản không có chức năng nâng đỡ trọng lượng của xe.

Đảm bảo nhả phanh đỗ. Nếu không thể nhả phanh đỗ, xe của bạn phải được vận chuyển bằng thiết bị kéo sàn phẳng.
➡ **Phanh đỗ** Tr. 599

CHÚ Ý

Kéo xe không đúng cách như kéo bằng nhà di động hoặc bằng xe khác có thể làm hỏng hộp số.

Không được kéo xe bằng dây thừng hoặc xích. Kéo xe bằng dây thừng hoặc xích rất nguy hiểm vì dây thừng hoặc xích có thể lắc từ bên này sang bên kia hoặc bị đứt.

■ Làm gì nếu không mở được Cửa nạp nhiên liệu

Nếu bạn không mở được cửa nạp nhiên liệu, hãy làm theo quy trình sau.

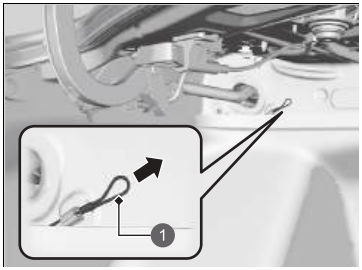

❶ Dây nhả

1. Mở cốp.

2. Kéo dây nhả về phía bạn.

▶ Khi kéo, dây nhả sẽ mở khóa cửa nạp nhiên liệu.

3. Mở cửa nạp nhiên liệu.

➡ **Cách nạp nhiên liệu** Tr. 623

Nếu bạn không thể mở cửa nạp nhiên liệu

Sau khi thực hiện các bước này, hãy liên hệ với đại lý để kiểm tra xe.

■ Làm gì nếu không mở được cốp

Nếu bạn không mở được cốp, hãy làm theo quy trình sau.

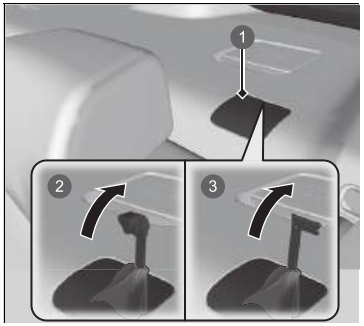

❶ Nắp che
❷ Chìa khóa điều khiển từ xa
❸ Khóa thẻ từ*

1. Dùng chìa khóa để tháo nắp.
▶ Dùng vải bọc chìa khóa để tránh làm xước nắp.

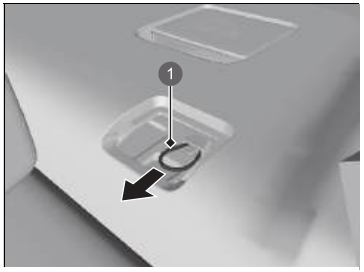

❶ Dây

2. Kéo dây nhả.
3. Đặt nắp về vị trí cũ.

» Làm gì nếu không mở được cốp

Theo dõi:
Sau khi thực hiện các bước này, hãy liên hệ với đại lý để kiểm tra xe.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Thông tin

Chương này bao gồm các thông số kỹ thuật của xe, vị trí của các số nhận dạng xe và các thông tin khác theo quy định.

Thông số kỹ thuật 738
Số nhận dạng
Số nhận dạng xe (VIN), Số máy và Số hộp số 741
Thiết bị phát sóng vô tuyến* 742
Giấy phép mã nguồn mở 747

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Thông số kỹ thuật của xe

Loại xe	Civic	
Khối lượng không tải của xe	Xem nhãn chứng nhận trên thanh dọc cửa người lái[*1]	
	1.284 kg[*2] 1.290 - 1.347 kg[*3] 1.300 - 1.336 kg[*4] 1.314 - 1.337 kg[*5] 1.334 - 1.358 kg[*6]	
Trọng tải tối đa cho phép	Xem nhãn chứng nhận trên thanh dọc cửa người lái[*1] Xem nhãn chứng nhận trên thanh dọc cửa hành khách[*6]	
	1.710 kg[*2] 1.760 kg[*4] 1.750 kg[*5] 1.720 kg[*7] 1.770 kg[*8]	
Tải trọng trục tối đa cho phép	Xem nhãn chứng nhận trên thanh dọc cửa hành khách[*6]	
	Trước	920 kg[*2] 960 kg[*1, *4, *5] 930 kg[*7] 970 kg[*8]
	Sau	810 kg[*1, *4, *5] 800 kg[*2, *7] 820 kg[*8]

*1: Loại xe tại Việt Nam
*2: Loại xe tại Singapore
*3: Loại xe tại Pakistan
*4: Loại xe tại Brunei, Bangladesh, Bhutan, Nepal, Sri Lanka và Châu Mỹ La-tinh
*5: Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
*6: Loại xe tại Malaysia
*7: Loại xe tại Pakistan có bánh xe 16 inch
*8: Loại xe tại Pakistan có bánh xe 17 inch

■ Thông số kỹ thuật của động cơ

Loại	Động cơ DOHC 4 xy-lanh thẳng hàng làm mát bằng nước	
Đường kính x Hành trình pít-tông	73 × 89,5 mm	
Dung tích	1498 cm^3	
Tỷ số nén	10,3: 1	
Bugi	NGK	DILKAR8P8SY

■ Nhiên liệu

Nhiên liệu: Loại	• Xăng không chì EURO V/5, mangan: tối đa 2 mg/Lít, chỉ số Octan 91 trở lên[*1] • Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên[*2]
Dung tích bình nhiên liệu	47 L

*1: Loại xe tại Pakistan
*2: Ngoại trừ loại xe tại Pakistan

■ Ắc-quy

Dung tích	48AH(5)/60AH(20)

■ Nước rửa kính

Dung tích bình chứa	1,5 L

■ Bóng đèn

Đèn chiếu sáng (Chiếu gần)	55W (H11)* LED*
Đèn chiếu sáng (Chiếu xa)	60W (HB3)* LED*
Đèn vị trí/đèn ban ngày	LED
Đèn xi nhan phía trước	21 W Màu hổ phách (WY21W)* LED*
Đèn xi nhan bên (trên gương cửa)	LED
Đèn phanh	LED
Đèn hậu	LED
Đèn xi nhan phía sau	21 W Màu hổ phách (WY21W)
Đèn lùi	16 W (W16W)
Đèn phanh cao	21W (W21W)* LED*
Đèn biển số sau	LED
Đèn trong xe	
Đèn đọc sách	LED
Đèn trần	LED
Đèn viền*	LED
Đèn chỗ để chân*	LED
Đèn gương cá nhân*	2 W
Đèn hộp đựng đồ trung tâm*	LED
Đèn hộc đựng đồ*	LED
Đèn cốp	5 W

■ Điều hòa không khí

Loại môi chất lạnh	HFC-134a (R-134a)
Khối lượng nạp	445 - 495 g*1 435 - 485 g*2

*1: Loại xe có vô lăng bên phải
*2: Loại xe có vô lăng bên trái

■ Dầu phanh

Chỉ định	Dầu phanh đạt chuẩn DOT 3 hoặc DOT 4

■ Dầu hộp số vô cấp

Chỉ định	Honda HCF-2	
Dung tích	Thay	2,7 L*1 3,5 L*2

*1: Loại xe tại Singapore và Pakistan có đèn chiếu sáng halogen
*2: Ngoại trừ loại xe tại Singapore và Pakistan có đèn chiếu sáng halogen

■ Dầu động cơ

Khuyến nghị	Loại xe tại Singapore Dầu động cơ Honda Genuine Motor Oil 0W-20 Dầu đạt API cấp SP hoặc cấp cao hơn hoặc ACEA C2/C3/C5 0W-20, 0W-30, 5W-30 Ngoại trừ loại xe tại Singapore Dầu động cơ Honda Genuine Motor Oil 0W-20, 0W-30, 5W-30 Dầu đạt API cấp SN hoặc cấp cao hơn hoặc ACEA A5/B5 0W-20, 0W-30, 5W-30	
Dung tích	Thay	3,2 L
	Thay cả lọc	3,5 L

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Nước làm mát động cơ

Chỉ định	Chất chống đông Honda Antifreeze/ Coolant Type2 dành cho mọi mùa
Tỷ lệ	50/50 với nước cất
Dung tích	5,71 L[*1] (thay cả 0,65 L còn lại trong bình chứa) 5,72 L[*2] (thay cả 0,65 L còn lại trong bình chứa) 5,83 L[*3] (thay cả 0,65 L còn lại trong bình chứa)

*1: Loại xe có vô lăng bên phải, ngoại trừ loại xe tại Singapore và Pakistan có đèn chiếu sáng halogen
*2: Loại xe có vô lăng bên trái
*3: Loại xe tại Singapore và Pakistan có đèn chiếu sáng halogen

■ Lốp xe

Thường	Kích thước	215/55R16 93H[*1] 215/50R17 91V[*2] 235/40ZR18 95Y[*3]
	Áp suất	Xem nhãn trên thanh dọc cửa người lái
Lốp dự phòng cỡ nhỏ[*]	Kích thước	T125/80D16 97M[*1, *2] T125/85D16 99M[*3]
	Áp suất	420 kPa (4,2 bar, 60 psi)
Dự phòng[*] (Lốp kích cỡ tiêu chuẩn)	Kích thước	215/55R16 93H[*1] 215/50R17 91V[*2]
	Áp suất	Giống lốp thông thường. Xem nhãn trên thanh dọc cửa người lái
Kích thước bánh xe	Thường	16X7J[*1] 17X7J[*2] 18X8J[*3]
	Lốp dự phòng cỡ nhỏ[*]	16X4T
	Dự phòng[*] (Lốp kích cỡ tiêu chuẩn)	16X7J[*1] 17X7J[*2]

*1: Loại xe có bánh xe 16 inch
*2: Loại xe có bánh xe 17 inch
*3: Loại xe có bánh xe 18 inch
Để biết thông tin kích cỡ và áp suất lốp, hãy xem nhãn trên thanh dọc cửa người lái.

■ Phanh

Loại	Trợ lực
Trước	Đĩa phanh thông gió
Sau	Đĩa phanh đặc
Đỗ xe	Hệ thống phanh đỗ điện

■ Kích thước xe

Chiều dài		4.681 mm[*1, *2, *3, *5] 4.687 mm[*4]
Chiều rộng		1.802 mm
Chiều cao		1.415 mm[*1, *2, *3, *5] 1.432 mm[*4]
Chiều dài cơ sở		2.733 mm[*1, *2] 2.735 mm[*3, *4, *5]
Vệt bánh xe	Trước	1.543 mm[*4] 1.547 mm[*5, *6, *8, *10] 1.537 mm[*7, *9, *11]
	Sau	1.569 mm[*4] 1.575 mm[*5, *8] 1.587 mm[*6, *10] 1.577 mm[*7, *11] 1.565 mm[*9]

*1: Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines
*2: Loại xe tại Malaysia
*3: Loại xe tại Việt Nam
*4: Loại xe tại Pakistan
*5: Loại xe tại Singapore
*6: Loại xe tại Malaysia có bánh xe 16 inch hoặc 17 inch
*7: Loại xe tại Malaysia có bánh xe 18 inch
*8: Loại xe tại Việt Nam có bánh xe 17 inch
*9: Loại xe tại Việt Nam có bánh xe 18 inch
*10: Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines có bánh xe 17 inch
*11: Loại xe tại Campuchia, Lào và Philippines có bánh xe 18 inch

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Số nhận dạng xe (VIN), Số máy và Số hộp số

Xe bạn có số nhận dạng (VIN) 17 ký tự được sử dụng để đăng ký xe nhằm mục đích bảo hành, cấp phép phương tiện và bảo hiểm. Vị trí của số VIN, số máy và số hộp số được minh họa như hình dưới đây.

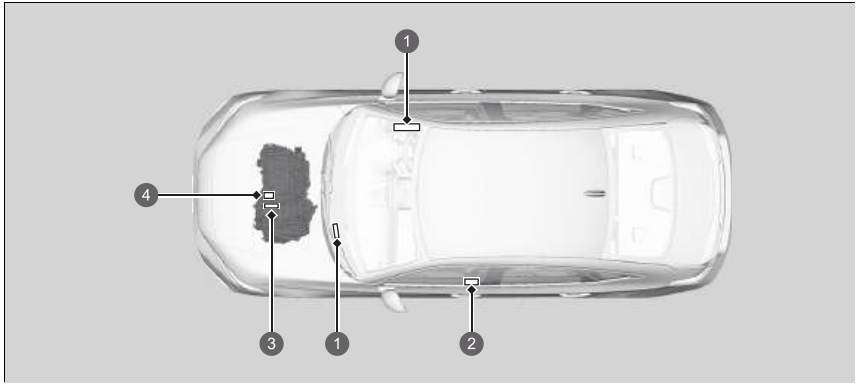

❶ Số nhận dạng xe*
❷ Nhãn chứng nhận*/Số nhận dạng xe*/Bảng chứng nhận*/Số khung*/Số máy*
❸ Số hộp số vô cấp
❹ Số máy

Số nhận dạng xe (VIN), Số máy và Số hộp số

Số nhận dạng xe (VIN) bên trong xe nằm ở bên dưới nắp che.

Loại xe có vô lăng bên phải

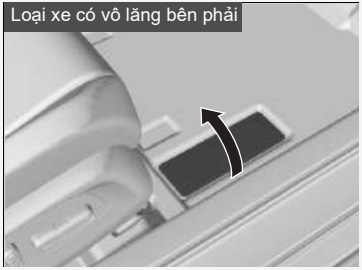

Loại xe có vô lăng bên trái



Nghiêm cấm việc che, sơn, hàn, cắt, đục lỗ, thay đổi hoặc tháo bỏ số VIN.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Thiết bị phát sóng vô tuyến*

Các thiết bị và hệ thống trên xe dưới đây sẽ phát ra sóng vô tuyến khi hoạt động.

Loại xe tại Philippines

Hệ thống mở cửa không chìa khóa	
BCM	FOB
Số ESD-RCE-2023291	Số ESD-RCE-2022596C
NTC Type Accepted	NTC Type Accepted

Loại xe tại Singapore

Hệ thống mở cửa không chìa khóa	
BCM	FOB
Complies with IMDA Standards DA01740A	Complies with IMDA Standards DA01740A

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe tại Antigua và Barbuda và Suriname

Hệ thống mở cửa không chìa khóa		
BCM	FOB	Khóa thẻ từ*
Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của Quy định FCC. Hoạt động của thiết bị phải đảm bảo hai điều kiện sau: (1) thiết bị này không gây ra nhiễu sóng có hại và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả loại nhiễu sóng có thể gây ra các hoạt động không mong muốn. Các thay đổi hoặc sửa đổi không được bên chịu trách nhiệm phê duyệt có thể khiến người dùng mất quyền sử dụng thiết bị đó.	Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của Quy định FCC. Hoạt động của thiết bị phải đảm bảo hai điều kiện sau: (1) thiết bị này không gây ra nhiễu sóng có hại và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả loại nhiễu sóng có thể gây ra các hoạt động không mong muốn. Các thay đổi hoặc sửa đổi không được bên chịu trách nhiệm phê duyệt có thể khiến người dùng mất quyền sử dụng thiết bị đó.	Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của Quy định FCC. Hoạt động của thiết bị phải đảm bảo hai điều kiện sau: (1) thiết bị này không gây ra nhiễu sóng có hại và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả loại nhiễu sóng có thể gây ra các hoạt động không mong muốn. Các thay đổi hoặc sửa đổi không được bên chịu trách nhiệm phê duyệt có thể khiến người dùng mất quyền sử dụng thiết bị đó.

Loại xe tại Việt Nam

Hệ thống mở cửa không chìa khóa		Bộ điều khiển viễn thông*
BCM	FOB	
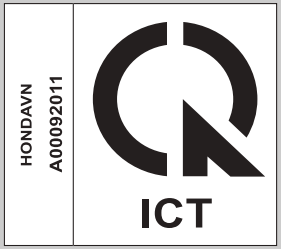	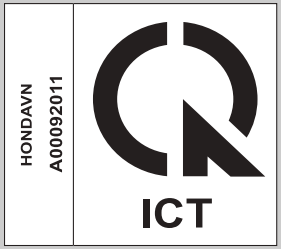	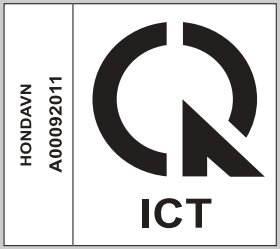

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe tại Việt Nam

Bộ sạc không dây*


Loại xe tại Jamaica

Hệ thống mở cửa không chìa khóa	
BCM	FOB
Sản phẩm này đã được Được Jamaica phê duyệt: SMA - “41580430” trên sản phẩm	Sản phẩm này đã được Được Jamaica phê duyệt: SMA - “TP_4 ” trên sản phẩm

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe tại Grand Caymania

Hệ thống mở cửa không chìa khóa
BCM

CE

Continental Automotive GmbH
Địa chỉ: Siemensstrasse 12
D-93055 Regensburg
Đức

Thiết bị tầm ngắn để điều khiển từ xa

- Băng tần: 125KHz

- Đầu ra truyền tối đa: 10mW

Honda Motor Europe Ltd - Văn phòng
Aalst

Wijngaardveld 1 (Noord V) 9300
Aalst - Bỉ



Continental

Vehicle Networking and Information (VNI)

Lavinia-Carolina Grecu
VNI CE HW EU2 TSR COE HDM
Phone: +40/374-35-5124
Fax: + 40 250 25-3061
Carolina.Grecu@continental-corporation.com

EU Declaration of Conformity in accordance with Directive 2014/53/EU

Date
16.07.2020

Manufacturer:
Address:
Continental Automotive GmbH
Siemensstrasse 12
D-93055 Regensburg
Germany

Product type designation:
4158430

Intended use:
Integrated Body Controller

The product mentioned above complies with the essential requirements and other relevant provisions of Directive 2014/53/EU, when used for its intended purpose:

Health and safety pursuant to Art. 3(1)(a):
Applied standard(s):
EN 62368-1:2014 + A11:2017
EN 62479:2010
EN 50663:2017

Electromagnetic compatibility pursuant to Art. 3(1)(b):
Applied standard:
EN 301 489-1 V2.2.3(2019-11)
Final draft EN 301 489-3 V2.1.1 (2017-03)

Efficient use of spectrum pursuant to Art. 3(2):
Applied standard(s):
EN 300 220 -1 V3.1.1
EN 300 220 -2 V3.1.1
EN 300 330 V2.1.1 (2017)

The following marking applies to the above mentioned product:

CE

Continental Automotive GmbH
Regensburg, 16.07.2020

Klaus Binder
Vice President Finance and Controlling
Vehicle Networking and Information

Norbert Moser
Senior Vice President Vehicle Networking and Information (VNI) Central Engineering (CE)

1/1

Loại xe tại Grand Caymania

Hệ thống mở cửa không chìa khóa
FOB

CE

Continental Automotive GmbH
Địa chỉ: Siemensstrasse 12
D-93055 Regensburg
Đức

Thiết bị tầm ngắn để điều khiển từ xa

- Băng tần: 433,92MHz

- Đầu ra truyền tối đa: 1 mW

Honda Motor Europe Ltd - Văn phòng
Aalst

Wijngaardveld 1 (Noord V) 9300
Aalst - Bỉ



Continental

Vehicle Networking and Information

Mona Petre-Bogdan
VNI CE HW EU2 T&R COE HOM
Phone: +40 374- 35-5511
*ax: +40 374- 35-0001
petre-bogdan.mona@continental-corporation.com

15.05.2020

EU Declaration of Conformity in accordance with Directive 2014/53/EU

Manufacturer: Continental Automotive GmbH
Address: Siemensstrasse 12
D-93055 Regensburg
Germany

Product type designation: TP_4

Intended use: Radio Frequency Transmitter used in vehicle locking/unlocking system

The product mentioned above complies with the essential requirements and other relevant provisions of Directive 2014/53/EU, when used for its intended purpose:

Health and safety pursuant to Art. 3(1)(a): *Applied standard(s):* EN 62368-1:2014+A11:2017, EN 62479:2010, EN 50663:2017

Electromagnetic compatibility pursuant to Art. 3(1)(b): *Applied standard(s):* DRAFT EN 301 489-1 V2.2.1(2019-03)

Efficient use of spectrum pursuant to Art. 3(2): *Applied standard(s):* EN 300 220 -1 V3.1.1, EN 300 220 -2 V3.1.1, EN 300 330 -V2.1.1 2017-02

The following marking applies to the above mentioned product: CE

Continental Automotive GmbH
Regensburg, 19.05.2020

Klaus Binder
Vice President Finance and Controlling
Central Engineering (CE)
Vehicle Networking and Information (VNI)

Norbert Müller
Senior Vice President
Central Engineering (CE)
Vehicle Networking and Information (VNI)

1.1

Giấy phép mã nguồn mở

■ Giấy phép mã nguồn mở cho đồng hồ đo

Phần mềm được nhúng trong sản phẩm này là phần mềm mã nguồn mở. Hãy truy cập trang web dưới đây để biết thông tin chi tiết về phần mềm mã nguồn mở.
https://www.nippon-seiki.co.jp/global/business_ic_meter/

■ Giấy phép mã nguồn mở TCU*

Loại xe tại Việt Nam

Xe này có Phần mềm mã nguồn mở/miễn phí (FOSS).
Hãy truy cập trang web dưới đây để biết thêm thông tin về giấy phép và/hoặc mã nguồn của FOSS.
https://www.denso.com/global/en/opensource/tcu/honda/

Loại xe tại Malaysia và Philippines

Để có được mã nguồn theo GPL, LGPL, MPL và các giấy phép mã nguồn mở khác để biết mã nguồn có trong xe này, và để biết tất cả các điều khoản cấp phép được tham chiếu, thông báo bản quyền và các tài liệu liên quan khác, vui lòng truy cập *https://opensource.lge.com*. LG Electronics cũng sẽ cung cấp mã nguồn mở cho bạn trên đĩa CD-ROM kèm theo một khoản phí (như chi phí phương tiện, vận chuyển và xử lý) theo email yêu cầu được gửi tới opensource@lge.com. Bất kỳ ai nhận được thông tin này trong thời hạn ba năm tính từ lần cuối giao xe này đều có thể thực hiện như trên.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

A

ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)..... 606
An toàn cho trẻ em..... 68
  Khóa an toàn trẻ em..... 191
Áp suất lốp..... 669, 740
Ắc-quy
  Bảo dưỡng (Kiểm tra ắc-quy)..... 675
  Bảo dưỡng (Thay thế)..... 678
  Đèn báo hệ thống nạp điện..... 99, 716
  Nếu ắc-quy hết điện..... 708
Ắc-quy hết điện..... 708

B

Bảng điều khiển..... 95
  Điều chỉnh độ sáng..... 219, 220
Bảng thông số kỹ thuật dầu bôi trơn..... 739
Bảo dưỡng..... 627
  An toàn..... 629
  Ắc-quy..... 675
  Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa..... 678
  Bổ sung nước làm mát..... 650
  Các lưu ý..... 628
  Dầu hộp số..... 653
  Dầu phanh..... 654
  Dầu..... 648
  Dưới nắp ca-pô..... 643
  Điều hòa không khí tự động..... 681
  Hệ thống giám sát dầu..... 631
  Lịch bảo dưỡng..... 638
  Lốp..... 669
  Nước làm mát..... 650
  Thay bóng đèn..... 656
  Vệ sinh..... 683
Bluetooth® Âm thanh..... 270, 335, 419
Bóng đèn halogen..... 656
Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa..... 186
Bộ sạc không dây..... 244
Bổ sung
  Dầu động cơ..... 649
  Nước làm mát..... 650
  Rửa kính..... 655
Bugi..... 738

C

Cài đặt đồng hồ..... 174
Cài đặt hồ sơ..... 437
Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình..... 123, 158
Cài đặt màn hình hiển thị..... 263, 320
Cài đặt..... 137
Cảm biến nhiệt độ..... 117, 253
Camera góc rộng phía trước..... 596
Camera lùi đa hướng..... 620
Cảnh báo áp suất dầu thấp..... 715
Cảnh báo..... 136, 171
Cần gạt nước gián đoạn tự động..... 217
Cần gạt nước và rửa kính..... 216
  Cần gạt nước gián đoạn tự động..... 217
  Kiểm tra và thay lưỡi gạt nước..... 667
Cần số..... 27
  Hoạt động..... 27
  Không gạt được cần số..... 711
  Nhả..... 711
Cập nhật hệ thống..... 321, 407
Cầu chì..... 721
  Kiểm tra và thay thế..... 730
  Vị Trí..... 722, 726
CMBS (Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm)..
.....536
Công tắc
  (Xung quanh vô lăng)..... 6, 7, 8, 203
Công tắc chế độ lái..... 514
Cổng USB..... 258
Cốp..... 193
  Bóng đèn..... 666, 739
  Không thể mở..... 735
  Nắp..... 193
Cờ-lê vặn đai ốc bánh xe (Tay kích)..... 698
Cửa kính (Mở và Đóng)..... 197
Cửa kính (Vệ sinh)..... 683, 687
Cửa kính điện..... 197
Cửa nạp nhiên liệu..... 30, 623
Cửa sổ trời..... 201
Cửa..... 176
  Chìa khóa..... 176
  Hệ thống chống khóa cửa..... 188
  Khóa cửa tự động..... 192

Khóa/Mở khóa cửa từ bên ngoài..... 180
Khóa/Mở khóa cửa từ bên trong 189
Mở khóa cửa tự động..... 192
Thông báo cửa và cốp mở 43
Chất phụ gia, dầu động cơ..... 646
Chế độ sang số tay 7 cấp 511
Chìa khóa..... 176
Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa..... 186
Cửa sau không mở..... 191
Chống khóa cửa 188
Thẻ mã số..... 178
Chiếu hậu trong xe..... 222, 223
Chọn hệ thống ghế an toàn trẻ em 74
Chống khóa cửa không chìa khóa 188
Chức năng tự động cụp gương cửa
Chức năng..... 225
Chức năng theo dõi mức độ tập trung của người lái..... 128, 163

D

Dầu (Động cơ) 646
Bổ sung 649
Cảnh báo áp suất dầu thấp 715
Dầu động cơ khuyên dùng 646
Độ nhớt..... 646
Kiểm tra 648
Dầu động cơ 646
Bổ sung 649
Cảnh báo áp suất dầu thấp 715
Dầu động cơ khuyên dùng 646
Kiểm tra..... 648
Dây đai an toàn (Ghế) 44
Dây đai an toàn..... 44
Bộ căng dây đai an toàn tự động 49
Đèn báo cảnh báo..... 47, 101
Điều chỉnh móc neo vai..... 52
Kiểm tra..... 54
Lắp đặt Hệ thống ghế an toàn cho trẻ em bằng Dây đai an toàn ngang hông/đeo chéo vai..... 86
Nhắc nhở 47
Phụ nữ mang thai..... 53
Thắt 50
Dụng cụ 692
Dung dịch
Dầu phanh..... 654
Hộp số vô cấp 653
Nước làm mát động cơ 650
Nước rửa kính chắn gió 655
Dừng động cơ khẩn cấp 707
Dừng..... 609
Đài (AM/FM) 410
Đài (FM/AM) 264, 325
Đài AM/FM..... 264, 325, 410
Đài AM/FM..... 264, 325, 410
Đạp hết ga 505
Đèn ban ngày 211
Đèn báo cảnh báo sáng/nhấp nháy..... 715
Đèn báo chiếu xa..... 105
Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp 720
Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động
Đèn báo 99
Đèn báo hệ thống nạp điện 99, 716
Đèn báo nhiên liệu thấp..... 102
Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (Màu đỏ) 98, 717, 718
Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (Màu hổ phách)..... 99, 718
Đèn báo sự cố 99, 716
Đèn báo thông báo hệ thống..... 106
Đèn báo vị trí số 100, 507, 509
Đèn báo xin vượt..... 209
Đèn báo..... 96
Cảnh báo hệ thống an ninh..... 108
Chế độ ECON..... 107, 513, 514
Chế độ NORMAL..... 107, 514
Chế độ SPORT..... 107, 514
Chiếu xa..... 105
Đèn báo M (chế độ sang số tay 7 cấp)/số 100
Đèn báo nhiệt độ thấp..... 107
Đèn báo sự cố 99
Đèn bật 105
Đèn pha thích ứng tự động..... 105
Đèn phanh và Hệ thống phanh (Màu đỏ)..... 98, 717, 718
Đèn phanh và Hệ thống phanh (Màu hổ phách)..... 99, 718
Giảm thiểu chệch làn đường (Màu hổ phách) 111
Giảm thiểu chệch làn đường (Màu xám) 111

Giữ phanh tự động 99, 603
Hệ thống bảo vệ phụ trợ 102
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp. 104
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) .. 102
Hệ thống chống nổ máy 108
Hệ thống giữ phanh tự động 99, 603
Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (Màu hổ phách) 110
Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (Màu trắng/Màu xanh lục)..... 110
Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) Hệ thống 103, 517
Hệ thống nạp điện 99
Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (Màu hổ phách) 110
Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (Màu xám) 110
Hệ thống trợ lực lái điện (EPS) 103
Hệ thống truyền động..... 100
Hỗ trợ an toàn 112
Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp có cài đặt khoảng cách 110
Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp..... 109, 558
Nhắc thắt dây đai an toàn 101
Nhiên liệu thấp 102
TẮT Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) 103, 518
TẮT tính năng Tự động hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường 111
Thông báo hệ thống..... 106
Vị trí số..... 100
Xi nhan và cảnh báo nguy hiểm..... 105
Đèn chiếu sáng..... 207
Đèn pha thích ứng tự động..... 213
Điều chỉnh 212
Hiệu chỉnh 656
Làm mờ..... 207
Vận hành..... 207
Đèn đọc sách..... 237
Đèn pha thích ứng tự động 213
Đèn báo 105
Đèn trong xe 236
Đèn 207, 656
Công tắc đèn..... 207
Đèn ban ngày..... 211
Đèn báo chiếu xa 105
Đèn báo đèn bật 105
Đèn pha thích ứng tự động..... 213
Đèn trong xe 236
Thay bóng đèn 656
Điện thoại 126
Điều chỉnh
Âm thanh..... 262, 319, 405
Đèn chiếu sáng 212
Đồng hồ 174
Ghế sau 230
Ghế trước 227
Gương 222
Tựa đầu 233
Tựa tay 235
Vô lăng 221
Điều chỉnh (và Phụ kiện)..... 689
Điều chỉnh cường độ sáng Vạch điều chỉnh 219, 220
Điều chỉnh độ sáng (Bảng điều khiển) 219, 220
Điều khiển âm thanh từ xa 261, 306, 393
Điều khiển 173
Định vị 127, 162
Độ nhớt (Dầu) 646, 739
Động cơ
Dầu 646
Khởi động 497
Nếu ắc-quy hết điện 708
Số máy 741
Đồng hồ đo hành trình 123, 158
Đồng hồ đo tốc độ động cơ..... 115
Đồng hồ đo tốc độ..... 115
Đồng hồ đo..... 115
Đồng hồ..... 174
Đồng hồ, đồng hồ đo..... 115

G

Gập ghế sau xuống..... 230
Ghế nâng (Dành cho trẻ em) 91
Ghế sau (Gập xuống)..... 230
Ghế trước..... 226

Điều chỉnh 227
Ghế 226
Điều chỉnh 226
Ghế sau 230
Ghế trước 226
Gương bên ngoài 224
Gương cá nhân 11
Gương cửa 224
Gương chiếu hậu 222, 223
Gương 222
Cửa 224
Điều chỉnh 222
Gương chiếu hậu trong xe 222, 223
Giấy phép mã nguồn mở TCU 747
Giấy phép mã nguồn mở 483
Giới hạn tải trọng 495
Giữ phanh tự động 603
Đèn báo 99, 603

H

Hạng mục tiện ích bên trong khác 243
Hạng mục tiện ích bên trong 236
Hành lý (Giới hạn tải trọng) 495
Hệ thống an ninh 195
Đèn báo cảnh báo hệ thống an ninh 108
Hệ thống âm thanh 256
Bảo vệ 259
Cách cập nhật bằng thiết bị USB 324
Cách cập nhật không dây 323, 408
Cách cập nhật 321
Cài đặt cập nhật hệ thống 322, 409
Cài đặt đồng hồ 316, 402
Cài đặt hình nền 317, 403
Cài đặt hồ sơ 437
Cài đặt màn hình hiển thị 263, 320, 406
Cập nhật hệ thống 321, 407
Cổng USB 258
Chọn nguồn âm thanh 315, 401
Chức năng hệ thống âm thanh 260, 304, 391
Chức năng phím tắt ứng dụng 310
Điều chỉnh âm thanh 262, 319, 405
Hạn chế khi vận hành bằng tay
Vận hành 290, 371, 457
iPod 266, 328, 413
Kết nối Wi-Fi 338, 422
Kích hoạt lại 259
Khởi động 303, 389
Mã an ninh 259
Màn hình âm thanh/thông tin 396
MP3/WMA/AAC 268, 331, 416, 476
Ổ USB flash 268, 331, 416, 476
Tích hợp Google 431
Tính năng tùy chỉnh 283, 351, 438
Thông báo lỗi 473
Thông tin chung 475
Thông tin người dùng 433
Ứng dụng Android AutoTM 279, 345, 427
Ứng dụng Apple CarPlay 423
Vận hành cơ bản 260, 304, 391
Vùng trạng thái 315, 400
Hệ thống bảo vệ phụ trợ (SRS) 58
Hệ thống cảm biến đỗ 611
Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang 616
Hệ thống cảnh báo xẹp lốp 520
Đèn báo 104, 720
Khởi tạo 521
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) 606
Đèn báo 102
Hệ thống chống khóa cửa 188
Hệ thống chống nổ máy 195
Đèn báo 108
Hệ thống điện thoại rảnh tay 288, 368
Cài đặt điện thoại 293, 375
Danh mục HFT 291, 372
Hạn chế khi vận hành thủ công 290, 371
Liên hệ yêu thích 298, 380
Màn hình cài đặt điện thoại 374
Màn hình trạng thái HFT 290, 370
Nút HFT 288, 368
Nhạc chuông 296, 379
Nhận cuộc gọi 301, 386
Tạo cuộc gọi 299, 384
Tùy chọn khi đang gọi 302, 387
Tự động chuyển cuộc gọi 296, 379
Tự động nhập danh bạ điện thoại và cuộc gọi gần đây 297, 378
Hệ thống điện thoại rảnh tay (HFT) 456
Cài đặt điện thoại 461
Danh mục HFT 458
Hạn chế khi vận hành thủ công 457
Liên hệ yêu thích 466
Màn hình trạng thái HFT 457

Nút HFT ... 456
Nhạc chuông ... 465
Nhận cuộc gọi ... 471
Tạo cuộc gọi ... 468
Tùy chọn khi đang gọi ... 472
Tự động chuyển cuộc gọi ... 465
Tự động nhập danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi ... 464
Hệ thống điều hòa không khí (Hệ thống điều hòa không khí tự động) ... 248
Cảm biến ... 253
Chế độ đồng bộ hóa ... 252
Chế độ tuần hoàn gió/Lấy gió ngoài ... 250
Làm tan sương kính chắn gió và Cửa kính ... 251
Lọc gió điều hoà ... 681
Sử dụng điều hòa không khí tự động ... 248
Thay đổi chế độ ... 248
Hệ thống điều hòa không khí tự động ... 248
Cảm biến ... 253
Chế độ đồng bộ hóa ... 252
Chế độ tuần hoàn gió/Lấy gió ngoài ... 250
Làm tan sương kính chắn gió và Cửa kính ... 251
Lọc gió điều hoà ... 681
Sử dụng điều hòa không khí tự động ... 248
Thay đổi chế độ ... 248
Hệ thống EPS (Trợ lực lái điện) ... 719
Hệ thống ghế ngồi trẻ em ... 68
Chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em ... 74
Ghế nâng ... 91
Hệ thống ghế ngồi trẻ em dành cho trẻ nhỏ ... 73
Hệ thống ghế ngồi trẻ em dành cho trẻ sơ sinh ... 71
Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ... 71
Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng dây đai an toàn ngang hông/đeo chéo vai ... 86
Sử dụng dây thắt ... 88
Trẻ lớn ... 90
Hệ thống giám sát dầu ... 631
Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường (Màu xám) ... 111
Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường ... 550
Bật và Tắt ... 553
Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) ... 577
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc ... 502
Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) ... 517
Đèn báo hệ thống ... 103
Đèn báo tắt ... 103
Nút OFF ... 518
Hệ thống màn hình giải trí ... 303
Hệ thống mở cửa không chìa khóa ... 180
Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (Màu xám) ... 110
Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) ... 536
Hệ thống phanh ... 599
Dầu ... 654
Đèn báo (Màu đỏ) ... 98, 717, 718
Đèn báo (Màu hổ phách) ... 99, 718
Giữ phanh tự động ... 603
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) ... 606
Hệ thống hỗ trợ phanh ... 607
Phanh chân ... 602
Phanh đỗ ... 599
Hệ thống rửa kính ... 216
Bổ sung/đổ đầy nước rửa kính ... 655
Công tắc ... 216
Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành ... 591
Hệ thống thông tin cảnh báo điểm mù ... 523
Hệ thống trợ lực lái điện (EPS)
Đèn báo ... 103, 719
HFT (Điện thoại rảnh tay) ... 288, 368, 456
Hiển thị nhiệt độ ngoài trời ... 117
Hình nền ... 317, 403
Honda Sensing ... 31, 533
Hỗ trợ an toàn ... 133, 168
Hỗ trợ xử lý nhanh ... 519
Hộc đựng đồ ... 238
Hộc giữ cốc ... 240
Hộp đựng đồ trung tâm ... 239
Hộp số vô cấp
Dầu ... 653
Đạp hết ga ... 505
Không gạt được cần số ... 711
Sang số ... 506, 508
Vận hành cần số ... 27, 507, 509
Xe chuyển động từ từ ... 505
Hộp số ... 505, 506, 508
Chế độ sang số tay 7 cấp ... 511
Dầu ... 653

Đạp hết ga 505
Đèn báo vị trí số 100, 507, 509
Không gạt được cần số 711
Số máy 741
Xe chuyển động từ từ 505

I

iPod 266, 328, 413, 475

K

Kéo rơ-moóc 496
Kéo xe của bạn
Khẩn cấp 733
Kéo xe khẩn cấp 733
Két nước 652
Kết nối Wi-Fi 338, 422
Kích nâng (Cờ-lê vặn đai ốc bánh xe) 697
Kích nổ 708
Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp 109, 557
Kiểm tra an toàn 43
Kính chắn gió 216
Cần gạt nước và rửa kính 216
Làm tan băng/tan sương 218, 251
Lưỡi gạt nước 667
Nước rửa kính 655
Vệ sinh 683, 687
Khí CO 93
Khóa cửa an toàn cho trẻ em 191
Khóa/mở khóa 176
Chìa khóa 176
Khóa an toàn trẻ em 191
Khóa/mở khóa cửa tự động 192
Sử dụng chìa khóa 187
Từ bên ngoài 180
Từ bên trong 189
Không có nội dung 135
Khởi động động cơ
Không khởi động 702
Nếu ắc-quy hết điện 708
Khởi động động cơ khẩn cấp 706

L

Lái xe an toàn 39
Lái xe 491
Hộp số vô cấp 505
Khởi động động cơ 497
Phanh 599
Vị trí sang số 506, 508
Làm mờ
Đèn chiếu sáng 207
Gương chiếu hậu 222, 223
Làm tan sương kính chắn gió và Cửa kính . 251
Lẫy sang số
(Chế độ sang số tay 7 cấp) 511
Lọc
Lọc gió điều hòa 681
Lọc gió điều hoà 681
Lốp dự phòng cỡ nhỏ 693
Lốp dự phòng 693
Lốp mòn 669
Lốp mùa đông 674
Xích bọc lốp 674
Lốp 669
Áp suất lốp 740
Đảo lốp 672
Kiểm tra và bảo dưỡng 669
Kiểm tra 669
Lốp dự phòng 693
Lốp mùa đông 674
Thủng/Xẹp lốp 693
Vạch báo độ mòn 670
Xích bọc lốp 674
Lưu ý khi lái xe 503

M

Màn hình âm thanh màu 260
Màn hình âm thanh/thông tin 309, 396
Màn hình giải trí 389
Màn hình giao diện thông tin cho người lái 119, 150, 153
Chuyển đổi màn hình hiển thị 119, 153
Mang theo hành lý 493, 495
Mặc định tất cả các cài đặt 287, 367, 455
Móc neo phía dưới 82
Móc neo vai 52
Móc treo áo 241
Mở khóa cửa 180
Mở/Đóng

Cốp 193
Cửa kính điện 197
Cửa sổ trời 201
Nắp ca-pô 644
MP3 ..... 268, 331

N

Nạp ắc-quy yếu điện 716
Nạp nhiên liệu 622
Đèn báo nhiên liệu thấp 102
Đồng hồ đo nhiên liệu 116
Xăng 622, 738
Nắp bình nhiên liệu 30, 623
Núm chọn (Âm thanh) 260
Nút cảnh báo nguy hiểm 6, 7
Nút ECON 513
Nút ENGINE START/STOP 203
Nút hệ thống sấy kính sau 218
Nút sấy gương cửa 218
Nước làm mát (Động cơ)
Bổ sung nước làm mát 650
Quá nhiệt 713
Nước làm mát động cơ
Bổ sung nước làm mát 650
Đồng hồ đo nhiệt độ 116
Quá nhiệt 713
Ngăn để đồ 238
Nguy hiểm do khí xả
(Khí carbon monoxide) 93
Nhãn an toàn 94
Nhãn cảnh báo 94
Nhãn chứng nhận 741
Nhiên liệu chỉ định 622, 738
Nhiên liệu 30, 622
Đèn báo nhiên liệu thấp 102
Đồng hồ đo 116
Khuyên dùng 622
Mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời 123, 158
Nạp nhiên liệu 622
Quãng đường 123, 158
Tiêu thụ nhiên liệu trung bình 123, 158
Tiêu thụ và lượng khí thải CO2 625
Nhiệt độ
Đồng hồ đo 116
Màn hình hiển thị nhiệt độ ngoài trời 117

O

Oát 739
Ổ cắm điện phụ kiện 243
Ổ USB flash 268, 331, 416, 476

P

Phanh chân 602
Phanh đỗ 599
Phát âm thanh Bluetooth® 270, 335, 419
Phụ kiện và điều chỉnh 689
Phụ nữ mang thai 53

Q

Quá nhiệt 713
Quan sát làn đường 527
Quãng đường 123, 158
Que thăm (Dầu động cơ) 648
Quy định 742

S

Sang số (Hộp số) 506, 508
Sấy kính 218
Siri Eyes Free 273
Số (Nhận dạng) 741
Số nhận dạng xe 741
Số nhận dạng 741
Số máy và Số hộp số 741
Số nhận dạng xe 741

T

Tích hợp Google 431
Tiết kiệm nhiên liệu và lượng khí thải CO2 625
Tiêu thụ nhiên liệu tức thời 123, 158
Tiêu thụ nhiên liệu trung bình 123, 158
Tín hiệu chìa khóa điều khiển từ xa yếu ... 179
Tín hiệu dừng khẩn cấp 608
Tính năng tùy chỉnh 137, 283, 351, 438
Tính năng 255
Tốc độ trung bình 126, 161
Túi khí bên 61
Túi khí rèm bên 64

Túi khí SRS (Túi khí) 58
Túi khí trước (SRS) 58
Túi khí 56
Cảm biến 56
Đèn báo 66, 102
Kiểm tra và thay thế túi khí 67
Sau va chạm 58
Túi khí bên 61
Túi khí rèm bên 64
Túi khí trước (SRS) 58
Thiết bị ghi dữ liệu sự kiện 1
Tựa đầu 233
Tựa tay 235
Thay bóng đèn 656
Thay bóng đèn 656
Đèn biển số sau 664
Đèn cốp 666
Đèn chiếu sáng 656
Đèn gương cá nhân 665
Đèn hậu và Đèn lùi 663
Đèn phanh cao 664
Đèn phanh, Đèn hậu, và Đèn xi nhan sau 660
Đèn vị trí/Đèn ban ngày 659
Đèn xi nhan bên/Đèn báo khẩn cấp
Đèn xi nhan trước 658
Đèn 659
Thay thế
Ắc-quy 678
Bóng đèn 656
Cao su lưỡi gạt nước 667
Cầu chì 721, 722, 726
Lốp 671, 693
Thẻ mã số chìa khóa 178
Thiết bị phát ra sóng vô tuyến 742
Thông báo an toàn 0
Thông số kỹ thuật bóng đèn 739
Thông số kỹ thuật 738
Thông tin người dùng 433
Thông tin pháp lý về Apple CarPlay/Android Auto 488
Thời gian (Cài đặt) 174
Thời gian xe chạy 126, 161
Thủng (Lốp) 693
Trọng tải tối đa cho phép 495, 738

U

Ứng dụng Android Auto™ 279, 345, 427
Ứng dụng Apple CarPlay 275, 339, 423

V

Vạch báo độ mòn (Lốp) 670
Vệ sinh nội thất 683
Vệ sinh ngoại thất 686
Vệ sinh ngoại thất 686
Vô lăng 221
Điều chỉnh 221
VSA (Hỗ trợ ổn định xe) 517

W

WMA 268, 331, 416, 476

X

Xăng 30, 622
Đèn báo nhiên liệu thấp 102
Đồng hồ đo 116
Mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời 123, 158
Nạp nhiên liệu 622
Tiêu thụ và lượng khí thải CO_2 625
Thông tin 622
Xe có động cơ tăng áp 626
Xẹp lốp 693
Xi nhan
Đèn báo (Bảng điều khiển) 105
Xử lý sự cố 691
Bàn đạp phanh rung 35
Cầu chì nổ 721, 722, 726
Còi báo vang lên khi mở cửa xe 36
Cửa sau không mở 36, 191
Đèn báo cảnh báo 96
Động cơ không khởi động 702
Kéo xe khẩn cấp 733
Không gạt được cần số 711
Ồn khi phanh 37
Quá nhiệt 713
Thủng/Xẹp lốp 693

CIVIC

HONDA

Hướng dẫn sử dụng

4FT20T20
00X4F-T20-T200

© 2026 Honda Motor CO., LTD.

Sản lượng.Năm in.Tháng in.27
PRINTED IN VIETNAM